

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ
LÃNH ĐẠO KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ (1945 - 1975)**

**HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN
LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ**

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ LÃNH ĐẠO KHÁNG
CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ (1945 - 1975)**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Hà Nội - 2003

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO

Cố vấn: MAI CHÍ THỌ - NGUYỄN VĂN CHÍ

Chủ tịch: PHẠM VĂN HY

Phó chủ tịch: PHAN VĂN TRANG – NGUYỄN THỐI BỪNG
LÊ THÀNH BA – NGUYỄN VĂN LUÔNG - LÂM HIẾU TRUNG

Ủy viên:

PHAN TRUNG KIÊN - Tư lệnh Quân Khu 7

LÊ HOÀNG QUÂN - Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai

TRẦN VĂN KHÁNH - Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu

NGUYỄN MINH ĐỨC - Bí thư Tỉnh ủy Bình Dương

NGUYỄN HỮU LUẬT - Bí thư Tỉnh ủy Bình Phước

HỒ THANH TUYẾN - Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh

LÊ THANH TÂM - Bí thư Tỉnh ủy Long An

LÊ QUANG THUNG - Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cao su Việt Nam

HUYỀN VIỆT THẮNG

- Nguyên Ủy viên Thường vụ Khu ủy miền Đông

CHIU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

BAN BIÊN SOẠN

Chủ biên: LÂM HIẾU TRUNG

Người viết: TS. HỒ SƠN ĐÀI (Mở đầu, Chương một, Chương ba)

TS. LÊ HỮU PHƯỚC (Chương hai)

TS. TRẦN TOẢN (Chương bốn)

TS. NGUYỄN ĐÌNH THỐNG (Chương năm)

VÕ TAM ANH (Chương sáu)

ThS. TRẦN QUANG TOẠI (Chương bảy)

NGUYỄN KHOA TRUNG (Chương tám)

LÂM HIẾU TRUNG (Kết luận)

Thư ký: NGUYỄN QUANG HỮU - NGUYỄN THỊ HỒNG

Hoàn chỉnh bản thảo: TS. HỒ SƠN ĐÀI - TS. NGUYỄN ĐÌNH THỐNG

ThS. TRẦN QUANG TOẠI

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, vùng đất miền Đông Nam bộ, bao gồm các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước và thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, có một vị trí chiến lược trọng yếu về chính trị, kinh tế, văn hóa và quân sự, là nơi đụng đầu quyết liệt giữa ta và địch. Nơi đây là đại bản doanh của quân viễn chinh xâm lược và là thủ phủ của các chế độ nguỵ quyền, đồng thời cũng là nơi có hệ thống căn cứ địa cách mạng của ta. Là một vùng đất giàu truyền thống cách mạng, ngay từ khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai, nhân dân miền Đông Nam bộ, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ đã cùng nhân dân cả nước đứng lên kháng chiến trường kỳ suốt chín năm, rồi tiếp nối 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, dũng cảm vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, hy sinh, lập nên nhiều chiến công vẻ vang góp phần to lớn vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc, giải phóng quê hương, thống nhất đất nước.

Truyền thống vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân miền Đông Nam bộ mãi là niềm tự hào, là tài sản vô giá, là nguồn động viên, là sức mạnh để các Đảng bộ và nhân dân miền Đông Nam bộ phấn đấu vươn lên hoàn thành nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, cùng cả nước xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội chủ nghĩa công bằng, dân chủ, văn minh. Nhằm ghi lại truyền thống đó và rút ra những bài học kinh nghiệm trong kháng chiến, để góp phần tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ tiếp theo, Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam bộ và Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia tổ chức biên soạn và xuất bản cuốn sách **LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ LÃNH ĐẠO KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ (1945 - 1975)**.

Cuốn sách là một công trình tổng kết được biên soạn rất công phu nhằm ghi lại quá trình xây dựng và phát triển của Đảng bộ miền Đông Nam bộ, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ với phong trào đấu tranh cách mạng của quân và dân các tỉnh miền Đông Nam bộ giai đoạn 1945 – 1975, một giai đoạn cực kỳ quan trọng và vẻ vang của lịch sử cách mạng nước nhà. Do các sự kiện lịch sử diễn ra trong điều kiện chiến tranh, tư liệu thành văn thiếu thốn, nhiều nhân chứng lịch sử đã qua đời, nên cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 4-2003

**NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**

LỜI NÓI ĐẦU

Miền Đông Nam bộ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ gồm địa bàn các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước và thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, là vùng đất giàu tiềm năng, trong đó có khu tứ giác thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu, là vùng kinh tế động lực ở phía Nam Tổ quốc, có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng ở Nam bộ.

Xưa kia vùng đất Mô Xoài, Bến Nghé, Đồng Nai, Gia Định là nơi các bậc tiền nhân sớm vào định cư, khai sơn phá thạch, dựng làng, lập ấp, đặt nền hành chính đầu tiên ở xứ Nam Kỳ với dinh Trấn Biên, dinh Phiên Trấn, mở mang bờ cõi đến sông Tiền, sông Hậu, Rạch Giá, Hà Tiên, trở thành thủ phủ của xứ Nam kỳ lục tỉnh với Gia Định phủ, Gia Định trấn, Gia Định thành.

Vốn có truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm, nhân dân miền Đông Nam bộ đã anh dũng khởi đầu cuộc thực dân Pháp ở Nam Bộ lập nên nhiều chiến công vẻ vang và phát triển thành phong trào cách mạng rộng lớn dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám 1945.

Ngay sau ngày giành được độc lập, nhân dân miền Đông Nam Bộ lại phải sớm đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược trở lại của thực dân Pháp, trường kỳ suốt 9 năm rồi tiếp nối 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Phát huy lợi thế của núi rừng hiểm trở, rừng sác bạt ngàn, sông rạch dọc ngang, Đảng bộ miền Đông đã xây dựng một hệ thống căn cứ địa cách mạng vững chắc, xây dựng và bảo vệ lực lượng, vừa là hậu phương tại chỗ, vừa là bàn đạp tấn công địch rất hiệu quả, không chỉ đối với phong trào cách mạng ở miền Đông mà còn góp phần đắc lực cho cả Nam bộ trong hai cuộc kháng chiến.

Rừng rậm, núi cao, sông sâu, dân thưa, lương thực thiếu, địch đánh phá ác liệt, bình định trọng điểm, tất cả các đạo quân tinh nhuệ, các thủ đoạn chiến tranh của bọn thực dân, đế quốc đều được đưa ra áp dụng và thực thi trọng điểm ở chiến trường này, sông, quân và dân miền Đông đã biến núi cao thành điểm tựa, rừng sâu thành chiến lũy, sông sâu thành thế trận, nhân dân thành nguồn lực vô tận của cách mạng, vượt qua mọi thử thách, gian lao, đánh bại mọi thủ đoạn chiến tranh, mọi sắc lính đánh thuê, mọi kẻ thù xâm lược.

Trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, quân và dân miền Đông đã vượt qua gian khổ, hy sinh, kiên cường và sáng tạo, nêu cao phẩm chất anh hùng cách mạng, phát huy thế tiến công, kết hợp ba mũi giáp công, ba vùng chiến lược, sáng tạo ra nhiều hình thức đấu tranh. Nhiều cách đánh độc đáo, từ du kích chiến đến vận động chiến, địa đạo chiến, đánh đặc công, đặc công thủy, kiên cường bám trụ, một tác không đi, một ly không rời, bám thắt lưng địch mà đánh, quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh, quân và dân miền Đông đã lập nên những chiến công hiển hách, góp phần tổ chức lớn vào thắng lợi của cách mạng, đặc biệt là trong những thời điểm lịch sử quan trọng, như Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1975... giành toàn thắng.

Nhằm góp phần làm sâu sắc, sinh động hơn sự lãnh đạo của Đảng ta trong hai cuộc kháng chiến vừa qua tại miền Đông Nam bộ, rút ra những bài học lịch sử để nghiên cứu, vận dụng vào điều kiện hiện nay, đồng thời thể theo nguyện vọng thiết tha của các cán bộ cách mạng lão thành đã tham gia lãnh đạo và chiến đấu trên chiến trường miền Đông qua hai cuộc chiến đấu, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã cho phép tổ chức nghiên cứu, biên soạn đề tài **LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ LÃNH ĐẠO KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ (1945 - 1975)**.

Trong quá trình nghiên cứu biên soạn, Hội đồng chỉ đạo đã nhận được sự giúp đỡ rất nhiệt tình của Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Tỉnh ủy, UBND cùng nhiều ban ngành các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, thành phố Hồ Chí Minh, Tổng cục Cao su, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Lưu trữ Bộ Quốc phòng, Trung tâm Lưu trữ Nhà nước II, V.14B Bộ Công an, và đặc biệt là sự giúp đỡ rất tận tình của các nhân chứng lịch sử, những đồng chí từng chiến đấu, công tác trên địa bàn miền Đông Nam bộ trong hai cuộc kháng chiến. Nhân dịp xuất bản cuốn sách **LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ LÃNH ĐẠO KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ (1945 - 1975)**, Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử miền Đông Nam bộ xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu của các địa phương, các đơn vị và các nhân chứng lịch sử.

Trong điều kiện tư liệu thất lạc nhiều trong chiến tranh, nhiều nhân chứng trực tiếp của các sự kiện lịch sử đã mất, công trình không tránh khỏi sơ sót, Hội đồng chỉ đạo rất mong nhận được ý kiến góp ý chân thành, xây dựng của các nhân chứng lịch sử và các nhà nghiên cứu để tiếp tục hoàn thiện trong lần tái bản.

Tháng 4 - 2003

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

MỞ ĐẦU

MIỀN ĐÔNG NAM BỘ VÀ TRUYỀN THỐNG ĐÁU TRANH CÁCH MẠNG TRƯỚC NGÀY NAM BỘ KHÁNG CHIẾN

I. MIỀN ĐÔNG NAM BỘ - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI

1. Địa lý tự nhiên

Miền Đông Nam bộ nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa cao nguyên miền Nam với đồng bằng sông Cửu Long, lưng dựa vào dải Trường Sơn và vùng rừng núi Nam Đông Dương, mặt hướng xuống đồng bằng và biển Đông.

Địa hình miền Đông Nam bộ tương đối bằng phẳng, có độ cao trung bình so với mặt nước biển chuyển dịch trong biên độ từ 20 đến 200m theo hướng từ tây nam lên đông bắc. Toàn bộ bề mặt địa hình Đông Nam bộ có thể chia thành 4 vùng chính, bao gồm đất đỏ bazan phía đông bắc (Bắc Bà Rịa, Long Khánh, Bình Long, Phước Long); vùng đất phù sa cổ thuộc khu vực trung du (các tỉnh Biên Hòa, Bình Dương, Tây Ninh); vùng đất phù sa mới gồm rẻo phía nam (tính lý các tỉnh Biên Hòa, Bình Dương hắt về phía biển); và vùng đồng bằng trũng thấp Đồng Tháp Mười.

Trên bề mặt địa hình tương đối bằng phẳng như đã nêu ở trên, núi ở miền Đông Nam bộ chỉ xuất hiện rải rác, đột xuất và phân bố hầu hết khắp các tỉnh Tây Ninh, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Phước, Đồng Nai. Cao nhất là núi Bà Đen (Tây Ninh, 986m) đến các núi Chứa Chan (Đồng Nai, 818m), Bà Rá (Bình Phước, 733m), Mây Tàu (Bà Rịa, 716m), Thị Vải (Bà Rịa, 446m)... Ngoài ra còn rất nhiều núi khác như núi Cậu, núi Lớn, núi Nhỏ, núi Nứa, Minh Đạm, Bửu Long, Châu Diên, Châu Thới, núi Ông Trịnh, núi Dinh, núi Thị...

Không kể vùng rừng tràm gió mặn đông bắc Đồng Tháp Mười, vùng đầm lầy tối trời ở hạ lưu sông Vàm Cỏ, rừng ở miền Đông Nam bộ chiếm một phần ba diện tích đất tự nhiên. Bao phủ hầu hết vùng bán bình nguyên phía bắc và phía đông bắc là những cánh rừng nguyên sinh với thảm thực vật và động vật đặc trưng của vùng Á nhiệt đới. Mạn đông nam Sài Gòn kéo về phía biển là khu rừng ngập mặn với diện tích chừng 600km² cộng sinh với hàng ngàn chủng loại thủy sản. Ngoài ra, ở miền

Đông Nam bộ còn có những trảng cây thấp như dầu, ngành ngành, le, khộp... và hàng ngàn héc ta rừng trồng - cao su - trái sầu khắp các tỉnh.

Bờ biển ở miền Đông Nam bộ có độ dài sát mép nước trên 130 km, gồm hai đoạn cao và thấp khác nhau. Lấy điểm phân định mũi bán đảo Bãi Trước (Vũng Tàu) hất về phía đông qua Long Điền, Đất Đỏ, Xuyên Mộc, bờ biển cao gồm những giồng, đụn, bãi cát trải dài. Phía ngược lại là đoạn trũng sinh lầy và vô số các cửa rạch ăn sâu vào Rừng Sác. Ngoài khơi xa là Côn Đảo, miền Đông Nam bộ đều bắt nguồn từ miền biên giới và cao nguyên phía bắc đổ xuôi về phía nam, đông nam, ra biển Đông. Có thể kể tên những con sông lớn như: sông Đồng Nai, sông La Ngà, sông Bé, sông Sài Gòn (với phụ lưu sông Thị Tính và đoạn cuối cùng của nó cùng với các sông Nhà Bè, Lòng Tàu, Ngã Bảy hợp thành một khu vực cửa ngõ đường thủy quan trọng nối Sài Gòn với biển Đông), sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây. Ngoài ra còn có những sông, kênh rạch lớn như sông Thị Vải, sông Dinh, sông Ray, rạch Thị Nghè, kênh Bến Nghé, sông Bến Cát, sông Chợ Đệm...

Ngoài thành phố Hồ Chí Minh, miền Đông Nam bộ còn có các đô thị quan trọng như: Biên Hòa, Vũng Tàu. Từ trung tâm thành phố Hồ Chí Minh, tỏa đi khắp nơi có các tuyến đường sắt Sài Gòn - Hà Nội, Sài Gòn - Lộc Ninh, Sài Gòn - Mỹ Tho và các quốc lộ quan trọng (1, 13, 14, 15, 16 Đông Dương nay là Quốc lộ 1, 20, 22, 27, 51). Ngoài ra, còn có hàng chục liên tỉnh lộ, hàng trăm tỉnh lộ và hương lộ khác chạy dọc, ngang, đan kín trong lòng miền Đông Nam bộ.

Có ba tỉnh miền Đông Nam bộ (Tây Ninh, Bình Phước, Long An) giáp với vương quốc Campuchia. Khu vực đường biên giới bằng phẳng, có đường giao thông thủy, bộ thuận tiện. Xuyên suốt nhiều thế kỷ trong lịch sử, nhân dân hai nước vùng giáp biên có tập quán thường xuyên qua lại buôn bán làm ăn và có truyền thống đoàn kết đấu tranh chống phong kiến áp bức và chống đế quốc thực dân xâm lược.

Miền Đông Nam bộ nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, với hai vùng khí hậu tương đối khác nhau: nửa phía bắc, đông bắc thành phố Hồ Chí Minh lên đến dãy Trường Sơn và biên giới Campuchia (thuộc các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh) và khu vực thành phố Hồ Chí Minh với nửa phía nam giáp biển, đồng bằng sông Cửu Long (thuộc các tỉnh Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu). Hai vùng khí hậu chênh lệch nhau về chỉ số khí hậu: lượng mưa, nhiệt độ và độ ẩm trung bình hàng năm...

2. Cư dân ở miền Đông Nam bộ và truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm trong lịch sử.

Cộng đồng cư dân miền Đông Nam bộ có xuất xứ từ hai nguồn chủ yếu là: Cư dân bản địa và lưu dân từ phía Bắc.

Trước khi lưu dân Việt đến khai hoang lập ấp, nơi đây đồng bào các dân tộc S'tiêng, Ch'ro và Ch'mạ đã cùng nhau định cư trong nhiều thế kỷ. Từ cuối thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVII, lưu dân Việt từ Đàng Ngoài, vì nhiều lý do đã lần lượt tới khai phá, làm chủ đất đai cả vùng Sài Gòn và lưu vực sông Đồng Nai. Ngoài ra, có một bộ phận người Hoa chạy vào Đàng Trong để thoát khỏi áp bức của triều đình Mãn Thanh, tự nguyện gia nhập cộng đồng cư dân nước Việt. Sang đầu thế kỷ XX, cùng với quá trình tư bản, thực dân Pháp mở rộng đầu tư khai thác ngành kinh tế cao su ở Đông Dương, hàng vạn nông dân ở Bắc, Trung kỳ bị lừa phỉnh đã lũ lượt kéo nhau vào Nam kỳ ký giao kèo làm phu cao su và định cư luôn ở miền Đông Nam bộ. Quá trình bổ sung vào cộng đồng cư dân ở miền Đông Nam bộ còn diễn ra tiếp tục vào thời kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, với hàng trăm ngàn đồng bào tín đồ Thiên Chúa giáo bị chính quyền Diệm ép di cư vào Nam và hàng trăm ngàn cán bộ chiến sĩ từ miền Bắc vào Nam chiến đấu, công tác, lấy miền Đông Nam bộ làm quê mới.

Cư dân ở miền Đông Nam bộ có nhiều thành phần dân tộc khác nhau. Người Việt (Kinh) chiếm 80%, chủ yếu là nông dân, định cư ở các đô thị, miền đồng bằng, dọc biển và hai bên bờ các con sông lớn; công nhân tập trung ở hai khu vực chính: khu kỹ nghệ, khuân vác ở Sài Gòn, Biên Hòa và các đồn điền cao su. Đồng bào các dân tộc thiểu số S'tiêng, Ch'ro và Mạ, M'nông, Chăm, Hoa, Khome cư trú ở hầu khắp các vùng đất trù phú ở miền Đông Nam bộ. Người S'tiêng ở Bình Long, Phước Long. Người Hoa ở Chợ Lớn (chiếm 75%) và các đô thị, đồng bằng. Người Khome ở Tây Ninh, Long An, Gia Định, Bình Dương, Bình Phước.

Có nhiều tôn giáo trong cộng đồng miền Đông Nam bộ: đạo Phật, đạo Kitô, đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo.... Đông nhất và phân bố hầu hết ở các địa phương là đạo Phật. Đạo Kitô (có hai giáo hội chính: Thiên Chúa giáo và Tin Lành) với địa phận chính ở Bà Rịa, Biên Hòa, Bình Dương, Sài Gòn. Đạo Cao Đài (Đại đạo tam kỳ phổ độ) có thánh địa ở Tây Ninh và nhiều tín đồ ở Tây Ninh, Gia Định, Chợ Lớn, Long An, Bình Dương. Đạo Hòa Hảo thịnh hành ở miền Tây Nam Bộ, một ít tín đồ ở Long An...

Miền Đông Nam bộ là quê hương của cộng đồng cư dân có nguồn gốc từ nhiều địa phương khác nhau trên cả nước tụ về. Công cuộc khẩn hoang, làm chủ thiên nhiên và đấu tranh chống áp bức bóc lột, chống ngoại xâm và đã có kết họ thành một khối đoàn kết, gắn bó. Quá trình đấu tranh để tồn tại và phát triển trong điều kiện lịch sử mới đã hình thành ở họ, ngoài những phẩm chất mang tính cách dân tộc Việt Nam, còn là những nét dễ thấy. Đó là ý chí khảng khái và năng động trước mọi cản trở của

mọi hoàn cảnh; tinh thần tự lực tự cường tương thân tương ái; thái độ bộc trực và lối ứng xử hào hiệp, không chuộng hình thức; “trọng nghĩa khinh tài”. Những nét riêng ấy cũng bắt nguồn từ tính cách chung của dân tộc, hoà trộn làm nên bản sắc cộng đồng dân tộc Việt Nam.

*

* *

Từ thế kỷ XVIII, nhân dân ba tỉnh miền Đông Nam kỳ đã nhiều lần tham gia các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Xiêm. Khi thực dân Pháp nổ súng ở cửa biển Cần Giờ tháng 2 - 1859, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã phải đối đầu với sự kháng cự của “sĩ phu và dân chúng liêu minh đứng lên, kháng khái chịu chết không kể xiết được”.

Cùng với sự đấu tranh trên mặt trận văn hóa, tư tưởng của các sĩ phu yêu nước như Hồ Huân Nghiệp, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Thông, Phan Văn Trị... là các cuộc khởi nghĩa vũ trang liên tục và rộng khắp. Đó là các cuộc khởi nghĩa với sự tham gia của đông đảo nhân dân: Nguyễn Trung Trực ở Long An, Đồng Tháp Mười; Trương Định - Trương Quyền ở Gò Công, Gia Định, Chợ Lớn, Tân An, Biên Hòa, Tây Ninh; Nguyễn Hữu Huân (Thủ Khoa Huân), Thiên hộ Võ Duy Dương, Nguyễn Tấn Kiều (Đốc binh Kiều) ở Đồng Tháp Mười; Phan Công Hớn ở Hóc Môn, Bà Điểm - Mười tám thôn Vườn Trầu...

Sang thế kỷ XX, phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp tiếp tục phát triển lan rộng. Đó là cuộc khởi nghĩa đồng bào dân tộc thiểu số do Nơ Trang Long lãnh đạo ở Bình Phước, Tây Nguyên; cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Trí ở Chợ Lớn, phong trào “Hội kín Nam kỳ” ở Sài Gòn và các tỉnh.

Mặc dù các cuộc khởi nghĩa vũ trang, cuối cùng đều bị thất bại, nhưng phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã tạo tiền đề quan trọng, để trên cơ sở đó, cùng với phong trào công nhân và sự truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, hình thành ở Đông Nam bộ nói riêng và cả nước ta nói chung một tổ chức chính trị - Đảng Cộng sản - đủ sức gánh vác sứ mạng lãnh đạo cách mạng Việt Nam tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến tới thành công.

3. Tổ chức địa lý và hành chính quân sự

Miền Đông Nam bộ là cụm từ chỉ địa bàn các tỉnh nằm trên nửa đất của Nam bộ, vùng phía đông.

Trong thời kỳ 1945 – 1975, tùy vào yêu cầu quản trị phục vụ cho mục đích xâm lược và chống xâm lược mà cả địch và ta đều có sự thay đổi về tổ chức địa lý và hành chính.

Nhìn chung giai đoạn 1945 – 1975, thực dân Pháp và chế độ bù nhìn tay sai giữ nguyên ở miền Đông Nam bộ tổ chức địa lý hành chính giống như thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám, bao gồm thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn và các tỉnh Bà Rịa (Vũng Tàu - Cap St.Jaqué được tách ra thành một thị xã thuộc chính quyền trung ương), Biên Hòa, Chợ Lớn, Gia Định, Thủ Dầu Một, Tây Ninh và Tân An¹ (1. Nguyễn Đình Đầu: Tổng kết nghiên cứu địa bàn Nam kỳ lục tỉnh, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr.107, 114, 179).

STT	Tỉnh	Diện tích (km ²)	Dân số			
			1930	1945	1953	1955
1	TX. Vũng Tàu	615	7.000	8.7000	11.263	29.390
2	Bà Rịa	2.215	58.000	65.500	20.074	64.700
3	Biên Hòa	11.045	166.000	202.000	78.081	246.700
4	Chợ Lớn	1.235	219.000	279.300	263.970	263.000
5	Gia Định	1.228	314.000	363.400	297.037	550.700
6	Thủ Dầu Một	4.723	177.000	146.600	118.769	214.500
7	Tây Ninh	4.801	119.000	229.600	53.195	200.000
8	Tân An	3.678	138.000	158.600	90.646	171.800
	Tổng cộng:	29.541	1.198.000	1.551.700	933.008	1.740.790

(Ở đây chưa tính Côn Đảo. Riêng năm 1953, theo chúng tôi, chỉ là tính dân số ở vùng địch tạm chiếm, nơi Pháp và Ngụy quyền Sài Gòn kiểm soát và thống kê được. Theo “Báo cáo tổng thuế nông nghiệp năm 1953” của Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh Bà - Chợ, dân số trên 60.000 người)

Với chính quyền cách mạng, sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, chúng ta giữ nguyên tổ chức địa lý hành chính như trên. Đến tháng 5-1951, thực hiện chủ trương của Trung ương Cục miền Nam về việc sáp nhập những tỉnh gần nhau có cùng đặc điểm về địa lý nhằm thuận tiện cho việc quản lý và tổ chức kháng chiến, chống chính sách vây cắt của địch, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam bộ ra quyết định thành lập các tỉnh mới trên cơ sở sát nhập hai hoặc ba tỉnh cũ lại. Theo đó, ta có các tỉnh mới: Gia Ninh (gồm các tỉnh cũ Gia Định, Tây Ninh và các huyện Đức Hòa, Trung Huyện, khu Đông Thành thuộc tỉnh Chợ Lớn); Thủ Biên (gồm các tỉnh cũ Thủ Dầu Một, Biên Hòa, và huyện Thủ Đức thuộc tỉnh Gia Định); Mỹ Tho (gồm các tỉnh cũ Mỹ Tho, Tân An, Gò Công); Long Châu Sa (gồm tỉnh Sa Đéc cũ và phần Châu Đốc, Long Xuyên mạn tả ngạn sông Hậu).

Sang giai đoạn 1954 – 1975, đế quốc Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn lập thêm nhiều tỉnh mới trên cơ sở chia nhỏ các tỉnh cũ để dễ bề quản lý, kiểm soát chống sự tiến công của lực lượng kháng chiến. Không kể những tỉnh mới được thành lập, sau đó ít lâu buộc phải để như Phước Thành (1959 - 1965), tính đến năm 1970, thời điểm địch mở rộng phạm vi kiểm soát cao nhất sau sự kiện Tết Mậu Thân, ở miền Đông Nam bộ, địch tổ chức thành các tỉnh sau đây.

STT	Tỉnh	Diện tích (km ²)	Dân số 1968	Dân số 1970	Tỉnh lỵ
1	Gia Định	1.445	1.095.481	1.262.738	Gia Định
2	Vũng Tàu	67	70.039	86.012	Vũng Tàu
3	Phước Tuy	2.203	103.723	118.039	Phước Tuy
4	Biên Hòa	4.407	379.039	469.114	Biên Hòa
5	Long Khánh	4.464	147.156	156.390	Xuân Lộc
6	Bình Dương	2.033	231.867	254.088	Phú Cường
7	Bình Long	2.343	73.439	71.137	An Lộc
8	Phước Long	5.299	46.061	45.797	Phước Bình
9	Hậu Nghĩa	1.285	205.257	206.047	Khiêm Cường

10	Tây Ninh	3.925	285.107	363.980	Tây Ninh
11	Kiến Tường	2.499	39.852	45.210	Mộc Hóa
12	Long An	1.639	333.498	368.452	Tân An
13	Côn Sơn	67	3.147	3.430	Côn Sơn
	Tổng cộng	29.676	3.013.936	3.450.434	

Về phía ta, chính quyền cách mạng về cơ bản giữ nguyên tổ chức địa lý hành chính do địch thiết lập. Ngoại trừ ba trường hợp: thành lập tỉnh Phước Thành (gồm các huyện: Tân Uyên, Phú Giáo từ năm 1959 đến năm 1965); thành lập tỉnh Bình Phước (sáp nhập hai tỉnh cũ Bình Long, Phước Long từ năm 1973 đến năm 1975); thành lập tỉnh mới Tân Phú (gồm các huyện Tân Uyên, Phú Giáo và Độc Lập từ 1973 đến năm 1975).

*

* *

Trên cơ sở địa lý hành chính nêu trên, trong quá trình tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến, Xứ ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ (trong quá trình kháng chiến chống Pháp), Trung ương Cục, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (trong kháng chiến chống Mỹ) thành lập các lãnh thổ quân sự theo lãnh thổ, gọi là khu hoặc phân liên khu, quân khu, liên khu. Theo đó, trên địa bàn miền Đông Nam bộ, có nhiều tổ chức quân sự lãnh thổ và các tổ chức này liên tục thay đổi tùy vào từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp:

Ngày 10-12-1945, thành lập Khu 7 (bao gồm thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn và các tỉnh Bà Rịa, Biên Hoà, Chợ Lớn, Gia Định, Thủ Dầu Một và Tây Ninh). Tỉnh Tân An thuộc quân Khu 8.

- Tháng 3-1948, Khu 7 chia thành 4 phân khu gồm phân khu Duyên Hải, phân khu Biên Giới, phân khu Cao su và phân khu đặc biệt Sài Gòn - Chợ Lớn.

- Tháng 12-1948, giải thể 4 phân khu kể trên, thành lập khu Sài Gòn - Chợ Lớn (gồm các tỉnh Sài Gòn - Chợ Lớn, các tỉnh Gia Định, Chợ Lớn và một phần Trảng

Bàng thuộc Tây Ninh). Khu 7 chỉ còn các tỉnh Bà Rịa, Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Tây Ninh. Tỉnh Tân An vẫn thuộc Khu 8.

- Tháng 5-1950, khu Sài Gòn - Chợ Lớn nhập trở lại Khu 7. Khu 7 gồm các tỉnh, thành như hồi mới thành lập ngày 10-12-1945.

- Tháng 8-1950 thành lập đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn (gồm thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn và một phần đất ven đô thuộc các huyện ngoại thành). Khu 7 còn lại các tỉnh Bà Rịa, Biên Hoà, Chợ Lớn, Gia Định, Thủ Dầu Một và Tây Ninh). Tân An thuộc quân Khu 8.

- Tháng 5-1951 thành lập Phân liên khu miền Đông (gồm các tỉnh mới: Bà - Chợ, Gia Ninh, Thủ Biên, Mỹ Tân Gò, Long Châu Sa). Đặc Khu Sài Gòn - Chợ Lớn vẫn giữ nguyên và trực thuộc Trung ương Cục miền Nam và Bộ Tư lệnh Nam bộ. Cả hai tổ chức này tồn tại đến tháng 8-1954.

Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ:

- Năm 1961, trên chiến trường miền Đông Nam bộ, thành lập hai khu: Khu 7 và Khu Sài Gòn - Gia Định. Khu 7 (Khu miền Đông, Khu 1, T1) bao gồm các tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Phước Thành, Phước Long và Tây Ninh. Khu Sài Gòn - Gia Định (Khu 4, T4) bao gồm thành phố Sài Gòn và các huyện ngoại thành: Bình Tân, Nhà Bè, Thủ Đức, Dĩ An, Củ Chi, tỉnh Tân An chia làm hai tỉnh (Kiến Tường và Long An) thuộc Khu 8.

- Tháng 2-1962, thành lập Khu 10 (T10) gồm các tỉnh Phước Long, Bình Long (tách khỏi Quân khu 7) và các tỉnh Quảng Đức, Lâm Đồng (tách từ Quân khu 6). Cuối năm 1962, giải thể Khu 10 (tỉnh Bình Long về Khu miền Đông), các tỉnh còn lại về Khu 6.

- Cuối năm 1966 Khu 10 thành lập lại, gồm ba tỉnh: Phước Long, Bình Long và Quảng Đức.

- Tháng 10-1967, chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân, các khu được giải thể để thành lập các phân khu hình thành 5 cánh trên 5 hướng tấn công vào thành phố Sài Gòn. Phân khu 1 (hướng tây bắc) gồm các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Gò Vấp (Gia Định, Bến Cát, Dầu Tiếng (Bình Dương), Trảng Bàng (Tây Ninh). Phân khu 2 (hướng tây) gồm : Tân Bình, bắc Bình Chánh, các quận 3, 5, 6 (Sài Gòn) và các huyện Đức Hoà, Đức Huệ, Bến Thủ (Long An). Phân khu 3 (hướng nam) gồm Nhà Bè, nam Bình Chánh, các quận 2, 4, 7, 8 (thuộc Sài Gòn) và các huyện Châu Thành, Tân Trụ, Cần Đức, Cần Giuộc (Long An). Phân khu 4 (hướng đông) gồm các quận 1,

9, 10 (Sài Gòn), Thủ Đức, Cần Giờ (Gia Định), Long Thành, Nhơn Trạch, huyện cao su Bình Sơn (Biên Hoà). Phân khu 5 (hướng bắc) gồm Phú Nhuận, Bắc Thủ Đức (Sài Gòn) và các huyện Tân Uyên, Độc Lập (Biên Hoà), Phú Giáo, Lái Thiêu, Dĩ An, Châu Thành, thị xã Thủ Dầu Một (Thủ Dầu Một). Phân khu 6 (trung tâm) gồm vùng nội đô Sài Gòn. Ngoài 6 phân khu nói trên, các tỉnh Bà Rịa, Biên Hoà (U1), Tây Ninh và Khu 10 được giữ nguyên, trực thuộc bộ Chỉ huy Miền và Trung ương Cục miền Nam.

- Tháng 3-1968, Khu 7 được thành lập lại (T7), bao gồm địa bàn phân khu 4, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh và U1 (thị xã Biên Hoà, Vĩnh Cửu, Trảng Bom).

- Tháng 5-1970, thành lập phân khu 23 Long An bao gồm địa bàn phân khu 2 và phân khu 3 cũ.

- Ngày 30-1-1971, giải thể Khu 10 một lần nữa, thành lập Phân khu Bình Phước gồm các tỉnh Bình Long, Bình Phước (tỉnh Quảng Đức tách ra, nhập về tỉnh Đắc Lắc và Lâm Đồng).

- Tháng 4-1971, lại giải thể Khu 7 (T7) và hình thành hai phân khu mới: phân khu Bà Biên (gồm Bà Rịa - Long Khánh và phân khu 4) và phân khu Thủ Biên (gồm Biên Hoà và phân khu 5 sau khi trả hết các quận nội thành Sài Gòn cho (T4).

- Năm 1972, giải thể các tổ chức nói trên để khôi phục lại Khu 7 (Khu miền Đông) và Khu Sài Gòn - Gia Định. Khu miền Đông lúc này gồm các tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, Bình Dương, Tây Ninh, Biên Hoà, Bình Phước. Khu Sài Gòn - Gia Định gồm khu vực nội thành Sài Gòn - Chợ Lớn và các quận, huyện vùng ven: Củ Chi, Nhà Bè, Bình Chánh, Tân Bình, Gò Vấp, Hóc Môn, Thủ Đức. Các tỉnh Long An, Kiến Tường sáp nhập trở lại Khu 8.

- Năm 1974, tách khu miền Đông Nam bộ thống nhất tên gọi Quân khu 7. Đầu năm 1975, tỉnh Tây Ninh và tỉnh Bình Phước tách khỏi Khu 7, trực thuộc Trung ương Cục miền Nam và Bộ Chỉ huy Miền. Các tổ chức này tồn tại đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

*

* *

Miền Đông Nam bộ, có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá xã hội và giao lưu quốc tế.

Trong thời kỳ 1945-1975, đối với thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nơi đây luôn là địa bàn mang ý nghĩa sống còn của cuộc chiến tranh xâm lược. Trong đó tập trung nhiều tiềm lực kinh tế, hải cảng, sân bay và hệ thống giao thông thủy bộ quan trọng.

Đặc biệt nằm ở giữa địa bàn miền Đông Nam bộ, thành phố Sài Gòn là đại bản doanh của quân viễn chinh xâm lược; là thủ phủ, trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá của chế độ nguy quyền; nơi phát ra và chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chiến lược, các kế hoạch, biện pháp và thủ đoạn chiến tranh; nơi bố trí phần lớn lực lượng quân sự với những đơn vị cơ động sừng sỏ và hệ thống kho tàng dự trữ vật chất kỹ thuật nuôi sống guồng máy cuộc chiến tranh xâm lược.

Đối với ta, miền Đông Nam bộ có ba vùng chiến lược hoàn chỉnh (đô thị, nông thôn đồng bằng, nông thôn rừng núi), có hải cảng và bờ biển, có đường biên giới. Là nơi tập trung với tỷ lệ cao công nhân công nghiệp, công nhân các đồn điền cao su, đồng bào các dân tộc thiểu số; nơi hội tụ truyền thống dân tộc và bản lĩnh của những người tiên phong mở đất, có tinh thần đấu tranh kiên cường trong công cuộc chinh phục thiên nhiên và chống ngoại xâm. Là địa bàn thể hiện sự vận dụng đầy đủ đường lối quân sự, chính trị của Đảng ta về tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện; địa bàn có điều kiện biểu hiện một cách trực tiếp truyền thống đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù của hai dân tộc Việt Nam - Campuchia, Sài Gòn - miền Đông Nam bộ là nơi mở đầu và kết thúc cuộc kháng chiến chống xâm lược thời kỳ 1945-1975.

II. CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA THÀNH CÔNG

1. Sự ra đời của các tổ chức Cộng sản ở miền Đông Nam bộ

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, ở miền Đông Nam bộ nói riêng và cả nước nói chung diễn ra sự biến đổi sâu sắc về chính trị, văn hoá, xã hội. Cùng với một số lực lượng xã hội khác, giai cấp công nhân ở Sài Gòn và một số tỉnh miền Đông Nam bộ ra đời. Đặc biệt, từ sau cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp triển khai cuộc khai thác thuộc địa lần thứ 2 với sự ra đời hàng loạt các đồn điền cao su ở miền Đông Nam bộ, lực lượng công nhân ở đây phát triển nhanh chưa từng thấy.

Dưới chế độ trực trị của thực dân Pháp, phong trào đấu tranh dân tộc, dân chủ, dân sinh của các tầng lớp nhân dân ở Sài Gòn và miền Đông Nam bộ phát triển mạnh mẽ. Công nhân, nông dân, trí thức và các lực lượng yêu nước khác, từ trong thực tiễn của phong trào đấu tranh ấy, ngày càng xích lại gần nhau, thống nhất với nhau về quyền lợi và mục tiêu tranh đấu. Trong đó, giai cấp công nhân với tư cách là những người vô sản, đang ngày càng trở thành lực lượng trung tâm cùng với nông dân

giương cao ngọn cờ dân sinh, dân chủ và độc lập dân tộc. Năm 1920, Tôn Đức Thắng, người kéo lá cờ phản chiến trên chiến hạm đội Bắc Hải đã thành lập tổ chức Công hội bí mật tại Sài Gòn. Công hội bí mật nhanh chóng phát triển, khắp hăng, xưởng, xí nghiệp, đồn điền, trở thành tổ chức chính trị lãnh đạo phong trào công nhân trong những năm của thập niên hai mươi.

Năm 1911, tại Bến Nhà Rồng - Sài Gòn, người thanh niên Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, Người - với tên Nguyễn Ái Quốc rút ra kết luận: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”. Từ đây, bằng nhiều con đường và nhiều hình thức khác nhau, chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào Sài Gòn và các tỉnh miền Đông Nam bộ.

Quá trình tiếp thu, chủ nghĩa Mác - Lênin đã làm cho công nhân ý thức rõ vai trò lịch sử của mình đối với giai cấp và dân tộc. Yêu cầu khách quan đặt ra là giai cấp công nhân Việt Nam cần có chính đảng tiên phong của mình để lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước. Do sự thiếu thống nhất trong Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (ở Hồng Kông năm 1929), ở nước ta lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản có chung mục đích lý tưởng nhưng công tác tổ chức và chủ trương chính sách cụ thể khác nhau: An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Đảng liên đoàn. Trước tình hình đó, tại Hồng Kông, được Quốc tế Cộng sản ủy nhiệm, Nguyễn Ái Quốc gửi thư về nước triệu tập các tổ chức Cộng sản cử đại biểu họp hội nghị thống nhất. Ngày 3-2-1930, tại Hương Cảng, Trung Quốc, dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị đã quyết định hợp nhất các tổ chức Cộng sản trong nước, lập ra một Đảng cộng sản duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chấp hành nghị quyết của Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đại biểu các Đảng Cộng sản ở Nam kỳ đã thành lập “Ban Lâm thời chấp ủy” của Đảng Cộng sản Việt Nam tại Nam kỳ do đồng chí Ngô Gia Tự làm Bí thư. Từ đây, Ban lâm thời chấp ủy bắt đầu triển khai việc hợp nhất các tổ chức Đảng Cộng sản ở Sài Gòn và các tỉnh Nam bộ.

Tại tỉnh Gia Định, một tỉnh ủy lâm thời được chỉ định do đồng chí Lê Trọng Mân (tức Khôi) làm Bí thư. Đảng bộ tỉnh Gia Định xây dựng được các chi bộ hoặc nhóm đảng viên ở các xã Bình Lý, Tân Mỹ, Thới Thạnh, Tân Thạnh Đông, An Nhơn Tây, An Phú Xã, Tân Thông, Tân Phú Trung, Tân Thới Tứ, Tân Thới Tam, Tân Thới Nhì, Tân Thới Nhất, Tân Thới Tây, Tân Thới Trung, Xuân Thới Sơn, Xuân Thới Thượng, Thuận Kiều, Vĩnh Lộc, Xuân Hoà, Trung Chánh, Chợ Cầu, Tân Đông

Thượng, Tân Sơn Nhì, Tân Sơn Nhất. Đến cuối năm 1930, đảng bộ tỉnh Gia Định có khoảng 25 chi bộ (Trong đó Học Môn có 7 chi bộ, Gò Vấp 7 chi bộ) với gần 100 đảng viên.

Tại tỉnh Bà Rịa, từ những năm đầu thập niên 30, Hồ Tri Tân cùng nhiều đồng chí khác đã tích cực tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, thành lập các tổ chức cách mạng dưới hình thức Hội Châu Viên, hội Lũ Ban tương tế. Từ năm 1934 - 1936, lần lượt các tổ chức Cộng sản được thành lập ở Phước Hải, Long Mỹ, liên sở cao su Bình Ba - Xà Bang - Láng Lớn. Giữa năm 1937, Ban cán sự Đảng lâm thời tỉnh Bà Rịa được thành lập gồm các đồng chí Trương Văn Bang, Võ Văn Thiết, Hồ Tri Tân, Nguyễn Văn Tư, Lương Tổng, Nguyễn Thị Sanh... do Trương Văn Bang làm Trưởng ban cán sự. Đảng bộ Bà Rịa có các chi bộ Phước Hải, Long Mỹ, liên chi bộ Bình Ba - Xà Bang - Láng Lớn và một số đảng viên ở Long Điền.

Tại Côn Đảo, chi bộ Đảng Cộng sản trong nhà tù ra đời vào đầu năm 1932. Đồng chí Nguyễn Hới, sau đó là các đồng chí Tôn Đức Thắng, Ngô Gia Tự lần lượt làm Bí thư chi bộ. Chi bộ Côn Đảo trở thành hạt nhân lãnh đạo cuộc đấu tranh dân sinh dân chủ, đấu tranh chính trị trong nhà tù, biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng, nơi rèn luyện, đào tạo cán bộ của Đảng ta.

Tại tỉnh Chợ Lớn, từ đầu năm 1930 đã có hàng loạt chi bộ Đảng Cộng sản ra đời ở các địa phương. Tháng 11-1930, Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Chợ Lớn được thành lập gồm 5 đồng chí Lê Quang Sung, Nguyễn Thị Nhỏ, Nguyễn Văn Nhâm, Nguyễn Xuân Luyện và Nguyễn Văn Tốt do đồng chí Lê Quang Sung (tức Lê Hoàn) làm Bí thư. Đảng bộ Chợ Lớn có các đảng bộ như Đức Hòa, Tân Phú, Mỹ Hạnh, Hựu Thạnh (Đức Hòa); Tân Tạo, Tân Kiên, An Lạc, Bình Trị Đông, Long Phú, Tổng ủy Long Hưng Hạ (Trung Quận); Phước Vân, Long Hòa, Long Đất, Long Cang, Long Trạch, thị trấn Rạch Kiến, thị trấn Cần Đước (Cần Đước) và một số xã như Phước Lâm, Long Đức Đông, Long Hậu Tây, Đa Phước Lâm, Long Đức Đông, Long Hậu Tây, Phước Lại, Đa Phước, Bình Đăng, An Phú ở Cần Giuộc.

Tại tỉnh Biên Hòa, đầu năm 1937, Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa được thành lập. Tỉnh ủy gồm các đồng chí Trương Văn Bang, Huỳnh Liễn, Trần Minh Triết, Huỳnh Vũ Phan, Lê Văn Tôn, Nguyễn Hồng Kỳ, do Trương Văn Bang làm Bí thư. Đảng bộ Biên Hòa có chi bộ Phú Riềng, **Cuộctonay Lộc** (đồn điền cao su); Tân Triều, Bình Ý (Châu Thành); Mỹ Lộc (Tân Uyên); xưởng cưa BIF, ga xe lửa Biên Hòa (thị xã Biên Hòa) và nhiều đảng viên ở các thị xã, thị trấn, đồn điền cao su khác.

Tại tỉnh Thủ Dầu Một, cùng với việc ra đời của các chi bộ Đảng Cộng sản ở đồn điền cao su Phú Riềng (10 - 1929), đê pô xe lửa ở Dĩ An (1-1930), tháng 8-1930, chi bộ Đảng được thành lập ở xã Bình Nhâm (Lái Thiêu). Đầu năm 1936, Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một gồm các chi bộ Bình Nhâm, An Sơn, An Thạnh, Tân Khánh (Lái Thiêu), lò chén Phú Cường (Châu Thành) và đồn điền cao su Dầu Tiếng (Bến Cát) với hơn 30 đảng viên. Tháng 1-1937, Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một được công nhận chính thức. Đảng bộ tỉnh tiếp tục phát triển thêm các chi bộ Thuận Giao (Lái Thiêu), Định Thành (Bến Cát) và một số ở thị xã Thủ Dầu Một, đồn điền cao su Dầu Tiếng.

Tại tỉnh Tây Ninh, hoạt động tuyên truyền xây dựng tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản đến từ nhiều hướng: từ Gia Định, Hóc Môn, Bà Điểm lên Trảng Bàng và Châu Thành; từ Tân An, Đức Hoà lên Phước Chỉ (Trảng Bàng): từ Thủ Dầu Một lên Bàu Dài, Quán Cơm (Châu Thành). Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, lần lượt các đảng viên hoặc nhóm đảng viên xuất hiện ở Phước Chỉ, Ba Ti, Giồng Nằng, Long Giang, Long Khánh, Truong Mít, Cẩm Giang, Gò Dầu, Đôn Thuận... các đảng viên tích cực xây dựng cơ sở đảng, phát triển thêm cơ sở đảng mới, lãnh đạo nhân dân đấu tranh cách mạng. Mặc dù vậy, cho tới Cách mạng Tháng Tám, ở Tây Ninh chưa hình thành Đảng bộ và Tỉnh ủy.

Tại tỉnh Tân An, đến cuối năm 1930, Tỉnh ủy Lâm thời Chợ Lớn đã cử đồng chí Ủy viên Tỉnh ủy lâm thời Nguyễn Xuân Luyện (tức Cử Luyện) sang xây dựng và phát triển tổ chức Đảng ở địa bàn Tân An. Tiếp đó, đồng chí Nguyễn Văn Ban được Đặc ủy Vàm Cỏ Đông phân công phụ trách địa bàn tỉnh Tân An, trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng tổ chức Đảng và lãnh đạo phong trào cách mạng tại đây. Tháng 10-1938, Tỉnh ủy Tân An chính thức thành lập do đồng chí Trần Trung Tam làm Bí thư. Đảng bộ Tân An có các chi bộ Bình Nhựt, Bình Đức, Thạnh Lợi, Bình Thành, Long Ngãi Thuận, Thuận Nghĩa Hoà, Bình Phong Thạnh (quận Thủ Thừa), An Lục Long, Thanh Phú Long, Vĩnh Công, An Vĩnh Ngãi, Long Trì (quận Châu Thành) và một số chi bộ ở tỉnh lỵ Tân An (Bình Lập).

Quá trình thành lập tổ chức Đảng bộ ở các tỉnh đã diễn ra trong suốt thập niên 30 của thế kỷ XX. Ở một số tỉnh, tổ chức tỉnh ủy và đảng bộ tỉnh được thành lập muộn nhưng đã có các chi bộ và cán bộ Đảng hoạt động từ sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và trên thực tế đã giữ vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng ở các địa phương.

2. Các Đảng bộ miền Đông Nam bộ lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng những năm 1930 – 1939 và cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ

Vừa mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã bắt tay lãnh đạo một phong trào cách mạng rộng lớn trong cả nước.

Ở miền Đông Nam bộ, phong trào đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản mở đầu bằng cuộc bãi công của hơn 5.000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng (Biên Hòa) và cuộc đấu tranh của 5.000 nông dân ở quận lỵ Đức Hoà (Chợ Lớn) do các đồng chí Châu Văn Liêm và Võ Văn Tần lãnh đạo. Kế đến là các cuộc đấu tranh của 1.300 công nhân đồn điền cao su Michelin, công nhân đê ô xe lửa Dĩ An, nông dân quận lỵ Lái Thiêu (Thủ Dầu Một); công nhân nhà đèn Chợ Quán, công nhân làm đường Catinat, công nhân xưởng cưa Đông Á - Vĩnh Hội (Sài Gòn); công nhân hãng dầu Pháp - Á Nhà Bè, công nhân hãng Standard oil, nông dân quận Hóc Môn (Gia Định); nông dân ở Bà Hom, Đức Hoà, Bến Lức, Cần Giuộc, Trung Quận (Chợ Lớn); công nhân xưởng cưa BIF, ga xe lửa Biên Hoà... Với khẩu hiệu đòi dân chủ, dân sinh, ủng hộ phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh, kết hợp với khẩu hiệu chống thực dân đế quốc, ủng hộ Liên Xô, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, các cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân miền Đông Nam bộ trong những năm 1930, 1931 phần lớn giành được thắng lợi. Nó đem lại cho quần chúng lòng tin vững chắc vào sức mạnh cách mạng của mình, đồng thời kiểm nghiệm trong thực tế năng lực lãnh đạo của giai cấp công nhân trên con đường giải phóng công nông, giải phóng dân tộc.

Lo sợ trước phong trào quần chúng đang lên cao và trước ảnh hưởng của Đảng Cộng sản ngày càng lớn mạnh, thực dân Pháp ra sức khủng bố hòng dập tắt phong trào cách mạng và xóa bỏ Đảng Cộng sản. Ở miền Đông Nam bộ, nhiều cơ quan lãnh đạo Đảng bị phá vỡ, chi bộ Đảng bị “xoá sổ”, hàng trăm cán bộ, đảng viên bị bắt đưa đi tù hoặc bị giết. Phong trào cách mạng lắng dần xuống. Tháng 4-1932, tại Sài Gòn một số đồng chí lãnh đạo Đảng liên lạc móc nối lại, thành lập Xứ ủy Lâm thời, do đồng chí Hồ Văn Long làm Bí thư. Chỉ được 5 tháng, tất cả đều bị bắt. Đến tháng 5-1933, một số đồng chí họp lại thành lập Xứ ủy lâm thời mới do đồng chí Trương Văn Bang làm Bí thư, tuy nhiên chẳng được bao lâu lại bị bắt. Tháng 2-1934, một Xứ ủy mới lại được thành lập do đồng chí Trần Văn Giàu làm Bí thư. Do một số tỉnh chưa đủ sức đứng ra thành lập Tỉnh ủy và do Xứ ủy không bao quát được đến các địa phương, Xứ ủy Nam kỳ chủ trương thành lập các đặc ủy để liên kết tổ chức Đảng và lãnh đạo phong trào ở từng vùng. Theo đó, toàn Nam kỳ có 3 đặc ủy: Đặc ủy Đồng Nai (phụ trách các tỉnh miền Đông); Đặc ủy Hậu Giang (phụ trách các tỉnh miền Tây); và Đặc ủy Vàm Cỏ Đông (phụ trách các tỉnh Tân An, Chợ Lớn). Tháng 4-1935, sau Đại hội thứ nhất của Đảng (tại Ma Cao - Trung Quốc, ngày 27-3-1935), đồng chí Võ Văn Ngân (được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng) trở về trực tiếp làm

Bí thư Xứ ủy lâm thời Nam kỳ. Đây là giai đoạn đặc biệt khó khăn của Đảng bộ miền Đông Nam bộ, giai đoạn các cấp ủy Đảng vừa khôi phục tổ chức vừa tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống đế quốc, phong kiến.

*

* *

Do tình trạng kinh tế tiếp tục tiêu điều sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933, các nước tư bản “trẻ” như Đức, Ý, Nhật chuyển sang chính sách độc tài phát xít, liên kết thành “trục” ráo riết chuẩn bị chiến tranh để chia lại thị trường thế giới. Ở Pháp, Mặt trận nhân dân do Đảng Cộng sản làm nòng cốt giành được thắng lợi trong tổng tuyển cử, Chính phủ Mặt trận nhân dân lên cầm quyền. Chấp hành Nghị quyết Đại hội lần thứ 7 của Quốc Tế Cộng sản tháng 7-1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta đề ra chủ trương: nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và phong kiến không thay đổi, nhưng mục tiêu trực tiếp trước mắt là đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa, tay sai của chủ nghĩa phát xít, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình.

Ở miền Đông Nam bộ, các cấp bộ Đảng lãnh đạo nhân dân tham gia phong trào đấu tranh mới: Cuộc vận động Mặt trận dân chủ Đông Dương. Mở đầu cho phong trào đấu tranh là cuộc vận động tổ chức Đông Dương Đại hội, kêu gọi các đảng, phái, tổ chức chính trị và toàn thể nhân dân đoàn kết thành lập mặt trận đấu tranh bảo vệ hoà bình, đòi các quyền tự do dân chủ, cơm áo, hoà bình. Các ủy ban hành động được thành lập khắp nơi: tỉnh Gia Định có 70, tỉnh Chợ Lớn có 24, tỉnh Tân An có 8. Các tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa, Tây Ninh, Thủ Dầu Một đều có hàng chục ủy ban. Cộng chung toàn Nam kỳ có 600 ủy ban hành động. Tháng 9-1936, bọn phản động thuộc địa ra lệnh giải tán các ủy ban hành động, cấm phong trào Đông Dương Đại hội. Mặc dù vậy phong trào đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ vẫn tiếp tục phát triển. Không thể kể hết hàng trăm cuộc đấu tranh của công dân Sài Gòn, công nhân hãng BIF Biên Hoà, công nhân các đồn điền cao su ở miền Đông Nam bộ đòi cải thiện đời sống, cải thiện chế độ làm việc, tự do tổ chức nghiệp đoàn và tổ chức hội ái hữu; hàng trăm cuộc đấu tranh của nông dân các tỉnh Gia Định, Chợ Lớn, Bà Rịa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Tân An, đòi chia lại ruộng công, bớt thuế, giảm sưu, bầu cử hương chức và cải cách hương thôn. Nhân việc đón tiếp Godart, phái viên Chính phủ Pháp sang điều tra tình hình Đông Dương và Brévié sang nhậm chức Toàn quyền Đông Dương, hàng chục vạn người đã tổ chức đấu tranh đòi đại xá chính trị phạm, bỏ thuế thân, cải thiện dân sinh, tự do ngôn luận. Trên mặt trận tư tưởng văn hoá, Hội truyền bá quốc ngữ ra đời. Tại Sài Gòn hàng loạt báo chí công khai của Đảng và Mặt trận dân chủ xuất hiện bằng tiếng Pháp như L'avant Garde (Tiền Phong), Le Peuple (Dân Chúng), và tiếng Việt

như Dân Chúng, Lao Động Sống, Tiến Tới, Thanh Niên, Mới... báo chí của Đảng trở thành nơi tuyên truyền công khai chủ trương chính sách của Đảng, tổ chức quần chúng đấu tranh nêu yêu sách với chính quyền phản động thuộc địa, tay sai của chủ nghĩa phát xít.

Trong cao trào đấu tranh dân chủ 1936 - 1939, các cấp bộ Đảng ở miền Đông Nam bộ vừa giữ vững vai trò lãnh đạo vừa nỗ lực xây dựng phát triển hệ thống tổ chức Đảng. Nhiều cơ quan tỉnh ủy ra đời. Một đội ngũ cán bộ cách mạng mới hình thành và được đào tạo trong thực tiễn. Đó là giai đoạn tôi luyện và trưởng thành quan trọng của Đảng bộ miền Đông Nam bộ trước khi bước vào cuộc đấu tranh mới.

*

* *

Tháng 9 - 1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ở Đông Dương, thực dân Pháp đàn áp khốc liệt phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo, chúng ban hành lệnh tổng động viên và ra sức bắt người cướp của để phục vụ cho cuộc chiến tranh đế quốc. Trước tình hình đó, tháng 11-1939, tại Bà Điểm (Hóc Môn - Gia Định), Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 6 quyết nghị: giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Đông Dương.

Chấp hành sự chỉ đạo chuyển hướng chiến lược của Trung ương Đảng, đầu năm 1940, Xứ ủy Nam kỳ cho lưu hành “Đề cương về cách mạng Nam kỳ”. Từ ngày 21 đến 27- 7- 1940, đồng chí Tạ Uyên thay đồng chí Võ Văn Tần (Bí thư Xứ ủy vừa bị địch bắt ngày 21- 4-1940) triệu tập Hội nghị toàn xứ tại Tân Hương (Châu Thành, Mỹ Tho). Dự hội nghị có 24 đại biểu thuộc 19 tổng trong tổng số 21 tỉnh Nam kỳ. Sau khi đánh giá tình hình mọi mặt, Hội nghị nhất trí chủ trương phát động khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân trên cơ sở cân nhắc kỹ lưỡng vấn đề thời cơ, sự chuẩn bị chu đáo mọi mặt chờ kế hoạch phối hợp hành động trong cả nước (cử đồng chí Phan Đăng Lưu, Ủy viên thường vụ Trung ương Đảng ra Bắc liên hệ với các đảng bộ miền Trung, miền Bắc bàn việc phối hợp hành động). Hội nghị đã bầu Xứ ủy mới gồm các đồng chí: Tạ Uyên (Bí thư), Phan Văn Khoé và Lê Văn Khương (Ủy viên thường vụ), Phan Văn Bảy, Quảng Trọng Hoàng, Phạm Thái Bường, Dương Công Nữ, Thái Văn Đầu, Phạm Hồng Thám. Tiếp đó, từ ngày 21 đến 23-9-1940, Đồng chí Tạ Uyên triệu tập Hội nghị Xứ ủy mở rộng tại Xuân Thới Đông (Hóc Môn - Gia Định) quyết định phát động khởi nghĩa sau 2 tháng sau đó và chọn Sài Gòn làm trọng điểm, nơi phát lệnh khởi nghĩa cho các địa phương ở Nam kỳ.

Tại miền Đông Nam bộ, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6 và các nghị quyết của Xứ ủy được phổ biến sâu rộng đến từng chi bộ, không khí cách mạng sôi sục khắp các địa phương. Dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, công tác chuẩn bị khởi nghĩa được ráo riết thực hiện: củng cố các tổ chức quần chúng cách mạng; thành lập Ban quân sự, Ban khởi nghĩa; thành lập các đội tự vệ chiến đấu, các đơn vị nghĩa quân tích cực sắm sửa vũ khí, luyện tập quân sự. Và đêm 22 rạng 23-1-1940 khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ. Cuộc giao tranh diễn ra quyết liệt ở Gia Định, Chợ Lớn, Tân An, rồi Tây Ninh, Biên Hoà, Thủ Dầu Một. Do kế hoạch khởi nghĩa bị lộ nên lệnh khởi nghĩa không được thực hiện thống nhất, thực dân Pháp đã bố trí lực lượng và kế hoạch đàn áp từ trước. Hàng loạt cán bộ Xứ ủy, Tỉnh ủy và các cấp bị bắt. Cuộc khởi nghĩa bị chìm trong biển máu.

Trước hành động khủng bố tàn khốc của địch, các đội nghĩa quân sau khi chiến đấu anh dũng đã buộc phải rút lui về các khu vực thuận lợi (Truong Mít - Tây Ninh, Tân Uyên - Biên Hoà, Rừng Sác - Chợ Lớn, Ba Làng và Mốp Xanh - Đồng Tháp Mười) ... Ngày 21-12-1940, Trung ương Đảng ra chỉ thị tiếp tục bảo toàn lực lượng và phát triển du kích Bắc Sơn, du kích Nam kỳ thành lực lượng quân sự trừ bị tiến lên khởi nghĩa. Cuối năm 1940, đầu năm 1941, Xứ ủy Nam kỳ triệu tập liên tiếp hai hội nghị nhằm phân tích nguyên nhân thất bại và đề ra chủ trương mới trong giai đoạn sắp tới. Trong đó Hội nghị lần thứ hai (họp tại Đa Phước - Chợ Lớn, tháng 1-1941) bầu Xứ ủy mới và quyết nghị phân tán lực lượng để tránh tổn thất, củng cố lại tổ chức cơ sở và tổ chức quần chúng, tập hợp lực lượng chờ thời cơ mới. Tuy nhiên, nghị quyết hội nghị chưa kịp phổ biến thì các Xứ ủy đều bị bắt, nhiều cán bộ, đảng viên khác bị bắt bớ, bắn giết, tù đày. Từ đây đến năm 1943, Đảng bộ Nam kỳ mất liên lạc với Trung ương.

Cuộc khởi nghĩa Nam kỳ năm 1940 là bản anh hùng ca bi tráng trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Nam kỳ, trong đó có Đảng bộ và nhân dân miền Đông Nam bộ. Một lần nữa, Đảng bộ miền Đông Nam bộ bị tổn thất hết sức nặng nề. Nó là bước thử thách khắc nghiệt nhất, qua đó các cán bộ, đảng viên ở miền Đông Nam bộ tích lũy kinh nghiệm và bản lĩnh đấu tranh trước khi bước vào cuộc vận động Tổng khởi nghĩa cách mạng tháng Tám.

3. Các đảng bộ miền Đông Nam bộ khôi phục lực lượng, lãnh đạo tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 28-1-1941, đồng chí Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng. tháng 5-1941, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tại Pắc Pó - Cao Bằng) xác định

nhệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân ta trong giai đoạn hiện tại là chuẩn bị khởi nghĩa, giải phóng dân tộc, đồng thời quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Mặt trận Việt Minh. Hội nghị đã cử cán bộ vào Nam kỳ truyền đạt chủ trương của Trung ương.

Tại miền Đông Nam bộ, đầu năm 1943, một số cán bộ hoạt động ở Sài Gòn liên hệ được với các đồng chí Hoàng Tế Thế (Sài Gòn), Nguyễn Thị Thập (Liên tỉnh ủy Mỹ Tho), Lê Hữu Kiều (từ Hà Nội vào), Hoàng Dur Khương, Lê Minh Định, Trần Văn Trà (từ miền Trung vào) tập hợp thành một tổ chức Đảng, ra báo “Giải Phóng” làm cơ quan ngôn luận. Nhóm “Giải Phóng” chưa xây dựng được tổ chức ở các tỉnh. Cũng đầu năm 1943, các đồng chí Trần Văn Giàu, Dương Quang Đông vừa vượt ngục Tà Lài trở về liên lạc được với các đảng viên ở 21 tỉnh thành ở Nam kỳ, lần lượt lập ra các tỉnh ủy mới. Tháng 10-1943, 11 trong số các tỉnh ủy mới này tổ chức hội nghị tại Chợ Gạo (Mỹ Tho). Hội nghị này đã thành lập Xứ ủy Nam kỳ do đồng chí Trần Văn Giàu làm Bí thư và quyết định ra báo Tiền Phong làm cơ quan ngôn luận. Như vậy, từ cuối năm 1943, ở Nam kỳ có hai tổ chức Đảng Cộng sản, thường được gọi phân biệt là Tiền Phong và Giải phóng. Sự tồn tại song song của hai tổ chức Đảng trên không phù hợp với nguyên tắc tổ chức Đảng, gây bất lợi cho phong trào chung. Mặc dù vậy, sự phục hồi của các tổ chức của Đảng đã đưa nhân dân miền Đông Nam bộ nói riêng và cả Nam kỳ nói chung thoát khỏi thời kỳ đen tối kể từ sau sự kiện Nam kỳ khởi nghĩa.

Khắp các tỉnh miền Đông Nam bộ, lần lượt các tổ chức tỉnh ủy được tái thành lập, nhiều chi bộ mới ra đời. Do liên lạc được với Xứ ủy Tiền Phong nên nhiều địa phương đặt tổ chức Đảng trong hệ thống này. Xứ ủy Giải Phóng cũng phát triển tổ chức ở Gia Định, Chợ Lớn và nhiều nơi khác. Mặc dù tổ chức Đảng chưa thống nhất, nhưng cả Tiền Phong và Giải Phóng đều nỗ lực lãnh đạo phục hồi hệ thống Đảng, phát triển Đảng viên, xây dựng lực lượng và chuẩn bị đón thời cơ mới.

Đêm 9-3-1945, nhằm trừ hậu họa bị quân Pháp đánh vào sau lưng khi quân Đồng Minh tiến vào Đông Dương, quân Nhật nổ súng làm cuộc đảo chính hất cẳng Pháp. Trong vòng chưa đầy một ngày, quân Pháp đã nộp súng đầu hàng Nhật trên toàn cõi Đông Dương. Tại Sài Gòn và các tỉnh miền Đông Nam bộ, quân Pháp bị giải giới, tập trung trong các trại lính. Quân Nhật đưa quân chiếm đóng kiểm soát toàn bộ các vị trí then chốt. Từ ngày 9 đến 12 -3-1945, Thường vụ Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng chủ trương nêu khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật” thay cho khẩu hiệu “Đánh đuổi Nhật - Pháp” và phát động cao trào chống Nhật cứu nước, gấp rút tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Không khí chuẩn bị tổng khởi nghĩa lan rộng khắp các tỉnh miền Đông Nam bộ. Nhóm Giải Phóng được tăng cường các đồng chí Trần Văn Vi (Dân Tôn Tử), Tô Ký... từ nhà tù Bà Rá, Tà Lài trở về. Ngày 20-3-1945, nhóm Giải Phóng họp hội nghị ở Xoài Hột (Mỹ Tho) lập Xứ ủy Nam kỳ lâm thời do đồng chí Dân Tôn Tử làm Bí thư. Đến tháng 4-1945, Xứ ủy Giải Phóng lâm thời tổ chức được 10 Tỉnh ủy lâm thời và 6 Ban cán sự tỉnh. Trên cơ sở đó tháng 5-1945, Xứ ủy lâm thời họp tại Bà Điểm (Gia Định) lập ra Xứ ủy chính thức, gọi là Ban cán sự Nam kỳ do đồng chí Lê Hữu Kiêu làm Bí thư.

Xứ ủy Tiền Phong cũng được bổ sung thêm nhiều cán bộ: Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp, Bùi Công Trưng, Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Văn Kinh, Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tây (Thanh Sơn). Dựa vào gợi ý của Nhật (Đã, quyền Tổng trưởng thanh niên - thể thao Đông Dương) về việc mời bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đứng ra thành lập tổ chức thanh niên ở Nam kỳ, tương kế tựu kế, Xứ ủy Tiền Phong giao cho đồng chí Phạm Ngọc Thạch cùng một số trí thức, sinh viên yêu nước ở Sài Gòn thành lập một tổ chức thanh niên công khai, tập hợp lực lượng đứng về phía cách mạng. Ngày 1-16-1945, tổ chức Thanh niên Tiền phong ra đời, và ngay lập tức trở thành một phong trào mạnh mẽ lan rộng khắp các tỉnh miền Đông Nam bộ nói riêng và cả Nam bộ nói chung.

Tại Côn Đảo, chi bộ Côn Đảo phát triển trở thành đảng bộ do đồng chí Phạm Hùng làm Bí thư Đảo ủy cùng Hội Tù nhân do đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch lãnh đạo đẩy mạnh hoạt động cứu tế, giác ngộ tù nhân, thành lập Hội đồng Liên hiệp quốc dân Côn Đảo (một hình thức quyền liên hiệp chính trị giữa tù chính trị với công chức, giám thị trên đảo), thành lập đơn vị vũ trang cách mạng trên đảo (gọi là Đoàn Phòng thủ Côn Lôn), tổ chức học tập chính trị chuẩn bị cho ngày trở về đất liền.

Cuộc chiến tranh thế giới đang bước dần vào thời điểm kết thúc với thắng lợi thuộc về phe Đồng Minh. Ngày 13-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng khai mạc tại Tân Trào (Tuyên Quang). Dự Hội nghị có các Đại biểu của Đảng bộ Nam kỳ: Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp (thuộc Xứ ủy Tiền Phong). Xứ ủy Giải Phóng cử các đồng chí Nguyễn Thị Thập, đồng chí Dưa nhưng đến trễ không kịp dự họp¹ (Cả hai đoàn đại biểu của Xứ ủy Tiền Phong, Xứ ủy Giải phóng đều không về Nam Kỳ kịp truyền đạt nội dung của hội nghị Đảng toàn quốc và Đại hội Quốc dân trước ngày 25-8-1945). Hội nghị nhận định thời cơ đã chín muồi và chủ trương kịp thời lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Tiếp đó, ngày 16-8, cũng tại Tân Trào, Đại hội quốc dân đã biểu quyết thông qua “Mười chính sách lớn của Việt Minh” và “Lệnh tổng khởi nghĩa”.

Nghị quyết Đại hội toàn quốc và mệnh lệnh tổng khởi nghĩa chưa kịp về đến Sài Gòn và các tỉnh Nam kỳ. Tuy nhiên, căn cứ vào tinh thần các Nghị quyết của Trung ương Đảng trước đó, và thời cơ lịch sử đưa lại khi Nhật đầu hàng Liên Xô và các nước Đồng Minh không điều kiện, các cấp bộ Đảng ở Nam kỳ, ở miền Đông Nam bộ đã chủ động, linh hoạt tổ chức lãnh đạo tổng khởi nghĩa. Ngày 15-8, Xứ ủy Tiền Phong lập Ủy ban Khởi nghĩa. Ngày 20-8, Mặt trận Việt Minh ra công khai ở Sài Gòn, Thanh niên Tiền Phong tuyên bố đứng vào mặt trận Việt Minh. Ngày 21-8, tại Tân An, nơi được Xứ ủy Tiền Phong chọn khởi nghĩa thí điểm, Đảng bộ địa phương đã lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền thành công. Ngày 25-8, dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy và các cấp bộ Đảng địa phương, cuộc khởi nghĩa nổ ra thắng lợi ở Gia Định, Chợ Lớn, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Bà Rịa. Ngay trong đêm 25-8, Xứ ủy quyết định phải lập tức giải phóng Nhà tù Côn Đảo và tổ chức rước tù chính trị từ Côn Đảo trở về. Ngày 28-8, nhân dân thị xã Vũng Tàu giành chính quyền về tay nhân dân. Đến ngày 23-9, 1.800 tù chính trị (đợt đầu tiên) từ Côn Đảo trở về đất liền an toàn.

Trong vòng hơn một tuần lễ từ 21 đến 28-8-1945, cuộc Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn ở miền Đông Nam bộ. Chính quyền Cách mạng lâm thời các cấp được thành lập. Nhân dân miền Đông Nam bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng, bắt tay vào xây dựng chế độ mới và tổ chức chuẩn bị kháng chiến bảo vệ nền độc lập dân tộc vừa giành được.

*

* *

Miền Đông Nam bộ có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng. Cư dân có truyền thống yêu nước và khảng khái trước mọi thế lực ngoại xâm. Trên mảnh đất giàu truyền thống yêu nước và chống ngoại xâm bất khuất, phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ, sự tiếp thu chủ nghĩa Mác –Lênin diễn ra một cách sâu rộng, nhạy cảm, các tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản ra đời sớm và nhanh chóng trở thành một lực lượng chính trị trọng yếu trong đời sống cách mạng ở Nam kỳ. Lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam kỳ là lịch sử liên tục gây dựng, củng cố các tổ chức hệ thống Đảng để nắm lấy ngọn cờ cách mạng, dựa vào quần chúng, vượt qua những thử thách khắc nghiệt trong cao trào đấu tranh những năm 1919-1933, 1936-1939, 1939-1945, thực hiện thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945. Đó là quá trình tích lũy lực lượng, kinh nghiệm và bản lĩnh đấu tranh để Đảng bộ Đông Nam bộ vững bước vào thời kỳ lãnh đạo nhân dân địa phương tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp diễn ra ngay sau đó.

PHẦN THỨ NHẤT
**ĐẢNG BỘ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ
LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)**

Chương I

**ĐẢNG BỘ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ
TRONG 15 THÁNG ĐẦU LÃNH ĐẠO
NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN (1945 - 1946)**

**I. VỪA CỬNG CỐ HỆ THỐNG TỔ CHỨC ĐẢNG, VỪA LÃNH ĐẠO
NHÂN DÂN BƯỚC VÀO CUỘC KHÁNG CHIẾN**

1. Tình hình đảng bộ miền Đông Nam bộ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta

Thành công của Cách mạng tháng Tám là kết quả của mười lăm năm đấu tranh kiên cường, anh dũng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vì mục tiêu giải phóng dân tộc. Từ đây, lịch sử nước ta bước sang một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân ta, từ người nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Đảng ta, từ một Đảng phải hoạt động bí mật, không hợp pháp dưới chính quyền thực dân, trở thành đảng ra hoạt động công khai, xây dựng chính quyền cách mạng trong cả nước.

Tại miền Đông Nam bộ, tất cả các tỉnh Chợ Lớn, Gia Định, Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Tân An ngập trong không khí tung bừng chiến thắng sau ngày Tổng khởi nghĩa. Sau non một thế kỷ lầm than dưới ách thống trị của đế quốc và phong kiến, đông đảo đồng bào đều tự giác ý thức trách nhiệm về việc bảo vệ chính quyền cách mạng một xã hội mới trên nền dân chủ cộng hòa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản vừa mới ra công khai.

Tuy nhiên, tình hình xã hội ở Nam bộ nói chung, miền Đông Nam bộ nói riêng đang hết sức phức tạp. Nền kinh tế thuộc địa, hầu hết các ngành quan trọng như nông

nghiệp, cao su, tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải, dịch vụ thương mại đều do thực dân Pháp và một số ít tiểu chủ (đại bộ phận là Hoa kiều) nắm giữ. Hầu hết trong số họ đã thu gom tiền bạc, sổ sách bỏ chạy về nước Pháp hoặc lẩn trốn ở Sài Gòn sau Cách mạng tháng Tám thành công. Nông dân không có ruộng đất, công nhân không có việc làm, ngân hàng cạn kiệt, nạn đói đe dọa từng ngày. Chính sách ngu dân của thực dân Pháp và hệ quả của nền văn hoá thực dân phong kiến đã để lại ở miền Đông Nam bộ, đặc biệt là ở Sài Gòn những di chứng hết sức nặng nề: nghiện hút, cờ bạc, gái điếm, mê tín dị đoan và lối sống buông thả trong phần lớn bộ phận lớn cư dân. Nhiều đảng phái, phe nhóm vốn trước đây thân Nhật, hoặc ôm chân thực dân Pháp, hoặc mang nặng tư tưởng dân tộc cực đoan không ủng hộ Mặt trận Việt Minh, cố thủ chờ thời. Hàng loạt các băng nhóm vũ trang mà thành phần hợp thành phần lớn là các phần tử vô sản lưu manh, trộm cướp, đâm thuê chém mướn do những tay anh chị giang hồ cầm đầu, nay không còn bị khống chế của chính quyền thực dân, nhảy ra chiếm giữ, cát cứ từng khu vực. Hàng chục ngàn binh lính cũ của Pháp, của Nhật được trang bị vũ khí và có chút ít kiến thức quân sự đang trong tình trạng thất bại, tan rã, bị sự chi phối của những viên chỉ huy cũ, quân phiệt và cơ hội, tự lập thành các “sư đoàn dân quân cách mạng” (đệ nhị, đệ tam, đệ tứ), nằm ngoài tầm kiểm soát của Đảng Cộng sản. Nguy hiểm hơn, dựa vào nghị quyết Hội nghị Pótxđam (ngày 17-7 đến 2 - 8-1945), mượn danh Đồng Minh vào giải giới quân đội Nhật, đế quốc Anh vội vàng đưa quân vào miền Nam, cùng với đội quân của Tưởng Giới Thạch ở miền Bắc thực hiện âm mưu hậu thuẫn cho thực dân Pháp xoá bỏ thành quả cách mạng mà nhân dân Việt Nam vừa giành được.

Trong lúc đó, Đảng bộ miền Đông Nam bộ thiếu sự thống nhất về tổ chức và phối hợp hành động. Ngay sau ngày Tổng khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn và các tỉnh Nam bộ, hàng ngàn đảng viên ưu tú từ nhà tù Côn Đảo trở về đất liền và nhiều nhà tù khác của đế quốc, trong đó có các đồng chí Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Nguyễn Văn Linh, Phan Trọng Tuệ, Mai Chí Thọ ... đã chia tủa về các địa phương, tham gia lãnh đạo cách mạng. Nhiều đồng chí đảng viên bị thực dân Pháp truy lùng từ sau sự kiện Nam kỳ khởi nghĩa đã nỗ lực tập hợp lực lượng, hình thành tổ chức lãnh đạo các cấp. Tuy nhiên, ở cấp Nam bộ và các tỉnh, vẫn còn sự biệt khu giữa “Tiền Phong” và “Giải Phóng” (vốn tồn tại từ trước Cách mạng tháng Tám với hai hệ thống tổ chức Đảng: Xứ ủy Tiền Phong, Xứ ủy Giải Phóng). Xứ ủy Nam bộ không tập hợp được tất cả các cán bộ ưu tú gồm của “Tiền Phong” và “Giải Phóng”. Thậm chí, một số nơi vẫn còn tồn tại song song hai tổ chức tỉnh ủy “Tiền Phong” và “Giải Phóng” như Gia Định.

Đứng trước tình hình khó khăn phức tạp như sau ngày Tổng khởi nghĩa, các cấp bộ Đảng ở miền Đông Nam bộ đã tập trung lãnh đạo nhân dân xây dựng chính quyền cách mạng các cấp, xây dựng lực lượng vũ trang nhằm đấu tranh bảo vệ thành quả cách mạng, khắc phục hậu quả về mọi mặt do chế độ cũ để lại và bắt tay xây dựng một chế độ xã hội mới. Căn cứ vào chính sách 10 điểm do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo và được Quốc dân Đại hội thông qua ngày 16-8 1945¹, Xứ ủy, Tỉnh ủy các tỉnh đã chỉ đạo địa phương khẩn trương thành lập tổ chức chính quyền các cấp; ban hành các quyền tự do, dân chủ, bình đẳng bình quyền; tịch thu toàn bộ tài sản của đế quốc Pháp, phát xít Nhật và bọn Việt gian bán nước; tuyên bố xoá bỏ mọi nợ nần, chế độ thuế khóa, ràng buộc kinh tế do chính quyền cũ áp đặt trước đây; lấy ruộng công và tịch thu ruộng của thực dân chia cho nông dân nghèo; xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, vũ trang nhân dân nhằm bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội; xoá bỏ mọi hủ tục, dị đoan, xây dựng nền văn hoá mới và thực hiện chế độ giáo dục toàn dân.

Trong nhịp điệu hết sức khẩn trương của những ngày sau Tổng khởi nghĩa, thực hiện chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, các đảng viên có uy tín, nhân dân khắp nơi trước hết tập trung xây dựng chính quyền cách mạng và xây dựng lực lượng vũ trang. Nhiều nhân sĩ có uy tín và các thành phần khác trong Mặt trận Việt Minh được cử vào tổ chức chính quyền cấp tỉnh, huyện, xã. Tại các nhà máy, đồn điền cao su, công nhân thành lập Ban quản trị công nhân. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, hệ thống chính quyền cách mạng đã được thành lập từ ủy ban nhân dân Nam bộ² đến các tỉnh, huyện, xã. Đồng thời, công tác xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng cũng được khẩn trương chỉ đạo xây dựng cấp uỷ, chính quyền các cấp đều thành lập đội tự vệ chiến đấu và lực lượng Quốc gia tự vệ cuộc³ làm nhiệm vụ bảo vệ chính quyền cách mạng và tuần tra canh gác tại những công sở, vị trí then yếu ở các địa phương. Ở Sài Gòn,

¹ Giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên nền tảng hoàn toàn độc lập. 2- Võ trang nhân dân, phát triển Quân giải phóng Việt Nam. 3- Tịch thu ruộng đất của giặc nước và của Việt gian, tùy từng trường hợp xung công làm của quốc gia hay chia cho dân nghèo. 4- Bỏ các thứ thuế Pháp, Nhật đặt ra, đặt một thứ thuế công bằng và nhẹ. 5- Ban bỏ các quyền của dân cho dân: Nhân quyền, tài quyền (quyền sở hữu); dân quyền: quyền phổ thông đầu phiếu, quyền tự do dân chủ (tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng, ngôn luận, hội họp, đi lại), dân tộc bình quyền, nam nữ bình quyền. 6- Chia lại ruộng đất cho công bằng, giảm địa tô, giảm lợi tức, hoãn nợ, cứu tế nạn dân. 7- Ban bỏ luật lao động; ngày làm 8h, định lương tối thiểu; đặt xã hội bảo hiểm. 8- Xây dựng nền kinh tế quốc dân phát triển nông nghiệp. Mở Quốc gia ngân hàng. 9- Xây dựng nền quốc dân giáo dục; chống nạn mù chữ, phổ thông và cưỡng bách giáo dục đến bậc sơ cấp. Kiến thiết nền văn hóa mới. 10- Thân thiện và giao hảo với các nước Đồng Minh và các nước nhược tiểu dân tộc để giành lấy sự đồng tình và sức ủng hộ của họ” - Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, tr.559-560

² Ủy ban lâm thời hành chính Nam bộ gọi tắt là Lâm ủy hành chính thành lập ngay sau ngày Tổng khởi nghĩa do Trần Văn Giàu làm Chủ tịch, sau đó đổi thành Ủy ban nhân dân Nam bộ do Phạm Văn Bạch làm Chủ tịch, Trần Văn Giàu làm Phó chủ tịch kiêm Ủy trưởng quân sự

³ Là tên gọi của lực lượng công an cách mạng do Xứ ủy Nam bộ thành lập; Đồng chí Dương Bạch Mai phụ trách chung, đồng chí Nguyễn Văn Trần làm Giám đốc Quốc gia tự vệ cuộc Nam bộ

Tổng công đoàn Nam bộ thành lập lực lượng xung phong công đoàn gồm các đơn vị công nhân có vũ trang. Tại các đồn điền cao su, Ban quản trị công nhân thành lập các đơn vị công nhân chiến đấu. Ngoài ra, Xứ ủy, Tỉnh ủy các tỉnh còn đưa người vào nắm các đơn vị bảo an binh¹ bổ sung nhiều thanh niên công nhân, nông dân tự vệ chiến đấu, từng bước chuyển biến họ thành lực lượng vũ trang cách mạng. Mặt khác, chính quyền cách mạng các cấp tổ chức lấy lúa gạo còn lại của địch chia cho nhân dân để cứu đói. Một số nơi tịch thu ruộng đất do Pháp, Nhật quản lý trước đây, của Việt gian chia cho dân nghèo.

Song song với các hoạt động trên, tổ chức Đảng ở miền Đông Nam bộ nỗ lực củng cố nội bộ cấp ủy và hệ thống lãnh đạo trong toàn tỉnh. Các Thành ủy, Tỉnh ủy lâm thời được củng cố lại. Bí thư, Tỉnh ủy lâm thời do Ban Chấp hành cử ra hoặc Xứ ủy chỉ định; Tỉnh ủy lâm thời Biên Hoà (gồm 11 đồng chí) do đồng chí Trần Công Khanh làm Bí thư, Hoàng Minh Châu làm Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một do Nguyễn Văn Tiết làm Bí thư, Văn Công Khai (nguyên là Bí thư tỉnh ủy, Trưởng ban khởi nghĩa tỉnh Thủ Dầu Một trước Cách mạng tháng Tám) làm Phó Bí thư; Tỉnh ủy lâm thời Tây Ninh (gồm 11 đồng chí) do đồng chí Xuân làm Bí thư; Tỉnh ủy lâm thời Tân An do Nguyễn Văn Trọng, sau đó là Nguyễn Văn Hoảng làm Bí thư; Tỉnh ủy lâm thời Chợ Lớn do Nguyễn Văn Hoàn làm Bí thư. Riêng ở Gia Định vẫn tồn tại hai Tỉnh ủy; Tỉnh ủy Tiền Phong do đồng chí Phạm Văn Khung làm Bí thư, Tỉnh ủy Giải Phóng do đồng chí Huỳnh Văn Thóm làm Bí thư. Tỉnh Bà Rịa chưa thành lập được Tỉnh ủy, các đảng viên hoạt động trong tổ chức chính quyền và Mặt trận Việt Minh.

Mặc dù tổ chức Đảng chưa được củng cố một cách chặt chẽ, thống nhất, có hệ thống nhưng các cấp ủy đảng ở miền Đông Nam bộ, vẫn là các tổ chức chính trị duy nhất nắm quyền lãnh đạo ở các địa phương. Thực hiện chủ trương chung của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ chí Minh, dựa vào chính sách 10 điểm của Mặt trận Việt Minh, các cấp bộ Đảng ở miền Đông Nam bộ đã lãnh đạo nhân dân xây dựng chính quyền cách mạng và thực hiện các hoạt động đặt nền móng cho việc xây dựng và phát triển một chế độ xã hội mới do Cách mạng tháng Tám mở ra. Đó là yếu tố căn bản để Đảng bộ miền Đông Nam bộ lãnh đạo nhân dân vững bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

*

¹ Gồm các đơn vị brigade mobile, brigade auxiliaire, vốn là tổ chức vũ trang toàn binh lính người Việt Nam do đế quốc Pháp tổ chức chỉ huy, gọi là lính thủ hộ (brigade civile). Sau ngày đảo chính 9-3-1945, phát xít Nhật giữ nguyên tổ chức này, đổi tên là bảo an binh. Lực lượng này đi theo Việt Minh trong Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945.

Trong khi nhân dân đang nỗ lực xây dựng nước Việt Nam mới trong độc lập, hòa bình thì thực dân Pháp từng bước thực hiện âm mưu xâm lược nước ta một lần nữa. Ngay từ năm 1943, trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, khi đất nước Pháp đang còn bị phát xít Đức chiếm đóng, tại Algerie, tướng De Gaulle đã tuyên bố “sẽ giải phóng Đông Dương”. Cuối năm 1944, khi cuộc chiến tranh giải phóng của phe Đồng Minh đang phát triển thuận lợi, De Gaulle thành lập “Ủy ban hành động giải phóng Đông Dương”, và ngày 24-3-1945, y tuyên bố “Đông Dương được thành lập theo liên bang gồm 5 xứ khác nhau (Nam kỳ, Bắc kỳ, Trung kỳ, Cao Miên, Ai Lao). Liên bang Đông Dương sẽ cùng với nước Pháp xây dựng thành một khối Liên hiệp Pháp mà quyền lợi đối ngoại sẽ do Pháp đại diện”. Ngày 17-8-1945, lực lượng quân đội viễn chinh Pháp ở Viễn Đông được thành lập bao gồm Sư đoàn thuộc địa số 9 (9e DIC) do Valluy và Sư đoàn bộ binh thuộc địa số 3 (3e DIC). Ngày 24-8-1945, Ủy ban Đông Dương (cải tổ từ Ủy ban hành động giải phóng Đông Dương của Pháp thông qua kế hoạch tái xâm lược Việt Nam do tướng Leclerc và Bộ tham mưu quân viễn chinh soạn thảo¹. Cuối tháng 8-1945, một máy bay hoàng gia Anh đã thả một nhóm nhân viên quân sự và dân sự người Pháp xuống Tây Ninh, trong đó có viên đại tá Cesdille, người nhận trách nhiệm làm ủy viên Cộng hòa Pháp tại Việt Nam. Cesdille bị lực lượng tự vệ Tây Ninh bắt và được bọn Nhật giành lại đưa về Sài Gòn. Tại Biên Hòa, Bình Thuận, máy bay quân Anh đã thả 2 toán gián điệp xuống Thiện Tân - Vĩnh Cửu và La Gi - Hàm Tân. Cả 2 toán (gồm 6 tên) đều bị quân ta bắt giải giao về trên. Sau sự kiện bắn súng vào đoàn người dự mítting sáng ngày 2-9-1945 tại Sài Gòn, ngày 4-9 tướng Gracey, Tư lệnh sư đoàn 20 Quân đội Hoàng gia Anh, Trưởng phái bộ Đồng Minh vũ trang vu cáo chính quyền cách mạng không giữ được trật tự và lệnh cho Thống chế Têuruchi, Tư lệnh phương diện quân Nam của Nhật từ các tỉnh Nam bộ về Sài Gòn. Ngày 6-9, quân đội Anh tới Sài Gòn và trà trộn trong đơn vị này có đại đội biệt kích gồm 120 binh sĩ thuộc trung đoàn bộ binh thuộc địa số 5 (5e RIC) của Pháp. Tiếp đó, ngày 11-9, hai đại đội còn lại của tiểu đoàn biệt kích thuộc trung đoàn này đặt chân đến Sài Gòn. Chúng công khai mặc quân phục Pháp, đi lại nghênh ngang trong thành phố.

¹ Nội dung kế hoạch gồm 5 điểm: 1- Dựa vào sự có mặt của quân Anh để xâm chiếm từ nam vĩ tuyến 16. 2- Thả dù nhân viên dân sự và lực lượng quân sự xuống Bắc lãnh thổ Việt Nam. 3- Xác nhận việc duy trì chủ quyền của nước Pháp ở Đông Dương, trước hết là đối với Đồng Minh. 4- Từng bước giành lại những vùng do Trung Quốc (Trường Giới Thạch) kiểm soát. 5- Về chính trị, thương thuyết với các nhân vật bản xứ. Công việc chuẩn bị xâm lược Việt Nam được hoàn tất.

Trong khi quân đội Pháp đang ráo riết chuẩn bị nổ súng xâm lược nước ta, thì tại Sài Gòn và các tỉnh miền Đông Nam bộ, đông đảo Pháp kiều vốn là công chức của bộ máy cai trị, mật thám, chủ nhà băng, chủ đồn điền rời khỏi nơi ẩn náu, công khai nghênh đón quân viễn chinh Pháp. Bọn phản động tay sai người Việt, các đảng phái cơ hội chính trị, địa chủ có nợ máu rục rịch chuẩn bị đón chủ cũ, ra mặt quay lưng lại với cách mạng. Một số phần tử phản động thân Pháp đội lốt tôn giáo Cao Đài, Hòa Hảo tập hợp thanh niên tín đồ lập những đơn vị vũ trang riêng, sẵn sàng hợp tác với địch.

Và, sau hàng loạt hành động vi phạm trắng trợn của quyền của dân tộc ta, 0 giờ ngày 23-9-1945, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm đồng loạt các trụ sở, căn cứ của ta tại Sài Gòn, chính thức mở đầu cuộc chiến xâm lược nước ta lần thứ hai.

Sau một thời gian giữ thái độ nhân nhượng nhằm tranh thủ hòa bình, độc lập, bày tỏ thái độ thiện chí nhằm tránh một cuộc chiến tranh đổ máu, giờ đây, trước hành động xâm lược của kẻ thù, nhân dân miền Đông Nam bộ nhất tề đứng lên kháng chiến, quyết giữ vững nền độc lập dân tộc!

Sáng ngày 23-9-1945, tại đường Cây Mai (Chợ Lớn), Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Nam Bộ triệu tập Hội nghị khẩn cấp. Dự hội nghị có các đồng chí Ung Văn Khiêm, Trần Văn Giàu, Nguyễn Văn Nguyễn, Phạm Ngọc Thạch, Huỳnh Văn Tiêng... Đồng chí Hoàng Quốc Việt thay mặt Ban Thường vụ Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh được mời tham dự hội nghị quan trọng này. Trong hội nghị có hai loại ý kiến tranh nhau luận gay gắt. Một bên chủ trương cho rằng cần phải phát động ngay cuộc chiến chống Pháp khi kẻ thù đã đánh chiếm các cơ quan, căn cứ quan trọng của ta và trên thực tế, quân và dân Sài Gòn đã chiến đấu ngay khi quân Pháp nổ súng xâm lược. Loại ý kiến khác dựa vào bức điện ngày 22-9 của Trung ương gửi cho đồng chí Hoàng Quốc Việt và Xứ ủy Nam bộ nhắc nhở cần phải hết sức tránh đụng chạm với quân Đồng Minh tạo có trục tiếp cho thực dân Pháp đánh chiếm, từ đó chủ trương chỉ nên đình công bãi thị, bất hợp tác với địch, chờ lệnh của Trung ương. Tình thế hết sức cấp bách. Hành động xâm lược của thực dân Pháp, trên thực tế, đã đẩy nhân dân ta phải kiên quyết kháng chiến, không còn sự lựa chọn nào khác. Cuối cùng, hội nghị quyết định: một mặt gửi điện gấp ra Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh để báo cáo và xin chỉ thị, mặt khác phát động ngay cuộc kháng chiến. Hội nghị thành lập Ủy ban kháng chiến Nam bộ do Trần Văn Giàu làm Chủ tịch và chỉ thị cho Ủy ban nhân dân các tỉnh thành lập ủy ban kháng chiến, với chức năng chỉ đạo kháng chiến tại địa phương, hạ lệnh tổng đình công và bất hợp tác với địch, đánh địch và bao vây chúng

trong thành phố Sài Gòn, bãi thị, bãi khoá, phá hoại kinh tế và vạch mặt bọn Việt gian bán nước. **(Bản đồ)**

Ngay sau khi hội nghị kết thúc, Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ phát đi lời kêu gọi nhân dân Sài Gòn và các tỉnh: “Đêm qua, thực dân Pháp đánh chiếm trụ sở chính quyền ta ở trung tâm Sài Gòn. Như vậy là Pháp bắt đầu xâm chiếm nước ta một lần nữa! Ngày 2-9, đồng bào đã thề quyết hy sinh tới giọt máu cuối cùng để bảo vệ độc lập của tổ quốc! Độc lập hay là chết! Hôm nay, Ủy ban kháng chiến kêu gọi tất cả đồng bào, già, trẻ, trai, gái hãy cầm vũ khí xông lên đánh đuổi quân giặc xâm lược. Ai không có phận sự do Ủy ban kháng chiến giao phó, thì hãy lập tức ra khỏi thành phố. Những người còn ở lại thì: Không làm việc, không đi lính cho Pháp; không đưa đường; không báo tin; không bán lương thực cho Pháp; hãy tìm thực dân Pháp mà diệt; hãy đốt sạch, phá sạch các cơ sở, xe cộ, tàu bè, kho tàng nhà máy của Pháp... Từ giờ phút này, nhiệm vụ hàng đầu của chúng ta là diệt giặc Pháp, tiêu diệt tay sai của chúng... Cuộc kháng chiến bắt đầu”.¹ Cũng trong ngày 23-9-1945, Ủy ban Nhân dân Nam bộ phát hành hàng vạn bản “Tuyên cáo quốc dân”: “Đồng bào Nam Bộ! Vì coi quân Anh là đại biểu của Đồng Minh tới đất nước chúng ta giải giáp quân đội Nhật để đem lại hoà bình cho dân chúng Đông Dương, nên chúng tôi - Ủy ban Nhân dân Nam bộ - luôn giúp cho quân đội Anh làm nhiệm vụ được dễ dàng. Mặc dù có nhiều điều bất mãn, chúng tôi đã nhiều lần kêu gọi quốc dân nên nén lòng căm giận để chờ đợi cuộc vận động ngoại giao với Đồng Minh trên trường quốc tế. Nhưng do sự nhân nhượng và dung túng của quân Anh, bọn thực dân Pháp đã làm nhiều điều quá đáng... Không lẽ chịu nhục hoài à, vì danh dự của dân tộc, chúng ta phải coi trọng quyền lợi quốc gia, nên chúng tôi phải đánh điện ra Chính phủ Trung ương xin phép cho kháng chiến. Chúng tôi đã: 1- Thành lập Ủy ban kháng chiến để lo cho việc quân sự. 2 - Hạ lệnh tổng đình công và bất hợp tác với địch. 3 - Truyền đi lục tỉnh thi hành phá hoại đường giao thông, phong tỏa việc chuyển vận tiếp tế để bao vây địch. 4 - Kêu gọi đồng bào tố cáo Việt gian nguy hiểm. Đồng bào thân mến! Cương quyết phấn đấu, toàn dân hãy đoàn kết để bảo vệ quốc gia.”²

Ngày 26-9-1945, qua Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam, đồng bào Nam bộ nghe thư kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cho đồng bào Nam bộ khẳng định quyết tâm kháng chiến của Trung ương Đảng, Chính phủ và nhân dân cả nước. “Hỡi đồng bào Nam bộ! Nước ta vừa tranh quyền độc lập, thì đã gặp nạn ngoại xâm. Khi còn chiến tranh với Nhật, thì bọn thực dân Pháp hoặc đầu hàng hoặc chạy trốn. Nay

¹ Trần Văn Giàu (chủ biên): Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1987, tr.356)

² Báo Cứu Quốc, số 54, ra ngày 29-9-1945

vừa hết chiến tranh thì bọn thực dân Pháp hoặc bí mật hoặc công khai mò lại. Trong bốn năm, họ đã bán nước ta hai lần. Nay họ lại muốn thống trị dân ta lần nữa. Tôi chắc và đồng bào cả nước đều chắc vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam bộ. Chúng ta nên nhớ lời nói oanh liệt của nhà đại cách mạng Pháp: “Thà chết tự do hơn sống nô lệ”. Tôi chắc và đồng bào Nam bộ cũng chắc rằng Chính phủ và toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp đỡ những chiến sĩ và nhân dân hiện đang hy sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà. Tôi chắc và tất cả đồng bào đều chắc rằng những người và những dân tộc yêu chuộng bình đẳng tự do trên thế giới đều đồng tình với chúng ta. Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân. Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc đấu tranh của chúng ta là chính đáng.”¹.

Quyết định của Hội nghị Xứ ủy - Ủy ban Nhân dân Nam bộ và chủ trương của Thường vụ Trung ương Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nó kịp thời khẳng định quyết tâm kháng chiến của toàn dân tộc, khích lệ đồng bào khắp nơi đứng lên cầm súng chiến đấu chống xâm lược. Với riêng Sài Gòn và các tỉnh miền Đông Nam bộ, lời kêu gọi của Ủy ban Kháng chiến và Ủy ban Nhân dân Nam bộ, Thư gửi đồng bào Nam bộ của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ kịp thời đáp ứng nhiệt huyết chiến đấu của nhân dân mà còn vạch định phương hướng, nội dung nhiệm vụ trong buổi đầu kháng chiến.

Chấp hành Chỉ thị của Trung ương Đảng và Xứ ủy Nam bộ, các cấp bộ Đảng ở miền Đông Nam bộ chỉ đạo quân và dân các địa phương chuẩn bị và thực hành kháng chiến.

*

* *

Tướng Leclerc chia kế hoạch đánh chiếm Nam bộ ra làm 3 bước: 1 - Dựa vào quân Anh, Nhật để chiếm Sài Gòn, cố thủ chờ viện binh. 2 - Đánh chiếm các đô thị và đường giao thông quan trọng xung quanh Sài Gòn, lập các cứ điểm quân sự làm bàn đạp chuẩn bị mở rộng phạm vi đánh chiếm. 3 - Đánh chiếm các tỉnh còn lại, thiết lập hoàn chỉnh hệ thống chính trị, quân sự, thực hành bình định và từ đó mở rộng phạm vi chiến tranh, đánh chiếm miền Bắc Việt Nam. Trong những ngày đầu dựa vào ưu thế hơn hẳn về quân sự và sự trợ giúp của quân đội Anh, Nhật, chúng nhanh chóng chiếm giữ các vị trí then yếu trong thành phố, thiết lập các đồn bót, căn cứ quân sự, chờ viện binh.

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 4, tr. 27

Tại thành phố Sài Gòn, Xứ ủy và Thành ủy chỉ đạo các lực lượng chiến đấu (bao gồm lực lượng xung phong công đoàn, các đơn vị tự vệ chiến đấu, các đơn vị vũ trang Bình Xuyên, các “bộ đội”; từ những huyện ngoại thành và lực lượng Cộng hoà vệ binh - Đệ nhất sư đoàn dân quân cách mạng) tổ chức thành 16 khu vực tác chiến, làm nhiệm vụ chiến đấu, cầm chân quân địch trong thành phố, tạo điều kiện cho việc di chuyển các cơ quan lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể và quần chúng ra vùng nông thôn ngoại thành. Toàn thành phố tiến hành tổng bãi công, bãi thị, bãi khóa, cắt điện nước, ngừng hoạt động các phương tiện giao thông. Mọi vật dụng như bàn, ghế, quần áo, xe thô mộc... đều được đưa ra đường, cột điện bị đập đổ, cây xanh bị cưa ngã làm chiến lũy, vật cản. Chiến sự diễn ra liên tiếp ở khắp nơi.

Đầu tháng 10-1945, tướng Leclecre đến Sài Gòn cùng với 1 tiểu đoàn lính Âu Phi thuộc trung đoàn bộ binh thuộc địa số 5, 1 đại đội biệt kích Commando Poncherdier và một số đơn vị lính dù, lính thủy. Sau khi có viện binh, chúng liên tiếp tổ chức các cuộc tiến công phá vòng vây xung quanh khu vực trung tâm thành phố Sài Gòn. Xứ ủy Nam bộ, Thành ủy Sài Gòn chỉ đạo các lực lượng chiến đấu lui dần ra, thành lập 4 mặt trận (số 1: phía đông, số 2: phía bắc, số 3: phía tây và số 4: phía nam) bao vây xung quanh Sài Gòn, tạo thành một vành đai khép kín, nhốt quân địch tại chỗ. Tại các mặt trận này, lực lượng chiến đấu Sài Gòn được bổ sung thêm các đơn vị Nam tiến từ Bắc bộ, Trung bộ hành quân vào, các đơn vị chiến đấu từ các tỉnh Nam bộ được sự cung cấp chi viện tiền bạc, lương thực, thực phẩm, quần áo, thuốc men của đồng bào cả nước.

Tại các tỉnh miền Đông Nam bộ, Đảng ủy các cấp tập trung chỉ đạo địa phương xây dựng củng cố lực lượng vũ trang và tiến hành chuẩn bị mọi mặt để chiến đấu ngăn chặn địch đưa quân vào tái chiếm; đồng thời gấp rút tổ chức cho từng đơn vị vũ trang về chiến đấu trên các mặt trận bao vây xung quanh thành phố Sài Gòn. Đặc biệt các tỉnh kề sát thành phố Sài Gòn đều có những đơn vị vũ trang hành quân về tham gia chiến đấu. Bộ đội các huyện Hóc Môn, Thủ Đức, Nhà Bè (Gia Định), Đức Hoà, Trung Quận (Chợ Lớn) hầu hết đều tập trung chiến đấu ngay từ ngày đầu Nam bộ kháng chiến.

Cuộc chiến đấu bao vây quân địch trong thành phố Sài Gòn kéo dài đến ngày 22-10-1945, trước khi quân viễn chinh Pháp có thêm viện binh, mở các cuộc phản công phá vây và tiến chiếm các tỉnh miền Đông Nam bộ và Nam bộ. Trong tròn 1 tháng trời chiến đấu, quân và dân Sài Gòn được sự chi viện của quân và dân cả nước đã hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ “đi trước”, giam chân quân địch trong thành phố, làm phá sản kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của tướng Leclerc, tạo ra một quãng thời

gian quý báu để nhân dân Nam bộ nói chung và nhân dân miền Đông Nam bộ nói riêng có điều kiện chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Tuy nhiên, một tháng trời chiến đấu bao vây quân địch ở Sài Gòn cũng bộc lộ không ít nhược điểm, khó khăn. Do sự thiếu thống nhất trong nội bộ Đảng dẫn đến sự lãnh đạo thiếu tập trung. Một số đơn vị vũ trang như bộ đội Bình Xuyên, các Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ sư đoàn quân cách mạng... chiến đấu tự phát, nằm ngoài sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Các cấp ủy Đảng từ Xứ xuống tỉnh, quận đã hoàn thành xuất sắc sứ mạng lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám. Giờ đây, tình hình đòi hỏi Đảng phải tập trung lại thành một tổ chức thống nhất đủ sức mạnh đoàn kết mọi lực lượng, lãnh đạo toàn dân kháng chiến trong giai đoạn đầy thử thách.

2. Lãnh đạo chống thực dân Pháp tái chiếm các tỉnh miền Đông Nam bộ

Ngày 23-10-1945, binh đoàn kỵ binh thiết giáp do đại tá Massu chỉ huy đến Sài Gòn, đưa tổng số quân viễn chinh Pháp tại Sài Gòn lên tới 6.000 tên. Có thêm quân, Leclerc bắt đầu thực hiện kế hoạch đánh chiếm toàn Nam bộ. Kế hoạch gồm 3 điểm chính: 1- Quân Anh lấy danh nghĩa Đồng Minh đi tước vũ khí quân Nhật, tổ chức đánh chiếm Biên Hoà, Thủ Dầu Một rồi giao cho Pháp. 2 - Quân Pháp tập trung lực lượng chia làm 3 mũi đánh chiếm các tỉnh miền Trung Nam bộ¹. 3- Khi sư đoàn bộ binh thuộc địa số 9 (9e DIC) đến Sài Gòn, sẽ phối hợp với cánh từ Campuchia theo quốc lộ 1, đường 22 đánh chiếm Tây Ninh và vùng cao su dọc Quốc lộ 13. Cuộc chiến tranh từ Sài Gòn bắt đầu lan rộng ra toàn Nam bộ.

Ngày 15-10-1945, Hội nghị cán bộ toàn Xứ được triệu tập Cầu Vĩ (Mỹ Tho). Dự hội nghị gồm có các đồng chí đại diện cho Xứ ủy Tiền Phong, Xứ ủy Giải Phóng cũ, các đồng chí vừa từ nhà tù Côn Đảo trở về. Hội nghị tập trung thảo luận vấn đề xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, tổ chức Việt Minh và các đoàn thể kháng chiến. Phê phán tình trạng thiếu thống nhất trong Đảng, sự tồn tại song song hai tổ chức Xứ ủy Tiền Phong và Giải Phóng, hội nghị biểu quyết giải thể cả hai xứ ủy cũ, thành lập 1 Xứ ủy Nam bộ thống nhất gồm 11 đồng chí (Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Trần Ngọc Danh, Lê Văn Sỹ, Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Văn Kinh, Hoàng Du Khương, Nguyễn Thị Thập, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp) do đồng chí Tôn Đức Thắng làm Bí thư.

¹ Cụ thể: 1 tiểu đoàn bộ binh thuộc trung đoàn số 5 và binh đoàn kỵ binh thiết giáp của Massu theo lộ Đông Dương do Paul Satdier dùng tàu LIC kéo cờ Anh theo kênh Chợ Gạo tiến chiếm cầu Tàu và đánh vào trung tâm thị xã Mỹ Tho. Lực lượng hải quân Ô Cấp đánh chiếm Gò Công, một bộ phận ngược sông Tiền Giang từ Cửa Tiểu, Cửa Đại tiến vào Mỹ Tho

Tiếp đó, ngày 25-10-1945, tại Thiên Hộ (xã Hậu Mỹ, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho), Xứ ủy Nam bộ triệu tập hội nghị mở rộng (do đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng chủ trì với sự tham gia của đại biểu các tỉnh Nam bộ) nhằm đánh giá lại tình hình lãnh đạo kháng chiến kể từ hội nghị Cây Mai (23-9-1945) và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho thời gian sắp tới. Hội nghị đã kiểm điểm rút kinh nghiệm về công tác lãnh đạo trong hơn 1 tháng đầu kháng chiến; phê phán việc tổ chức lực lượng Cộng hoà vệ binh và các “sư đoàn dân quân cách mạng”, coi đó là việc làm “không đúng đường lối, nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng”. Hội nghị đã đề ra các nhiệm vụ nhằm củng cố sự lãnh đạo của Đảng và đẩy mạnh cuộc kháng chiến như: Kiện toàn hệ thống tổ chức Đảng và chính quyền các cấp; củng cố và xây dựng các lực lượng chính trị; xây dựng lực lượng vũ trang và đặt lực lượng vũ trang dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng; thành lập Ủy ban kháng chiến và tổ chức các Quân khu; phát triển chiến tranh nhân dân rộng khắp, đặc biệt ở vùng nông thôn tạm bị chiếm, đông dân, nhiều cửa, các thành phố, thị xã, thị trấn. Hội nghị cũng quyết nghị một số vấn đề cụ thể trong việc tổ chức kháng chiến ở một số tỉnh và quyết định giữ lại ở Nam Bộ phần lớn các đồng chí vừa ra khỏi nhà tù đế quốc để tăng cường cán bộ lãnh đạo, chỉ huy cho các địa phương. Tại hội nghị, đồng chí Tôn Đức Thắng đã khiêm tốn không nhận giữ chức vụ Bí thư Xứ ủy và đề cử đồng chí Lê Duẩn đảm nhận trách nhiệm này. Hội nghị biểu quyết nhất trí cử đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư Xứ ủy và phân công đồng chí Tôn Đức Thắng phụ trách Ủy ban Kháng chiến Nam bộ (thay đồng chí Trần Văn Giàu được Trung ương cử giữ nhiệm vụ khác), đồng thời trực tiếp chỉ đạo các lực lượng vũ trang.

Hội nghị Cầu Vĩ và Hội nghị Thiên Hộ có ý nghĩa như hai phần hợp thành một Đại hội đại biểu Đảng bộ Nam bộ. Nó đánh dấu mốc chấm dứt tình trạng tồn tại hai Xứ uỷ, mở ra thời kỳ thống nhất Đảng về một mối và có hệ thống xuyên suốt từ Xứ xuống đến cơ sở; đồng thời vạch định những nội dung làm cơ sở lý luận và tổ chức, để từ đó các cấp bộ Đảng ở Nam bộ đề ra các nhiệm vụ, biện pháp nhằm đẩy mạnh công cuộc kháng chiến.

Sau hội nghị Cầu Vĩ và Hội nghị Thiên Hộ, quân và dân miền Đông Nam bộ nhận được lời kêu gọi đồng bào Nam bộ của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua Đài Tiếng nói Việt Nam. Người viết: “Quân Pháp nấp đuôi bọn quân đội Anh đang tàn sát đồng bào ta trong xứ. Ở Mỹ Tho, ở Tân An, ở Biên Hoà, Nha Trang, quân Pháp đã xâm phạm đến nền độc lập của chúng ta. Tâm trí tôi luôn luôn bên cạnh mấy triệu đồng bào quyết chiến đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ cho nền độc lập Việt Nam, để tỏ rõ cho hoàn cầu biết rằng dân tộc Việt Nam đầy đủ tinh thần hy sinh chiến đấu... Đồng bào

trong Nam, trong một tháng nay, đã tỏ rõ tinh thần vững chắc, hùng dũng, đáng làm gương cho lịch sử thế giới. Ngày nay trước tình trạng khó khăn, toàn thể quốc dân Việt Nam hồi hộp theo dõi cuộc chiến đấu ở Nam bộ. Nhưng thời cuộc càng khó khăn chừng nào, tôi chắc rằng tinh thần anh chị em càng cương quyết hơn chừng ấy. Trước nạn ngoại xâm, toàn thể quốc dân đã đoàn kết chặt chẽ thành một khối kiên cố, thành một lực lượng thống nhất, mà không đội xâm lăng nào đánh tan được”¹. Nghị quyết hội nghị Cầu Vĩ, Hội nghị Thiên Hộ và lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh như tiếp thêm sức mạnh khích lệ tinh thần kháng chiến của quân và dân miền Đông Nam bộ trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt phức tạp lúc bấy giờ.

Quân Pháp tiếp tục nhận thêm viện binh. Dựa vào ưu thế áp đảo về lực lượng và phương tiện chiến tranh chúng lần lượt tổ chức đánh chiếm các tỉnh ly Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Tân An, Chợ Lớn, Gia Định (tháng 10), Tây Ninh, (tháng 11). Từ các tỉnh ly, chúng tiếp tục đưa quân đánh chiếm các vùng nông thôn, đồn điền cao su, mở rộng các khu vực kiểm soát dọc theo Quốc lộ 14, 13 lên Đồng Xoài, Hớn Quản, Bình Long, Lộc Ninh; theo Quốc lộ 20 lên Định Quán, Phương Lâm; dọc Quốc lộ 1 ra Xuân Lộc, Phan Thiết...(tháng 11, tháng 12). Đến tháng 2-1946, sau đánh chiếm xong Bến Tre, quân Pháp quay trở lại đánh chiếm Bà Rịa, tỉnh cuối cùng ở miền Đông Nam bộ. Cùng với bước chân xâm lược của thực dân Pháp là quá trình rút lui và tan rã của các “Sư đoàn dân quân cách mạng”, các đơn vị vũ trang quân phiệt và cơ hội. Trước sự tấn công của địch, các đơn vị vũ trang này diễn ra sự phân hoá sâu sắc. Hầu hết các sĩ quan chỉ huy và một bộ phận binh lính chạy về Sài Gòn đầu hàng, cam tâm làm tay sai cho giặc hoặc tự thổ phỉ hoá trong quá trình tan rã.

Quán triệt sự lãnh đạo của trên, Tỉnh ủy các tỉnh vừa củng cố, ổn định lại tổ chức vừa chỉ đạo quân và dân địa phương tiến hành chiến đấu ngăn chặn địch. Các cơ quan kháng chiến rút ra khỏi thị xã, thị trấn về đứng chân ở những khu vực có địa hình thuận lợi. Người già trẻ em được tổ chức đi tản cư. Tất cả thực hiện vườn không nhà trống, “tiêu thổ kháng chiến”. Các đơn vị bộ đội (mang tên người chỉ huy), các đội du kích phá hoại những đoạn đường dẫn vào thị xã, thôn xóm và tổ chức nhiều trận địa mai phục. Công nhân cao su chặt các bánh mủ khô và chà gai dọc đường dẫn vào đồn điền. Hàng trăm cuộc chiến đấu phục kích ngăn chặn địch diễn ra trên mọi nẻo đường quân Pháp đặt chân tới. Do tương quan lực lượng chênh lệch, cuối cùng các đơn vị vũ trang của ta buộc phải rút lui để bảo toàn lực lượng, chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài. Mặc dù hoạt động chiến đấu ngăn chặn địch tái chiếm của quân và dân miền Đông Nam bộ đã góp phần tiêu hao một phần sinh lực địch, ngăn chặn bước chân xâm

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000. tập 4, tr 77 - 78

lược của thực dân Pháp, làm cho chúng buộc phải bị động đối phó và giảm chậm tốc độ đánh chiếm theo chiều hướng bất lợi.

Đồng thời với hoạt động chiến đấu ngăn chặn địch, công tác tổ chức chiến trường, củng cố lực lượng được chú trọng chỉ đạo thực hiện. Tỉnh ủy các tỉnh Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Gia Định, Tân An đưa cán bộ vào các đơn vị vũ trang Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ sư đoàn, bộ đội Hồng Tảo (HT29) làm nhiệm vụ chuyển hoá, thu phục anh em binh sĩ trở về hàng ngũ kháng chiến. Đối với một số bộ phận đơn vị “dân quân cách mạng” đã thổ phỉ hoá, quay lại cướp bóc những nhiều nhân dân, chống phá kháng chiến, lực lượng Quốc gia tự vệ và các đơn vị vũ trang cách mạng tiến hành bao vây cô lập và giải giới. Nhiều toán thổ phỉ ở Hóc Môn (Gia Định), Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một), Đức Hoà (Chợ Lớn), Mộc Hoá (Tân An), Long Thành, Xuân Lộc (Biên Hoà)... được giải quyết một cách nhanh gọn. Đại bộ phận binh lính vốn là những thanh niên nông dân yêu nước, bị lừa mị, nay được giác ngộ nhận rõ bản chất của những tên chỉ huy phản động đã mang súng về với nhân dân, gia nhập các đơn vị vũ trang cách mạng đang chiến đấu trên các chiến trường. Tỉnh ủy Biên Hoà chỉ đạo mở trường huấn luyện cán bộ quân sự tại Vĩnh Cửu, sau chuyển về Bình Đa, đào tạo tổng cộng hơn 100 cán bộ đưa về làm nòng cốt trong phong trào du kích ở địa phương và trong các đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh. Từ Bình Đa, trường chuyển về Sở Tiêu, Đất Cuốc (huyện Tân Uyên, Biên Hoà), phát triển thành Trường Quân chính Khu 7. Mặt trận Việt Minh và cán bộ Đảng tỉnh Bà Rịa chỉ đạo giải quyết vụ một số tên chỉ huy lực lượng vũ trang vốn thuộc tổ chức Cộng hoà vệ binh cũ, âm mưu phản loạn, tách khỏi sự lãnh đạo của Đảng, củng cố lại lực lượng vũ trang cách mạng trong toàn tỉnh.

Mặt khác, Tỉnh ủy các tỉnh chỉ đạo lực lượng Quốc gia tự vệ cuộc tiến hành xây dựng cơ sở bí mật trong các thị xã, thị trấn và thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, phát triển các đơn vị làm nhiệm vụ trừ gian, trấn áp bọn tay sai bán nước; đồng thời tích cực phát hiện bắt giữ những tên gián điệp, phản bội ở Tân An, Chợ Lớn, Gia Định, Bà Rịa, xây dựng Quốc gia tự vệ thành một bộ phận lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng.

Thực hiện nghị quyết hội nghị Thiên Hộ và chỉ thị của Trung ương, ngày 10-12-1945, tại Bình Hoà Nam (một xã ven hữu ngạn sông Vàm Cỏ Đông thuộc tỉnh Tân An), Xứ ủy Nam bộ họp hội nghị mở rộng nhằm củng cố lại bộ máy cơ quan kháng chiến và tổ chức quân sự. Dự hội nghị có các đồng chí Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Hoàng Quốc Việt và nhiều cán bộ là Xứ ủy viên, cán bộ quân sự ở Nam bộ. Hội nghị quyết định giải thể Ủy ban kháng chiến Nam bộ, thành lập Ủy ban kháng chiến miền

Nam Việt Nam do Cao Hồng Lĩnh làm Chủ tịch, Đàm Minh Viễn làm Chủ nhiệm tham mưu, Trần Ngọc Danh làm Chủ nhiệm chính trị. Đồng chí Tôn Đức Thắng giữ trách nhiệm Chủ nhiệm hậu cần. Đồng thời, hội nghị quyết định chia Nam bộ thành 3 khu quân sự - hành chính, thành lập Khu 7 (khu vực miền Đông Nam bộ), Khu 8 (khu vực miền Trung Nam bộ), Khu 9 (khu vực miền Tây Nam bộ), chỉ định Khu bộ trưởng (Tu lệnh) và Chính trị bộ chủ nhiệm (Chính ủy) từng khu. Hội nghị cũng đề ra các biện pháp nhằm củng cố lực lượng vũ trang xây dựng các chi đội vệ quốc đoàn và căn cứ địa kháng chiến. Theo đó, trên địa bàn miền Đông Nam bộ, Khu 7 được thành lập, bao gồm các tỉnh Chợ Lớn, Gia Định, Bà Rịa, Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Tây Ninh và thành phố Sài Gòn do Nguyễn Bình làm Khu bộ trưởng, Trần Xuân Độ làm Chính trị bộ chủ nhiệm, Dương Văn Dương làm Khu bộ phó.

Từ đây, tổ chức hành chính - quân sự Quân khu 7 được thành lập làm nhiệm vụ tổ chức và chỉ huy các lực lượng vũ trang ở miền Đông Nam bộ kháng chiến.

*

* *

Cuối năm 1945, Xứ ủy Nam bộ nhận được thông cáo Đảng Cộng sản Đông Dương tự ý giải tán của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. Thông cáo viết: “1- Căn cứ vào điều kiện lịch sử, tình hình thế giới và hoàn cảnh trong nước, nhận rằng lúc này chính là cơ hội nghìn năm có một cho nước Việt Nam giành quyền hoàn toàn độc lập; 2- Xét rằng: muốn hoàn thành nhiệm vụ dân tộc giải phóng vĩ đại ấy, sự đoàn kết nhất trí của toàn dân không phân biệt giai cấp, Đảng phái là một điều kiện cốt yếu. 3- Để tỏ rằng: những Đảng viên cộng sản là những chiến sĩ tiên phong của dân tộc, bao giờ cũng hy sinh tận tụy vì sự nghiệp giải phóng của toàn dân, sẵn sàng đặt quyền lợi của quốc gia lên trên quyền lợi của giai cấp, hy sinh quyền lợi riêng của đảng phái cho quyền lợi chung của dân tộc. 4- Để phá tan tất cả những hiểu lầm ở ngoài nước vào trong nước có thể trở ngại cho tiền đề giải phóng của nước nhà, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp ngày 11-11-1945, nghị quyết tự động giải tán Đảng Cộng sản Đông Dương. Những tín đồ của Đảng Cộng sản muốn tiến hành việc nghiên cứu chủ nghĩa sẽ gia nhập “*Hội nghị nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương*”.¹

Đồng thời, Xứ ủy cũng nhận được chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Sau khi phân tích tình hình thế giới, tình hình trong nước, biểu dương tinh thần chiến đấu của quân và dân Nam bộ, chỉ thị đã đề ra các

¹ Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN, 2000, tập 8, tr 19 - 29

nhiệm vụ về quân sự, ngoại giao, tuyên truyền, kinh tế tài chính, cứu tế, văn hoá. Riêng về Đảng, chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” chỉ rõ: “Phải duy trì hệ thống tổ chức bí mật hay bán công khai của Đảng, tuyển thêm Đảng viên, đặc biệt chú trọng gây cơ sở xí nghiệp của Đảng cho thật rộng, làm cho sự phát triển Đảng ăn nhịp với sự phát triển của công nhân cứu quốc. Tránh cả hai khuynh hướng: chỗ thì tổ chức Đảng hẹp quá, chậm quá, và chưa bỏ được bệnh hẹp hòi câu chấp của thời kỳ hoàn toàn bí mật..., chỗ thì tổ chức rộng quá, nhanh quá khiến cho những phần tử phức tạp có thể len vào đảng... phải tổ chức ra các tổ chức nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác, bao gồm tất cả những phần tử có khuynh hướng cs (cộng sản) hay cảm tình cs do người cs điều khiển, nhưng đồng thời phải ngăn ngừa những đảng viên tiêm nhiễm những thói tiêu tư sản và mắc bệnh của chủ nghĩa công khai (Légalisme) như ta thường thấy trong các kỳ hoạt động hợp pháp ở bất cứ một nước nào. Các tổ chức của Đảng phải sinh hoạt cho đều và không vì lẽ gì để cho nó rời rạc, loạc choạc. Tổ chức các chi bộ trong các cơ quan hành chính hay trong các hội hợp pháp; củng cố Đảng đoàn trong đó, thành lập chi bộ trong quân đội, *phối hợp sự hoạt động bí mật với sự hoạt động công khai*, điều hòa hai sự hoạt động ấy, coi công tác bí mật vẫn là gốc, phân công giữa các đồng chí bí mật và công khai cho rành mạch, rứt khoát, không để cho *các cơ quan bí mật trở thành xung đột hay đối lập với các cơ quan công khai*. Các cơ quan chấp hành, các cấp phải năng ra thông cáo bí mật để báo cáo tình hình và chủ trương chung của Đảng và chỉ thị công tác cho các cấp dưới; ra những sách nhỏ nói về công tác và chủ nghĩa”.¹

Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” đã giải thích bản chất của sách lược chuyển Đảng sang hoạt động bí mật trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt cuối năm 1945 nhằm đoàn kết, tập hợp tất cả các lực lượng, các đảng phái trong cả nước vào một mặt trận chung kháng chiến chống quân xâm lược; đồng thời chỉ ra những cách thức, biện pháp tiếp tục phát triển tổ chức Đảng, duy trì và giữ vững sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới.

Sau khi nhận được thông cáo và chỉ thị của Trung ương, Xứ ủy Nam bộ đã tổ chức quán triệt đến các tỉnh uỷ, các cơ quan kháng chiến và lực lượng vũ trang. Tỉnh uỷ các tỉnh miền Đông phổ biến đến các tổ chức Đảng cơ sở. Tuy nhiên, một số tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên đã nhận thức không đầy đủ chủ trương của trên. Cá biệt có nơi hiểu sai lạc là Đảng đã tự giải tán thật, từ đó buông lơi công tác xây dựng Đảng, buông lơi sự lãnh đạo của Đảng ở các đơn vị, địa phương mình phụ trách. Tình hình trên, càng làm cho tổ chức Đảng ở một số nơi thuộc miền Đông Nam bộ vốn

¹ Sđd, tập 8, tr 28 -29

đang ở trong giai đoạn củng cố bị khựng lại. Một số tổ chức cơ sở Đảng trong suốt thời gian dài không phát triển thêm được một đảng viên nào. Một số cán bộ quân sự nằm ngoài Đảng, thậm chí không tuân theo sự lãnh đạo của Đảng ủy cấp trên.

Dù sao, chỉ thị “Kháng chiến cứu quốc” đã chỉ ra phương hướng và nhiệm vụ cụ thể để từ đó, các cấp bộ Đảng ở miền Đông Nam bộ tiếp tục chỉ đạo đưa cuộc kháng chiến tiến tới.

II. LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VÀ CĂN CỨ ĐỊA KHÁNG CHIẾN

1. Lãnh đạo xây dựng lực lượng kháng chiến.

Đầu tháng 3-1946, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị chủ trương hoà hoãn với Pháp để phá âm mưu của bè lũ đế quốc đẩy nước ta vào tình thế phải đương đầu cùng một lúc với ba lực lượng thù địch: Quân đội Tưởng, thực dân Pháp và bọn phản động trong nước; đồng thời lợi dụng mâu thuẫn giữa đế quốc Pháp và Tưởng, đẩy mau quân Tưởng về nước, tranh thủ thời gian củng cố và phát triển thêm lực lượng kháng chiến, chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới. Ngày 6-3-1946, Chính phủ ta ký với Pháp bản Hiệp ước sơ bộ, theo đó, Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp, quân đội hai bên ngừng bắn ở nguyên vị trí chờ cuộc đàm phán thực hiện toàn bộ các điều khoản đã được ký kết. Ngày 9-3-1946, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “Hoà để tiến” trong đó chỉ rõ, chúng ta hoà với Pháp để: “... Bảo toàn thực lực dành lấy giây phút nghỉ ngơi và củng cố vị trí mới đã chiếm được, chấn chỉnh đội ngũ cách mạng, bổ sung bộ đội, bồi dưỡng và phát triển phong trào. Tóm lại, để chuẩn bị đầy đủ, nhằm cơ hội tiến lên giai đoạn cách mạng mới”¹. Trong khi đó, ở Nam bộ từ giữa tháng 2-1946, Leclerc ra thông báo tuyên bố : “ các cuộc hành quân đánh chiếm Nam kỳ và Nam Trung kỳ đã hoàn tất”. Ngày 5-3-1946, đơn vị cuối cùng của Anh đã rút khỏi Sài Gòn sau khi để lại cho Pháp nhiều phương tiện và vũ khí chiến tranh. Thực dân Pháp thiết lập hệ thống đồn bót căn cứ quân sự, thành lập hệ thống chính quyền bù nhìn tay sai từ trung ương đến xã ấp, xây dựng cơ sở xã hội chính trị cho chúng và bắt đầu trở lại hoạt động sản xuất khai thác thuộc địa, tập trung ở hai lĩnh vực chính: cao su ở miền Đông, lúa gạo ở miền Trung và miền Tây Nam bộ. Mặc dù Hiệp định được ký kết, nhưng ủy viên Cộng hoà Pháp ở Nam Bộ Cedille tuyên bố Hiệp ước “không dính dấp gì đến Nam kỳ”, ngoan cố tiếp tục thực hiện âm

¹ Sđd, tập 8, tr 49

muu đẩy mạnh đẩy mạnh hoạt động quân sự bình định Nam bộ, tách Nam bộ thành xứ tự trị có dinh phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng.

Mặc dù thực dân Pháp tìm cách phá hoại, nhưng việc ký Hiệp định sơ bộ đã tạo ra một quãng thời gian hòa hoãn hết sức quý báu để quân và dân miền Đông Nam bộ củng cố lại lực lượng sau hơn 5 tháng kháng chiến với nhịp điệu gấp gáp, vừa xây dựng, vừa chiến đấu. Đồng thời với việc củng cố lại lực lượng, chuẩn bị mọi mặt cho giai đoạn kháng chiến sắp tới, Xứ ủy chỉ đạo các địa phương khẩn trương củng cố và xây dựng hệ thống tổ chức Đảng, hệ thống chính quyền và đoàn thể kháng chiến, xây dựng xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng. Tại thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn có hai tổ chức Đảng ở nội thành và ngoại thành; nội thành do đồng chí Trần Thọ Chân phụ trách, ngoại thành do đồng chí Trịnh Đình Trọng phụ trách. Đến tháng 5-1946, hai tổ chức này sáp nhập lại do các đồng chí Trịnh Đình Trọng và Trần Thọ Chân làm Bí thư và Phó Bí thư. Tỉnh ủy Chợ Lớn cũng được củng cố lại do đồng chí Hồ Văn Long làm Bí thư. Tỉnh ủy Gia Định vẫn tồn tại hai Tỉnh ủy Tiền Phong và Giải Phóng. Hai tỉnh Chợ Lớn, Gia Định và thành phố Sài Gòn củng cố lại hệ thống chính quyền và Mặt trận Việt Minh xuống tới cấp huyện, xã. Tại Bà Rịa, Hội nghị cán bộ tỉnh tháng 3-1946 ra nghị quyết củng cố lại một bước bộ máy lãnh đạo, đồng chí Trần Xuân Độ được cử đứng đầu ban lãnh đạo kháng chiến Bà Rịa – Vũng Tàu, đồng chí Nguyễn Tấn Phúc làm Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, đồng chí Bùi Minh Công làm Chủ nhiệm Ủy ban Mặt trận Việt Minh, đồng chí Nguyễn Quý phụ trách Ủy ban Kháng chiến và lực lượng vũ trang. Tại Biên Hoà, hội nghị cán bộ tỉnh tại Cù Lao Vịt tháng 4-1946, đã chỉ định đồng chí Trần Minh Trí làm Bí thư, đồng chí Huỳnh Văn Luỹ làm Phó bí thư kiêm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh, Kinh lý Nguyễn Văn Tàng làm Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, đồng chí Trịnh Trọng Tráng phụ trách công đoàn, đồng chí Phạm Văn Khoai phụ trách Hội Nông dân cứu quốc. Hội nghị đã tập trung giải quyết vấn đề xây dựng hệ thống Đảng, chính quyền, đoàn thể kháng chiến từ tỉnh xuống huyện, xã. Tại Thủ Dầu Một, hội nghị cán bộ tỉnh tháng 3-1946 tại Phú Hòa củng cố Tỉnh ủy gồm 7 đồng chí do đồng chí Nguyễn Văn Tiết làm Bí thư kiêm Chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh, đồng chí Văn Công Khai làm Phó Bí thư kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chánh. Cử nhân luật Nguyễn Minh Chương giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh. Hội nghị đã chỉ đạo củng cố hệ thống lãnh đạo xây dựng các đoàn thể kháng chiến, cử những cán bộ có uy tín phụ trách ủy ban nhân dân, Mặt trận Việt Minh các cấp. Tại Tây Ninh, sau ngày Hiệp định sơ bộ được ký kết, Tỉnh ủy lâm thời được giải thể, các cán bộ lãnh đạo được cử đi chỉ đạo và phụ trách các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể trong toàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh do đồng chí

Thuần giữ trách nhiệm Quyền chủ tịch, từ tháng 5 năm 1946 đồng chí Dương Minh Châu làm Chủ tịch. Ủy ban Mặt trận Việt Minh tỉnh do đồng chí Đỗ Văn Dũng làm Chủ nhiệm. Các tỉnh ủy viên cũ họp hội nghị đề ra một số nhiệm vụ trước mắt như thống nhất nội bộ, phát triển Đảng, củng cố chính quyền mặt trận từ tỉnh xuống huyện, xã, tiến hành công tác chính trị trong lực lượng vũ trang, mở trường huấn luyện đào tạo cán bộ. Tại Tân An, Tỉnh ủy cử cán bộ tảo về các huyện Châu Thành, Thủ Thừa, Mộc Hóa để củng cố tổ chức Đảng, xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng các đoàn thể như: thanh niên cứu quốc, phụ nữ cứu, nông dân cứu quốc, thiếu nhi cứu quốc ở từng xã. Để có đủ các bộ cho ngành, các cấp, Tỉnh ủy các tỉnh chỉ đạo mở các lớp đào tạo ngắn, tuyển chọn các cán bộ trẻ, những thanh niên có giác ngộ tốt và hăng hái để sắp xếp vào các lớp bồi dưỡng về công tác chính quyền, công tác đoàn thể. Tỉnh bộ Việt Minh các tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hoà, Tân An đều mở được nhiều lớp huấn luyện ngắn ngày đào tạo cán bộ thanh niên, phụ nữ, nông hội... Trường Quân chính Khu 7 đào tạo hàng trăm học viên (khóa Hồ Chí Minh và khóa Võ Nguyên Giáp) cung cấp cho các đơn vị vũ trang và các địa bàn nông cốt để xây dựng chính quyền và các tổ chức kháng chiến ở cơ sở.

Miền Đông Nam bộ là nơi tập hợp đông đảo công nhân công nghiệp, công nhân các đồn điền cao su. Sau ngày Hiệp định Sơ bộ 6-3 được ký kết, Tổng Công Đoàn Nam bộ đã họp hội nghị chủ trương: 1- Đưa cán bộ công đoàn về các cơ sở vùng tạm bị chiếm để chỉ đạo phong trào công nhân; 2- Vận động các tổ chức thanh niên công nhân tòng quân đánh giặc; 3- Củng cố, phát triển hệ thống công đoàn rộng rãi. Thực hiện chủ trương trên, Tổng công đoàn Nam bộ, Tỉnh ủy các tỉnh đã cử nhiều cán bộ về lại các nhà máy, công xưởng, các đồn điền cao su bắt liên lạc tổ chức công nhân cứu quốc. Nhiều cán bộ, đảng viên hoặc bí mật hoặc dưới hình thức bình phong công khai bám trụ tại nhà máy, đồn điền để trực tiếp chỉ đạo công nhân đấu tranh với chủ hãng đòi quyền dân sinh, dân chủ và tham gia kháng chiến. Đến mùa thu 1946, trong hầu khắp các nhà máy, đồn điền ở miền Đông Nam bộ, cán bộ, đảng viên đã xây dựng xong cơ sở bám trụ và tổ chức công nhân kháng chiến. Tại Sài Gòn, Gia Định, Biên Hoà, Thủ Dầu Một công nhân tìm cách tháo dỡ máy móc, thiết bị phụ tùng gửi vào chiến khu xây dựng các binh công xưởng. Hàng ngàn công nhân bỏ nhà máy đồn điền gia nhập các đơn vị Vệ quốc đoàn và công an xung phong. Phong trào phá hoại vườn cây, nhà máy trong các đồn điền cao su, gọi là “cao su chiến” bắt đầu phát triển ở Bà Rịa, Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Tây Ninh.

*

* *

Song song với việc củng cố xây dựng các tổ chức chính quyền và đoàn thể kháng chiến, Đảng ủy các cấp chú trọng xây dựng các đơn vị vũ trang tập trung và lực lượng dân quân du kích. Việc hình thành các chi đội Vệ quốc đoàn ở miền Đông Nam bộ là kết quả của quá trình chỉ đạo xây dựng sàng lọc từ các đơn vị vũ trang nhỏ lẻ ngay sau ngày thực dân Pháp đánh chiếm Sài Gòn, đặc biệt sau hội nghị An Phú Xã (20-11-1945) do Nguyễn Bình với danh nghĩa phái viên của Trung ương triệu tập nhằm thống nhất các đơn vị vũ trang tập trung trên toàn chiến trường Nam bộ.

Ở tỉnh Gia Định, hàng ngàn thanh niên nông dân ngoại thành tự trang bị vũ khí, tự nguyện thoát ly gia đình, tập hợp thành những nhóm vũ trang nhỏ lẻ do các đảng viên hoặc những cán bộ có uy tín chỉ huy. Những đơn vị này gọi là “bộ đội” mang tên người chỉ huy như Cao Đức Luốc, Huỳnh Tấn Chùa, Tô Ký, Nguyễn Văn Thược, Nguyễn Văn Búra, Tám Dọn (Lê Thanh) phía tây bắc; Trần Đình Xu, Hứa Văn Yên (Gò Vấp); Trần Thắng Minh, Bảo Sơn Tây (Dĩ An), Nguyễn Thế Truyện, Thái Văn Lung (Thủ Đức) phía đông. Đầu tháng 11-1945, các đơn vị chiến đấu ở Hóc Môn và kế cận hợp với bộ đội Huỳnh Văn Một ở Đức Hoà (Chợ Lớn) thành lập một lực lượng thống nhất, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, lấy tên là Giải Phóng liên quận Hóc Môn-Bà Điểm - Đức Hoà. Ban chỉ huy gồm 3 ủy viên quân sự Tô Ký, Cao Đức Luốc, Huỳnh Văn Một và 3 ủy viên chính trị Hoàng Dur Khương (sau là Trần Văn Trà thay), Hoàng Tế Thế, Nguyễn Đức Huy. Đây là đơn vị vũ trang tập trung có sự lãnh đạo của Đảng đầu tiên được thành lập ở miền Đông Nam bộ với sự tham gia của rất nhiều đảng viên kỳ cựu từ trước Cách mạng tháng Tám. Đến tháng 3-1946, một bộ phận Giải phóng quân liên quận tách ra phát triển thành Chi đội 12 do Tô Ký làm chi đội trưởng, Hoàng Tế Thế làm chính trị viên. Tại vùng ngoại thành phía đông Sài Gòn, tháng 3-1946, Tỉnh ủy Gia Định chỉ đạo hợp nhất bộ đội Gò Vấp, bộ đội Dĩ An, bộ đội Thủ Đức thành Chi đội 6 do Nguyễn Văn Dung làm Chi đội trưởng, Phạm Văn Khung, Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chính trị viên.

Ở tỉnh Chợ Lớn, có rất nhiều đơn vị vũ trang tập trung hình thành từ sau Cách mạng tháng Tám như bộ đội Trương Văn Bang ở Cần Giuộc, Bộ đội Hồng Sơn Đỏ ở Cần Đước, bộ đội Hai Bàn, Tư Bốn, Nguyễn Văn Thái, Nguyễn Văn Siêu, Nguyễn Văn Tôn ở Trung Quận, bộ đội Huỳnh Văn Một ở Đức Hoà. Tháng 3-1946, bộ đội Cần Giuộc xây dựng thành Tiểu đoàn Nguyễn An Ninh do Trương Văn Bang (từng giữ chức vụ Bí thư Xứ ủy Nam kỳ) làm Tiểu đoàn trưởng, Lưu Quang Tuyển làm Chính trị viên. Tiểu đoàn trưởng Nguyễn An Ninh còn được dân trong vùng gọi là “bộ đội đỏ”. Cũng trong tháng 3-1946, bộ đội Đức Hoà, đơn vị thuộc Giải Phóng quân liên quận Hóc Môn-Bà Điểm-Đức Hoà tách ra xây dựng thành Chi đội 15. Chi đội 15

được giao nhiệm vụ thống nhất các lực lượng vũ trang tập trung trong toàn tỉnh Chợ Lớn, do Huỳnh Văn Một làm Chi đội trưởng, Nguyễn Văn Truyền làm Chính trị viên.

Ở tỉnh Bà Rịa, tình hình xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng diễn ra rất khó khăn, phức tạp. Trên cơ sở các đội Cảm tử quân cách mạng, Cảm tử xung kích, Thanh niên tự vệ và lực lượng quần chúng vũ trang ở Bà Rịa, thị xã Vũng Tàu, tháng 11-1945, tổ chức Giải phóng quân của tỉnh được thành lập. Tuy nhiên, ngay sau đó một tiểu đoàn thuộc sư đoàn Cộng hòa vệ binh Nam bộ (thành phần chủ yếu là thân binh cũ) từ Sài Gòn đưa về Bà Rịa. Lực lượng này (do Phan Đình Tân, Trịnh Ngọc Hiền chỉ huy) đã thực hiện những hành vi nhằm phá hoại quá trình xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, phá hoại kháng chiến. Tháng 3-1946, hội nghị cán bộ tỉnh đã chủ trương “xây dựng lại” lực lượng vũ trang, và đến tháng 10 năm ấy, trên cơ sở đội du kích Quang Trung, phân đội vũ trang Long Thành, lực lượng du kích ở các xã, tự vệ ở các đồn điền cao su và thanh niên mới tòng quân, Chi đội 16 Bà Rịa được thành lập. Chi đội do Huỳnh Văn Đạo làm Chi đội trưởng, Hoàng Tiêu làm Chính trị viên.

Ở tỉnh Biên Hoà, lực lượng vũ trang tập hợp lại từ nhiều nguồn khác nhau: nông dân, công nhân cao su, công nhân sở hoả xa, xưởng cưa BIF, học sinh, công chức... Ngoài số học viên tốt nghiệp trường huấn luyện do Tỉnh ủy tổ chức sau ngày Nam bộ kháng chiến, còn nhiều đơn vị như bộ đội Lê Văn Ngọc ở Châu Thành, bộ đội Lương Văn Nho, Nguyễn Văn Lung, Nguyễn Văn Toàn ở Long Thành; bộ đội Đinh Quang Ân ở Xuân Lộc; bộ đội Huỳnh Văn Nghệ ở Tân Uyên. Bộ đội Huỳnh Văn Nghệ tập hợp nhiều lực lượng bao gồm tiểu đội Nguyễn Văn Quý tồn tại từ Nam kỳ khởi nghĩa năm 1940 và các đơn vị vũ trang từ Sài Gòn và các khu vực lân cận hội về. Đến tháng 6-1946, Chi đội 10 do Huỳnh Văn Nghệ làm Chi đội trưởng, Phan Đình Công làm Chính trị viên.

Ở tỉnh Thủ Dầu Một, sau ngày Nam bộ kháng chiến, hàng loạt đơn vị vũ trang ra đời như đội tự vệ xung kích do Nguyễn Văn Thi chỉ huy; lực lượng Thanh niên chiến đấu các xã Phú Hoà, Định Hòa, Phú Hữu, Chánh Hiệp do Đoàn Hữu Hòa chỉ huy; “Đội quân áo nâu” gồm có công nhân cao su, thanh niên dân tộc thiểu số ở Lộc Ninh, Hớn Quản do Lê Đức Anh chỉ huy; lực lượng bảo an binh theo cách mạng do Bùi Khánh Nguơn và Nguyễn Sơn Xuyên chỉ huy; lực lượng công chức yêu nước và cảnh sát cũ yêu nước do Kiều Đắc Thắng, Huỳnh Kim Trương chỉ huy cùng một số đơn vị vũ trang có thành phần là công nhân, công chức, trí thức từ Sài Gòn lên. Ngoài ra, Thủ Dầu Một còn có hàng trăm đội viên tốt nghiệp từ trường Quân chính Khu 7 bổ sung vào các đơn vị nói trên. Ngày 25-11-1945, lực lượng vũ trang ở Thủ Dầu Một

được thống nhất lại, xây dựng thành Chi đội 1, do đồng chí Huỳnh Kim Trương sau đó Nguyễn Văn Thi làm Đội trưởng, Vương Anh Tuấn làm Chính trị viên.

Ở tỉnh Tây Ninh, sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, bên cạnh lực lượng Cộng hòa vệ binh của tỉnh (tập hợp nhiều binh lính cũ, công chức, học sinh), lần lượt từng đơn vị vũ trang nhỏ lẻ ra đời. Ở Trảng Bàng có các đơn vị bộ đội ở Cầu Quan, Trâm Vàng, Suối Sâu, Đôn Thuận... Ở Châu Thành có các bộ đội Nguyễn Đức Hinh, Albert Mẫn, Trần Minh Ngọc, Khương Quang Cảnh, Phạm Nguyên, Nguyễn Công Bằng, Trần Văn Đầu... Trong những ngày đầu kháng chiến, lực lượng vũ trang của tỉnh bị phân tán nhỏ lẻ trên nhiều chiến trường khác nhau. Từng bước, Tỉnh ủy lâm thời Tây Ninh đã chỉ đạo tập hợp lại thành một lực lượng thống nhất. Tháng 3-1946, lực lượng vũ trang Tây Ninh hợp nhất lại, thành lập Chi đội 11, do Trịnh Khánh Vàng làm Chi đội trưởng, Nguyễn Lê Uẩn làm Chính trị viên. Ngoài thanh niên nông dân địa phương, học sinh, công chức, lực lượng công nhân cao su chiếm một tỷ lệ lớn trong Chi đội 11.

Ở tỉnh Tân An, trên cơ sở tập hợp những đội viên du kích từ Nam kỳ khởi nghĩa năm 1940 và trong Cách mạng tháng Tám, các đơn vị vũ trang lần lượt ra đời sau ngày Nam bộ kháng chiến. Đó là bộ đội Phan Đông Sơ, Bảy Thôn ở Châu Thành; Bộ đội Lê Văn Cửa, Lê Văn Nho ở Mộc Hóa, bộ đội Lương Tế Vân (Lê Văn Tường), Hồ Tấn Điều, Tiên ở Thủ Thừa... Tháng 3-1946, bộ đội Tân An (Lê Văn Tường chỉ huy), bộ đội Trung Quân (Nguyễn Văn Siêu, Nguyễn Văn Tôn chỉ huy), và hai phân đội thuộc Giải Phóng quân Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hoà chuyển xuống hợp nhất lại, thành lập Chi đội 14 Tân An. Chi đội 14 do Trần Văn Trà Khu bộ trưởng Khu 8 kiêm Chi đội trưởng (sau đó Phan Vũ Hoà tức Phẫu làm Chi đội trưởng), Nguyễn Văn Tôn làm Chính trị viên.

Ngoài ra còn có lực lượng công đoàn của Tổng công đoàn Nam bộ do Nguyễn Lưu chỉ huy; lực lượng võ trang Nhà Bè do Dương Văn Dương chỉ huy, lực lượng vũ trang Cần Giuộc do Nguyễn Văn Mạnh chỉ huy cùng nhiều đơn vị vũ trang khác dưới sự chỉ huy của Lê Văn Viễn, Ngô Văn Lực, Võ Văn Môn, Huỳnh Văn Trí, Nguyễn Văn Huỳnh, Quách Văn Phải... Trừ một số chỉ huy là đảng viên cộng sản như Nguyễn Văn Trân, Từ Văn Ri, Nguyễn Văn Mạnh, còn lại phần đông là những thủ lĩnh “anh chị”, giang hồ hảo hớn, không chịu sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương. Tất cả đều được gọi theo danh nghĩa của Dương Văn Dương, Nguyễn Văn Mạnh là bộ đội Bình Xuyên. Theo chỉ thị của Khu bộ trưởng Nguyễn Bình, các đơn vị nói trên thành lập các chi đội. Lực lượng Nhà Bè gộp lại thành Chi đội 2 (Lê Văn Chảng Chi đội trưởng, Nguyễn Lộc Chính trị viên) và Chi đội 3 (Từ Văn Ri Chi đội trưởng, Lâm Văn

Hậu Chính trị viên). Hai chi đội này hợp thành Liên chi đội 2- 3 do Dương Văn Dương chỉ huy chung. Bộ đội Huỳnh Văn Trí xây dựng thành Chi đội 4 do Huỳnh Văn Trí làm Chi đội trưởng, Tư Lạc làm Chính trị viên, lập sở chỉ huy ở Bà Queo. Bộ đội Nguyễn Văn Mạnh thành lập Chi đội 7 do Mai Văn Vĩnh làm Chi đội trưởng đóng quân ở Rừng Sác. Bộ đội Cao Đài xây dựng thành Chi đội 8, Ban chỉ huy gồm Nguyễn Thanh Bạch, Lâm Văn Phát, Đặng Quang Dương, lập sở chỉ huy ở bắc Hóc Môn và Trảng Bàng. Bộ đội Lê Văn Viễn xây dựng thành Chi đội 9 do Lê Văn Viễn làm Chi đội trưởng, đóng quân ở Rừng Sác. Bộ đội Nguyễn Văn Hoạch xây dựng thành Chi đội 21, do Nguyễn Văn Hoạch làm Chi đội trưởng, đóng quân ở Lý Nhơn – Rừng Sác. Bộ đội Nguyễn Văn Ty xây dựng thành Chi đội 25, do Nguyễn Văn Ty làm Chi đội trưởng, đóng quân ở khu vực bắc Đức Hoà, tây Trảng Bàng. Bộ đội Phạm Hữu Đức đại bộ phận là binh sĩ của Đệ tam sư đoàn được tổ chức lại Chi đội 5 do Phạm Hữu Đức làm Chi đội trưởng, đóng quân ở khu vực Đông Thành.

Đến mùa thu năm 1946, về tổ chức các chi đội đã xây dựng xong trên toàn chiến trường miền Đông Nam bộ (trừ Chi đội 8 Cao Đài chỉ thành lập trên danh nghĩa). Kể cả đơn vị bộ đội lưu động Khu 7 (do Hoàng Thọ làm chỉ huy trưởng), tính chung ở miền Đông Nam bộ có tất cả 20 đơn vị, trong đó có 18 chi đội Vệ quốc đoàn (trong tổng số 27 chi đội, vệ quốc đoàn được thành ở Nam bộ).¹ Các chi đội còn lại là: Chi đội 14 (Tân An), Chi đội 17 (Mỹ Tho), Chi đội 18 (Sa Đéc), Chi đội 19 (Bến Tre), Chi đội 20 (Vĩnh Long – Trà Vinh), Chi đội 21 (Long Xuyên – Châu Đốc), Chi đội 22 (Cần Thơ), Chi đội 23 (Sóc Trăng), Chi đội 24 (Rạch Giá), Chi đội 25 (Bạc Liêu)).

Cụ thể như sau¹:

TT	Đơn vị	QUÂN SỐ		SÚNG TRƯỜNG		SÚNG MÁY	
		Đầu 1946	Cuối 1946	Đầu 1946	Cuối 1946	Đầu 1946	Cuối 1946

¹ Báo cáo tình hình quân sự Khu 7 (1945 - 1948) – Lưu trữ Phòng khoa học, công nghệ - môi trường Quân khu 7, tài liệu LS. 9935, tờ 9, 117

1	Chi đội 1	400	1.200	1	400	8	27
2	Chi đội 2 – 3		1.400	00	200		21
3	Chi đội 4		500		10		
4	Chi đội 5		250	7	70		6
5	Chi đội 6	100	800	8	200	12	17
6	Chi đội 7		500		60		6
7	Chi đội 9		400	6	80		13
8	Chi đội 10	500	1.100		580	13	42
9	Chi đội 11	200	700		160	2	17
10	Chi đội 12	600	900	1	210	14	24
11	Chi đội 13		300	30	60		8
12	Chi đội 15		600	6	190		22
13	Chi đội 16		350	8	40		5
14	Chi đội 21		250	1	30		12
15	Chi đội 25		300	07	45		9
16	Lưu động Khu 7		300		70		13

Trên chiến trường miền Đông Nam bộ, ngoài những đơn vị vũ trang tập trung đã nêu ở trên, vào cuối năm 1946 đầu năm 1947, còn có hai đơn vị trong bốn đơn vị bộ đội hải ngoại từ Thái Lan về tham gia kháng chiến. Họ là những thanh niên Việt kiều ở Thái Lan, Lào, Campuchia, được huấn luyện quân sự và trang bị vũ khí tương đối mạnh. Bộ đội hải ngoại I do Dương Tấn Đức (Huỳnh Văn Vàng), sau khi về nước là Ngô Thất Sơn làm Chỉ huy trưởng, Đặng Văn Duyệt làm Chính trị viên, về đến Tây Ninh ngày 20-9-1946 và chiến đấu ở địa bàn Tây Ninh, Đông Campuchia. Bộ đội hải ngoại III tức Chi đội Trần Phú do Nguyễn Chánh làm Chi đội trưởng, Trần Văn Sáu,

sau là Dương Cự Tâm làm Chính trị viên, về đến Đức Hòa (Chợ Lớn) ngày 27-2-1947 và chiến đấu ở khu vực Đông Thành, Đồng Tháp Mười.¹

Việc thành lập các chi đội Vệ quốc đoàn, đánh dấu một bước phát triển quan trọng trên con đường xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng của các cấp bộ Đảng địa phương ở miền Đông Nam bộ. Từ đây các đơn vị vũ trang tập trung được thống nhất về tổ chức biên chế, chỉ huy và hoạt động xây dựng chiến đấu trên toàn chiến trường. Tuy nhiên, bên cạnh những chi đội do Tỉnh ủy xây dựng dưới sự chỉ huy chung của Bộ Tư lệnh Khu 7, còn không ít những đơn vị có thành phần chỉ huy và binh lính phức tạp, chất lượng chính trị thấp và nằm ngoài sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Sự phân hóa trong các đơn vị Bình Xuyên, Cao Đài là tất yếu và việc chuyển hóa họ, thống nhất lại thành một môi dưới sự lãnh đạo của Đảng còn là quá trình trong những năm tháng tiếp theo.

*

* *

Bên cạnh việc xây dựng các đơn vị Vệ quốc đoàn, Tỉnh ủy các tỉnh còn chú trọng xây dựng lực lượng công an cách mạng, các đơn vị Quốc gia tự vệ cuộc. Thực hiện Sắc lệnh 23/SL ngày 21-2-1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc thành lập Việt Nam Công an vụ, Quốc gia tự vệ cuộc Nam bộ đổi thành Sở Công an Nam bộ. Các tỉnh ở miền Đông Nam bộ lần lượt thành lập Ty Công an trên cơ sở Quốc gia tự vệ ra đời sau Cách mạng tháng Tám. Từng bước hệ thống Công an được tổ chức xuống đến làng xã. Tại các tỉnh, Ty công an có bộ phận văn phòng và các ban nghiệp vụ, công an xung phong quốc vệ đội, công an xã, trại giáo hóa.

Không kể một số ít lính tập² của quốc gia cũ tình nguyện gia nhập Quốc gia tự vệ cuộc và công an cách mạng, đại bộ phận chiến sĩ công an là những thanh niên, nông dân, công nhân, học sinh, trí thức yêu nước, tuy chưa được đào tạo nghiệp vụ, vũ khí trang bị thiếu thốn, nhưng có ý chí căm thù giặc sâu sắc, mưu trí, dũng cảm, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì sự nghiệp kháng chiến. Ngay trong những tháng đầu năm 1946, vừa củng cố vừa xây dựng các đơn vị công an xung phong, Quốc vệ đội đã lập nhiều thành tích xuất sắc trong hoạt động bảo vệ cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946, trong việc trừng trị một số tên Việt gian phản động.

¹ Hai đơn vị bộ đội hải ngoại còn lại là: Bộ đội hải ngoại II còn gọi là bộ đội Quang Trung do Phạm Ngọc Thuần, Hoàng Xuân Bình, Nguyễn Trọng Thương, Hoàng Ngọc Cừ chỉ huy, về đến Khu 9 ngày 5-1-1947 và chiến đấu tại đây. Bộ đội hải quan ngoại IV, tức tiểu đoàn hải ngoại Cửu Long II bao gồm cán bộ chiến sĩ sang Thái Lan năm 1941 cùng một số Việt kiều do Dương Văn Phúc (Dương Quang Đông) làm tiểu đoàn trưởng, Trương Văn Kinh làm chính trị viên; về đến Hà Tiên ngày 1-2-1947 và hoạt động ở Khu 9

² Còn gọi là lính săn đá (saldat)

*

* *

Cùng với việc chỉ đạo xây dựng các đơn vị vũ trang tập trung, các cấp bộ đảng ở miền Đông Nam bộ còn nỗ lực xây dựng lực lượng du kích, tự vệ ở các địa phương.

Tại vùng nông thôn các tỉnh, các cấp bộ đảng chỉ đạo xây dựng, phát triển lực lượng du kích, lấy thôn, ấp làm đơn vị tổ chức. Mỗi thôn, ấp xây dựng ít nhất 1 tổ đến 1 tiểu đội làm nhiệm vụ “canh gác phòng gian” (lập vọng gác, tuần tiễu, báo động), “phá hoại giao thông” (đào đường, phá cầu, rào cản trên sông rạch), “chiến đấu” (hoặc độc lập tác chiến, hoặc trinh sát nắm địch, chuẩn bị chiến trường cho bộ đội). Tại các đồn điền cao su, công nhân thành lập từng tiểu đội, trung đội tự vệ chiến đấu làm nhiệm vụ phá hoại tài sản địch, phá hoại giao thông, trừng trị những tên chủ đồn điền hoặc cai, xu gian ác.

Đến cuối năm 1946, lực lượng dân quân tự vệ, dân quân du kích ở miền Đông Nam bộ lên đến hàng chục nghìn người. Tất cả đều đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng địa phương.

Quá trình hình thành và phát triển của các lực lượng vũ trang ở miền Đông Nam bộ trong thời kỳ đầu kháng chiến gắn liền với sự lãnh đạo của Xứ ủy và các cấp bộ Đảng địa phương, gắn liền với uy tín và năng lực của tập hợp thống nhất lực lượng của một số cán bộ chỉ huy quân sự. Đó là nỗ lực xây dựng phát triển lực lượng chính trị của quần chúng có vũ trang dựa trên nòng cốt là thanh niên, công nhân và nông dân yêu nước, đồng thời bước đầu chuyên hóa đại bộ phận binh lính trong các tổ chức vũ trang cách mạng. Hoạt động xây dựng lực lượng vũ trang của các cấp bộ Đảng đã đặt cơ sở quan trọng cho việc xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân ở chiến trường miền Đông Nam bộ sau đó.

2. Lãnh đạo xây dựng căn cứ địa

Trước sức tấn công với ưu thế hơn hẳn về lực lượng, vũ khí và phương tiện chiến tranh của địch, lần lượt, các cơ quan lãnh đạo, chỉ huy kháng chiến, các đơn vị vũ trang, các cơ sở bảo đảm hậu cần – kỹ thuật như quân giới, quân y... rút chuyển về vùng nông thôn rừng núi có địa hình thuận lợi để ẩn giấu, bảo toàn lực lượng, củng cố và chuẩn bị mọi mặt cho cuộc chiến đấu lâu dài. Ngay từ cuối năm 1945, chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đến Nam bộ chỉ rõ: “Nơi nào rút khỏi thành thị thì quân ta phải chiếm đóng ở những địa điểm chiến lược lợi hại, tiến có thể đánh, lui có thể giữ. Các vùng chiến tranh chưa lan đến cũng phải chuẩn bị đối phó khi tiến, khi lui. Kế hoạch tiến công cũng như kế hoạch rút lui phải

hết sức chu đáo (phòng đủ mọi việc: địa điểm, cán bộ, lương thức, thuốc men, quần áo, vũ khí, vật liệu, cơ điện...vv)”¹ (Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb, Chính trị Quốc gia, 2000, t.8, tr.32). Tranh thủ quãng thời gian hòa hoãn ngắn ngủi sau Hiệp định sơ bộ 6-3 được ký kết, quân và dân miền Đông Nam bộ dưới sự chỉ đạo của cấp ủy địa phương và Bộ Tư lệnh Khu 7 nỗ lực xây dựng căn cứ địa. Hoặc từ những vị trí đứng chân sẵn từ cuối năm 1945 đầu năm 1946 hoặc bắt đầu từ địa điểm mới, các căn cứ địa (cũng gọi là chiến khu) ở miền Đông Nam bộ lần lượt ra đời.

Chiến khu An Phú Đông

Từ đầu tháng 10-1945, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Gia Định về việc “lập những khu căn cứ kháng chiến ngay ở ngoại ô phụ cận Sài Gòn”, hầu hết các cơ quan dân, chính, đảng, sở chỉ huy lực lượng vũ trang tỉnh Gia Định, rồi sở chỉ huy mặt trận phía Đông, trụ sở Tổng công đoàn Nam bộ, Liên hiệp công đoàn Sài Gòn...lần lượt chuyển về An Phú Đông. Ngày 25-12-1945, tại vườn Cau Đỏ, Thạnh Lộc, hội nghị cán bộ tỉnh Gia Định quyết định thành lập “Chiến khu An Phú Đông”. An Phú Đông nằm ở phía đông bắc Sài Gòn, cách quận lỵ Gò Vấp 1km đường bộ, gồm vùng đất màu mỡ, dân cư đông đúc thuộc hai xã An Phú Đông và Thạnh Lộc (Gia Định). Nằm giữa một bên là sông Sài Gòn, một bên là sông Bến Cát, An Phú Đông và Thạnh Lộc như một bán đảo có địa hình trũng thấp gồm đồng ruộng, vườn cây ăn trái và vô số mương rạch chảy ngang dọc chằng chịt. Từ đây, có thể giao thông thuận tiện vào nội đô Sài Gòn cũng như các khu vực căn cứ địa về phía bắc (Hóc Môn) và phía đông (Thủ Đức). Tại đây, nhân dân An Phú Đông lập các trạm tiếp đón cơ quan kháng chiến, cán bộ và nhân dân Sài Gòn di chuyển về xây dựng hệ thống vật cản phòng thủ trên mặt đất và đào hầm bí mật chìm dưới nước, tổ chức tuần tra canh gác và xây dựng công sự chiến đấu. An Phú Đông trở thành nơi phát đi những chủ trương chỉ đạo kháng chiến của Tỉnh ủy Gia Định, của Tổng Công đoàn Nam bộ; nơi đặt toà soạn và phát hành báo Cẩm Tử, Chống xâm lăng; nơi sửa chữa vũ khí và sản xuất đạn nhồi lại cùng các loại vũ khí thô sơ khác; nơi xuất phát của các đơn vị vũ trang đột nhập tập kích địch trong thành phố.

Chiến khu Rừng Sác

Sau khi tuyên phòng thủ Rạch Địa - Cây Khô bị vỡ, Bộ chỉ huy Mặt trận số 4 và nhiều đơn vị vũ trang rút về chiến đấu ở mặt trận Rừng Sác. Cuối năm 1945, đại diện nhiều đơn vị chiến đấu ở mặt trận phía Nam, mặt trận phía Tây, mặt trận phía Đông họp hội nghị Đa Phước họp nhất các lực lượng vũ trang gồm hơn 3.000 cán bộ, chiến sĩ và bầu một ban chỉ huy chung do đồng chí Dương Văn Dương làm Chỉ huy trưởng. Đầu năm 1946, sau khi lực lượng chiến đấu của Liên chi đội 2-3 từ Bến Tre trở về,

Rừng Sác trở thành căn cứ chủ yếu của bộ đội Bình Xuyên, bao gồm cả bộ đội Lê Văn Viễn từ Vườn Thơm (Chợ Lớn) rút xuống. Đồng thời, các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo và phục vụ kháng chiến của tỉnh Chợ Lớn; các quận Nhà Bè (Gia Định), Cần Giuộc, Cần Đước (Chợ Lớn), Hoà Tân (Gò Công); các đơn vị công tác thành, công an xung phong... cũng chuyển về, lấy Rừng Sác làm nơi đứng chân hoạt động. Rừng Sác là vùng rừng ngập mặn, rộng khoảng 600 km² nằm phía đông nam thành phố Sài Gòn. Chảy trong lòng Rừng Sác là hàng ngàn sông rạch lớn nhỏ chằng chịt như mạng nhện, trong đó quan trọng nhất là hệ thống sông Lòng Tàu, con đường huyết mạch nối Sài Gòn với biển Đông. Hệ thống sông rạch đã chia cắt Rừng Sác thành vô số đảo triều lớn nhỏ thoát chìm nổi theo nước thủy triều; và phủ lên tất cả là đủ loại cây rừng ngập mặn, đan náu nhau tầng tầng, lớp lớp. Đặc điểm địa hình này làm cho Rừng Sác trở thành một “trận đồ bát quái” vô cùng lợi hại ngay sát cạnh Sài Gòn. Nhân dân Rừng Sác (sống chủ yếu bằng nghề chài lưới và chặt củi đốt than) đã tích cực đưa đón cán bộ, vận chuyển lương thực, nước ngọt, vũ khí, làm giao thông liên lạc, trinh sát nắm địch, góp phần xây dựng và bảo vệ căn cứ.

Chiến khu Vườn Thơm

Cuối tháng 10-1945, mặt trận phía Tây và tuyến phòng thủ Chợ Đệm bị vỡ, cơ quan Xứ ủy, Ủy ban Kháng chiến Nam bộ, cơ quan Kỳ bộ Mặt trận Việt Minh cùng nhiều đơn vị vũ trang chiến đấu ở mặt trận phía Tây, mặt trận phía Bắc chuyển về Láng Me – Bà Cò, khu vực xã Tân Nhựt, Tân Kiên, Tân Túc, Tân Tạo. Sang năm 1946, lần lượt các cơ quan Thành ủy, Ủy ban kháng chiến tỉnh Chợ Lớn, Thành ủy, Ủy ban kháng chiến thành phố Sài Gòn, cơ quan kháng chiến ở Trung quận và Bộ Tư lệnh Khu 7 (từ Chiến khu Đ) về đứng chân ở Vườn Thơm – Bà Vụ. Nhiều cán bộ cao cấp của Đảng, của Mặt trận Việt Minh từ miền Bắc vào và từ Côn Đảo về cũng đứng chân ở đây. Sau khi thành lập thêm một xã mới (Tân Hoà) ở khu vực trung tâm căn cứ, tháng 6-1946, Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến tỉnh Chợ Lớn quyết định thành lập căn cứ địa kháng chiến của tỉnh ở Vườn Thơm. Vườn Thơm nằm cách trung tâm thành phố Sài Gòn 10 km về phía tây, thuộc đất Trung Quận và một phần quận Đức Hòa (Chợ Lớn), toàn bộ căn cứ rộng khoảng gần 200 km² gồm 6 xã trung tâm (Tân Tạo, Tân Nhựt, Tân Bửu, Lương Hòa, Hựu Thạnh Hạ, Đức Hòa Hạ) và 9 xã ngoại vi (Bình Trị Đông, Tân Kiên, An Lạc, Tân Túc, Mỹ Yên, Thanh Hà, Long Hiệp, Long Phú, An Thạnh). Căn cứ địa Vườn Thơm nằm sát thành phố Sài Gòn, án ngữ trên hành lang nối Sài Gòn với Đồng Tháp Mười, có đường số 10, sông Vàm Cỏ Đông với hệ thống sông rạch chằng chịt dẫn tỏa đi nhiều nơi; địa hình thấp trũng, có nhiều rừng

cây rậm rạp khuất khúc bất ngờ, thuận tiện cho việc ém giấu lực lượng và tiến thoái cơ động.

Ban căn cứ địa tổ chức đào vét mương rạch, đắp đập dựng kè cản, đào hầm hào khắp nơi. Lực lượng vũ trang và các cơ quan kháng chiến xây dựng lán trại, kho tàng, binh công xưởng, bệnh xá, trạm đón tiếp cán bộ và nhân dân từ trong Thành ra và hệ thống các công sự chiến đấu.

Chiến khu Đ

Tân Uyên vốn là nơi trú quân hoạt động của lực lượng du kích Biên Hoà từ sau sự kiện Nam kỳ khởi nghĩa. Sau Cách mạng tháng Tám, Ủy ban Kháng chiến Nam bộ đã cử người về tìm chọn vị trí tập kết lực lượng, chuyển giữ máy móc vũ khí. Từ ngày thị xã Biên Hoà bị địch tạm chiếm, cơ quan tỉnh ủy và lực lượng vũ trang chiến đấu ở Mặt trận phía đông cùng bộ đội Huỳnh Văn Nghệ rút về dựa vào đây hoạt động. Lần lượt, Phân đội Ban tiếp tế miền Đông, các đơn vị tự vệ Tổng Công đoàn Nam bộ, công nhân các xưởng Ba Son, Đèpô xe lửa Dĩ An, BIF Biên Hoà, trường Quân chính Khu 7, Bộ Tư lệnh Khu 7, Chi đội 10 Biên Hòa, các đơn vị Nam tiến... về đứng chân ở Tân Uyên. Ngày 20-2-1946, tại xã Lạc An, Bộ Tư lệnh Khu 7 họp hội nghị đề ra nhiệm vụ xây dựng Tân Uyên thành căn cứ địa của Khu 7, hoạch định các địa điểm đứng chân và hệ thống chiến đấu phòng thủ, chia căn cứ thành các căn cứ mang mật danh thứ tự các chữ cái. Đ là khu vực đứng chân của sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Khu, từ đây, vùng rừng núi Tân Uyên được gọi là Chiến khu Đ, căn cứ địa của tỉnh Biên Hoà, tỉnh Thủ Dầu Một, của Bộ Tư lệnh Khu 7 và Xứ ủy, Bộ Tư lệnh Nam bộ. Trung tâm của Chiến khu Đ nằm cách Sài Gòn 30km đường chim bay về phía đông bắc. Hình thành khởi đầu từ năm xã Tân Hoà, Mỹ Lộc, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An thuộc quận Tân Uyên, Chiến khu Đ lấy phía tây là đường 16, phía nam là sông Đồng Nai làm ranh giới để không ngừng mở rộng, phát triển mãi lên phía bắc và đông bắc. Địa hình Chiến khu Đ chủ yếu là vùng bán bình nguyên, rừng và đồi liên tiếp nối nhau được phủ bằng rừng cây nhiều tầng, bát ngát; có hàng trăm sông suối thuộc lưu vực sông Đồng Nai tạo thành những tuyến hào phòng thủ thiên nhiên và hàng chục đường đất đỏ, đường xe bò chạy đan cắt trong lòng bao quanh căn cứ. Tại đây cán bộ chiến sĩ và nhân dân xây dựng lán trại, kho tàng, nhà làm việc, nhà nghỉ, bệnh viện, công sự chiến đấu và tổ chức canh gác, bố phòng, tăng gia sản xuất để tự cung tự cấp, cung ứng lương thực.

Chiến khu Đông Thành:

Từ cuối tháng 4-1946 sau khi thoát khỏi vòng vây của thực dân pháp ở chiến khu Đ, Bộ tư lệnh Khu 7 dời sở chỉ huy về căn cứ Vườn Thơm, rồi tiếp đó, di chuyển về khu vực Cần Dè, Giồng Dinh, Giồng Lức. Tại đây, theo chỉ thị của Khu bộ trưởng Nguyễn Bình, một phần đất thuộc Đức Hoà (Chợ Lớn) và phần lớn phía bắc Thủ Thừa (Tân An) được xây dựng thành một tổ chức địa lý quân sự, gọi là khu Đông Thành. Thực chất tổ chức khu Đông Thành là căn cứ địa của Bộ Tư lệnh Khu 7, bao gồm năm xã mạn hữu ngạn sông Vàm Cỏ Đông: Thạnh Lợi, Thạnh Hòa, Bình Thành, Mỹ Thạnh và Mỹ Quý. (Đến năm 1948 khu Đông Thành gồm 8 xã: Mỹ Quý Đông, Mỹ Quý Tây, Mỹ Thạnh Bắc, Mỹ Thạnh Đông, Mỹ Thạnh Tây, Bình Hoà Bắc, Bình Hoà Nam và Bình Thành). Đông Thành nằm trên hành lang nối Sài Gòn và các tỉnh miền Đông Nam bộ và Đồng Tháp Mười, phía tây giáp Mộc Hoá, phía nam giáp Thủ Thừa và phía bắc lên giáp tỉnh Svayriêng (Campuchia). Đây là vùng bưng bạt ngàn với từng đám cỏ lác, đưng, bàng, năn, tranh rậm rạp và rừng tràm lúp xúp. Giữa những kênh ngòi, hồ trấp sinh lầy là các giồng gò mà diện tích nổi tùy vào mực nước lên xuống của từng mùa nước. Các đơn vị vũ trang và nhân dân địa phương tổ chức nơi ăn, ở, làm việc và xây dựng hệ thống đường giao thông đi lại thuận tiện trong khu vực căn cứ. Nhiều con kinh được đào mới, gọi là “kinh kháng chiến”, trong đó đáng nói nhất là kinh kháng chiến A (rộng 4m, dài 30km) nối giữa hai con sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây – con kinh huyết mạch nối giữa miền Trung nối liền miền Đông Nam bộ.

Chiến khu Đồng Tháp Mười:

Từ cuối năm 1945, Đồng Tháp Mười đã trở thành nơi dừng chân của nhiều cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến tỉnh Tân An và nhiều địa phương lân cận. Đầu tháng 11 năm 1945, tại Tân An, một số cán bộ Đảng, cán bộ quân sự họp hội nghị đề ra nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang và “xây dựng căn cứ dọc sông Vàm Cỏ Đông - Vàm Cỏ Tây - Đồng Tháp Mười”. Sau Hiệp định sơ bộ 6-3, theo chỉ thị của đồng chí Lê Duẩn, đồng chí Trần Văn Trà, Ủy viên chính trị Giải phóng quân Hóc Môn – Bà Điểm – Đức Hoà về Đồng Tháp Mười thống nhất các lực lượng, xây dựng lại Bộ Tư lệnh Quân khu 8. Bộ Tư lệnh lấy Bắc Chan – Tuyên Thạnh (Mộc Hoá) làm nơi đóng sở chỉ huy. Tiếp đó, lần lượt các cơ quan lãnh đạo chỉ huy kháng chiến ở các địa phương lân cận, Chi đội 14 và các đơn vị vũ trang khác về Đồng Tháp Mười xây dựng căn cứ. Đến giữa năm 1946, Đồng Tháp Mười trở thành căn cứ địa kháng chiến của Bộ Tư lệnh Khu 8 và các tỉnh Tân An, Mỹ Tho, Sa Đéc; dần về sau trở thành căn cứ địa của các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến Nam bộ. Đồng Tháp Mười có diện tích rộng 670.000 ha thuộc địa bàn ba tỉnh Tân An, Mỹ Tho, Sa Đéc, giới hạn bởi một phần sông Tiền, sông Vàm Cỏ, lộ Đông Dương 16 và đường biên giới Việt Nam

– Campuchia. Địa hình Đồng Tháp Mười bằng phẳng, thẳng cánh cò bay, được chia thành hàng ngàn mảnh bởi hàng ngàn con sông rạch lớn nhỏ do thiên nhiên và con người tạo nên. Mùa khô, đất nẻ chân chim, Đồng Tháp Mười lộ ra nhiều doi, giồng có thể dựng nhà, làm nơi huấn luyện quân sự. Mùa mưa, nước từ thượng nguồn sông Mê Kông đổ về không kịp chảy ra biển, ứ lên tràn ngập mênh mông như biển. Và phủ lên trên là một màu xanh bất tận của rừng tràm, chanh, cỏ lác, bàng, đưng, sậy. Các cơ quan kháng chiến, đơn vị vũ trang bám vào các thôn, ấp thưa thớt cùng nhân dân tổ chức hoạt động kháng chiến, bố phòng, chống địch càn quét.

Chiến khu Long Mỹ - Minh Đạm:

Trước năm 1948, Minh Đạm có tên là Châu Long – Châu Viên¹ bao quanh dãy núi là các làng An Ngãi, Phước Trinh, Hắt Lãng, Tam An, Long Mỹ, Hội Mỹ, Phước Hải, Long Hải, Phước Tĩnh..., vốn có chi bộ Đảng cộng sản ra đời từ trước sự kiện Nam kỳ khởi nghĩa. Minh Đạm là một dãy núi bao gồm nhiều ngọn núi chạy dài giữa trục lộ 44 tiền và 44 hậu, mặt hướng về biển Đông với mũi Thùy Vân nhô ra sát biển. Khu vực chân núi và đỉnh núi có nhiều hang động thuận tiện cho việc ẩn náu, xây cất kho tàng; phủ lên trên là rừng cây nhiều tầng quanh năm xanh tốt. Từ đây có thể nối thông về vùng đồng bằng Long Điền – Đất Đỏ là vựa lúa của tỉnh Bà Rịa. Sau ngày thực dân Pháp đánh chiếm Bà Rịa, các đảng viên và cán bộ lãnh đạo Bà Rịa rút về xây dựng căn cứ địa kháng chiến. Từ tháng 3-1946, Ban cán sự tỉnh đã chỉ đạo việc xây dựng căn cứ địa, gọi là Chiến khu Long Mỹ, tập kết lực lượng, bố trí hệ thống canh gác và công sự chiến đấu phòng thủ. Cũng từ đây, lực lượng vũ trang của tỉnh tổ chức tiến công tập kích đồn bót địch, đánh phá giao thông, phá hoại kinh tế của thực dân Pháp, đặc biệt là đồn điền cao su.

Chiến khu Trà Vông – Dương Minh Châu:

Từ cuối năm 1945, một số cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến và một số đơn vị vũ trang đã rút về khu vực Trà Vông dựa vào địa thế ở đây để hoạt động kháng chiến. Sang đầu năm 1946, Tỉnh ủy Tây Ninh chỉ đạo đưa một bộ phận Chi đội 11 đến Trà Vông nghiên cứu xây dựng căn cứ địa lâu dài cho tỉnh. Vùng đất các khu 4, khu 6, và các xã Minh Thạnh, Hảo Đước, Hòa Hiệp đước quy hoạch lại thành các khu vực đứng chân (văn phòng chi đội, các cơ quan dân, chính, đảng), khu vực chiến đấu vòng ngoài, khu vực xây dựng hệ thống kho tàng, bệnh viện, trường huấn luyện, binh công xưởng, khu vực sản xuất và khu vực dân cư. Khu vực Trà Vông gồm vùng bán sơn địa

¹ Ngày 17-1-1948, các đồng chí Bùi Công Minh, Mạc Thanh Đạm (Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy Long Điền) bị địch phục kích giết hại. Nhân dân địa phương đã lấy tên hai ông thay cho tên dãy núi Châu Long – Châu Viên

giáp con sông Sài Gòn bên bờ hữu ngạn, có những cánh rừng già và rừng chồi chạy nổi lên phía bắc giáp biên giới Việt Nam – Campuchia. Từ đây, có thể cơ động về khu vực Châu Thành - Tây Ninh, thông xuống căn cứ Bời Lời (Trảng Bàng), hoặc sang bên kia sông Sài Gòn giáp với căn cứ Núi Cậu, Long Nguyên - Bến Cát (Thủ Dầu Một). Bộ đội và nhân dân vùng căn cứ vừa xây dựng hệ thống phòng thủ chiến đấu chống địch càn quét, vừa nỗ lực tăng gia sản xuất để tự cung ứng một phần lương thực cho lực lượng kháng chiến. (Đến năm 1949, để tưởng nhớ đồng chí Dương Minh Châu, chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh Tây Ninh hy sinh năm 1947, Tỉnh ủy Tây Ninh quyết định đổi tên căn cứ Trà Vông thành căn cứ Dương Minh Châu. Từ đây danh từ Chiến khu Dương Minh Châu ra đời).

Chiến khu Thuận An Hoà:

Chiến khu Thuận An Hoà là tên gọi tắt 3 xã Thuận Giao, An Phú, Bình Hoà, thuộc quận Lái Thiêu, vốn có phong trào kháng chiến phát triển từ cuối năm 1945. Giữa năm 1946, cơ quan Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, sở chỉ huy chi đội 1 và binh công xưởng của tỉnh chuyển về đứng chân tại đây. Từng bước Thuận An Hoà được xây dựng thành căn cứ địa của tỉnh. Một ban quân sự được thành lập làm nhiệm vụ tổ chức xây dựng các khu vực đứng chân và chiến đấu phòng thủ. Các cơ quan của tỉnh, huyện ở tại khu vực trung tâm căn cứ: ấp Chợ Miếu (Bình Hoà), ấp Bình Thuận (Thuận Giao), ấp Ba (An Phú). Mỗi cơ quan đều có hầm bí mật và hệ thống hào giao thông cơ động. Vùng giữa có các đơn vị bộ đội của tỉnh và huyện. Vùng ngoài do du kích ba xã phụ trách. Các phân đội vũ trang tổ chức trạm gác, trận địa phục kích dọc các ngã đường dẫn vào căn cứ. Thuận An Hoà không rộng nhưng có địa thế thuận lợi cho việc giấu lực lượng và chỉ huy trên chiến trường. Từ đây, có thể nối thông hành lang giao liên vận tải về Chiến khu Đ, căn cứ Long Nguyên (Bến Cát), Khu 5 Hóc Môn... Lực lượng vũ trang của tỉnh Thủ Dầu Một, huyện Lái Thiêu tổ chức chặn đánh địch từ vòng ngoài trên các hướng thị trấn Búng, Tân Thới, thị trấn Lái Thiêu, giữ vững một căn cứ địa nằm ngay cửa ngõ từ Sài Gòn theo Quốc lộ 13 lên Thủ Dầu Một và các chiến trường phía bắc của tỉnh.

Khu 5 Hóc Môn:

Khu 5 Hóc Môn đầu tiên là khu vực đứng chân của bộ đội Giải Phóng quân Hóc Môn – Bà Điểm – Đức Hoà, rồi Chi đội 12. Sau khi Chiến khu An Phú Đông bị địch bao vây càn quét liên tục, Tỉnh ủy Gia Định cùng các cơ quan kháng chiến của tỉnh lần lượt rút về đây trụ bám hoạt động. Giữa năm 1946, Khu 5 Hóc Môn được xây dựng thành căn cứ địa của tỉnh Gia Định, thành phố Sài Gòn và nhiều đơn vị vũ trang của tỉnh, của khu. Khu 5 Hóc Môn bao gồm phần đất thuộc 5 xã Phú Mỹ Hưng, An

Nhon Tây, Nhuận Đức, Trung Lập và Phú Hòa Đông, chạy dọc theo sông Sài Gòn bên hữu ngạn từ Bùng Binh đến Bến Dược, Bến Cỏ. Án ngữ cửa ngõ tây bắc Sài Gòn, từ đây có thể nối thông hành lang liên lạc vào nội thành, lên căn cứ địa Trảng Cỏ, Bời Lòi, đến Dương Minh Châu. Từ khu vực bùn trũng ven sông, dần sang phía tây, địa hình cao hơn với nhiều sở cao su và khu rừng chòi (rừng Rong, Chà Dơ, Bàu Đưng, Cây Sộp...). Để bám trụ hoạt động và chiến đấu lâu dài, cán bộ, chiến sĩ, và nhân dân ở đây đã xây dựng ấp và xã chiến đấu, kết hợp ổ chiến đấu với địa đạo và giao thông hào. Từ các hầm bí mật, bộ đội và du kích đào các đoạn giao thông hào ngầm trong lòng đất nối các hầm bí mật với nhau. Các đoạn địa đạo này ngày càng vươn dài ra, nối các gia đình rồi các thôn ấp với nhau, thành một hệ thống đường giao thông ngầm trong lòng đất. Đoạn địa đạo có quy mô đầu tiên được đào nối liền hai xã Tân Phú Trung và Phước Vĩnh An. Trong địa đạo có cấu trúc nơi làm việc hội họp, nơi nghỉ ngơi, chữa bệnh, sản xuất vũ khí, có công sự chiến đấu và lối thoát ra ngoài trảng trống. Hệ thống địa đạo ở Khu 5 Hóc Môn đã đặt bước khởi đầu quan trọng làm nên kỳ tích địa đạo Củ Chi nổi tiếng trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

Ngoài những căn cứ địa vừa nêu, trên địa bàn miền Đông Nam bộ còn lần lượt xuất hiện nhiều khu vực căn cứ khác. Đó là Phú Thọ Hòa, Bung Sáu Xã, Tân Mỹ - Bình Lý (Gia Định), Khu Tây, Xuyên Phước Cơ (Bà Rịa), Bình Đa (Biên Hoà), Long Nguyên - An Thành, Định Thành (Thủ Dầu Một), An Tịnh, Bời Lòi, Rừng Nhum (Tây Ninh)... Những khu vực này tiếp tục phát triển trong hệ thống căn cứ địa ở miền Đông Nam bộ những năm tiếp theo. Sự hình thành mạng lưới căn cứ địa nêu trên với căn cứ địa lớn như Chiến khu Đ, Chiến khu Dương Minh Châu, Chiến khu Đồng Tháp Mười, Chiến khu Xuyên Phước Cơ có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nó trở thành nơi ẩn giấu và xây dựng lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến, nơi các lực lượng vũ trang cách mạng xuất phát tiến công địch và là cơ sở để hình thành hình thái ba vùng kháng chiến theo chiều hướng vùng độc lập ngày càng mở rộng, lấn sâu vào vùng tạm bị chiếm. Quan trọng hơn, việc hình thành mạng lưới căn cứ địa đã tạo điều kiện để các cơ quan lãnh đạo kháng chiến có nơi đứng chân ổn định và từ đó, phát tỏa đi những chủ trương nhiệm vụ chỉ đạo kháng chiến trên các chiến trường.

3. Tiếp tục chấn chỉnh, củng cố tổ chức Đảng các cấp

Mặc dù đã có Hiệp định sơ bộ 6-3, nhưng thực dân Pháp đã tìm mọi cách để đẩy mạnh các hoạt động quân sự nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não và lực lượng kháng chiến, thực hiện bình định nông thôn; đồng thời thực hiện các thủ đoạn chính trị nham hiểm nhằm tách Nam bộ ra khỏi Việt Nam. Về quân sự, tháng 3-1946, thực dân Pháp đã cơ bản đánh chiếm xong Nam bộ. Tuy nhiên, trên thực tế do không đủ quân số,

quân Pháp chỉ làm chủ thành phố Sài Gòn, các tỉnh, ly, huyện ly, khu vực đông dân cư, đồn điền cao su và đường giao thông. Hoạt động của chúng tập trung vào xây dựng và củng cố các căn cứ sân bay, kho tàng hậu cần, hệ thống kho tàng đồn bót và thiết bị bảo vệ xung quanh căn cứ quân sự, hành quân tuần tiễu dọc đường giao thông và thường xuyên tấn công vào các khu vực căn cứ địa của ta. Phần lớn vùng nông thôn vẫn do ta làm chủ.

Vừa củng cố bộ máy lãnh đạo các cấp, xây dựng lực lượng và căn cứ kháng chiến, các cấp ủy đảng ở miền Đông Nam bộ vừa phát động phong trào toàn dân đánh giặc.

Tại các thị xã, thị trấn, trí thức, công nhân, học sinh biểu tình đấu tranh chống âm mưu “chia để trị”, chống thành lập “Chính phủ Nam kỳ tự trị” của thực dân Pháp, chống các đảng phái phản động người Việt do Pháp mua chuộc lôi kéo và chi phối. Nhiều trí thức, học sinh, sinh viên, thợ thuyền rời thành phố vào bưng biển kháng chiến. Nhiều tiểu chủ, có cả ngoại kiều tiếp tế máy móc, hàng hoá, tiền bạc, thuốc men vào chiến khu. Phong trào chống Pháp trên mặt trận tư tưởng văn hoá văn nghệ diễn ra sôi nổi.

Song song với đấu tranh chính trị, các lực lượng vũ trang vừa xây dựng củng cố vừa đẩy mạnh hoạt động tác chiến diệt tề trừ gian, tập kích đồn bót căn cứ của địch, phục kích đường giao thông, chống càn quét bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân. Từ tháng 3 đến 12-1946, có hàng trăm cuộc chiến đấu thu được kết quả cao diễn ra ở khắp các vùng thành thị và nông thôn. Đó là các trận đánh diễn ra ở Toà soạn báo Phục Hưng, kho đạn đường Docteur Angier, chiến khu Rừng Sác, Long Phước Thôn (Gia Định); Cần Đức, Vườn Thơm – Bà Vực (Chợ Lớn); Giồng Dinh (Tân An); Bình Đa, Chiến khu Đ, thị xã Biên Hoà (Biên Hoà); Hớn Quản, Bình Khánh, Bền Ông Khương (Thủ Dầu Một); Suối Đá, Bàu Đôn, An Tịnh (Tây Ninh); Đồng Tháp Mười (Tân An)... tiêu biểu nhất là trận Trung Hưng – Ràng (Gia Định) ngày 17-12-1946. Chi đội 6 có sự phối hợp của Chi đội 11, Chi đội 12 đã chặn đánh cuộc càn của bán lữ đoàn lê dương số 13 Pháp, diệt gần 300 tên địch, đốt cháy 14 xe cơ giới, thu gần 300 súng các loại, trong đó có 2 đại liên và 6 trung liên.

Tại các đồn điền cao su, tổ chức công đoàn kháng chiến được gấp rút xây dựng. Công nhân hăng hái tham gia kháng chiến, sôi nổi nhất là phong trào tòng quân giết giặc. Hàng ngàn thanh niên công nhân ra nhập các chi đội Vệ quốc đoàn như Chi đội 11 Tây Ninh, Chi đội 1 Thủ Dầu Một, Chi đội 10 Biên Hoà, Chi đội 16 Bà Rịa... Từ giữa cuối năm 1946, phong trào phá hoại cao su của địch phát triển mạnh mẽ, trở thành một “mặt trận cao su chiến”. Công nhân phối hợp với lực lượng vũ trang chặt

vật vỏ cây cao su, bẻ máng mủ, đập bẻ chén hứng mủ, đổ mủ xuống đất, phá máy móc, đốt nhà xưởng và các kho chứa mủ. Nhiều đồn điền cao su thành lập riêng những đơn vị bán vũ trang chuyên làm nhiệm vụ phá hoại cao su của địch

*

* *

Đồng thời với việc lãnh đạo các hoạt động nêu trên, các cấp bộ Đảng ở miền Đông Nam bộ tiếp tục chấn chỉnh, củng cố về mặt tổ chức. Mặc dù đã có nghị quyết Hội nghị Thiên Hộ, trong đó có nội dung thống nhất Xứ ủy lâm thời Nam bộ và hệ thống Đảng các cấp, nhưng trên thực tế, trong Đảng vẫn còn sự chưa thống nhất giữa Tiền Phong và Giải Phóng, giữa Việt Minh cũ và Việt Minh mới. Nhu cầu tiếp tục chấn chỉnh, thống nhất các tổ chức Đảng đặt ra cấp thiết.

Đầu tháng 3-1946, trên đường từ Đồng Tháp Mười đi ra Bắc để trực tiếp báo cáo tình hình và xin ý kiến chỉ đạo của Trung ương, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy Nam bộ đã ghé qua miền Đông Nam bộ. Thay mặt Xứ ủy lâm thời, đồng chí đã chỉ định đồng chí Nguyễn Đức Thuận (đang công tác ở Tỉnh ủy Thủ Dầu Một) giữ trách nhiệm Bí thư Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ và cử đồng chí đi các địa phương cùng các Tỉnh ủy củng cố lại các tổ chức Đảng.

Tại tỉnh Thủ Dầu Một, tháng 3-1946, đồng chí Nguyễn Đức Thuận triệu tập một cuộc họp bất thường, thành phần tham gia gồm cán bộ chủ chốt tỉnh. Được sự ủy nhiệm của Xứ ủy, đồng chí đã chỉ định danh sách Tỉnh ủy Thủ Dầu Một gồm 7 đồng chí, lấy bí danh theo 7 chữ: Chánh, Phủ, Cộng, Hoà, Dân, Chủ, Việt: Nguyễn Văn Tiết (Trần Minh Chánh), Văn Công Khai (Phủ), Hồ Văn Nâu (Hồ Cộng), Lê Đức Anh (Lê Phú Hoà), Nguyễn Văn Thi (Nguyễn Văn Dân), Phan Dân (Chủ), Dương Danh Thắng (Thanh Việt). Các đồng chí Nguyễn Văn Tiết và Văn Công Khai được chỉ định làm Bí thư và Phó bí thư Tỉnh ủy¹.

Tại tỉnh Biên Hoà, tháng 4-1946, đồng chí Nguyễn Đức Thuận triệu tập hội nghị cán bộ toàn tỉnh tại Cù Lao Vịt (xã Bình Hoà, quận Châu Thành, nay thuộc huyện Vĩnh Cửu). Sau khi chỉ ra khuyết điểm của Tỉnh ủy Biên Hoà trong việc nhận thức và thực hiện không đầy đủ chỉ thị “Đảng Cộng sản Đông Dương tự giải tán” dẫn đến tình trạng Đảng không lãnh đạo toàn diện cuộc kháng chiến, nhất là đối với lực lượng vũ trang, đồng chí Nguyễn Đức Thuận chỉ định thành lập Tỉnh ủy do đồng chí Trần Minh Trí làm Bí thư, đồng chí Huỳnh Văn Lũy làm Phó Bí thư kiêm Chủ nhiệm

¹ Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương (1930-1975), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.151

Tỉnh bộ Việt Minh. Hội nghị đã củng cố bộ máy lãnh đạo kháng chiến và ra nghị quyết xây dựng hệ thống lãnh đạo Đảng các cấp, nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện của Đảng nhất là đối với lực lượng vũ trang, củng cố khối đoàn kết toàn dân nhằm đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến¹.

Ngày 30-5-1946, Thường vụ Trung ương Đảng gửi thư cho các đồng chí Xứ ủy Nam bộ về việc quyết định cải tổ Đảng ở Nam bộ. Thư viết: “các đồng chí thân mến, được tin một số người Đảng cộng sản dưới cái nhìn nhãn hiệu “VM mới” và “VM cũ” gần nhau lại xung đột nhau ở vài nơi, có chỗ đã bắn giết nhau nữa, chúng tôi hết sức đau đớn... Hai nữa, trong những ngày giành chính quyền, Đảng bộ Nam bộ đã kết nạp đảng viên theo cách tự do ghi tên vào Đ., làm cho biết bao phần tử cơ hội, khiêu khích công nhiên lên vào hàng ngũ của Đ².

Điều đó làm “phá kỷ luật Đảng và chướng ngại gì đến tiền đồ của cách mạng vô sản”, “làm cho bộ đội quân tiên phong đội quân tiên phong phải rung rinh”. Thường vụ Trung ương Đảng quyết định thành lập “Ủy ban tổ Đảng bộ Nam bộ” do đồng chí Lê Duẩn phụ trách: “1- Giao cho một số đảng viên lập ra “Ủy ban tổ Đảng bộ Nam bộ”. 2- Ủy ban này sẽ lựa chọn những người cộng sản tốt, còn trung thành với chủ nghĩa, với giai cấp và hăng hái thực hành đường lối chính trị của Đảng”, thành danh sách từng tỉnh. Việc lựa chọn người phải căn cứ một phần vào dĩ vãng của họ, nhưng nhất là vào thành tích công tác và thái độ của họ trong mấy tháng kháng chiến và hiện nay. 3- Phải phân biệt một hạng đảng viên phạm tội nặng không được công nhận trong hàng ngũ của Đảng và Việt Minh nữa và một hạng đảng viên phạm lỗi vừa vừa không được công nhận trong hàng ngũ của Đảng, nhưng vẫn có thể nhận ra trong hàng ngũ Việt Minh, để sau thời gian công tác, họ cải qua thì có thể cho vào Đảng. 4- Cá nhân nào còn sốt sắng với nhiệm vụ của mình, cũng vì lẽ này, lẽ khác không được ghi tên vào danh sách mới, thì có quyền gọi thư kêu nài với Ủy ban cải tổ trên đây. Thư của Thường vụ Trung ương Đảng kêu gọi: “Các đồng chí cộng sản Nam bộ! Chúng tôi kêu gọi tất cả các chiến sĩ Nam bộ còn sốt sắng với chủ nghĩa cộng sản, còn thiết tha với quyền lợi của giai cấp vô sản, còn hăng hái tiến bước trên con đường giải phóng dân tộc, hãy kiên quyết thi hành phương pháp cải tổ Đảng Nam bộ, đảng mau làm cho giai cấp công nhân Đông Dương có một Đảng tiên phong bền vững, mạnh mẽ và thống nhất, xứng đáng với trách nhiệm lịch sử của họ”³.

¹ Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai (1930-1945), Nxb Đồng Nai, 1997, tr.128, 1929, 1930

² Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội, 2000, t.8, tr. 63, 64

³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia tập 8, tr. 64, 65

Tiếp đó, ngày 31-5-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào Nam bộ trước khi Người sang thăm Pháp. Trong thư, Người khẳng định: “Đồng bào Nam bộ đã hy sinh đấu tranh mấy tháng trường, để giữ gìn non sông của toàn nước Việt Nam. Cho nên đồng bào cả nước đều phải nhớ ơn đồng bào Nam bộ. Đồng bào Nam bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”, Người căn dặn đồng bào Nam bộ cần đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón ngắn ngón dài. Nhưng ngắn dài đều họp lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này người khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với đồng bào lạc lõng làm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có thể mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang”¹.

Quyết định cải tổ Đảng bộ Nam bộ của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và thư gửi đồng bào Nam bộ trước khi sang thăm Pháp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời động viên quân và dân miền Đông Nam bộ, chỉ ra những biện pháp đúng đắn nhằm thúc đẩy nhiệm vụ chấn chỉnh củng cố tổ chức Đảng trong những tháng cuối năm 1946.

Tại tỉnh Gia Định, nơi còn hai tỉnh ủy Tiền Phong và Giải Phóng song song tồn tại, tháng 10-1946, Tỉnh ủy hai tỉnh họp Hội nghị tại xã Tân Thới Hiệp (Gò Vấp). Dự hội nghị có đồng chí Lê Minh Định đại diện Khu ủy Khu 7 và các đồng chí trong hai Tỉnh ủy. Hội nghị đã quyết định hợp nhất hai tỉnh ủy, bầu ra tỉnh ủy lâm thời thống nhất, gồm 11 đồng chí: Phạm Văn Chiêu, Phạm Văn Khung, Nguyễn Văn Lượng, Nguyễn Văn Dung, Nguyễn Văn Bảo, Tô Ký, Võ Văn Thời, Huỳnh Văn Thóm, Phạm Văn Năm, Nguyễn Oảng, Trịnh Thị Miếng. Khu ủy Khu 7 cử đồng chí Trần Văn Thới xuống làm Bí thư Tỉnh ủy (sau đó đồng chí Phạm Văn Chiêu thay giữ chức vụ này). Nhiệm vụ của Tỉnh ủy thống nhất là giải quyết những mâu thuẫn nội bộ, xây dựng sự đoàn kết thống nhất, đem lại niềm tin và tăng sức chiến đấu cho quân và dân trong tỉnh².

Tại tỉnh Tân An, tháng 10-1946, Tỉnh ủy họp hội nghị ở Đồng Tháp Mười nhằm củng cố lại tổ chức Đảng và đề nhiệm vụ lãnh đạo kháng chiến trong hoàn cảnh mới. Dự hội nghị có một số đồng chí Xứ ủy viên. Các đồng chí trong Khu ủy Khu 8 và Chính trị viên Chi đội 14. Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ kiện toàn tổ chức Tỉnh ủy, Mặt

¹ Sdd., t.4, tr.246, 247

² Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh, tập 1 (1930-1945), Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, tr.237

trận Việt Minh và các cơ quan kháng chiến. Hội nghị đã bầu bổ sung một số đồng chí vào Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Văn Nguyên được bầu giữ chức vụ Bí thư thay đồng chí Nguyễn Thành A (cán bộ Thành ủy Sài Gòn về giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Tân An từ trước hội nghị Thiên Hộ 15-10-1945) được cử giữ nhiệm vụ khác.

Tại tỉnh Chợ Lớn, đầu tháng 11-1946, ở Gò Xoài căn cứ địa Vườn Thơm, Tỉnh ủy Chợ Lớn họp hội nghị củng cố lại tổ chức tỉnh ủy. Đồng chí Hoàng Du Khương đại diện Khu ủy Khu 7 đến dự hội nghị. Hội nghị bầu đồng chí Trần Trung Tam giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy (thay đồng chí Hồ Văn Long được bổ nhiệm chức vụ Thanh tra chính trị miền Đông), đồng thời phụ trách Mặt trận Việt Minh. Đồng chí Nguyễn Văn Mùi giữ chức vụ Phó bí thư. Các ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy có: Lại Văn Dưỡng (phụ trách kinh tế kiêm Quốc gia tự vệ cuộc), Nguyễn Văn Trân (kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh), Nguyễn Mạnh Hoan (phụ trách tuyên huấn, dân vận), Hồng Vũ (phụ trách công tác tổ chức kiêm Bí thư Quận ủy Trung Quận), Phan Văn Hảo (phụ trách nông vận). Các tỉnh ủy viên gồm: Nguyễn Văn Tôn (phụ trách công tác dân quân), Nguyễn Văn Tuyên (Chính trị viên Chi đội 15), Bùi Văn Tranh (Bí thư Quận ủy Đức Hòa), Nguyễn Văn Trí (kiểm tra Đảng)¹, Phan Văn Mảng (Bí thư Quận ủy Cần Đước), Huỳnh Công Ba (Bí thư Quận ủy Cần Giuộc).

Tại tỉnh Tây Ninh, giữa tháng 11-1946, đồng chí Nguyễn Đức Thuận triệu tập hội nghị đảng viên trong toàn tỉnh. Sau khi kiểm điểm tình hình phân tán trong nội bộ Đảng và các lực lượng kháng chiến, hội nghị đã thống nhất đề ra các chủ trương: 1- Về Đảng, củng cố tổ chức Đảng các cấp, phát triển cơ sở Đảng trong các cơ quan, đơn vị, thôn xóm. 2- Về hành chính, tiếp tục củng cố các cơ quan hành chính đã có, tìm người tiến bộ, có uy tín bổ sung vào bộ máy hành chính, chấn chỉnh lề lối làm việc từ trên xuống dưới. 3- Về quân đội, đẩy mạnh công tác chính trị trong quân đội, phát triển dân quân du kích, phát triển chiến đấu bằng vũ khí thô sơ. 4- Về kinh tế, chủ yếu là lương thực, cố gắng sản xuất tự túc để giải quyết vấn đề lương thực một cách cơ bản. Trước mắt tổ chức rút gạo từ vùng tạm bị chiếm và các tỉnh miền Trung Nam bộ cho nhu cầu nhân dân. 5- Về tình hình Cao Đài, tích cực chuẩn bị đối phó với quân đội Cao Đài khi chúng hợp tác với Pháp đánh lại chúng ta. Phải tiến hành ngay việc tăng cường vận động, nâng cao tinh thần yêu nước đối với quảng đại tín đồ Cao Đài, vận động số lãnh tụ Cao Đài vào khối đoàn kết dân tộc, sẵn sàng vận động binh sĩ Cao Đài khi bọn phản động bắt họ phản lại kháng chiến. Đồng thời phải chuẩn bị và cất giấu lương thực, tài liệu, vật dụng phòng biến; chuẩn bị thêm đường liên lạc từ trên

¹ Chợ Lớn – Lịch sử chín năm kháng chiến (1945 - 1954), Nxb. Quân đội nhân dân, 1995, tr.112, 113

xuống dưới; sẵn sàng phân tán và tuyệt đối giữ bí mật hoạt động của cơ quan và cán bộ. Hội nghị đã bầu ra Ban Chấp hành Tỉnh ủy gồm 5 đồng chí: Nguyễn Hữu Dụ, Trần Thuần, Nguyễn Trọng Cát, Phạm Trung và Trần Kim Tấn, do Nguyễn Hữu Dụ làm Bí thư Tỉnh ủy¹.

Giữa tháng 11-1946, tại Chiến khu Đồng Tháp Mười, theo sáng kiến của đồng chí Ung Văn Khiêm (trước đây thuộc Xứ ủy Tiền Phong) và đồng chí Trần Văn Trà (trước đây thuộc Xứ ủy Tiền Phong), Hội nghị Xứ ủy Nam bộ được triệu tập. Hội nghị đã quán triệt chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng về cải tổ Đảng bộ Nam bộ, đề ra một số biện pháp nhằm tiếp tục củng cố tổ chức Đảng bộ các cấp ở Nam bộ, củng cố Mặt trận Việt Minh, xác lập quyền lãnh đạo trực tiếp và duy nhất của Đảng Cộng sản đối với công cuộc kháng chiến ở Nam bộ trên cơ sở tập hợp sự đoàn kết thống nhất các lực lượng chính trị trong đó có Đảng Dân chủ. Hội nghị đã kiện toàn lại Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời Nam bộ (có bổ sung một số đồng chí mới) bao gồm: Nguyễn Văn Kinh, Hoàng Dur Khương, Phạm Hùng, Nguyễn Thị Thập, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Đức Thuận, Trần Văn Trà... Trong khi đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Lê Duẩn đang công tác tại Hà Nội, hội nghị đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Kinh giữ nhiệm vụ Thường trực Xứ ủy. Hội nghị chủ trương củng cố lại Liên Tỉnh ủy miền Đông, miền Trung, miền Tây Nam bộ. Thường trực Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ gồm các đồng chí Nguyễn Đức Thuận, Hoàng Dur Khương, Lê Minh Định, Nguyễn Văn Trí, Hồ Văn Long, đồng chí Nguyễn Đức Thuận được tái chỉ định làm Bí thư Liên Tỉnh ủy miền Đông. Có thể nói, đến đây, tình trạng phân biệt “Tiền Phong” - “Giải Phóng”, “Việt Minh cũ” - “Việt Minh mới” trong Xứ ủy cũng như trong toàn Đảng bộ Nam bộ được xóa bỏ hoàn toàn. Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ mở rộng tháng 11-1946 có ý nghĩa quan trọng: xác lập sự thống nhất về mặt tổ chức cũng như lãnh đạo của các cấp Đảng bộ trên toàn miền Nam bộ nói chung, ở miền Đông Nam bộ nói riêng.

Sau hội nghị Xứ ủy Nam bộ mở rộng, ngày 24-11-1946, tại Chiến khu Đông Thành, Khu ủy Khu 7 họp hội nghị nhằm kiện toàn tổ chức Đảng trong quân đội và đề ra một số biện pháp trước mắt về đẩy mạnh hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang, việc nắm lực lượng vũ trang Bình Xuyên và đối phó với quân đội Cao Đài phản động. Có 15 đại biểu dự họp trong đó có một số đồng chí là ủy viên Xứ ủy Nam bộ. Hội nghị đã bầu Đảng ủy Khu 7, gọi tắt là Quân ủy Khu 7 gồm 5 đồng chí, do Nguyễn Văn Trí Chủ nhiệm chính trị bộ kiêm Trưởng phòng chính trị Khu 7 làm Bí thư. Đồng

¹ Sơ thảo lịch sử Đảng bộ Tây Ninh, tập 1, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Tây Ninh xuất bản, 1981, tr. 91, 92, 93

chí Nguyễn Đức Thuận, Ủy viên Xứ ủy rút khỏi Quân ủy Khu 7 để chuyên trách nhiệm vụ Bí thư Liên tỉnh ủy miền Đông Nam bộ. Hội nghị quyết định đẩy mạnh việc phát triển đảng viên trong các đơn vị bộ đội và chỉ định một số chính trị viên chi đội. Hội nghị khu ủy Khu 7 ngày 24-11-1946 đã mở ra một thời kỳ phát triển Đảng mạnh mẽ trong lực lượng vũ trang ở miền Đông Nam bộ¹.

Tại tỉnh Bà Rịa, tháng 4-1947, ở căn cứ địa Long Mỹ, thực hiện chỉ thị của Xứ ủy Nam bộ và chỉ đạo của Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ, hội nghị thành lập Tỉnh ủy lâm thời được triệu tập. Trên cơ sở hội nghị nghiên cứu macxit Bà Rịa do đồng chí Trần Xuân Độ dày công xây dựng trước đó và một số cán bộ Đảng được Xứ ủy cử về tăng cường cho Bà Rịa, hội nghị đã thành lập Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh gồm các đồng chí Nguyễn Kế Hoa, Bùi Công Minh, Võ Văn Thiết, Lê Công Cẩn, Hồ Sĩ Nam... Đồng chí Nguyễn Kế Hoa giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Bùi Công Minh giữ chức vụ phó Bí thư Tỉnh ủy – Tỉnh ủy lâm thời quyết định một số chủ trương trước mắt: Tập trung phát triển Đảng, thành lập các chi bộ để tiến tới thành lập cấp ủy ở các quận; - Phát triển và xây dựng tổ chức Đảng trong quân đội, chính quyền và các ban ngành của tỉnh; - Duy trì hội nghiên cứu macxit, công khai tuyên truyền rộng rãi cho chủ nghĩa cộng sản; - Đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ, nhất là vùng cao su và vùng dân tộc ít người; - Kiên quyết chống địch lấn chiếm, xây dựng căn cứ kháng chiến mới ở Phước Bửu– Lộc An; - Kiện toàn công tác tổ chức và văn phòng của Tỉnh ủy².

Trong lúc các cấp bộ Đảng ở miền Đông Nam bộ đang chỉnh đốn về mặt tổ chức, lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh cuộc kháng chiến thì ở Bắc bộ, thực dân Pháp ngang nhiên đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, trấn giữ hai cửa ngõ đường biển và đường bộ quan trọng của nước ta. Liên tiếp, thực dân Pháp gửi tới hậu thư đến chính phủ ta với nội dung vi phạm chủ quyền Việt Nam một cách láo xược. Tình thế ngày càng nghiêm trọng. Trưa ngày 19-12, Ban Thường vụ Trung ương Đảng điện cho các chiến khu và Tỉnh ủy: “Tất cả hãy sẵn sàng”. Và, 29 giờ ngày 19-12-1946, Đài Tiếng nói Việt Nam truyền đi mệnh lệnh chiến đấu của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: “Tổ quốc lâm nguy! Giờ chiến đấu đã đến! Theo chỉ thị của Hồ Chủ tịch và Chính phủ, nhân danh Bộ trưởng Bộ Quốc phòng – Tổng chỉ huy, tôi hạ lệnh cho toàn thể bộ đội, Vệ

¹ Báo cáo tình hình đoàn thể của Quân ủy Khu 7, Lưu trữ phòng khoa học, công nghệ - môi trường Quân khu 7, tài liệu TL.8331

² Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Nxb, Chính trị quốc gia, 2000, tập 1 (1930-1954), tr.182 - 183

quốc quân, và nhân dân tự vệ Trung - Nam - Bắc phải nhất tề đứng dậy, phải xông tới mặt trận, giết giặc cứu nước”¹.

Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Ngày 20-12-1946, qua Đài tiếng nói Việt Nam, Đảng bộ và nhân dân miền Đông Nam bộ lắng nghe “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Hỡi đồng bào toàn quốc! chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa. Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định thuộc về dân tộc ta”².

Từ đây, Đảng bộ và nhân dân miền Đông Nam bộ bước vào một giai đoạn lịch sử mới – giai đoạn cùng toàn Đảng và nhân dân cả nước kháng chiến!

*

* *

Quãng thời gian gần 15 tháng kể từ sau Cách mạng Tháng Tám thành công đến ngày toàn quốc kháng chiến là chặng đường lịch sử đặc biệt. Ở đó, Đảng bộ miền Đông Nam bộ vừa xây dựng bảo vệ sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng, thiết lập và củng cố hệ thống tổ chức Đảng các cấp; vừa đấu tranh giữ vững sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực nhằm khắc phục hậu quả của chế độ cũ để lại, xây dựng chế độ xã hội mới, xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa và tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Đó là quá trình đấu tranh quyết liệt trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng và tổ chức; quán triệt đường lối chiến tranh cách mạng và nghệ thuật đấu tranh quân sự của Đảng, đề từ đó hoạch định và đề ra chủ trương, nhiệm vụ biện pháp đấu tranh một cách đúng đắn, phù hợp với thực tiễn chiến trường miền Đông Nam bộ. Chặng đường 15 tháng “đi trước” của Đảng bộ miền Đông Nam bộ đã để lại nhiều bài học lịch sử quan trọng về công tác xây dựng Đảng và hoạt động Đảng thực hành lãnh đạo toàn dân kháng chiến. Đó chính là bước thử lửa trui rèn các cấp bộ Đảng, các đảng viên ở miền Đông Nam bộ trong đấu tranh máu lửa, chuẩn bị cho chặng đường lịch sử kế tiếp.

¹ Những tài liệu chỉ đạo đấu tranh vũ trang của Trung ương Đảng và Tổng Quân uỷ, Bộ tổng tham mưu xuất bản, tập 1, 1963, tr. 37

² Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t 4, tr 480

Chương II

ĐẢNG BỘ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG KIẾN TOÀN, PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC CẤP VÀ LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN (1947 – 1950)

I. CÙNG CỐ, KIẾN TOÀN HỆ THỐNG TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC CẤP

1. Hội nghị Xứ ủy Nam bộ và việc kiến toàn, phát triển hệ thống tổ chức Đảng các cấp

Từ cuối năm 1946, thực dân Pháp đã chuyển từ chiến lược “Đánh nhanh thắng nhanh” sang “tập trung lực lượng bình định Nam kỳ” và mở rộng chiến tranh ra toàn lãnh thổ Việt Nam. Trên địa bàn Nam bộ, Bộ tham mưu Quân viễn chinh Pháp hạ quyết tâm hoàn thành kế hoạch bình định vào mùa thu 1946 bằng nhiều biện pháp đồng bộ. Về quân sự, chúng ưu tiên bố trí lực lượng ở miền Đông, tập trung mở các cuộc hành quân đánh sâu vào vùng căn cứ kháng chiến, tìm diệt lực lượng vũ trang, triệt phá cơ sở địa phương, đánh phá vùng du kích, thu hẹp vùng căn cứ, dồn ép lực lượng ta để bao vây tiêu diệt. Chúng sắp xếp lại chiến trường, chia Nam bộ thành 3 khu và đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn. Miền Đông Nam bộ gồm đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn và Khu 3, cơ quan chỉ huy đặt tại Sài Gòn và Thủ Đức. Về chính trị, chúng tìm cách lôi kéo mua chuộc các phe nhóm tôn giáo phản động, lập mặt trận quốc gia giả hiệu và các đảng phái “bài cộng” và các “khu an ninh”, “khu quốc gia”, phát triển mạnh nguy binh và lực lượng vũ trang giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo. kết hợp với mục tiêu quân sự - chính trị, thực dân Pháp còn ra sức củng cố hệ thống giao thông và các cơ sở kinh tế cao su, tạo điều kiện cho giới chủ tư bản vơ vét bóc lột tài nguyên, nhân công, nhanh chóng làm giàu và phục vụ đắc lực cho kế hoạch “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”.

Trước ý đồ ngày càng bộc lộ rõ của địch, Trung ương Đảng nhiều lần gửi điện cho Xứ ủy Nam bộ, chỉ rõ: “Nam bộ là căn cứ của thực dân Pháp để lấy nhân, tài, vật lực gây chiến tranh toàn quốc... Tất nhiên chúng ta phải có chính sách không những làm cho chúng không thể lấy Nam bộ dùng đánh Trung, Bắc mà là Nam bộ cản trở thêm khó khăn nguy hại cho chúng”. Thường vụ Trung ương Đảng chỉ thị cho Nam bộ những công tác trọng tâm, đó là: tìm mọi cách uy hiếp thành phố Sài Gòn, phá hoại các kho tàng, quân nhu, đạn dược, phương tiện vận chuyển của địch; kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị của quần chúng (bãi công, đình công đòi quyền dân chủ dân, chống khủng bố, tẩy chay chính phủ bù nhìn...); bảo vệ các cơ quan

Đảng, chính quyền kháng chiến; đoàn kết toàn dân, đặc biệt chú ý vận động các tín đồ theo các tôn giáo Thiên Chúa, Cao Đài, Hoà Hảo....

Quán triệt chủ trương của Trung ương, Xứ ủy Nam bộ và các cấp ủy Đảng trên địa bàn miền Đông Nam bộ nỗ lực củng cố, phát triển hệ thống tổ chức, lãnh đạo quần dân miền Đông đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện.

Trong những tháng đầu năm 1947, nhiều Tỉnh ủy ở miền Đông Nam bộ đã tổ chức hội nghị để quán triệt chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” của Trung ương Đảng (ban hành ngày 22- 12 - 1946).

Cũng trong tháng 1-1947, Tỉnh ủy Gia Định mở Hội nghị tại Tân An Phú Đông để đề ra một số nhiệm vụ cần kíp: tăng cường củng cố, phát triển Đảng ở các huyện, xã, nâng cao chất lượng lãnh đạo của các cấp ủy để đủ sức lãnh đạo các hoạt động kháng chiến, xây dựng nền kinh tế kháng chiến tự chủ, tăng cường hoạt động vũ trang, diệt tề trừ gian, hỗ trợ cho công tác của chính quyền các cấp.

Tháng 1-1947, Tỉnh ủy Chợ Lớn họp hội nghị mở rộng ở Vườn Thơm (có đồng chí Hoàng Dư Khương, đại diện Khu ủy Khu 7 tham dự), kiểm điểm tình hình qua hơn 1 năm đầu kháng chiến và củng cố lại nhân sự các cấp.

Ở Bà Rịa, Hội nghị nghiên cứu Macxit mở hàng chục lớp huấn luyện chính trị ở nhiều khu vực trong tỉnh, Sau khi thành lập, Tỉnh ủy lâm thời Bà Rịa tập trung lãnh đạo công tác phát triển Đảng, kết nạp nhiều đảng viên mới, xây dựng hệ thống tổ chức Đảng các cấp, đặc biệt trong các đơn vị vũ trang vùng công nhân cao su và đồng bào dân tộc thiểu số.

Trên địa bàn Thủ Dầu Một, Tỉnh ủy đề ra chủ trương củng cố tổ chức và phát triển Đảng ở cơ sở, các cấp ủy viên tỉnh, huyện phải có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục giác ngộ cán bộ ngoài Đảng, chọn người tích cực giới thiệu kết nạp Đảng, chú trọng các đơn vị bộ đội, đoàn thể...

Rõ ràng là diễn biến mới của cuộc kháng chiến đã đặt ra yêu cầu phải nhanh chóng củng cố, phát triển hệ thống tổ chức Đảng các cấp trên toàn Nam bộ, trước hết là Xứ ủy. Đáp ứng nhu cầu đó, sau khi từ Việt Bắc vào tới Nam bộ, tháng 4-1947, đồng chí Lê Duẩn đã triệu tập và chủ trì hội nghị Xứ ủy mở rộng tại Đồng Tháp Mười. Hội nghị kiểm điểm 3 tháng thực hiện “tổng tiến công khuấy rối, phong tỏa, phá hoại” trên các chiến trường, quán triệt đầy đủ và sâu sắc hơn đường lối kháng chiến “toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh” của Đảng, đề ra các biện pháp xây dựng phát triển lực lượng quân sự mạnh trên cơ sở lực lượng chính trị rộng khắp. Đặc biệt, hội nghị nhấn mạnh việc củng cố tổ chức Đảng từ Xứ ủy đến cơ sở. Hội nghị cũng

thành lập Xứ ủy chính thức do đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư (thay cho Xứ ủy lâm thời thành lập tháng 11-1946) và bổ sung một số Xứ ủy viên mới.

Tiếp đó, tại Hội nghị cán bộ Đảng Sài Gòn - Chợ Lớn họp tại Vườn Thơm (tháng 8-1947), đồng chí Bí thư Xứ ủy Lê Duẩn đã nhấn mạnh thêm một số quan điểm về việc củng cố, kiện toàn tổ chức đảng: Đảng phải đi sâu vào phong trào quần chúng, đẩy mạnh hoạt động bí mật kết hợp với công khai hợp pháp và nửa công khai hợp pháp; cần phát triển cơ sở Việt Minh, quan tâm đến quyền lợi hàng ngày của nhân dân lao động, coi trọng đúng mức việc vận động, tập hợp trí thức...

Sau hội nghị Xứ ủy Nam bộ tháng 4-1947, với sự hình thành Xứ ủy chính thức, hệ thống tổ chức Đảng ở miền Đông Nam bộ đã có những bước tiến đáng ghi nhận trong công tác phát triển đảng cũng như trong việc sắp xếp tổ chức, nâng cao hiệu quả lãnh đạo. Ở Gia Định, Tỉnh ủy cử nhiều cán bộ về các huyện, xã trọng yếu để xây dựng, củng cố các chi bộ và đẩy mạnh công tác phát triển Đảng và các đoàn thể kháng chiến. Do đó, số lượng Đảng viên đã tăng từ 500 người (1946) lên 2.000 người (1947). Hầu hết các xã đều có chi bộ. Ở Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Bà Rịa, Biên Hoà... việc kiện toàn tổ chức Đảng và phát triển đảng viên mới đều đạt kết quả khả quan.

Như vậy, trong năm đầu tiên sau ngày Toàn quốc kháng chiến, trên địa bàn miền Đông Nam bộ, hệ thống tổ chức đảng đã được củng cố vững chắc, tăng cường tính thống nhất cả về tư tưởng và tổ chức từ cấp Liên Tỉnh ủy, Tỉnh ủy cho đến các chi bộ. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng đã nảy sinh một số vấn đề bất cập, hạn chế trong chủ trương cũng như trong biện pháp chỉ đạo cụ thể, cần được chấn chỉnh và khắc phục kịp thời.

2. Chấn chỉnh những biểu hiện chưa đúng trong lãnh đạo kháng chiến

Vấn đề cần được xem xét và chấn chỉnh trước tiên là công tác xây dựng và phát triển Đảng. Một mặt, tuy việc phát triển đã có tiến bộ nhưng nhiều địa phương chỉ mới chú trọng phát triển trong các cơ quan hành chính, công an, quân sự đóng ở bưng biển; tiếp đến là phát triển Đảng trong quần chúng ở vùng ven thị, ngoại thành mà chưa quan tâm đúng mức việc phát triển Đảng trong các xí nghiệp quan trọng, mặt khác, do thiếu tổ chức Đảng trong các xí nghiệp quan trọng, thiếu cán bộ hoạt động trong các tầng lớp tiểu tư sản lớp trên, trí thức, tư sản dân tộc...nên ảnh hưởng của Đảng đối với các lực lượng này chưa thật sự sâu sắc. Phần lớn, cán bộ, đảng viên tập trung vào nhiệm vụ kháng chiến, cán bộ chuyên về công tác xây dựng Đảng còn ít trình độ đảng viên còn yếu nên có ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả tuyên truyền và

phát triển Đảng. Nhiều chi bộ thường có khuynh hướng chọn những người thoát ly gia đình để kết nạp, dẫn đến thực trạng thiếu đảng viên nằm trong quần chúng, mối liên hệ giữa đảng viên và quần chúng chưa thật mật thiết, vv... Để khắc phục hạn chế này, một số tỉnh, thành ủy ở miền Đông Nam bộ đề ra chủ trương: phải mở rộng Đảng và chú ý hai điều kiện căn bản để xét kết nạp Đảng (đó là hăng hái tham gia kháng chiến và tán thành lý tưởng của Đảng), mỗi chi bộ phải quy định cho đảng viên mỗi tháng phải giới thiệu được một số quần chúng ưu tú.

Nhưng trong khi thực hiện chủ trương phát triển Đảng sâu rộng trong quần chúng, lại xuất hiện tình trạng thiếu chặt chẽ, không tuân thủ những nguyên tắc quy định, kết nạp Đảng ào ạt...

Chính vì vậy, Xứ ủy Nam bộ quán triệt đến các Tỉnh ủy những quan điểm và biện pháp củng cố Đảng, phê phán những biểu hiện sai trái trong việc đóng cửa hoặc phát triển Đảng ồ ạt, thiếu chọn lọc ở một số địa phương, đơn vị, những biểu hiện tư tưởng cục bộ, địa phương, hẹp hòi..., đưa công tác phát triển Đảng ngày càng đạt kết quả cao, vừa bảo đảm nguyên tắc, vừa tăng cường đội ngũ đảng viên trung kiên, có đầy đủ năng lực đáp ứng tốt nhu cầu của sự nghiệp kháng chiến.

*

* *

Ở một mặt trận khác, để chống lại âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” mà thực dân Pháp ráo riết tiến hành, ngày 22-5-1947, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam bộ ra chỉ thị 4/NV, nêu rõ “cách đối phó với công chức và nhân viên đang hợp tác với Pháp trong guồng máy cai trị và các cơ sở tư của Pháp”, yêu cầu họ tham gia đấu tranh hoặc ở tiền tuyến hoặc ở hậu phương và tuyệt đối không được cộng tác với Pháp hoặc Chính phủ bù nhìn Lê Văn Hoạch. Đến ngày 21-6-1947, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ ra chỉ thị 404/TV, giải thích kỹ hơn Chỉ thị 4/NV, xác định rõ mục tiêu gây phong trào bất hợp tác với giặc, nêu cao uy tín của Chính phủ, tạo cơ hội cho công chức yêu nước tham gia kháng chiến, phá ý đồ của giặc Pháp rêu rao là công chức hợp tác đặc lực với chúng, làm tê liệt bộ máy cai trị của địch, đồng thời phá hoại kinh tế địch, làm tê liệt giao thông, gây trở ngại về tiếp tế, vận chuyển, hậu cần trong vùng địch tạm chiếm.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam bộ và sự vận động của Liên đoàn viên chức và nghiệp đoàn Sài Gòn – Chợ Lớn, hơn 5.000 công nhân lành nghề, công chức, trí thức đã rời thành phố ra chiến khu tham gia kháng chiến (trong số này có nhiều công chức cao cấp và nhân sĩ tiêu biểu như Đô trưởng

Sài Gòn – Chợ Lớn, Phan Văn Chương, Nguyễn Văn Hưởng, v.v.). Ở các nhà máy lớn như Ba Son, FACI, SIMAC... và ở các ngành nghề như nước đá, xe điện, thuốc lá..., số lượng công nhân bỏ việc vào chiến khu tăng cao, làm tê liệt hoạt động, gây cho giới chủ tư bản nhiều thiệt hại và khó khăn đáng kể. Căn cứ Vườn Thơm (Chợ Lớn) trở thành trạm trung chuyển đón tiếp và đưa số công nhân, viên chức này về căn cứ kháng chiến, một phần bổ sung vào các đơn vị chiến đấu, một phần trở thành lực lượng nòng cốt để xây dựng các ngành quân khí, kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế...

Tuy nhiên, việc ra đi ồ ạt của đội ngũ công nhân viên chức, trong đó có nhiều cán bộ và cơ sở cốt cán đã gây ra không ít khó khăn đối với việc xây dựng, tổ chức phong trào ủng hộ kháng chiến ở vùng bị tạm chiếm. Mặt khác, địch đã thừa cơ bố trí, cài cắm nhiều tên gián điệp, do thám, chỉ điểm... trà trộn trong một số công nhân viên chức mới vào chiến khu, gây chia rẽ nội bộ, làm mất đoàn kết giữa cán bộ và chiến sĩ, giữa các cơ quan, đơn vị của ta. Chúng còn ngấm ngầm phá hoại hoạt động của công xưởng quân giới, ghi chép, đánh dấu hệ thống bố phòng, kho tàng, lán trại trong khu căn cứ để chỉ điểm cho máy bay địch bắn phá.

Để giải quyết những hệ quả phức tạp nảy sinh trong quá trình thực hiện Chỉ thị 4/NV, từ tháng 6-1947 các Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ nhận được chỉ đạo triển khai công tác phòng, chống “chiến tranh gián điệp của địch”. Các cơ quan, đơn vị tiến hành điều, nghiên, phân loại cán bộ để thẩm tra những nhân sự có nghi vấn. Trong căn cứ, tăng cường giám sát việc thực hiện nội quy đi lại giữa các vùng, rà soát chặt chẽ việc tiếp nhận, chuyển giao cán bộ, nhân viên, nhất là các cơ quan trọng như cơ yếu, kho, xưởng, văn phòng... Những biện pháp này đã hạn chế từng bước hoạt động phá hoại của địch trong nội bộ và vùng căn cứ kháng chiến của ta.

*

* *

Cũng trong những tháng đầu năm 1947, sau khi được thực dân Pháp làm lễ trao súng tại Toà thánh Tây Ninh (21-1-1947), lực lượng vũ trang phản động Cao Đài càng ra sức chống phá cách mạng, liên tục đưa quân đi đóng đồn, càn quét khắp nơi gây cho nhân dân các tỉnh, đặc biệt ở Tây Ninh những tổn thất hết sức nặng nề. Trước tình hình đó, Xứ ủy Nam bộ đề ra chủ trương xây dựng mặt trận đoàn kết toàn dân, tăng cường công tác vận động đồng bào là tín đồ Cao Đài ủng hộ và tham gia kháng chiến; mặt khác kiên quyết trừng trị những phần tử phản quốc, làm tay sai cho giặc, gây nhiều tội ác với nhân dân.

Đầu năm 1947, quán triệt Nghị quyết của Xứ ủy, Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ chỉ đạo Tỉnh ủy họp hội nghị chuyên đề công tác Cao Đài. Đồng chí Nguyễn Đức Thuận, Bí thư Liên Tỉnh ủy tham dự hội nghị. Trên cơ sở đánh giá tình hình Cao Đài ở tỉnh Tây Ninh, xác định rõ âm mưu của giặc Pháp trong việc lôi kéo một bộ phận tín đồ Cao Đài, đặc biệt giới chức sắc nhằm phá hoại mặt trận đoàn kết dân tộc, phá hoại sự nghiệp kháng chiến của nhân dân ta. Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ, biện pháp nhằm đối phó có hiệu quả âm mưu của địch. Đó là, phải tăng cường công tác nắm vững quần chúng, tuyên truyền giáo dục nâng cao tinh thần yêu nước đối với đồng bào tín đồ, vận động một số chức sắc tham gia mặt trận dân tộc kháng chiến, vận động binh sĩ Cao Đài không thực hiện các cuộc càn quét đánh phá. Tuy nhiên, sau đó do không quán triệt thấu suốt chủ trương trên, đồng thời do nhận thức chưa đầy đủ âm mưu ly gián, chia rẽ hết sức thâm độc của Pháp nên ở một vài địa phương đã xảy ra hành động “tảo thanh”, đốt nhà và sử dụng bạo lực trấn áp tín đồ Cao Đài... Hành động này làm cho nhiều tín đồ Cao Đài bỏ chạy ra vùng tạm chiếm, một số còn lại gia nhập lực lượng vũ trang giáo phái hoặc ngụy quân, chống lại cách mạng quyết liệt.

Sai lầm “tảo thanh” Cao Đài ở một số địa phương đã được Xứ ủy Nam bộ và Khu ủy Khu 7 kiểm điểm nghiêm khắc. Khu ủy Khu 7 cùng các Tỉnh ủy Tây Ninh, Gia Định, Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Chợ Lớn ... đều nhất trí sửa sai, tăng cường cho cán bộ về các vùng bị tảo thanh kiên trì giải thích quan điểm, chủ trương của Đảng, phân biệt rõ bọn phản động đội lốt tôn giáo với những tín đồ chân chính, gây lại lòng tin của đồng bào đối với cách mạng. Riêng tại Tây Ninh, được sự chỉ đạo trực tiếp của Liên Tỉnh ủy miền Đông, Tỉnh ủy đã họp hội nghị tại Tịnh Phong, An Tịnh để kiểm điểm về công tác Cao Đài vận. Hội nghị cho rằng việc tảo thanh Cao Đài là mắc mưu giặc, thực chất của vấn đề Cao Đài là vấn đề nông dân; vì vậy cần phải thực hiện tốt mọi chính sách đối với nông dân tín đồ Cao Đài, tiến hành công tác mặt trận, xây dựng khối đại đoàn kết trong nhân dân toàn tỉnh; đối với một số đơn vị quân đội Cao Đài ác ôn, cần phối hợp hai biện pháp: vừa kiên quyết đánh trừng trị vừa tuyên truyền vận động. Với những nỗ lực đó, bà con tín đồ Cao Đài đã hiểu rõ chính sách tôn giáo của Đảng, tiếp tục ủng hộ và tham gia kháng chiến.

*

* *

Giữa lúc các cấp ủy miền Đông Nam bộ đang chấn chỉnh những sai lầm, thiếu sót về vấn đề tảo thanh Cao Đài thì tình hình phức tạp lại xuất hiện trong lực lượng vũ

trang Bình Xuyên (chủ yếu ở Chi đội 9, Chi đội 21 và một phần Chi đội 25). Một số ít cán bộ quân sự trong lực lượng này bị bọn Phòng Nhì Pháp lũng đoạn, không chấp hành mệnh lệnh cấp trên, gây cản trở việc hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu. Lê Văn Viễn (Bảy Viễn), Chi đội trưởng Chi đội 9 (Bình Xuyên) đã phản bội kháng chiến. Từ thực tế đó, Hội nghị mở rộng toàn Khu 7 do khu ủy triệu tập (27-3-1948) đã đi đến kết luận: Cần phải có kế hoạch thanh trừng bọn phản động và bọn Phòng Nhì Pháp nằm trong nội bộ Bình Xuyên, kiên trì giác ngộ những người sa ngã về hàng ngũ kháng chiến, chấn chỉnh và làm sạch lực lượng vũ trang Bình Xuyên, tiến tới củng cố, xây dựng các đơn vị bộ đội cấp trung đoàn.

Tháng 5-1948, Hội nghị Ban quân sự Nam bộ thống nhất kế hoạch giải quyết vấn đề Bình Xuyên. Đồng chí Huỳnh Văn Nghệ, Chi đội trưởng Chi đội 10 (Biên Hoà) được giao nhiệm vụ về Rừng Sác truyền đạt chỉ thị phong Bảy Viễn làm Tư lệnh Khu 7 và thuyết phục Bảy Viễn về căn cứ Đồng Tháp Mười họp hội nghị, đồng thời dự lễ tấn phong. Khi hội nghị diễn ra, Khu ủy Khu 7 chỉ đạo triển khai cuộc thanh trừng bọn phản động và nhân viên Phòng Nhì Pháp trong nội bộ Bình Xuyên, nhằm vào bộ chỉ huy Chi đội 9 và tổng hành dinh của Bảy Viễn. Sáng ngày 24-5-1948, ta bắt gọn bọn phản động, gián điệp tại các địa điểm này. Tên Lâm Ngọc Đường, nhân viên Phòng Nhì Pháp sau 7 ngày đêm dùng ghe riêng chạy trốn cũng bị bắt với đầy đủ tang chứng (tài liệu phản động, nhật kí ghi các vụ việc phá hoại, kế hoạch lập chiến khu ma...). Còn Bảy Viễn, trên đường đi về lại Rừng Sác sau hội nghị kết thúc, biết tin bọn chân tay, phản động bị bắt, đã cùng một số tùy tùng chạy về Sài Gòn đầu hàng Pháp.

Cuộc thanh trừng những phần tử phản động, gián điệp trong lực lượng vũ trang Bình Xuyên đã làm thất bại lưu đồ chia rẽ nội bộ kháng chiến mà thực dân Pháp ra sức thực hiện, củng cố thêm một bước khối đoàn kết nhất trí trong lực lượng vũ trang kháng chiến. Sau sự kiện này, bộ đội Bình Xuyên cùng tất cả cán bộ, chiến sĩ miền Đông Nam bộ ra sức xây dựng, phát triển lực lượng đơn vị ngày càng lớn mạnh, trưởng thành, thực sự là đội quân cách mạng. Thành công của việc thanh lọc nội bộ Bình Xuyên đã góp phần đáng kể vào việc xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân và đẩy mạnh hoạt động tác chiến trên địa bàn miền Đông Nam bộ.

II. LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG BA THỨ QUÂN, ĐẨY MẠNH “VẬN ĐỘNG CHIẾN TIẾN TỚI”

1. Lãnh đạo phát triển và xây dựng lực lượng vũ trang.

Hội nghị Xứ ủy Nam bộ mở rộng tháng 4-1947 đã chủ trương xây dựng, phát triển lực lượng quân sự mạnh trên cơ sở lực lượng chính trị rộng khắp, xây dựng lực lượng vũ trang kháng chiến ở các tỉnh miền Đông Nam bộ.

Tính chung đến mùa khô 1947, trên chiến trường miền Đông Nam bộ đã có 23 đơn vị vũ trang, trong đó có 14 chi đội, Trung đoàn Phạm Hồng Thái, 1 đơn vị bộ đội lưu động và 1 đơn vị bộ đội hải ngoại... tổng số gồm 17.281 người với 6.776 súng trường, 396 tiểu liên, 157 trung liên, 66 đại liên, 5 pháo 20 ly và 25 ly. Trình độ chỉ huy của cán bộ, trình độ kỹ thuật, chiến thuật của chiến sĩ được nâng lên. Khả năng cơ động và tác chiến tập trung có bước tiến đáng kể, có thể tổ chức đánh những trận hiệp đồng cấp tiểu đoàn. Bên cạnh đó, hệ thống Đảng trong lực lượng vũ trang cũng được củng cố và dần dần lớn mạnh. Hầu hết các chi đội đều có chi bộ, nhiều cán bộ chi đội được kết nạp Đảng, công tác Đảng và công tác chính trị được quan tâm thực hiện thường xuyên.

Cùng với sự phát triển của bộ đội tập trung, diễn biến của cuộc kháng chiến ở thời điểm cuối năm 1947 đã đặt ra yêu cầu phải đẩy mạnh hơn nữa phong trào chiến tranh nhân dân, phải có lực lượng tự vệ chiến đấu tại chỗ vững mạnh đủ sức đảm đương nhiệm vụ tác chiến đánh địch và bảo vệ địa bàn. Ngày 3-11-1947, thực hiện chủ trương của Xứ ủy nhằm phát triển chiến tranh du kích, Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam bộ quyết định thành lập Phòng dân quân Nam bộ do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy, trực tiếp phụ trách. Tư lệnh bộ Khu 7 lập Ban Dân quân do đồng chí Lê Minh Định làm Trưởng ban. Các tỉnh, thành ở miền Đông Nam bộ đều lần lượt thành lập các tỉnh đội, thành đội dân quân. Ở cấp huyện, xã đều lập huyện bộ đội, xã đội trực thuộc Ủy ban Kháng chiến Hành chính các cấp. Các huyện đội bộ đều có du kích tập trung huyện, xã đội bộ có dân quân du kích và dân quân tự vệ xã. Đến ngày 22-12-1947, Ban Quân sự Nam bộ được thành lập đồng chí Nguyễn Thanh Sơn làm Trưởng ban. Tư lệnh bộ Khu 7 được chấn chỉnh lại một bước.

Như vậy, đến cuối năm 1947, trên chiến trường miền Đông Nam bộ đã hình thành lực lượng vũ trang địa phương ba cấp, bao gồm: các đơn vị bộ đội (trung đoàn, chi đội); du kích tập trung huyện (thoát ly sản xuất) và dân quân tự vệ, dân quân du kích xã (không thoát ly sản xuất). Đây là tiền đề cơ bản, làm nền tảng cho sự hình thành lực lượng vũ trang ba thứ quân ở miền Đông Nam bộ trong thời gian sau đó.

Cũng trong năm 1947, hệ thống công an được củng cố thêm một bước về tổ chức. Sở công an Nam bộ do đồng chí Kiều Tấn Lập, sau đó là đồng chí Diệp Ba làm Giám đốc, các đồng chí Phạm Hùng, Cao Đăng Chiếm làm Phó giám đốc. Ngoài Ty công an ở các cấp tỉnh, các huyện đều củng cố lại công an huyện và ủy viên công an

xã. Lực lượng công an xung phong, quốc vệ đội đều được củng cố lại. Ngành công an liên tiếp mở nhiều lớp huấn luyện nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, chiến sĩ. Dưới sự lãnh đạo của Liên Tỉnh ủy miền Đông và các cấp ủy địa phương, lực lượng công an ở miền Đông Nam bộ đã triển khai xây dựng mạng lưới điệp báo rộng rãi trong vùng địch tạm chiếm; đấu tranh phát hiện những phần tử gián điệp của địch trà trộn trong công chức, thợ thuyền, học sinh từ đô thị vào vùng biên kháng chiến theo chỉ thị 4/NV của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ; đấu tranh chống những tên Việt gian phản động đội lốt giáo phái Cao Đài; phối hợp với bộ đội và du kích địa phương chống địch càn quét, diệt tề trừ gian, xây dựng mạng lưới an ninh nhân dân rộng khắp.

*

* *

Bước sang năm 1948, sau thất bại ở Việt Bắc vào thu đông 1947, thực dân Pháp cho tăng quân, điều chỉnh lực lượng, đẩy mạnh hơn nữa kế hoạch “bình định Nam bộ”. Tháng 1-1948, 4 tiểu đoàn bộ binh và 1 tiểu đoàn pháo binh được điều động đến Sài Gòn. Trên địa bàn Khu 7, địch đóng quân ở 491 cứ điểm chính (không kể đồn bốt nhỏ) với tổng số quân lên đến 25.438 tên (trong đó có 5.574 lính Pháp và lính lê dương, 19.684 lính ngụy và lính Cao Đài).

Trước âm mưu mới của địch, hội nghị Xứ ủy Nam bộ (từ 16 đến 20-12-1947) đã nhận định: Trong năm 1948, địch sẽ tập trung càn quét đánh phá Nam bộ, mở rộng thêm phạm vi chiếm đóng quanh đô thị và các trục giao thông, lấn chiếm vùng căn cứ của ta, ra sức xây dựng ngụy quân, ngụy quyền, tăng cường bắt lính và lực lượng cơ động để tiêu diệt cơ quan đầu não cùng lực lượng vũ trang ta, triệt phá dự trữ kinh tế, dùng chiến tranh gián điệp phá rối nội bộ kháng chiến, thiết lập “Chiến khu quốc gia” ma... Từ nhận định đó, hội nghị Xứ ủy chủ trương đẩy mạnh xây dựng lực lượng du kích rộng khắp, tích cực tuyên truyền chống bắt lính, vận động làm tan rã địch, tăng cường đánh phá giao thông địch, bảo vệ các tuyến đường tiếp vận liên lạc của ta; đặc biệt là tổ chức lực lượng bộ đội chủ lực khu ứng chiến cho các vùng bị uy hiếp, phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương chặn đánh, bẻ gãy các cuộc càn quét, tiêu hao sinh lực địch.

Ngày 25-1-1948, Chính phủ ra sắc lệnh thành lập các Liên khu trong cả nước để chỉ đạo thuận lợi, sâu sát hơn đối với các chiến trường. Nam bộ được tổ chức thành các Khu 7, 8, 9 và Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn. Địa bàn miền Đông Nam bộ bao gồm Khu 7, Đặc Khu Sài Gòn - Chợ Lớn và một phần Khu 8.

Thực hiện Nghị quyết của hội nghị Xứ ủy Nam bộ cuối năm 1947, ngày 27- 3- 948, Khu ủy khu 7 triệu tập hội nghị Khu ủy mở rộng toàn khu. Hội nghị nhận định: cuộc kháng chiến đang trên đà phát triển, đặt ra yêu cầu phải xây dựng những đơn vị vũ trang mạnh, tổ chức theo hướng tập trung, thống nhất, phát huy được vai trò chủ lực làm nòng cốt cho chiến tranh nhân dân ở các địa phương. Sau khi đánh giá tình hình chuyển hướng xây dựng và tác chiến của lực lượng vũ trang đáp ứng yêu cầu mới, hội nghị quyết định nâng cao một bước quy mô tổ chức bộ đội: trên cơ sở chi đội phát triển thành các trung đoàn chủ lực (tổ chức trung đoàn là sự phát triển nâng cao về chất của mỗi chi đội hoặc hợp nhất nhiều chi đội có sẵn, các đại đội trực thuộc chi đội xây dựng thành tiểu đoàn, phân đội xây dựng thành đại đội); mỗi trung đoàn có 3 tiểu đoàn khinh binh và một đại đội cơ động, gọi là đại đội chủ lực. Có thể khẳng định, Hội nghị Khu ủy Khu 7 (tháng 3-1948) đã đặt tiền đề quan trọng cho việc xây dựng hàng loạt trung đoàn trên chiến trường miền Đông Nam bộ.

Trước Hội nghị Khu ủy Khu 7, ở khu vực Rừng Sác, trung đoàn 300 đã được thành lập vào tháng 2-1948 (mang tên trung đoàn Dương Văn Dương) gồm 2 tiểu đoàn, đứng chân hoạt động ở Rừng Sác, Bà Rịa và có mối quan hệ chặt chẽ với các cấp ủy cùng lực lượng vũ trang các địa phương Nhà Bè, Cần Đức, Cần Giuộc...Sau hội nghị Khu ủy, lần lượt hình thành thêm nhiều trung đoàn bộ đội địa phương.

Trên địa bàn Chợ Lớn, Chi đội 15 và tiểu đoàn Nguyễn An Ninh được sát nhập và phát triển thành Trung đoàn 308 (mang tên Trung đoàn Nguyễn An Ninh) do tỉnh ủy Chợ Lớn trực tiếp lãnh đạo. Trung đoàn có 3 tiểu đoàn, 7 biệt động đội và 1 trung đội nữ binh, tổng quân số có 1.510 người, vũ khí gồm 544 súng trường, 28 tiểu liên, 11 trung liên, 4 đại liên (ngoài ra còn có 1 tiểu đoàn huấn luyện). Lực lượng hậu cần Trung đoàn rất mạnh, có binh công xưởng với hàng trăm công nhân quốc phòng, sản xuất được cả đạn cối 60 ly và 81 ly, có 1 đại đội công binh, một đại đội làm kinh tế, 1 trung đội bảo vệ lưu thông có trách nhiệm bảo vệ an toàn hành lang giao thông liên lạc, tiếp tế chiến lược từ miền Tây lên miền Đông Nam bộ.

Trên đại bàn Thủ Dầu Một, Trung đoàn 301 được thành lập trên cơ sở phát triển Chi đội 1, gồm 3 tiểu đoàn trực thuộc.

Trung đoàn 302 thành lập trên cơ sở sát nhập Chi đội 2 và Chi đội 3, sau đó lại sát nhập với Chi đội 9 thành Trung đoàn 309.

Trung đoàn 304 thành lập từ sự sát nhập Chi đội 3 và Chi đội 25.

Trung đoàn 306 thành lập trên cơ sở sát nhập Chi đội 6 và Trung đoàn Phạm Hồng Thái, hoạt động xung quanh Sài Gòn – Chợ Lớn.

Trung đoàn 307 hình thành từ sự sát nhập các chi đội 16, 7, 25 và Quốc gia tự vệ Cuộc Bà Rịa. Đến tháng 7-1948, trung đoàn 307 và Trung đoàn 309 lại hợp nhất thành Trung đoàn 397.

Trung đoàn 310 với thành phần chủ yếu là Chi đội 10 phát triển lên, gồm có 3 tiểu đoàn, hoạt động trên địa bàn tỉnh Biên Hòa và vùng căn cứ Chiến khu Đ.

Trung đoàn 311 phát triển chủ yếu từ Chi đội 11 Tây Ninh gồm 3 tiểu đoàn hoạt động trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Trung đoàn 312 từ Chi đội 12 phát triển thành, hoạt động trên địa bàn tỉnh Gia Định.

Việc thành lập 10 trung đoàn nêu trên không chỉ đơn thuần là sự sát nhập đơn vị và thay đổi tên gọi, phiên hiệu, mà thực chất đó là sự phát triển, trưởng thành từ cơ cấu tổ chức, quy mô đơn vị đến năng lực chỉ huy, trình độ tác chiến của cán bộ, chiến sỹ miền Đông. Từ những đơn vị có quy mô nhỏ, lẻ đến giữa 1948, trên địa bàn Khu 7 nói riêng, miền Đông Nam bộ nói chung đã hình thành hệ thống các trung đoàn chủ lực chủ lực bộ binh, thực chất là những trung đoàn bộ đội địa phương tập trung.

Tháng 6-1948, chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà gửi điện công nhận Ban Quân sự Nam bộ (thành lập tháng 12-1947) và cử Trung tướng Nguyễn Bình giữ chức Ủy viên quân sự. Tháng 10-1948, Bộ Tư lệnh Nam bộ được thành lập thay Ban Quân sự Nam bộ do Trung tướng Nguyễn Bình làm Tư lệnh. Cơ quan Tư lệnh bộ các Khu được chấn chỉnh thêm một bước và đổi tên thành Bộ chỉ huy khu. Bộ chỉ huy Khu 7 do đồng chí Huỳnh Văn Nghệ làm Tư lệnh chuyển về đóng tại Chiến khu Đ, một vị trí trung tâm ở miền Đông Nam bộ để có điều kiện theo dõi, nắm bắt tình hình chỉ huy, chỉ đạo các chiến trường kịp thời và chuẩn xác hơn.

Như vậy, trong 6 tháng đầu năm 1948, lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ đã có những bước tiến vững chắc khi vừa hoàn thành công tác thanh lọc những phần tử phản động, gián điệp, làm trong sạch nội bộ. Hệ thống tổ chức Đảng lãnh đạo trong quân đội được củng cố, hoàn thiện. Các đơn vị tập trung cấp chi đội được nâng cấp, phát triển thành những đơn vị cấp trung đoàn. Đến mùa thu 1948, bộ đội miền Đông lại được củng cố tổ chức thêm một bước, tăng cường tính thống nhất trong lãnh đạo, chỉ huy, tạo nên sức chiến đấu mới mạnh mẽ và hiệu quả hơn.

Tháng 12-1948, thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn tách ra cùng với tỉnh Gia Định và huyện Trảng Bàng của tỉnh Tây Ninh thành lập khu Sài Gòn - Chợ Lớn. Khu 7 và khu Sài Gòn - Chợ Lớn tiến hành sắp xếp lại nhân sự và tổ chức các cơ quan trực thuộc. Khu 7 còn lại các tỉnh Chợ Lớn, Bà Rịa, Biên Hoà, Thủ Dầu Một do đồng chí

Huỳnh Văn Nghệ làm Tư lệnh, đồng chí Nguyễn Văn Trí làm Chính ủy (Khu Sài Gòn - Chợ Lớn do đồng chí Tô Ký làm Tư lệnh, đồng chí Phan Trọng Tuệ làm Chính ủy).

Đến tháng 4-1949, Khu 7 thành lập tiểu đoàn chủ lực lấy phiên hiệu Tiểu đoàn 303 trên cơ sở đơn vị bộ đội lưu động của Khu. Sang tháng 7-1949, Hội nghị dân quân toàn Khu 7 được triệu tập, chủ trương phát triển lực lượng dân quân du kích, đặc biệt chú trọng xây dựng lực lượng nhân dân du kích vùng dân tộc thiểu số và thành lập các làng ấp chiến đấu, tiến tới tự đảm đương nhiệm vụ chống càn, bảo vệ địa phương.

Trên cơ sở nhận định “cuộc chiến tranh của ta đã sang giai đoạn cầm cự và chuẩn bị tổng phản công”, ngày 18-8-1949, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “xây dựng bộ đội địa phương và phát triển dân quân” trong cả nước. Chỉ thị nêu rõ: “Trong giai đoạn này, Đảng ta lấy du kích chiến làm chính, vận động chiến làm phụ; nhưng vận động chiến phải nâng lên ngang với du kích chiến và trở nên chủ yếu. Muốn xây dựng một đội quân chủ lực mạnh mẽ, cần phải có sự phát triển rộng rãi của phong trào dân quân và bộ đội địa phương đã trưởng thành”.

Quán triệt chỉ thị của Trung ương, tháng 9-1949, Xứ ủy Nam bộ triệu tập Hội nghị quân sự Nam bộ nhằm kiểm điểm toàn bộ công cuộc kháng chiến trong bốn năm qua và đề ra nhiệm vụ trong thời gian tới. Đông đảo cán bộ quân sự cấp khu, trung đoàn, tiểu đoàn được triệu tập về dự Hội nghị. Đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy đã trình bày bản báo cáo quan trọng, nhận định tình hình quân sự địch – ta và nêu lên sáu mặt công tác quan trọng trước mắt: 1) gấp rút chỉnh đốn lại bộ máy chỉ huy quân sự các cấp; 2) xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân; 3) rèn cán chỉnh quân; 4) tổ chức lại bộ máy quân giới, quân nhu; 5) gia tăng công tác chính trị, địch vận; 6) tuyên truyền đẩy mạnh phong trào thi đua giết giặc lập công.

Hội nghị quân sự Nam bộ tháng 9-1949 đã kịp thời vạch ra những điểm còn thiếu, còn yếu của ta trong công tác xây dựng lực lượng vũ trang, rõ nhất là tư tưởng quân sự đơn thuần, coi nhẹ vai trò của dân quân du kích và mối quan hệ giữa ba thứ quân, vạch ra những nhiệm vụ thiết thực và đúng hướng đưa cuộc kháng chiến tiếp tục tiến lên hoà nhịp với các chiến trường trên cả nước.

Sau Hội nghị, chấp hành chỉ thị của Xứ ủy, Bộ Tư lệnh Nam bộ tiến hành phân bổ lại chiến trường và củng cố nhân sự chủ chốt ở cấp khu, cấp tỉnh. Phân khu Duyên hải được giải thể. Khu 7 còn lại Bà Rịa tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa, Thủ Dầu Một do đồng chí Huỳnh Văn Nghệ làm Tư lệnh, đồng chí Phan Trọng Tuệ làm Chính ủy. Khu Sài Gòn – Chợ Lớn được thành lập gồm Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, Tây Ninh do đồng

chí Trần Văn Trà là Tư lệnh kiêm Chính uỷ, đồng chí Lê Đức Anh làm Tham mưu trưởng.

Ngày 18-11-1949, Bộ Tư lệnh Nam bộ ra mệnh lệnh số 137 thành lập các Liên trung đoàn trên cơ sở hợp nhất các trung đoàn bộ đội địa phương tập trung trước đây. Theo đó, hai trung đoàn 301 và 310 hợp thành Liên trung đoàn 301 - 310 hoạt động ở Thủ Dầu Một – Biên Hoà, hai trung đoàn 300 và 397 hợp thành Liên Trung đoàn 300 - 397 hoạt động ở Bà Rịa và vùng Duyên Hải – Rừng Sác (cả hai liên trung đoàn này đều trực thuộc Bộ Chỉ huy Khu 7). Hai Trung đoàn 306 và 312 hợp thành Liên trung đoàn 306 – 312 hoạt động ở tỉnh Gia Định và vùng ven Sài Gòn, còn hai Trung đoàn 308 và 311 hợp thành Liên trung đoàn 308 – 311 hoạt động ở Chợ Lớn – Tây Ninh (hai liên trung đoàn này trực thuộc Bộ chỉ huy Khu Sài Gòn – Chợ Lớn). Đồng thời, các đơn vị khác cũng được chấn chỉnh tổ chức theo hướng gọn nhẹ, tập trung. Các tiểu đoàn đều có đủ đại đội khinh binh, đại đội trợ chiến và trung đội binh chủng chuyên môn. Nhiều đoàn cán bộ được cử đến từng khu, từng tỉnh để hướng dẫn công tác huấn luyện quân sự.

Đồng thời với việc tổ chức lại các đơn vị vũ trang tập trung và đẩy mạnh hoạt động của lực lượng dân quân du kích, Xứ uỷ chỉ đạo chấn chỉnh lại hoạt động của lực lượng công an. Tổ chức sở cũng được củng cố lại bao gồm văn phòng, phòng chính trị, phòng cảnh vụ, phòng quốc vệ đội, phòng căn cước, phòng ngoại kiều, công an xưởng, kiểm soát viên miền Đông, miền Trung, miền Tây Nam bộ. Theo đó, tổ chức ngành công an cũng được củng cố lại ở các tỉnh, huyện, xã. Công an tỉnh có phòng trinh sát, phòng quốc vệ đội, phòng cảnh sát, phòng biệt lý tòa án, trại giáo hóa và các đội trực thuộc như công an xung phong, công an xưởng, ban sản xuất tự túc, công an y xá và kiểm soát viên. Công an huyện cũng được tổ chức tương tự. Riêng ở xã chỉ có trưởng, phó và từ 3 đến 5 công an viên.

Vừa củng cố tổ chức, dưới sự chỉ đạo của Liên Tỉnh uỷ miền Đông, lực lượng công an các tỉnh vừa nỗ lực khác phục bệnh áu trĩ tả khuynh dẫn đến những tổn thất đáng tiếc trong nội bộ các cơ quan kháng chiến. Do yếu kém về nghiệp vụ công an và thiếu tinh táo trước âm mưu xảo quyệt của kẻ thù, ở một số nơi như Bà Rịa, Tây Ninh, Biên Hoà, Chợ Lớn... đã diễn ra sự bắt bớ tràn lan, nhiều cán bộ đảng viên bị ngụy tạo tài liệu giả, tra tấn nhục hình, bức cung và xử lý oan.

Tỉnh uỷ các tỉnh đã tổ chức nhiều cuộc họp để làm sáng tỏ sự việc, minh oan cho những người bị xử lý sai, củng cố lại nội bộ công an. Mặt khác, Đảng bộ các cấp cũng chỉ đạo việc nâng cao ý thức cảnh giác, cách mạng, chống chiến tranh gián điệp và chiến tranh tâm lý của địch, chấn chỉnh phong trào “ngũ gia liên bảo” (5 gia đình

thành một tổ cùng chịu trách nhiệm chung về nhau), hoàn chỉnh hệ thống tổ chức quân chúng làm công tác công an, thúc đẩy phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, và trật tự an ninh thôn xóm.

Cùng với việc sắp xếp, tổ chức lại chiến trường và đơn vị vũ trang, công tác xây dựng và bảo vệ căn cứ địa phương được chú trọng đẩy mạnh Khu 7 chỉ đạo thêm các khu vực dân cư ở những vùng căn cứ hẻo lánh ít người như ở phía bắc và đông bắc Chiến khu Đ, ở Định Thành, căn cứ thuộc Chiến khu Dương Minh Châu. Phòng Dân tộc thiếu số Khu 7 tổ chức các đoàn vũ trang tuyên truyền vào các buôn sóc người S'tiêng, Ch'ro ở Xuân Lộc, Tà Lài, Lý Lịch (Biên Hoà), Hắc Dịch, Xuyên Mộc (Bà Rịa), Phước Long, Lộc Ninh (Thủ Dầu Một)... xây dựng cơ sở cách mạng, vận động đồng bào tham gia vận tải, liên lạc, bảo vệ, nuôi dưỡng cán bộ, bộ đội, bảo vệ chiến khu. Việc bố trí lực lượng chống càn, chống do thám, gián điệp của địch, chống thú dữ, giữ gìn an ninh trật tự trong chiến khu được tổ chức chặt chẽ. Các hoạt động hậu cần trong căn cứ (quân giới, quân nhu, quân y cũng có những bước tiến đáng kể)

*

* *

Bước sang năm 1950, những chuyển biến quan trọng của tình hình thế giới và trong nước (cách mạng dân tộc dân chủ thành công ở Trung Quốc, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời, Liên Xô, Trung Quốc và nhiều nước công nhận, đặt quan hệ với Chính phủ ta; phong trào kháng chiến ở Lào và Campuchia có nhiều chuyển biến tích cực...) đã tạo thêm sức bật mạnh mẽ cho công cuộc kháng chiến chống Pháp. Nhưng, cũng từ đầu năm 1950, đế quốc Mỹ đã ra mặt hà hơi tiếp sức cho Pháp và can thiệp trực tiếp vào Đông Dương. Được sự giúp sức của Mỹ trong 6 tháng đầu năm 1950, giặc Pháp tăng cường các hoạt động quân sự, tiếp tục tấn công vào vùng căn cứ và lực lượng vũ trang kháng chiến. Trên địa bàn miền Đông Nam bộ, trong hai tháng 4 và 5 năm 1950, địch càn quét sạch vào chiến khu Đ, chiến khu Long Nguyên, đẩy mạnh đánh phá vùng du kích, giành quyền kiểm soát đường giao thông và các đô thị. Chúng tăng cường lực lượng chiếm đóng dọc các sông Đồng Nai, Soài Rạp, Sài Gòn, Vàm Cỏ và dọc các trục lộ 10, 16, 14, các Quốc lộ 1, 13, 20, làm cho đường giao thông liên lạc từ miền Đông sang miền Tây bị chia cắt và kiểm soát ngặt nghèo. Mặt khác, địch còn tăng cường bắt lính, phát triển thêm nhiều đơn vị ngụy quân. Trong tháng 4-1950, Giáo chủ Cao Đài Phạm Công Tắc còn kí kết thoả ước bàn giao lực lượng vũ trang Cao Đài cho ngụy quyền Bảo Đại để tập trung quyền chỉ huy quân sự vào tay thực dân Pháp ... Tất cả những biện Pháp đó của Pháp và các thế lực tay sai,

thân cận gây cho ta nhiều khó khăn lớn. Cuộc kháng chiến của quân dân miền Đông Nam bộ từ giữa năm 1950 trở đi đứng trước những thử thách nặng nề.

Trước tình hình đó, chấp hành Nghị quyết của Xứ ủy Nam bộ, từ tháng 8-1950 việc phân chia, sắp xếp lại tổ chức và chỉ huy chiến trường được triển khai thực hiện trên toàn miền. Khu Sài Gòn – Chợ Lớn và Khu 7 được sáp nhập lại (vẫn mang tên Khu 7) gồm 6 tỉnh Bà Rịa, Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Gia Định, Tây Ninh, Bí thư Khu ủy là đồng chí Hoàng Dur Khương, đồng chí Trần Văn Trà làm Tư lệnh kiêm Chính ủy Khu, các đồng chí Tô Ký, Huỳnh Văn Nghệ làm Phó tư lệnh... Cơ quan Bộ Tư lệnh Khu 7 (đóng ở Chiến khu Long Nguyên¹. Thành lập Đặc khu Sài Gòn do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư Đặc khu ủy kiêm Chính ủy Bộ Tư lệnh Đặc khu, đồng chí Nguyễn Văn Thi làm Tư lệnh)

Đến cuối tháng 10-1950, Xứ ủy Nam bộ họp hội nghị tại một địa điểm trên bờ kênh Dương Văn Dương (thuộc chiến khu Đồng Tháp Mười), quyết định thành lập 4 trung đoàn chủ lực lấy phiên hiệu Đồng Nai, Cửu Long, Đồng Tháp, Tây Đô. Trung đoàn Đồng Nai được thành lập và hoạt động chủ yếu trên địa bàn miền Đông Nam bộ.

2. Lãnh đạo đẩy mạnh hoạt động tác chiến trên toàn chiến trường miền Đông Nam bộ.

Song song với việc xây dựng, kiện toàn tổ chức và chú trọng thực hiện công tác Đảng, công tác chính trị, lực lượng vũ trang ba thứ quân miền Đông Nam bộ được sự ủng hộ, phối hợp tích cực của đoàn thể quần chúng, các tầng lớp nhân dân thường xuyên tổ chức đánh địch, lập nhiều chiến công xuất sắc, có tiếng vang lớn trên toàn miền, toàn xứ cũng như trên cả nước.

Suốt năm 1947, chiến sự diễn ra ác liệt, sôi động khắp các vùng du kích và vùng tạm chiếm, cả nông thôn lẫn thành thị ở các tỉnh miền Đông. Chống lại thủ đoạn “bình định” càn quét địch, bộ đội và du kích nhiều địa phương tổ chức hàng loạt trận đánh ở Chiến khu Đ, căn cứ Bà Tranh (Tây Ninh), Phú Mỹ Hưng (Gia Định)... Nổi bật nhất năm 1947 là trận chống càn ở Xóm Mới – Gia Bẹ (Gia Định) diễn ra vào tháng 6 trên một trận tuyến kéo dài 15 km thuộc phạm vi 3 xã Trung Lập, Nhuận Đức và An Nhơn Tây (bắc Hóc Môn). Phát hiện lực lượng ta (gồm Liên quân B do đồng chí Tô Ký và liên quân 18 do đồng chí Lâm Quốc Đăng chỉ huy) về đóng quân tại địa bàn trên, giặc Pháp huy động hơn 1.000 lính lê dương có phi cơ, thiết giáp và pháo binh yểm trợ, có hơn 1.000 lính Cao Đài phản động và 1 tiểu đoàn dự bị phối hợp mở cuộc càn lớn tiêu diệt quân ta. Phán đoán đúng ý đồ của địch, bộ đội ta phối hợp ăn ý,

¹ Thành phố Sài Gòn cùng các huyện vùng ven phía bắc (Thủ Đức, Gò Vấp, Bình Chánh)

di chuyển linh hoạt, chiến đấu kiên cường đã lần lượt bẻ gãy các cánh quân địch trên các hướng. Sau gần một ngày chiến đấu, diệt hơn 200 tên địch, thu nhiều vũ khí đạn dược và 2 máy vô tuyến điện. Thắng lợi của trận đánh này thể hiện rõ năng lực chỉ huy và khả năng hợp đồng chiến đấu giữa nhiều đơn vị vũ trang của ta trên phạm vi chiến trường khá rộng.

Sau chiến thắng Xóm Mới – Gia Bẹ, lực lượng vũ trang của ta chủ động tổ chức tập kích diệt nhiều đồn bót địch như: tiến công bót Bến Củi (Tây Ninh) diệt 30 tên địch, thu 26 súng trong đó có 3 đại liên, 33 quả lựu đạn (ngày 9-8-1947), dùng chiến thuật kỳ tập diệt bót Thới Hoà (Thủ Dầu Một) trên trục lộ 13, diệt 28 tên địch, thu 21 súng (19-8-1947); bức rút đồn Phú Mỹ, mở rộng vùng giải phóng để xây dựng căn cứ địa khu Tây (Bà Rịa).

Cùng với những trận tập kích đồn bót địch, các lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ thường xuyên tổ chức hàng loạt trận đánh giao thông, làm thất bại ý đồ của địch trong việc khai thác, vơ vét các nguồn lợi kinh tế (chủ yếu là cao su ở miền Đông và lúa gạo ở miền Tây). Tiêu biểu là các trận phục kích trên bộ như trận phục kích tại dốc Cây Cám ở Đất Đỏ, Bà Rịa (tháng 4-1947), trận Bùng Binh ở Trảng Bàng, Tây Ninh (tháng 22-5-1947); phục kích trên các đoạn đường sắt ở Trảng Táo, Bảo Chánh thuộc Biên Hoà (tháng 5 và tháng 6-1947); ở Bến Cỏ - Bến Mương thuộc Gia Định và Bưng Còng thuộc Thủ Dầu Một (tháng 8 và 9-1947); phục kích tàu địch tại đoạn Cá Gấu sông Soài Rạp (22-9-1947), v.v... Nổi bật nhất trong chiến công đánh đánh giao thông địch là các trận Bàu Cá (do Chi đội 10 Biên Hoà thực hiện), dùng địa lôi đánh đoàn tàu hoả quân sự địch, sau đó xung phong diệt địch ở các toa, loại khỏi vòng chiến đấu gần 200 tên, trong đó có 2 đại úy Pháp; trận Bến Ông Khương (do chi đội 1 Thủ Dầu Một thực hiện) cũng dùng địa lôi đánh đoàn tàu hỏa quân sự trên tuyến Sài Gòn – Lộc Ninh, diệt hàng trăm tên địch, thu nhiều vũ khí, quân trang quân dụng...

Mùa thu 1947, thực dân Pháp mở cuộc tiến công lớn lên căn cứ địa Việt Bắc nhằm phá tan cơ quan đầu não và tiêu diệt lực lượng chủ lực của ta. Tháng 11-1947, Bộ Tư lệnh Khu 7 nhận được mệnh lệnh của Bộ Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia Việt Nam, yêu cầu các Khu đánh mạnh để phối hợp cùng quân dân Việt Bắc bẻ gãy cuộc hành quân quy mô lớn của địch. Lập tức, Bộ Tư lệnh Khu 7 phát động một đợt đẩy mạnh hoạt động tác chiến quân sự trên tất cả các chiến trường, nhất là ở Sài Gòn, Chợ Lớn – để chia lửa với Việt Bắc.

Trận đánh mở màn cho đợt hoạt động “chia lửa cùng Việt Bắc” gây tiếng vang lớn trên địa bàn miền Đông diễn ra ở xã Phú Hữu (Thủ Đức) vào đêm 12 rạng 13-

1947. Tại đây, quân địch gồm 1.500 lính Âu – Phi, 3 tàu thủy đổ bộ, **5 căn cứ nô** chia làm 4 mũi tên tiến vào vây chặt lực lượng của Đại đội 10, Chi đội 6 vừa hành quân về Gò Thẳng. Tuy quân số chỉ có 50 người, nhưng Ban chỉ huy Đại đội 10 (Trần Minh Thắng và Đào Sơn Tây) đã vạch phương án tác chiến hợp lý, kết hợp cùng 2 tiểu đội du kích bố trí chặn đánh cánh quân đầu tiên của địch làm chúng bất ngờ, lúng túng, buộc phải dừng lại đối phó. Quân ta dũng mãnh xông thẳng vào đội hình địch, chia cắt chúng làm đôi, đuổi chạy một bộ phận còn lại; sau đó lấy quần áo địch cải trang rút khỏi vòng vây an toàn. Quân địch rút khỏi Phú Hữu, để lại trận địa 40 xác chết, ý đồ bao vây tiêu diệt lực lượng ta bị thất bại hoàn toàn.

Tiếp đó, trong tháng 12-1947, khắp các tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Tân An liên tục nổ ra các hạt động quân sự.

Ngày 2-12-1947, tại Thanh Bình (Tân An), bộ đội của khu phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương chặn đánh địch càn quét, diệt gần 200 tên địch. Đồng chí Trung đoàn trưởng Nguyễn Công Trung, nguyên Xứ ủy viên Nam bộ đã anh dũng hy sinh. Trong ngày 5-12-1947, ta đánh thắng một trận phục kích giao thông trên đoạn Phú Văn – Búng Quốc lộ 13 (thuộc tỉnh Thủ Dầu Một), phá hủy 2 xe vận tải, 3 xe thiết giáp, diệt 10 tên Pháp, làm bị thương 10 tên khác. Chiều 10-12, lực lượng Chi đội 1 được cài cắm vào “chiến khu quốc gia” Bình Quới Tây của Chính phủ bù nhìn Lê Văn Hoạch (số lượng quân ta cài vào đây lên đến 1 đại đội, có đồng chí giữ đến chức Tham mưu phó) nhân lúc địch mãi mê lo đá bóng đã bất ngờ thu giữ toàn bộ số súng, không chế địch và buộc chúng đầu hàng. Số vũ khí và trang bị quân sự ta thu được trong trận này đủ trang bị cho một tiểu đoàn, lực lượng ta an toàn rút về căn cứ.

Ngày 19-12, kỷ niệm 1 năm ngày Toàn quốc kháng chiến, Chi đội 10 phối hợp với Chi đội 1 tổ chức đánh đoàn xe địch trên đường 14 tại Đồng Xoài, phá hủy 1 thiết giáp và 9 xe chở lính, diệt 60 tên địch, bắt sống một số tù binh, thu nhiều vũ khí và chiến lợi phẩm. Ngày 22-12, Trung đoàn Phạm Hồng Thái phối hợp cùng các lực lượng vũ trang nội thành đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất, bót Phú Thọ Hòa, Rạch Chiềc...

Thắng lợi của đợt hoạt động quân sự do nhân dân miền Đông Nam bộ tiên hành cuối năm 1947 phối hợp cùng chiến dịch Việt Bắc đã thu được nhiều kết quả khả quan. Sự phối hợp đó được Trung ương Đảng và Bộ Tổng chỉ huy Quân đội (Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam sau này) đánh giá tích cực và có hiệu quả.

Bước sang năm 1948, quán triệt chủ trương của Xứ ủy Nam bộ về “chặn đánh, bẻ gãy các cuộc càn quét, tiêu hao tiêu diệt sinh lực địch”, các lực lượng vũ trang

miền Đông tiếp tục lập nên nhiều chiến công mới ngay từ những ngày tháng đầu năm. Từ ngày 14 đến 18-1-1948, địch huy động 1 tiểu đoàn bộ binh, 3 thiết giáp đoàn xe tăng, 2 đội lội nước, 9 khẩu pháo 105 ly, 13 máy bay... mở cuộc hành quân Vêga, đánh vào căn cứ Tư Lệnh bộ Khu 7 tại Đông Thành. Lực lượng ta (gồm Chi đội 12, Đại đội bộ đội hải ngoại) chiến đấu kiên cường đánh phủ đầu địch, diệt 90 tên, sau đó liên tục thực hiện bắn tia quấy rối. Bị tiêu hao lực lượng, lại không phát hiện được mục tiêu, tinh thần binh lính hoang mang căng thẳng, Pháp buộc phải rút quân, kết thúc cuộc hành quân.

Ngày 11-2-1948, hơn 2.000 quân địch với 50 xe cơ giới, 12 tàu chiến có pháo binh và máy bay yểm trợ lại tiến công vào Chiến khu Đ. Các lực lượng vũ trang ta tại đây (gồm Đại đội A của Chi đội 10, bộ đội lưu động Khu, du kích địa phương...) liên tục bám địch suốt 7 ngày, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Ngày 18-2, địch buộc phải rút quân.

Ngày 12-2-1948, địch huy động khoảng 2.000 quân càn vào khu vực kinh Nguyễn Văn Tiếp (Đông Tháp Mười). Qua 4 ngày chiến đấu, ta diệt trên 300 tên địch, thu 1 đại liên, 4 trung liên, 80 súng trường, bắn hỏng 1 tàu chiến...

Ngày 14-2-1948, đích thân tướng De Latour, Tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp tại miền Nam, chỉ huy 6.000 quân tiến công vào Giồng Dinh, Giồng Kê Kên (Đông Thành), căn cứ của Tư Lệnh bộ Khu 7. Lực lượng ta bảo vệ căn cứ phối hợp với bộ đội của khu phục kích diệt gọn 1 đại đội địch.

Cũng trong khoảng thời gian này, để đập tan âm mưu lấn chiếm càn quét, gom dân lập các trại tập trung (tức là các “khu nô lệ”), lôi kéo chia rẽ hàng ngũ kháng chiến mà địch ráo riết tiến hành, Tư Lệnh bộ Khu 7 chủ trương đánh một trận quy mô lớn, giáng một đòn mạnh mẽ vào lực lượng và ý chí của địch, gây khí thế phấn chấn trong quân dân miền Đông. Phương án được chọn là tổ chức một trận phục kích giao thông lớn, địa bàn là quãng đường nằm giữa cầu La Ngà và thị trấn Định Quán trên Quốc lộ 20 (tuyến Sài Gòn – Đà Lạt). Giữa lúc mọi công tác chuẩn bị sắp sửa hoàn tất, ta nhận được tin tình báo cho biết Pháp chuẩn bị hội nghị tại Đà Lạt để bàn việc thành lập chính phủ Bảo Đại vào đầu tháng 3-1948. Việc bố trí lực lượng chiến đấu càng được tiến hành khẩn trương. Đêm 25, rạng sáng 26-2, Chi đội 10 được tăng cường liên quân 17 từ Chiến khu Đ bí mật vượt sông Bé hành quân về phía đông. Chiều 28-2, trận địa phục kích gồm ba khu vực nối tiếp nhau kéo dài 9 km đã hình thành. Sáng 1-3, đoàn xe địch gồm 70 chiếc chở nhiều sĩ quan cao cấp Pháp khởi hành từ Sài Gòn và lọt vào nơi phục kích của ta lúc xế chiều. Đúng 15 giờ 2 phút trái địa lôi đầu tiên nổ tung, địch bỏ chạy tán loạn. Lực lượng ta tập trung hỏa lực bắn vào các xe

quân sự rồi đồng loạt xung phong diệt địch, làm chủ trận địa. Sau gần một giờ chiến đấu, quân ta đã thiêu huỷ 59 xe, diệt 150 lính lê dương hộ tống, 25 sĩ quan chỉ huy, trong đó có một số sĩ quan cao cấp.

Cay cú phục thù, địch mở cuộc phản kích mãnh liệt vào Chiến khu Đ trong 2 ngày 5 và 6-3-1948. Chi đội 10 vừa giành chiến thắng từ La Ngà trở về đã phối hợp với du kích tại chỗ tổ chức đánh địch, diệt thêm 100 tên, bảo vệ an toàn căn cứ.

Chiến thắng La Ngà đã giáng một đòn mạnh mẽ vào âm mưu của địch bình định Nam bộ và thành lập chính phủ bù nhìn, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của chúng; đồng thời ghi một dấu son trong hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang Biên Hòa nói riêng, miền Đông Nam bộ nói chung. Đây là chiến công lẫy lừng làm chấn động dư luận cả trong và ngoài nước. Đơn vị tiên hành trận đánh xứng đáng với tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhì.

Sau Hội nghị Khu ủy Khu 7 (27-3-1948) quyết định thành lập các trung đoàn trên chiến trường miền Đông, hoạt động (**Bản đồ trang 124-125**) quân sự của ta ngày càng được đẩy mạnh. Ở ngoại thành Sài Gòn - Chợ Lớn, Trung đoàn Phạm Hồng Thái kết hợp với 2 Trung đoàn 308 và 311 tổ chức đánh địch thắng lợi ở Láng Le – Bàu Cò (15-4-1948), bẻ gãy cuộc hành quân càn quét lớn của địch nhằm bao vây căn cứ kháng chiến của ta tại đây, diệt 300 tên lính Âu Phi, bắt nhiều tù binh, thu nhiều vũ khí, quân trang quân dụng... Trong tháng 5-1948, Trung đoàn 306 lập nhiều công, bẻ gãy cuộc hành quân càn quét địch ở Bình Mỹ, Vườn Thơm... Đặc biệt là trận chống càn tại khu vực Long Phước Thôn (Dĩ An – Biên Hoà), khi hết đạn chiến sĩ Trung đoàn 306 đã đánh giáp lá cà bằng báng súng, dao găm, rựa, diệt nhiều tên địch, giữ vững căn cứ.

Ở các chiến trường khác, ta cũng liên tiếp thu được nhiều thắng lợi. Ngày 23-7-1948, Trung đoàn 310 diệt 1 trung đội Pháp trên đường xe lửa Sài Gòn – Lộc Ninh. Ngày 17-8-1948, bộ đội Khu cùng lực lượng du kích địa phương tiến công đồn Mộc Hóa (Tân An) diệt hàng trăm tên địch, thu hơn 300 súng các loại. Ngày 24-8, Trung đoàn 301 diệt bót Tương Bình Diệp (Thủ Dầu Một)...

Sau đại hội Xứ Đảng bộ Nam bộ (tháng 7-1948), các trung đoàn tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tác chiến, tập trung đánh các đồn bót dọc đường giao thông, rừng cao su, các cửa ngõ bao quanh căn cứ kháng chiến, các cơ sở kho tàng của địch... Các lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ đã đánh 126 trận trong tháng 9, 183 trận tháng 10, 123 trận trong tháng 11.

Ngày 3-1-1949, Hội nghị quân sự Nam bộ mở rộng trên cơ sở đánh đúng giá trị đồ của địch muốn đánh vào vùng kinh tế của ta đã đề ra nhiệm vụ phát triển chiến

tranh du kích ở vùng bị tạm chiếm; tập trung đánh phục kích giao thông, tiêu hao tiêu diệt nhiều sinh lực địch... Chấp hành chủ trương đó, mặc dù địch đã triển khai ráo riết hệ thống tháp canh De Latour gây nhiều khó khăn trở ngại nghiêm trọng lực lượng vũ trang ta vẫn tìm mọi cách đánh địch. Tháng 3-1949, Trung đoàn 300 tổ chức phục kích trên đoạn đường sắt Sài Gòn – Biên Hoà, diệt 2 trung đội địch, phá hủy một đầu máy và 3 toa xe lửa... Trong 6 tháng đầu năm 1949, Trung đoàn 310 thành lập 1 biệt đội chuyên làm nhiệm vụ đánh xe lửa và chỉ riêng trên đoạn đường sắt Trảng Bom – Biên Hoà, biệt đội này đã đánh 15 trận, phá hủy 13 đầu máy xe lửa.

Giữa năm 1949, địch huy động 4.000 quân, 50 tàu chiến, 4 máy bay mở cuộc càn quét lớn tại Đồng Tháp Mười suốt 7 ngày (từ 2 đến 8-6-1949). Các khu vực căn cứ của ta bị tàn phá nặng nề. Nhưng quân ta đã chiến đấu rất anh dũng, diệt 300 tên địch, làm bị thương gần 500 tên khác, làm thất bại cuộc càn quét lớn nhất của địch vào Đồng Tháp Mười và trong chương trình thực hiện “bình định” của Pignon.

Tháng 9-1949, Hội nghị quân sự Nam bộ do Xứ ủy triệu tập đã đề ra nhiệm vụ tác chiến cụ thể cho các khu nhằm phá hủy thế địch bao vây, phát động phong trào chiến tranh du kích rộng rãi cho đến những trận vận động chiến tiêu diệt lớn. Theo đó, Khu 7 tập trung đánh phá các trục đường giao thông quan trọng, các khu vực kinh tế cao su... Việc sắp xếp lại lực lượng, phân bố lại chiến trường do Bộ Tư lệnh Nam bộ tiến hành sau Hội nghị quân sự càng thúc đẩy các lực lượng vũ trang miền Đông khẳng định quyết tâm thúc tìm mọi biện pháp phá chiến thuật De Latour của địch.

Tháng 11-1949 tại Chiến khu Đ, Bộ Tư lệnh Khu 7 triệu tập hội nghị chuyên đề về đánh tháp canh và đi đến quyết định: có thể sử dụng phương pháp bí mật tiếp cận, dùng một loại mìn đặc biệt để tiêu diệt tháp canh. Theo quyết định của hội nghị, Tinh đội Biên Hoà được giao nhiệm vụ tổ chức đánh thí điểm và Ban Quân giới Khu chịu trách nhiệm sản xuất một loại mìn có khả năng đánh sập tường tháp. Cuối năm 1949, một lớp học đánh tháp canh và 300 học viên tham dự được tổ chức bí mật và khẩn trương tại rừng Tân Hoà do đồng chí Bùi Cát Vũ, Tinh đội phó Biên Hoà kiêm Giám đốc binh công xưởng Khu 7 phụ trách. Ban Quân giới Khu đã cải tiến một loại mìn lôm cho nổ thử đạt kết quả tốt, gọi là ba - đô- mìn.

Đêm 21 rạng 22-3-1950, các học viên chia làm 50 tổ đồng loạt đánh 50 tháp canh dọc các lộ 24, 16, 15 và Quốc lộ. Trước đòn tiến công của ta, cả 50 tháp canh đều thủng một lỗ lớn (đường kính từ 0,6 đến 1,5 m) nhưng không tháp nào bị sập. Mặc dù chưa đạt kết quả như mong muốn, chiến công này đã làm cho địch thực sự rung động. Tướng Chanson phải đích thân đến Biên Hoà xem hiện trường và trấn an binh lính. Sở Thông tin quân đội Pháp buộc phải ra thông cáo thú nhận: “Du kích

quân khởi cuộc tiến công thành lĩnh các tháp canh dọc theo các đường lộ ở Biên Hoà ... Nhiều chỗ bị tiến công mãnh liệt”.

Rút kinh nghiệm từ trận đánh này, Bộ Tư lệnh Khu 7 và Tỉnh đội Biên Hoà khẩn trương bổ sung, hoàn chỉnh đánh tháp canh đạt kết quả cao nhất. Ban Quân giới Khu hoàn thiện loại mìn phá tường tháp (mìn FT) và nghiên cứu sáng chế thêm một loại mìn khác (mìn pê ta).

Đêm 18-4-1950, một tổ du kích Tân Uyên do các đồng chí Trần Công An và Bùi Cát Vũ chỉ huy bí mật tiếp cận tháp canh mé Cầu Bà Kiên. Sau khi dùng mìn FT nổ tạo lỗ thủng trên tháp, ta tiếp tục ném mìn pê ta qua lỗ thủng cho nổ tiếp phía trong. Tháp canh sập, binh lính địch trong tháp bị tiêu diệt hoàn toàn.

Ngay sau trận du kích Tân Uyên lại phối hợp cùng Đại đội Bạch Đằng đánh sập tháp canh Vàm Giá trên đường 14, diệt 1 trung đội lê dương, thu 1 súng cối 81, 1 trọng liên 12,7, hàng tấn đạn dược và lương thực thực phẩm.

Thắng lợi của 2 trận Cầu Bà Kiên và Vàm Giá có ý nghĩa hết sức quan trọng, mở ra khả năng tiêu diệt hàng loạt tháp canh, tiến tới làm phá sản chiến thuật De Latour của địch. Áp dụng cách đánh này, trên toàn tỉnh Biên Hoà, cả Khu 7 và chiến trường Nam Bộ, các lực lượng vũ trang thường xuyên tiến hành đánh tháp canh địch và giành nhiều thắng lợi. Các lớp tập huấn đào tạo đội viên cho du kích nòng cốt và hướng dẫn cách đánh tháp canh được Bộ Tư lệnh Khu 7 tổ chức, phổ biến kinh nghiệm cho các địa phương khác. Liên sau đó, cách đánh tháp canh được lực lượng vũ trang ta ứng dụng rộng rãi để đánh lô cốt, đồn bót, kho tàng của địch, hình thành chiến thuật “tiến công đặc biệt”, gọi là cách đánh đặc công.

Cũng trong khoảng thời gian này, Xứ ủy Nam bộ nhận được văn kiện Hội nghị toàn quốc lần thứ 3 (khoá I) của Đảng (tháng 1-1950). Nghị quyết hội nghị đề ra nhiệm vụ “gấp rút hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị mạnh sang tổng phản công” và chỉ rõ trên mặt trận quân sự, cần phải vừa tiêu diệt sinh lực địch vừa gấp rút bồi dưỡng quân đội, tăng cường xây dựng bộ đội hậu phương, phát triển dân quân du kích, xây dựng cơ sở quân sự và chính trị trong lòng địch, củng cố căn cứ địa hậu phương.

Năm vững chủ trương đó, để hỗ trợ phát triển đấu tranh chính trị của quần chúng ngay tại sào huyệt địch, trong đêm 18-3-1950, Trung đoàn 300 phối hợp với lực lượng dân quân thành phố Sài Gòn – Chợ Lớn mở đợt tiến công quân sự đánh vào ý đồ can thiệp Đông Dương của đế quốc Mỹ. Ở các địa phương khác, trong những tháng đầu năm 1950 cũng diễn ra nhiều trận đánh lớn, đặc biệt là đánh giao thông. Tiêu biểu là đợt đánh giao thông vào đồn bót Dầu Tiếng – Bến Cát (Thủ Dầu Một) từ ngày 25-1

đến 27-1-1950; trận tấn công căn cứ Nước Ngọt (Bà Rịa), trung tâm huấn luyện và thu thập tin tức tình báo địch ngày 13-5-1950, diệt 2 tiểu đội, thu 6 bao tài liệu chuyên về Quân khu nghiên cứu, khiến địch phải bỏ luôn căn cứ này; trận đốt cháy kho xăng hàng triệu lít ở Biên Hoà ngày 27-3-1950, v.v.. Tính riêng trong tháng 3-1950, lực lượng vũ trang Khu 7 đã đánh 102 trận lớn nhỏ, phá huỷ 4 xe thiết giáp, 5 xe vận tải, 3 xe Jeep, 4 đầu máy xe lửa, 5 cầu cống, 40 lô cốt, hơn 10 km đường ray xe lửa, diệt 312 tên địch, làm bị thương 192 tên, thu 67 súng, trong đó cả đại bác 40 ly...

Lực lượng công an lập được nhiều thành tích xuất sắc trong năm 1950. Công an tỉnh Chợ Lớn phá một vụ nội gián, bắt 3 tên gián điệp do Phòng Nhì Pháp cài vào Công an huyện Cần Đức. Đặc biệt, tháng 2-1950, chiến công của Võ Thị Sáu, nữ đội viên Công an xung phong huyện Đất Đỏ (Bà Rịa), gây tiếng vang lớn khi chị đột nhập vào tận nơi làm việc, dùng 2 quả lựu đạn trừng trị tên cai tổng Tông ác ôn. Bị địch bắt và tra tấn dã man, người con gái Đất Đỏ anh hùng vẫn kiên cường giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cách mạng. Tấm gương Võ Thị Sáu gây xúc động và ngưỡng mộ sâu sắc trong nhân dân, càng thúc đẩy tinh thần chiến đấu của các lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ. Cuối năm 1950, nhiều chiến sĩ công an lập công xuất sắc đã được Chính phủ khen thưởng. Đồng chí Nguyễn Văn Quang, công an tỉnh Gia Định được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng ba về thành tích bắt, diệt được nhiều tên Việt gian. Đồng chí Nguyễn Văn Ba (tức Chanh), Trưởng quốc vệ đội Tây Ninh được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng ba về thành tích lập nhiều chiến công trong chiến đấu diệt giặc trừ gian...

Mùa thu 1950, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, khai thông biên giới Việt – Trung, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc. Phối hợp với chiến dịch Biên giới, Bộ Tư lệnh Khu 7 quyết định mở chiến dịch Bến Cát.

Nằm về phía bắc Sài Gòn, giữa khu vực có nhiều đường giao thông thủy, bộ quan trọng (sông Sài Gòn, đường 7, đường 13, đường 14), lại cận kề các căn cứ kháng chiến Long Nguyên, Thanh Tuyên, An Điền... trên hành lang chiến lược nối từ Chiến Khu Đ về chiến khu Dương Minh Châu, Bến Cát là địa bàn có vị trí quân sự quan trọng. Do vậy, địch đã bố trí tại đây một lực lượng khá mạnh với quân số lên đến 2 tiểu đoàn bộ binh, trang bị vũ khí mạnh (có cả đại bác 105 và 155 ly, 8 xe tăng, 73 xe cơ giới, 2 máy bay...).

Quyết định mở chiến dịch Bến Cát, Bộ Tư lệnh Khu 7 đề ra mục tiêu cắt đứt và giải phóng đường số 7, phần lớn đường 14 để mở rộng căn cứ, tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta, đẩy mạnh chiến tranh du kích trong toàn Khu, mở thông

đường tiếp tế liên lạc từ miền Tây Nam bộ và Sài Gòn lên vùng căn cứ miền Đông. Tham gia chiến dịch có tiểu đoàn 303 (chủ lực cơ động của Khu), tiểu đoàn 302 (đơn vị tập trung của Liên trung đoàn 306-312 đoàn), 2 đại đội binh chủng, 5 đại đội độc lập (Bến Cát, Hớn Quản, Châu Thành, Trảng Bàng, Hóc Môn...). Đồng thời, các tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hoà, Gia Định, Tây Ninh, Bà Rịa có nhiệm vụ huy động bộ đội, du kích phá giao thông, đánh tiêu hao tiêu diệt cầm chân địch trên khắp chiến trường. Ngày 13-7-1950, Bộ chỉ huy chiến dịch Bến Cát được thành lập gồm các đồng chí: Tô Ký - Chỉ huy trưởng; Vũ Duy Hanh - Chính trị viên; Lê Đức Anh - Tham mưu trưởng.

Đêm 7-10-1950, chiến dịch Bến Cát bắt đầu. Cuộc chiến đấu từ đầu diễn ra hết sức gay go tại đồn Bến Súc, mục tiêu chủ yếu của chiến dịch. Sau đợt tiến công của quân ta, quân số địch trong đồn Bến Súc đã bị tiêu diệt hơn 1 nửa, hai phần ba đồn bị phá huỷ, tuy nhiên, ta chưa hoàn toàn tiêu diệt được đồn. Gần 100 cán bộ, chiến sĩ ta đã anh dũng hy sinh. Cũng trong đêm 7 rạng 8-10 cùng với trận tiến công đồn Bến Súc, ta còn diệt được tháp canh Sinô, Kiến Điền, Sở Sao, Trông Thom...

Ngày 8-10, địch tăng cường lực lượng chi viện cho Bến Cát. Từ ngày 9-10, lực lượng ta chuyển sang phá hoại đường 7 và đường 14, 4 đại đội dự bị chiến dịch được điều động phục kích địch từ Dầu Tiếng theo đường số 14 về Bến Súc, Tiểu đoàn 304 vận động về Long Nguyên sẵn sàng đón đánh địch từ đường 13 tràn vào căn cứ của Khu.

Ngày 12-10, Bộ chỉ huy quyết định chuyển hướng chiến dịch, ngày 13-10, đợt hai của chiến dịch bắt đầu, bộ đội địa phương, du kích và dân công các huyện tràn về đường 7, đường 14. Phong trào phá đường bao vây địch diễn ra rầm rộ.

Từ ngày 15-10 trở đi, ta liên tục giành thắng lợi; diệt đồn Massari, đánh sập hoặc bứt rút nhiều tháp canh trên đường số 7, bót làng 18, Cây Cam, Nhíp 27, IRCI, Mỹ Thành, Cây Da... Các Tiểu đoàn 302, 303, 305 chặn đánh các đoàn xe vận tải địch trên đường 13, đốt cháy 65 xe, thu 12 xe, 11 máy vô tuyến điện, đốt 175 tấn mù cao su...

Từ cuối tháng 10-1950, quân địch lâm vào tình thế bị động nghiêm trọng. Ngày 1-11, ta triển khai đợt 3 của chiến dịch. Các Tiểu đoàn 302, 304 cơ động trở lại địa bàn chủ yếu của chiến dịch dọc đường 7 và đường 14, bao vây tiến công bót Rạch Bắp, Rạch Kiến, bám đánh địch trên đường 13 và đường xe lửa... Tiểu đoàn 302 tiến công đồn Bến Súc diệt 1 trung đội lính Âu Phi. Ngày 15-11, hai Tiểu đoàn 302 và 303 diệt gọn 20 xe địch và lực lượng hộ tống trên đường 13 phía nam Hớn Quản. Đêm 15-11, ta đặt bộc phá đánh sập cầu Bến Cát, loại khỏi vòng chiến đấu phần lớn đại đội

lính Âu-Phi bảo vệ cầu, cắt lia đường 7 khỏi thị trấn Bến Cát và đường 13. Đây cũng là tiếng súng kết thúc chiến dịch.

Sau hơn một tháng tiến hành chiến dịch Bến Cát, các lực lượng vũ trang ta đã đánh 38 trận tấn công cứ điểm, 2 trận phục kích giao thông chặn viện, 43 trận đánh cơ giới, 2 trận chống càn và 204 trận đánh lẻ tẻ quấy rối. Kết quả ta diệt 509 tên địch, làm bị thương 155 tên, bắt sống 120 tên, đánh sập hàng chục tháp canh, đồn bót, 12 cầu cống, phá hủy 84 xe quân sự, 5 đầu máy xe lửa, 7 thuyền máy và tàu thủy đồ bộ, thu nhiều vũ khí, đạn durowj, quân trang quân dụng ... Đây là chiến dịch duy nhất được thực hiện trên chiến trường miền Đông Nam bộ trong kháng chiến chống Pháp, để lại nhiều kinh nghiệm thiết thực, quý báu về phối hợp tác chiến trên một địa bàn rộng trong thời gian kéo dài, về sự kết hợp đánh vận động với đánh công kiên, kết hợp pháo binh, công binh, đặc công, về công tác chuẩn bị tổ chức ở chiến khu Long Nguyên, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy về dự đã đánh giá: chiến dịch Bến Cát đánh dấu bước trưởng thành quan trọng của lực lượng vũ trang Khu 7, đưa hoạt động kháng chiến của quân dân miền Đông Nam bộ hòa nhịp với cuộc kháng chiến trên chiến trường cả nước.

Thế nhưng, bước sang đầu năm 1951 những hoạt động ráo riết của địch trên tất cả các mặt trận quân sự - chính trị - kinh tế theo kế hoạch De Lattre de Tassigny với sự giúp sức của Mỹ đã làm cho các chiến trường của ta bị chia cắt, manh mún. Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh Nam bộ chủ trương “chủ động tìm chế địch trên chiến trường Nam Bộ”, nắm vững phương châm “du kích chiến là chính, học tập cách đánh vận động chiến, đẩy mạnh vận động chiến tiến tới”. Các lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ lại chuyển sang một giai đoạn tác chiến mới, tiến lên giành thắng lợi quyết định trên chiến trường. **(Bản đồ t 132, 133)**

III. LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN CUỘC KHÁNG CHẾN TOÀN DIỆN TRÊN CÁC MẶT TRẬN CHÍNH TRỊ - KINH TẾ - VĂN HÓA

1. Lãnh đạo củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, kiện toàn hệ thống chính quyền kháng chiến.

Song song với những hoạt động tác chiến quân sự giữ vai trò nổi bật trên chiến trường, cuộc kháng chiến ở miền Đông Nam bộ còn diễn ra sôi nổi trên các mặt trận khác. Đó là các hoạt động củng cố chính quyền, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng nền kinh tế và văn hóa kháng chiến, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị - tư tưởng trong nội đô, làm thất bại mọi thủ đoạn, biện pháp tinh vi thâm độc của

thực dân Pháp. Phương châm kháng chiến toàn diện trên địa bàn miền Đông Nam bộ đã được đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy quán triệt tại Hội nghị cán bộ Đảng Sài Gòn – Chợ Lớn (họp tại căn cứ Vườn Thơm giữa tháng 4-1947) với nội dung chính là: cần phải phát triển cơ sở Việt Minh, hết sức chăm lo đấu tranh cho quyền lợi thiết thân hàng ngày của đồng bào lao động; thâm nhập các giới đồng bào, trong đó có các tín đồ tôn giáo; coi trọng đúng mức việc vận động, tập hợp trí thức; chuẩn bị tổ chức Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt); tăng cường đấu tranh bằng báo chí, vv... suốt từ năm 1947 đến năm 1951, quan điểm chỉ đạo đúng đắn trên đây đã được các địa phương miền Đông thực hiện nghiêm túc với những thành quả đáng ghi nhận.

Từ năm 1946, Khu ủy Khu 7 và Tỉnh ủy Tây Ninh đã chủ trương mở rộng mặt trận đoàn dân tộc, mời chức sắc Cao Đài tham gia Ủy ban Mặt trận Liên Việt tỉnh, đồng thời mở rộng tuyên truyền vận động quần chúng tín đồ ủng hộ kháng chiến. Tỉnh ủy Gia Định, Tỉnh ủy Chợ Lớn chú trọng xây dựng các tổ chức quần chúng, các đoàn thể bí mật và công khai, bán công khai làm chỗ dựa cho Đảng tồn tại và hoạt động. Cấp ủy Đảng và các tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa ... đều tích cực thực hiện việc củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, tăng cường vận động các tầng lớp nhân dân, chống âm mưu chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo của địch, giải tỏa nỗi băn khoăn lo lắng của người dân trong vùng tạm chiếm, hướng dẫn các đoàn thể hoạt động... Ở các thị xã, thị trấn, nhiều nhà trí thức, tư sản dân tộc... có cảm tình với kháng chiến đã bắt đầu tham gia hoạt động trong các đoàn thể cứu quốc. Có thể khẳng định, việc xây dựng tổ chức mặt trận và các đoàn thể quần chúng là chỗ dựa vững chắc để củng cố chính quyền cách mạng các cấp trên toàn miền Đông Nam bộ.

Bên cạnh tổ chức Mặt trận Việt Minh đang được mở rộng ở các thị xã, thị trấn, để tranh thủ các nhân sĩ trí thức, công chức tham gia kháng chiến, Hội Liên Việt được thành lập và nhanh chóng phát triển các phân hội ở hầu hết các ngành như nông gia, dược sĩ, giáo chức, bác sĩ, ký giả... các đoàn thể quần chúng như Liên hiệp Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ... chú ý mở rộng việc kết nạp quần chúng tốt. Tại các vùng tự do và căn cứ, hệ thống dân quân, chính, Đảng được củng cố; Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp, các đoàn thể kháng chiến (Thanh niên, Phụ nữ, Hội mẹ chiến sĩ...) đều được tổ chức lại, nâng cao hiệu quả công tác. Đoàn thanh niên cứu quốc làm nòng cốt trong phong trào du kích chiến tranh, vận động thanh niên tòng quân... Đoàn phụ nữ cứu quốc phụ trách phong trào mẹ chiến sĩ, hũ gạo nuôi quân, Đoàn nông dân cứu quốc phụ trách phong trào sản xuất.

Thành công của công tác vận động quần chúng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở miền Đông Nam bộ được thể hiện thông qua nhiều trường hợp rất tiêu biểu.

Nhiều khu vực dân cư hình thành ở những vùng căn cứ hẻo lánh ít người như phía bắc và đông bắc chiến khu Đ, ở chiến khu Dương Minh Châu. Hàng ngàn công nhân cao su bỏ đồn điền vào lập làng xóm ở Xuân Lộc, Dầu Tiếng... để sinh cơ lập nghiệp và ủng hộ kháng chiến.

Liên Tỉnh ủy miền Đông chỉ đạo các tỉnh ủy thành lập Ban thiếu số vận, đẩy mạnh công tác vận động đồng bào dân tộc thiểu số tích cực tham gia kháng chiến. Khu 7 thành lập Phòng Quốc dân thiểu số và 4 đội vũ trang tuyên truyền hoạt động của các hướng Lộc Ninh, Phước Long, Tân Uyên, Xuân Lộc. Các tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa đều thành lập Phòng Quốc dân thiểu số và các đội công tác thiếu số vận. Cán bộ thiếu số vận, các đội công tác, đội vũ trang tuyên truyền tỏa về các buôn, sóc bám trụ, tuyên truyền vạch rõ âm mưu của thực dân Pháp chia rẽ dân tộc, mua chuộc, bắt thanh niên đi lính chống lại kháng chiến; giải thích đường lối chính sách của Mặt trận Việt Minh và Chính phủ kháng chiến; vận động đồng bào tham gia các đoàn thể cứu quốc, tòng quân giết giặc, xây dựng dân quân du kích, xây dựng làng chiến đấu. Ủy ban hành chính tỉnh và các đơn vị bộ đội giúp nông cụ, cây giống, hướng dẫn cách thức trồng trọt, chăn nuôi theo cách mới; đồng thời **tiền công** các mặt hàng thiết yếu như vải, muối về bán cho đồng bào với giá hỗ trợ và thu mua lâm sản như dầu chai, mây, lá buồng của đồng bào đem về bán ở các vùng tạm bị chiếm. Các đội công tác còn mở các lớp Bình dân học vụ xóa nạn mù chữ, bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan, xây dựng đời sống mới trên tinh thần đại đoàn kết dân tộc. Các đội vũ trang tuyên truyền phối hợp với bộ đội và du kích địa phương tiến công đánh địch càn quét bảo vệ buôn sóc, phục kích quân địch dọc các tuyến đường giao thông như Quốc lộ 13, Quốc lộ 14, lộ 2...

Tỉnh ủy các tỉnh cũng quan tâm chỉ đạo chăm lo đến đời sống của đồng bào Hoa kiều, Ấn kiều, vận động bà con ngoại kiều tham gia các **tiền công** kháng chiến, thực hiện các phong trào bảo vệ an ninh thôn xóm, tiếp tế lương thực, vải vóc, thuốc men cho cán bộ, nhân viên và bộ đội ngoài chiến khu.

Thực hiện chủ trương đại đoàn kết dân tộc của Trung ương Đảng, Liên Tỉnh ủy ở miền Đông chỉ thị cho các cấp, các ngành tôn trọng và tạo điều kiện giúp đỡ Đảng Dân chủ hoạt động. Ủy ban Mặt trận Việt Minh các tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Tân An đều có sự tham gia lãnh đạo của cán bộ Đảng Dân chủ. Nhiều đảng viên Đảng Dân chủ là những trí thức trẻ tích cực tham gia kháng chiến, giữ các cương vị chủ chốt trong các ngành y tế, giáo dục, văn hóa, một số được kết nạp vào Đảng Cộng sản, tham gia Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh.

Trên nền tảng các đoàn thể quần chúng và khối địa đoàn kết toàn dân, hệ thống tổ chức của Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp (từ tỉnh đến huyện xã) được kiện toàn thêm một bước, có đủ các bộ phận chuyên trách từng lĩnh vực công tác. Cấp tỉnh có ty chuyên môn như công an, thông tin tuyên truyền, tài chính – kinh tế, giáo dục, y tế - xã hội... Ở nhiều địa phương thuộc vùng tạm chiếm, mặc dù địch cố gắng lập ra bộ máy hội tề làng xã nhưng chúng chỉ tồn tại trên hình thức chứ không hề hoạt động có hiệu quả vì đại đa số nhân dân trong vùng địch kiểm soát vẫn một lòng hướng về kháng chiến, ủng hộ cách mạng.

Giữa mùa xuân 1949, Phái đoàn cán bộ Trung ương do đồng chí Lê Đức Thọ dẫn đầu (được Trung ương Đảng và Chính phủ cử vào Nam) đã có mặt tại Nam bộ, mang theo nhiều bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh như “*Thư vào Nam*”, “*Gửi các ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam bộ, các tỉnh quận và xã ở Nam bộ*”, “*Thư gửi các tướng sĩ vệ quốc quân và dân quân đoàn kết Nam bộ*” (thư đề ngày 15-9-1948). Trong thư Chủ tịch Hồ Chí Minh biểu dương: “Đã hơn ba năm, đồng bào và chiến sĩ Nam bộ đã và đang anh dũng kháng chiến để giữ vững nền độc lập thống nhất và dân chủ mà Cách mạng tháng Tám đã đưa lại cho nước nhà”, “Một số ủy viên các cấp tỉnh, quận và xã đã oanh liệt hy sinh vì Tổ quốc, và đã nêu cao chí khí xung phong của dân tộc ta”. Người khẳng định: “Chính phủ luôn luôn kiếm cách để liên lạc mật thiết với đồng bào”, đồng thời bày tỏ mong muốn “Trong mùa thu *Thi đua ái quốc* đang sôi nổi khắp nước, tôi mong rằng đồng bào Nam bộ sẽ hăng hái tham gia, về quân sự cũng như về chính trị, kinh tế, văn hóa, vv...”. Những lá thư của vị lãnh tụ kính yêu trở thành nguồn động viên hết sức quý báu, tạo không khí phấn khởi lạc quan trong mọi tầng lớp nhân dân miền Đông Nam bộ ở giai đoạn khó khăn của cuộc kháng chiến.

Về phía địch, thời điểm cuối năm 1949 đầu năm 1950 cho thấy thực dân Pháp đã lâm vào thế bị động, lúng túng. Năm bắt tình hình đó, Nghị quyết Hội nghị toàn quốc tháng 1-1950 của Đảng về “chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng tiến công” đã chỉ rõ: cần củng cố mặt trận dân tộc thống nhất, củng cố chính quyền nân dân, tổng động viên và thi đua ái quốc... Những tháng đầu năm 1950, phong trào quần chúng ở các tỉnh miền Đông Nam bộ phát triển rất mạnh. Nhưng từ tháng 5-1950, do tình hình khó khăn chung của Nam bộ, do địch thực hiện kế hoạch phòng thủ Sài Gòn, tăng cường bộ máy đàn áp khủng bố; mặt khác do ta có phần nóng vội trong việc thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công, bộc lộ phần lớn lực lượng bí mật, nên ta đã gặp khó khăn tổn thất. Nhiều cán bộ lãnh đạo, nhân sĩ trí thức, nhà văn hóa tiến bộ và cán bộ cốt cán ở cơ sở bị bắt, bị lộ phải chuyển đi nơi khác. Ở các tỉnh Gia

Định, Chợ Lớn, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Tây Ninh, lực lượng kháng chiến cũng gặp nhiều khó khăn tương tự. Nhưng vượt qua những gian nan thử thách đó, việc củng cố kiện toàn khối đại đoàn kết toàn dân và bộ máy chính quyền kháng chiến vẫn tiếp tục thu được những kết quả khả quan trong giai đoạn tiếp theo.

2. Lãnh đạo đấu tranh phá hoại kinh tế địch, xây dựng nền kinh tế và văn hóa kháng chiến.

Vấn đề xây dựng nền kinh tế kháng chiến, bồi dưỡng sức dân song song với việc phá hoại tế địch, làm thất bại ý đồ “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” của chúng có tầm quan trọng rất lớn, góp phần quyết định thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Xứ ủy Nam bộ, Khu ủy Khu 7 và các cấp ủy Đảng trên địa bàn miền Đông Nam bộ rất quan tâm đến việc tăng gia sản xuất, tự cấp tự túc lương thực thực phẩm, vũ khí, trang bị... đồng thời kiên quyết đập tan các âm mưu và hành động của địch nhằm vơ vét sức người, sức của, bao vây và cô lập nền kinh tế kháng chiến.

Từ tháng 5-1947, hưởng ứng Chỉ thị số 4/NV của Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, hơn 5.000 công nhân lành nghề, công chức, trí thức Sài Gòn – Chợ Lớn đã rời thành phố ra chiến khu, làm ngưng trệ nhiều hoạt động kinh tế trong vùng bị địch tạm chiếm. Đồng thời, phối hợp với tiếng súng kháng chiến trên các chiến trường, quân dân miền Đông mở mặt trận “kinh tế chiến” liên tục quấy rối, phong tỏa, phá hoại kinh tế địch.

Ở các tỉnh Gia Định, Chợ Lớn, Biên Hòa ..., công tác phá hoại kinh tế địch tập trung vào việc phá các tuyến đường, phá các trục lộ giao thông quan trọng. Đến cuối năm 1947, hầu hết các con đường huyết mạch nối Sài Gòn với các tỉnh đều bị cắt từng đoạn. Nhân dân dùng tre gỗ đóng cừ dựng vật cản trên sông, dựng chướng ngại vật trên trục lộ ngăn địch hành quân càn quét vào chiến khu với khẩu hiệu “chặt đứt chân địch”, “chặn bước tiến của địch”.

Đặc biệt tại các vùng cao su thuộc các tỉnh Gia Định, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Tây Ninh, Bà Rịa..., phong trào phá cao su của tư bản Pháp diễn ra sôi nổi, đêm đêm công nhân tổ chức thành từng đội vào lô chặt phá cây cao su, vạt vỏ cây, đổ mủ xuống đất, đập bể chén đựng mủ... Số lượng mủ cao su xuất khẩu của các đồn điền giảm sút nghiêm trọng.¹ (1. Liên hiệp Công đoàn Nam bộ: Báo cáo công tác phá hoại cao su địch, Lưu trữ Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Phòng Nam bộ, cấp 1947, 1948, 1049.)

Địa phương		Kết quả phá hoại cao su của địch		
Tỉnh	Đồn điền	Năm 1947	Năm 1948	Năm 1949
Bà Rịa	Xà Bang, Toàn Tính, Long Xuyên, Bót Đông, Láng Dài, Bà Lùng, Ông Chánh, Long Tân	- Vạt vỏ cây 2.303 mẫu – đốt 100 kho xưởng, nhà cửa	- Chặt phá cây 3.298 mẫu	Đốt 78 mẫu, trị giá 5.091.000 đ
Biên Hòa	An Lộc, Cuộc-Tơ-Nay, Guygionê, Bình Lộc, Ông Quế, Xuân Lộc, Phú Hộ, Trảng Bom, Sở P.B.C	- Vạt, bôi a xít vỏ cây 2.047 mẫu- Đập chén hứng mũ 764.948 cái – Đốt 1 nhà máy, 40 kho xưởng, 329 tấn mũ - Thu 6 súng – Chặt phá cây 1.952 mẫu,- Đập chén hứng mũ 35.000 cái – Đốt 252.797 kg mũ, 150 nhà	- Chặt phá 1.060 mẫu và 27.000 cây, trị giá 81.9000 đ	
Thủ Dầu Một	Hón Quán, Dầu Tiếng, Minh Thạnh, Xa Cam, Quán Lợi, Xa Cát	- Vạt vỏ cây 1.216 mẫu- Đập chén hứng mũ 722.535 cái Đốt 450 tấn mũ, 4 nhà xông	- Chặt phá cây 2.384 mẫu – Đập chén	- Chặt phá 212 mẫu và 74.180 cây, trị giá

Tây Ninh	Vên Vên, Bình	1.943 mẫu –	hứng mũ	2.225400 đ
	Linh, Chín	Đập chén hứng	225.000 cái	
	Ngon, Sở 51,	mũ 1.658.248		
	Sở 27, Sở 310,	cái		
	Minh Thạnh, Cầu Khởi, Bến Củ		- Chặt phá cây 1.329 mẫu – Đập chén hứng mũ 24.800 cái – Đổ 9.440 lít mũ	- Chặt phá 195 mẫu và 87.030 cây, trị giá 2.610.00 đ

Đi đôi với việc phá hoại kinh tế địch, quân dân các tỉnh miền Đông Nam bộ cố gắng làm kinh tế để phục vụ kháng chiến. Tỉnh Gia Định được xem là địa phương vững vàng nhất về kinh tế tài chính ở miền Đông với việc xây dựng được khu kinh tế độc lập tại An Nhơn Tây với ba thành phần kinh tế: cá nhân, tập thể và nhà nước. Tỉnh Gia Định còn tổ chức được đường dây tiếp tế lương thực, thực phẩm với Sở Kinh tế Nam bộ. Hàng đêm có 600-700 người tham gia vận chuyển lương thực, thực phẩm vào chiến khu. Công nhân các đồn điền cao su tháo dỡ máy móc chuyển vào chiến khu để xây dựng khu binh xưởng, lấy chén hứng mũ bằng nhôm cho bộ đội làm bát ăn cơm, lấy mũ cao su để làm nhiên liệu thắp sáng, giả bệnh xin thuốc chữa bệnh, nhất là thuốc ký ninh để chuyển vào căn cứ địa.

Bước sang năm 1948, thực dân Pháp ráo riết đẩy mạnh chính sách “bình định”, thực hiện chiến thuật bao vây mọi mặt, đánh phá lực lượng dự trữ của ta, trong đó có việc phá hoại kinh tế, ngăn cản giao thông tiếp tế của ta, củng cố và mở rộng vùng chiếm đóng, đẩy lực lượng kháng chiến ra xa các đô thị hòng tạo ra cục diện mới cho chúng. Nhưng quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng và Xứ ủy Nam bộ về “phong tỏa, tẩy chay kinh tế địch”, phá thế bao vây toàn diện của chúng, bảo vệ và dự trữ và hậu phương của Tân An, bộ Tư lệnh Quân khu 7 đề ra nhiệm vụ phá “khu nô

lệ”, kiểm soát căn cứ địa, bảo vệ mùa màng... các lực lượng miền Đông đẩy mạnh hoạt động tác chiến nhằm vào các đồn bót dọc đường giao thông, rừng cao su, các cửa ngõ bao quanh căn cứ kháng chiến, các cơ sở kho tàng của địch.

Vừa phá hoại kinh tế địch, ta vừa tích cực xây dựng lực lượng dự trữ cho cuộc kháng chiến. Sài Gòn – Chợ Lớn và thị xã tỉnh lỵ các tỉnh trở thành nơi cung cấp chủ yếu của cải, vật chất, nguyên liệu, thuốc men, dụng cụ văn phòng... cho các công binh công xưởng, các khu căn cứ. Nhiều cơ quan, đơn vị của các ngành tổ chức tiếp liệu, hậu cần đóng trong nội thành làm nhiệm vụ thu mua, tiếp nhận hàng hóa ủng hộ của đồng bào rồi chuyển ra chiến khu. Đối với các loại hóa chất, thuốc súng, vỏ đạn,... ta tổ chức mua thông qua các nhà buôn lớn, trong đó có không ít tư sản Hoa kiều nhiệt tình mua và tìm cách giúp đỡ vận chuyển vào căn cứ cho ta.

Những hoạt động sôi nổi trên mặt trận kinh tế vẫn tiếp diễn trong năm 1949. Ở các tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Tây Ninh, Bà Rịa ..., cuộc đấu tranh kinh tế của công nhân cao su có sự chuyển hướng tích cực. Được sự chỉ đạo uốn nắn của đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy, công nhân không chặt phá cây cao su - nguồn lợi của đất nước trong tương lai - mà chuyển sang phá hoại máy móc, nguyên liệu, thành phẩm, giảm lợi nhuận của chủ tư bản Pháp. Tính từ tháng 2 đến tháng 9-1949, trên địa bàn Khu 7 với sự hỗ trợ của các lực lượng vũ trang, công nhân đã đốt 85.995 kg mù khô, 106.012 lít mù nước, đập bể chén và bể gãy máng mù trên 19,2 ha cây trồng.

Để chống lại các chính sách bao vây kinh tế của địch và xây dựng lực lượng dự trữ của ta, tháng 4-1949, Ủy ban kháng chiến Hành chính Nam bộ cho phát hành công phiếu kháng chiến và giấy bạc Việt Nam, kế đó là sắc lệnh cấm lưu hành tiền Đông Dương của Pháp trong vùng tự do. Ngân sách quân sự ở Nam bộ được tăng lên 75% nhằm bước thực hiện tiêu chuẩn hóa chế độ cấp phát cho bộ đội. Ở Khu 7 các trung đoàn bắt đầu tiêu đảm bảo về một số tiêu chuẩn cung cấp.

Từ tháng 11-1949, ta chủ động phát triển nền kinh tế kháng chiến. Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp cử cán bộ về từng cơ sở chỉ đạo việc tạm cấp ruộng đất cho nông dân theo Sắc lệnh của Chính phủ ban hành tháng 8-1949. Ngoài số công điền ta còn tịch thu ruộng của Pháp và Việt gian, quản thủ một số ruộng đất vắng chủ để cấp cho nông dân không có ruộng, kể cả cấp cho một số nguy binh để khi bỏ ngũ trở về họ có ruộng để sản xuất. Riêng ở khu vực Đồng Tháp Mười, mỗi hộ nông dân bình quân được cấp một lô đất khoảng 10 ha ven các bờ kênh, sông rạch. Công tác tạm cấp ruộng đất thực hiện tốt không chỉ ở vùng căn cứ, vùng tự do mà còn ở vùng du kích hầu hết các tỉnh. Kết quả bước đầu của việc tạm cấp ruộng đất làm cho nhân dân vô cùng phấn khởi, hăng hái tăng gia sản xuất. Cuối năm 1949, miền Đông Nam

bộ được mùa, số lúa thu được ở vùng tự do tăng gấp 20 lần so với mùa năm 1948, mức đóng góp của nhân dân cho kháng chiến cũng tăng cao.

Cũng từ cuối năm 1949, ta triển khai chủ trương bao vây kinh tế địch, không mua nhập hàng hóa xa xỉ từ vùng tạm chiếm về khu căn cứ, không bán lúa và các hàng hóa khác về các vùng địch. Thế nhưng, việc thực hiện chủ trương này có nhiều việc bất lợi lớn cho vùng căn cứ, đời sống đồng bào, có lúc có nơi dẫn đến tình trạng tự phong tỏa ta, do vậy sau đó các Tỉnh ủy Chợ Lớn, Gia Định ... đã chủ trương “xả cảng” để tự giải tỏa cho mình.

Các hoạt động hậu cần trong khu căn cứ như quân giới, quân nhu, quân y cũng có bước tiến đáng kể. Các binh công xưởng từ Nam bộ đến khu, tỉnh và các công trường huyện, xã đều được phân công nhiệm vụ nghiên cứu sản xuất chế tạo hoặc sửa chữa vũ khí cơ bản phục vụ nhu cầu trang bị thông thường cho bộ đội và dân quân du kích. Các binh xưởng giai đoạn này đã sản xuất được vỏ đạn, lựu đạn, đạn súng cối, mìn chống tăng, súng badôka, súng tiểu liên, nòng có hương tuyến... Bên cạnh đó, hàng loạt các nông trường sản xuất, chăn nuôi và các xí nghiệp dệt, da, giấy, gốm, lò đường... được thành lập và hoạt động có kết quả, cung ứng được một phần nhu cầu của cán bộ, bộ đội, du kích và nhân dân trong căn cứ. Trong ngành y tế ta xây dựng được phong trào phòng bệnh và sử dụng thuốc nam rộng rãi với phương châm “khoa học hóa Đông y, địa phương hóa Tây y”, tự điều trị bằng các loại thuốc nam có sẵn trong căn cứ.

Chủ động khắc phục tình trạng thiếu thốn những mặt hàng thiết yếu khác, ta xây dựng nhiều tuyến hành lang tiếp tế từ các vùng bị tạm chiếm về vùng tự do và giữa các khu vực với nhau. Các cơ quan kháng chiến, các đơn vị bộ đội có những “trạm” mua lúa gạo, hàng công nghệ phẩm, nguyên liệu, hóa chất... và đưa vào chiến khu bằng nhiều hình thức công khai và bí mật. Khu Sài Gòn – Chợ Lớn tổ chức được hàng chục cơ sở thu mua, tiếp nhận và là đầu cầu vận chuyển hàng hóa về các chiến trường trên toàn Nam bộ. Khu 7 thành lập Trung đội vận tải 20, sau phát triển thành đại đội chuyên làm nhiệm vụ vận chuyển hàng hóa về căn cứ. Ban vận tải liên tỉnh miền Đông còn xây dựng được một hành lang vận tải chiến lược từ miền Tây Nam bộ về Khu 7 dài 300 km, xuyên qua sông, rạch, đầm lầy và các vùng địch kiểm soát gắt gao, nghiêm ngặt.

Cùng với những thành quả đạt được trên mặt trận kinh tế, công tác xây dựng và phát triển nền văn hóa kháng chiến cũng được các cấp ủy Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang và các đoàn thể quần chúng hết sức quan tâm, chú trọng. Nổi bật phong trào xóa nạn mù chữ diễn ra ở khắp các địa phương. Các Ban bình dân học vụ

cấp tỉnh, huyện, xã được thành lập và hoạt động khá mạnh. Với khẩu hiệu “người biết chữ dạy người chưa biết chữ”, các tỉnh miền Đông đã huy động được đông đảo đồng bào, nhất là thanh niên tham gia xóa nạn mù chữ hay thực hiện “phong trào chia chữ”. Nhiều nơi ban ngày bị giặc càn quét, nhà cửa bị đốt phá, nhưng ban đêm vẫn có nhiều người đến lớp học. Xã Quới Xuân (Gò Vấp – Gia Định), xã Thái Hòa (Tân Uyên – Biên Hòa) được công nhận là xóa nạn mù chữ đầu tiên ở Nam bộ vào cuối năm 1948. Toàn thể đồng bào trong xã từ cụ già đến em bé, đều biết đọc, biết viết.

Trong các chiến khu, vùng căn cứ, hàng đêm các giới đồng bào, nhất là thanh niên nam nữ thường xuyên tập trung sinh hoạt văn nghệ, ca hát những bài căn cứ kháng chiến. Những ngày lễ lớn ta đều tổ chức mít tinh trọng thể, có biểu diễn văn nghệ... Có nơi còn xây dựng được sân banh là tụ điểm hoạt động thể dục thể thao. Trong hoàn cảnh gian nan, ác liệt của cuộc kháng chiến, khí thế lạc quan luôn lan tỏa trong cán bộ, chiến sĩ, đồng bào, góp phần quan trọng làm nên nhiều thắng lợi toàn diện trên các lĩnh vực.

3. Lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị - tư tưởng và đẩy mạnh hoạt động văn hóa văn nghệ kháng chiến.

Phối hợp chặt chẽ với các hoạt động quân sự trên chiến trường và công tác xây dựng nền kinh tế - văn hóa kháng chiến, phong trào đấu tranh chính trị - tư tưởng trong vùng bị địch tạm chiếm đã tạo nên một mặt trận không kém phần sôi động, quyết định.

Từ giữa năm 1947, quán triệt Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng. Xứ ủy Nam bộ đã triển khai những công tác cần đặc biệt chú ý, trong đó có việc tìm mọi cách uy hiếp thành phố Sài Gòn, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị của quần chúng như bãi công, đình công đòi quyền lợi kinh tế, quyền tự do dân chủ, chống khủng bố, tẩy chay chính phủ bù nhìn... Tại Hội nghị cán bộ Đảng Sài Gòn – Chợ Lớn tháng 4-1947, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy nhấn mạnh thêm vai trò của báo chí trong hoạt động nội thành, chỉ đạo thành phố phải duy trì và tăng cường hoạt động của báo chí, làm dấy lên những hoạt động đấu tranh sôi nổi trên lĩnh vực tư tưởng.

Từ năm 1947, khắp các tỉnh miền Đông Nam bộ, hoạt động đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa văn nghệ phát triển mạnh mẽ, báo chí của ta từ các căn cứ được đưa vào Sài Gòn với số lượng khá lớn. Ngoài các tờ báo của Xứ, của Khu 7 như: *Tiền đạo*, *Cứu quốc*, *Lá lúa*, *Vệ quốc quân*... còn có báo chí của thành phố Sài Gòn – Chợ

Lớn, của các tỉnh Gia Định, Chợ Lớn, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Tây Ninh, Tân An và báo của các chi đội, của công an và của đoàn thể.

Ty thông tin tỉnh Bà Rịa xuất hiện tờ báo *Sóng* cơ quan ngôn luận của Ủy ban kháng chiến Hành chính và mặt trận Việt Minh tỉnh nhằm tuyên truyền giáo dục tinh thần kháng chiến trong cán bộ, chiến sĩ và nhân dân. Chi đội 16 tổ chức đội Thiếu niên tiên phong ra báo *Tiên phong* và thành lập đoàn ca kịch làm nhiệm vụ tuyên truyền kích lệ thanh thiếu niên trong tỉnh tham gia kháng chiến.

Ty thông tin các tỉnh Thủ Dầu Một ấn hành tờ Thủ - thông tin dân chúng. Chi đội 1 có tờ Việt Nam tiến. Tỉnh ủy còn thành lập nhà xuất bản Tiết Khai (tên hai đồng chí Nguyễn Văn Tiết và Văn Công Khai) tái bản nhiều lần sách có giá trị như “Sửa đổi lối làm việc” của XYZ (bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh), “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của đồng chí Trường Chinh, “Chủ nghĩa Mác phổ thông” của Hải Triều, “Cộng sản sơ giải” của Dương Minh... Chi nhánh văn hóa kháng chiến Thủ Dầu Một biên soạn các sách “Luật hỏi ngã”, “Giết ba tên giặc”, “Tiểu sử Nguyễn Văn Tiết” và các cuốn lịch sử về Trung đoàn 301, Chính quyền cách mạng tỉnh, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc tỉnh.

Các tỉnh Chợ Lớn, Tây Ninh, Tân An, Biên Hòa đều xuất bản sách báo kháng chiến, tổ chức các đoàn thông tin lưu động vừa tổ chức triển lãm, diễn thuyết vừa trình diễn căn cứ nhạc, kịch ngắn, cải lương.

Các hoạt động của báo chí, văn hóa văn nghệ nêu trên đã góp phần đấu tranh vạch trần âm mưu thủ đoạn của thực dân Pháp, can thiệp Mỹ và bè lũ tay sai, bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần lạc quan và cách mạng và hướng dẫn đồng bào khắp nơi kháng chiến.

*

* *

Đầu năm 1949, thực dân Pháp ráo riết xúc tiến đưa Bảo Đại về nước để lập chính phủ bù nhìn. Ngày 8-3-1949, thỏa ước được ký kết giữa Tổng thống Pháp và Bảo Đại. Ngày 14-9-1949, Pháp và ngụy quyền tay sai mở hội nghị về về việc thành lập Hội đồng lãnh thổ Nam kỳ, về tổ chức bầu cử để trao trả Nam kỳ cho Bảo Đại, đồng thời ra sức tuyên truyền Bảo Đại là “người quốc gia chân chính”, là “trung gian giữa kháng chiến và Pháp”, nhằm lôi kéo dân chúng ủng hộ chính phủ bù nhìn Bảo Đại.

Đề đập tan ý đồ chính trị xảo quyết, lừa mị của địch, báo chí của ta ở Sài Gòn – Chợ Lớn như các tờ: *Tổ quốc trên hết, Tổng phản công, Gọi dân...* đã đăng nhiều bài bình luận, châm biếm, đả kích, vạch mặt bọn tay sai và hướng dẫn quần chúng đấu tranh.

Đồng thời, Ban cán sự nội đô kêu gọi công nhân, trí thức, công chức, học sinh, đồng bào lao động chống lại luận điệu của địch xuyên tạc, mị dân. Nhiều hình thức đấu tranh tẩy chay Bảo Đại diễn ra đa dạng như: cho chó, khi mặc áo có tên Bảo Đại chạy rông ngoài đường, rải truyền đơn, dán áp phích nhiều nơi, tổ chức tuyên truyền diễn thuyết ở các khu lao động, các chợ ngoại ô, vạch mặt chính quyền bù nhìn; treo cờ đỏ sao vàng và khẩu hiệu ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh ở khắp nơi công cộng... Trí thức thành phố xé phiếu đi bầu “Hội đồng lãnh thổ Nam kỳ”, gần 1.000 công chức và trí thức Sài Gòn – Chợ Lớn ký Tuyên ngôn đòi Pháp ngừng bắn, phản đối Bảo Đại, thừa nhận Chính phủ Hồ Chí Minh là Chính phủ hợp pháp duy nhất. Địch tiến hành đàn áp, bắt giam đến hơn 200 người. Lập tức, một số tờ báo đã kịp thời đưa tin, làm dấy lên phong trào đấu tranh khá sôi nổi, buộc Pháp trả tự do cho những người bị bắt.

Cùng với những hoạt động tẩy chay, phản đối việc lập Chính phủ bù nhìn Bảo Đại, phong trào đấu tranh đòi dân chủ dân sinh của công nhân và tiểu thương và các tầng lớp nhân dân lao động liên tục diễn ra suốt năm 1949. Tháng 10-1949, Xứ ủy Nam bộ chỉ thị tăng cường tổ chức phát động phong trào công nhân, đồng thời phải chú trọng công tác vận động, tổ chức lực lượng học sinh, sinh viên đấu tranh đòi cải cách giáo dục, chống lối giáo dục nhồi sọ, vong bản của chủ nghĩa thực dân. Xứ ủy cũng lưu ý các địa phương phải xây dựng tổ chức bí mật để làm nòng cốt lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị bên cạnh các hình thức và tổ chức công khai.

Ngay từ đầu những năm 1950, phong trào đấu tranh chính trị diễn ra sôi nổi ở thành phố Sài Gòn gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến các tỉnh miền Đông Nam bộ. Ngày 9-1-1950, 2.000 học sinh, giáo chức, phụ huynh kéo đến Nha học chính và dinh Thủ hiến Trần Văn Hữu đưa yêu sách đòi mở cửa trường và trả tự do cho những học sinh bị bắt. 3 giờ chiều cùng ngày, thực dân Pháp và chính quyền bù nhìn huy động 500 cảnh sát và binh lính đàn áp cuộc biểu tình một cách dã man, làm bị thương nặng 30 học sinh, bắt giam 150 học sinh, trong đó học sinh Trần Văn Ôn bị thương nặng và chết ở nhà thương Chợ Rẫy. Trước tình hình đó Ban cán sự nội thành quyết định tổ chức buổi lễ truy điệu lớn để phát động lòng căm thù giặc trong nhân dân và đưa phong trào phát triển mạnh. Ngày 9-1-1950, hơn nửa triệu người đủ mọi tầng lớp nhân dân đã xuống đường tham gia đám tang Trần Văn Ôn và biến đám tang thành cuộc tuần hành khổng lồ, mọi hoạt động sản xuất giao thông, chợ búa, trường học đều

ngừng trệ. Đây chính là cuộc biểu tình lớn nhất trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, gây tiếng vang rộng lớn trong cũng như ngoài nước.

Sau đám tang Trần Văn Ôn, phong trào đấu tranh của học sinh và các tầng lớp nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn vẫn tiếp diễn sôi động. Ngày 16-3-1950, hai tàu chiến Mỹ Sticken và Anderson cập bến Sài Gòn. Ngày 17-3, 70 máy bay Mỹ thao diễn trên không phận Sài Gòn và hải phận miền Nam để phối hợp với hải quân uy hiếp ý chí đấu tranh của nhân dân ta, đồng thời nâng đỡ tinh thần đang hoang mang suy sụp của quân Pháp và bè lũ tay sai. Ngày 19-3, quần chúng tập nập kéo đến trường Tôn Thọ Tường dự buổi mít tinh chống bọn can thiệp Mỹ và nghe luật sư Nguyễn Hữu Thọ diễn thuyết. Bọn cảnh sát và hiến binh Pháp kéo đến bao vây, đàn áp. Buổi mittinh nhanh chóng biến thành cuộc biểu tình, hơn 30 vạn người nhanh chóng tràn ra các đường phố chính, giương cao cờ đỏ sao vàng, hô vang các khẩu hiệu: “Đả đảo đế quốc Pháp và bè lũ tay sai”, “phản đối Mỹ viện trợ cho Pháp kéo dài chiến tranh ở Đông Dương”, “Đế quốc Mỹ cút đi”... Nhiều xe nhà binh của địch bị đốt, ảnh Bảo Đại, cờ Chính phủ bù nhìn, cờ Pháp, cờ Mỹ bị hạ; tên đại tá Pháp Perieux bị giết chết ngay trước Dinh Xã Tây. Đêm 19-3, bị thêm những đòn cảnh cáo của đội biệt động trung đoàn 300 và đội biệt động Thủ Đức (dùng cối 82 ly bắn thị uy vào nơi neo đậu trên sông Sài Gòn), hai chiếc tàu chiến Mỹ vội vàng rút chạy. Thắng lợi của cuộc biểu tình ngày 19-3-1950 đã giáng một đòn phủ đầu mạnh mẽ vào ý đồ can thiệp của Mỹ ở Đông Dương.

Phối hợp với phong trào đấu tranh chính trị rộng lớn của quần chúng, giới báo chí ở các đô thị dưới sự chỉ đạo của các tổ chức, Ban trí vận đã tập hợp thành các tổ chức nghiệp đoàn ký giả chuyên nghiệp, liên hiệp báo chí, liên hiệp văn nhân, khéo léo tuyên truyền các chủ trương của Đảng, góp phần vạch trần âm mưu của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, lên án bù nhìn phản động làm tay sai cho thực dân đế quốc.

Từ năm 1950 trở đi, thực dân Pháp tăng cường khủng bố bắt bớ các cán bộ lãnh đạo, cơ sở cách mạng, các nhân sĩ trí thức tiến bộ. Ở các nhà tù Thủ Đức, Tân Hiệp, Côn Đảo chật ních tù nhân chính trị. Trong các nhà tù, các cấp bộ Đảng nhà tù đã tích cực liên lạc với tổ chức Đảng bên ngoài để nhận tài liệu phối hợp đấu tranh chống chế độ hà khắc nhà tù, đòi cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho tù nhân chính trị, đấu tranh chống các âm mưu mới của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Các đồng chí cán bộ lãnh đạo, trí thức biên soạn sách lí luận chính trị, tổng kết kinh nghiệm đấu tranh cách mạng, xuất bản báo chí *Cố gắng*, *Tin tức*... Các “lớp học chính trị”, “lớp học văn hóa” được tổ chức thường xuyên có khai giảng, bế giảng, công nhận kết quả học tập. Anh em tù nhân tổ chức sáng tác và liên hoan văn nghệ với

đầy đủ các tiết mục đơn ca, hợp xướng, diễn kịch, ngâm thơ, ca vọng cổ với nội dung yêu nước, khích lệ tinh thần đấu tranh bất khuất trước mọi thế lực xâm lược. Từ trường học lớn này, nhiều đảng viên vượt ngục đã trở thành cán bộ cốt cán tiếp tục tham gia cuộc kháng chiến tại các địa phương.

*

* *

Từ năm 1947-1950 là quãng thời gian Đảng bộ miền Đông Nam bộ nỗ lực phát triển, hoàn thiện tổ chức Đảng các cấp phát triển Đảng bộ và đẩy mạnh công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang, nỗ lực xác lập quyền lãnh đạo duy nhất và có hiệu quả đối với sự nghiệp kháng chiến. Vận dụng một cách đúng đắn chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và trực tiếp là Xứ ủy Nam bộ, các cấp bộ Đảng ở miền Đông Nam bộ đã đề ra những nhiệm vụ phù hợp với đặc điểm chiến trường và tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả trên tất cả mọi lĩnh vực: phát triển phong trào chiến tranh du kích ở khắp cả 3 vùng kháng chiến, phát triển đơn vị vũ trang tập trung mạnh trên cơ sở hình thành lực lượng ba thứ quân; phát triển phong trào đấu tranh chính trị, đấu tranh kinh tế, kết hợp với đấu với đấu tranh quân sự với nhiều lối đánh sáng tạo, độc đáo, góp phần đánh thắng một bước chính sách bình định của thực dân Pháp. Đồng thời, các cấp bộ Đảng ở miền Đông Nam bộ cũng nhạy bén, kịp thời uốn nắn những biểu hiện tả khuynh trong việc phát triển Đảng ở ạt, việc huy động lực lượng công chức thành phố vào căn cứ kháng chiến, trong công tác Cao Đài vận và phân hóa chỉ đạo lực lượng vũ trang Bình Xuyên... chèo lái con thuyền kháng chiến tiến lên đúng hướng vững chắc.

Chương III

ĐẢNG BỘ PHÂN LIÊN KHU MIỀN ĐÔNG NAM BỘ LÃNH ĐẠO KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, GIỮ VỮNG PHONG TRÀO CHIẾN TRANH DU KÍCH KÍCH, GÓP PHẦN KẾT THÚC THẮNG LỢI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951 - 1954)

I. Củng cố hệ thống tổ chức Đảng các cấp, lãnh đạo giữ vững phong trào kháng chiến (1951 – 1952)

1. Củng cố lại hệ thống tổ chức Đảng các cấp cho phù hợp với tình hình mới.

Từ cuối năm 1950, sau thất bại ở chiến trường biên giới, thực dân Pháp lâm vào thế bị động về chiến lược. Trong xu thế ngày càng lấn sâu vào vực thẳm của cuộc chiến tranh ở Đông Dương, giới phản động hiếu chiến Pháp (thắng thế trong quốc hội) chủ trương tiếp tục dựa vào viện trợ Mỹ, tăng cường tối đa các cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Lào và Campuchia với phương châm “cứ tiến lên bằng đại bác”. Ngày 6-12-1950, Chính phủ Pháp bổ nhiệm tướng 5 sao Delattre de Tassigny làm Cao ủy kiêm Tổng tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Ngày 17-12-1950, Delattre de Tassigny bay sang Sài Gòn, khẩn trương thực hiện kế hoạch “giành quyền chủ động chiến lược”, củng cố lại quân đội viễn chinh Pháp và xây dựng quân đội quốc gia nguy, đẩy mạnh việc bình định trong vùng kiểm soát, sử dụng tốt viện trợ Mỹ chuẩn bị mọi mặt tiến tới tổng phản công chiến lược.

Tại miền Đông Nam bộ, tướng Chanson, từ tháng 8-1951 là tướng Bondis (chỉ huy quân viễn chinh Pháp tại Nam Đông Dương) tiếp tục đẩy mạnh bình định vùng kiểm soát, củng cố hệ thống nguy quyền cơ sở, bòn rút kinh tế, phát triển chiến tranh tâm lý, khuếch trương thanh thế của Chính phủ Bảo Đại. Về quân sự, chúng ráo riết phát triển nguy quân, thực hành càn quét, đẩy lực lượng kháng chiến sâu vào vùng căn cứ, tạo vòng đai phòng thủ xung quanh đô thị, dọc các trục đường giao thông, vùng kinh tế phì nhiêu và các đồn điền cao su. Tại vùng căn cứ kháng chiến của ta, thực dân Pháp đẩy mạnh hoạt động (bằng không quân và lực lượng biệt kích cơ động nhỏ) phá hoại các cơ sở kinh tế, ngăn chặn các cửa khẩu hành lang vận chuyển của ta. Nỗ lực chung của địch là phối hợp đòn tiến công quân sự và kinh tế nhằm chia cắt cô lập địa bàn của ta thành từng mảnh nhỏ, ngăn chặn chính triệt phá hoạt động cung ứng hậu cần và thông tin liên lạc, tiến tới làm tê liệt guồng máy kháng chiến.

Hoạt động của địch làm cho tình hình kháng chiến ở miền Đông Nam bộ nói riêng, cả chiến trường Nam bộ nói chung gặp rất nhiều khó khăn. Phong trào du kích

kích chiến tranh chững lại. Tại vùng tạm bị chiếm, ở đô thị, sau cao trào đấu tranh chính trị đầu năm 1950, nhiều cơ sở bị vỡ, các đầu mối vận động tiếp tế thu mua hàng chuyên vào chiến khu gặp rất nhiều khó khăn; ở nông thôn, phong trào hũ gạo nuôi quân, tòng quân giết giặc, các hội đoàn thể cứu quốc lắng xuống. Ở vùng du kích (tranh chấp) hàng loạt khu vực biến thành vùng địch hậu. Đặc biệt nhiều căn cứ du kích như: Long Thành (Biên Hòa), Long Điền (Bà Rịa), Thuận An Hòa (Thủ Dầu Một), Trà Vinh (Tây Ninh)... bị địch đánh chiếm, đóng bót kiểm soát. Các căn cứ kháng chiến bị địch càn quét lần lượt thu hẹp lại. Nhiều cơ sở sản xuất nông nghiệp (“nông trường sanh sản”), tiểu thủ công nghiệp (lò gốm, lò đường, xưởng thuộc da), binh công xưởng bị hư hại, tổn thất do địch bắn phá hoặc phải di chuyển xây dựng lại nhiều lần. Trong năm 1950, giặc bắn chết 3.700 con trâu trong ba tỉnh Gia Định, Tây Ninh, Biên Hòa¹. Việc thiếu lương thực, thực phẩm, vải vóc, thuốc men cung cấp cho các cơ quan, đơn vị trong căn cứ trở nên thường xuyên. Các hành lang thông tin liên lạc, vận tải giữa các vùng, các căn cứ địa, từ Xứ xuống địa phương và ngược lại bị gián đoạn. Cũng trong năm 1950, giặc chặn đường tiếp tế gạo của ta từ miền Trung Nam bộ lên miền Đông Nam bộ hết sức gay gắt, số dân quân và bộ đội bị bắt và bị giết trên đường vận tải tổng cộng 650 người²

Về quân sự, các khu và tỉnh tập trung xây dựng lực lượng chủ lực mạnh để “vận động chiến tiến tới” trong khi lực lượng vũ trang địa phương chưa đủ mạnh để độc lập đảm nhiệm địa bàn. Hoạt động tác chiến bị giảm sút. Tính trong năm 1950, “toàn Khu 7 chỉ đánh được 400 trận, so với năm 1948 có tính mỗi tháng bộ đội và dân quân du kích đánh gần 300 trận, so với năm 1951, chỉ một tỉnh Thủ Biên bộ đội và du kích hoạt động đến 1.013 trận... Hình thức hoạt động của bộ đội địa phương từ một đại đội đến hai đại đội như những năm 1947, 1948 không còn, mà chỉ có hình thức tác chiến từ một tiểu đội đến một trung đội, do đó bộ đội địa phương chỉ đánh tiêu hao lẻ tẻ và bị động”³ (3. Tài liệu đã dẫn, tr.83, 84).

Thực trạng trên đặt ra yêu cầu cần phải tổ chức lại chiến trường, sắp xếp lại lực lượng cho phù hợp với tình hình mới.

*
* *
* *

¹, ² Lê Duẩn: Báo cáo tình hình Nam Bộ từ toàn quốc kháng chiến đến đầu năm 1952. Trong về chiến tranh nhân dân Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr, 81

Tháng 2-1951, tại chiến khu Việt Bắc, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 2 của Đảng được chính triệu tập. Đại hội đã đề ra các nhiệm vụ nhằm “1 – Đưa kháng chiến để thắng lợi hoàn toàn, 2 – Tổ chức Đảng Lao động Việt Nam”. Tiếp đó, trung tuần tháng 3-1951, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ nhất đã họp và đề ra nhiệm vụ trước mắt về việc nắm vững chỉ đạo chiến lược quân sự, xúc tiến công tác kinh tế tài chính, tham gia phong trào bảo vệ hòa bình thế giới và phổ biến, thi hành Nghị quyết của Đại hội Đảng. Về vấn đề quân sự, đối với chiến trường Nam bộ, Nghị quyết Hội nghị chỉ rõ cần nắm vững phương châm tác chiến “du kích chiến là chính, học tập đánh vận động trong những trường hợp có điều kiện thuận lợi, nắm vững nguyên tắc tiêu diệt chiến để bồi dưỡng lực lượng ta”¹. Trong xây dựng lực lượng, Nghị quyết đề ra “a) Củng cố các trung đoàn chủ lực đã thành lập (cải tiến tổ chức, giáo dục tư tưởng chiến thuật mới và học tập kinh nghiệm của chiến trường Bắc bộ). b) Về bộ đội địa phương thì: phát triển và củng cố. Về xây dựng lực lượng Đảng, Hội nghị nhấn mạnh cần “Củng cố Đảng về tư tưởng, chính trị và tổ chức. Tổ chức việc học tập những văn kiện của Đại hội, gắn liền với việc kiểm thảo thi hành hính sách Đảng, và phát triển chính sách cụ thể của Đảng. Giúp mặt trận củng cố và sửa đổi lối làm việc, đề cao vai trò và tác dụng thực tế của Mặt trận, để đảm bảo toàn dân đoàn kết, kháng chiến trường kỳ”³. Hội nghị quyết định trên cơ sở tổ chức Xứ ủy, thành lập Phân cục Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Nam bộ, gọi tắt là Trung ương Cục miền Nam bao gồm các ủy viên Trung ương ở Nam bộ², căn cứ vào các Nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị mà cụ thể chỉ đạo công tác cho Nam bộ”.

Tháng 5-1951, Trung ương Cục miền Nam họp hội nghị nhằm quán chính triệt nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng và Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ nhất, đánh giá tình hình Nam bộ, đề ra nhiệm vụ nhằm đưa Nam bộ “giành lại thế chủ động, phát triển sâu rộng du kích chiến tranh”. Để thực hiện nhiệm vụ trên, Hội nghị đề ra 4 công tác: “1- Tranh đấu tư tưởng, nhận định lại những quan điểm sai lầm đã qua trong các đồng chí phụ trách quân sự và tỉnh ủy viên. 2- Bố trí lại các khu, các tỉnh miền Trung và miền Đông, bố trí lại sự chỉ huy cho các khu và toàn Nam bộ, bố trí lại lực lượng để có thể giữ vững được cái thế chủ động của từng khu, từng tỉnh và như vậy cho toàn Nam bộ. 3- Củng cố các bộ tư lệnh, các cơ quan chuyên môn, đặc biệt tham mưu, chính trị, ban dân quân các mặt trận, các tỉnh đội bộ, đặt lại sự lãnh đạo của cấp ủy với tỉnh đội bộ. 4- Đề cao phong trào và tổ chức, điều khiển kế hoạch tự cung tự cấp cho

1,2,3. Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tập 12, tr.510, 511, 509

² do các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Kinh, Hà Huy Giáp thường trực. Đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị, kiêm Bí thư Trung ương Cục và Chính ủy Nam Bộ. Đồng chí Lê Đức Thọ, Phó Bí thư. Từ tháng 5-1952, đồng chí Lê Duẩn ra chiến khu Việt Bắc công tác, đồng chí Lê Đức Thọ giữ chức vụ Bí thư phụ trách Đảng vụ, kiêm Tư lệnh, Chính ủy Nam Bộ.

bộ tư lệnh, cho bộ đội, cho các tỉnh. Cũng cố căn cứ địa cho toàn Nam bộ, cho từng tỉnh, cho miền Trung và miền Đông”¹

Chấp hành sự chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam, từ giữa năm 1951, các địa phương và đơn vị vũ trang ở miền Đông Nam bộ tập trung bố trí lại ranh giới hành chính và sắp xếp lại tổ chức các cơ quan kháng chiến, các đơn vị vũ trang.

Theo đó, các Khu 7, 8, 9 được giải thể. Toàn Nam bộ lấy sông Tiền làm ranh giới chia làm hai phân liên khu (phân liên khu miền Đông, Phân liên khu miền Tây) và đặc khu Sài Gòn – Chợ Lớn. Các tỉnh nằm cạnh nhau có cùng chung một tính chất chiến trường sáp nhập lại thành một tỉnh mới. Phân liên khu miền Đông gồm 5 tỉnh: Thủ Biên (Thủ Dầu Một, Biên Hòa), Gia Ninh (Gia Định, Tây Ninh), Bà Chợ (Bà Rịa, Chợ Lớn), Mỹ Tân Gò (Mỹ Tho, Tân An, Gò Công, cũng gọi là tỉnh Mỹ Tho mới) và Long Châu Sa (Sa Đéc, phần Long Xuyên, Châu Đốc phía tả ngạn sông Hậu).

Từ sự thay đổi trên, tổ chức Đảng cũng được củng cố lại, dựa trên tổ chức Phân liên khu và Đặc khu để thành lập các Phân liên khu ủy và Đặc khu ủy. Phân liên khu ủy miền Đông gồm các đồng chí Phạm Hùng, Nguyễn Văn Vịnh, Trần Văn Trà, Nguyễn Quang Việt, Tô Ký, Võ Văn Khánh, Phạm Hữu Lầu, Võ Phát...do đồng chí Phạm Hùng làm Bí thư. Các liên tỉnh thành lập Tỉnh ủy mới. Tỉnh ủy Thủ Biên do đồng chí Nguyễn Quang Việt làm Bí thư. Tỉnh ủy Gia Ninh do đồng chí Phạm Văn Chiêu, sau đó đồng chí Tô Ký làm Bí thư. Tỉnh ủy Bà Chợ do đồng chí Võ Văn Khánh làm Bí thư. Tỉnh ủy Mỹ Tho do đồng chí Phạm Hữu Lầu, sau đó đồng chí Nguyễn Văn Mùi làm Bí thư. Tỉnh ủy Long Châu Sa do đồng chí Võ Phát làm Bí thư. Tổ chức Đảng các huyện xã đều được củng cố lại.

Cùng với việc bố trí lại chiến trường, tổ chức quân sự và lực lượng vũ trang ba thứ quân được sắp xếp lại. Bộ tư lệnh Nam bộ giải thể để thành lập Bộ Tư lệnh các Phân liên khu².

Tại miền Đông Nam bộ, Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông gồm các đồng chí: Trần Văn Trà (Tư lệnh), Phạm Hùng (Chính ủy). Các tỉnh đều thành lập mới Bộ chỉ huy quân sự. Trung đoàn Đồng Nai giải thể. Phân liên khu miền Đông thành lập tiểu đoàn chủ lực 302. Các tỉnh thành lập tiểu đoàn tập trung của tỉnh. Đó là các tiểu đoàn 303 (Thủ Biên), 300 (Bà Chợ), 306 (Gia Ninh), 309 (Mỹ Tho) và 311 (Long

¹ Lê Duẩn: : Báo cáo tình hình Nam Bộ từ toàn quốc kháng chiến đến đầu năm 1952. Trong về chiến tranh nhân dân Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr, 86.

² đồng chí Trung tướng Nguyễn Bình, tư lệnh Nam Bộ về Việt Bắc để nhận nhiệm vụ mới. Trên đường đi, đồng chí đã hy sinh ngày 29-9-1951

Châu Sa). Các huyện đều thành lập đại đội bộ đội địa phương mang tên các địa danh hoặc nhân vật lịch sử.

Cũng theo tổ chức Phân liên khu, ngày 11-11-1951, Phân sở công an Phân liên khu miền Đông được thành lập do đồng chí Cao Đăng Chiếm làm Giám đốc (từ 1952 là đồng chí Mai Chí Thọ làm Giám đốc). Cơ quan công an Phân liên khu miền Đông gồm các bộ phận: văn phòng, Ban Bí thư, Ban bảo vệ chính trị, Ban bảo vệ cơ quan bộ đội, Ban điệp báo, Đội vũ trang và Ban tuyên huấn. Ty công an các tỉnh Bà Chợ, Thủ Biên, Gia Ninh, Mỹ Tho, kiện toàn lại hệ thống tổ chức ngành công an trong tỉnh, sắp xếp các ban chuyên môn, đơn giản hóa tổ chức công an huyện, củng cố các Ban trật tự xã theo hướng giản chính.

Như thế, từ giữa năm 1951, hệ thống tổ chức Đảng các cấp ở miền Đông Nam bộ gồm: Phân liên khu ủy miền Đông Nam bộ, Đặc khu ủy Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, Tỉnh ủy các tỉnh Thủ Biên, Bà Chợ, Gia Ninh, Mỹ Tho, Long Châu Sa (cùng tổ chức Đảng trong từng tỉnh) và tổ Đảng trong quân đội (các tiểu đoàn chủ lực, tiểu đoàn tập trung, đại đội địa phương ...). Sự sắp xếp, củng cố lại như đã nêu trên đã tạo điều kiện cho tổ chức Đảng các cấp ở miền Đông Nam bộ thực hành lãnh đạo cung cấp kháng chiến một cách thuận tiện hơn trong điều kiện bị địch bao vây chia cắt mạnh ở chiến trường Nam bộ.

2. Lãnh đạo đấu tranh giữ vững phong trào kháng chiến

Ngay từ cuối năm 1950, đồng thời với việc cử đoàn Đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng tại chiến khu Việt Bắc, Xứ ủy Nam bộ đã gửi điện chúc mừng Đại hội. Bức điện viết: “Thay mặt cho 7 vạn đồng chí, Xứ ủy Nam bộ gửi lời chào hoan nghênh đại hội. Chúng tôi rất tiếc không thể chuyển giao rất nhiều điện văn của các cấp bộ Đảng toàn Nam bộ trong vùng độc lập và tạm chiếm gửi lời chào mừng Đại hội và chúc Đại hội thành công với hoàn cảnh khó khăn xa. Toàn thể Đảng bộ Nam bộ nguyện nỗ lực cố đóng góp vào chiến dịch Thu Đông để mừng Đại hội món quà chiến thắng. Chúng tôi nhiệt liệt tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng. Đại hội lịch sử lần thứ II sẽ đánh dấu giai đoạn thắng lợi lớn lao của cuộc kháng chiến hiện tại. Chúng tôi nguyện cương quyết chấp hành Nghị quyết của Đại hội để hoàn thành nhiệm vụ vĩ đại của Đảng trong cuộc giải phóng các dân tộc ở Đông Dương”¹.

Tiếp đó, từ ngày 16 đến ngày 20-02-1951, hội nghị thường vụ Xứ ủy mở rộng đề ra chủ trương lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nam bộ trong năm 1951. Hội nghị nhấn

¹ Tài liệu số 103 /SL/TW, lưu tại bảo tàng cách mạng Việt nam

mand: “nhiệm vụ của Nam bộ là chủ động kèm chế địch trên chiến trường Nam bộ và tiến lên kịp với phong trào toàn quốc. Muốn chủ động kèm chế địch, ta phải giành giật Khu 8, tiến lên tấn công kèm chế Khu 7, giữ vững Khu 9, giúp phong trào Cao Miên phát triển mạnh mẽ và phối hợp chặt chẽ với Tây Nguyên và cực nam Trung bộ”. Hội nghị đề ra phương châm chiến lược “Du kích chiến là chính, học tập đánh vận động chiến, **đẩy mạnh vận động chiến tiến tới**”.

Riêng các tỉnh miền Đông Nam bộ, Hội nghị chỉ rõ: “Giữ vững và nâng cao mức kinh tế của nhân dân và quân đội, phát triển mạnh mẽ và sâu rộng du kích chiến trong toàn khu, đặc biệt xung quanh Sài Gòn và dọc đường giao thông, giành giật bảo vệ các vùng các vùng nhân lực, vật lực, đẩy mạnh đánh giao thông, xây dựng và củng cố hệ thống căn cứ địa của Khu và các tỉnh, bảo toàn và phát triển chủ lực, tiến hành công tác Cao Đài, thiếu số vận, địch nguy vận”¹.

Chấp hành sự chỉ đạo của trên, Phân liên khu ủy miền Đông và Đảng bộ các tỉnh mới được thành lập đã lãnh đạo quân và dân các địa phương khắc phục mọi khó khăn trong tình hình mới, đẩy mạnh đấu tranh trên tất cả các mặt, giữ vững và phát triển phong trào kháng chiến.

Về lĩnh vực quân sự, các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích tích cực tiến công địch, tổ chức hàng loạt trận chống càn thắng lợi. Tiểu đoàn chủ lực 302 của Phân liên khu miền Đông cơ động đánh địch trên đường 14 Đồng Xoài, đường 13 đoạn Bến Cát – Lộc Ninh, khu vực An Điền, Bến Mương, Bến Cỏ, Long Nguyên, Chà Là, Đồng Lớn, chiến khu Dương Minh Châu. Trong năm 1951, tiểu đoàn đã tiêu diệt 263 tên tên địch, làm bị thương 93 tên, bắt sống 10 tên, thu 3 tấn đạn và 26 súng các loại, phá hủy nhiều đồn, bót, cầu cống, xe cơ giới. Tiểu đoàn 303 tỉnh Thủ Biên phối hợp với lực lượng công an và các đơn vị vũ trang địa phương đánh hàng loạt đồn bót, cứ điểm, đánh phục kích đường giao thông trên đường 13, đường 2, đường 20, chống càn ở Chiến khu Đ, đột nhập vào thị trấn, thị xã diệt ác ôn, gây tiếng vang lớn trong lòng địch. Đặc biệt ngày 20-7-1951, Tiểu đoàn 303 và đội biệt động của tỉnh có sự phối hợp của tổ trình sát Ty công an Biên Hòa trước đó đã tập kích thắng lợi căn cứ yếu khu Trảng Bom, diệt 50 lính Âu Phi, bắt sống 50 tên, thu 200 súng các loại, hàng chục tấn đạn dược, lương thực thực phẩm, đồ dùng quân sự và 5 triệu đồng tiền Đông Dương ngân hàng. Tiểu đoàn 303 của tỉnh Bà Chợ đánh địch ở Nhà Bè, Phú Mỹ, Xuyên Phước Cơ, dùng thủy lôi đánh chìm tàu Sanint Loubert Bie trên sông Lòng Tàu, đốt cháy kho xăng hơn nửa chính triệu lít ở cảng Nhà Bè. Chỉ

¹ Tài liệu LS. S1, lưu tại Phòng khoa học công nghệ - môi trường Quân khu 7

tính riêng hai tháng 6 và 7-1951, Tiểu đoàn 300 và bộ đội Nhà Bè – Cần Đước – Cần Giuộc đã bắn cháy, bắn chìm 32 tàu địch ở Rừng Sác, diệt 8 trung đội, 13 tiểu đội, trong đó có 13 sĩ quân địch. Tiểu đoàn 306 Gia Ninh đánh giao thông địch trên lộ 22, chống càn ở Hóc Môn, Bời Lời, chiến khu Dương Minh Châu. Tiểu đoàn 309 ở mặt trận cùng lực lượng vũ trang địa phương đánh địch trên các tuyến đường giao thông thủy, nhổ đồn bót, tháp canh, chiến đấu chống càn ở Đồng Tháp Mười, dọc từ kênh Nguyễn Văn Tiếp đến kinh Dương Văn Dương, Thiên Hộ, Long Nãi Thuận, Rạch Nhum, Đốc Binh kiều, Cửa Tiểu, vv... Đặc biệt lực lượng vũ trang Mỹ Tho đã đánh bại cuộc càn quét mang tên “Gió lốc” của Pháp vào Đồng Tháp Mười, giữ vững căn cứ địa, bảo vệ an toàn các cơ quan kháng chiến.

Đồng thời, các đội vũ trang tuyên truyền của Phân liên khu miền Đông, của các địa phương hoạt động sâu vào vùng địch tạm chiếm, tuyên truyền xây dựng cơ sở trong các đồn điền cao su ở Xuân Lộc, Dầu Tiếng, Lộc Ninh, trong các buôn làng đồng bào dân tộc thiểu số ở Biên Hòa, Thủ Dầu Một và các thị xã, thị trấn. Tướng Chanson, Tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Nam bộ bị lực lượng biệt động tiêu diệt tại xã Sa Đéc. Tại các đô thị, các đội biệt động tổ chức những trận đánh nhỏ lẻ, tập kích căn cứ quân sự địch, trừng trị ác ôn. Đội biệt động Vũng Tàu tập kích khu nhà nghỉ mát của sĩ quan Pháp tại trung tâm thị xã, diệt 52 tên.

Tháng 11-1951, Phân liên khu ủy miền Đông chỉ đạo Sở Công an Phân liên khu tổ chức Hội nghị công tác tại chiến khu Đ. Đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Cục miền Nam và đồng chí Phạm Hùng, Bí thư Phân khu ủy miền Đông đã đến dự và chỉ đạo Hội nghị. Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Lê Duẩn chỉ thị: cán bộ chiến sĩ công an từ tỉnh tới xã cần phải học tập để thông suốt đường lối chủ trương của Đảng, chức năng nhiệm vụ của ngành để không ngừng nâng cao trình độ, năng lực, rèn luyện phẩm chất đạo đức của người chiến sĩ cách mạng, tư cách đảng viên, ra sức bám dân, bám địa bàn để hoạt động. Hội nghị đã phát động phong trào học tập 6 lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với công an nhân dân, kết hợp với phong trào xây dựng lực lượng công an thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới. Sau Hội nghị, lực lượng công an đẩy mạnh hoạt động phá án, tập kích các đồn bót cứ điểm địch. Công an tỉnh Thủ Biên phá án thành công vụ nội gián Mai Văn Hạo trong Ủy ban mặt trận Liên Việt tỉnh. Công an xung phong thị xã Biên Hòa (Thủ - Biên), thị xã Vũng Tàu (Bà – Chợ) tập kích nhiều căn cứ của địch, diệt và làm bị thương nhiều tên, trong đó có nhiều sĩ quan Pháp. Công tác phản gián, chống địch xâm nhập căn cứ địa, phong trào quần chúng phòng gian bảo mật (thay cho tổ chức “ngũ gia liên bảo” trước đây) phát triển rộng khắp.

*

* *

Cùng với hoạt động quân sự, công tác tôn giáo vận được các cấp bộ Đảng ở miền Đông tập trung lãnh đạo thực hiện. Ở Gia Ninh, một số phần tử phản động đội lốt tôn giáo trong giáo chức Cao Đài đã dựa vào thực dân Pháp, xây dựng quân đội riêng, chống phá cách mạng quyết liệt. Được sự hậu thuẫn của thực dân Pháp, quân đội Cao Đài phản động tổ chức càn quét lần chiếm các khu căn cứ của ta ở An Phú Đông, An Nhơn, Đức Hòa Thành, Bời Lời và các vùng tranh chấp như Thanh Điền, Long Thuận, Phước Ninh... Hành quân càn quét đến đâu, chúng đốt phá, tàn sát dã man đến đó. Ở vùng phía bắc tỉnh Thủ Biên, vùng giáp biên giới, thực dân Pháp đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền xuyên tạc, mua chuộc đồng bào dân tộc thiểu số, thành lập các đội thân binh thân làm tay sai đàn áp lại phong trào kháng chiến ở địa phương. Đại bộ phận binh lính trong quân đội Cao Đài, trong các đơn vị thân binh người dân tộc thiểu số là những nông dân chất phác bị thực dân Pháp lừa mị, xuyên tạc, ép buộc cầm súng làm tay sai cho chúng. Hành động chống phá kháng chiến của các lực lượng trên gây cho ta rất nhiều khó khăn, đồng thời đặt nhân dân ta và lực lượng vũ trang cách mạng của ta vào tình thế lúng túng đối phó.

Ngày 14-6-1951, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ra chỉ thị chuyên về công tác dân vận. Chỉ thị chỉ rõ: “Đối với đồng bào tôn giáo, ngoại kiều, thiểu số, cần kiên nhẫn thuyết phục, làm cho họ thật tin tưởng vào chính sách của Mặt trận, chú trọng thực hiện việc tạm cấp ruộng đất, thực hiện dân chủ hóa hương thôn, sử dụng hình thức võ trang tuyên truyền để giác ngộ đối tượng ở vùng địch kiểm soát, thành lập các tổ chức đảng đoàn bí mật trong vùng địch hậu để nắm vững sự lãnh đạo của Đảng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ dân vận”¹.

Chỉ thị yêu cầu những người làm công tác tôn giáo dân vận, thiểu số vận cần “phân biệt hạng thống trị có đặc quyền và hạng lép vế phải mưu lợi ích thiết thực, làm cho họ thấy sự lừa bịp của bọn đầu sỏ Pháp, Mỹ, thấy rõ chính sách đúng đắn của ta, lợi dụng chính trị để mâu thuẫn giữa họ với Pháp và giữa bọn đầu sỏ Pháp với nhau. Riêng với bọn đầu sỏ phản động thì cương quyết dùng quân sự để tiêu diệt, với quần chúng tôn giáo lầm lỡ thì khoan hồng, với tù binh thì sau khi tước vũ khí và giải thích, cũng tha cho họ”. Thường vụ Trung ương Cục còn đề ra các nhiệm vụ cụ thể trong việc xây dựng phát triển các tổ chức tôn giáo kháng chiến trong đồng bào tín đồ công giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, đồng bào dân tộc thiểu số và ngoại kiều. Về trách nhiệm của

¹ Chương trình kế hoạch công tác dân vận năm 1951-1952, hồ sơ 44, phòng Nam Bộ, kho lưu trữ Bộ quốc phòng, tờ 10, 11, 12, 19

các cấp ủy Đảng với công tác dân vận, chỉ thị nhấn mạnh: “Mỗi cấp ủy phải đưa một đồng chí Thường vụ phụ trách, dành cho dân vận một số cán bộ cần thiết, quán triệt quan điểm quần chúng, ráo riết việc phê bình và tự phê bình báo cáo kết quả công việc trước nhân dân, tránh hình thức, mệnh lệnh, quan liêu chủ nghĩa”¹.

Quán chính triệt chỉ thị của Trung ương Cục, Phân liên khu ủy miền Đông, Tỉnh ủy các tỉnh đã triển khai làm rộng công tác dân vận trong đồng bào có đạo, đồng bào dân tộc thiểu số và ngoại kiều.

Ở Gia Ninh, Thủ Biên, công tác Cao Đài được đẩy mạnh hơn bao giờ hết. Các đơn vị vũ trang, các huyện tổ chức học tập chính sách Cao Đài vận trong cán bộ, chiến sĩ, các cơ quan ban ngành đoàn thể và nhân dân. Các địa phương đều lập tổ công tác (gồm đủ các thành phần quân, dân, chính, đảng, mặt trận) làm công tác tuyên truyền trong các thôn xóm có đồng bào tín đồ, vận động đồng bào bỏ khu định cư xung quanh đồn bót địch trở về làng cũ làm ăn sinh sống, kêu gọi thanh niên tín đồ tòng quân kháng chiến chống Pháp. Các tổ công tác chiến trường còn vào đồn bót do quân đội Cao Đài đóng giữ, giải thích vận động binh lính quay súng trở về với nhân dân hoặc không hành quân tàn sát vùng căn cứ kháng chiến. Kết quả, hàng loạt gia đình đồng bào tín đồ Cao Đài bỏ về nhà làm ăn, một số khác ở lại làm nội ứng cho lực lượng vũ trang cách mạng đánh bót, diệt tháp canh. Với lực lượng ngoan cố trong Cao Đài liên minh do Trịnh Minh Thế cầm đầu, Phân liên khu ủy miền Đông và Tỉnh ủy tỉnh Gia Định chỉ đạo Tiểu đoàn 302, Tiểu đoàn 306 và bộ đội địa phương huyện Châu Thành tổ chức đánh chống càn, tập kích gỡ đồn bót, giành lại và mở rộng cùng giải phóng. Hàng loạt cuộc chống càn ở Bức Rù, Xóm Mía, Trà Xiêm, Rừng Nhum, nhiều cuộc tấn công đồn bót địch trên lộ 22 của quân và dân Gia Ninh thu được thắng lợi.

Tại địa bàn trên các tỉnh Mỹ Tho và Long Châu Sa, công tác Hòa Hảo vận cũng được chú trọng thực hiện. Phối hợp với công tác làm nhiệm vụ tuyên truyền vận động trong đồng bào tín đồ và các đơn vị thân binh Hòa Hảo, Tiểu đoàn 309, Tiểu đoàn 311 cùng lực lượng vũ trang địa phương đánh địch nhiều trận ở Mộc Hóa, Cai Lậy, Hậu Mỹ, Kinh Ba, Kinh Hai Tám, Kinh Nhì, Rạch Mốp... Đại bộ phận tín đồ Hòa Hảo đều hiểu rõ chính sách tôn giáo của Đảng ta, hoặc công khai hoặc bí mật ủng hộ kháng chiến. Hàng trăm binh sĩ Hòa Hảo quay súng trở về với nhân dân.

¹ Chương trình kế hoạch công tác dân vận năm 1951-1952, hồ sơ 44, phòng Nam Bộ, kho lưu trữ Bộ quốc phòng, tờ 10, 11, 12, 19

Tại Thủ Biên, Phân liên khu ủy Miền Đông và Tỉnh ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác thiếu số vận. Tỉnh thành lập nhiều đơn vị vũ trang tuyên truyền tỏa sâu vào các phum sóc đồng bào dân tộc thiểu số ở Tân Uyên, Đồng Nai, Bù Đăng, Lộc Ninh làm công tác tuyên truyền giáo dục, xây dựng cơ sở và lực lượng kháng chiến ở địa phương. Chính quyền kháng chiến hành chính ở các huyện, xã tổ chức bán đổi gạo, muối, vải cho đồng bào S'tiêng, Châuro, Ch'mạ ... ban hành nhiều quy định nhằm xóa bỏ hủ tục, xây dựng đời sống văn hóa mới, giữ vững phong trào kháng chiến dọc địa bàn miền núi của tỉnh.

*

* *

Như đã trình bày ở trên, tình hình cung ứng hậu cần, xây dựng nền kinh tế kháng chiến ở miền Đông Nam bộ trong những năm 1949, 1950 gặp rất nhiều khó khăn. Ngay từ đầu năm 1951, Phân liên khu ủy miền Đông, Tỉnh ủy các tỉnh đã chú trọng lãnh đạo nhân dân và bộ đội đẩy mạnh phong trào đấu tranh giành giật sức người, sức của với địch, bảo vệ và xây dựng nền kinh tế kháng chiến.

Giữa năm 1951, các cấp ủy Đảng ở miền Đông Nam bộ tổ chức học tập quán triệt chỉ thị của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam về “Công tác tạm cấp đất tăng gia sản xuất, tự túc, tự cấp, bao vây kinh tế địch”. Chỉ thị nêu rõ: “ Vấn đề kinh tế - tài chính trở nên cấp bách nhất trong lúc này. Mục đích của công tác là bồi dưỡng sức dân và cung cấp cho quân sự để chiến thắng... Điều cốt yếu là phải giáo dục cho cán bộ và nhân dân thấm nhuần tư tưởng đúng đắn về chính sách kinh tế - tài chính, tránh lối ăn xổi ở thì, buôn bán lối đại quy mô và gặp đâu làm đó. Phải có ý thức trường kỳ và đi từ nhỏ đến lớn, phối hợp chặt chẽ với các ngành quân dân chánh. Mỗi cấp phải đưa người thực sự tham gia ban sanh sản, phải gây thành một phong trào (sanh sản) mạnh mẽ và lâu dài”¹. Thường vụ Trung ương Cục đề ra các nhiệm vụ chính: hoàn thành việc tạm cấp ruộng đất, phát triển các hợp tác xã sản xuất, đẩy mạnh việc tăng gia sản xuất trong nhân dân và các cơ quan quân dân chánh, hoàn thành giảm tô thực hiện giảm tức, đảm bảo nền kỹ nghệ quốc phòng, phá hoại kinh tế địch². Từ nghị quyết trên, Phân liên khu ủy miền Đông chỉ đạo các tỉnh, các cơ quan kháng chiến và đơn vị bộ đội đẩy mạnh tăng gia sản xuất, sửa chữa vũ khí và phá hoại kinh tế địch, “lấy của địch trang bị cho ta”, “giữ vững phong trào đấu tranh giành giật sức người, sức của với địch”.

¹ Chương trình kế hoạch công tác dân vận năm 1951-1952, hồ sơ 44, phòng Nam Bộ, kho lưu trữ Bộ quốc phòng tờ 7,8

Vừa sắp xếp tổ chức các hoạt động, các cấp ủy Đảng ở miền Đông Nam bộ vừa tập trung chỉ đạo xây dựng nền kinh tế kháng chiến.

Tháng 5-1951, Ban căn cứ địa Nam bộ được thành lập phụ trách hệ thống căn cứ các chiến khu Đ, chiến khu Dương Minh Châu, chiến khu Đồng Tháp Mười và chiến khu U Minh. Mỗi tỉnh thành lập đều có các căn cứ địa riêng. Các ban căn cứ quy hoạch phân đất cho các đơn vị, cơ quan tổ chức cơ sở sản xuất, lập nông trường trồng cây lương thực, hoa màu, chăn nuôi với chỉ tiêu tự túc lương thực, thực phẩm từ 3 đến 6 tháng trong một năm. Các đơn vị bộ đội, cơ quan dân chính đẩy mạnh tăng gia sản xuất xung quanh khu vực đóng chân, đồng thời có trại sản xuất ở xa nơi vùng đất đã được quy hoạch. Những người có sức khỏe yếu, bị thương được bố trí trong các tổ đội tăng gia sản xuất do “Ban sanh sản” quản lý. Ngoài ra, những cán bộ, nhân viên chiến sĩ khác cũng được cử luân phiên về trại sản xuất để thực hiện nghĩa vụ tự túc và “an dưỡng”. Phòng Quân nhu – Tài chính Phân liên khu tổ chức hệ thống trạm thu mua gạo, đường dây vận chuyển, xây dựng kho dự trữ. Ban tiếp liệu tổ chức được hàng trăm điểm thu mua gạo, thực phẩm, vải, thuốc chữa bệnh và nguyên hóa liệu cho quân giới Sài Gòn và vùng nông thôn bị tạm chiếm. Riêng tại chiến khu Đ, tính đến cuối năm 1951, Ban sanh sản xây dựng được 7 nông trường, 1 xưởng rèn sản xuất nông cụ và 1 xưởng làm giấy dùng sức nước chạy máy nghiền bột giấy. Các đoàn vận tải từ Đồng Tháp Mười về chiến khu Đ, chiến khu Dương Minh Châu và từ chiến khu Đ, chiến khu Dương Minh Châu đi Thủ Đức, Thuận An hòa, Bà Rịa, An Điền, Gò Công... được thành lập và hoạt động có hiệu quả.

Tại các vùng độc lập, Tỉnh ủy các tỉnh chỉ đạo tạm cấp ruộng đất cho nông dân lấy nguồn đất bị bỏ hoang, tịch thu của các phần tử phản động làm tay sai cho Pháp hoặc các địa chủ, phú nông hiến cho cách mạng. Nông dân được cấp nông cụ (từ các xưởng rèn của binh công xưởng), bán rẻ giống và được bộ đội bảo vệ trong quá trình làm thu hoạch. Tại các đồn điền cao su ở Thủ Biên, Gia Ninh, Bà Chợ công nhân quyên góp tiền bạc, thuốc men, quần áo, thuốc sốt rét, dầu thắp sáng và nhiều loại vật dụng, đặc biệt là chi tiết máy cơ khí gửi vào chiến khu. Nhiều chủ đồn điền người Pháp, người Hoa gặp gỡ xin được nộp thuế định kỳ cho cách mạng. Tính chung, từ đầu năm 1951 đến tháng 6-1952, quân và dân miền Đông đã thực hiện được¹: (1. Phân cục Trung ương Cục miền Nam: Báo cáo tình hình Nam bộ năm 1952, Lưu trữ Bộ Quốc phòng, hồ sơ 44, phong Nam Bộ, tờ 8)

Tự túc lương	Lưu hành tiền giấy Việt Nam			Tạm cấp ruộng đất	
	Số tiền	Số xã	Số dân sử	Diện tích	Số khẩu

	thực	(triệu đ)	được	dụng	đất (mẫu)	phần được
			lưu	(ngàn)		cấp
			hành			
Bà Chợ	5 tháng	80	15	15	0.540	2.151
Thủ Biên	10	30	24	30	876	1.790
Gia Định	tháng	30	5	25	4.442	11.32
Mỹ Tho	4 tháng	251	36	100	43.02	5
BTL.PLK.	12				3	44.53
	tháng					0
Cộng	6 tháng	391	80	170		
					49.89	
					0	55.79
						6

Đồng thời với các hoạt động nêu trên, bộ đội du kích các địa phương tổ chức phục kích và tập kích, thu nhiều chiến lợi phẩm của địch, từ vũ khí, đồ dùng quân sự đến lương thực thực phẩm, hàng hóa, tiền bạc. Trong năm 1951, hàng chục đoàn công voa của địch trên Quốc lộ 13, Quốc lộ 14, tàu hỏa chở hàng quân sự trên các tuyến đường sắt Sài Gòn – Phan Thiết, Sài Gòn – Lộc Ninh, tàu thuyền trên sông Sài Gòn, sông Lòng Tàu, sông Vàm Cỏ, xe vận tải gạo, vải, tiền từ Sài Gòn về các đồn điền cao su... bị ta phục kích và tịch thu. Nhiều đồn bót địch bị ta tập kích hoặc bức rút hoặc làm công tác địch nguy vận đã để lại nhiều lương thực, đồ dùng quân sự...

Kết quả thực hiện chủ trương “giành giật sức người với địch, “xây dựng nền kinh tế kháng chiến của các cấp bộ Đảng ở miền Đông đã góp phần làm cung ứng một phần quan trọng nhu cầu của kháng chiến trong giai đoạn bị địch phong tỏa chia cắt năm 1951 sang năm 1952.

3. Tập trung xây dựng tổ chức Đảng cơ sở, lãnh đạo khắc phục hậu quả thiên tai

Bước sang năm 1952, thực dân Pháp tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách bình định, tích cực càn quét lấn chiếm, củng cố các cơ sở chính trị, kinh tế, kiểm soát gắt gao các đường giao thông quan trọng. Ngày 15-1-1952, tại chiến khu Dương Minh

Châu, Phân liên khu ủy miền Đông họp Hội nghị nhằm quán chính triệt Nghị quyết Trung ương Cục và đề ra các nhiệm vụ lãnh đạo kháng chiến trong năm 1952. Đồng chí Bí thư Phân liên khu ủy Phạm Hùng chủ trì Hội nghị. Hội nghị đã quán chính triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Cục về nhiệm vụ sắp tới: “Cái thế chung của ta với giặc đang là các thế bao vây và phá bao vây. Cái thế của giặc đang hăng hái chiếm đóng đất đai, tiêu hao và tiêu diệt sức chiến đấu của ta, với mục đích cướp người cướp của và mong “bình định” hẳn Nam bộ. Cho nên tất cả chủ trương, đường lối của chúng ta về mọi mặt là để chống lại cái thế ấy của giặc, chống lại cái mưu đồ ấy của giặc, để thực hiện nhiệm vụ của ta là kèm chế giặc cho chiến trường chính, để tiêu hao, tiêu diệt giặc, giành đất, giành người và của với giặc để tiến đến mở rộng khu du kích, mở rộng vùng tự do, bảo vệ căn cứ của ta... Nhiệm vụ chung ấy phải đặt vững vàng trên chiến lược trường kỳ gian khổ. Vấn đề trường kỳ là thực tế xây dựng bồi bổ thực lực chiến đấu của toàn dân, của bộ đội, dân quân. Xây dựng trên hai mặt: tinh thần và vật chất. Vấn đề trường kỳ của ta phải đặt ra đích xác trên những ưu thế và nhược điểm căn bản của bản thân ta và giặc. Khẩu hiệu chính của ta bây giờ là “giữ vững của, xây dựng người, xây dựng của, giành giật người, giành giật của với giặc để đánh giặc, chống sự mê hoặc người lôi kéo người, thu hút tài sản giặc”¹.

Từ đó, Phân liên khu ủy đã xác định những nhiệm vụ cụ thể trong năm 1952 bao gồm: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục về đường lối kháng chiến trong quảng đại nhân dân; phát động sâu rộng phong trào du kích chiến tranh, trọng tâm là “giữ người, giữ của, kèm chế tiêu hao giặc, mở rộng vùng tự do, giữ vững căn cứ địa”; xúc tiến việc tăng gia sản xuất với ý thức tự cung tự cấp, đặt lại chính sách tài chính “dựa trên sự đóng góp dân chủ của nhân dân và sự gánh vác của các địa phương”, tiếp tục thực hiện việc tạm cấp đất, giảm tô giảm tức; kiện toàn chính quyền dân chủ nhân dân, thống nhất Mặt trận dân tộc bằng những chính sách cụ thể về kinh tế, chính trị, văn hóa; bồi dưỡng, điều chỉnh cán bộ quân – dân – chính, “có thái độ đúng đối với cán bộ ngoài Đảng sau 6 năm chiến đấu”.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ nêu trên, Hội nghị Phân liên khu ủy đã đề ra nhiều biện pháp lãnh đạo, trong đó nhấn mạnh việc phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng các cấp, của các chi bộ xã: “1- Gắn liền việc xây dựng chi bộ với cuộc vận động phê bình, tự phê bình ở chi bộ trong sự thi hành những chủ trương của đảng về sản xuất và giết giặc. 2- Kiện toàn chi ủy, Đảng đoàn và củng cố tổ Đảng nhằm phục vụ cho

¹ Phân cục Trung ương miền Nam: Báo cáo tình hình Nam Bộ năm 1952, Lưu trữ Bộ Quốc phòng, hồ sơ 44, Phòng Nam Bộ, tờ 16,17

phong trào nhân dân sản xuất và giết giặc. 3- Tích cực đưa chi bộ ly hương về xã, bám lấy xã và nhân dân chiến đấu chống giặc¹).

Từ Hội nghị trở về, cán bộ, các ban ngành đoàn thể, lực lượng vũ trang các tỉnh ủy triển khai việc quán chính triệt các nghị quyết, đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho địa phương mình. Tùy vào tình hình thực tế ở địa phương, các cấp ủy Đảng đã đề ra những nhiệm vụ cụ thể giữ vững và thúc đẩy phong trào kháng chiến đang trong giai đoạn gặp nhiều khó khăn.

Tại Bà Chợ, Tỉnh ủy triển khai chấn chỉnh lại các tổ chức Đảng trong các cơ quan quân – dân - chính, xây dựng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, thực hiện kế hoạch đưa cán bộ ly hương về xã, của cán bộ các ngành các cấp về bám cơ sở ở vùng địch tạm chiếm và vùng du kích để trực tiếp xây dựng, chỉ đạo phong trào. Bộ đội, công an, dân quân du kích đẩy mạnh các hoạt động đánh địch ở khắp nơi, tiêu biểu nhất là trận tập kích chi khu Cần Giờ và hàng loạt trận tập kích trong thị xã Cáp và đồn Thạnh An, bót lính kín, khách sạn Centre d Repos, trung tâm an dưỡng Võ Biền Pháp. Hoạt động xây dựng căn cứ địa diễn ra mạnh mẽ ở khu Tây, khu Đông, Xuyên – Phước – Cơ. Nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh tích cực tham gia vận chuyển hàng hóa trong đội hình Tiểu đoàn vận tải 320 từ Xuyên Mộc về chiến khu Đ và di chuyển công binh xưởng của Phân liên khu miền Đông từ căn cứ địa Phú Mỹ về chiến khu Đ.

Tại Thủ Biên, Tỉnh ủy chủ trương bằng mọi cách phải đưa cán bộ, đảng viên về địa phương công tác, chuyển các cấp ủy ly hương về trụ bám hoạt động tại xã. Để cán bộ hoạt động có hiệu quả, Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện giản chính, đơn giản hóa bộ máy ở cơ sở, nhập các ngành Đảng, chính quyền, đoàn thể thành ủy ban quân dân chính, phân công lại cán bộ cho phù hợp với năng lực, sức khỏe và nhu cầu cơ sở. Đối với việc đưa các chi ủy ly hương trở về xã, Tỉnh ủy liên tiếp tổ chức nhiều cuộc họp nhằm thảo luận kỹ chủ trương, biện pháp và chỉ đạo thực hiện thí điểm một số xã thuộc các huyện Thủ Đức, Lái Thiêu, Xuân Lộc. Chi ủy ly hương móc rập với quần chúng cốt cán hoặc người thân trong gia đình để tìm hiểu tình hình tại xã và tổ chức chuẩn bị chu đáo cho việc trở về bám trụ như đào hầm bí mật, thiết lập cơ sở giao liên... trở thành kinh nghiệm tốt được phổ biến và thực hiện rộng rãi. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy còn tập trung củng cố các chi bộ vùng căn cứ du kích ở Đồng Nai, Hớn Quản, Bến Cát; nhập các xã nhỏ vào thành các xã lớn và cử cán bộ huyện về làm Bí thư xã. Nội dung củng cố chi bộ gắn liền với củng cố các ngành quân – dân – chính ở xã, gắn liền với phong trào quần chúng trong sản xuất và chiến đấu. Nhờ các hoạt động nêu trên,

¹ Nghị quyết Hội nghị Phân liên khu ủy miền Đông ngày 15-01-1952 về xây dựng chi bộ năm 1952, Lưu trữ phòng Khoa học công nghệ - môi trường Quân khu 7, LS-52 tờ 4

phong trào chiến tranh nhân dân trong toàn tỉnh được giữ vững, đặc biệt trong vùng du kích và căn cứ địa.

Tại Gia Ninh, Tỉnh ủy chỉ đạo tăng cường cán bộ về các xã để củng cố chi bộ và các cơ quan quân-dân-chính, thúc đẩy phong trào kháng chiến khắp vùng tạm bị chiếm, vùng du kích và vùng tự do căn cứ địa. Các tỉnh ủy viên trực tiếp xuống họp bàn với các huyện ủy chỉ đạo thực hiện các chủ trương chống địch lấn chiếm khu vực căn cứ địa, đánh tháp canh địch, tiêu diệt bọn biệt kích, đẩy mạnh công tác địch nguy vận, Cao Đài vận, chống địch thu thuế và bắt lính trong vùng tạm bị chiếm. Đến cuối năm 1952, 100 % các xã ở Gia Ninh đều có chi bộ Đảng, trong đó chi bộ nhiều nhất có 28 đảng viên (Tân An Hội, Hóc Môn), ít nhất có 4 đảng viên (An Phú Tây, Trung Huyện)¹. Đánh giá công tác xây dựng chi bộ Đảng trong năm 1952, Tỉnh ủy Gia Ninh nhấn mạnh: “1- Các chi bộ vùng bị chiếm như Gò Vấp, Trung Huyện và một phần ở Hóc Môn, Đức Hòa Thành, đã củng cố được tổ chức Đảng và đảm bảo một phần công tác xây dựng cơ sở quần chúng, đào tạo cán bộ bí mật song song với việc đưa những chi ủy lý hương về xã. 2- Các xã thuộc vùng du kích như Đức Hòa Thành, Hóc Môn, các chi ủy chi bộ bám sát địa phương, kiên quyết chiến đấu chống càn quét lấn chiếm có kết quả. 3- Các xã ở vùng căn cứ như Dương Minh Châu và một số xã ở Đức Hòa Thành đã chinh đốn được sự sinh hoạt tiểu tổ Đảng, lẻ lỏi làm việc lãnh đạo đối với các ngành quân, dân, chính”².

Tại Mỹ Tho, song song với việc tập trung lãnh đạo nhân dân thực hiện hai nhiệm vụ chính là sản xuất và đánh giặc, Tỉnh ủy chú trọng đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống tổ chức Đảng các cấp trong toàn Đảng bộ, nâng cao chất lượng chính trị và năng lực lãnh đạo của các chi bộ xã. Trong năm 1952, tính chung trong toàn tỉnh đã củng cố được tổ chức Đảng ở 80 xã. Riêng huyện Vàm Cỏ củng cố được 9 chi bộ ở 9 xã: Bình Lập, Vĩnh Công, Bình Quới, Bình Định, An Nhứt Tân, Đức Tân, Hiệp Thạnh, Phước Tân Hưng, Bình Tân. Huyện Thủ Thừa củng cố chi bộ và chi ủy được 10 xã: Mỹ Lạc Tây, Nhị Phú, Mỹ Tân, Tân Hương, Lợi Bình Nhơn, Bình Phong Thạnh, thị trấn Thủ Thừa, An Khánh, Bình Đức, Nhị Thành³.

*

*

*

¹ Tỉnh ủy Gia Ninh: Báo cáo tình hình công tác xây dựng Đảng năm 1952, Lưu trữ Bộ Quốc phòng, phòng tỉnh Gia Ninh, hồ sơ 01, tờ 11

² Tài liệu đã dẫn, tờ 55, 56

³ Biên bản Hội nghị Tỉnh ủy Mỹ Tho ngày 20-10-1952, lưu trữ Trung ương Đảng, phòng Trung ương Cục miền Nam, TUMT, cặp 1952, tờ 1,2

Trong lúc các cấp ủy Đảng đang nỗ lực lãnh đạo nhân dân Tỉnh ủy nghị quyết Hội nghị Phân liên khu ủy thì ở miền Đông Nam bộ bất ngờ xảy ra một thiên tai lớn. Tháng 10-1952, một cơn bão lớn chưa từng có bất ngờ ập đến miền Đông Nam bộ. Bão kéo dài, nước sông suối dâng lên đột ngột, gây nên nạn úng lụt nghiêm trọng. Trận bão lụt gây nên những tổn thất rất lớn cho cả ta và địch, đặc biệt địa bàn các tỉnh Thủ Biên, Gia Ninh, Bà Chợ, vùng Đồng Tháp Mười. Đối với địch, 18 đồn, 15 tháp canh ở Thủ Biên bị hư sập, 500 lính nguy bị chết đuối. Đường giao thông bộ (số 1, số 10, số 13, số 19, số 16, số 20, số 24), đường giao thông sắt, cầu La Ngà, cầu Bến Lức, vườn cây cao su bị hư hại nặng. Riêng ở Thủ Biên, hơn 1 triệu cây cao su bị tróc gốc, thiệt hại hơn 35% tài sản vườn cây (tính ra hơn 4 tỷ bạc Đông Dương ngân hàng)¹. Với ta, trận bão lụt đã tàn phá hầu hết mùa màng, làm sập hàng ngàn nóc nhà, doanh trại, kho tàng, cuốn trôi hoặc làm hư hỏng hàng chục ngàn tấn lương thực, thực phẩm, vải vóc, thuốc men, văn phòng phẩm, đồ dùng quân sự. Trong các cơ quan dân chính đảng, các đơn vị bộ đội, nạn đói diễn ra từng ngày một. Kéo theo sau bão lụt là bệnh tật. Có đơn vị bộ đội quân số nghỉ ốm chiếm hơn 50%. Lợi dụng khó khăn của ta, thực dân Pháp đưa lực lượng hành quân bao vây, càn quét, đóng thêm đồn bót, lấn sâu vào khu căn cứ địa của ta, chặn các ngã đường tiếp tế lương thực, bắc loa gọi hàng, tuyên truyền chiêu dụ đồng bào cán bộ kháng chiến trở về vùng địch hậu. Không ít cán bộ không chịu nổi khó khăn đã trở về thành đầu hàng giặc.

Trước những khó khăn do thiên tai và địch họa gây ra, Thường vụ Trung ương Cục đã kịp thời chỉ đạo các địa phương khẩn trương khắc phục hậu quả và chủ động đánh địch, bảo vệ lực lượng kháng chiến, bảo vệ nhân dân, đồng thời kêu gọi đồng bào khắp nơi quyên tế cứu đói đồng bào vùng bị bão lũ. Phân liên khu ủy miền Đông cử cán bộ về 5 tỉnh để trực tiếp chỉ đạo việc khắc phục hậu quả. Phân liên khu ủy và Tỉnh ủy các tỉnh đã chỉ đạo thành lập từng đoàn cán bộ quân dân chính đến thăm những gia đình có người thân bị chết và bị thiệt hại tài sản, vận động đồng bào ở vùng đô thị, vùng nông thôn tạm bị chiếm ít bị ảnh hưởng bởi trận bão lụt tương trợ đồng bào, cơ quan, bộ đội trong căn cứ; mặt khác chỉ đạo thành lập các đoàn vận tải về Đồng Tháp Mười chở gạo, cá khô lên miền Đông để cứu đói kịp thời. Phân liên khu ủy và Tỉnh ủy các tỉnh còn chỉ đạo các cơ quan quân dân chính, các đơn vị vũ trang thực hiện phong trào tăng gia sản xuất, trồng cây lương thực và cây hoa màu ngắn ngày, nuôi gà heo vịt. Tỉnh ủy Thủ Biên đề ra chỉ tiêu: mỗi cán bộ cơ quan dân chính đảng tự túc 6 tháng lương thực/năm, bộ đội tự túc 4 tháng/năm. Tăng gia sản xuất trở thành nghĩa vụ bắt buộc với tất cả mọi người.

¹ Báo cáo chung niên năm 1952 của Ủy ban kháng chiến hành chính Nam bộ, Lưu trữ Bộ quốc phòng, hồ sơ 50, phòng Nam bộ, tờ 8

Đồng thời, ngay sau khi trận bão lụt xảy ra, triển khai chủ trương của Thường vụ Trung ương Cục, Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông chỉ thị cho các đơn vị vũ trang tập trung, các tỉnh đội khẩn trương củng cố xây dựng căn cứ đứng chân, phòng tránh địch tấn công và chủ động tấn công địch khi có điều kiện thuận lợi nhằm chống phá o ép của địch. Riêng ở Thủ Biên, ngay sau trận bão chấm dứt, tiểu đoàn 303 cùng lực lượng vũ trang địa phương tổ chức thắng lợi trận tiến công đồn Bền Sắn tiêu diệt 1 đại đội lính ngự, thu 70 súng các loại, hàng tấn đạn dược, đồ dùng quân sự và hơn 1 tấn gạo.

Trong 3 tháng cuối năm 1952, quân và dân miền Đông Nam bộ đã nỗ lực khắc phục hậu quả trận bão lụt, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, chủ động tiến công địch khắp nơi. Tiểu đoàn chủ lực 302 của Phân liên khu đưa một đại đội lên hoạt động ở địa bàn giáp biên giới Việt Nam – Campuchia, hạ nhiều đồn bót địch, góp phần mở rộng vùng căn cứ Đông Bắc Campuchia. Tiểu đoàn 303 Thủ Biên phối hợp với đại đội bộ đội địa phương các huyện Tân Uyên, Bền Cát, Châu Thành, Hớn Quản, Vĩnh Cửu diệt hàng loạt đồn bót ở Lai Uyên, Bền Tranh, Bền Thế, Tương Bình Hiệp, Bà Miêu, Trảng Bom, Suối Sỏi. Tiểu đoàn 306 Gia Ninh cùng bộ đội địa phương và du kích các huyện Trảng Bàng, Đức Hòa Thành, Dương Minh Châu diệt một số đồn bót địch trên dọc đường 22, phục kích và chống càn thắng lợi ở Bời Lời, Vên Vên, Trà Vông. Tiểu đoàn 300 Bà Chợ liên tục chặn đánh lực lượng biệt kích Ngụy ở căn cứ Phú Mỹ, Hắc Dịch, Long Điền, Xuyên Phước Cơ, tập kích căn cứ quân sự Pháp tại thị xã Vũng Tàu.

Hai năm 1951, 1952 là quãng thời gian đặc biệt khó khăn đối với Đảng bộ và nhân dân miền Đông Nam bộ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Kẻ thù dốc mọi nỗ lực hòng giành thắng lợi trên mặt trận bình định bằng cả các thủ đoạn quân sự, chính trị, kinh tế. Bình tĩnh và sáng suốt, các cấp bộ Đảng ở miền Đông Nam bộ đã chỉ đạo sắp xếp lại chiến trường, tổ chức lại lực lượng, tạo điều kiện chủ động mọi mặt cho các địa phương; đồng thời đề ra những chủ trương, nhiệm vụ sát hợp với sự ứng phó có hiệu quả mọi thủ đoạn bao vây chia cắt của địch và những khó khăn do thiên tai đem lại, giữ vững phong trào du kích chiến tranh ở cả ba vùng kháng chiến. Một lần nữa, bản lĩnh của các cấp bộ Đảng ở miền Đông Nam bộ được tôi luyện trong gian nan thử thách. Mỗi cán bộ, đảng viên ở miền Đông tích lũy thêm những bài học kinh nghiệm xương máu cho chặng đường lịch sử tiếp theo: giai đoạn kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

II. LÃNH ĐẠO KHÔI PHỤC PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN, ĐẨY MẠNH CHIẾN TRANH DU KÍCH PHỐI HỢP VỚI CHIẾN TRƯỜNG CẢ NƯỚC TRONG CHIẾN CUỘC ĐÔNG XUÂN 1953-1954

1. Lãnh đạo uốn nắn những lệch lạc trong thực hiện phương châm vùng kháng chiến và công tác tôn giáo vận

Sang năm 1953, sau thắng lợi của quân và dân ta trong chiến dịch Tây Bắc mùa đông năm 1952 và chiến dịch Thượng Lào mùa xuân năm 1953, kế hoạch “phản công quyết liệt, bình định gấp rút” của thực dân Pháp bị phá sản. Cục diện chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương chuyển biến mạnh mẽ và khẩn trương theo chiều hướng ngày càng bất lợi cho thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Để tăng cường lực lượng cho chiến trường chính, chúng buộc phải liên tiếp rút bớt quân ở Nam bộ ra Trung bộ và Lào. Lực lượng Âu Phi ở Nam bộ chỉ còn 3 tiểu đoàn. Để bù vào lỗ hổng về quân số, Pháp ép Chính phủ Bảo Đại ban hành lệnh động viên, đẩy mạnh việc bắt lính, xây dựng gấp rút các đơn vị nguy quân, các tổ chức vũ trang giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo. Các đơn vị mới thành lập này cộng chung lên tới 12 Tiểu đoàn nhưng khả năng chiến đấu yếu, không có kinh nghiệm và tinh thần sút kém. Với số quân trên, chúng không thể dàn trải mà bố trí tập trung ở đô thị, các đường giao thông quan trọng và xung quanh khu vực căn cứ địa của ta. Từ các vị trí này, chúng tổ chức nhiều cuộc càn quét nhỏ nhằm mục đích tiêu diệt cơ quan đầu não, tiêu hao bộ đội chủ lực và phá kinh tế của ta.

Đầu năm 1953, tại chiến khu Dương Minh Châu, Phân liên khu ủy miền Đông họp Hội nghị mở rộng (bao gồm Bí thư Tỉnh ủy các tỉnh, Chính trị viên các Tiểu đoàn chủ lực, Tiểu đoàn tập trung các tỉnh và các ban ngành trực thuộc) nhằm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 1952, đặc biệt vấn đề khắc phục hậu quả trận bão lụt và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm tới. Ngay sau Phân liên khu ủy miền Đông mở rộng, cũng tại chiến khu Dương Minh Châu, Ủy ban kháng chiến Hành chính họp để triển khai nghị quyết của Trung ương Cục, đề ra kế hoạch nhiệm vụ năm 1953. Hội nghị nhận định: “Âm mưu của giặc Pháp trong năm 1953 là tích cực “bình định” vùng địch hậu, càn quét lần chiếm bóp hẹp căn cứ của ta; ráo riết bắt lính, xây dựng quân đội bù nhìn, dùng mọi thủ đoạn bóc lột nhân dân; đề cao độc lập giả hiệu, chia rẽ dân tộc, đầu độc lối sống nhân dân, tích cực chiêu hàng, phát triển gián điệp... Tuy bị kẹt trên chiến trường chính, phải rút bớt quân ở Nam bộ đi, nhưng lực lượng địch còn tương đối khá. Ta gặp nhiều khó khăn, nhất là hậu quả nạn bão lụt ở miền Đông. Do

đó địch sẽ thu được nhiều kết quả về bình định vùng du kích, lấn chiếm căn cứ, bắt nhiều lính, vơ vét nhiều tiền của”¹.

Từ nhận định trên, Hội nghị đề ra nhiệm vụ trong năm 1953 là: tăng cường công tác địch hậu; phát triển du kích chiến tranh, tiêu hao tiêu diệt sinh lực nhỏ của địch, chống và phá càn quét lấn chiếm, chống gián điệp biệt kích, đẩy mạnh và tăng cường sản xuất tiết kiệm, tăng thu giảm chi, thống nhất quản lý tài chính, chấn chỉnh mậu dịch, quản lý chặt chẽ xuất nhập khẩu (ở vùng độc lập) để bồi dưỡng sức dân, đồng thời đẩy mạnh giáo dục văn hóa, chính trị cho nhân dân để tranh thủ đoàn kết dân tộc.

Về Đảng, Hội nghị cho rằng, trong thời gian qua “thành phần Đảng bộ rất phức tạp, lại ít được giáo dục nên còn tư tưởng phi vô sản. Những bệnh tật như thiếu ý thức giai cấp, thiếu quan điểm nhân dân, thiếu tinh thần trách nhiệm, tự do vô kỷ luật phổ biến. Nhất là sau bão lụt địch dồn ta vào căn cứ nhỏ hẹp, cán bộ, chiến sĩ, nhân dân nhiều nơi thiếu ăn, thiếu mặc, đau ốm không thuốc men ở đơn vị cũng như cơ quan, có tư tưởng hoang mang, cầu an, dao động, sợ khó khăn gian khổ, bất mãn, không an tâm công tác, thắc mắc nội bộ, thậm chí có đội viên âm mưu ám sát cán bộ, tham ô, ăn cắp vặt lẫn nhau, thành kiến với chính trị viên. Trong số 800 học viên ở Đức Hòa Thành (Gia Ninh), có trường hợp cả tổ tam tam **ché đào nhũ** (Tiểu đoàn 303 và Tiểu đoàn 306)... Cho nên để đảm bảo cho sự thực hiện nhiệm vụ, cần phải chỉnh quân, chỉnh Đảng, ngoài việc học tập thường xuyên chủ trương, chính sách, kiểm thảo công tác, mở lớp chỉnh huấn nhằm rèn luyện ý thức giai cấp, quan điểm bạn thù, lập trường trường kỳ, gian khổ, tự lực cánh sinh, đề cao ý thức phục tùng tổ chức và kỷ luật, tinh thần trách nhiệm”².

Kết quả đợt đẩy mạnh tăng gia sản xuất của năm 1952 đã cho một vụ màu bội thu. Đời sống nhân dân, cán bộ, bộ đội được nâng lên rõ rệt. Quân Pháp đang rút bớt một số đơn vị cơ động ứng chiến ra chiến trường Bắc bộ. Các cấp ủy Đảng ở miền Đông Nam bộ đang nỗ lực triển khai nghị quyết của trên, chỉ đạo các địa phương, các đơn vị bộ đội phát triển phong trào du kích chiến tranh, mở rộng vùng căn cứ kháng chiến.

Tháng 3-1953, Phân liên khu ủy miền Đông, tỉnh ủy các tỉnh chính triển khai quán chính triệt nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai (Khóa II) “Về nhiệm vụ và phương châm công tác trong vùng bị tạm chiếm và vùng du kích”. Nghị quyết đánh

¹ Ủy ban kháng chiến Hành chính Nam Bộ gửi Trung ương Đảng về tình hình Nam Bộ năm 1953, hồ sơ 50, phòng Nam Bộ, Kho lưu trữ Bộ Quốc phòng.

² Tài liệu đã dẫn, tờ 16, 17

giá, trong những năm qua phong trào vùng bị tạm chiếm và vùng du kích đang trải qua một thời kỳ khó khăn hơn. Sở dĩ như vậy là do ta thiếu một chủ trương toàn bộ, chuyên hướng không kịp thời, chủ trương máy móc và nhất loạt, không biết bảo vệ lực lượng, chưa biết lấy dân làm gốc. Từ đó nghị quyết nhấn mạnh “công tác trong vùng bị tạm chiếm và vùng du kích là một công tác trọng yếu của Đảng, nhằm mục đích phá tan chính sách của địch lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt. Công tác ấy có 3 việc chính: “Dân vận, vận động nguy binh, phát triển chiến tranh du kích”¹. Đồng thời đề ra phương châm và nhiệm vụ chung cho công tác ở vùng bị tạm chiếm và vùng du kích bao gồm các nội dung: tuyên truyền tổ chức, lãnh đạo đấu tranh, giữ gìn lực lượng và tăng cường lãnh đạo của Đảng. Để có phương châm phù hợp với tính chất từng đặc điểm từng loại vùng, nghị quyết chỉ rõ cần phải phân biệt sự khác nhau giữa vùng tạm bị chiếm và vùng du kích. “Vùng tạm bị chiếm là những nơi tạm thời địch kiểm soát hoàn toàn”. “Vùng du kích là những vùng địch và ta giằng co, sự đấu tranh ở đây rất ác liệt và phức tạp”² (2. Sdd, tr.102, 193, 104). Từ đó đề ra phương châm và nhiệm vụ cụ thể cho từng vùng.

Đối với vùng tạm bị chiếm, đó là: “a) Xây dựng và phát triển cơ sở là chính, chú trọng tích trữ lực lượng, đón cơ hội tốt mà hành động, đấu tranh chính trị và kinh tế là chính. b) Nắm tề và lợi dụng tề (phải hết sức cẩn thận và hỏi ý kiến cấp trên). c) Lợi dụng mọi tổ chức của địch, mọi khả năng hợp pháp để giác ngộ quần chúng, tập hợp và lãnh đạo quần chúng đấu tranh với địch, kết hợp với việc lợi dụng các tổ chức của địch và các hình thức hợp pháp với việc tổ chức và củng cố các tổ chức trung kiên và bí mật của ta. Hoạt động hợp pháp là chính. d) Đến khi có điều kiện thì lãnh đạo nhân dân chuyển lên đấu tranh vũ trang. Ở vùng quan trọng và ở vùng thôn quê thường, điều kiện ấy khác nhau. Tránh manh động, tránh trừ gian bừa bãi”².

Đối với vùng du kích, đó là: “a) Phát động, giữ vững và đẩy mạnh đấu tranh vũ trang. b) Kiên quyết trừ gian, phá tề nhưng không bừa bãi. c) kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và kinh tế, dùng đủ mọi hình thức để lãnh đạo nhân dân đấu tranh với địch, bảo vệ tính mệnh, tài sản, chống giặc giữ làng. Trong điều kiện cần thiết, ở những nơi cơ sở ta còn yếu, có thể lợi dụng các tổ chức của địch để lãnh đạo nhân dân đấu tranh. Đấu tranh vũ trang là chính. d) Tiến tới mở rộng vùng du kích, xây dựng căn cứ du kích. đ) Nếu lực lượng của địch mạnh quá, thì ta có thể tạm thời thu hẹp vùng du kích và chuyển hướng đấu tranh xuống hình thức thấp hơn”³.

¹ Văn kiện Đảng về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Nxb Chính trị Quốc gia, Sự thật, 1988, tập 2 (1951-1954), tr. 100 - 101

² Sdd, tr. 102, 103, 104

³ Sdd, tr. 102, 103, 104

Tuy nhiên, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 cũng nhắc nhở: “Áp dụng phương châm và thực hiện nhiệm vụ cần phải linh hoạt, không máy móc”. Nghị quyết còn chỉ rõ, để thực hiện phương châm, nhiệm vụ trong từng vùng một có hiệu quả, cần “củng cố tổ chức của Đảng, tăng cường sự chỉ đạo của Đảng”. “a) Trong vùng tạm bị chiếm cũng như trong vùng du kích, tổ chức của Đảng cần trọng chất hơn lượng, chặt chẽ, gọn gàng, thích hợp với nguyên tắc bí mật, luôn luôn kiểm tra nội bộ một cách nghiêm ngặt để đề phòng bọn khiêu khích, gián điệp của địch. b) Cán bộ của Đảng cần được giáo dục, rèn luyện. Phải chọn lọc những đồng chí kiên quyết trung thành, chịu đựng được gian khổ, gần gũi nhân dân, giữ vững chủ trương, chính sách trong mọi hoàn cảnh. Đặc biệt những cán bộ phải vào hoạt động trong tổ chức của địch thì lại cần phải chọn lọc kỹ lưỡng hơn, ngoài điều kiện trung thành lại phải có lập trường chính trị vững chắc. Cần phải luôn luôn chú ý bồi bổ giáo dục cho cán bộ. c) Sự chỉ đạo công tác trong vùng tạm bị chiếm và vùng du kích phải đi sát với dân, theo dõi tình hình ta và địch, hiểu rõ và đoán trước mưu mô của địch để đối phó cho linh hoạt và cho kịp thời. Không những phải theo dõi tình hình chung mà phải theo dõi những mưu mô thủ đoạn cụ thể của địch, để chỉ đạo cụ thể. Không để xảy ra tình trạng địch đã dùng chủ trương và thủ đoạn mới, mà ta thì vẫn cứ đối phó bằng chủ trương và kinh nghiệm cũ. Nhận rõ công tác vùng bị tạm chiếm và vùng du kích gồm có nhiều mặt và các mặt có liên quan chặt chẽ với nhau. Cho nên cần nắm vững những chủ trương chung rồi kết hợp mật thiết các mặt đấu tranh quân sự, kinh tế, chính trị. Lại phải nắm vững trọng tâm của cuộc đấu tranh trong mỗi nơi, mỗi lúc. Tăng cường chỉ đạo thống nhất quân, dân, chính. Kịch liệt chống đối lối làm việc quan liêu. Trên dưới phải thấu suốt. Trên phải đi sát với cấp dưới. Kiên quyết theo đúng nguyên tắc bí mật. kiên quyết đấu tranh với địch, giữ vững và củng cố mỗi một thắng lợi lớn hay nhỏ, giữ vững và củng cố cơ sở.”¹.

Sau khi quán chính triệt nội dung nghị quyết Trung ương về nhiệm vụ và phương châm công tác trong vùng tạm bị chiếm và vùng du kích, các địa phương chính triển khai việc phân loại vùng và áp dụng nội dung thực hiện trong từng vùng. Tỉnh nào cũng xác định có 3 vùng kháng chiến: căn cứ, du kích và tạm bị chiếm. Tuy nhiên, do quán triệt không đầy đủ các tiêu chí phân loại vùng, nhiều nơi đã hạ thấp mức độ vùng kháng chiến, chuyển vùng du kích xuống vùng căn cứ, vùng du kích xuống vùng tạm bị chiếm. Từ đó chuyển hướng công tác theo chiều hướng hữu khuynh. Vùng căn cứ bị thu hẹp, bộ đội chủ lực, bộ đội tập trung và các cơ quan kháng chiến tập trung về căn cứ địa, mật độ dày đặc trong lúc công tác cung ứng hậu

¹ Sđd, tr. 113, 114.

cần kỹ thuật không đáp ứng nổi. Trong lúc đó, ở vùng du kích hoạt động vũ trang giảm sút. Ở một số nơi, các cơ quan xã đội bị giải tán, du kích xã chuyển thành du kích mật, cán bộ quân sự chuyển sang làm công tác dân vận, địch nguy vận. Ở vùng tạm chiếm tình hình càng “im ắng” hơn, cán bộ phần đông cố thủ, chờ đợi thời cơ. Do lệch lạc theo chiều hướng hữu khuynh của một số địa phương như đã trình bày trên đây, thực dân Pháp được rảnh rang đối phó ở vùng chúng kiểm soát, tập trung quân áp sát, vây lấn, đánh phá vùng du kích và vùng căn cứ của ta. Tại Mỹ Tho, địch lần chiếm, lập được một số ban tề xã ở Nam vùng kinh Nguyễn Văn Tiếp. Bộ đội địa phương các huyện Châu Thành, Thủ Thừa bị tổn thất do chỉ lo di chuyển tránh địch. Tiểu đoàn 309 phải phân tán thành nhiều trung đội bám trụ trong căn cứ. Tại Bà Chợ, địch chiếm được phần lớn căn cứ Phú Mỹ, khai thông đường xuyên Quốc lộ 15 Sài Gòn – Vũng Tàu. Tại Gia Ninh, chúng đóng bót sâu vào căn cứ Tân Mỹ - Bình Lý, kiểm soát nhiều vùng rộng lớn từ bắc Hóc Môn lên Châu Thành, sang vùng Đức Hòa, ngăn chặn tuyến vận tải Kinh Bảo Đại – Dương Minh Châu của ta. Tại Thủ Biên, địch đóng thêm nhiều đồn, bót dọc đường 16, không chừa hai bàn đạp quan trọng của chiến khu Đ ở Vĩnh Lợi và bắc Lái Thiêu, khai thông tỉnh lộ 14 nối liền Thủ Dầu Một với Dầu Tiếng, bao vây lấn dần phía nam và phía tây căn cứ Long Nguyên, Thanh Tuyền, Thanh An, Tân An Điền, Bến Cát.

Thực tiễn chiến trường đặt ra một yêu cầu bức xúc: chấn chỉnh lại việc tổ chức lực lượng ở các vùng, đẩy mạnh hoạt động tiến công địch nhằm giải tỏa các khu vực căn cứ địa, từng bước giành lại thế chủ động cả ba vùng kháng chiến. Trong hai ngày 24, 25/4/1953, Phân liên khu ủy miền Đông họp Hội nghị mở rộng nhằm kiểm điểm, kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ 3 tháng đầu năm, đặc biệt hoạt động lãnh đạo chuyển hướng công tác vùng và đề ra nhiệm vụ trong các tháng tiếp theo. Hội nghị đã đánh giá những ưu điểm trong quá trình chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ như chuyển hướng tổ chức và hoạt động đúng với phương châm công tác vùng du kích và vùng tạm bị chiếm, lấy dân vận làm gốc, phổ biến chính sách Cao Đài, Hòa Hảo vận, chỉnh huấn; cứu tế, chấn tế. Bên cạnh những kết quả đã thu được, Hội nghị đã phê phán những khuyết điểm theo chiều hướng hữu khuynh trong thực hiện xác định tính chất vùng kháng chiến, trong chuyển hướng thực hiện công tác ở vùng tạm bị chiếm, vùng du kích. Nghị quyết Hội nghị chỉ rõ, chúng ta đã “chuyển hướng về tổ chức để chuyển hướng về hoạt động chưa thống nhất, chưa quan niệm rõ nhiệm vụ bộ đội địa phương và nhiệm vụ chiến lược trong phát triển du kích chiến tranh. Bộ đội địa phương về xã là để phát động du kích chiến tranh (dù dặt về chiến thuật, giúp đỡ về kỹ thuật, phân

tán tập trung đúng mức) chứ không phải về làm du kích xã”¹. Chúng ta đã “chuyển hướng chưa đều, có nơi phạm sai lầm nặng về địch nguy vận, nhẹ phát triển du kích chiến tranh, chưa chủ trương đúng mức việc chống địch càn quét, đột kích vùng du kích, gom dân vùng ven căn cứ”².

Ngay sau Hội nghị, Phân liên khu ủy cử cán bộ tổ chức thành năm đoàn công tác về các địa phương để chỉ đạo uốn nắn những lệch lạc trong chỉ đạo thực hiện công tác vùng kháng chiến.

Tại Hội nghị kiểm điểm tình hình chỉ đạo thực hiện công tác vùng do Tỉnh ủy Mỹ Tho tổ chức (tháng 5-1953), đồng chí Trần Văn Trà đại diện Thường vụ Phân liên ủy miền Đông đã “phân tích, phê phán mạnh những sai lầm hữu khuynh co thủ đang tồn tại trong Tỉnh ủy”. Hội nghị đầu năm 1953 của Tỉnh ủy Mỹ Tho đã xác định “trong toàn tỉnh không còn vùng tự do, chỉ còn vùng du kích và vùng tạm bị chiếm; từ đó đề cao kinh nghiệm đấu tranh hợp pháp của vùng 3 huyện Gò Công, Chợ Gạo, Vàm Cỏ, không chú trọng đấu tranh vũ trang, phân tán bộ đội đi sản xuất và công tác phục vụ cơ sở trong 6 tháng đầu năm 1953, thay đổi tổ chức các mặt trận”². Tỉnh ủy đã quyết nghị uốn nắn lệch lạc, tổ chức lại lực lượng “xây dựng ý thức chủ động tiến công sẵn sàng nắm thời cơ, quán triệt lại phương châm 3 vùng”.

Tỉnh ủy Gia Ninh tổ chức Hội nghị kiểm điểm thực hiện công tác vùng, đồng chí Phạm Hùng, Bí thư Phân liên khu ủy tham dự. Hội nghị chỉ rõ các sai sót: 1) Chiến đấu quân sự đơn thuần, đánh được thì đánh, không đánh được thì rút, quân dân chính thiếu kế hoạch toàn diện huy động toàn dân trong chống càn. 2) Hướng chiến đấu của bộ đội nặng về phòng thủ căn cứ, chiến đấu đơn độc, thiếu liên kết với địa phương để đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích nói chung. 3) Chưa nắm vững tinh thần ở vùng du kích là chiến trường chính, nơi phải huy động nhân dân để tiến lên vũ trang. 4) Có hiện tượng thủ tiêu chiến đấu, không lãnh đạo nhân dân chống càn, chống lấn chiếm để cho địch lấn chiếm mau lẹ (Bờ Lòi). 5) Có nơi tuy chiến đấu giằng co với địch nhưng chỉ nặng đấu tranh vũ trang nên dễ bị địch đàn áp (Bình Lý, Tân Mỹ, Hóc Môn). Đồng chí Phạm Hùng chỉ thị các cấp ủy Đảng ở Gia Ninh cần khẳng định lại ý thức luôn luôn tiến công địch, thúc đẩy du kích chiến tranh là nhằm đẩy địch vào thế bị động, giành thế chủ động cho ta”; xác định lại tính chất vùng kháng chiến để tổ chức lực lượng và thực hành cho phù hợp, hiệu quả.

^{1, 2} Công tác Đảng, công tác chính trị lực lượng vũ trang Quân khu 7, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, Quân đội nhân dân, 2000, tập 1 (1945-1954), tr.300, 301, 309, 296

² Sđd, tr.296

Tỉnh ủy Thủ Biên họp Hội nghị vào cuối tháng 5-1953 tại Chiến khu Đ. Nội dung Hội nghị chủ yếu tập trung rút kinh nghiệm trong chỉ đạo thực hiện công tác 3 vùng, đặc biệt là vùng du kích, vùng tạm bị chiếm. Xuất phát từ thực tế ngày càng có nhiều xã “ly hương”, Tỉnh ủy Thủ Biên quyết nghị xác định phân chia lại các vùng theo hướng nâng tính chất vùng một số khu vực từ tạm bị chiếm lên du kích, từ du kích lên căn cứ, bố trí lại lực lượng ở vùng yếu, đặc biệt ở nhiều xã thuộc các huyện Long Thành, Vĩnh Cửu, Lái Thiêu, Bến Cát. Hội nghị đề ra chủ trương: Kiên quyết giữ những vùng du kích, đưa hoạt động vũ trang vào vùng yếu, vùng tạm bị chiếm, tăng cường công tác địch ngụy vận, phòng gian bảo mật, bảo vệ căn cứ địa của tỉnh và của từng huyện.

Tỉnh ủy Bà Chợ họp Hội nghị cán bộ tại căn cứ khu Tây (từ 25 đến 27-5-1953) nhằm đánh giá lại thực trạng, tìm ra biện pháp khắc phục khó khăn, phục hồi và phát triển phong trào kháng chiến. Hội nghị quán triệt lại phương châm 3 vùng, đánh giá đúng thực chất để phân loại vùng, tăng cường lực lượng vũ trang về hoạt động ở vùng du kích và vùng tạm bị chiếm. Hội nghị cũng quyết nghị đẩy mạnh công tác dân vận, công tác địch ngụy vận trong vùng tạm bị chiếm và vùng du kích; đề ra biện pháp có tính hiệu quả nhằm kết hợp chặt chẽ sự lãnh đạo của tỉnh với vai trò thường trực của các cơ quan quân dân chính đảng. Với riêng thị xã Vũng Tàu, Hội nghị Tỉnh ủy chỉ đạo thành lập đội vũ trang tuyên truyền, dựa vào các cơ sở trong thị xã để hoạt động tuyên truyền và tác chiến quấy rối địch.

Chấp hành sự chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam, của các cấp ủy Đảng ở miền Đông Nam bộ và chỉ thị của Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông, quân và dân miền Đông Nam bộ nỗ lực khắc phục những biểu hiện lệch lạc, đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, từng bước giành lại thế chủ động tiến công địch trên các chiến trường.

Từ các căn cứ địa, các đơn vị tập trung bung ra, tổ chức chức hàng loạt trận đánh ở vùng ven căn cứ, ở vùng du kích và áp sát vùng tạm bị chiếm. Các Tiểu đoàn chủ lực 302, 304 phục kích địch trên Quốc lộ 13 (khu vực Tân Long), hai lần chống càn ở Đức Hòa Thành, diệt tổng cộng 175 tên địch, tập kích đồn Bến Sỏi, diệt 95 tên. Tiểu đoàn 309 đánh địch ở Kinh Bù, diệt gần 2 đại đội địch, tập kích diệt 3 đồn địch ở Cái Bè. Tiểu đoàn 303 đánh giao thông địch trên Quốc lộ 20, Quốc lộ 1, diệt nhiều đồn bót ở Châu Thành, Vĩnh Cửu, Hớn Quản. Tiểu đoàn 306 diệt 3 đồn cấp đại đội, 3 tháp canh cấp trung đội, bức rút 16 tháp canh khác. Tiểu đoàn 300 phục kích trên Quốc lộ 15, chống càn ở Phú Mỹ, Long Điền, bức rút nhiều bót, tháp canh địch trên đường số 2, khu vực các đồn điền cao su. Tính chung, trong 4 tháng (7,8,9,10) năm

1953, lực lượng vũ trang ở miền Đông Nam bộ đã đánh tổng cộng 228 trận, trong đó 110 trận ở vùng du kích¹.

Các Tỉnh ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác địch hậu. Hàng chục đội công tác (quân dân chính) cùng với các đội vũ trang tuyên truyền đi về các vùng sâu xây dựng lại chính quyền cách mạng, lực lượng vũ trang, hệ thống cơ sở, củng cố lại các chi bộ, phục hồi phong trào du kích chiến tranh. Nhiều vùng du kích cũ được phục hồi ở Gia Ninh, Thủ Biên, Mỹ Tho. Nhiều vùng tạm bị chiếm phát triển thành vùng du kích, nối liền hoàn với các vùng khác trong toàn tỉnh. Ở Mỹ Tho, các xã vùng nam kinh Nguyễn Văn Tiếp lên đến lộ 16A, vùng tả ngạn sông Tiền trở thành vùng du kích mạnh. Công tác địch ngụy vận được đẩy mạnh và thu được nhiều kết quả. Ngoài việc làm nội ứng, binh lính ngụy đào ngũ ngày càng nhiều, đặc biệt ở Mỹ Tho, Gia Ninh, Thủ Biên. Trong nội đô thị xã Vũng Tàu và các tỉnh, ly, huyện ly, khác, lực lượng biệt động tập kích nhiều căn cứ địch, đốt kho xăng, phá máy móc, kho tàng gây cho địch nhiều thiệt hại. Phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân các đô thị chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, chống chính phủ bù nhìn Bảo Đại và luận điệu “quốc gia” của nhóm trí thức ôm chân xâm lược, làm cho thực dân Pháp phải liên tục đối phó.

Đồng thời, tại các vùng độc lập, vùng căn cứ, Tỉnh ủy các tỉnh và Phân liên khu ủy miền Đông chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tiết kiệm, tăng thu giảm chi, thống nhất quản lý tài chính, chấn chỉnh mậu dịch, quản lý chặt chẽ xuất nhập khẩu và giáo dục chính trị, văn hóa cho nhân dân. Tuy nhiên có nhiều gia đình bỏ ra vùng bị tạm chiếm và bị địch đánh phá trong những tháng đầu năm, diện tích canh tác của các tỉnh có giảm sút. Tỉnh Mỹ Tho duy trì diện tích canh tác 10.000 mẫu (giảm 20%), tự túc được 6 tháng cho bộ đội, 12 tháng cho cơ quan dân chính. Tỉnh Thủ Biên canh tác 15.318 mẫu (giảm 50%), tự túc được 9 tháng. Tỉnh Bà Chợ canh tác được 1.105 mẫu (giảm 10%), tự túc được 6 tháng. Tính chung toàn Nam Bộ, ngân sách thu được về thuế nông nghiệp là 5.929.125 đồng Việt Nam, 2.358.204 đồng Đông Dương ngân hàng, 1.380.000 giạ lúa, 8.000.000 kg muối; thuế xuất nhập khẩu là 371.459.334 đồng Việt Nam, 11.989.311 đồng Đông Dương ngân hàng; công thương nghiệp là 46.476.473 đồng Việt Nam, 109.789 đồng Đông Dương ngân hàng; lâm sản là 59.428.019 đồng Việt Nam, 24.396 đồng Đông Dương ngân hàng. Trong đó sự ủng hộ của đồng bào vùng tạm bị chiếm ở Mỹ Tho cao gấp 7 lần so với cùng kỳ năm trước².

¹ Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ: Tình hình Nam Bộ năm 1953, lưu trữ Bộ quốc phòng, hồ sơ 50, phòng Nam Bộ, tờ 8

² Tài liệu đã dẫn, Tờ 13, 14

Kiểm điểm kết quả hoạt động tăng gia sản xuất kể từ sau trận bão lụt tháng 10-1952 đến cuối năm 1953, Hội nghị Phân liên khu ủy miền Đông ngày 4-11-1953 đánh giá: “1-Tinh thần chống đói của nhân dân đã lên cao, đã khắc phục được những khó khăn, hàn gắn sự thiếu hụt năm qua sau bão lụt. 2- Đã đẩy mạnh phong trào sản xuất ở các tỉnh trong Phân liên khu, trội nhất là ở Thủ Biên. Phong trào cuộc tay làm ruộng cũng đang phát triển ở tỉnh Thủ Biên, Mỹ Tho; thực hiện được một phần các công trình thủy lợi ở Bà Chợ, Thủ Biên; gây ý thức mạnh việc đặt kế hoạch sản xuất trong từng gia đình ở Gia Ninh, Mỹ Tho, Thủ Biên, Bà Chợ”¹.

Riêng về công tác tôn giáo vận, do lệch lạc hữu khuynh trong thực hiện phương châm vùng kháng chiến, nhiều nơi “án binh bất động” trước hành động càn quét khủng bố dã man của các đơn vị quân đội Cao Đài phản động. Tại Châu Thành, Hóc Môn (Gia Ninh), quân đội Cao Đài của Trịnh Minh Thế thả sức giết hại đồng bào. Chúng bắt một số cán bộ của ta, gửi thư đòi đổi lấy súng; và trong khi Tỉnh ủy chưa kịp trả lời thì chúng đã lần lượt chặt đầu cán bộ thả trôi sông.

Cuối năm 1952, Phân liên khu ủy Miền Đông chỉ thị cho các Tỉnh ủy quán triệt “Nghị quyết về công tác tôn giáo vận” của Trung ương Cục miền Nam. Nghị quyết của Trung ương Cục chỉ rõ: Trong những năm qua thực dân Pháp ra sức mua chuộc lôi kéo đồng bào có đạo vào quỹ đạo của chúng, bọn chức sắc trong Cao Đài, Hòa Hảo đã lợi dụng dụng tôn giáo, dựa vào các thế lực xâm lược để mưu lợi ích riêng, đi ngược lại với đường lối kháng chiến và độc lập dân tộc của Đảng ta. Công tác Cao Đài vận, Hòa Hảo vận do đó, về bản chất là một nội dung của cuộc đấu tranh giai cấp, “cuộc giành giật quần chúng giữa hai thế lực cách mạng và phản cách mạng, không phải tranh chấp giữa cách mạng và đạo”. Vì vậy công tác Cao Đài vận và Hòa Hảo vận cần khắc phục tư tưởng tả khuynh như trong năm 1947 (tảo thanh Cao Đài) cũng như tư tưởng hữu khuynh không dám đánh bọn đầu sỏ phản động Cao Đài, Hòa Hảo hiện nay; phân biệt và phân hóa bọn phản động ôm chân đế quốc với quần chúng tín đồ vốn là những nông dân chất phác và yêu nước; nghiêm trị những tên đầu sỏ phản cách mạng cũng cần đi sâu vào vùng đồng bào có đạo, tuyên truyền vận động, thực hiện tốt chính sách tạm cấp ruộng đất, thiết thực mang lại lợi ích cho bà con nông dân Cao Đài, Hòa Hảo. Tiếp đó, Hội nghị Phân liên khu ủy miền Đông (ngày 24, 25-4-1953) đề ra nhiệm vụ: “1- Theo dõi, rút kinh nghiệm các ưu khuyết điểm vừa qua trong vấn đề Cao Đài, Hòa Hảo vận; 2- Vận động đồng bào Cao Đài, Hòa Hảo vùng địch kiểm soát, dùng hình thức hợp pháp, bán hợp pháp đấu tranh chống gom dân,

¹ Phân liên khu ủy miền Đông: Báo cáo tình hình cải cách ruộng đất từ sau Cách mạng Tháng Tám và tình hình nông thôn hiện nay, Tư liệu Viện Lịch sử Đảng, hồ sơ II3/6/3-3, tờ 75

thuế khóa sưu dịch, chống bắt lính; 3- Xúc tiến mạnh việc xây dựng cơ sở nhân dân trong vùng Hòa Hảo, Cao Đài mở rộng giao thông tiếp vận của ta”¹.

Để triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Trung ương Cục và Phân liên khu ủy, Phân liên khu ủy miền Đông cử cán bộ về từng tỉnh để chỉ đạo thực hiện.

Tại Gia Ninh, đồng chí Phạm Hùng, Bí thư Phân liên khu ủy trực tiếp phổ biến Nghị quyết về tôn giáo vận cho Tỉnh ủy, cử các đồng chí Mười Thạch, Năm Lý, Bộ, Hương, Thế về Tây Ninh làm công tác Cao Đài vận. Tỉnh ủy chỉ đạo trên cơ sở đẩy mạnh rộng khắp công tác vận đồng bào tín đồ Cao Đài, lấy huyện Trảng Bàng và xã Đôn Thuận– Lợi của huyện Trảng Bàng làm huyện điểm và xã điểm, thành lập các đội võ trang tuyên truyền đi vào các đồn bót và khu vực tín đồ ở tập trung (gọi là chu vi đạo) để vận động kêu gọi binh sĩ không đi càn quét cướp phá mùa màng của nhân dân, ủng hộ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Tại Mỹ Tho, Phân liên khu ủy chỉ đạo Tỉnh ủy tập trung kiểm thảo việc thực hiện chính sách địch ngụy vận, tôn giáo vận và đề ra các biện pháp nhằm khắc phục những biểu hiện lúng túng trong công tác Cao Đài vận, Hòa Hảo vận nhằm: “1- Đánh tan định kiến hẹp hòi trước kia của một số cán bộ và nhân dân cho rằng ngụy binh Hòa Hảo, Cao Đài không thể nào vận động được; không thấy rằng hạ tầng binh sĩ là những người dân cày cấy thù Pháp và sở dĩ họ là ngụy binh là vì họ bị ép buộc, gạ gẫm mà thôi. 2- Tranh thủ được sự đồng tình của quần chúng tín đồ và binh sĩ Cao Đài, Hòa Hảo, phá âm mưu chia rẽ, xuyên tạc của giặc. 3- Gây được một phong trào căm thù trong quảng đại nhân dân, nắm được một số tề, bảo an ở vùng tạm bị chiếm, hướng dẫn thanh niên tranh đấu hợp pháp có hiệu quả”².

Tỉnh ủy còn chỉ đạo đề ra các khẩu hiệu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho binh sĩ Cao Đài, Hòa Hảo trở về với kháng chiến³.

¹ Phân liên khu ủy miền Đông: Biên bản Hội nghị tháng 3 (1-2-3) thường lệ và mở rộng 24,25-4-1953, Lưu trữ Trung ương Đảng, phong Nam Bộ, tài liệu 56, tờ 52

² Báo cáo công tác năm 1953 của Tỉnh Đảng bộ Mỹ Tho, lưu trữ Trung ương Đảng, phong Trung ương Cục miền Nam, TUMT, cặp 1953, tờ 63, 64

³ -1- Ai hạ vũ khí đầu hàng thì không giết, không khinh bỉ. Ai muốn về nhà thì cho tiền về, ai muốn tham gia kháng chiến thì hoan nghênh.

2- Ai đem súng đánh lại địch, hay sẵn sàng làm mật giao, nội ứng cho ta để tiêu diệt đồn bót cứ điểm thì căn cứ vào công lao mà khen thưởng.

3- Ai đầu hàng quy thuận kháng chiến thì được đối đãi tử tế và tùy theo ý muốn của họ được giữ lại làm việc hay cho về nhà.

4- Ai trốn về không bí mật làm việc cho giặc, không làm hại nhân dân, chánh phủ không bắt tội mà còn được che chở cho.

5- Gia đình ngụy binh ở vùng tự do hay ở vùng du kích nếu không theo địch làm bậy thì được che chở

Tỉnh ủy các tỉnh Thủ Biên, Bà Chợ đều tổ chức quán triệt Nghị quyết tôn giáo của Trung ương Cục và Phân liên khu ủy miền Đông, đề ra nhiệm vụ cụ thể nhằm đẩy mạnh công tác Cao Đài vận, Hòa Hảo vận trong mỗi tỉnh.

Chấp hành sự chỉ đạo của Phân liên khu ủy miền Đông, công tác tôn giáo vận, địch nguy vận được triển khai mạnh mẽ và rộng khắp với nhiều hình thức rất đa dạng, phong phú. Các đội võ trang tuyên truyền, đội công tác, ban tôn giáo vận của các cơ quan dân – chánh – đảng, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông hội tỏa về vùng đồng bào có đạo, cả các bót lính để tuyên truyền, vận động. Ủy ban hành chính kháng chiến các xã có đồng bào tín đồ tổ chức tạm cấp đất rừng, đất ruộng, trả ruộng bị quản thủ trước đây cho đồng bào tín đồ, hỗ trợ giống, nông cụ cho bà con sản xuất. Mặt khác, các lực lượng vũ trang kiên quyết chặn đánh các cuộc hành quân càn quét của địch, trừng trị những tay đầu sỏ ác ôn, tấn công tiêu diệt các đồn bót do binh lính Cao Đài, Hòa Hảo ngoan cố làm tay sai đắc lực cho thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, tiếp tục gây nợ máu với nhân dân. Tiểu đoàn 306 Gia Ninh diệt hơn 1 đại đội quân Cao Đài ác ôn ở Xóm Mía, Trảng Bàng.

Đến cuối năm 1953, đa số đồng bào tín đồ Cao Đài, Hòa Hảo hiểu rõ chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng, của chính phủ kháng chiến. Ranh giới thành kiến giữa đạo và đời, giữa binh lính Cao Đài, Hòa Hảo với bộ đội ta được từng bước xóa bỏ. Hàng trăm binh lính Hòa Hảo, Cao Đài đào ngũ trong đó không ít người mang súng trở về gia nhập lực lượng vũ trang kháng chiến. Nhiều đồn địch bỏ việc hành quân tuần tiễu càn quét, thi hành chiếu lệ mệnh lệnh của địch, không xâm phạm đến tính mạng của cải của nhân dân địa phương. Đồng bào tín đồ bung ra khỏi khu tập trung của địch trở về làng cũ làm ăn. Hơn 1.000 gia đình tín đồ Cao Đài từ khu vực Tòa thánh Tây Ninh trở về Tháp Mười nhận lại ruộng đất, phong trào kháng chiến bắt đầu phát triển ở khu vực đồng bào có đạo như Thanh Điền, Thái Bình, Núi Bà, Chương Hà, dọc lộ 26, tạo thành một vùng đệm xung quanh Tòa Thánh Tây Ninh.

Đánh giá kết quả công tác lãnh đạo uốn nắn những lệch lạc hữu khuynh trong thực hiện phương châm hoạt động ở vùng tạm bị chiếm, vùng du kích và thực hiện công tác tôn giáo vận, trong Hội nghị tổng kết cuối năm 1953, báo cáo của Ủy ban Hành chánh Nam bộ ghi: “Chúng ta đã sửa chữa được những sai lầm, nhất là về quân sự và địch nguy vận trong việc thực hiện phương châm vùng du kích, tạm chiếm; đẩy mạnh được du kích chiến tranh, phối hợp với chiến trường chung, tiêu hao tiêu diệt sinh lực địch, củng cố và mở rộng vùng du kích và căn cứ du kích; làm tan rã một phần hàng ngũ nguy binh; việc tăng gia sản xuất, thu thuế nông nghiệp có kết quả, chiến thắng nạn đói ở miền Đông; chinh quân, chinh Đảng đã xây dựng củng cố một

bước lập trường giai cấp, quan điểm quần chúng, phân biệt thù bạn và trường kỳ kháng chiến. Trước những thắng lợi thu được, chiến sĩ, cán bộ, nhân dân phấn khởi tin tưởng, phong trào nhân dân phát triển”¹.

2. Lãnh đạo phát triển công cuộc kháng chiến một cách toàn diện, rộng khắp.

Từ mùa thu năm 1953, cuộc kháng chiến của quân và dân ta chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ đang trên đà phát triển mạnh mẽ. Ở chiến trường chính Bắc bộ, Lào và Campuchia, vùng giải phóng được mở rộng, các lực lượng vũ trang giành thế chủ động tiến công địch. Tại Nam bộ, các khu căn cứ vẫn đứng vững trước những hoạt động càn quét đánh phá của địch. Phong trào du kích phát triển rộng đến cả nhiều xã nằm sâu trong vùng tạm bị chiếm. Cơ sở kháng chiến được gây dựng khắp các vùng nông thôn đồng bằng, nông thôn rừng núi và trong đô thị.

Sau gần 8 năm xâm lược Việt Nam kể từ khi gây hấn trở lại ở Sài Gòn, thực dân Pháp ngày càng lún sâu vào “con đường hầm không lối thoát”. Trước tình hình đó, Chính phủ Pháp chủ trương tranh thủ thêm viện trợ Mỹ, tập trung mọi cố gắng đẩy mạnh chiến tranh hòng tìm một “lối thoát danh dự”. Được sự thỏa thuận của Mỹ, tháng 5-1953, chính phủ Pháp cử tướng Navarre đang giữ chức Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh lực lượng Trung Âu thuộc khối quân sự Bắc Đại Tây Dương sang thay tướng Salan làm Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Navarre vạch ra một kế hoạch mang tên y, được Chính phủ và Hội đồng Quốc phòng Pháp thông qua với nội dung dựa vào khối chủ lực được bổ sung và tổ chức lại sẽ thực hành tác chiến cải tiến tình hình, chuyển bại thành thắng. Kế hoạch Navarre chia làm 2 bước. Thu Đông 1953 – Xuân 1954: giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tiến công chiến lược ở miền Nam, đồng thời tăng cường quân nguy, chi viện và tập trung binh lực xây dựng một đội quân cơ động lớn. Thu Đông 1954: đưa toàn bộ lực lượng cơ động ra miền Bắc, chuyển sang tiến công chiến lược trên chiến trường miền Bắc, giành thắng lợi quyết định, buộc ta phải đàm phán theo những điều kiện có lợi cho chúng, kết thúc chiến tranh. Toàn bộ kế hoạch này được thực hiện với sự chi viện tổ chức lớn về tiền bạc và vũ khí và phương tiện chiến tranh của đế quốc Mỹ.

Tuy nhiên, thực trạng diễn biến trên chiến trường không để cho Navarre thực hiện kế hoạch như dự định. Thay vì tập trung lực lượng để “bình định” Nam bộ và Trung bộ, chúng buộc phải liên tiếp rút lực lượng cơ động tinh nhuệ ra chiến trường miền Bắc. Tại Đông Nam bộ, 3 Tiểu đoàn Âu Phi biên chế không còn đủ. 12 Tiểu

¹ Tài liệu đã dẫn, tờ 18, 19

đoàn nguy binh bị ta đánh tiêu hao nhiều, mỗi Tiểu đoàn còn trên dưới 200 tên. 8 Tiểu đoàn mới thành lập phần đông là lính Hòa Hảo chất lượng yếu kém. Hệ thống đồn bót bị tiêu diệt, bức rút hoặc tự rút bỏ khá nhiều. Mức độ hoạt động càn quét đánh phá giảm sút.

Cuối tháng 9-1953, trước tình hình phát triển thuận lợi của cuộc kháng chiến trong cả nước, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị quyết định mở cuộc tiến công chiến lược Đông xuân 1953-1954. Phương hướng chiến lược là tập trung lực lượng giáng những đòn tấn công lớn vào các hướng chiến lược Tây Bắc, Tây Nguyên, phối hợp với lực lượng bạn ở Trung Hạ Lào và Đông bắc Campuchia, tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch, giải phóng thêm đất đai, đẩy mạnh hoạt động ở các chiến trường sau lưng địch, tạo điều kiện tiến tới giải phóng đồng bằng Bắc bộ. Riêng với chiến trường Nam bộ, Bộ Chính trị chủ trương đẩy mạnh chiến tranh du kích, lợi dụng điều kiện thuận lợi mới do quân địch phải tập trung lực lượng đi hướng khác mà tăng cường hoạt động đánh nhỏ ăn chắc, tiêu hao và tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch, đẩy mạnh địch nguy vận, mở rộng các căn cứ du kích và khu du kích.

Triển khai chủ trương chiến lược của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo các Phân liên khu, các tỉnh “chuẩn bị lực lượng mọi mặt đón thời cơ mới”, đẩy mạnh phong trào kháng chiến một cách toàn diện hoà nhịp với chiến trường cả nước. Trung ương Cục xác định nhiệm vụ cho Phân liên khu và các tỉnh là:

- Giữ vững và đẩy mạnh chiến tranh du kích.
- Củng cố và mở rộng căn cứ địa.
- Đẩy mạnh công tác địch nguy vận.

Tháng 10-1953, tại chiến khu Dương Minh Châu, phân liên khu ủy miền Đông tổ chức Hội nghị quân-dân-chính đảng. Hội nghị đã quán chính triệt chỉ thị mới của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trên cơ sở ba nhiệm vụ chính nêu trên, Hội nghị đã thống nhất đề ra các nội dung nhiệm vụ biện pháp thực hiện: “1- Chấn chỉnh sự lãnh đạo, tổ chức xây dựng lực lượng và hoạt động của các tổ chức võ trang và bán võ trang (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích). 2- Chấn chỉnh công tác địch nguy vận, chống bắt lính, làm tan rã hàng ngũ địch nguy. 3- Ra sức thực hiện chính sách kinh tế tài chính của Đảng sát đúng với hoàn cảnh Phân liên khu miền Đông để thực hiện phương châm tăng gia sản xuất và đảm bảo cung cấp. Thi hành chính sách ruộng đất của Đảng áp dụng cụ thể ở Nam bộ theo sách lược “dựa vào bản cổ nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp với phú nông, phân

biệt đối đãi với địa chủ, đánh đổ bọn phản quốc, trung lập địa chủ lừng chùng, lôi kéo địa chủ kháng chiến và thân sĩ yêu nước tiến bộ”. 4- Tăng cường sự lãnh đạo của chi bộ về mọi mặt, đẩy mạnh công tác dân vận, củng cố và phát triển mặt trận dân tộc thống nhất ở xã. 5- Tích cực xây dựng và mở rộng căn cứ địa. 6- Tiếp tục rèn luyện xây dựng tư tưởng, tích cực chuẩn bị công tác chính huấn trong năm và tập trung mọi khả năng thực hiện cho kỳ được để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường sức chiến đấu của toàn quân, toàn dân trong Phân liên khu”¹

*

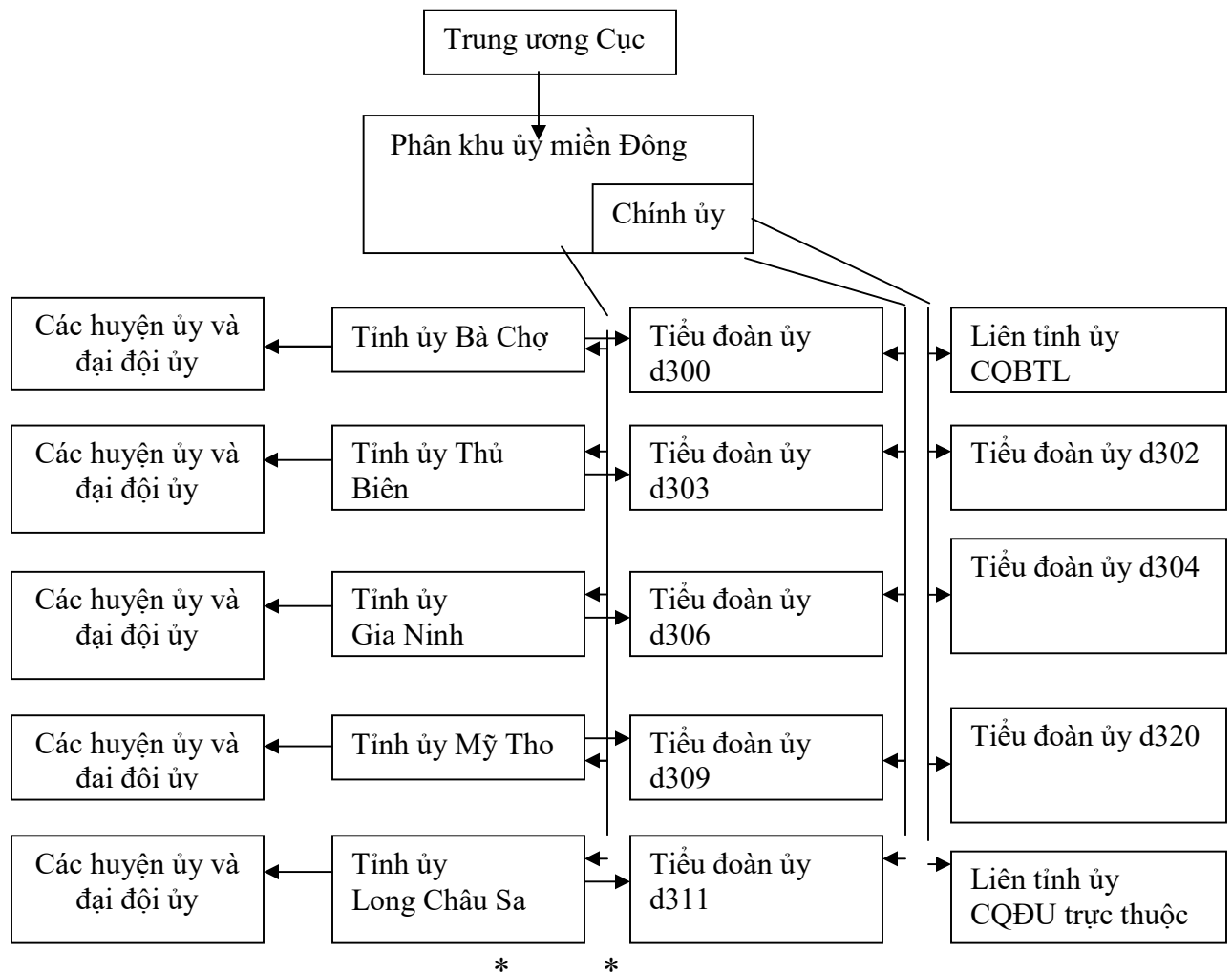
* *

Ngay sau Hội nghị quân-dân-chính-đảng Phân liên khu miền Đông, các địa phương, các cơ quan kháng chiến và đơn vị vũ trang tiến hành một đợt “chỉnh Đảng” sâu rộng. Trung ương Cục mở một lớp học cho cán bộ Nam bộ và một lớp học khác cho các Tỉnh ủy viên, Đảng ủy tiểu đoàn. Phân liên khu ủy miền Đông mở nhiều lớp học cho cán bộ cấp huyện, xã, đại đội vũ trang và “phát động một phong trào học tập rộng rãi”. Nội dung học tập gồm các bài giải thích chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, kiểm thảo công tác, vấn đề ý thức giai cấp, quan điểm bạn thù, lập trường “trường kỳ gian khổ, tự lực cánh sinh, nhất định thắng lợi”. Phương pháp truyền giảng và học tập được đổi mới, lý thuyết gắn liền với thực tiễn, liên hệ kiểm thảo cá nhân thông qua công tác thực tiễn. Trong lực lượng vũ trang cũng tiến hành đợt “chỉnh quân” sâu rộng. Bộ đội thay phiên chiến đấu, sản xuất và học tập chính trị, thực hành công tác dân vận, địch nguy vận. Kết quả đợt chỉnh Đảng được đánh giá là “tư tưởng phần nào tiến bộ, nội bộ đoàn kết hơn, nạn tham ô lãng phí có bớt, nạn đào ngũ ở nhiều đơn vị địa phương chấm dứt”. Quan trọng hơn, tổ chức Đảng được củng cố thêm một bước. Nhiều xã trắng trước đây nay lập được chi bộ. Số lượng đảng viên phát triển tương đối đều khắp các đơn vị, địa phương. Nêu một ví dụ ở tỉnh Bà Rịa, một trong những tỉnh vùng sâu của Phân liên khu miền Đông: Toàn tỉnh có 108 xã và 2 thị xã (Vũng Tàu và Bà Rịa), chỉ có 2 chi bộ/2 thị xã, 8 chi bộ/8 xã căn cứ, 81 chi bộ/100 xã du kích và tạm bị chiếm. Trong đó Long Điền – Đất Đỏ có 22 chi bộ (7 vùng xã căn cứ, 15 chi bộ vùng xã du kích và tạm bị chiếm), Liên huyện (Nhà Bè - Cần Đức - Cần Giuộc) có 45 chi bộ (vùng xã du kích và tạm bị chiếm, Long Thành có 17 chi bộ (vùng xã du kích và tạm bị chiếm), Vũng Tàu có 9 chi bộ (1 chi bộ vùng xã căn cứ, 8 chi bộ vùng xã du kích và tạm bị chiếm). Riêng huyện Long Điền – Đất Đỏ có 510 đảng viên (Xuyên Mộc 99 đảng viên, Phước Lộc 129 đảng viên, Cơ

¹ Báo cáo tại Hội nghị quân-dân-chính-đảng Phân liên khu miền Đông tháng 10-1953, Lưu trữ Bộ Quốc phòng, hồ sơ 53, phòng Nam Bộ, tờ 39

Trạch: 70 đảng viên, Bà Lâm: 60 đảng viên, Bung Riềng: 53 đảng viên, Nhu Lâm: 32 đảng viên, Tân Hiệp: 42 đảng viên và Hắc Dịch 25 đảng viên). Trong Tiểu đoàn tập trung 300 của tỉnh có 6 chi bộ (thuộc 6 đơn vị: tiểu đoàn bộ đội, đại đội 2, đại đội 3, đại đội trợ chiến, đội trừ bị, tiểu ban sản xuất), so với đầu năm 1953 chỉ có 4 chi bộ. Các huyện, mỗi đại đội độc lập có 1 liên chi bộ, mỗi trung đội có 1 chi bộ, mỗi tiểu đội có 1 tổ Đảng¹.

Đến cuối năm 1953, hệ thống Đảng ở miền Đông Nam Bộ được tổ chức như sau:



Vừa tiến hành chỉnh Đảng và chỉnh quân, các cấp ủy Đảng ở miền Đông Nam bộ khẩn trương chỉ đạo quân và dân địa phương thực hiện nhiệm vụ mới. Trong không khí thắng lợi từ các chiến trường khắp cả nước dội về, phong trào thi đua kháng chiến **tranh giải thưởng Hồ Chủ tịch** phát triển mạnh mẽ trên toàn miền.

¹ Báo cáo tình hình tổ chức năm 1953, hồ sơ 66, phòng Nam bộ (Bà Rịa – Chợ Lớn), tờ 90 - 129

Phong trào chiến tranh du kích được giữ vững và không ngừng phát triển trong mùa khô 1953-1954. Tại vùng du kích, các đơn vị chủ lực của Phân liên khu, các tiểu đoàn tập trung được chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động tác chiến, chống càn quét, tập kích tiêu diệt đồn bót địch. Sôi nổi nhất là các vùng du kích thuộc các tỉnh Mỹ Tho, Gia Ninh. Ở Mỹ Tho, nhân dân hoặc kết hợp với bộ đội hoặc độc lập tổ chức tiêu diệt bức hàng được nhiều đồn bót. Ở Thủ Biên, Gia Ninh, bộ đội tổ chức thắng lợi nhiều trận phục kích, diệt xe cơ giới, tàu chở hàng trên sông, thu nhiều vũ khí, đạn dược. Tính trong mùa khô 1953-1954, tại các vùng du kích và tạm bị chiếm, các lực lượng vũ trang ở miền Đông Nam bộ đã đánh 2.133 trận, tiêu diệt, bức rút 197 đồn bót tháp canh; giết, làm bị thương, bắt sống tổng cộng gần 9.700 tên địch (có 150 sĩ quân, 8 đại đội bị tiêu diệt hoàn toàn); đánh chìm 37 tàu, phá huỷ 65 xe cơ giới, bắn rơi 1 máy bay, phá hoại 28 kho đạn gồm 10.000 tấn; thu 2.630 súng các loại, 8.410 lựu đạn, đạn súng cối, gần 600.000 viên đạn súng trường, súng tiểu liên¹. Đồng thời, các Tỉnh ủy chỉ đạo nhân dân phá tề diệt ác, phong trào phát triển sâu rộng, nhất là ở các tỉnh Thủ Biên, Mỹ Tho. Trên toàn miền Đông đã khôi phục và mở rộng được 298 xã². Mặt khác các tỉnh ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác củng cố và phát triển cơ sở kháng chiến, dựa vào cơ sở để phổ biến chính sách và lãnh đạo nhân dân đấu tranh với giặc. Đặc biệt ở huyện Vàm Cỏ, hệ thống cơ sở làm nòng cốt vận động toàn dân đồng loạt nổi dậy đánh trống, gõ mõ đốt đuốc phối hợp với bộ đội, du kích bao vây bức rút đồn bót, diệt tề trừ gian, phá hoại đường sá cầu cống. Gần 2 phần 3 số đồn bót ta lấy được ở các huyện này là do lực lượng quần chúng³.

Ở vùng tạm bị chiếm, Tỉnh ủy các tỉnh chỉ đạo đội công tác phối hợp với lực lượng vũ trang tuyên truyền tổ chức những buổi nói chuyện, phổ biến chủ trương, chính sách của Chính phủ kháng chiến; phối hợp với lực lượng tại chỗ diệt tề, trừ gian, phá bảo an và chuyển thế lên vùng du kích. Tỉnh Mỹ Tho chuẩn bị để chuyển thế lên 15 xã. Các tỉnh Gia Ninh, Thủ Biên tập trung hoạt động ở các xã chung quanh đô thị, các khu vực gom dân, đặc biệt vùng Gò Vấp, Trung Huyện xuống khu vực ngoại ô Sài Gòn – Chợ Lớn. Mặt khác Tỉnh ủy các tỉnh chú trọng lãnh đạo nhân dân chống địch bắt lính, tuyên truyền rộng rãi chính sách đối với những gia đình không cho con em đi lính nguy. Nhiều địa phương nhân dân tổ chức canh gác thông báo tin cho thanh niên bỏ trốn khi địch hành quân ruồng bỏ lính. Hình thức chống bắt lính rất phong phú, lan cả vào thành phố Sài Gòn và các đô thị khác. Nhân dân, học sinh biểu tình chống bắt lính (huyện Thủ Thừa); cản xe chở lính không cho chạy (huyện Lộc Ninh, huyện Long Thành). Tính chung trong mùa khô 1953-1954, toàn Đông Nam bộ có

¹ 1,2,3 báo cáo tình hình tổng quát Phân liên khu miền Đông (từ 9-1953 đến 5-1954) của Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông. Lưu tại Phòng Khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7, tài liệu LS-53, tờ 5, 6, 7

1.140 thanh niên trốn bắt lính thành công, 1.480 lượt thanh niên đấu tranh không đi quân sự do Pháp tổ chức¹.

Kết quả hoạt động chuyển thế ở vùng du kích và vùng tạm bị chiếm đã tạo ra một hình thái chiến trường có bước phát triển mới. Vùng tạm bị chiếm bị thu hẹp lại, vùng du kích mở rộng hơn. Chỉ tính riêng 3 tháng cuối năm 1953, trên chiến trường miền Đông Nam bộ, ta đã chuyển thế được hàng chục xã. Sau đây chỉ tính đơn cử một số xã².

Tỉnh	Xã tạm bị chiếm lên xã du kích	Ý nghĩa
Bà Chợ	- Long Hòa, Bà Trao (Vũng Tàu) - Long Hựu (Cần Đước)	- Là xã bàn đạp của huyện Vũng Tàu - Nối Gò Công với bàn đạp của Liên Huyện, đầu cầu rút lúa gạo của tỉnh
Thủ Biên	- Hòa Lợi (Châu Thành) - 6 ấp ở Thuận Tân An Hoà (Lái Thiêu)	- Nối căn cứ Châu Thành với căn cứ Bến Cát, bàn đạp ra đường 13, 14 - Mở rộng căn cứ Thuận Tân An Hoà, bàn đạp xuống vùng sâu Nam Lái Thiêu, Thủ Đức
Gia Ninh	- Tân Nhựt, Tân Kiên, Tân Tạo, Mỹ Yên, Phước Lợi (Trung Huyện) - Gia Lộc, Gia Bình, Cẩm Giang (Trảng Bàng) - Phước Vĩnh Tân An, Tân Tạo Trung (Hóc Môn)	- Xây dựng thành căn cứ bàn đạp vào Sài Gòn – Chợ Lớn - Cắm sâu vào vùng chiếm đóng của quân đội Cao Đài và đường 22 - Nối đường giao thông liên lạc từ Đông Nam bộ xuống Đồng Tháp Mười, bàn đạp xuống vùng nam Hóc Môn, Gò Vấp.
Mỹ Tho	- 44 xã thuộc 3 huyện Gò Công, Chợ Gạo, Vàm Cỏ.	- Mở rộng vùng du kích đông dân, kinh tế phát triển, giải tỏa vùng căn cứ

¹ Báo cáo tình hình tổng quát Phân liên khu miền Đông (từ 9-1953 đến 5-1954) của Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông, Lưu tại Phòng Khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7, tài liệu LS-53, tờ 5, 6, 7

² Báo cáo kết quả hoạt động của ta trên chiến trường Nam Bộ Đông Xuân 1953-1954; Lưu tại trụ Bộ Quốc phòng, hồ sơ 573, phòng Bộ Quốc phòng, Kho, tờ 30, 31, 32

	- Vùng Soài Tiệp (Bắc Đông Tháp Mười)	Đông Tháp Mười. - Mở rộng căn cứ Đông Tháp Mười về phía Bắc.
--	---------------------------------------	---

*

* *

Song song với hoạt động lãnh đạo giữ vững và phát triển phong trào du kích chiến tranh, các cấp bộ Đảng ở miền Đông Nam bộ triển khai thực hiện nhiệm vụ củng cố và mở rộng căn cứ địa. Từ cuối năm 1953, Trung ương Cục miền Nam quán triệt cho các cấp ủy Đảng ở miền Đông Nam bộ chỉ thị của Ban Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nhiệm vụ năm 1954. Chỉ thị viết: “Nam bộ kháng chiến còn lâu dài và khó khăn, rất xa chiến trường chính, nên việc củng cố và mở rộng căn cứ địa cũng là một nhiệm vụ trọng yếu và căn bản. Nam bộ hiện có 3 căn cứ: Bạc Liêu và Đông Tháp Mười là căn cứ đồng bằng, miền Đông là căn cứ rừng núi. Hướng xây dựng căn cứ của Nam bộ là giữ vững và củng cố căn cứ Bạc Liêu và Đông Tháp, tích cực củng cố và phát triển căn cứ miền Đông... căn cứ miền Đông tạm thời chia làm 3 khu vực. Khu vực một gồm huyện Dương Minh Châu, nửa huyện Châu Thành (Tây Ninh), từ Đông Miên chạy đến Ba ranh giới và đường 13. Khu vực hai gồm các khu đường 13 đến đường 20 đến Ba ranh giới gồm những huyện Hớn Quản, nửa huyện Tân Uyên, huyện Sông Bé Tà Lài (Thủ Biên). Khu vực ba gồm từ đường 20 đến bờ biển Bà Rịa lên Ba ranh giới, gồm những huyện Xuyên Mộc (Bà Rịa), Hàm Tân, Tánh Linh (Bình Thuận). Để xây dựng căn cứ miền Đông cần nắm vững: 1- chính sách dân tộc thiểu số. Căn cứ miền Đông có 5 vạn dân tộc thiểu số, chiếm số đông nhất trong căn cứ, cần phải thi hành đúng chính sách dân tộc thiểu số của Trung ương, củng cố Ban vận động thiểu số hiện có, ra sức đào tạo cán bộ thiểu số. 2- chính sách kinh tế tự túc”¹. Đồng thời Phân liên khu ủy ra “Nghị quyết án” chuyên đề hướng dẫn nội dung công tác củng cố và mở rộng các căn cứ địa trên địa bàn Phân liên khu, coi đây là nhiệm vụ “vô cùng quan trọng của chúng ta hiện nay và các cấp Đảng quân dân chánh phải thường xuyên lo lắng hàng ngày”².

Do hệ thống đồn bót địch bị thu hẹp lại, vùng du kích mở rộng và chuyển thể lên vùng căn cứ, hệ thống căn cứ địa ở miền Đông Nam bộ phát triển rộng. Đến giữa

¹ Văn kiện quân sự của Đảng, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1977, tập III (1951-1954), tr.508, 509

² Nghị quyết án của Phân liên khu miền Đông Nam Bộ về căn cứ địa miền Đông, Lưu trữ Bộ Quốc phòng, hồ sơ 56, phòng Nam Bộ.

năm 1954, chiến khu Đ phát triển phía nam giáp sông Đồng Nai, bắc giáp đường 14, tây giáp đường 16, liên tỉnh 1A và đông giáp đến Tà Lài. Chiến khu Dương Minh Châu lan nối với căn cứ Định Thành, mở sang cả đông sông Sài Gòn giáp với núi Cậu, phía bắc giáp biên giới Campuchia. Chiến khu Đồng Tháp Mười mở rộng phía nam xuống sát kênh Nguyễn Văn Tiếp, phía đông giáp với ven sông Tiền, phía tây tới ven sông Vàm Cỏ Đông, phía bắc lên đường số 1. Các căn cứ khác như Xuyên Phước Cơ, Rừng Sác, khu 5 Hóc Môn, Vườn Thơm Bà Vụ, Long Nguyên, Thuận An Hòa, Trảng Bàng, Đông Thành đều được mở rộng, thông nối với nhau, tạo thành một mạng lưới căn cứ địa liên hoàn, đan xen trên toàn bộ chiến trường miền Đông Nam bộ.

Trong các vùng căn cứ, Phân liên khu ủy, Tỉnh ủy các tỉnh chỉ đạo củng cố xây dựng hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể mặt trận; đẩy mạnh tăng gia sản xuất (cả nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại); xây dựng đời sống văn hóa mới, phát triển giáo dục, y tế, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Một xã hội mới đang bùng nổ, sinh sôi trên khắp các vùng căn cứ, vùng tự do ở Đông Nam bộ.

Ngoài ra, Phân liên khu ủy còn chỉ đạo Tiểu đoàn chủ lực 302 cùng lực lượng vũ trang các tỉnh Gia Định, Mỹ Tho mở rộng hoạt động quân sự lên giáp vùng biên giới Việt Nam – Campuchia, phối hợp với lực lượng cách mạng của bạn giải phóng nhiều vùng rộng lớn dọc Prayviêng, Kôngpôngchàm, Soài Riêng, mở rộng căn cứ Đông Campuchia nối liền với các căn cứ địa của ta.

*

* *

Trong những tháng cuối năm 1953 đầu năm 1954, công tác địch ngụy vận được các cấp ủy Đảng ở miền Đông Nam bộ chỉ đạo thực hiện với nhịp độ khẩn trương. Từ đầu năm các cấp ủy Đảng ở miền Đông Nam bộ đã tổ chức học tập chỉ thị Trung ương về công tác địch ngụy vận nội dung “Mấy quan điểm cần nắm vững và một số biện pháp thực hiện”. Chỉ thị chỉ rõ: “Ở Nam bộ, địch đã dùng hết ngụy quân để chiếm đóng. Ngụy quân là bộ máy quân sự của đế quốc và bù nhìn đang chống lại kháng chiến. Muốn đối phó lại, muốn chiến thắng, ta chỉ có một cách là phải đánh tan quân ngụy quân, phải quyết tâm tiêu diệt ngụy quân. Mặt khác phải làm cho nhân dân, chiến sĩ và cán bộ nhận thức rõ trong ngụy quân đa số là nhân dân lao động bị mê hoặc, **mua chuộc ép** mà làm cho giặc. Ta có nhiều cơ hội, khả năng kêu gọi, tuyên truyền, làm cho họ tỉnh ngộ trở về với ta. Song không phải vì thế mà cho rằng ngụy

quân là nông dân rồi kết luận nguy quân không phải là kẻ thù”¹. Chỉ thị đề ra chính sách địch nguy vận là “đẩy mạnh chiến tranh du kích, tiêu diệt nhiều sinh lực địch nguy, làm cho nguy quân ngày càng hoang mang, lo sợ... Mặt khác, tuyên truyền làm cho nguy quân hiểu được lập trường dân tộc, giai cấp, kháng chiến của ta, nhận được kháng chiến là chính nghĩa, làm họ hiểu chính sách khoan hồng của Hồ Chủ tịch và Chính phủ ”². Riêng đối với nguy quân Cao Đài, Hòa Hảo và Thiên Chúa giáo, Chỉ thị nhấn mạnh cần phân biệt nguy quân với đồng bào đạo giáo ở trong vùng nguy quân kiểm soát; phải tiêu diệt, làm tan rã, không thỏa hiệp đối với tổ chức nguy quân; phải lợi dụng mâu thuẫn giữa các thứ nguy quân; phải phối hợp vận động đồng bào đạo giáo với vận động nguy quân, vận động gia đình nguy quân với nguy quân³.

Phong trào địch nguy vận phát triển khắp các tỉnh từ Mỹ Tho lên Gia Ninh, Thủ Biên, Bà Chợ. Chính sách địch nguy vận được phổ biến rộng rãi với nhiều hình thức phong phú như nói chuyện, rải truyền đơn, bắc loa gọi hàng... Tại các vùng du kích, các đội công tác tổ chức Hội nghị các gia đình nguy binh, hướng dẫn họ tự đặt kế hoạch kêu gọi con em trở về (Thủ Biên). Ta còn tập hợp, tổ chức cho tù binh học tập sau đó cho họ trở về đơn vị hoặc vùng bị tạm chiếm kêu gọi anh em binh lính trở về với kháng chiến. Tỉnh Mỹ Tho giáo dục thả trên 200 tù binh. Tại Gia Ninh, vùng Suối Tre, Trà Cú và Tòa Thánh Tây Ninh, các đội vũ trang tuyên truyền nhiều lần tổ chức nói chuyện với đồng bào tín đồ Cao Đài, có lần số người nghe lên đến hàng ngàn. Phong trào đào ngũ, giải ngũ lan rộng trong khắp đơn vị. Tính chung trong mùa khô 1953-1954, toàn miền Đông Nam Bộ có hơn 4.000 tên bỏ ngũ, 6 đại đội, 5 trung đội tan rã không xây dựng lại được⁴.

III. Góp phần kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

Hoạt động kháng chiến của quân và dân miền Đông Nam bộ trong những ngày đầu mùa mưa 1954 diễn ra với một nhịp điệu khẩn trương, sôi nổi khác thường. Tin tức từ mặt trận Điện Biên Phủ và các chiến trường khác liên tiếp dội về. Và, ngày 7-5-1954, tin vui quân tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ loan nhanh khắp miền Đông Nam bộ. Tác động tổ chức lớn của chiến thắng Điện Biên Phủ cộng với thành tích đạt được trong phong trào du kích chiến tranh, phong trào địch nguy vận và hoạt động ở vùng căn cứ, vùng tự do đã đưa chiến trường miền Đông Nam bộ chuyển sang một cục diện mới. Hết sức khẩn trương, Trung ương

¹ 1,2. Sđd tr.310, 312, 313

³ Sđd tr.310, 312, 313

⁴ báo chí tình hình tổng quát Phân liên khu miền Đông (từ 9-1953 đến 5-1954 của Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông, Lưu trữ tại Phòng khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7, Tài liệu LS.53, tờ 5, 6

Cục miền Nam, Phân liên khu ủy miền Đông chỉ đạo các địa phương “thừa thắng xông tới”, đẩy mạnh các hoạt động tiến công địch, tiếp thêm sức mạnh cho đoàn đàm phán của Phái đoàn Việt Nam tại Hội nghị Gionevơ.

Ngày 6-5-1954, Phân liên khu ủy miền Đông ra chỉ thị đề ra các nhiệm vụ: “1- Công tác trọng tâm hiện nay là ở các đô thị, là vận động cao trào đòi hòa bình và chấm dứt chiến tranh đi đôi với công tác chống bắt lính, địch nguy vận. 2- Triệt để lợi dụng mọi hình thức hợp pháp và bán hợp pháp, tùy tình hình đưa phong trào từ thấp lên cao, kết hợp đấu tranh trọng tâm nói trên với quyền lợi kinh tế thiết thực hàng ngày. 3- Nêu lên một số hình thức vận động rộng rãi trong các tầng lớp đòi chấm dứt chiến tranh và khôi phục hòa bình ở Đông Dương, kết hợp hành động giữa các ngành, các giới, đẩy mạnh đấu tranh ở đô thị và thị trấn. 4- Liên kết chặt chẽ đấu tranh võ trang ở vùng du kích và căn cứ du kích, hỗ trợ và hưởng ứng kịp thời cho cuộc đấu tranh kinh tế và chính trị ở vùng tạm bị chiếm, nhất là vùng đô thị”¹.

Về biện pháp lãnh đạo, chỉ thị nêu rõ: “1- Các Tỉnh ủy phải mạnh dạn đưa tất cả cán bộ có năng lực và đủ điều kiện hoạt động đô thị và thị trấn luôn vào. 2- Các thành ủy, thị xã phải chuẩn bị tạo điều kiện nằm ngay trong đô thị hay thị xã mới lãnh đạo sát. 3- Phải chú ý bảo tồn cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng bí mật, phát triển cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng bí mật đủ khả năng làm nòng cốt lãnh đạo phong trào và tổ chức công khai rộng rãi”².

Thực hiện sự chỉ đạo của Phân liên khu ủy, các lực lượng vũ trang ở miền Đông Nam bộ tổ chức tiến công địch ở khắp nơi. Tiểu đoàn 300 Bà Chợ đánh sập đồn Phước Hải, bức rút nhiều đồn bót tháp canh ở huyện Long Điền – Đất Đỏ, bắn chìm một tàu chở quân Pháp trên sông Lòng Tàu. Tiểu đoàn 303 Thủ Biên liên tục tiến công địch trên các đường giao thông số 1, số 20, 13, số 16, tiêu diệt đồn Cầu Định, đồn Bến Tranh, đồn Cây Trắc. Tiểu đoàn 306 Gia Ninh phục kích diệt 1 đại đội địch ở nam Trảng Bàng, phá hủy 1 kho bom Phú Thọ Hòa với hơn 1 triệu lít xăng dầu, hơn 10.000 tấn bom đạn, diệt một đại đội lính Âu Phi, bức rút đồn Gò Lũy. Tiểu đoàn 309 Mỹ Tho cùng lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương mở đợt tiến công hạ đồn bót địch, bắt sống nhiều tù binh, bức rút hàng chục đồn bót... Ở các thị xã, thị trấn, phong trào đấu tranh chính trị đòi chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình, đấu tranh chống đế quốc Mỹ can thiệp diễn ra mạnh mẽ. Tại các vùng nông thôn tạm bị chiếm, các cuộc

¹ Chỉ thị Phân liên khu ủy miền Đông ngày 5-6-1954, Lưu trữ Trung ương Đảng, Phòng Trung ương Cục miền Nam. KUMĐ, 316, tờ 2,4

² Chỉ thị Phân liên khu ủy miền Đông ngày ngày 5-6-1954, Lưu trữ Trung ương Đảng, Phòng Trung ương Cục miền Nam. KUMĐ, 316, tờ 2,4

đấu tranh chống bắt lính, thu thuế, chống càn quét cướp bóc nổ ra liên tiếp. Chính quyền địch rệu rã.

Cuối tháng 6-1954, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Trung ương Cục miền Nam cùng đoàn cán bộ Nam bộ từ chiến khu Việt Bắc về đến chiến khu Đ. Đồng chí đã chuyển lời thăm hỏi ân cần của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đến đồng bào cán bộ chiến Nam bộ sau chín năm kháng chiến gian khổ. Đồng chí cũng chỉ thị cho quân và dân miền Đông Nam bộ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới.

Ngày 20-7-1954, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương được ký kết. Thực dân Pháp và các nước tham gia Hội nghị tuyên bố tôn trọng độc lập, dân tộc, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Với việc ký kết Hiệp định Giơnevơ, cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược bắt đầu từ ngày 23-9-1945 kết thúc thắng lợi. Ngày 11-8-1954, Trung ương Cục miền Nam ra chỉ thị “Về việc lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị sắp tới ở xã”. Chỉ thị ghi rõ: “Hội nghị Giơnevơ đã nhìn nhận và tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta. Chính phủ Pháp đã cam kết đình chiến ở Đông Dương. Từ ngày 11-8-1954 sẽ bắt đầu ngừng bắn ở Nam bộ. Ngày ấy sẽ đánh dấu một biến chuyển quan trọng trong cuộc đấu tranh của chúng ta để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất đất nước, hoàn thành độc lập và dân chủ. Giai đoạn đấu tranh quân sự đã chấm dứt. Chúng ta bước qua một giai đoạn mới: đấu tranh chính trị, đấu tranh theo lối hòa bình không đổ máu”¹.

Đầu tháng 8-1954, Phân liên khu ủy miền Đông tổ chức Hội nghị mở rộng nhằm quán triệt chỉ thị mới của Trung ương và đề ra những nội dung lãnh đạo thực hiện Hiệp định. Hội nghị đã xác định những nhiệm vụ cụ thể về tổ chức mừng chiến thắng và học tập tình hình nhiệm vụ mới cho đồng bào, cán bộ, chiến sĩ; tham gia cơ quan liên hiệp đình chiến các cấp; bố trí lực lượng tập kết ra miền Bắc; sắp xếp lại bộ máy và đội ngũ cán bộ ở lại; tổ chức mạng lưới giao liên; tổ chức chôn giấu vũ khí; chuyển hướng đấu tranh sang các hình thức thích hợp với điều kiện lịch sử mới để gìn giữ và xây dựng lực lượng cách mạng, vừa buộc địch phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ.

Tình hình rất khẩn trương. Các cấp ủy Đảng ở miền Đông Nam bộ triển khai thực hiện chỉ thị Trung ương Cục và Nghị quyết Hội nghị Phân liên khu ủy.

¹ Tài liệu đánh máy, số II 3/6/4.7, Lưu trữ Viện Lịch sử Đảng từ 1

Cơ quan tuyên huấn của Phân liên khu ủy miền Đông, của các Tỉnh ủy xuất bản với số lượng lớn các loại sách báo có nội dung tuyên truyền về chiến thắng Điện Biên Phủ, về thắng lợi của Hiệp định Giơnevơ, về nhiệm vụ đấu tranh sắp tới. Sách tư liệu về chiến thắng Điện Biên Phủ, tài liệu hỏi đáp Hội nghị Giơnevơ, hiệu triệu của Phân liên khu miền Đông về 4 quy định đối với ngụy binh,... được phát hành rộng rãi không chỉ vùng căn cứ địa mà cả vùng tranh chấp, vùng tạm bị chiếm, vào các đồn bót địch. Các cơ quan, đơn vị vũ trang tổ chức học tập quán triệt tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới trong không khí sôi nổi và khẩn trương. Tại căn cứ địa của Phân liên khu và các tỉnh, liên tiếp diễn ra các cuộc mittinh chào mừng chiến thắng.

Vấn đề quan trọng nhất là lãnh đạo ổn định tư tưởng, bố trí lại lực lượng, cắt cử người đi tập kết và người ở lại. Trong thời gian ngắn, danh sách những người tập kết ra miền Bắc được xác định. Tính chung cả Nam bộ, có tổng cộng 53.253 người đi tập kết, bao gồm, bộ đội: 35.059 người, cán bộ dân chính đảng: 3.900 người, công nhân viên chức 518 người, công nhân: 4.450 người, thương binh: 1.921 người, tù binh được trao trả: 233 người, cán bộ xã: 72 người, học sinh: 3.934 người, gia đình (quân đội, cán bộ, người hồi hương): 1.503 người, các thành phần khác (tù nhân, vượt ngục, Hoa kiều, đồng bào dân tộc thiểu số): 1.057 người¹.

Riêng lực lượng vũ trang ở Phân liên khu miền Đông, lực lượng tập kết bao gồm 2 Tiểu đoàn chủ lực của Phân liên khu (Tiểu đoàn 302, Tiểu đoàn 304), 11 Tiểu đoàn bộ đội địa phương (5 Tiểu đoàn tập trung của 5 tỉnh, 6 Tiểu đoàn khác do các đại đội độc lập ghép lại), 6 đại đội binh chủng chuyên môn (công binh, vận tải, trinh sát, đặc công, thông tin), 2 đại đội công an xung phong, 2.349 cán bộ, chiến sĩ của cơ quan Phân liên khu bộ, 247 cán bộ, chiến sĩ thuộc Đặc khu Sài Gòn – Chợ Lớn, 747 cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam ở Đông Campuchia. Tất cả đều được biên chế lại thành 5 trung đoàn thuộc 5 tỉnh.

- Tỉnh Thủ Biên: 4 tiểu đoàn
- Tỉnh Bà Chợ: 4 tiểu đoàn
- Tỉnh Gia Ninh: 3 tiểu đoàn
- Tỉnh Mỹ Tho: 4 tiểu đoàn
- Tỉnh Long Châu Sa: 2 tiểu đoàn

¹ Báo cáo tổng số lực lượng miền Nam ra tập kết, Trung tâm Lưu trữ Trung ương III, Hồ sơ 53, Phòng Trung ương Cục

- Chủ lực Phân liên khu: 2 tiểu đoàn¹.

Lực lượng tập kết hành quân về Xuyên Mộc (Bà Chợ) và Cao Lãnh (Long Châu Sa), tổ chức học tập chính trị và lên tàu ra miền Bắc.

Đồng thời, Phân liên khu ủy, Tỉnh ủy các tỉnh chỉ đạo bố trí người ở lại, tổ chức điều lắng cán bộ, chôn giấu vũ khí phòng khi cần đến; chỉ đạo các địa phương thực hiện phong trào phòng gian bảo mật, phát triển lực lượng trinh sát mật ở những địa bàn phức tạp trọng điểm, tăng cường công tác điệp báo, bố trí cán bộ và trên cơ sở thâm nhập các tổ chức của địch, các giáo phái phục vụ cho việc đánh địch trước mắt và lâu dài.

Người ra đi: thắng lợi! Người ở lại: vinh quang! Tất cả đều tin tưởng tất yếu vào sự nghiệp cách mạng do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, tin tưởng một ngày không xa, đất nước sẽ sạch bóng quân thù, Nam Bắc một nhà sum họp.

Đến đây cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trên trên chiến trường miền Đông Nam bộ nói riêng và cả nước nói chung đã thắng lợi hoàn toàn..

*

* *

1951-1954 là quãng thời gian Đảng bộ miền Đông Nam bộ vừa sắp xếp, tổ chức lại hệ thống Đảng các cấp, vừa lãnh đạo nhân dân kiên cường giữ vững phong trào du kích chiến tranh, vượt qua những khó khăn thiên tai và địch họa gây nên trong giai đoạn ác liệt nhất của thời kỳ chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp; vững vàng và nhạy bén khắc phục những biểu hiện lệch lạc trong xác lập chủ trương và tổ chức chỉ đạo; từng bước tạo thế, tạo lực, đưa công cuộc kháng chiến của quân và dân miền Đông Nam bộ phát triển lên đỉnh điểm vào giai đoạn cuối; góp phần có hiệu quả chia lửa, phối hợp với chiến trường chính, buộc địch phải ký Hiệp định Giơnevơ chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương. Đó cũng là quãng thời gian mà các cấp bộ Đảng miền Đông Nam bộ phát triển mạnh mẽ về hệ thống tổ chức Đảng, về số lượng và chất lượng đảng viên; quãng thời gian mà các tổ chức Đảng, cấp ủy Đảng và đảng viên được trui rèn qua thử thách, tích lũy bản lĩnh chính trị và kinh nghiệm công tác để thực hiện sứ mạng lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi cuộc

¹ Báo cáo tình hình cán bộ Phân liên khu miền Đông Nam Bộ tháng 10-1954, Lưu trữ Bộ Quốc phòng, hồ sơ 58, phòng số 104, tờ 1

kháng chiến chống thực dân Pháp ở địa phương và sẵn sàng bước vào cuộc đấu tranh mới; chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà.

PHẦN THỨ HAI

ĐẢNG BỘ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ (1954-1975)

Chương IV

ĐẢNG BỘ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ TIẾN LÊN ĐỒNG KHỞI GIÀNH CHÍNH QUYỀN LÀM CHỦ Ở NÔNG THÔN (1954-1960)

I. CƯỜNG CỐ TỔ CHỨC, BỔ TRÍ LẠI LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH ĐÒI DÂN SINH DÂN CHỦ, ĐÒI THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIÒNERVO (7-1954 - 7-1956)

Hiệp định Giơnevơ được ký kết ngày (7-5-1954). Cuộc kháng chiến chống của quân dân ta chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Miền Nam còn tạm thời do đối phương kiểm soát. Hiệp định Giơnevơ là một thắng lợi tổ chức lớn của nhân dân ta trong suốt 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng thời là pháp lý để nhân dân ta tiếp tục cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

Đầu tháng 8-1945, Phân liên khu ủy miền Đông Nam bộ tổ chức Hội nghị mở rộng, học tập tình hình nhiệm vụ mới cho đồng bào, cán bộ, chiến sĩ; tham gia cơ quan liên hiệp đình chiến các cấp; bố trí lực lượng tập kết ra Bắc; sắp xếp lại bộ máy và đội ngũ cán bộ ở lại; tổ chức mạng lưới giao liên; tổ chức chôn giấu vũ khí; chuyển hướng đấu tranh sang các hình thức thích hợp với điều kiện lịch sử mới để vừa gìn giữ và xây dựng lực lượng cách mạng, vừa buộc địch phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ.

Các cấp ủy Đảng ở miền Đông Nam bộ khẩn trương triển khai thực hiện chỉ thị Trung ương Cục và Nghị quyết Hội nghị Phân liên khu ủy. Vấn đề quan trọng nhất là lãnh đạo ổn định tư tưởng, bố trí lại lực lượng, bố trí người đi tập kết ra Bắc và người ở lại miền Nam. Lực lượng ở miền Đông Nam bộ tập kết được biên chế lại thành 5 trung đoàn thuộc 5 tỉnh: Tỉnh Thủ Biên: 4 Tiểu đoàn, Tỉnh Bà Chơ: 4 Tiểu đoàn, Tỉnh Gia Ninh: 3 Tiểu đoàn, Tỉnh Mỹ Tho: 4 Tiểu đoàn, Tỉnh Long Châu Sa: 2 Tiểu đoàn. Lực lượng tập kết hành quân về Xuyên Mộc (Bà Chơ) và Cao Lãnh (Long Châu Sa), tổ chức học tập chính trị và lên tàu ra Bắc¹. (1. Báo chí tình hình cán bộ Phân liên khu ủy miền Đông Nam bộ tháng 10-1954, hồ sơ 58, Phòng số 104, kho Lưu trữ Bộ Quốc Phòng, từ 1. lực lượng vũ trang ở Phân liên khu Đông Nam bộ, lực lượng tập kết bao gồm 2 Tiểu đoàn chủ lực của Phân liên khu (Tiểu đoàn 302, Tiểu đoàn 304) 11 Tiểu

đoàn bộ đội địa phương (5 Tiểu đoàn tập trung của 5 tỉnh, 6 Tiểu đoàn khác do các đại đội độc lập ghép lại), 6 đại đội binh chủng chuyên môn (công binh, vận tải, trinh sát, đặc công, thông tin), 2 đại đội công an xung phong, 2.349 cán bộ, chiến sĩ của cơ quan Phân liên khu bộ, 247 cán bộ, chiến sĩ thuộc Đặc khu Sài Gòn – Chợ Lớn, 747 cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam ở Đông Campuchia).

Tại khu vực Xuyên Mộc – Hàm Tân, lực lượng tập kết và đồng bào ở vùng địch tạm chiếm đổ về thăm thân nhân rất đông. Tỉnh ủy Bà - Chợ và đồng bào tổ chức lực lượng bảo vệ chặt chẽ, nên tình hình an ninh trật tự rất tốt. Đồng bào và cán bộ chiến sĩ đều phấn khởi. Người ra đi: thắng lợi ! người ở lại: vinh quang! Tất cả đều tin tưởng tất yếu vào sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, tin tưởng một ngày không xa, đất nước sẽ sạch bóng quân thù, Nam Bắc một nhà sum họp.

Trong khi đó, đế quốc Mỹ và tay sai ra sức phá hoại Hiệp định, phá hoại hòa bình. Ngày 7-7-1954, đế quốc Mỹ đưa Ngô Đình Diệm (được nuôi dưỡng đào tạo ở Mỹ) về miền Nam làm Thủ tướng thay Bửu Lộc, Chính phủ bù nhìn¹.

Tháng 9-1954, Mỹ thành lập Khối liên minh phòng thủ Đông Nam Á gồm 3 nước Đông Dương: Việt Nam, Lào, Campuchia nhằm mục đích chống cộng. Tháng 11-1954, chúng cử tướng Colin làm đại sứ ở miền Nam và thực hiện kế hoạch 6 điểm của Aixenhao nhằm áp đặt chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng ở vùng Đông Nam Á.

Ngày 1-1-1955, đoàn cố vấn quân sự Mỹ MAAG ở Sài Gòn bắt đầu đảm nhiệm việc “huấn luyện, trang bị” cho quân ngụy, thực chất là giành quyền chỉ huy trực tiếp quân ngụy, nắm và từng bước cải tổ, xây dựng bộ máy quân sự của chúng ở miền Nam. Ngô Đình Diệm ban hành đạo dụ số 2 bắt nông dân đóng tô cho địa chủ, khôi phục giai cấp địa chủ, làm nền tảng cho chế độ bù nhìn của chúng.

Ngày 5-2-1955, Ngô Đình Diệm ra tiếp đạo dụ số 7 buộc nông dân ký khế ước loại B đối với ruộng hoang và khế ước loại C với ruộng công. Tất cả các loại ruộng đất nông dân đang canh tác đều phải đóng tô thuế. Người nông dân thực sự bị trắng tay. Ở tỉnh Tân An, Chợ Lớn có nhiều địa chủ nổi tiếng giàu mà gian ác như: Hội đồng Ngãi

¹ Chính phủ do Ngô Đình Diệm cầm đầu được lập theo sắc lệnh 34/CP ngày 7-7-1954

ở Cần Giuộc, cai tổng Thâu ở Cần Đức, Lý Hanh và tổng Oai ở Đức Hòa, Lý Văn Mạnh, Lý Thị Hường ở Bến Lức... đã cướp của nông dân 17.00 ha ruộng¹.

Để loại trừ tận gốc các phe phái chính trị và lực lượng vũ trang thân Pháp, từ tháng 3-1955, đế quốc Mỹ triển khai chiến dịch tiêu diệt lực lượng thuộc “mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia” (Liên minh Cao Đài – Thiên chúa – Hòa Hảo – Bình Xuyên) để xóa bỏ mọi quyền lực cuối cùng của Pháp và thống nhất quân đội về một mối do Mỹ - Diệm điều khiển. Từ tháng 4 đến tháng 8-1955, ngụy quyền mở chiến dịch Hoàng Diệu đánh vào khu vực Rừng Sác tiêu diệt lực lượng Bình Xuyên. Từ tháng 2 đến tháng 6-1956, địch mở chiến dịch Nguyễn Huệ ở Tây Ninh tiêu diệt lực lượng còn lại ở giáo phái Cao Đài, kiểm soát vùng biên giới Việt Nam – Campuchia².

Đế quốc Mỹ ráo riết tập trung đầu tư nâng cấp, xây dựng mới hàng loạt sân bay, bến cảng, kho tàng ở sân bay Tân Sơn Nhất, Tổng kho liên hợp Long Bình, sân bay quân sự Biên Hòa, Vũng Tàu, Nhà Bè, Long Bình, Thành Tuy Hạ...; mở rộng hệ thống đường giao thông thủy bộ để phục vụ cho hoạt động quân sự. Đặc biệt là Mỹ ủi phá căn cứ cách mạng ở Bình Đa, An Hảo (Tam Hiệp, Biên Hòa) làm xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa (30 km) và đường thủy Sài Gòn - Vũng Tàu.

Do tính chất chiến lược của địa bàn, Mỹ - Diệm đã tổ chức Sài Gòn thành một biệt khu, miền Đông Nam bộ thành một vùng chiến thuật trọng yếu (vùng 3 chiến thuật) căn cứ đặt tại thị xã Biên Hòa là cứ điểm quân sự mạnh, trực tiếp bảo vệ trung tâm đầu não của Mỹ - ngụy ở Sài Gòn.

Để tiến hành tổ chức bộ máy ngụy quyền các cấp, Mỹ - Diệm gấp rút đào tạo một đội ngũ tay sai mới, sử dụng các tên ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân đưa về các địa phương nắm những chức vụ chủ chốt trong bộ máy ngụy quyền. Chỉ trong vòng hai năm 1955 - 1956 bộ máy kìm kẹp các cấp của Mỹ - ngụy ở miền Đông Nam bộ đã được tổ chức, xây dựng khắp các tỉnh.

Chính quyền Sài Gòn ra sức bắt lính, đôn quân, xây dựng phát triển lực lượng quân sự, tổ chức ngụy quân thành nhiều sư đoàn và bố trí ở miền Đông Nam bộ những đơn vị tinh nhuệ nhất như lính dù, thủy quân lục chiến (13 trung đoàn đóng ở Sài

¹ Chính sách ruộng đất của Mỹ - Diệm đã gặp phải phản ứng quyết liệt của nông dân. Ngày 22-10-1956, chúng phải ban hành tiếp đạo dụ số 57 truất hữu ruộng đất đối với địa chủ có trên 100 ha đất, sau hạ xuống còn 10 héc ta, trả tiền cho những địa chủ bị truất hữu, biến số này thành những “nhà tư sản”, làm cơ sở cho chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam.

² Theo tài liệu tổng kết của Bộ Tổng tham mưu ngụy thì từ tháng 4-1955 đến tháng 6-1956, quân đội của Ngô Đình Diệm đã hoàn thành việc tiêu diệt lực lượng vũ trang giáo phái. Riêng Hòa Hảo, Cao Đài có 600 bị giết, bị thương, 1.100 bị bắt, 7.758 ra hàng. Nếu cả lực lượng Bình Xuyên thì tổng số ra hàng là 5 trung đoàn và 1 tiểu đoàn được cho gia nhập quân đội ngụy

Gòn), sư đoàn 3 đóng ở Sông Mao (Bình Thuận); sư đoàn 4 đóng ở Biên Hòa, sư đoàn 13 đóng ở Bến Kéo (Tây Ninh)... Địch xây dựng và mở rộng thêm hàng trăm đồn bót, căn cứ, hậu cứ quân sự. Hệ thống nhà tù, một công cụ của bộ máy thống trị độc tài phát xít được địch thiết lập khắp nơi, tập trung nhiều ở khu vực miền Đông Nam bộ những trại giam lớn nhất như: Chí Hòa, Thủ Đức (Sài Gòn), Tân Hiệp (Biên Hòa), Phú Lợi (Thủ Dầu Một), Côn Đảo (Bà Rịa)...

Cuối năm 1954, đầu năm 1955, Mỹ - Diệm bằng những thủ đoạn thâm độc, dùng thần quyền giáo lý lừa bịp, cưỡng ép gần 1 triệu đồng bào Thiên Chúa giáo ở miền Bắc di cư vào Nam. Địch bố trí phần lớn đồng bào ở các tỉnh miền Đông Nam bộ, tập trung trên các tuyến đường giao thông chiến lược, quanh các căn cứ quân sự quan trọng của địch và cắm sâu vào các vùng căn cứ kháng chiến của ta trước đây. Tại Biên Hòa, chúng bố trí đồng bào dọc các trục Quốc lộ 1, lộ 15, lộ 20, khu vực căn cứ chiến khu Đ như Khánh Vân, Sinh Bà Đã, Giáng Hương, Bàu Cá Trê, Nước Vàng (Tân Uyên). Ở Bình Long có dinh điền Cầm Xe, Cầu Bà Già, Trung Lợi, Trục Dao, Xóm Ruộng, Đồng Hươu...; Các khu trù mật Đông Phát, Tổng Cui, Văn Hiến, Bù Com, Nhà Bò. Ở Bà Rịa có dinh điền Thanh Tóa, Thừa Đức...; Phú Mỹ, Phước Hòa, Long Hương, Rạch Dừa, Sao Mai, Bến Đá, Hải Đăng, Suối Nghệ, Bình Giã, Phước Tinh, Láng Găng, Xuyên Mộc. Tại Tây Ninh, quý II năm 1955, địch đưa gần 4 vạn đồng bào Thiên Chúa giáo di cư lập các khi dinh điền Bời Lời, Trông Mít, Bàu Cỏ, giồng Nằng. Diệm ban hành nhiều chính sách ưu đãi như cấp đất, cấp lương thực, cho vay vốn... nhằm chia rẽ đồng bào lương - giáo, biến giáo dân thành cơ sở chính trị xã hội trung thành nhất đối với chế độ Mỹ - Diệm.

Từ năm 1956, đi đôi với việc mở chiến dịch Trương Tấn Bửu, chính quyền Ngô Đình Diệm tổ chức phá rừng, phá căn cứ cách mạng Chiến khu Đ, mở các tuyến đường 322 từ Trị An vào Mã Đà (Biên Hòa, 323 từ cây số 125 (Định Quán) vào Tà Lài, danh nghĩa là để khai thác lâm sản, nhưng thực chất là chia cắt căn cứ Chiến khu Đ; 328 từ Bà Tô (Xuyên Mộc) ra quốc lộ xuyên qua khu Ba Mẫu; đường 329 từ Xuyên Mộc ra Bưng Kè, lập trại xe gỗ lớn ở Bàu Lâm; mở đường 328, 329 ở Tây Ninh chia cắt Chiến khu Dương Minh Châu, phá địa bàn căn cứ cách mạng.

Tháng 9-1954, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra nghị quyết về tình hình nhiệm vụ mới, quyết định giải thể Trung ương Cục miền Nam và thành lập Xứ ủy Nam bộ, đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng được cử làm Bí thư Xứ ủy. Xứ ủy giải thể các Phân liên khu ủy trong kháng chiến chống Pháp, tổ chức lại thành 3 Liên tỉnh ủy: miền Đông, miền Trung, miền Tây và Thành ủy thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định. Ban Chấp hành Liên tỉnh ủy

miền Đông Nam bộ được Xứ ủy chỉ định gồm các đồng chí: Phan Đức, Xứ ủy viên Bí thư Liên tỉnh ủy; Võ Văn Khánh (Bảy Khánh), Xứ ủy viên dự khuyết, Phó bí thư; Lê Văn Cây (Bảy Hồng Vũ) ủy viên dự khuyết¹.

Liên tỉnh ủy miền Đông Nam bộ đã thành lập Ban giao liên căn cứ do đồng chí Huỳnh Việt Thắng làm Trưởng Ban². Ban giao liên căn cứ được tổ chức thành hai hệ: hệ công khai và hệ bí mật; với những hộp thư bí mật đặt ở nhà những cơ sở trung kiên và những trạm giao liên để liên lạc, nắm tình hình và chỉ đạo phong trào các tỉnh.

Tháng 9-1954, Liên tỉnh ủy miền Đông Nam bộ tổ chức lại các tỉnh: Thủ Biên tách ra thành 2 tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa; Bà Rịa - Chợ Lớn thành 2 tỉnh Bà Rịa và Chợ Lớn; Gia Định Ninh tách ra, phần tỉnh Gia Định trở thành tỉnh Sài Gòn - Gia Định; phần đất còn lại lập tỉnh Tây Ninh và một phần nhập về tỉnh Chợ Lớn, sau đó thành tỉnh Long An.

- Tỉnh Tân An gồm 3 huyện: Châu Thành, Thủ Thừa, Mộc Hóa và thị xã Tân Tân An. Bí thư là đồng chí Nguyễn Văn Minh.

- Tỉnh Chợ Lớn gồm 4 huyện: Trung Huyện, Đức Hòa, Cần Giuộc, Cần Đức, Bí thư Huỳnh Văn Một.

- Tỉnh Thủ Dầu Một gồm các huyện: Châu Thành, Bến Cát, Lái Thiêu, thị xã Thủ Dầu Một, Hớn Quản, đồng chí Lê Đình Nhơn (Chín Lê), Bí thư.

- Tỉnh Biên Hòa gồm các huyện: Tân Uyên, Châu Thành, Vĩnh Cửu, Long Thành, Dĩ An, Xuân Lộc, Bà Rá³. Đồng chí Phạm Văn Thuận (Ba Thuận), Bí thư.

- Tỉnh Bà Rịa gồm các huyện: Long Điền, Đất Đỏ, Xuyên Mộc, Châu Thành, thị xã Bà Rịa, thị xã Vũng Tàu, đồng chí Nguyễn Kế Hoa, Bí thư.

- Tỉnh Tây Ninh gồm các huyện: Trảng Bàng, Toà Thành (sau năm 1975 gọi là huyện Hòa Thành), Thị xã, Châu Thành, Dương Minh Châu, Gò Dầu, đồng chí Nguyễn Trọng Cát (Bảo Cát), Bí thư.

- Tỉnh Gia Định gồm các quận Gò Vấp, Thủ Đức, Hóc Môn, Củ Chi, đồng chí Phạm Khải, Bí thư Tỉnh ủy (thời gian này tỉnh Gia Định còn nằm trong Liên tỉnh miền Đông Nam Bộ).

¹ Đến năm 1956, đồng chí Nguyễn Văn Chí, Bí thư Tỉnh ủy Chợ Lớn được Xứ ủy quyết định về làm Phó Bí thư Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam Bộ, bổ sung đồng chí Tám Chánh (Tám Bón) vào Liên tỉnh ủy

² Sau đó là các đồng chí Tư Trung, Đào Trọng Hằng (Tám Mỹ)

³ Quận Bà Rá được thành lập ngày 4-8-1952 với tên gọi là quận Phú Riêng. Đến ngày 20-3-1933, đổi tên thành quận Bà Rá.

Các Tỉnh ủy do Liên tỉnh ủy chỉ định có từ 5 đến 9 ủy viên. Các Bí thư Tỉnh ủy được phân công phụ trách chung, có nơi Bí thư kiêm nhiệm công tác binh vận, địch tình hoặc tuyên huấn. Phó bí thư phụ trách tuyên huấn, binh vận, có tỉnh kiêm thêm trưởng ban giao liên căn cứ; một tỉnh ủy viên phụ trách công tác thanh vận; một tỉnh ủy viên phụ trách giao liên, kinh tài. Mỗi tỉnh còn được Xứ ủy cấp 1 triệu đồng tiền ngân hàng Đông Dương để làm vốn sản xuất tự túc.

Thực hiện Nghị quyết của Xứ ủy, Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ chỉ đạo củng cố các tổ chức Đảng từ Tỉnh ủy đến cơ sở. Các cấp ủy Đảng hoạt động theo phương châm, nguyên tắc bí mật. Nhiệm vụ trước mắt của lực lượng ở lại miền Nam là lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, lãnh đạo đấu tranh chống khủng bố, bắt bớ trả thù, đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, bảo vệ quyền lợi của quần chúng, tuyệt đối không được hoạt động vũ trang.

Tình thế cách mạng miền Nam đã thay đổi, nhiệm vụ cách mạng chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị theo điều khoản Hiệp định đã ký kết. Công tác tổ chức và cán bộ của Đảng cũng có sự thay đổi cho phù hợp với tình hình mới. Tất cả các đoàn thể trong kháng chiến đều giải thể, chỉ còn lại tổ chức đoàn Thanh niên Lao động (gọi tắt là Thanh Lao). Liên Tỉnh ủy chọn lựa các đảng viên trung kiên có kinh nghiệm đấu tranh chỉ định vào cấp ủy Đảng lãnh đạo phong trào quần chúng trong tình hình mới. Các cấp ủy Đảng phải giữ bí mật tuyệt đối, ngay cả với đảng viên nếu không có yêu cầu liên hệ công tác cũng không được biết. Yêu cầu cao nhất đối với đảng viên ở lại là lòng trung thành và tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng; bám quần chúng, hòa mình vào quần chúng lãnh đạo đấu tranh để tồn tại.

Ở các tỉnh miền Đông Nam bộ cho đến đầu năm 1955 có 14.365 đảng viên. Tỉnh Gia Định có 3.000 đảng viên; tỉnh Thủ Dầu Một 1.647 đảng viên; tỉnh Biên Hòa 1.128 đảng viên; tỉnh Tân An – Chợ Lớn 3.000 đảng viên; tỉnh Tây Ninh 4.000 đảng viên. Từ giữa năm 1954 đến cuối năm 1955 mọi hoạt động của Đảng bộ và nhân dân miền Đông Nam bộ đều tập trung đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, duy trì hòa bình, đòi dân sinh dân chủ, cải thiện đời sống.

Sau khi ổn định một bước bộ máy lãnh đạo các cấp, Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ đã họp và đề ra nhiệm vụ đấu tranh cách mạng trong giai đoạn mới: Tăng cường đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng, dựa vào pháp lý của Hiệp định Giơnevơ để đấu tranh chính trị, đòi dân sinh dân chủ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, bảo vệ cán bộ, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, chống địch bắt bớ khủng bố cán bộ kháng chiến cũ, đồng thời đẩy mạnh công tác đô thị, binh vận, đẩy

manh phong trào đấu tranh của công nhân, đặc biệt là công nhân cao su, xây dựng phong trào cách mạng ở nông thôn và miền núi.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ các cấp, ngay từ những tháng cuối năm 1954 phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp nhân dân miền Đông Nam bộ đã dấy lên mạnh mẽ rộng khắp. Tại Sài Gòn, ngày 1-8-1954, hơn 50.000 đồng bào tham gia cuộc mít tinh tại trung tâm thành phố hoan nghênh Hiệp định Giơnevơ, chào mừng hòa bình. Ban vận động hòa bình khu Sài Gòn – Gia Định ra mắt gồm nhiều nhân sĩ, trí thức nổi tiếng do luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch, giáo sư Phạm Huy Thông làm Tổng thư ký, kêu gọi nhân dân đấu tranh bảo vệ hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà bằng tổng tuyển cử tự do. Phong trào phát triển mạnh mẽ, thu hút hàng vạn các tầng lớp quần chúng tham gia.

Tháng 10-1954, Ủy ban phong trào bảo vệ hòa bình Sài Gòn – Chợ Lớn được thành lập gồm những trí thức có uy tín. Các vị Chủ tịch danh dự gồm kỹ sư Lưu Văn Lang; chủ tịch Hội tăng già Việt Nam Thích Huệ Quang; Giám đốc Ngân hàng Nguyễn Văn Mỹ. Phong trào gồm đại biểu các đoàn thể tiên bộ, các tổ chức quần chúng, các xí nghiệp lớn, các trường học lớn, các khu phố quan trọng. Trong thành phố có 32 ủy ban hòa bình cơ sở và hơn 100 ủy ban cơ sở ở khắp các quận nội thành.

Ngày 17-11-1954, lấy cớ phong trào Sài Gòn - Gia Định lập hội không xin phép, Mỹ - Diệm cho tay sai đập phá trụ sở phong trào đặt tại đường Ga-li-ê ni (Trần Hưng Đạo). Chúng bắt giam giữ 40 nhà sáng lập phong trào vận động hòa bình, đày luật sư Nguyễn Hữu Thọ và giáo sư Phạm Huy Thông cùng một số vị khác ra giam lỏng ở cực Nam Trung bộ.

Cùng với Sài Gòn – Chợ Lớn, nhân dân các tỉnh ở miền Đông Nam bộ cũng rầm rộ xuống đường biểu dương lực lượng, tỏ rõ quyết tâm đấu tranh vì hòa bình, tự do, cơm áo. Đặc biệt phong trào đấu tranh của công nhân cao su các tỉnh miền Đông Nam Bộ như Thủ Dầu Một, Biên Hòa đã liên tục nổ ra với khẩu hiệu đòi dân sinh dân chủ, thu đạt những kết quả về cải thiện các chính sách. Bộ Lao động nguy và các chủ đồn điền buộc phải ban hành và chấp nhận các chính sách lao động đối với công nhân lao động miền Nam.

Ngày 2-8-1954, chi bộ Đảng lãnh đạo hơn 5.000 công nhân đồn điền cao su An Lộc (Long Khánh) bãi công 3 ngày liền chào mừng hòa bình, đòi bãi bỏ thuế “đảm phụ quốc phòng”, đòi tăng lương 20%. Ở Tây Ninh hơn 5.000 quần chúng kéo vào thị trấn Gò Dầu, 2.000 người tuần hành ở thị trấn Trảng Bàng. Chỉ mấy tháng cuối năm 1954 ở Tây Ninh có 5 vạn quần chúng kéo vào thị xã, thị trấn hoan hô Hiệp định

Gionevơ, chào mừng hòa bình. Ở Chợ Lớn, Tân An, tại các huyện Đức Hòa, Thủ Thừa, Cần Đức, Cần Giuộc, Châu Thành... hàng ngàn quần chúng tham dự mít tinh biểu tình tuần hành trên lộ Đông Dương biểu lộ nguyện vọng thiết tha của nhân dân là hòa bình, độc lập và thống nhất.

Tại Bà Rịa, ngày 10-10-1954, hàng nghìn công nhân các đồn điền cao su phối hợp chặt chẽ với nông dân đấu tranh đòi thi hành Hiệp định, thực hiện dân sinh dân chủ. Khắp thị thành, thôn xóm, đồng bào sôi nổi bàn bạc về Hiệp định Gionevơ và âm mưu của Mỹ - Diệm. Tháng 11-1954, Ban cán sự Đảng cao su Bình Ba đã tổ chức hàng trăm công nhân cao su Bình Ba, đấu tranh đòi tăng lương, cải thiện đời sống. Các chủ sở cao su cuối cùng đã phải chấp nhận tăng lương công nhân từ 14 lên 17 đồng/ngày và cho công nhân nghỉ cạo ngày chủ nhật.

Tại Xuân Lộc (Biên Hòa) từ ngày 11 đến ngày 17-11-1954, hơn 40.000 công nhân cao su cùng với hàng ngàn nông dân tổ chức cuộc đấu tranh với quy mô lớn, dài ngày đòi chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành Hiệp định, chống cướp đất của nông dân, đòi các chủ sở cao su phải tăng tiền lương, giải quyết nhà ở cho công nhân. Nhiều cuộc đấu tranh chống địa chủ câu kết với ngụy quyền chiếm đoạt ruộng đất của nông dân diễn ra ở Hòa Long, Long Phước (Bà Rịa) được công nhân cao su ủng hộ, kéo vào đấu tranh trong tình lý đạt kết quả, bảo vệ được quyền lợi của nông dân, tăng cường được khối liên minh công nông.

Tháng 11- 1954, Ban Công vận Liên tỉnh ủy miền Đông Nam bộ phối hợp với Đảng bộ Thủ Dầu Một, Biên Hòa phát động hơn 40.000 công nhân cao su các đồn điền Dầu Tiếng, Quán Lợi, Lộc Ninh, Thuận Lợi (thuộc quận Bà Rịa – Biên Hòa) đấu tranh với chủ sở Tây đòi bãi bỏ chế độ cấp phát gạo mứt, cá ươn, chống đánh đập, cúp phạt, sa thải công nhân, đòi tăng lương, giảm giờ làm; đòi được chăm sóc sức khỏe khi đau bệnh. Kết quả chủ sở phải chấp nhận giải quyết các yêu sách.

Ở Bà Rịa – Vũng Tàu, đồng bào tranh thủ sự có mặt của Ủy ban giám sát và kiểm soát quốc tế thi hành Hiệp định Gionevơ, tổ chức liên tiếp nhiều cuộc biểu tình, đưa đơn kiến nghị, tố cáo hành động tội ác của chính quyền Diệm vi phạm Hiệp định, khủng bố những người kháng chiến.

Cuối năm 1954, ở huyện Thủ Thừa (Tân An), để bảo vệ quyền lợi của nông dân, Huyện ủy lãnh đạo tổ chức hai cuộc đấu tranh hơn 20.000 quần chúng tham gia, trong đó có cuộc đấu tranh của nông dân kéo vào tỉnh lỵ đả đảo địa chủ Võ Thành Tây cướp đất của nông dân. Riêng ở Đức Hòa chỉ trong một cuộc biểu tình đã có trên

10.000 người dự. Cuộc biểu tình ngày hôm trước bị đàn áp, ngày hôm sau lại diễn ra lớn hơn, mạnh mẽ và quyết liệt hơn.

Cùng với các cuộc biểu tình đấu tranh đòi hòa bình, phong trào đấu tranh đòi tổng tuyển cử thống nhất đất nước cũng diễn ra sôi nổi. Đồng bào gửi hàng vạn bưu thiếp ra miền Bắc để hỏi thăm bà con ruột thịt biểu lộ tình cảm tha thiết của nhân dân miền Đông Nam bộ nói riêng và đồng bào miền Nam nói chung đối với Đảng, với Bác Hồ, nguyện một lòng sắt son với danh hiệu “Thành đồng Tổ quốc”.

Đầu năm 1955, sau khi tổ chức lực lượng tập kết ra miền Bắc, Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ đã chỉ đạo các Tỉnh ủy sắp xếp, tổ chức bộ máy ổn định, xác định địa bàn đứng chân để lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh; tổ chức bộ máy giao liên nổi thông từ tỉnh, huyện, xã và bố trí cán bộ. Hầu hết cán bộ, đảng viên ở lại của các tỉnh miền Đông Nam bộ đều được đưa về các địa phương sinh hoạt và công tác, đều được tạo giấy tờ hợp pháp của địch (do cơ sở cách mạng làm trong bộ máy chính quyền địch cung cấp). Đảng bộ miền Đông Nam bộ, các Tỉnh ủy đã kịp thời thay đổi phương thức hoạt động để tập hợp lực lượng quần chúng. Các chi bộ địa phương ở nông thôn cũng như ở thị xã, thị trấn đã chủ động lãnh đạo tổ chức do quần chúng đấu tranh đòi thành lập các tổ chức công khai và lợi dụng các tổ chức do quần chúng lập, tạo thế công khai như Nghiệp đoàn, Hội banh, Hội nhà vàng, Hội miếu, Hội chùa, Hội đổi công... phù hợp với sinh hoạt của nhân dân để tập hợp quần chúng. Hoạt động mạnh nhất là các hội ái hữu, các nghiệp đoàn công nhân cao su. Các chi bộ Đảng lãnh đạo qua cơ sở cốt cán có nhiều uy tín trong dân. Có nơi cán bộ, đảng viên có lợi thế hoạt động công khai trực tiếp điều hành tổ chức các hội công khai, bán công khai.

Thực hiện chỉ thị của Xứ ủy Nam bộ về việc “Mở rộng và đẩy mạnh công tác đô thị, phối hợp chặt chẽ với công tác đô thị và nông thôn”, các cấp ủy Đảng đã lợi dụng mọi khả năng tổ chức hợp pháp, đưa cán bộ, đảng viên vào nắm lấy các tổ chức nghiệp đoàn, các hội đoàn ở các thành phố, thị xã, thị trấn.

Theo chỉ đạo của Liên tỉnh ủy, đẩy mạnh công tác binh vận, các Tỉnh ủy đã tổ chức Ban binh vận các cấp và chủ trương tranh thủ nắm được một số viên chức, công chức trong bộ máy ngụy quyền cấp huyện, tỉnh và trung ương, đồng thời chọn đảng viên, đoàn viên đưa vào bộ máy tề ngụy ở các địa phương; xây dựng cơ sở nội tuyến trong lòng địch với phương châm “xanh vỏ đỏ lòng”. Ban đầu ở nhiều xã, người của cách mạng chiếm một nửa hoặc một phần ba trong lực lượng dân vệ xã, sau đó, địch củng cố loại dần chỉ còn một số không lộ. Trong các đồn điền cao su ta đưa các đồng chí cán bộ, đảng viên vào ban chấp hành nghiệp đoàn ở cơ sở, đặc biệt trong Liên đoàn đồn điền Việt Nam do ngụy quyền tổ chức, Liên tỉnh ủy miền Đông Nam bộ đưa

cán bộ, đảng viên vào nắm lấy các chức vụ chủ chốt trong tổ chức, như các đồng chí Lê Văn Kiều, Hà Xuân Thọ.

Liên Tỉnh ủy chỉ đạo cán bộ, đảng viên hoạt động ở thời kỳ này phải hòa mình trong quần chúng để vừa nắm quần chúng lại vừa được quần chúng che chở, bảo vệ. Cán bộ, đảng viên phải thực hiện phương châm, nguyên tắc ngăn cách bí mật. Hầu hết chi bộ đảng ở các tỉnh miền Đông Nam bộ đều tiến hành tổ chức xâu chuỗi. Mỗi đảng viên tự xây dựng từ 3 đến 5 cốt cán; mỗi cốt cán xây dựng từ 3 đến 5 quần chúng cảm tình. Đảng viên lãnh đạo quần chúng qua xâu chuỗi, đảng viên xây dựng, quan hệ giao việc không tràn lan, không để đảng viên khác biết theo phương châm “Việc ai người nấy biết, việc gì cần thiết mới làm”. Từ đó, cán bộ, đảng viên bám chắc vào quần chúng, thực hiện phương châm, bí mật xây dựng được nhiều “lõm chính trị”, xây dựng căn cứ vững chắc trong lòng dân.

Trong lúc ta tổ chức sản xuất lại lực lượng chuẩn bị vào cuộc chiến tranh mới, cũng là lúc địch tiến hành xây dựng hệ thống kìm kẹp từ Trung ương cho đến tận xã, ấp. Ngoài bộ máy tề nguỵ các cấp, chúng còn tổ chức đưa bọn công dân vụ, công an chìm, nổi, bọn tình báo trá hình trong các đoàn “xây dựng hương thôn”, “Diệt trừ sốt rét” luôn về các xóm, ấp, vào sâu các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các sở cao su... điều tra thăm dò tình hình, lập danh sách những người kháng chiến, những gia đình có liên hệ với cách mạng, phân loại dân chuẩn bị cho các chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”. Mặt khác chúng ráo riết mở các chiến dịch tuyên truyền lừa mị dân chúng, thành lập các tổ chức chính trị phản động như “Đảng Cần lao nhân vị”, “Phong trào cách mạng quốc gia”, các tổ chức “Công đoàn vàng”, “Thanh niên cộng hòa”, “Phụ nữ liên đới”... Thâm độc nhất là chúng thực hiện cơ chế người dân tự kiểm soát lẫn nhau bằng cách cứ 5 hộ gia đình lập ra “ngũ gia liên bảo” để kiểm soát mọi hoạt động, sinh hoạt của mỗi người dân, gây nghi ngờ, chia rẽ nhân dân. Tuy nhiên mục tiêu quan trọng nhất là tập trung khống chế, theo dõi cán bộ, đảng viên Cộng sản. Khi phát hiện được, chúng bắt giam và khi tha về thì tung tin ly gián, gây nghi ngờ trong quần chúng, cô lập và tách đảng viên với quần chúng. Mục tiêu trọng tâm của Mỹ - Diệm là tạo thực lực cả về quân sự và chính trị, xã hội và đánh phá cách mạng, triệt hạ mọi cơ sở hạ tầng của Đảng Cộng sản từ các thành phố, thị xã, thị trấn cho đến tận các vùng đồn điền cao su, các vùng nông thôn trên địa bàn các tỉnh.

Đầu năm 1955, song song với chiến dịch thanh toán các phe phái đối lập, bày trò “trung cầu dân ý” truất phế Bảo Đại, Ngô Đình Diệm vừa được Mỹ đưa lên làm tổng thống, đã triển khai ngay chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”, coi đó là “quốc sách”, hòng tiêu diệt cộng sản, dè bẹp phong trào yêu nước của nhân dân ta.

Tháng 2-1955, Ngô Đình Diệm thành lập Ủy ban tổ cộng diệt cộng từ trung ương đến cơ sở. Tháng 3-1955, Diệm chính thức ban hành chính sách “tổ cộng”. Tháng 4-1955, chúng mở hội nghị “tổ cộng” ở Chợ Lớn, lấy Chợ Lớn làm thí điểm cho toàn miền Nam. Kế hoạch thí điểm “tổ cộng” gồm 2 bước. Bước một tiến hành đổi thẻ căn cước nhằm nắm lại dân và phân chia ra làm 3 loại:

- Loại A gồm những đảng viên, cán bộ và người kháng chiến bị chúng liệt vào loại “công dân bất hợp pháp”.

- Loại B gồm những người có dính líu đến kháng chiến như cha, mẹ, vợ, chồng, anh em, con cái của đảng viên. Cán bộ, du kích ... bị chúng liệt vào “công dân nửa hợp pháp”.

- Loại C gồm những người “không liên quan với Cộng sản”.

Ý đồ của Diệm trong việc phân loại là dựa vào loại C đánh loại A và phân hóa loại B. Sau khi phân loại, chính quyền Ngô Đình Diệm buộc những người kháng chiến cũ phải ra trình diện, nhận giấy chứng nhận “cán bộ hồi cư” để quản thúc, khi có lệnh của chúng, những người kháng chiến cũ phải ra đồn bót hoặc trụ sở tề ngu đêm, đến sáng mới được về nhà. Ở các tỉnh có một số đảng viên sa vào âm mưu địch, đều bị quần chúng phê phán. Đại bộ phận đảng viên, cán bộ dựa vào dân, được nhân dân che chở tồn tại.

Bước hai “tổ cộng” được mở màn bằng một chiến dịch tuyên truyền quy mô rộng lớn trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng, bằng nhiều hình thức, ở tất cả mọi nơi nhằm xuyên tạc kháng chiến, bôi nhọ cách mạng, phủ nhận công lao của Đảng Cộng sản trong kháng chiến chống thực dân Pháp... mặt khác chúng ra sức tuyên truyền tô son trát phấn cho chế độ tay sai Sài Gòn với các chiêu bài “đả thực, bài phong, diệt cộng” tạo uy thế chính trị và cơ sở xã hội cho chính quyền các cấp Mỹ - Diệm. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống đế quốc Mỹ và chế độ phong kiến tay sai phát xít Ngô Đình Diệm bắt đầu bước ào thời kỳ quyết liệt và đẫm máu.

Ở Tân An, Chợ Lớn trong những ngày đầu của chiến dịch “tổ cộng”, địch tổ chức hàng loạt cuộc vây ráp. Ở huyện Đức Hòa, Cần Giuộc 20 người bị bắt giết, trong đó có 4 huyện ủy viên huyện Đức Hòa và 3 tỉnh ủy viên Chợ Lớn. Bầu không khí khủng bố bao trùm nông thôn. Cảnh địch bắt giết người cộng sản kháng chiến, cắt cổ, mổ bụng, xỏ râu cho thả trôi sông... diễn ra hàng ngày, tại Biên Hòa, Thủ Dầu Một, địch liên tục càn quét vào Chiến khu Đ, Bến Cát, Lộc Ninh, Dầu Tiếng, Phú Riềng... bắt người tra tấn, đánh đập tại chỗ để răn đe.

Chúng thanh lọc ngay trong hàng ngũ tay sai nguy quyền nhằm phát hiện bắt những người ta gài vào. Như tên Gấm ở Bình Chuẩn ta đưa vào làm ủy viên cảnh sát xã, địch rún ép không chế phản lại cách mạng theo ý đồ của địch, chỉ điểm bắt đồng chí Chánh văn phòng Tỉnh ủy; tên Lam Sơn chỉ điểm bắt đồng chí Lê Đình Nhơn (Chín Lê); tên Mi ở Phú Hữu chỉ điểm bắt đồng chí Vũ Duy Hanh, Phó bí thư Tỉnh ủy, Lưu Hồng Thoại, Tỉnh ủy viên. Ở tỉnh Biên Hòa, địch phát hiện bắt các đồng chí Nguyễn Việt Trai, tỉnh ủy viên, Ngô Tiến, Bí thư Huyện ủy Xuân Lộc, Hai Quảng, Bí thư Huyện ủy Vĩnh Cửu, Hoàng Tam Kỳ, Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa. Ở Tây Ninh, chúng bắt được đồng chí Ba Tura, Tỉnh ủy viên...

Trước tình hình đó nhân dân các tỉnh đã bằng nhiều hình thức đấu tranh chống với địch để bảo vệ lực lượng cách mạng nhằm chống lại kế hoạch phân loại của địch để phát hiện cộng sản. Nhân dân ta dựa vào điều 14C của Hiệp định cấm bắt bớ trả thù những người kháng chiến cũ, đấu tranh vạch trần tội ác địch. Có những vụ địch bắt cán bộ, quân chúng tranh thủ binh sĩ địch, tìm cách đánh tháo cho cán bộ chạy thoát. Nói xấu cộng sản, nói xấu kháng chiến, giặc đã xúc phạm đến tình cảm thiêng liêng của đồng bào. Lòng tin đối với Đảng, với Bác Hồ và bao chiến sĩ cách mạng đã tạo thành sức mạnh và ý chí quyết tâm, đồng thời nảy sinh trong quần chúng nhân dân trăm phương nghìn kế để chống sự khủng bố, trả thù của địch. Ở An Điền, Bến Cát, địch bắt một cán bộ kháng chiến, nhân dân kéo đến quận lỵ Bến Cát đấu tranh giành lại. Trước sức mạnh của quần chúng, quận trưởng buộc phải thả người bị bắt. Ở Tây Ninh, địch bắt đồng chí Năm An, đồng bào xã Hảo Đức dùng gậy gộc bao vây địch để giải thoát.

Địch bắt đồng bào, đảng viên phải xé cờ Đảng, bước qua ảnh Bác Hồ để “tỏ rõ tinh thần chống cộng sản và lòng trung thành với chính phủ quốc gia”. Biết bao người từ cụ già đến em bé dù chết cũng không khuất phục. Ở Cần Giuộc (Chợ Lớn), địch bắt đồng chí Niệm, Phó bí thư Huyện ủy. Chúng bắt đồng chí tuyên bố ly khai Đảng, chịu phục tùng “chính thể quốc gia” trước mặt quần chúng thì được tha, đồng chí Niệm đồng dạc nói lớn: “Chúng tao là những người kháng chiến thắng Pháp trở về quê hương theo Hiệp định Giơnevơ, không phải trình diện ai cả”. Mỹ - Diệm chặt đầu đồng chí Niệm đem bêu ở chỗ đông người để khủng bố tinh thần cách mạng của nhân dân. Hàng ngàn cán bộ, đảng viên khắp các tỉnh miền Đông Nam bộ bị giặc giết hại, bắt bớ, tra tấn tù đày vẫn giữ tròn khí tiết, chiến đấu vì lý tưởng cộng sản đến hơi thở cuối cùng.

Đồng chí Nguyễn Ngọc Cư, Bí thư chi bộ xã An Ngãi (huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa) bị cưỡng bức lên tố cộng trước 300 quần chúng, bắt hô các khẩu hiệu phản

động. Đồng chí đã nêu cao khí phách anh hùng của người cộng sản, danh thép tố cáo tội ác Mỹ - ngụy và hô khẩu hiệu: “Hồ Chí Minh muôn năm”, “Đả đảo Ngô Đình Diệm”. Địch tra tấn đồng chí đến chết. Ông Cao Văn Ngọc (sinh năm 1897), cơ sở chi bộ An Ngãi, bị địch bắt, chúng tra tấn bằng nhiều cực hình, ông vẫn không khai báo gì. Tại nhà tù Côn Đảo, ông luôn thể hiện phẩm chất kiên cường bất khuất, không sờn lòng nhụt chí, trở thành lá cờ đầu trong cuộc đấu tranh chống ly khai Đảng Cộng sản và hy sinh anh dũng tại Chuồng Cọp, Côn Đảo¹.

Đi đôi với lừa bịp, cưỡng ép, thủ đoạn phổ biến của giặc là thủ tiêu, khủng bố và tàn sát. Ở miền Đông Nam bộ, địch xây dựng các khám đường: Trại giam Tân Hiệp, Biên Hòa, trại giam Phú Lợi, Thủ Dầu Một, trại giam Thủ Đức. Ở tỉnh, quận chúng đều xây trại giam để giam cầm cán bộ, đảng viên, người yêu nước chống đối chế độ ngụy quyền. Trong các trại giam, ngoài chế độ tra tấn, khảo tra dã man, địch dùng nhiều biện pháp khủng bố tinh thần, kể cả việc rún ép thân nhân đi thăm để lung lạc tinh thần cán bộ, đảng viên bị giam giữ.

Vừa đẩy mạnh “tố cộng”, Mỹ - Diệm vừa ra sức “cải tiến nông thôn”, lập các “khu dinh điền”, “khu trừ mật” nhằm không chế nông dân, kiểm soát nông thôn. Chương trình “cải tiến nông thôn” được tiến hành trên cơ sở lấy việc thực hiện “chính sách cải cách điền địa” làm khâu trung tâm.

Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ nhận định: Kẻ thù đánh vào quyền lợi ruộng đất của nông dân, phá hoại thành quả cải cách ruộng đất trong kháng chiến chống Pháp cũng chính là đánh vào chỗ dựa sống còn của Đảng, của cách mạng. Do đó, nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân miền Đông Nam bộ không chỉ là chống địch khủng bố trắng để bảo vệ Đảng, bảo vệ phong trào cách mạng mà còn chống địch cướp lại ruộng đất, quyền lợi thiết thân của đại bộ phận quần chúng nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, hàng trăm cuộc đấu tranh của nông dân nổ ra với nhiều hình thức phong phú, phổ biến nhất là làm đơn kiến nghị phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm và bọn địa chủ cướp ruộng đất của nông dân. Phong trào phát triển mạnh mẽ ở hầu khắp các tỉnh miền Đông Nam bộ, đặc biệt là ở các tỉnh Tân An, Biên Hòa, Bà Rịa.

Bên cạnh đó những cuộc đấu tranh của quần chúng chống địch đuổi làng cướp đất, dồn dân để lập căn cứ quân sự, làm đường chiến lược cũng diễn ra giằng co, quyết liệt. Đồng bào đã anh dũng đấu tranh với khẩu hiệu “sống tại chỗ, chết tại chỗ”, “tác đất không đi, không bán, không bán đất, không cho mượn đất”. Ở Hóc Môn (Gia

¹ Tháng 8-1998, ông Cao Văn Ngọc được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân

Định) cuộc đấu tranh chống địch cướp đất mở rộng trại huấn luyện Quang Trung và sân bay Tân Sơn Nhất diễn ra quyết liệt từ cuối năm 1955. Địch dùng cả súng cối bắn vào nhà dân để uy hiếp, nhưng dân vẫn bám làng, bám đất đấu tranh. Cuộc đấu tranh của nhân dân ở Hóc Môn có ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh ở Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Biên Hòa.

Ở Biên Hòa, năm 1958, cuộc đấu tranh chống địch mở rộng xa lộ Sài Gòn – Biên Hòa do Tỉnh ủy Biên Hòa lãnh đạo diễn ra quyết liệt. Tỉnh ủy Biên Hòa thành lập Ban chỉ đạo chống làm xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn; Đồng chí Hai Nam, Tỉnh ủy viên, Trưởng ban; đồng chí Phan Văn Trang, Huyện ủy viên Vĩnh Cửu, ủy viên. Ban chỉ đạo đã lãnh đạo quần chúng ở An Hảo, Bình Đa (Tam Hiệp) đấu tranh quyết liệt với khẩu hiệu “Sống có nhà chết có mồ”; huy động quần chúng các xã Tam Hiệp, Long Bình cầm vải đỏ lên mộ người chết, phát động nhân dân cầm dao cuốc vây chặt, buộc Mỹ phải ngưng ủi phá. Sau 3 tháng đấu tranh, địch buộc phải bồi thường mỗi ngôi mộ 3.000 đồng để quần chúng dời mộ đi nơi khác.

Năm 1955, phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp nhân dân ở miền Đông Nam bộ tiếp tục diễn ra sôi động, đặc biệt là phong trào đấu tranh của công nhân cao su ở Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một), Bình Phước Long, Xuân Lộc (Biên Hòa).

Tháng 2-1955, hơn 5.000 công nhân ở đồn điền cao su Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một) đấu tranh đòi ngày làm 8 giờ, đòi tăng lương, được hưởng lương khi bị bệnh...

Tiếp theo ngày 13-3-1955 gần 12.000 công nhân gồm người Kinh và đồng bào dân tộc thiểu số kéo đến nhà tên chủ sở tại Lộc Ninh đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm, trả lương công nhân là người dân tộc thiểu số bằng lương người Kinh, đòi tự do đi lại, hội họp... Tên chủ cố tình làm ngơ. Đến chiều lực lượng công nhân kéo thêm 5.000 người tiếp tục vây quanh nhà tên chủ sở đấu tranh đưa yêu sách. Chủ sở Đờ Lalăng không thể lẩn tránh được, phải tiếp nhận yêu sách của công nhân.

Từ ngày 2-2-1955, trên 1.000 công nhân làng J (Núi Đỏ), làng A, B (An Lộc) huyện Xuân Lộc tỉnh Biên Hòa liên tục đấu tranh với chủ sở đòi tăng lương, đòi cải thiện đời sống. Bọn chủ không giải quyết lại đuổi tiếp hai công nhân với lý do xin nghỉ cạo để công nhân đưa đám tang một công nhân lớn tuổi qua đời. Đến 14 giờ ngày 12-2, hơn 400 công nhân làng A, B đã tập trung tại trung tâm An Lộc đấu tranh kiến nghị quận trưởng Xuân Lộc can thiệp với 2 yêu sách: chấm dứt đuổi việc công nhân vô cớ, không đánh đập làm khó dễ công nhân; giảm giờ lao động, ngày làm việc 8 giờ.

Bọn chủ sở và quận trưởng không giải quyết, ngày 14-2, Huyện ủy chỉ đạo vận động 3.000 công nhân đình công ngay tại sân banh An Lộc. Chiều ngày 15-2-1955,

chủ sở phải chấp nhận yêu sách không đuổi công nhân vô cố, nhận lại công nhân vào làm; chấp nhận mỗi công nhân làm việc 8 tiếng thay vì trước đó bắt công nhân làm 9 tiếng.

Nhân ngày Quốc tế lao động 1-5-1955, theo sự chỉ đạo của Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ, Ban công vận Liên tỉnh ủy và các Tỉnh ủy Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa ... tổ chức hàng vạn công nhân cao su thành đội ngũ chính tề kéo về Sài Gòn biểu tình thị uy và đưa bản “Cộng đồng kế ước cao su Việt Nam” với 16 yêu sách buộc chính quyền Diệm, các chủ sở và đại diện công nhân ký vào văn bản. Đây là thắng lợi tổ chức lớn của đội ngũ công nhân cao su miền Đông Nam bộ.

Phát huy thắng lợi phong trào đấu tranh của công nhân các đồn điền cao su. Liên Tỉnh ủy chỉ đạo các Tỉnh ủy cần phải tập trung lãnh đạo, chuẩn bị cuộc biểu dương sức mạnh của đội ngũ công nhân miền Đông Nam bộ. Ngày 10-11-1955, Ban công vận các tỉnh đã vận động công nhân cao su trong 4 tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh đấu tranh với các yêu sách:

- Về cải thiện sinh hoạt cho công nhân: Ấn định lương tối thiểu công nhân là 40 đồng/ngày; Tăng lương tổng quát cho công nhân 30 % từ ngày 1-9-1955; Trả đủ tiền phụ cấp, phụ trội cho công nhân; Sửa nhà ở, phát gạo tốt cho công nhân.

- Về thi hành luật lao động: Thực hiện ngày làm 8 giờ; Chia lại phần cây cao cho hợp lý; Không được hành hung công nhân; Bãi bỏ việc cúp phạt công nhân bằng tiền; Cuộc đình công diễn ra 7 ngày, từ 25.000 công nhân tham gia ngày đầu phát triển thành 40.000 người đình công, gây thiệt hại cho chủ đồn điền cao su mỗi ngày trên 40 vạn đô la. Ngày 17-11-1955, cuộc đấu tranh đã giành được thắng lợi. Bộ Lao động nguy Sài Gòn phải ban hành Nghị định 115/LĐ/NĐLĐ, với các điều khoản:

- Lương tối thiểu 30 đồng cho công nhân không chuyên, lao động phổ thông.
- Lương tối thiểu 37 đồng cho công nhân chuyên cạo mủ.
- Lương tối thiểu 24 đồng cho công nhân là phụ nữ hoặc thiếu niên từ 14 đến 18 tuổi làm việc phổ thông. Nếu họ lao động phổ thông như công nhân nam thì hưởng lương 30 đồng.

- Công nhân được cấp nhà ở, gạo, thuốc men, săn sóc khi đau ốm khỏi tốn phí. Những cơ sở nào không nhận được những hiện vật như trên, chủ sở phải trả bằng tiền tương đương hiện vật ngoài mức lương.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 1-10-1955. Cuộc đấu tranh quy mô lớn của công nhân toàn miền Đông Nam bộ đã giành thắng lợi trọn vẹn, thể hiện được sự

chỉ đạo nhạy bén và quan tâm sâu sát với quyền lợi công nhân Liên tỉnh ủy miền Đông Nam bộ, các Tỉnh ủy, Huyện ủy; tinh thần đoàn kết và đấu tranh của công nhân. Đây chính là bước khởi đầu thắng lợi, là cơ sở để năm 1960, nguy quyền Sài Gòn phải ban hành bản “Cộng đồng hiệp ước cao su”, một văn bản đầu tiên quy định quyền lợi của công nhân cao su Việt Nam kể từ khi thực dân Pháp bắt đầu khai thác cao su (đầu thế kỷ XX).

Cùng với phong trào đấu tranh của công nhân cao su, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân ở các đô thị Sài Gòn và các thị xã Biên Hòa, Vũng Tàu, Bà Rịa, Tây Ninh, Thủ Dầu Một ... cũng phát triển mạnh mẽ. Từ tháng 3-1956 đến 20-7-1955, nhân dân đô thành Sài Gòn – Chợ Lớn trở thành nạn nhân cuộc xung đột vũ trang giữa lực lượng vũ trang Bình Xuyên (do Bảy Viễn cầm đầu) và quân đội nguy quyền Sài Gòn, phong trào “cứu tế nạn nhân, bảo vệ sinh mạng và tài sản dân chúng” kéo dài và lan rộng, có ngày số lượng người tham gia lên tới 3 vạn. Riêng ngày 10-7-1955, 70% nhân dân Sài Gòn – Gia Định tham gia bãi công, bãi thị, bãi khóa. Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân Sài Gòn đã lôi kéo các tầng lớp nhân dân thị xã, thị trấn các tỉnh miền Đông Nam bộ. Đặc biệt tháng 7-1955, nhân kỷ niệm một năm ngày ký Hiệp định Giơnevơ, khắp các đô thị nổ ra nhiều cuộc đấu tranh lớn nhỏ của đồng bào các giới, nhất là lực lượng giáo chức sinh viên, học sinh đưa yêu sách kiến nghị đòi địch tiến hành hiệp thương giữa 2 miền Nam – Bắc, chuẩn bị cho tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Tỉnh ủy Tây Ninh vận động được hàng vạn chữ ký của đủ các tầng lớp tri thức, công nhân, nông dân, đồng bào có đạo Cao Đài, Phật giáo và cử đại biểu trực tiếp về Sài Gòn chuyển cho Ủy hội quốc tế giám sát và kiểm soát đình chiến đòi thi hành Hiệp định.

Tỉnh ủy Bà Rịa chỉ đạo một số tri thức, đảng viên đứng ra lập trường tư thục Văn Lương tại thị trấn Long Điền¹ do đồng chí Nguyễn Thành Long, cán bộ hợp pháp làm Hiệu trưởng. Các thầy giáo như Võ Văn Ân, Nguyễn Văn Đường... đều là những đảng viên, cán bộ kháng chiến trở về. Các thầy giáo đã đưa văn thơ yêu nước, tinh thần cách mạng vào chương trình giảng dạy, kết hợp với những hoạt động ngoại khóa phong phú đã thu hút hàng trăm học sinh các nơi trong tỉnh về học tập. Giáo viên, học sinh trường Văn Lương đã tham gia hầu hết các cuộc đấu tranh đòi dân sinh dân chủ do Tỉnh ủy tổ chức,

Từ trường Văn Lương cơ sở cốt cán cách mạng được tổ chức lan ra các trường sĩ tại, tạo nên phong trào đấu tranh cách mạng của thanh niên học sinh Bà Rịa ngày càng phát triển. Nhiều thầy trò trường Văn Lương đã trở thành những cán bộ kiên

¹ Trường có 3 lớp với 40 học sinh

trung của Đảng các cấp. Hơn 40 học sinh của trường đã anh dũng ngã xuống, lấy máu của mình viết nên những chiến công rạng rỡ, tô thắm ngọn cờ truyền thống của quê hương, nhiều học sinh trở thành những cán bộ chủ chốt của phong trào kháng chiến chống Mỹ ở tỉnh Bà Rịa và miền Đông Nam bộ. Trường Văn Lương tuy chỉ hoạt động được 6 năm, nhưng thực sự là một mũi xung kích trên mặt trận văn hóa cách mạng ở tỉnh Bà Rịa và miền Đông Nam bộ.

Đi đôi với hành động “tổ cộng”, “diệt cộng”, cướp đất đồn dân, Mỹ - Diệm thực hiện nhiều biện pháp nhằm nhanh chóng gạt Pháp, xóa bỏ lực lượng thân Pháp. Miền Đông Nam bộ, địa bàn tập trung phần lớn giáo phái thân Pháp như Bình Xuyên, Cao Đài, trở thành địa bàn tranh chấp quyết liệt giữa hai thế lực.

Trước tình hình Ngô Đình Diệm thanh toán lực lượng vũ trang giáo phái, Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ chỉ đạo Ban binh vận Liên tỉnh ủy và các Tỉnh ủy tranh thủ gia đình binh sĩ, giác ngộ anh em binh lính có lòng yêu nước theo cách mạng chống lại Mỹ - Diệm. Khi tàn quân Bình Xuyên rút về ở Rừng Sác (5-1955), đồng chí Nguyễn Trọng Tâm (Bảy Tâm), nguyên cán bộ Cục địch vận được cử “tập kết ngược” vào miền Nam, trở thành cán bộ binh vận của Xứ ủy, được đồng chí Phan Văn Đáng (Hai Văn), Xứ ủy viên, Trưởng Ban binh vận xứ cử về bám địa bàn Long Thành (Biên Hòa) để móc với lực lượng này. Đồng chí Bảy Tâm cùng với cán bộ Huyện ủy vào căn cứ của Bình Xuyên ở Rừng Sác (Phú Hữu, Phước Khánh) liên lạc với bộ tham mưu của Bảy Viễn. Đoàn phụ trách vận động binh lính Bình Xuyên được thành lập do đồng chí Võ Văn Khánh (Bảy Khánh), Xứ ủy viên dự khuyết, Phó bí thư Liên Tỉnh ủy miền Đông (trưởng đoàn), Phạm Văn Thuận (Ba Thuận, Ba Thu), nguyên Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa (phó đoàn) đã gặp Bảy Viễn trên một chiếc ghe trên sông Lòng Tàu. Cuộc thương thuyết đang tiếp diễn thì tháng 8-1955, Ngô Đình Diệm mở chiến dịch Hoàng Diệu do đại tá Dương Văn Minh chỉ huy đánh vào Rừng Sác. Lực lượng Bình Xuyên tan rã, Lê Văn Viễn bỏ chạy. Đoàn cán bộ binh vận đã vận động được thiếu tá Võ Văn Môn (Bảy Môn)¹, Tham mưu trưởng quân đội Bình Xuyên đưa một tiểu đoàn về hợp tác với cách mạng chống Mỹ - Diệm.

Huyện ủy Long Thành và cơ sở cách mạng tại chỗ hướng dẫn Bảy Môn chỉ huy tiểu đoàn 3 vượt lộ 17, 19, Quốc lộ 15 về Hắc Dịch, đưa hơn 200 binh lính, sĩ quan Bình Xuyên và gia đình cắt rừng hành quân về Hắc Dịch. Xứ ủy quyết định các đồng chí Phạm Văn Thuận, Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa, Lâm Quốc Đăng, Lê Thanh cán bộ quân sự của Miền về Mã Đà (Chiến khu Đ) cùng một số cán bộ xã chuẩn bị lương thực và cho một bộ phận cắt rừng về Hắc Dịch để đưa tiểu đoàn 3 về Mã Đà an toàn.

¹ Thiếu tá Võ Văn Môn, nguyên là cơ sở của Công an Nam Bộ từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp

Đây là một thắng lợi của Đảng bộ miền Đông Nam bộ. Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ chỉ đạo đưa nòng cốt thanh niên vào lực lượng này, từng bước chuyên hóa và xây dựng thành lực lượng vũ trang cách mạng của miền Đông Nam bộ, thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, phục vụ phong trào cách mạng miền Đông Nam bộ (khi hoạt động vẫn lấy danh nghĩa Bình Xuyên). Đảng ủy trong lực lượng Bình Xuyên được thành lập do đồng chí Phạm Văn Thuận làm Bí thư. Tại Chiến khu Đ, Đảng ủy đã tiến hành công tác giáo dục, xây dựng lực lượng và vận động đồng bào dân tộc Ch'ro ở Lý Lịch, Tà Lài giúp đỡ, chỉ cho cách đào củ chụp ở rừng Mã Đà để ăn thay cơm chống đói. Địa danh “Đồi Chụp” ra đời từ đó.

Tỉnh ủy Tây Ninh đưa cơ sở vào làm nội tuyến trong đại đội 25 Cao Đài Liên minh đóng tại Bàu Cỏ. Tại đây, theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, nội tuyến đã lãnh đạo làm binh biến diệt bọn ác ôn chỉ huy đại đội, bắt sống 12 sĩ quan, hạ sĩ quan, tịch thu 120 súng các loại. Tháng 3-1953, Ban địch tình Xứ ủy và Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ chủ trương ám sát Ngô Đình Diệm¹. Tổ chức hai cơ sở (một nam một nữ) được đùm bọc, che giấu tại nhà chị Sáu Xốp (cán bộ phụ nữ nằm vùng) ở An Tịnh, Trảng Bàng, hóa trang thành phóng viên lên Buôn Ma Thuột thực hiện nhiệm vụ này khi hẳn dự lễ cắt băng khánh thành tại hội trợ triển lãm kinh tế. Cuộc diệt Ngô Đình Diệm không thành, chỉ có tên Bộ trưởng cải cách điền địa bị thương².

Tuy nhiên đây là tiếng súng đầu tiên của nhân dân Tây Ninh và miền Nam biểu thị tinh thần phản kháng và tố cáo chính quyền tay sai nguy quyền Sài Gòn. Tỉnh ủy Tây Ninh còn vận động được một số binh lính Cao Đài do thiếu tá Huỳnh Thanh Mừng chỉ huy ra vùng căn cứ ở Tây Ninh hợp tác với cách mạng chống Diệm – Nhu.

Sau khi phé truất Bảo Đại và đưa Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống, đế quốc Mỹ ráo riết tuyên truyền tạo thế “hợp hiến, hợp pháp” cho chính quyền tay sai. Ngày 4-3-1956, địch tổ chức Bầu cử “Quốc hội” bù nhìn. Đây là một hành động trắng trợn vi phạm Hiệp định Giơnevơ, đi ngược lại nguyện vọng thiết tha của đồng bào ta là hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ chỉ đạo các Tỉnh ủy bằng nhiều hình thức đấu tranh chống địch, vạch trần bản chất tay sai của địch, tố cáo âm mưu của chúng phá hoại Hiệp định. Các Tỉnh ủy chỉ đạo in hàng chục ngàn truyền đơn rải, dán khắp nơi tố cáo chính quyền Sài Gòn vi phạm Hiệp định. Huyện ủy Long Thành (Biên Hòa) chỉ đạo lực lượng vũ trang với danh nghĩa giáo phái Bình Xuyên dùng súng cối bắn thẳng vào trụ sở chính quyền nguy ở thị trấn

¹ Biên niên Xứ ủy và Trung ương Cục, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2002, tr.134

² Đồng chí Hà Minh Trí, người thực hiện nhiệm vụ này bị bắt, tra tấn dã man và đẩy ra Côn Đảo nhưng đồng chí vẫn giữ vững khí tiết. Sau khi Ngô Đình Diệm bị đảo chính, Hà Minh Trí được trả tự do, sau làm Giám đốc Công an tỉnh Tây Ninh

Long Thành. Tại Long Nguyên (Bến Cát), địch cho xe đến từng nhà cưỡng ép bắt nhân dân đi bầu. Trên đường về địa điểm bầu cử, nhân dân bắt dừng xe, hè nhau lật xe xuống ruộng kiên quyết không đi. Ở Chánh Phú Hòa (Bến Cát), nhân dân chen lấn, xô ngã cổng hàng rào, gây mất trật tự để bỏ về. Tại Chơn Thành, nhân ngày bầu cử, nhân dân tập trung tại địa điểm đấu tranh chống địch khủng bố, kéo đến trụ sở chính quyền địch đưa kiến nghị tố cáo nguy vi phạm Hiệp định.

Các cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân các tỉnh miền Đông Nam bộ đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, chống trả thù người kháng chiến cũ, chống địch khủng bố, bắt bớ cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước vẫn liên tục đấu tranh, kéo dài cho đến giữa năm 1956. Đây mới chỉ là bước tập dượt, chuẩn bị cho những cuộc đấu tranh quyết liệt tiếp theo.

Tuy nhiên, các cấp bộ Đảng ở các tỉnh chưa đánh giá hết âm mưu thủ đoạn của địch. Phương châm hoạt động hợp pháp, bán hợp pháp và bí mật thực hiện chưa chặt chẽ. Một số cán bộ, đảng viên còn chủ quan, hoạt động lộ liễu, tạo nhiều sơ hở để địch nắm được các đầu mối tổ chức dẫn đến tổn thất trong những năm về sau.

II. VƯỢT QUA SỰ KHỦNG BỐ ÁC LIỆT CỦA ĐỊCH, TIẾP TỤC LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ, BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, TẠO TIỀN ĐỀ PHÁ THỂ KÌM KỆP CỦA ĐỊCH (7/1956 - 1959)

Giữa năm 1956, chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm thanh toán xong các lực lượng giáo phái, các đảng phái đối lập, xây dựng và củng cố bộ máy thống trị từ trung ương đến địa phương, Mỹ - Diệm công khai tuyên bố không thi hành Hiệp định Giơnevơ, không tổng tuyển cử, đặt cộng sản ra “ngoài vòng pháp luật”, hô hào “Bắc tiến”, đẩy mạnh các chiến dịch “tổ cộng”, “diệt cộng”. Ngày 13-7-1956, Diệm tiếp tục mở chiến dịch “Trương Tấn Bửu” đánh phá phong trào cách mạng của quần chúng các tỉnh miền Đông Nam bộ. Địch huy động nhiều sư đoàn quân nguy cùng với lực lượng tề nguy các địa phương tập trung mọi nỗ lực đánh phá phong trào cách mạng ở khắp các tỉnh, nhất là các vùng căn cứ cách mạng liên tục trong nhiều tháng liền. Trọng điểm càn quét, đánh phá của địch là Chiến khu Đ và căn cứ Dương Minh Châu. Các xã căn cứ cách mạng, địch càn quét rất ác liệt, chà đi xát lại, khủng bố đồng bào nhằm tạo vành đai trắng cho chúng.

Phong trào cách mạng ở miền Đông Nam bộ cũng như toàn miền Nam đứng trước một thách thức lớn: cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng bị tổn thất nặng nề. Các Tỉnh ủy, Huyện ủy lúng túng, bị động trong chỉ đạo đấu tranh. Nhiều đảng viên, cán bộ có súng nhưng không được phép vũ trang đánh để địch rượt bắt. Nhân dân phải chứng kiến những cảnh thương tâm xảy ra hàng ngày, cán bộ, đảng viên bị địch bắt và dẫn đi trước mặt mọi người, trên cánh đồng, trên bờ mương, góc ruộng, xác người bị xẻo tai, xẻo mũi hoặc bị mổ bụng, chặt đầu, xác người trôi bập bênh trên các sông sông Đồng Nai, Sài Gòn, Vàm Cỏ. Không khí đau thương, uất hận bao trùm khắp thôn xóm. Một tiếng chó sủa, một tiếng súng nổ bâng quơ cũng làm cho đồng bào nơm nớp lo âu. Tai họa ập đến với người dân bất cứ lúc nào. Bọn ác ôn, chỉ điểm, phản bội đầu hàng xuất đầu lộ diện, lộng hành tàn ác. Mỗi đêm qua mỗi ngày, cán bộ, đảng viên ngời tính nhảm ai còn ai mất. Số cán bộ đảng viên, cơ sở cốt cán quần chúng bị địch giết hại, bắt bớ tù đày lên tới hàng trăm, hàng nghìn người ở mỗi địa phương. Hàng trăm cơ sở Đảng bị phá vỡ. Có nơi hoàn toàn mất trắng.

Ở các tỉnh miền Đông Nam bộ sau năm 1954 có 14.365 đảng viên, đến cuối năm 1956 chỉ còn 1.950. Nhiều đảng bộ cấp xã, cấp huyện bị tổn thất nặng nề. Đảng bộ xã Long Nguyên (huyện Bến Cát, Thủ Dầu Một) ban đầu có 149 đảng viên, đến cuối năm 1956 chỉ còn 9 đảng viên. Đảng bộ huyện Xuân Lộc (Biên Hòa) chỉ trong một thời gian ngắn các cơ sở đảng từ huyện đến xã hầu như bị địch phá rã, tê liệt hoàn toàn. Tỉnh Biên Hòa chỉ trong vòng 2 tháng (từ tháng 7-1956 đến tháng 9-1956) địch đã giết hại 58 người, bắt giữ 108 người. Ở Chợ Lớn nơi địch thí điểm “tố cộng”, “diệt cộng”, nhiều huyện xã cấp ủy Đảng bị địch vây bắt và giết hại gần hết. Tỉnh ủy có 7 người đã bị địch bắt 3, bị giết 1, một người nằm im không hoạt động, chỉ còn lại một phó bí thư và một tỉnh ủy viên. Hai tỉnh Chợ Lớn và Tân An, sau khi hoàn thành tập kết chuyển quân, còn lại khoảng 3.000 đảng viên. Đến Đồng khởi, tính luôn cả số đảng viên trong lực lượng vũ trang và cơ quan tỉnh, huyện cả tỉnh Long An còn chưa đầy 250 đảng viên (tổn thất hơn 90% thực lực). Khắp các đô thị và vùng nông thôn miền Đông Nam bộ phong trào cách mạng như bị chìm trong bể máu.

Ngày 22-10-1956, Ngô Đình Diệm ký sắc lệnh 143/NV thay đổi địa giới hành chính các tỉnh, lập thêm một số tỉnh mới như tỉnh Phước Long, tỉnh Bình Long, tỉnh Long Khánh, tỉnh Phước Tuy, tỉnh Bình Tuy, tỉnh Quảng Đức, tỉnh Kiến Tường, tỉnh Kiến Phong, tỉnh Long An... Đặc biệt chúng thành lập tỉnh Phước Thành nằm trong lòng Chiến khu Đ. Ở đây ngoài một ít dân cư ngụ lâu đời, còn lại chủ yếu là di dân Thiên Chúa giáo. Diệm xem đây là lực lượng chính trị đáng tin cậy nhất. Thiếu tá Nguyễn Minh Mẫn, con nuôi của Ngô Đình Diệm được cử làm Tỉnh trưởng tỉnh

Phước Thành. Ngụy quyền Sài Gòn tuyên bố là “đã cắm đợc lưỡi dao vào giữa lòng Chiến khu Đ, từ đây Chiến khu Đ sẽ nát ra từng mảnh vụn”.

Các chương trình “tổ cộng” bằng những chiến dịch quân sự với quy mô lớn của Mỹ - Diệm thực sự đặt những người cộng sản ở miền Nam trước nguy cơ bị tiêu diệt nếu không đợc vũ trang chống lại. Cuối năm 1956, Xứ ủy Nam bộ quyết định bổ sung kiện toàn Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ gồm các đồng chí: Phan Đức (Năm Càn) là Bí thư, Nguyễn Văn Chí (Sáu Chí, từ Chợ Lớn lên) là Phó bí thư cùng các đồng chí ủy viên: Nguyễn Hữu Xuyên (Tám Kiến Quốc, đợc điều từ miền Tây lên), Nguyễn Văn Đào (Tám Đào), Lê Văn Kiểu, Đoàn Văn Chánh (Tám Chánh), Lê Văn Cậy (Bảy Hồng Vũ).

Tỉnh ủy các tỉnh miền Đông Nam bộ cũng đợc củng cố và bổ sung thêm nhiều đồng chí mới. Năm 1956, Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ chỉ định đồng chí Võ Minh Đức làm Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một. Đồng chí Hoàng Tam Kỳ đợc bầu làm Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Biên Hòa, đồng chí Ngô Bá Cao Phó bí thư. Ở Bà Rịa sau khi đồng chí Nguyễn Kế Hoa bị địch bắt, đồng chí Trịnh Phong Đán (Ba Ngọc) thay làm Bí thư Tỉnh ủy, tại Tây Ninh đồng chí Võ Văn Truyện (Tám Hòa), Bí thư Tỉnh ủy. Tỉnh Chợ Lớn, đồng chí Nguyễn Văn Chí làm Bí thư thay đồng chí Huỳnh Văn Một (cuối năm 1956 đồng chí Nguyễn Văn Chí lên làm Phó bí thư Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam Bộ). Tỉnh Tân An, đồng chí Huỳnh Châu Sỏ, Bí thư Tỉnh ủy.

Trong tình thế lực lượng cách mạng ở miền Nam tồn thất nặng, Xứ ủy đã ra chỉ thị 4 HBC, chủ trương “điều lắng” cán bộ. Nội dung chủ trương này là: chấn chỉnh lại tổ chức, sắp xếp lại cán bộ, đảng viên để có thể đấu tranh và tồn tại trong hoàn cảnh mới; cán bộ, đảng viên phải hòa mình vào dân, giữ vững thế công khai hợp pháp, những cán bộ, đảng viên bị lộ hoặc bị địch phát hiện đợc chuyển vùng, hoạt động hợp pháp. Do không thể giới thiệu (nguyên tắc bí mật không cho phép) nên nhiều đảng viên đợc điều lắng phải tự mình thâm nhập quần chúng nơi điều lắng, cùng quần chúng và lãnh đạo đấu tranh, dần dần sẽ đợc tổ chức Đảng nơi điều lắng liên lạc. Song chỉ có một số ít cán bộ điều lắng liên lạc đợc và hoạt động trở lại, phần lớn số điều đi là mất luôn, có số cán bộ chuyển đi tỉnh khác ở không đợc, phải lộn trở lại và vào rừng sống bất hợp pháp. Cá biệt có cán bộ trở lại không vào rừng mà tự sát¹.

Cuối năm 1956, Tỉnh ủy các tỉnh miền Đông Nam bộ đều thực hiện chủ trương “điều lắng”. Từng địa phương đều có sự vận dụng chủ trương một cách sáng tạo phù hợp với tình hình thực tế và hoàn cảnh cụ thể của địa phương mình.

¹ Đồng chí Ngô ở xã Hiệp Hòa (Vĩnh Cửu)

Các tỉnh Tân An, Chợ Lớn, chủ trương “điều lắng” chỉ vận dụng trong một thời gian rất ngắn đối với một số ít cán bộ. Về thực chất đây là cuộc củng cố tổ chức ... sắp xếp lại lực lượng của 2 tỉnh Tân An và Chợ Lớn. Chủ trương điều lắng một bộ phận đảng viên mục đích là để hạn chế sự đánh phá của địch, nhưng nhìn chung hầu hết ở các tỉnh miền Đông Nam bộ, nhất là các tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Chợ Lớn, Bà Rịa cán bộ, đảng viên vẫn tiếp tục bị tổn thất lớn. Thực tế tình hình diễn ra khá phức tạp, các cấp bộ Đảng gặp nhiều khó khăn, bị động trong việc đối phó với những âm mưu, thủ đoạn mới của địch. Một số cán bộ, đảng viên tiếp tục bị phát hiện, bị bắt bớ, tù đày, một số giữ được bí mật hòa được trong dân, tồn tại nhưng hoạt động có hạn chế, một số trường hợp bỏ luôn tổ chức vì dao động. Sau mấy tháng thực hiện chủ trương “điều lắng” số đảng viên ở các tỉnh miền Đông Nam bộ chỉ còn lại khoảng 500 người.

Thực tiễn diễn ra sau đó cho thấy, việc thực hiện chủ trương điều lắng, không những không bảo vệ được cán bộ mà còn làm cho cán bộ, đảng viên bị lộ nhiều hơn trong lúc địch ráo riết truy tìm tông tích và đẩy mạnh âm mưu khủng bố ngày càng phát xít. Nhiều trường hợp “điều” đi là mất luôn, “lắng” rồi lặn luôn.

Mặc dầu bị thiệt hại lớn, nhưng số cán bộ, đảng viên còn lại, cơ sở cách mạng các tỉnh miền Đông Nam bộ vẫn giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trước sự lộng hành bạo ngược của địch, trực tiếp là bọn ngụy tề ác ôn, cán bộ, đảng viên, quần chúng phải chấp hành những chủ trương nghị quyết của Đảng, nhưng trong thâm tâm cũng không khỏi những băn khoăn lo lắng. Họ uất ức muốn cầm vũ khí đánh trả quân thù. Đồng bào gặp cán bộ đề nghị cho phép diệt ác ôn. Ở các tỉnh Tây Ninh, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa ... vì quá bức xúc trước thực tế, các Huyện ủy chủ trương diệt bọn tề ngụy ác ôn để bảo vệ cán bộ, bảo vệ phong trào bằng hình thức bí mật bắt diệt, đề phòng địch trả thù đánh phá quần chúng. Có trường hợp diệt có bản án nêu rõ tội ác và cảnh cáo số khác. Có trường hợp lợi dụng danh nghĩa giáo phái để giết ác ôn. Nhìn chung có nhiều cách diệt ác để trấn áp địch, bảo vệ cán bộ, bảo vệ quần chúng trong khi chưa có chủ trương đấu tranh vũ trang của cấp trên.

Một trong những hoạt động thể hiện sức mạnh bạo lực cách mạng cao là cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp (Biên Hòa) diễn ra vào ngày 2-12-1956. Nhà lao Tân Hiệp được địch gọi là “Trung tâm huấn chính”, nơi Ngô Đình Diệm giam giữ hàng ngàn cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước, phần lớn là ở các tỉnh miền Đông Nam bộ. Tính đến tháng 11-1956, số tù nhân ở đây lên tới 2.368 người, trong đó có hơn 300 đảng viên, cán bộ kháng chiến cũ và một số nhân sĩ trí thức có tiếng tăm ở Nam bộ như: Kỹ sư Lê Văn Thả, nhà báo - nhà văn Dương Tử Giang, Trần Ngọc Sơn,

Lý Văn Sâm, Ái Lan, Nguyễn Văn Mai, Phạm Thị Lạng... Tất cả đều là tù chính trị câu lưu (không có án tiết), thời hạn câu lưu tối đa là 2 năm.

Tháng 3-1956, chi bộ nhà lao được tổ chức. Chi bộ đã lãnh đạo anh em tù nhân đấu tranh chống chào cờ, chống học “tổ cộng”, rèn luyện giữ vững khí tiết của người cách mạng. Một thời gian sau Đảng ủy nhà lao được thành lập. Trong trại tù của địch lúc bấy giờ vẫn tồn tại hai tư tưởng: Chấp nhận những điều kiện của kẻ thù để mãn hạn câu lưu được thả về và tư tưởng kiên quyết đấu tranh và dùng bạo lực khi có điều kiện phá khám trở về với cách mạng. Một số đồng chí trong Đảng ủy nhà tù đã bí mật nhận được tài liệu từ bên ngoài gửi vào “Đường lối cách mạng miền Nam”, do đó quyết tâm bằng mọi cách phải trở về với cách mạng, với nhân dân. Qua đường dây giao liên bí mật (má Tạ Thị Lộc ở Biên Hòa), các đồng chí đã liên hệ xin ý kiến chỉ đạo của ban Binh vận Xứ ủy và Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ, Tỉnh ủy Biên Hòa.

Được Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ và Tỉnh ủy Biên Hòa đồng ý, Đảng ủy đã giáo dục thuyết phục nhiều đảng viên trong tù có ý định vượt ngục lẻ tẻ và quyết định tổ chức cuộc nổi dậy phá khám giải thoát cán bộ trở về tiếp tục hoạt động cách mạng. Đảng ủy bí mật tổ chức lực lượng xung kích, theo dõi quy luật hoạt động của địch, tiến hành công tác binh địch vận, tạo thêm điều kiện để anh em trong tù có điều kiện chuẩn bị các mặt. Qua theo dõi, ta nắm chắc chủ nhật hàng tuần bọn lính về nhà, việc tuần tra canh gác lơ lửng. Vào lúc 17 giờ ngày chủ nhật 2-12-1956, anh em tập trung ở sân nhà tù cách cổng ra vào 50m để nghe nhạc phát ra từ loa phóng thanh như thường lệ, 18 giờ sau tiếng keng gom “tù nhân” vào trại, theo kế hoạch 3 đồng chí xung kích Sỏi, Nhanh, Nhà nhanh chóng bắt bọn gác cổng vừa hô xung phong uy hiếp địch vừa mở cửa cổng chính. Cùng lúc đó các tổ xung kích phá kho súng lấy súng địch, vượt ra ngoài sân banh bắn chế áp, đồng thời một bộ phận khác tiến công nhà tên giám đốc Huỳnh Văn Tính, cắt dây điện thoại. 462 tù nhân đã thoát được ra ngoài, 22 đồng chí trúng đạn địch hy sinh, trong đó có nhà văn - nhà báo cộng sản Dương Tử Giang.

Tập kết tại rừng Tân Định (huyện Vĩnh Cửu), Đảng ủy quyết định lập mỗi tỉnh một chi bộ và cắt rừng đi theo 3 hướng: Hướng Bà Rịa, hướng Long Thành về Rừng Sác và hướng vượt sông Đồng Nai về Chiến khu Đ. Đường đi hết sức vất vả, địch triển khai lực lượng truy tìm gặt gao, nhưng được cán bộ và nhân dân các xã quanh vùng tận tình giúp đỡ, che giấu, dẫn đường, hầu hết anh em vượt ngục đều thoát thân an toàn. Kết quả đã có 462 đảng viên Đảng Cộng sản và người yêu nước vượt khỏi nhà tù Mỹ - nguy, mang theo 47 khẩu súng các loại của địch. Sự kiện nổi dậy phá khám ở Tân Hiệp, Biên Hòa đã tỏ rõ khí phách anh hùng của những người chiến sĩ

cộng sản và yêu nước ở Nam bộ. Vượt qua mọi thử thách trong lao tù của giặc, các đồng chí đã trở về với nhân dân, với Đảng, kịp thời tăng cường lực lượng nòng cốt lãnh đạo các cấp bộ Đảng, các tổ chức quần chúng và lực lượng vũ trang đang nhen nhóm hình thành ở các tỉnh miền Đông Nam bộ.

Đầu năm 1957, tài liệu “Đường lối cách mạng miền Nam” và Nghị quyết của Xứ ủy được Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ triển khai quán triệt cho cấp ủy viên và cán bộ chủ chốt của các tỉnh. Thế nhưng do tình hình khó khăn, một số cấp bộ Đảng, nhất là cấp huyện và cơ sở chậm được phổ biến hoặc quán triệt tinh thần Nghị quyết chưa đến nơi đến chốn, một số cấp ủy chưa dám mạnh dạn chuyển hướng đấu tranh.

Đến lúc này ở hầu hết các tỉnh đã hình thành các đơn vị võ trang tập trung nhỏ lẻ, đã xuất hiện nhiều cuộc diệt ác trừ gian, nhiều cuộc tập kích, phục kích đánh vào các đơn vị binh lính ngụy. Ở vùng sâu Đồng Tháp Mười có một số đoàn viên Thanh niên Lao động do một đảng viên trẻ là Bí thư Đoàn xã chỉ huy, tự tập hợp thành lực lượng bán vũ trang, trừng trị bọn mật báo và tề ngụy hiểm bằng các cách thức như sau: Vào mùa lũ thì nhân nước (chết ngạt) gọi nôm na là “rút giò”. Mùa khô thì dùng gậy bằng cây trâm bầu đập chết. Bọn ác ôn rất kinh sợ. Dân thì rất phấn khởi, đặt cho cái tên khá ngộ nghĩnh là “bộ đội trâm bầu”.

Lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ ra đời sớm nhất là ở các tỉnh Tân An, Tây Ninh. Trong các chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”, những đảng viên bị lộ một phần chuyển vùng, một phần tập trung về các căn cứ Đức Hòa, Đồng Tháp Mười sát biên giới Việt Nam – Campuchia dựa vào bung biên, vào biên giới để tạm lánh. Số đảng viên, cán bộ ở các tỉnh Tân An, Định Tường, Tây Ninh, Gia Định bị đánh bật khỏi cơ sở cũng tập trung về đây. Riêng ở Đức Hòa đã có hàng trăm cán bộ, đảng viên. Lúc đầu anh em được tổ chức lại thành tiểu đội, trung đội để tiện sinh hoạt, tránh né khi địch càn, dần dần được trang bị lựu đạn và một ít súng trường để chiến đấu bảo tồn lực lượng, bảo vệ căn cứ.

Tỉnh ủy Chợ Lớn sớm chủ trương đưa cán bộ, đảng viên cài vào lực lượng giáo phái tổ chức thành lực lượng vũ trang của ta. Cuối năm 1957, tỉnh Chợ Lớn xây dựng được 4 trung đội: B 15, B 29, B 30, B 31, mỗi trung đội khoảng 30 người, đều có đảng viên, đoàn viên làm nòng cốt. Sau cuộc phá khám ở nhà lao Tân Hiệp, Biên Hòa, một số chiến sĩ cách mạng là tù chính trị về đến Rừng Sác lập một đơn vị lấy tên là C12 hoạt động ở vùng Hạ. Các đơn vị này sau đó sẽ hình thành các đơn vị mang danh tiểu đoàn.

Ở Bàu Cỏ (Tây Ninh), đồng chí Tư Lòng (vốn là cán bộ kháng chiến cũ) đã tự động móc nối với một số bộ đội, du kích nhen nhóm được một tiểu đội dựa vào địa thế hiểm trở của căn cứ để chống Diêm. Tỉnh ủy Tây Ninh tổ chức đại đội 25 mang danh “Cao Đài ly khai” do đồng chí Nguyễn Thành Sáng chỉ huy hoạt động. Sau đó đại đội này phân tán thành từng nhóm nhỏ hoạt động từ Sóc Thiết qua Dương Minh Châu, đưa một tổ chức vũ trang lên hoạt động tại biên giới Việt Nam – Campuchia để bảo vệ căn cứ địa. Tháng 8-1957, lực lượng tập hợp lại thành đại đội 2620, quân số gồm 70 đồng chí. Tỉnh ủy Tây Ninh cử 16 cán bộ và 1 tổ vũ trang lập thành một trung đội đưa sang Chiến khu Đ thành lập đại đội 60 trực thuộc Xứ ủy. Ở Rừng Sác, Huyện ủy Long Thành với lực lượng Dương Văn Phú làm nòng cốt và thu thêm một số thanh niên là đoàn viên Thanh niên Lao động thành đơn vị vũ trang mang mật hiệu đại đội “Bình Xuyên” số 12.

Ở Chiến khu Đ, đồng chí Trần Văn Quỳ (Chín Quỳ) sau Hiệp định Giơnevơ được Đảng phân công ở lại đã tổ chức một đơn vị vũ trang. Dựa vào thế rừng hiểm trở để ẩn náu và sản xuất sinh sống, đơn vị đã bung ra vùng đông dân cư hoạt động diệt ác trừ gian, gây dựng cơ sở. Một số đảng viên về Chiến khu Đ lánh giặc đã gia nhập đơn vị Chín Quỳ, sau tổ chức thành đại đội 250.

Ở Thủ Dầu Một do tình hình địch khủng bố ác liệt, một số đồng chí quá bức xúc đã tự phát lập ra các tổ chức vũ trang tự vệ, dùng dao găm, mã tấu để diệt ác trừ gian. Nổi bật là ở Bến Cát lúc bấy giờ có đội vũ trang do đồng chí Nguyễn Bá Niên chỉ huy có nhiều hoạt động táo bạo gây cho tề ngụy địa phương nhiều tổn thất. Ở nhiều xã miền Đông Nam bộ, những đội “chống trộm cướp”, “dân canh” ngày càng phát triển và trở thành các đội du kích, tự vệ mật. Ở Tây Ninh mỗi xã có từ 5 đến 7 đội “chống trộm cướp”, mỗi đội có 20 người. Ở Long An, ta còn tổ chức các đội “ủng hộ bộ đội” ban đêm tập trung hoạt động, ban ngày vẫn sống trong thế hợp pháp.

Cuối năm 1956, hầu khắp các tỉnh miền Đông Nam bộ, lực lượng vũ trang bắt đầu hình thành dưới hình thức vũ trang tuyên truyền. Các Tỉnh ủy rất quan tâm chỉ đạo đề ra nhiều biện pháp để đảm bảo đời sống cán bộ, chiến sĩ như tổ chức sản xuất lúa, khoai và vận động đồng bào tiếp tế lúa gạo, thuốc chữa bệnh. Các Tỉnh ủy điều cán bộ bố trí vào các đơn vị để lãnh đạo, giáo dục, rèn luyện, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh để chiến dịch giải phóng đấu giải phóng dân tộc.

Sau khi quán triệt Nghị quyết tháng 12-1956 của Xứ ủy, một số địa phương tiếp tục đào số súng, đạn dược chôn giấu trước đây để phát triển lực lượng vũ trang. Xứ ủy cử một đoàn cán bộ quân sự do đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên (Tám Kiên Quốc), ủy

viên quân sự của Xứ ủy làm trưởng đoàn về thống nhất chỉ huy các lực lượng vũ trang và củng cố các căn cứ địa trên địa bàn miền Đông Nam bộ.

Đầu năm 1957, Xứ ủy chủ trương xây dựng căn cứ địa của Xứ ở miền Đông Nam bộ, phân ra làm 2 vùng: Đông Bắc là vùng Chiến khu Đ cũ được mở rộng lên giáp biên giới Việt Nam – Campuchia (sau gọi là căn cứ khu A). Tây Bắc là căn cứ Dương Minh Châu cũng được mở rộng lên sát biên giới Việt Nam – Campuchia (sau gọi là căn cứ khu B). Ngoài lực lượng của địa phương, Xứ ủy điều động một số đơn vị vũ trang từ các tỉnh đồng bằng lên xây dựng đơn vị tập trung của Xứ ủy. Ngoài 2 khu căn cứ lớn là Chiến khu Đ và Chiến khu Dương Minh Châu, các tỉnh xây dựng được một số căn cứ như khu vực Mây Tàu, Rừng Lá (Xuân Lộc, tỉnh Biên Hòa), khu Rừng Sác (Biên Hòa), Đức Hòa, Đức Huệ ((Long An), Bến Cát, Long Nguyên (Thủ Dầu Một), Hắc Dịch, Sông Ray (Bà Rịa).

Đến giữa năm 1957, toàn bộ các tỉnh miền Đông Nam bộ đều xây dựng được lực lượng vũ trang tương đương quân số từ trung đội đến đại đội, mạnh nhất là tỉnh Long An và Biên Hòa.

Tại Biên Hòa, Tỉnh ủy tập trung những đồng chí vượt ngục Tân Hiệp, các đồng chí không còn khả năng hoạt động hợp pháp trên 100 cán bộ, đảng viên, chiến sĩ lập đội vũ trang phiên hiệu C250. Đại đội do đồng chí Huỳnh Văn Viên (Ba Viên) làm đội trưởng, Nguyễn Văn Luông, chính trị viên, Nguyễn Văn Hoa (Năm Hoa) và Nguyễn Văn Phú (Bảy Phú) đội phó. Vũ khí gồm những súng lấy từ nhà tù Tân Hiệp và súng do đồng chí Chín Quý, Bảy Bồi¹ đào lên sau khi chuyển quân tập kết năm 1954 chôn giữ lại. Địa bàn đứng chân của lực lượng chủ yếu ở các xã Tân Hòa, Tân Tịch, Mỹ Lộc (huyện Tân Uyên), mở dần qua tả ngạn sông Đồng Nai với các xã Trị An, Đại An, Tân Định, Thiện Tân (huyện Vĩnh Cửu) và đã tổ chức đưa về huyện Long Thành một tiểu đội 10 người cùng Nguyễn Văn Phú.

Cũng trong thời điểm này, các đồng chí Đào Trọng Hằng (Tám Mỹ), Thường vụ Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, Trưởng ban binh vận và Nguyễn Như Phong xây dựng được ba trung đội vũ trang, vũ khí trang bị gồm 27 súng trường mas, 2 súng trường Anh và một trung liên về xây dựng căn cứ quân sự tại rừng Hồ Mên (thuộc xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Thủ Dầu Một). Chỉ huy trưởng là đồng chí Nguyễn Như Phong, Chính trị viên Võ Văn Thuấn, Nguyễn Văn Hiếu Chỉ huy phó phụ trách quân báo, hậu cần. Nhiệm vụ chủ yếu của lực lượng vũ trang là tuyên truyền hỗ trợ quần chúng đấu tranh.

¹ Đồng chí Bảy Bồi là người được Tỉnh ủy Thủ Biên phân công chôn giấu súng ở khu vực Đất Cuốc Chiến khu Đ, sau đó được bố trí về làm công nhân ở Sài Gòn

Tại Long Thành (Biên Hòa), Huyện ủy đã bố trí đồng chí Nguyễn Quốc Thanh, đảng viên Cộng sản vào đơn vị Bình Xuyên ly khai do Nguyễn Văn Phú làm đại đội trưởng. Tháng 3-1956, Nguyễn Văn Phú hy sinh, đồng chí Nguyễn Quốc Thanh chỉ huy đơn vị. Cuối năm, đơn vị được lệnh về hoạt động ở địa bàn Bà Rịa, xây dựng căn cứ ở Hắc Dịch. Tháng 1-1957, các đồng chí vượt ngục Tân Hiệp trở về được Tỉnh ủy Bà Rịa tổ chức thành lực lượng vũ trang do đồng chí Trần Ngọc Bửu (Sáu Tâm) phụ trách. Tháng 3-1958, đồng chí Lê Minh Thịnh được Ban Quân sự miền Đông Nam Bộ cử về thống nhất hai đội vũ trang này, thành lập đơn vị C40 với danh nghĩa Quân giải phóng miền Đông Nam bộ hoạt động trên địa bàn Bà Rịa.

Từ các căn cứ, các đơn vị vũ trang tập trung của Xứ ủy, của miền Đông Nam bộ đã phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương tổ chức nhiều trận đánh gây tiếng vang lớn, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị và lấy vũ khí, lương thực, tiền bạc của địch trang bị cho ta.

Tháng 5-1957, ba trung đội vũ trang với danh nghĩa Bình Xuyên do đồng chí Lâm Quốc Đăng chỉ huy tấn công địch ở sở cao su Bến Củi (Tây Ninh). Ta thu được 1 triệu đồng, 2 xe vận tải, một số súng và nhiều lương thực, thuốc men. Tháng 8-1957, Ban Quân sự Miền, với danh nghĩa bộ đội Bình Xuyên, quyết định tấn công địch ở thị trấn Minh Thạnh và Dầu Tiếng để giải quyết những khó khăn về hậu cần. Ngày 10-8-1957, C60 của miền Đông Nam bộ, đơn vị Bình Xuyên, bộ đội Thủ Dầu Một và C20 của Tây Ninh hợp thành 3 cánh tiến công đồn Minh Thạnh, đột nhập thị trấn Dầu Tiếng, diệt lực lượng cảnh sát và bắt lính bảo vệ, thu chiến lợi phẩm gạo, muối, vải vóc, thuốc men, tiền bạc (2 triệu đồng) về căn cứ.

Ngày 18-9-1957, trong lúc địch mở cuộc càn lớn vào Chiến khu Đ, ta tổ chức tiến công trại Be (Hiếu Liêm, Biên Hòa), cơ sở khai thác gỗ rừng của Trần Lệ Xuân với ý đồ vừa khai thác kinh tế, vừa án ngữ đánh phía nam Chiến khu Đ. Đại đội 250 đơn vị tập trung của Xứ ủy cùng lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa, lực lượng Bình Xuyên (danh nghĩa) phối hợp tiến công diệt 1 đại đội, đánh tan 2 đại đội khác, làm chủ cơ sở trại, phá hỏng và tịch thu nhiều xe tải, thu vũ khí đủ trang bị cho 1 trung đội. Phần lớn đồng bào làm be được giải thích đã bỏ về nhà, một số tình nguyện ở lại xây dựng căn cứ.

Trong tháng 12-1957, các đơn vị tập trung của Xứ, của miền Đông và của tỉnh Biên Hòa lại phục kích địch ở Lò Than (Biên Hòa) tiêu hao 1 đại đội, đánh tan 1 tiểu đoàn khi chúng càn quét vào căn cứ của ta.

Trên đây là những trận đánh vũ trang đầu tiên tuy lẻ tẻ nhưng xuất hiện nhiều nơi ở miền Đông Nam bộ. Tuy mang danh nghĩa giáo phái Bình Xuyên, nhưng đã có tác dụng tạo niềm tin trong nhân dân, tạo điều kiện bổ sung lương thực, nhân lực cho cách mạng; rút ra nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng và phát triển lực lượng kháng chiến.

Tháng 8-1957, Xứ ủy quyết định thành lập tỉnh Long An và tỉnh Kiến Tường thay cho Tân An và Chợ Lớn (như cách chia của chính quyền Sài Gòn). Tỉnh ủy Long An do đồng chí Huỳnh Châu SỔ (tức Năm Bê) làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Chính (Chín Càn) là Phó bí thư. Tháng 10-1957, Long An thành lập Ban Quân sự và hai đơn vị vũ trang lấy tên “tiểu đoàn 506 và tiểu đoàn 508”. Gọi là tiểu đoàn để gây thanh thế cho cách mạng, nhưng thực chất quân số mỗi đơn vị chỉ trên dưới 100 cán bộ chiến sĩ. Trưởng Ban Quân sự đầu tiên của tỉnh Long An là đồng chí Lê Văn Khuyên (Tám Dàn) danh xưng mới là trung tá Lưu Phước Nam. Trước đó (mùa mưa năm 1956), đồng chí Tám Dàn đã được Liên Tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ phân công làm Chỉ huy trưởng liên quân Hòa Hảo, Cao Đài, Bình Xuyên khu vực Tân An, Chợ Lớn ly khai chống Diệm – Nhu.

Tỉnh ủy Long An chỉ đạo tiến hành vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở chính trị trong dân, trấn áp bọn địa chủ ác ôn, làm “tê liệt tề áp” và làm “khập khiễng tề xã”, tạo điều kiện đem lại quyền lợi ruộng đất cho nhân dân. Nhân dân Long An đón tiếp các chiến sĩ vũ trang tuyên truyền như đón tiếp những người ruột thịt đi xa lâu ngày trở lại. Trong các thôn xóm không còn bao phủ không khí khủng bố, bắt đầu râm ran truyền đi các tin vui: “bộ đội về rồi”, “tầm vông vạt nhọn về rồi”. Nỗi vui mừng của nhân dân có nguồn gốc sâu xa là “còn Đảng, còn ruộng còn cuộc sống”. Có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, khí thế đấu tranh của quần chúng ở Long An lên cao. Bọn địa chủ ác ôn co lại, tề áp, tề xã bị vô hiệu hóa ở nhiều nơi.

Cùng với Long An, phong trào đấu tranh cách mạng ở hầu khắp các tỉnh miền Đông Nam bộ cũng phát triển ngày càng mạnh mẽ, nhất là phong trào đấu tranh chính trị. Ngày 12-1-1957, 5.000 công nhân cảng Sài Gòn bãi công 4 ngày liền đòi tăng lương, chống sa thải.

Tại Tòa thánh Tây Ninh, ta xây dựng được 10 chi bộ Đảng, trực tiếp lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Ngày 9-1-1957, nhân ngày vía “đức Chí tôn”, ngày lễ lớn nhất của đạo Cao Đài, 10 chi bộ trong Tòa thánh lãnh đạo 4.000 tín đồ của 33 chân đạo tập trung ở Tòa thánh gây gộc cầm tay đấu tranh chống “Thỏa ước Bính Thân”, lên án Mỹ - Diệm dùng quân đội tiến công Tòa thánh, nơi tôn nghiêm của đạo. Trước sức mạnh

của quần chúng, tên Tỉnh trưởng Tây Ninh phải nhượng bộ, hứa hẹn thỉnh thị với cấp trên giải quyết yêu cầu của đạo hữu.

Ngày 1-5-1957, hai mươi tám vạn đồng bào các giới ở Sài Gòn đã tổ chức chức mittinh ở 3 trung tâm: công trường Diên Hồng, trường Pê-truyết Ký và Tao Đàn (nay là Câu lạc bộ Văn hóa Lao động) đòi cải thiện dân sinh, quan hệ bình thường Nam Bắc, thống nhất nước nhà, đòi giảm tô, đòi ruộng đất cho dân cày. Cũng trong ngày 1-5-1957, hơn 4.000 công nhân cao su ở đồn điền Xa Trạch (Bình Long) tổ chức bãi công kéo dài hàng tháng trời để đấu tranh với chủ đòi tăng lương, chống cúp phạt, chống sa thải công nhân vô cớ.

Năm 1958, địch tăng cường khủng bố ác liệt khắp nơi nên phong trào đấu tranh của quần chúng có phần giảm sút. Ngày 1-5-1958, Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ chỉ đạo các Tỉnh ủy, các cấp ủy Đảng vận động, tổ chức hơn 50 vạn công nhân cao su từ khắp các tỉnh miền Đông Nam bộ về Sài Gòn phối hợp với đội ngũ công nhân Sài Gòn – Gia Định, mittinh tuần hành, biểu dương lực lượng đấu tranh với ngụy quyền đòi các quyền lợi dân sinh dân chủ, đòi hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Trước tình hình phát triển của lực lượng vũ trang, đầu năm 1958, Xứ ủy Nam bộ quyết định thành lập Ban quân sự miền, đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên (bí danh là Tám Dên Dên), Trưởng Ban. Ban quân sự Miền chỉ đạo móc nối đường giao liên với trạm phía Bắc Tây Ninh và trạm Biên Hòa Bà Rịa, đảm bảo giao liên giữa Xứ ủy và Liên Tỉnh ủy thông suốt.

Đối phó với phong trào và lực lượng cách mạng đang phát triển ở các tỉnh miền Đông, Nam bộ, Mỹ - Diệm ngày càng lao sâu vào những hành động tội ác vô cùng man rợ. Ngày 1-12-1958, chúng dùng thuốc độc gây ra vụ thảm sát ở nhà tù Phú Lợi (Thủ Dầu Một). Hàng trăm cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước bị đầu độc hết sức thảm thương. Làn sóng căm phẫn dâng lên mạnh mẽ khắp cả nước. Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ thông báo chỉ đạo các Tỉnh ủy phát động căm thù trong quần chúng trước tội ác Mỹ - Diệm dùng thuốc độc giết hại tù nhân ở Phú Lợi. Các Tỉnh ủy tổ chức các gia đình có chồng con bị giam ở Phú Lợi đội khăn tang kéo đến trại giam Phú Lợi, đến trụ sở chính quyền Sài Gòn đấu tranh tố cáo tội ác Mỹ - Diệm, đòi lấy xác chồng con về chôn cất, đòi thả tù nhân còn lại, đòi trừng trị những tên gây tội ác. Ở miền Nam, hàng ngàn cuộc mittinh, tuần hành diễn ra liên tục, rộng khắp, tố cáo tội ác của Mỹ - Diệm. Các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam hạ quyết tâm đánh địch để trả thù cho đồng bào, đồng chí ở Phú Lợi. Sự kiện “Phú Lợi” đã thổi bùng ngọn lửa căm thù của nhân dân ta muôn đời muôn kiếp không tan, đã thức tỉnh lương tri của những người yêu chuộng hòa bình và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới đối

với những thủ đoạn gian ác của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm bán nước.

Không khuất phục được ý chí và tình thần cách mạng của nhân dân ta, địch điên cuồng thẳng tay chém giết cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước. Tháng 5-1959, Ngô Đình Diệm ban hành luật 10/59 đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật. Chúng lê máy chém đi khắp nơi, hành hình cán bộ, đảng viên không cần xét xử. Đồng chí Hoàng Lê Kha, Tỉnh ủy viên Tây Ninh bị địch đưa lên máy chém.

Mỹ - Diệm càng điên cuồng khủng bố tàn sát những người yêu nước bao nhiêu thì lòng căm thù của nhân dân đối với bọn chúng càng cao bấy nhiêu, ý chí cách mạng của mọi người càng thêm kiên định. Ở Tây Ninh, nông dân xã Hòa Hội đồng ký tên vào bức tâm thư gửi lên Cụ Hồ “xin cho bộ đội miền Nam tập kết ra Bắc được trở về đánh địch”. Có cụ già nghẹn ngào nói trước máy thu thanh “Bác Hồ ơi! Mỹ - Diệm nó độc ác quá lắm rồi, Bác cho phép đồng bào bắn nát đầu bọn chúng”.

Không thể bó tay để cho địch tha hồ bắt bớ, tra tấn, giết cán bộ, chiến sĩ và đồng bào ta mãi được, Đảng bộ và nhân dân các tỉnh miền Đông Nam bộ đã và đang dũng cảm đứng dậy nắm chắc vũ khí giáng trả quân thù, nhiều nơi đã bí mật bắt diệt công an ngầm ác ôn. Tháng 1-1959, lực lượng vũ trang tỉnh Long An tấn công tiêu diệt địch ở đồn Vàm Sác thu được 13 khẩu súng các loại và 1 tấn đạn.

Tháng 2-1959, trong lúc đế quốc Mỹ đang mở rộng sân bay Biên Hòa, Liên tỉnh ủy miền Đông Nam bộ, Ban quân sự miền Đông Nam bộ chủ trương sử dụng đội vũ trang C250 do Nguyễn Văn Hoa chỉ huy phối hợp với đội tự vệ của Thị ủy Biên Hòa đánh một đòn phủ đầu vào trụ sở phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ MAAG (đóng tại văn phòng nhà máy cưa BIF thị xã Biên Hòa).

Đêm 7-7-1959, lực lượng từ Chiến khu Đ vượt sông Đồng Nai, hóa trang lính bảo an nguy đi tuần tra được cơ sở bí mật dẫn đường, canh gác, cảnh giới, lực lượng ta đã đột nhập vào nội ô thị xã Biên Hòa, tiến công địch ở trụ sở phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ MAAG, diệt tại chỗ 2 tên cố vấn Mỹ¹. Đây là trận đánh Mỹ đầu tiên ở miền Nam tạo được tiếng vang khắp cả nước. Trận đánh là lời tố cáo đanh thép vào âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ ở miền Nam. Báo chí phương Tây gọi 2 tên xâm lược nói trên là hai người Mỹ chết đầu tiên trong “Kỷ nguyên Việt Nam”.

¹ Đội xung kích đột nhập tiến công gồm các đồng chí Nguyễn Văn Hoa, Nguyễn Văn Huệ, Phú, Sác, Bé. Hai tên Mỹ chết là thiếu tá Dale R.Buis, trung sĩ Chester M.Ovmand, làm bị thương một số tên khác. Chiến sĩ Nguyễn Văn Huệ đã dũng cảm ôm mìn điện đánh địch và hy sinh, được Nhà nước truy tặng Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân

Thắng lợi của trận đột kích phá đoàn cố vấn quân sự Mỹ ở Nhà Xanh (BIF Biên Hòa) thể hiện tư tưởng tiến công của Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ và Ban quân sự Miền, lòng căm thù, ý chí chiến đấu, lòng dũng cảm hy sinh của lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ trước đòi hỏi của dân, của cách mạng.

Tại Biên Hòa, trước tình hình phong trào cách mạng gặp khó khăn, một số cán bộ đã dao động và đầu hàng giặc, như Hà Tư, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Long Thành, Đoàn Trị, cán bộ Ban binh vận tỉnh, Ba Chánh, trưởng Ban giao liên tỉnh phản bội và đầu hàng địch chỉ cho địch bắt trên 300 cán bộ, đảng viên và cơ sở cốt cán, trong đó có đồng chí Ngô Bá Cao, Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa. Ngày 29-12-1959, địch tổ chức tòa án quân sự tại Biên Hòa, khép đồng chí Ngô Bá Cao vào tội “lãnh đạo” đánh Mỹ ở BIF. Trong phiên tòa xử các đồng chí dũng cảm vạch trần, tố cáo tội ác của địch. Địch tuyên án tử hình đồng chí Ngô Bá Cao, đồng chí Ba Đảo, Bí thư chi bộ xã Tam Hiệp, đồng chí Bảy Khọng (Bảy Lang) cán bộ binh vận tỉnh.

Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ chỉ đạo phát động phong trào quần chúng đấu tranh lên án tội ác của địch, vạch trần bản chất phản động tay sai của ngụy quyền Sài Gòn. Từ Biên Hòa đến các tỉnh miền Đông Nam bộ, miền Trung và miền Bắc nhân dân liên tục biểu tình phản đối. Báo chí Sài Gòn tiến bộ liên tục đăng tin, bài vạch trần bản chất chính quyền tay sai. Liên đoàn luật sư dân chủ thế giới lên tiếng tố cáo ngụy quyền phản dân chủ. Cuối cùng địch phải chùn tay và đày 3 đồng chí Ngô Bá Cao, Ba Đảo, Bảy Khọng cùng một số cán bộ khác ra Côn Đảo.

Năm 1959, lực lượng cách mạng tiếp tục bị tổn thất, lớn nhất là các cơ sở Đảng bên trong nội thành, nội thị. Ở Biên Hòa cuối năm 1959 chỉ còn tồn tại một chi bộ Đảng bí mật ở Thái Hòa, một chi bộ ở xã Lý Lịch, còn lại là đảng viên lẻ.

Tuy bị nhiều thiệt hại trong thời kỳ 1956-1959, nhưng những đảng viên, cán bộ còn lại được đều được trui rèn trong thực tiễn đấu tranh, trở thành những nòng cốt cho phong trào sau này. Đặc biệt trong giai đoạn này, Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ đã liên tục mở những lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ sơ cấp, trung cấp, đào tạo cán bộ bổ sung cho các cấp Tỉnh ủy, Huyện ủy miền Đông Nam bộ.

III. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 15 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN CHUYỂN LÊN KẾT HỢP ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ VÀ VŨ TRANG KHỞI NGHĨA GIÀNH QUYỀN LÀM CHỦ NÔNG THÔN (1959-1960)

Tháng 10-1959, đồng chí Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy Nam bộ nhận được điện của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nội dung cơ bản của Nghị quyết 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam. Tinh thần cơ bản của Nghị quyết khẳng định rằng: *con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là dùng bạo lực cách mạng của quần chúng nhân dân đánh đổ Mỹ - Diệm.*

Tháng 11-1959, Xứ ủy Nam bộ họp Hội nghị mở rộng đến Bí thư các Tỉnh ủy tại Trảng Chiên (Rùm Đuôn, căn cứ Bắc Tây Ninh) quán triệt Nghị quyết Trung ương lần thứ 15. Hội nghị đề ra nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ miền Nam là “giữ vững và đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng, lấy đấu tranh chính trị rộng rãi và mạnh mẽ của quần chúng làm chính, đồng thời kết hợp với hoạt động vũ trang tuyên truyền để chống chính sách khủng bố tàn bạo, chính sách bóc lột, vơ vét của Mỹ - Diệm, ngăn chặn và đẩy lùi từng bước mọi chính sách của địch, đẩy địch vào thế bị động, cô lập hơn nữa về chính trị, tạo điều kiện thuận lợi tiến tới đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm, ra sức xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chuẩn bị sẵn sàng nắm lấy thời cơ đánh bại hoàn toàn kẻ địch”¹.

Hội nghị cho rằng việc giữ thế hợp pháp là rất cần thiết để hạn chế sự khủng bố của địch. Nhưng giữ thế hợp pháp không phải là hạn chế quần chúng đấu tranh quyết liệt với địch hay vũ trang chống địch. Hoạt động vũ trang trước nhằm phục vụ cho đấu tranh chính trị, thúc đẩy phong trào tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền khi có thời cơ. Tuy nhiên trước yêu cầu phát triển mạnh của cách mạng miền Nam, ngày 21-1-1960, Xứ ủy Nam bộ đã kiến nghị với Trung ương Đảng một số vấn đề về phương châm hoạt động trong tình hình mới. Xứ ủy cho rằng trong điều kiện kẻ thù khủng bố phong trào ngày càng khốc liệt thì hình thức đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang tuyên truyền không còn đủ sức để bảo vệ lực lượng cách mạng và kiến nghị với Trung ương Đảng cần nâng cao hơn mức độ sử dụng đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang song song, đều giữ vai trò chủ yếu và quyết định trong phong trào; về phương hướng chỉ đạo, cần kết hợp chặt chẽ giữa việc giữ vững và đẩy mạnh phong trào, xem trọng cả hai mặt “đẩy mạnh” và “giữ vững” mà không xem “giữ vững” là chủ yếu như trước².

Ngay sau Hội nghị, Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ đã phân công các đồng chí Nguyễn Văn Chí, Đoàn Văn Chánh, Nguyễn Văn Đào, Lê Văn Cây... về các tỉnh

¹ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tập II, tr.105

² Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tập II, tr.106

triệu tập Hội nghị Tỉnh ủy để triển khai Nghị quyết 15 của Trung ương và Nghị quyết của Xứ ủy, kế hoạch nổi dậy vũ trang khởi nghĩa ở các địa phương¹.

Tại Tây Ninh, địa bàn đứng chân của Xứ ủy Nam bộ, tháng 2-1959 đồng chí Nguyễn Văn Linh, Bí thư Xứ ủy đã trực tiếp triển khai Nghị quyết 15 cho Tỉnh ủy Tây Ninh và chỉ đạo Ban Quân sự miền phải đánh cho được một trận chấn động mở màn cho nhân dân đồng loạt nổi dậy khi khởi nghĩa giành chính quyền ở nông thôn. Ban Quân sự Miền đề ra hai phương án: Phương án một là đánh từ 1 đến 2 quận lỵ và 4 đến 5 cứ điểm quân sự; Phương án hai là đánh căn cứ Tua Hai. Phương án đánh Tua Hai được đồng chí Bí thư chấp nhận và chỉ đạo Ban quân sự Miền chuẩn bị điều kiện và lực lượng để thực hiện.

Tua Hai (tour) vốn là tháp canh số 2 nằm trên đường số 22, đi Campuchia, cách thị xã Tây Ninh 7 km về phía Bắc, được thực dân Pháp xây dựng từ cuối năm 1945. Năm 1956, chính quyền Diệm xây dựng thành một căn cứ quân sự, nơi đóng quân của Trung đoàn 32 thuộc sư đoàn 13 quân chủ lực ngụy. Căn cứ hình vuông mỗi cạnh 800 mét; có thành bao bọc cao 2 mét và 24 tháp canh xung quanh. Đây cũng là nơi đào tạo lính mới, huấn luyện biệt kích, có kho súng đạn lớn và một nhà tù giam giữ hàng trăm cán bộ cách mạng và đồng bào yêu nước.

Tỉnh ủy Tây Ninh đã xây dựng được nhiều cơ sở nội tuyến trong trung đoàn 32 ngụy đóng ở Tua Hai. Chi bộ Đảng do một huyện ủy viên trực tiếp chỉ đạo xây dựng hơn 120 cơ sở nòng cốt trong Tua Hai. Đầu năm 1959, chi bộ đã nhiều lần xin được làm binh biến để đánh chiếm căn cứ này, nhưng Tỉnh ủy Tây Ninh, Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ chưa đồng ý vì thời cơ chưa đến. Tháng 6-1959, chi bộ họp bí mật ở Bờ Giếng thì bị bọn thám báo phát hiện. Địch tiến hành khủng bố và bắt 120 đảng viên và cơ sở nội tuyến. Chín người bị đưa ra tòa và đày ra Côn Đảo. Địch phân tán trung đoàn 32 đi nhiều đơn vị khác. Tỉnh ủy Tây Ninh cử một tỉnh ủy viên về tổ chức lại cơ sở. Ba tháng sau, chi bộ đảng được xây dựng lại, phát triển được đảng viên mới, xâu chuỗi được nhiều nội tuyến bên trong nắm tình hình địch và chuẩn bị cho trận đánh.

Kế hoạch tấn công được chuẩn bị chu đáo, lực lượng sử dụng được chọn ở các đơn vị đại đội C59, C60, C70, C80A, C80 đặc công Miền và đơn vị B30, một đơn vị

¹ Ngày 6-1-1960, Tỉnh ủy Long An họp Hội nghị tại Giồng Ông Tường. Tỉnh ủy Thủ Dầu Một mở Hội nghị ngày 31-1-1960 tại căn cứ Giồng Chảo rừng An Điền huyện Bến Cát. Tỉnh ủy Bà Rịa triển khai Nghị quyết 15 Trung ương vào đầu tháng 2-1960 tại căn cứ Châu Pha

của Bình Xuyên. Ban chỉ huy trận đánh gồm đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên Chỉ huy trưởng, đồng chí Mai Chí Thọ Chính ủy¹.

Đêm 25 rạng 26-1-1960 (vào dịp Tết), đại đội đặc công 80 do đội trưởng Vinh chỉ huy chia thành nhiều tổ với 70 trái bê-ta đồng loạt tấn công vào sở chỉ huy, nhà sĩ quan, trận địa pháo, khu thiết giáp, nhà lính... Trận đánh kết thúc nhanh chóng vào lúc nửa đêm, diệt và làm bị thương hàng trăm tên địch, trong đó có tên đại tá Lê chỉ huy phó, tịch thu 3 kho đầy ắp súng và 4 kho đạn. Ta hy sinh 25 đồng chí. Sau trận đánh ta còn dùng cả xe quân sự của địch để vận chuyển vũ khí về căn cứ² Trà Vông, vũ khí đếm được đến 750 khẩu súng³, chưa tính số súng đạn mà du kích và bộ đội địa phương tỉnh Tây Ninh thu đem về cho đơn vị mình.

Chiến thắng Tua Hai làm cho Mỹ - Diệm choáng váng. Từ đoàn cố vấn quân sự Mỹ MAAG đến Bộ quốc phòng ngụy đều cho rằng “quân chính quy Bắc Việt đã tràn vào”. Chiến thắng đánh dấu một bước phát triển nhảy vọt về trình độ tổ chức chỉ đạo, chỉ huy hoạt động tác chiến của các lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ, mở rộng phương thức đấu tranh cách mạng mới: Phương thức kết hợp chính trị, vũ trang và binh vận. Chiến thắng Tua Hai còn lại tiếng kèn hiệu lệnh phát động nổi dậy đồng loạt của nhân dân miền Đông Nam bộ.

Ngay trong đêm 25 rạng 26-1-1960, khi Tua Hai bị đánh, quân địch ở các đồn Hảo Đức, xóm Vĩnh đã bỏ chạy. Sáng hôm sau, một loạt đồn bót dọc quốc lộ 22 Tây Ninh lên biên giới Campuchia, các tỉnh lộ 13, lộ 4, lộ ủi Cần Đăng, Đồng Pan, đồn Thuận rút chạy.

Đồng thời với trận Tua Hai, các Tỉnh ủy đều tích cực triển khai Nghị quyết 15, chuẩn bị phương án tiến công và nổi dậy giành quyền làm chủ ở địa phương. Nghị quyết 15 đã thổi bùng ngọn lửa vũ trang chiến đấu đang được nhen nhóm ở miền Đông Nam bộ nói riêng và toàn Nam bộ nói chung. Tin tức về quần chúng nhân dân ở Mỏ Cày (Bến Tre) nổi dậy tay không cướp đồn giặc và lực lượng vũ trang ta dứt điểm căn cứ Tua Hai (cấp trung đoàn) của địch đã có sức động viên rất lớn đối với nhân dân miền Đông Nam bộ. Phong trào cách mạng như ngọn thủy triều dâng lên cuộn cuộn, áp đảo quân thù.

¹ Trong lúc trận Tua Hai đang được tích cực chuẩn bị thì ngày 17-1-1960, nhân dân Mỏ Cày, Bến Tre với vũ khí thô sơ tự tạo nhất loạt nổi dậy diệt ác, phá đồn bót, đập tan bộ máy cai trị và kìm kẹp của địch ở xã ấp, mở đầu cuộc Đồng khởi ở Nam Bộ

² Ta dùng hai xe chở vũ khí, qua khỏi Tua Hai khoảng 500 mét, bị địch chặn lấy lại hết. Số súng đưa về căn cứ chủ yếu do dân công tải

³ Theo báo cáo của Nguyễn Hữu Có, số súng địch bị mất trong trận phục kích Tua Hai là 783 khẩu. Ta thu trên 1.500 khẩu súng, nhưng bị địch phục kích lấy lại trên 700 khẩu

Tại Tây Ninh, phong trào vũ trang nổi dậy phá thế kìm kẹp của địch phát triển mạnh mẽ ở hầu khắp các huyện trong tỉnh. Từ huyện căn cứ Dương Minh Châu cho đến huyện Trảng Bàng và vùng ven thị xã, khắp nơi nhân dân hăng hái nổi dậy giành quyền làm chủ. Từ 14 chiến sĩ với súng lấy từ Tua Hai, Tây Ninh xây dựng lực lượng vũ trang thành tiểu đoàn lấy tên là tiểu đoàn 14. Đến tháng 7-1960, quân và dân Tây Ninh đã giải phóng hoàn toàn 24 xã, giải phóng về cơ bản 19 xã trong tổng số 49 xã toàn tỉnh, diệt và tan rã hầu hết tề ấp, tề xã và trên 70% lực lượng bảo an và dân vệ. Các huyện Châu Thành, Dương Minh Châu, Gò Dầu, thị xã đều xây dựng được 1 đại đội vũ trang, huyện Tòa Thành có 1 đội vũ trang tuyên truyền, các xã có từ 2 tiểu đội đến 1 trung đội du kích. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân vùng giải phóng thành lập chính quyền tự quản, tịch thu ruộng đất của địa chủ, tư sản cấp cho nông dân; phát động phong trào tăng gia sản xuất, phục vụ kháng chiến, tòng quân giết giặc, tham gia các cơ quan kháng chiến.

Sau chiến thắng Tua Hai, để răn đe phong trào cách mạng ở Tây Ninh, ngày 12-3-1960, chính quyền Ngô Đình Diệm đã đưa đồng chí Hoàng Lệ Kha, Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh (bị bắt tháng 8-1959), về Tây Ninh xử bằng máy chém theo luật 10/59.

Tại tỉnh Long An, kế hoạch nổi dậy chia làm 3 bước, bước 1 lấy huyện Đức Hòa làm điểm, dùng lực lượng vũ trang tiến công tiêu diệt hàng loạt đồn bót địch, làm đòn xeo để hỗ trợ cho phong trào nổi dậy của quần chúng. Cùng thời điểm với trận Tua Hai (Tây Ninh), đêm 25 rạng 26-1-1960, Long An mở đầu cuộc nổi dậy bằng trận tấn công đồn Đức Lập, huyện Đức Hòa giành thắng lợi. Bọn tề xã, tề ấp hoang mang, nhân dân nhiều xã nổi dậy giành quyền làm chủ.

Tháng 8-1960, quân và dân Long An bước vào cuộc nổi dậy đợt 2. Trọng điểm đợt này vẫn là huyện Đức Hòa. Đến tháng 9-1960, tức là sau khi thực hiện cuộc nổi dậy đợt 2 được một tháng, Long An đã mở được nhiều vùng giải phóng tương đối rộng Đức Hòa, Đức Huệ, Cần Giuộc, Bến Lức, 12 xã được giải phóng hoàn toàn. Nổi dậy đợt 3 của Long An bắt đầu từ tháng 12-1960, kết thúc vào tháng 3-1961 trên đại bàn trọng điểm lộ 4 và phía Nam Long An. Sau hơn một năm thực hiện nổi dậy, quân và dân Long An đã làm tan rã hầu hết bộ máy chính quyền ở xã ấp của địch, diệt hàng trăm tên lính và ác ôn, địa chủ, giành lại cho nông dân hàng vạn mẫu ruộng, tiêu diệt hàng chục đồn bót, giải phóng hoàn toàn 29 xã và một huyện (Đức Huệ).

Tỉnh Thủ Dầu Một trước khi bước vào thực hiện nổi dậy đã xây dựng được 220 cơ sở nội tuyến trong lòng địch, trong đó đại đội bảo an ở Lộc Ninh có đến 25% là cơ sở nội tuyến. Về Đảng, toàn tỉnh có 330 đảng viên và 46 chi đoàn Thanh niên Lao

động và hàng ngàn cơ sở cách mạng. Tỉnh ủy quyết định dùng nội tuyến đánh địch từ bên trong kết hợp với thế áp đảo của quần chúng và lực lượng vũ trang bao vây tiến công và kêu gọi đầu hàng. Vùng nam Bến Cát gồm các xã Thới Hòa, Phú An, An Điền, An Tây, nơi có cơ sở chính trị mạnh, có lực lượng vũ trang đứng chân từ trước được Tỉnh ủy chọn làm điểm. Ngày 25-2-1960, phong trào nổi dậy khởi nghĩa đã diễn ra đều khắp ở các huyện Bến Cát, Châu Thành, Lái Thiêu, các đồn điền Dầu Tiếng, Hớn Quản, Lộc Ninh. Nhiều đồn điền cao su đã xây dựng được Ủy ban tự quản. Qua hơn một tháng đồng khởi, quân và dân Thủ Dầu Một đã giải phóng 40 ấp của 25 xã trên 46 xã trong toàn tỉnh, làm chủ hơn 40 ấp và 10 làng công nhân trong tổng số 22 làng, diệt hơn 100 tên ác ôn, giải tán nhiều tề ấp, tề xã, bao vây bức rút, bức hàng và tiến công tiêu diệt hàng chục đồn bót địch, thu gần 300 súng các loại, mở ra nhiều vùng giải phóng, tạo thành tuyến liên hoàn từ các huyện phía nam đến các huyện rừng núi phía bắc tỉnh, tạo bàn đạp, căn cứ đứng chân cho lực lượng vũ trang.

Tháng 6-1960, Xứ ủy Nam bộ quyết định thành lập tỉnh Phước Long. Ngày 1 rạng 2-6-1960, lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ do đồng chí Nguyễn Việt Hồng Chỉ huy trưởng, Nguyễn Như Phong chỉ huy phó gồm 200 quân nổ súng tiến công quận lỵ Đức Phong (Bù Đẳng), đột nhập vào dinh điền Vĩnh Thiện, chặn đánh các cánh quân tiếp viện trên đường 14 giành thắng lợi lớn. Liên tiếp trong tháng 6 và tháng 7-1960, lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ cùng lực lượng vũ trang địa phương giải tán hàng loạt dinh điền trên trục đường 14, diệt các đồn bót địch, cắm sâu vào căn cứ cách mạng, giải phóng hơn 3.000 dân.

Ở Biên Hòa, đầu năm 1960, Tỉnh ủy chỉ đạo diệt ác phá kìm, phát động quần chúng trấn áp bọn phản cách mạng vận động thanh niên tòng quân giết giặc. Hàng trăm thanh niên đã hăng hái gia nhập các lực lượng vũ trang.

Hướng phía Bắc sông Đồng Nai cấp lộ 16 tiếp cận thị xã Biên Hòa, lực lượng vũ trang tiêu diệt nhiều tên ác ôn có nhiều nợ máu ở các xã Tân Hiệp, Bình Trị, phá tung bộ máy kìm kẹp của địch ở xã, ấp, phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ. Mũi phía nam sông Đồng Nai nối liền sân bay Biên Hòa, cấp tỉnh lộ 24, ta đã tổ chức nhiều đợt võ trang tuyên truyền ở các xã thuộc huyện Vĩnh Cửu, diệt hàng chục tên ác ôn, phá thế kìm kẹp của địch ở các xã Đại An, Tân Định, Thiện Tân, Bình Hòa, Bình Long, Bình Ý... Ở các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, lực lượng bộ đội địa phương tỉnh, huyện và dân quân du kích đã tổ chức nhiều trận đánh diệt bọn bảo an, dân vệ, diệt ác ôn, phá rã bộ máy tề ngụy ở các xã Tam An, Phú Hội, Phú Hữu, Phước An. Thực hiện phương châm “đánh một rã mười”, ta kết hợp diệt ác ôn khét tiếng với tuyên truyền vận động binh sĩ giải ngũ. Đối với bọn công an ngầm, tề ấp

chưa đến tội chết, ta bắt đưa ra quần chúng để trấn áp, xin quần chúng tha tội. Bọn tề xã, dân vệ, bọn điếm chỉ, công an ngầm hoang mang sợ sệt, tồi trốn vào đồn bót hoặc bỏ chạy về thị xã Biên Hòa.

Tại Bà Rịa, Tỉnh ủy quyết định dùng lực lượng vũ trang (C40) làm nòng cốt phát động nhân dân nổi dậy diệt ác phá kìm, giành quyền làm chủ xã ấp. Bình Ba là đồn điền cao su lớn của Pháp nằm dọc liên tỉnh lộ số 2 cách thị xã Bà Rịa 8 km về phía Tây được chọn làm điểm. Đêm 30-3-1960, lực lượng C40 phối hợp với cơ sở mật trong lực lượng công nhân cao su tổ chức tiến công đồng loạt các bót hiến binh, bảo an, dân vệ đóng ở đồn điền cao su Bình Ba, thu được 8 súng, 15 lựu đạn và trên 1.000 viên đạn, nhiều quân trang quân dụng, bắt sống tên chỉ huy bót hiến binh, diệt chết tên xu Nuôi do thám ác ôn. Cùng với bộ đội, công nhân cao su đã nổi dậy đốt đuốc, đánh trống mõ trấn áp bọn tề nguy trong xã ấp. Chiến thắng Bình Ba đã cổ vũ trực tiếp phong trào nổi dậy ở các địa phương khác trong tỉnh, đặc biệt là các xã nông thôn, các đồn điền cao su dọc lộ 2 và các huyện Long Đất, Xuyên Mộc. Sau các đợt vũ trang nổi dậy diệt ác phá kìm, phong trào cách mạng ở Bà Rịa phát triển nhanh, mạnh. Tỉnh ủy thành lập Ban quân sự tỉnh, phát triển nhanh lực lượng vũ trang. Hàng trăm nam nữ thanh niên tình nguyện thoát ly gia đình gia nhập các đơn vị vũ trang tỉnh, huyện và các đội du kích xã.

Sau gần một năm nổi dậy “đồng khởi”, đến cuối năm 1960, Đảng bộ, quân dân tỉnh Bà Rịa đã giành được nhiều thắng lợi lớn. Thực lực cách mạng lớn mạnh nhanh chóng, hệ thống lãnh đạo các cấp bộ Đảng từ xã đến tỉnh được kiện toàn củng cố. Gần 90% chi bộ Đảng các xã, các đồn điền cao su trong tỉnh được xây dựng lại. Các đoàn thể cách mạng, nhất là Đoàn Thanh niên Lao động phát triển khắp các xã nông thôn. Lực lượng vũ trang lớn mạnh vượt bậc. Bộ đội tập trung của tỉnh đã xây dựng được tương đương 2 đại đội (C40 và C45), các huyện có một trung đội và các xã đều lập được tiểu đội du kích. Bộ máy tề nguy ở các xã vùng nông thôn trong tỉnh bị phá rã từng mảng lớn. Các “lỗm”, các tuyến hành lang giải phóng rộng lớn liên hoàn được hình thành kéo dài từ Châu Thành qua Long Đất (Long Điền – Đất Đỏ) đến Xuyên Mộc. Tuyến hành lang chiến lược từ Chiến khu Đ qua Long Khánh về Bà Rịa được khai thông.

Tháng 7-1960, Khu ủy miền Đông Nam bộ và Bộ chỉ huy lực lượng vũ trang giải phóng miền Đông Nam bộ (quân khu miền Đông Nam bộ) được thành lập. Căn cứ Khu ủy và Sở chỉ huy Quân khu đóng tại Suối Linh (Chiến khu Đ). Khu ủy miền Đông Nam bộ được kiện toàn: Đồng chí Mai Chí Thọ, Bí thư Khu ủy; Đồng chí Nguyễn Văn Chí, Phó bí thư; Đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên Ủy viên thường vụ, Tư

lệnh quân khu, đồng chí Nguyễn Việt Hồng, đồng chí Vũ Ngọc Hồ, Khu ủy viên Chánh văn phòng Khu ủy (sau bổ sung đồng chí Võ Văn Đức khu ủy viên, Chánh văn phòng).

Trong thời gian tiến hành đồng khởi, Liên Tỉnh ủy miền Đông Nam bộ đã thực hiện chỉ đạo của Xứ ủy nổi thông đường chiến lược từ miền Đông Nam Bộ với đường mòn Hồ Chí Minh trên dãy Trường Sơn. Từ tháng 5-1959, Trung ương cử một đoàn mật danh B90 gồm 25 cán bộ do các đồng chí Trần Quang Sang (tức Ba Phước, trưởng đoàn), Lê Văn Hồng, Phạm Lạc lãnh đạo xoi đường vào Nam. Đoàn xuất phát tại Hà Nội tháng 5-1959, theo đường dây giao liên của Liên khu 5 vào tới Đắc Lắc thì dừng lại và tự mở đường với hai mũi cặp lộ 14 và dọc sông Đồng Nai.

Nhận được điện của Trung ương, Xứ ủy Nam bộ đã chỉ đạo cử hai đoàn cán bộ vừa xây dựng cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số vừa xoi đường ra Nam Tây Nguyên để bắt liên lạc với đoàn từ Trung ương vào. Đoàn thứ nhất do đồng chí Lâm Quốc Đăng chỉ huy gồm hai đội vũ trang tuyên truyền mang theo điện đài (một của Xứ ủy, một của tỉnh Phước Long) chia làm hai mũi: Một mũi theo hướng bắc từ Mã Đà lên Phước Sang, vượt lộ 14 lên Phú Riêng theo nguồn sông Bé lên Đa Kia, Bù Đốp. Mũi thứ hai mở đường lên sóc Bom Bo qua Bù Gia Mập, Bù Gia Phúc lên Bù Đăng. Hai mũi hành quân xoi đường, cắt rừng vừa tiến hành vận động, tuyên truyền đồng bào dân tộc thiểu số, tổ chức các trạm liên lạc, vừa sản xuất xây dựng dự trữ. Hai đoàn gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là về lương thực, nhưng nhờ làm tốt công tác vận động quần chúng, đoàn được đồng bào dân tộc S'tiêng, Mơ Nông, Tà Mun hết lòng giúp đỡ cung cấp lương thực, thông báo tin, tạo điều kiện cho đoàn hoàn thành nhiệm vụ. Trong quá trình công tác, Đoàn đã phát triển thêm lực lượng với 20 người là đồng bào dân tộc thiểu số.

Đoàn ở hướng đông bắc do đồng chí Nguyễn Hồng Sơn, đại đội trưởng, Nguyễn Trọng Tâm chính trị viên chỉ huy, với tổ điện đài do đồng chí Giang Thanh Trà phụ trách từ Suối Nhung đi cặp sông Đồng Nai Thượng lên Bù Ta Go ra hướng Lâm Đồng, nơi trước đây các đồng chí đã xây dựng được cơ sở trong đồng bào Mơ Nông. Đường hành quân vô cùng gian khổ, đoàn phải giúp đồng bào dân tộc thu hoạch lúa, đào củ mài, củ chụp để giải quyết cái ăn.

Ngày 30-10-1960, qua tín hiệu điện báo, đoàn xoi đường của miền Đông Nam bộ do đồng chí Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Trọng Tâm chỉ huy đã gặp được đoàn từ Trung ương vào tại vòm suối Đạt Rờ Ti, nam Gia Nghĩa. Ở hướng bắc, đoàn do đồng chí Lâm Quốc Đăng chỉ huy, đến ngày 4-11-1960 cũng bắt được liên lạc với đoàn Trung ương tại km 5 trên lộ 14B ở địa điểm Bù Sa Rriel.

Đến cuối tháng 12-1960, với những nỗ lực cao, vượt lên trên những khó khăn, vất vả của các đoàn cán bộ xoi đường từ miền Đông Nam bộ ra, từ miền Bắc vào, sự chỉ đạo của Trung ương, Xứ ủy, Khu ủy miền Đông Nam bộ, đường chiến lược từ Trung ương vào miền Đông Nam bộ và Nam bộ qua dải Trường Sơn đã nối thông. Đường Bắc – Nam nối liền đánh dấu một bước phát triển mới của phong trào cách mạng miền Nam nói chung, miền Đông Nam Bộ nói riêng. Từ đây, miền Đông Nam bộ trực tiếp đón nhận sự chi viện của Trung ương về sức người, sức của từ hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa, một yếu tố có tính chất quyết định cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Ngày 20-12-1960, tại Rùm Đuôn, xã Tân Lập, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nằm trong vùng căn cứ Bắc Tây Ninh, đại biểu các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo và đảng phái ở miền Nam đã họp Đại hội và thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và bầu ra Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam do luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch. Đại hội đã đề ra tuyên ngôn và chương trình hành động 10 điểm với nội dung: “Phải hòa bình! Phải độc lập! Phải dân chủ! Phải cơm no, áo ấm! Phải thống nhất Tổ quốc!”. Ủy ban Trung ương Mặt trận ra lời kêu gọi: “Tất cả hãy đứng lên, tất cả hãy đoàn kết lại! Hãy siết chặt hàng ngũ để chiến đấu dưới ngọn cờ của Mặt trận Dân tộc giải phóng đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và Ngô Đình Diệm”¹.

Mặt trận quyết định chọn cờ nửa xanh nửa đỏ giữa có ngôi sao vàng 5 cánh làm cờ và bài “Giải phóng miền Nam” của Huỳnh Minh Siêng làm bài ca chính thức của Mặt trận. Đánh giá về sự kiện tổ chức tổ chức lớn này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Một Mặt trận của nhân dân đoàn kết chặt chẽ rộng rãi là một lực lượng tất thắng. Hiện nay trong cuộc đấu tranh anh dũng chống chế độ tàn bạo của Mỹ - Diệm, đồng bào ta ở miền Nam cũng có “Mặt trận Dân tộc giải phóng” với chương trình hoạt động thiết thực và phù hợp với nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Do đó, có thể đoán rằng đồng bào miền Nam nhất định sẽ thắng lợi, nước nhà nhất định sẽ thống nhất, Nam – Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”².

Phong trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam nói chung và quân dân miền Đông Nam bộ nói riêng là một đòn mạnh mẽ đánh vào chính sách cai trị độc tài phát xít của Ngô Đình Diệm, làm tan rã bộ máy kìm kẹp của địch ở hạ tầng cơ sở.

Như vậy là từ khi có Nghị quyết 15, thực hiện nhiệm vụ cứu nước, giải phóng dân tộc, với đội ngũ cán bộ, đảng viên ít ỏi và lực lượng vũ trang nhỏ bé ban đầu,

¹ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1961, tr.13

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 10, tr.349

Đảng bộ và nhân dân các tỉnh miền Đông Nam bộ đã anh dũng đứng lên, xoay chuyển tình thế, phong trào cách mạng miền Đông Nam bộ phát triển nhảy vọt, củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng bao gồm cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, tiến hành vũ trang khởi nghĩa kết hợp sự nổi dậy của quần chúng, giành nhiều thắng lợi lớn tổ chức lớn trên khắp các địa bàn nông thôn, đô thị, giành quyền chủ hàng loạt xã ấp, đồn điền cao su khắp các tỉnh miền Đông Nam bộ. Thắng lợi đó chính là nhờ có đường lối đúng đắn của Trung ương Đảng phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, khơi dậy được sức mạnh vĩ đại của quần chúng nhân dân. Nó được biểu hiện bằng một ý chí sắt đá của một dân tộc anh hùng, kiên quyết đấu tranh chống xâm lược, giải phóng dân tộc. “Ý Đảng hợp với lòng dân” sẽ tạo được sức mạnh vô địch đánh bại quân thù.

Chương V

ĐẢNG BỘ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, KẾT HỢP BA MŨI GIÁP CÔNG, GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG QUỐC SÁCH “ÁP CHIẾN LƯỢC” VÀ “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA MỸ - NGUY (1961-1965)

I. LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN THỂ TIỀN CÔNG, MỞ RỘNG QUYỀN LÀM CHỦ

Đầu năm 1961, miền Đông Nam bộ có hàng trăm xã áp được giải phóng. Tài liệu mật Lầu Năm Góc Mỹ đã phải thú nhận: “Từ cuối năm 1960, toàn bộ nông thôn phía nam và tây nam Sài Gòn, một số vùng phía bắc cộng sản đã kiểm soát và bao vây Sài Gòn”.

Tháng 1-1961, Kennođi (John Kennedy) nhậm chức tổng thống thay Aixenhao. Chính phủ Mỹ cử nhiều phái đoàn cao cấp sang Việt Nam thị sát và can thiệp ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược. Chúng tăng viện trợ, cố vấn, phương tiện chiến tranh, tiến hành chiến lược Chiến tranh đặc biệt với công thức: ngụy quân + cố vấn Mỹ + vũ khí Mỹ. Đây là kiểu chiến tranh thực dân mới trong chiến lược Toàn cầu “phản ứng linh hoạt” của Mỹ. Mục tiêu cơ bản của chiến lược Chiến tranh đặc biệt là nhằm giành đất, giành dân, tiêu diệt lực lượng vũ trang và căn cứ địa của ta, phá hoại miền Bắc bằng gián điệp, biệt kích ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc và các nước xã hội chủ nghĩa cho cách mạng miền Nam.

Chính quyền Mỹ tăng ngân sách viện trợ cho ngụy quyền Sài Gòn lên gấp đôi, tăng cường bắt lính, tăng quân chủ lực ngụy lên 276.000 tên. Cố vấn Mỹ, nhân viên quân sự Mỹ, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mỹ đưa sang Việt Nam ngày càng nhiều. Ngày 8-2-1962, Bộ Tư lệnh viện trợ quân đội Mỹ (MACV: Military Assistance Command in Viet Nam) tại miền Nam Việt Nam thành lập để thay thế phái đoàn cố vấn quân sự (MAAG: Military Assistance and Advisory Group) với nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo cuộc chiến tranh về quân sự, cố vấn cho quân đội ngụy cả về chiến lược, chiến dịch, chiến thuật, kỹ thuật; chỉ huy các lực lượng yểm trợ Mỹ bao gồm không quân, hải quân, pháo binh, hậu cần¹. Bộ chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ do đại tướng Pôn Hakin (Paul Harkinns) cầm đầu, được báo chí Mỹ gọi là “Lầu Năm Góc phương Đông” thực sự là cơ quan điều hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Cơ quan

¹ Quân Mỹ đưa lực lượng vào miền Nam năm 1960 là 948 cố vấn quân sự, cuối năm 1962 tăng lên 10.960 tên gồm 2.630 cố vấn và 8.280 tên thuộc lực lượng yểm trợ

phát triển kinh tế (USAID), Sở thông tin Mỹ (UIS), Hội Việt – Mỹ mở các lớp dạy tiếng Anh, truyền bá lối sống Mỹ, đồng thời làm cho bọn CIA tuyển mộ nhân viên tình báo. Phái đoàn cố vấn trường đại học Misigan (Michigan) vào miền Nam Việt Nam huấn luyện và trang bị toàn bộ cho lực lượng cảnh sát ngụy.

Kế hoạch Xtalây-Taylor (Staley-Taylor) được chính quyền Mỹ phê duyệt nhằm bình định miền Nam trong vòng 18 tháng (từ giữa năm 1961 đến cuối năm 1962) với mục tiêu cơ bản là gom 90% dân cư vào các ấp chiến lược. Giai đoạn II sẽ được tiến hành trong năm 1963 nhằm củng cố kết quả đạt được trong giai đoạn I, hoàn tất chương trình bình định, khôi phục kinh tế, tăng cường lực lượng ngụy quân, đẩy mạnh đánh phá miền Bắc. Biện pháp chủ yếu của kế hoạch này là tăng quân chủ lực ngụy, tăng cường trang bị vũ khí hiện đại và cố vấn Mỹ, tập trung lực lượng quân sự đánh phá các căn cứ của ta, tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng, bình định nông thôn. Tômxơn (Thompson), một chuyên gia chống chiến tranh du kích của thực dân Anh được Mỹ mời sang miền Nam Việt Nam làm cố vấn cho kế hoạch Xtalây-Taylor. Chương trình bình định nông thôn trong kế hoạch Xtalây-Taylor được cụ thể hóa bằng việc lập hàng loạt ấp chiến lược ở miền Nam.

Mỹ - ngụy bố trí lại chiến trường, giải tán các quân khu, lập các vùng chiến thuật, khu chiến thuật, tiểu khu (cấp tỉnh), chi khu (cấp quận). Tại khu vực miền Đông Nam Bộ, địch tổ chức Vùng 3 chiến thuật và Biệt khu Thủ Đô, lập Khu chiến thuật 31 đảm nhiệm địa bàn các tỉnh miền Đông Nam bộ. Sư đoàn 5 ngụy đặt căn cứ tại Biên Hòa, bố trí trung đoàn 8 ở Biên Hòa, trung đoàn 7 ở Bến Cát, trung đoàn 9 ở Tây Ninh, trung đoàn 46 và trung đoàn 48 đóng ở Bà Rịa – Long Khánh. Sư đoàn 7 ngụy bố trí hướng tây nam Sài Gòn (Long An, Mỹ Tho, Cao Lãnh), sẵn sàng chi viện, ứng cứu cho sư đoàn 5 ở miền Đông Nam bộ. Sân bay Biên Hòa được nâng cấp thành sân bay chiến lược quân sự lớn nhất ở miền Đông Nam bộ cùng hệ thống kho tàng dự trữ chiến tranh khổng lồ. Ở Bà Rịa – Vũng Tàu, địch xây dựng hàng loạt các Trung tâm huấn luyện lớn: Trung tâm huấn luyện Vạn Kiếp (Bà Rịa), Trung tâm huấn luyện Cảnh sát quốc gia, Trung tâm huấn luyện Cán bộ xây dựng nông thôn, Trung tâm huấn luyện Truyền tin, Trung tâm huấn luyện người nhái, Trường Thiếu sinh quân (Vũng Tàu)...

Về phía ta, cuộc Đồng khởi trên toàn miền Nam trong năm 1960 đã tạo ra một bước chuyển biến vô cùng quan trọng. Chiến khu Đ với vùng giải phóng rộng lớn của hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa được nối liền Nam Tây Nguyên, nối liền đường Trường Sơn; Chiến khu Dương Minh Châu (Tây Ninh) được nối với vùng giải phóng của huyện Bến Cát (Thủ Dầu Một) từ Phú An, An Thành, An Điền, An Tây, Thanh

Tuyền, Long Nguyên, Thanh An, qua sông Sài Gòn đến vùng giải phóng của huyện Củ Chi gồm các xã Phú Mỹ Hưng, Nhuận Đức và nhiều xã thuộc các xã Phước Hiệp, Trung Lập Thượng, Trung Lập Hạ, An Nhơn Tây, Phú Hòa Đông, Trung An, Hòa Phú, Tân An Hội. Giáp vùng giải phóng là vùng tranh chấp mà lực lượng chính trị của ta khá mạnh. Hình thái đấu tranh vũ trang của cách mạng miền Nam ngày càng rõ nét và phát triển nhanh.

Ngày 24-1-1961, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra Chỉ thị về phương hướng và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam đã xác định: “*Đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự*”¹. Phương châm đấu tranh cũng được đề ra cụ thể, thích hợp trên mỗi vùng chiến lược: “Ở các vùng rừng núi lấy đấu tranh quân sự làm chủ yếu... Ở các vùng đồng bằng, đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự có thể ngang nhau... Ở vùng đô thị thì lấy đấu tranh chính trị làm chủ yếu”².

Ngày 23-1-1961, Bộ chính trị quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam thay cho Xứ ủy Nam Bb. Trung ương Cục đặt căn cứ tại Chiến khu Đ (Khu A mở rộng)³ Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Trung ương Cục miền Nam đã xác định trong Nghị quyết tháng 4-1961: “Đẩy mạnh đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang lâu dài, đánh đổ địch từng bước, giành thắng lợi từng phần, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn”.

Nghị quyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng tháng 1-1961 đã thể hiện sự chỉ đạo chuyển hướng chiến lược cụ thể trên nhiều mặt. Trước hết là việc hình thành và thống nhất lực lượng vũ trang các cấp. Trung ương Cục miền Nam đã tích cực chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị. Hệ thống chỉ huy được thống nhất từ cấp toàn miền đến cấp xã. Ban quân sự toàn miền do đồng chí Trần Nam Trung (Trần Lương) phụ trách chính trị, đồng chí Trần Văn Quang phụ trách quân sự.

Tháng 2-1961, tại Suối Linh (Chiến khu Đ), Khu ủy miền Đông chính thức thành lập, đồng chí Mai Chí Thọ là Bí thư Khu ủy, Chính ủy Quân khu; đồng chí Nguyễn Văn Chí là Phó bí thư Khu ủy; đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên là Khu ủy viên⁴.

¹ Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.22, tr.158

² Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.22, tr.158

³ Lễ thành lập Trung ương Cục diễn ra tại Mã Đà (Chiến khu Đ). Đồng chí Nguyễn Văn Đáng (Hai Văn), Võ Chí Công, Trần Lương (Trần Nam Trung), Nguyễn Văn Xô, Võ Văn Kiệt, Trần Văn Quang, Trương Công Thuận, Phạm Thái Bường là ủy viên).

⁴ Khu ủy còn có các đồng chí Nguyễn Ngọc Tân (Hai Lực), Vũ Ngọc Hồ (Bảy Hồng Vũ)

Đến năm 1963, bổ sung các đồng chí Lê Đình Nhơn, Võ Minh Đức, Nguyễn Văn Trị làm Khu ủy viên), Tư lệnh Quân khu, Chánh Văn phòng Khu ủy là đồng chí Nguyễn Trọng Nhân. Bộ máy tham mưu Khu ủy được hình thành và củng cố:

- Ban Tổ chức do đồng chí Nguyễn Văn Chí làm Trưởng ban, sau bổ sung thêm đồng chí Phạm Trinh Kiên làm Phó ban. Đến năm 1964, tăng cường thêm đồng chí Lương Văn Thêm làm Phó ban.

- Ban Tuyên huấn đầu tiên do Thường trực Khu ủy đảm nhiệm. Tháng 1-1962 bổ sung đồng chí Lê Quang Chử vào Khu ủy làm Trưởng ban Tuyên văn giáo huấn (Tuyên huấn, Văn nghệ, Giáo dục và Huấn học); Lê Đình Nhơn làm Phó ban, các ủy viên là đồng chí Tiêu Như Thủy (đến tháng 8-1965 thì đồng chí được điều về Tỉnh ủy Biên Hòa U1), Nguyễn Văn Đoàn, Lê Đức Sanh. Đến cuối năm 1962, bổ sung thêm đồng chí Vũ Hồng Phô làm ủy viên Ban. Ban phụ trách cả trường Đảng Khu, cán bộ có đồng chí Nguyễn Văn Hòa, đồng chí Lương Hồng Thắng (Sáu Thêm) cùng một số cán bộ khác¹. Đến tháng 9-1962, đồng chí Lê Quang Chử về làm Trưởng ban Dân vận.

- Ban Dân vận do đồng chí Nguyễn Văn Chí (Phó Bí thư Khu ủy) kiêm nhiệm, đến tháng 9-1962, do đồng chí Lê Quang Chử về làm Trưởng ban, Lê Đình Nhơn làm Phó ban, ủy viên là các đồng chí: Nguyễn Thị Bạch Tuyết phụ trách Phụ vận, đồng chí Nguyễn Văn Trung phụ trách Nông vận.

- Ban Binh vận do đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên làm Trưởng ban; các đồng chí Nguyễn Trọng Tâm, Mười Thái (từ D500 chuyển về) làm Phó ban và các đồng chí Cao Sơn, Cao Long, Chín Ánh. Đến năm 1963, đồng chí Tám Hoà ở Tây Ninh được bổ sung khu ủy viên làm Trưởng ban.

Từ năm 1962, Hội nông dân giải phóng miền Đông được thành lập, đồng chí Nguyễn Văn Luông được chỉ định phụ trách Hội. Công đoàn miền Đông do đồng chí Lê Sắc Nghi làm Thư ký. Đoàn Thanh niên miền Đông do đồng chí Chín Bình làm Bí thư.

Tháng 5-1961, Bộ Quốc phòng nước Việt Nam dân chủ cộng hòa quyết định thành lập các quân khu miền Nam và Bộ chỉ huy quân sự Miền sau khi Khu ủy và Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang miền Đông được chính thức thành lập (7-1960). Đồng chí Mai Chí Thọ (Tám Cao) là Chính ủy. Đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên là chỉ huy Trưởng Bộ chỉ huy Quân khu. Quân khu 7 (mật danh là T1) gồm các tỉnh Tây Ninh,

¹ Tháng 9 năm 1965 đến tháng 10 năm 1967, đồng chí Lê Đình Nhơn làm Trưởng ban Tuyên huấn; các ủy viên gồm: Vũ Hồng Phô, Năm Nhì, Hồ Sĩ Hành (từ Bà Rịa về)

Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa. T2 là các tỉnh miền Trung Nam bộ. Đặc khu Sài Gòn – Gia Định mang mật danh là T4.

Ngày 15-2-1961, Trung ương Cục triệu tập Hội nghị quân sự đặc biệt tại Chiến khu Đ, thống nhất các lực lượng vũ trang toàn miền thành Quân giải phóng miền Nam Việt Nam. Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Nghị quyết của Trung ương Cục, Khu ủy miền Đông đã tích cực xây dựng lực lượng vũ trang và đẩy mạnh đấu tranh vũ trang trong toàn Quân khu. Các đơn vị C59, C80, C300 đã được thống nhất thành D500, tiểu đoàn chủ lực đầu tiên của miền Đông Nam Bộ (sau đổi phiên hiệu thành D800). Tiểu đoàn 500 gồm 600 cán bộ chiến sĩ do đồng chí Đặng Ngọc Sỹ làm Tiểu đoàn trưởng, Nguyễn Trọng Tâm làm Chính trị viên. Tiểu đoàn đã ra mắt tại Suối Linh (Chiến khu Đ) ngày 15-4-1961, gồm hai đại đội bộ binh, một đại đội trợ chiến và một đại đội trinh sát.

Ở các địa phương lực lượng vũ trang đã phát triển mạnh:

Tỉnh Long An có đại đội tập trung, hai đại đội đặc công, một đại đội trinh sát, một đại đội đại liên, một đại đội pháo cối và ĐKZ, một trung đội công binh và một trung đội thông tin. Mỗi huyện đều xây dựng được một trung đội vũ trang tập trung. Các xã có một tiểu đội du kích. Tỉnh Kiến Tường có hai đại đội bộ binh và hai trung đội đặc công.

Lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh có Tiểu đoàn 14 và các đại đội bộ đội huyện. Ban Quân sự do đồng chí Sáu Trương (Sáu Quân) làm Trưởng ban, Ban An ninh do đồng chí Nguyễn Văn Hải làm Trưởng ban.

Lực lượng vũ trang tỉnh Bà Rịa có C40 và C45. Các huyện đều có Ban quân sự miền huyện và một trung đội vũ trang tập trung, các xã đã hình thành xã đội và một tiểu đội du kích. Ban quân sự tỉnh do đồng chí Lê Minh Thịnh (Lê Thành Công, tức Sáu Thịnh) làm Trưởng ban, Nguyễn Quốc Thanh làm Phó ban.

Tháng 6-1961, tỉnh Thủ Biên được tách thành tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa. Phần còn lại tổ chức thành các tỉnh Bình Long, Phước Long và Phước Thành theo đơn vị hành chính của địch. Tỉnh ủy Biên Hòa có 5 người do đồng chí Lê Quang Chử làm Bí thư. Tỉnh ủy Thủ Dầu Một do đồng chí Nguyễn Văn Trung làm Bí thư, Trần Quốc Ân làm Trưởng ban quân sự. Ban cán sự Đảng tỉnh Phước Thành được chỉ định gồm ba đồng chí do Phan Văn Lâm (Út Lâm) làm Bí thư.

Đại đội 380 là lực lượng nòng cốt để thành lập các địa đội tập trung ở các tỉnh mới: Thủ Dầu Một và Biên Hòa, mỗi nơi được 2/5 quân số; Phước Thành được 1/5 quân số.

Tỉnh Phước Long thành lập đội vũ trang tập trung đầu tiên mang phiên hiệu C270 do đồng chí Ba Nhân chỉ huy. Tỉnh Bình Long có C70 do đồng chí Tám Dần phụ trách.

Lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa có đơn vị C240 với trên 100 cán bộ, chiến sĩ đồng chí Tám Ủ là đại đội trưởng. Mỗi huyện đều xây dựng một trung đội vũ trang tập trung. Ban quân sự tỉnh gồm: Đồng chí Phan Văn Trang làm Trưởng ban, Nguyễn Hòa Bình làm Phó ban và đồng chí Nguyễn Hồng Phúc làm Tham mưu trưởng.

Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam đã tổ chức nhiều đoàn cán bộ khung từ cấp tiểu đội đến trung đoàn chi viện cho miền Nam. Đầu năm 1961, Đoàn cán bộ khung của trung đoàn chủ lực đầu tiên tăng cường cho miền Đông Nam bộ, mang mật danh là Đoàn 652 xuất phát từ Xuân Mai (Hòa Bình), đến ngày 27-3-1961 vào đến Chiến khu Đ. Trung ương Cục và Ban quân sự miền Miền quyết định thành lập Trung đoàn chủ lực Miền Q761 (tháng 7-1961) với cán bộ khung vừa được miền Bắc chi viện và quân số chủ yếu tuyển từ các tỉnh miền Đông. Hai tiểu đoàn đầu tiên đã làm lễ ra mắt tại Tây Ninh và Chiến khu Đ vào dịp kỷ niệm Quốc khánh 2-9-1961. Ngay sau khi thành lập, Tiểu đoàn 2 chủ lực Miền đã ra quân diệt đồn Cần Lê, tập kích đồn Bồ Túc, bảo vệ Chiến khu Dương Minh Châu.

Năm 1961, ngụy quyền Sài Gòn đẩy mạnh các cuộc hành quân bình định nông thôn. Nhiều cuộc đấu tranh chính trị lớn đã nổ ra ở miền Đông Nam bộ với các mục tiêu: chống khủng bố, chống bắn pháo vào ấp, chống càn quét gom dân. Phong trào đấu tranh chính trị ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ phát triển mạnh. Nhiều cuộc đấu tranh liên xã, liên huyện có hàng chục ngàn quần chúng tham gia.

Tháng 1-1961, gần 10.000 người (phần lớn là phụ nữ) đã biểu tình tại quận lỵ Trảng Bàng (Tây Ninh). Khởi đầu là cuộc đấu tranh của nhân dân các xã An Tịnh, Gia Lộc, Lộc Hưng, Đôn Thuận, Gia Bình chống bắn pháo vào xóm ấp, chống gom dân. Cuộc đấu tranh lúc đầu chỉ có 2.000 người, kéo dài 3 ngày 2 đêm, đồng bào tham gia cuộc đấu tranh ngày càng đông. Đồng bào đã giật súng của lính, dùng mía cây, buộc đá vào khăn làm vũ khí đánh trả bọn lính đàn áp. Cuối cùng, quận trưởng phải hứa giải quyết các yêu sách.

Huyện Bến Cát (Thủ Dầu Một) là một trong những trọng tâm gom dân của địch. Đầu tháng 4-1961, hàng ngàn phụ nữ từ các xã đem theo các bản kiến nghị có chữ ký của hàng trăm đồng bào yêu cầu chống bắn pháo bừa bãi vào xóm ấp, chống dùng xe tăng ủi phá hoại hoa màu tiến về quận lỵ đấu tranh với quận trưởng cho đến khi địch phải chấp nhận yêu sách của đồng bào. Phát huy thắng lợi, Huyện ủy Bến Cát

còn tổ chức đoàn biểu tình với trên 6.000 phụ nữ, cụ già lên tỉnh lý đấu tranh với tỉnh trưởng nguy chống bắn pháo, gom dân, lập ấp.

Cùng với việc càn quét, gom dân, lập ấp ở các vùng nông thôn, Mỹ nguy còn tổ chức lực lượng đánh sâu vào vùng căn cứ của ta trên một địa bàn rộng lớn từ Bình Long, Phước Long, Lộc Ninh đến Bù Đăng, Phước Thành, ủi phá rừng mở đường, khai thác tài nguyên, mở rộng dinh điền, chia cắt vùng căn cứ, gom đồng bào dân tộc vào các khu tập trung ven trục lộ giao thông. Đồng bào các dân tộc ở miền Đông Nam bộ đã bỏ buôn rẫy rút sâu vào trong rừng, cho đến khi địch kết thúc đợt càn quét mới trở về. Một số ít đồng bào bị bắt về các khu tập trung cũng tìm đường trở về buôn cũ.

Công nhân ở các đồn điền cao su sống rải rác ở các làng cũng bị địch triệt phá nhà cửa, gom dân về gần các khu trung tâm hoặc gần đồn bót để kiểm soát. Tháng 5-1961, hơn 4.000 công nhân ở các đồn điền cao su Quán Lợi, Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch, Minh Thạnh, Trà Thanh, Phú Miêng đã kéo đến tỉnh lý Bình Long đấu tranh trực diện với tỉnh trưởng chống bắt xâu, bắt lính, gom dân vào ấp chiến lược. Hàng ngàn công nhân cao su các đồn điền Bình Ba, Xà Bang, Xuân Sơn, Sông Cầu cũng phối hợp với bà con nông dân trong vùng kéo về tỉnh lý Phước Tuy (Bà Rịa) đấu tranh chống khủng bố, bắn pháo, chống càn quét để đồng bào yên ổn làm ăn.

Sau trận đánh tiêu diệt Chi khu quân sự Hiếu Liêm thắng lợi (16-3-1961), Tiểu đoàn 800 đã triển khai lực lượng tiến công bót Lạc An, uy hiếp các bót Sinh, Bà Cẩm, Mã Đà, Tân Hòa, Tân Tịch, Mỹ Lộc (thuộc Tân Uyên), phát động nhân dân nổi dậy, làm tan rã toàn bộ tề xã ở khu vực này, giải phóng một mảng lớn ở phía nam Chiến khu Đ. Tháng 6-1961, Tiểu đoàn 800 chuyển hướng hoạt động về hướng lộ 20, quét sạch các dinh điền của địch ở Võ Đắc, Võ Su, hỗ trợ cho quân và dân Bà Rịa, Long Khánh nổi dậy giành quyền làm chủ, nối thông hành lang từ Chiến khu Đ xuống Định Quán, vượt lộ 20 về Bà Rịa, ra tận vùng biển Xuyên Mộc, Hàm Tân.

Tại tỉnh Kiến Tường, 2.000 nông dân các xã vùng ven biển tình tại tỉnh lý, đòi địch không được bắn pháo vào xóm ấp. Tháng 8-1961, Tỉnh ủy Long An chỉ đạo huy động hơn 30.000 nông dân các huyện Bến Lức, Cần Giuộc kéo về tỉnh lý đấu tranh chống cuộc hành quân Lam Sơn của sư đoàn 7 nguy. Địch đàn áp, bắt người tra tấn tại chỗ làm 3 người chết. Tỉnh ủy chỉ đạo các Huyện ủy huy động thêm 20.000 quần chúng tiếp tục đấu tranh cho đến khi địch buộc phải chấp nhận yêu sách và bồi thường thiệt hại.

Tháng 10-1961, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chỉ đạo các Huyện ủy Dầu Tiếng, Bến Cát huy động 20.000 nông dân kéo về các quận lý bao vây đồn bót, đấu tranh chống

địch càn quét, khủng bố đồng bào. Các cuộc đấu tranh chính trị trong thời kỳ này đều kết hợp chặt chẽ với công tác binh vận nhằm vào cả binh lính và gia đình binh lính nguy, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, đặc biệt là phụ nữ.

Phong trào chiến tranh du kích ở Long An phát triển mạnh, kết hợp ba mũi giáp công, bao vây bức hàng, bức rút nhiều đồn bót địch. Tỉnh ủy Long An chỉ đạo sử dụng cơ sở nội tuyến kết hợp vũ trang diệt đồn Long Cang, thu trên 40 súng. Riêng đợt hoạt động từ ngày 25-9 đến ngày 15-10-1961, quân và dân Long An đã kết hợp chặt chẽ ba mũi (chính trị, quân sự, binh vận) bao vây, bức hàng, bức rút 42 đồn bót trong tỉnh, giải phóng một vùng nông thôn rộng lớn hàng trăm cây số vuông với hàng chục vạn dân.

Lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ đã phát triển đều cả 3 thứ quân, phối hợp tác chiến, vừa chiến đấu vừa xây dựng, phát triển; từ các hoạt động diệt bót nhỏ lẻ, cấp tiểu đội là phổ biến đã tiến lên tiêu diệt hàng loạt bót cấp trung đội, đại đội, diệt đồn kết hợp với chống càn, kết hợp nội tuyến, bức hàng, bức rút đồn bót địch.

Trong điều kiện vũ khí, đạn dược ít ỏi, du kích nhiều địa phương đã áp dụng chiến thuật bao vây, bắn tỉa đạt hiệu quả cao. Đồng chí Nguyễn Văn Được, du kích xã Phú An (huyện Bến Cát, Thủ Dầu Một) bằng 10 viên đạn đã diệt 9 tên địch, cùng tiểu đội du kích xã chặn đứng cuộc càn quét của địch có xe bọc thép yểm trợ. Huỳnh Văn Đánh, xã đội trưởng xã Đức Tân (huyện Tân Trụ, Long An) đã chỉ huy du kích bao vây bót địch, bắn tỉa nhiều ngày, binh lính trong đồn không dám ra ngoài. Riêng Huỳnh Văn Đánh, bằng 75 viên đạn đã diệt 78 tên địch.

Đầu năm 1961, Trung ương Cục giao nhiệm vụ cho Quân khu 7 xây dựng căn cứ Khu A (gồm Chiến khu Đ mở rộng đến Đông quốc lộ 13, mang phiên hiệu C.150). Đảng ủy Căn cứ Khu A gồm các đồng chí: Lâm Quốc Đăng (Bí thư), Sáu Chuông, Hồng Sơn, Năm Ninh, sau đó bổ sung thêm đồng chí Mười Bi. Tháng 9-1961, căn cứ Khu A đổi phiên hiệu thành U.50 do đồng chí Hoàng Minh Khanh (tức Đào Sơn Tây) làm Bí thư Đảng ủy. Đảng ủy có nhiệm vụ chỉ đạo:

- Xây dựng Khu A thành một căn cứ địa hoàn chỉnh.
- Mở rộng sản xuất trong căn cứ, dự trữ vật chất để đón cán bộ, chiến sĩ từ Trung ương vào miền Nam chiến đấu.
- Xây dựng lực lượng vũ trang tập trung cơ động từ một đến hai tiểu đoàn, tổ chức du kích gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ sản xuất, bảo vệ đường dây giao liên.

- Tổ chức mạng lưới giao thông liên lạc, nối liền đường Trường Sơn với các tỉnh và hệ thống đường giao liên trong căn cứ, từ Chiến khu Đ về Cây Gáo qua lộ 20 hướng về Biên Hòa, Bà Rịa, từ đường 14 đến Đồng Xoài, An Lộc.

- Vận động đồng bào dân tộc tham gia kháng chiến và sản xuất, bảo vệ căn cứ.

Trong một thời gian ngắn, Đảng ủy đã chỉ đạo xây dựng một xưởng quân giới ở Bàu Sắn, nằm trên một nhánh Suối Linh, củng cố bệnh xá K.24, lập tổ thu mua hàng hóa từ vùng tạm chiếm Vĩnh Tân, Tân Bình, tổ chức thu nhận tân binh, chủ yếu là thanh niên các tỉnh miền Đông Nam bộ thành lập 5 đại đội, bố trí 4 đại đội chốt ở Đồng Xoài, Bù Đăng, Tà Lài, bờ Sông Bé, vừa xây dựng nông trường trồng ngô, sắn (bắp, khoai mì) vừa làm nhiệm vụ giao liên, thông tin, bảo vệ vòng ngoài căn cứ. Một đại đội nằm ở trung tâm căn cứ (Hiếu Liêm – Mã Đà) vừa sản xuất, vừa trực tiếp bảo vệ Trung ương Cục, Khu ủy và Bộ chỉ huy Quân sự miền Đông (T1).

Địch tiếp tục triển khai việc phá rừng, mở đường, chia cắt Chiến khu Đ thành nhiều mảnh, củng cố các khu dinh điền, khu trù mật Váng Hương, Sinh Bà Đã, Suối Ngang, Hiếu Liêm, Lạc An, các dinh điền 1,2,3 thuộc các xã An Linh, Phước Sang, Phước Vĩnh, tạo lá chắn bảo vệ tỉnh lỵ Phước Thành, đồng thời tạo bàn đạp tiến công vào Chiến khu Đ. Để đảm bảo xây dựng căn cứ địa kháng chiến, ngoài căn cứ Khu A (U50) ở Chiến khu Đ, trên đại bàn miền Đông còn có U60 ở căn cứ Dương Minh Châu. Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 đã thành lập đoàn 555 (sau đổi thành Đoàn 1.500) mở bến cảng Lộc An (Bà Rịa), xây dựng kho bãi, mua sắm ghe, chọn người, mở đường vượt biển ra Bắc nhận vũ khí chi viện cho chiến trường miền Đông Nam bộ.

Nhằm củng cố và mở rộng Chiến khu Đ, Khu ủy và Quân khu 7 hạ quyết tâm tiêu diệt tiểu khu Phước Thành nhằm đập tan âm mưu của địch xây dựng tỉnh Phước Thành thành một cứ điểm quân sự, đánh phá vùng căn cứ cách mạng của miền Đông Nam bộ, khống chế Chiến khu Đ, chia cắt hành lang chiến lược từ Chiến khu Đ lên biên giới Campuchia, nơi giam cầm và tra tấn các cơ sở cách mạng và đồng bào yêu nước.

Ban chỉ huy trận đánh được thành lập đầu tháng 9 năm 1961 gồm các đồng chí: Nguyễn Hữu Xuyên (Khu ủy viên, Tư lệnh Quân khu 7) làm Chỉ huy trưởng, Nguyễn Việt Hồng làm Chính ủy; Đặng Ngọc Sỹ làm Chỉ huy phó, Đặng Hữu Thuấn làm Tham mưu trưởng. Lực lượng gồm Tiểu đoàn 800 của Quân khu được tăng cường thêm Đại đội 26 đặc công trinh sát và 4 khẩu đội ĐKZ của Miền, bộ đội tỉnh Phước Thành, Phú Giáo, Tân Uyên, bộ đội biệt động thị xã Phước Vĩnh và du kích. Toàn bộ

lực lượng ta tham gia trận đánh chưa đầy 500 tay súng, tiến công vào một tinh lý địch có quân số gấp 5 lần, có công sự phòng thủ vững chắc, có xe thiết giáp và trọng pháo yểm trợ. Với phương án bí mật tiềm nhập kết hợp vận động tấn công, đêm 17-9-1961 sau 30 phút chiến đấu, lực lượng ta đã tiêu diệt hoàn toàn các mục tiêu chủ yếu, loại khỏi vòng chiến đấu 300 tên địch (trong đó có tỉnh trưởng Nguyễn Minh Mẫn); giáo dục và thả tại chỗ 400 tên, bắt đưa về căn cứ 15 tên trong đó có tên tỉnh phó và chỉ huy “bình định”, giải thoát hơn 300 tù chính trị, thu 600 súng và nhiều quân trang quân dụng.

Lần đầu tiên, Quân giải phóng miền Đông Nam bộ đã tiến công, tiêu diệt hoàn toàn một tiểu khu quân sự của địch trên chiến trường Miền. Ta đã diệt và xóa tên tiểu khu Phước Thành, chi khu Phước Vĩnh với lực lượng một tiểu đoàn biệt động nguy, một đại đội cảnh sát, một đại đội dân vệ, một chi đội thiết giáp cùng toàn bộ nguy quân, nguy quyền một tỉnh; đồng thời tấn công làm tan rã 16 đồn bót dọc lộ 14 từ Phước Thành lên Đồng Xoài, mở rộng căn cứ địa cách mạng ở miền Đông Nam bộ.

Chiến thắng Phước Thành là đòn phủ đầu đánh và chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - nguy ngay khi chúng vừa triển khai, Ngô Đình Diệm phải tuyên bố xóa bỏ tỉnh Phước Thành năm 1965¹. Chiến thắng Phước Thành đã thúc đẩy phong trào chiến tranh du kích ở các địa phương phát triển. Bộ đội địa phương huyện Tân Uyên cùng du kích các xã tiến công bức rút từng mảng hệ thống đồn bót địch: bót cầu Ông Hựu, Cầu Gỗ, Cầu Chùa, cầu Rạch Rớ, cầu Bà Đặng (dọc lộ 8)... Các bót Phước Hòa, Tân Ba (lộ 16); Bàu Lòng, Cái Sắn, Bàu Bàng (lộ 13) đều co lại, không dám bung ra hoạt động.

Để xây dựng, phát triển lực lượng đánh địch, giữ vững địa bàn này, cần phải có một bộ máy lãnh đạo Đảng, quân đội mạnh, Khu ủy và Quân khu ủy miền Đông quyết định thành lập Tỉnh ủy và Tỉnh đội Phước Thành. Tỉnh ủy gồm 7 đồng chí do đồng chí Phan Văn Lâm làm Bí thư, Hồ Văn Cảnh làm Phó bí thư, Lưu Phước Anh làm Tỉnh đội trưởng.

Trước nguy cơ khủng hoảng dẫn đến tan rã của chế độ Sài Gòn, Mỹ cấp tốc tăng viện trợ, cố vấn, trực tiếp can thiệp vào cuộc chiến trường xâm lược ở miền Nam. Tháng 2-1962, Mỹ đưa 13 phi đội máy bay trực thăng UH1 và những thiết giáp đầu tiên đến Sài Gòn, thực hiện chiến thuật “trực thăng vận” và “thiết xa vận”. Lực lượng nguy quân từ 267.000 tên tăng lên 350.000 tên. Ở miền Đông Nam bộ quân địch có Sư đoàn 5 (F5), Bộ chỉ huy đóng tại Biên Hòa cùng trung đoàn 8 (E8-F5), E7 (F5) ở

¹ Sắc lệnh số 131-NV ngày 6-7-1965 của Tổng thống nguy

Bến Cát, E9 (F5) ở Tây Ninh, E2 (F7) ở Long An, hai trung đoàn độc lập 46 và 48 án ngữ từ Biên Hòa đến Phước Tuy (Bà Rịa). Quân và dân miền Đông Nam Bộ tiếp tục đương đầu với những thủ đoạn mới của địch, đối đầu với “quốc sách” áp chiến lược và sự gia tăng của chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ - ngụy.

II. LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH ĐÁNH THẮNG “QUỐC SÁCH ÁP CHIẾN LƯỢC” CỦA ĐỊCH

Sau thất bại tại Phước Thành, Mỹ - ngụy tiếp tục đẩy mạnh chương trình bình định, gom dân, lập ấp chiến lược. Miền Đông Nam bộ là trọng điểm trong chương trình hành quân càn quét gom dân, lập ấp chiến lược. Thế trận bố phòng của địch tại chín tỉnh miền Đông Nam bộ (Long An, Hậu Nghĩa, Tây Ninh, Phước Long, Phước Thành, Bình Dương, Biên Hòa, Long Khánh, Phước Tuy) thuộc sự chỉ huy của Khu chiến thuật 33 thuộc Vùng 3 chiến thuật với lực lượng tương đương 3 sư đoàn là vành đai bảo vệ cho Sài Gòn. Sài Gòn và tỉnh Gia Định (trừ Củ Chi) địch thành lập Biệt khu Thủ đô trực thuộc Vùng 3 chiến thuật. Lữ đoàn dù đóng ở Bà Quẹo (trại Hoàng Hoa Thám), lữ đoàn thủy quân lục chiến đóng căn cứ tại Thị Nghè (tại Cừ Long) là lực lượng tổng dự bị cho toàn chiến trường nhưng hoạt động chủ yếu tại Sài Gòn và miền Đông Nam bộ.

Sau khi thất thủ Phước Thành, ngụy quyền Sài Gòn điều trung đoàn 48 thuộc sư đoàn 10 (sau đổi thành sư đoàn 18) làm lực lượng cơ động, mở nhiều cuộc càn quét, gom dân các xã Mỹ Lộc, Thường Lang, Tân Hòa, Tân Tịch vào ấp chiến lược lớn ở khu 5 (cầu Ông Hự); gom dân các xã Thái Hòa, Thạnh Hội, Bình Chánh vào các ấp chiến lược dọc sông Đồng Nai; xây dựng các ấp chiến lược Sinh, Bà Đã, Váng Hương, Rầy Gạch, Bàu Cá Trê... nhằm chia cắt và cô lập căn cứ của ta.

“Quốc sách” áp chiến lược được Ngô Đình Diệm phê duyệt tháng 8-1962 với chỉ tiêu trong năm phải thành lập được 11.000 ấp chiến lược trong tổng số 17.000 ấp trên toàn miền Nam. Các tỉnh vành đai quanh Sài Gòn như Long An, Tây Ninh, Bình Dương, Phước Thành, Biên Hòa, Long Khánh, Phước Tuy (Bà Rịa) là trọng điểm gom dân lập ấp của chúng. Chương trình áp chiến lược được cấp ngân sách viện trợ riêng. Bên cạnh “Phòng ấp chiến lược” của Bộ Tư lệnh MACV còn có “Ủy ban viện trợ áp chiến lược” tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn.

Ngụy quyền Sài Gòn xác định chương trình “quốc sách” áp chiến lược là bằng một mũi tên mà bắn trúng được 3 đích: về chính trị, chúng thực hiện “tự quản” trong nhân dân; về xã hội, chúng dựa vào viện trợ Mỹ để cải thiện dân sinh; về quân sự, tách

cộng sản ra khỏi nhân dân, làm cho cộng sản mất lợi thế quan trọng nhất trong chiến tranh với mục tiêu cơ bản nhằm “tát nước bắt cá”, cô lập và tiêu diệt các cơ sở Đảng tại chỗ, lôi kéo dân chúng về với “quốc gia” bằng một loạt biện pháp về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, tâm lý.

Ngụy quyền thiết lập hệ thống ấp chiến lược dọc theo các trục lộ, các trung tâm dân cư, những nơi có địa hình tương đối bằng phẳng, trũng trãi, dễ kiểm soát. Xung quanh ấp có từ hai đến ba lớp rào kẽm gai, có bờ cao, hào sâu, các cổng ra vào đều có chốt gác. Nhà cửa trong ấp được dựng ngay hàng thẳng lối; dân chúng đi làm và trở về ấp phải theo đúng giờ quy định; ra vào ấp đều bị kiểm soát chặt chẽ giống như sống trong một trại tập trung. Địch thí điểm chương trình ấp chiến lược đầu tiên ở Bến Cát (Thủ Dầu Một) cùng với chiến dịch “Mặt trời mọc” (2-1962) đã khởi đầu cho một “quốc sách” được tiến hành ở ạt toàn miền Nam.

Năm 1962, lực lượng vũ trang giải phóng đã có bước phát triển mạnh mẽ. Trung đoàn bộ binh số 1 (Q761) đã chính thức làm lễ ra mắt tháng 2-1962 tại Trảng Dài (Tây Ninh). Trung đoàn bộ binh số 2 (Q762) được Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng quyết định thành lập tại miền Bắc từ ngày 22-12-1961 và điều vào chiến trường, làm lễ ra mắt tại Chiến khu Đ tháng 6-1962. Lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ tiếp tục phát triển với sự lớn mạnh của tiểu đoàn chủ lực Quân khu (D500), xây dựng lực lượng tập trung mỗi tỉnh từ một đến hai đại đội, mỗi huyện xây dựng từ một đến hai trung đội. Năm 1962, lực lượng vũ trang toàn Quân khu đã lên đến gần 5.000 chiến sĩ.

Cuối tháng 8-1962, Khu ủy miền Đông tổ chức Đại hội thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Đông Nam bộ; Đại hội tổ chức tại Chiến khu Đ với gần 200 đại biểu của Đảng Nhân dân cách mạng, lực lượng vũ trang giải phóng, các đoàn thể chính trị cách mạng (Công đoàn, Phụ nữ, Thanh niên, Nông dân...), các tôn giáo (Phật, Thiên Chúa, Cao Đài). Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng miền Đông do đồng chí Lê Thành Long (Mười Long) làm chủ tịch, Lê Đình Nhơn làm Tổng thư ký. Sự ra đời của Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng miền Đông Nam bộ thể hiện được truyền thống đại đoàn kết dân tộc và quyết tâm kháng chiến của Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân miền Đông.

Nghị quyết tháng 5-1962 của Trung ương Cục xác định ba nhiệm vụ trọng tâm là kiên quyết phá ấp chiến lược, ra sức mở rộng căn cứ địa và khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân, trong đó phá ấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng nhất. Mục tiêu, nhiệm vụ tác chiến của lực lượng vũ trang cũng được xác định rõ: “Nhiệm vụ của tất cả lực lượng vũ trang là phải ra sức tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh

lực địch, nhưng đòi hỏi trước mắt là hỗ trợ cho phong trào quần chúng phá áp chiến lược”.

Theo tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Cục và Khu ủy, lực lượng vũ trang miền Đông đã kết hợp ba thứ quân, liên tục tấn công địch, hỗ trợ cho đồng bào đấu tranh chống gom dân, lập áp chiến lược. Hai trung đoàn chủ lực Miền được điều về đứng chân ở những địa bàn trọng điểm. Trung đoàn 1 về khu vực Bời Lời, Nhuận Đức, An Nhơn Tây; Trung đoàn 2 về khu vực Bến Cát, Phú Giáo, Dầu Tiếng. Phương thức phá áp chiến lược phổ biến trong thời kỳ này là phối hợp lực lượng nổi dậy của quần chúng trong áp và mũi tiến công của bộ đội địa phương, dân quân du kích bên ngoài và ở một vài nơi trọng điểm có sự tham gia của một bộ phận chủ lực.

Khu ủy miền Đông tập trung chỉ đạo phải phá banh áp chiến lược, đưa dân bung về đất cũ làm ăn, tăng cường Tiểu đoàn chủ lực D500 về hoạt động trên chiến trường Thủ Dầu Một, hỗ trợ cho phong trào chống phá áp chiến lược thí điểm ở Bến Tượng.

Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chỉ đạo các Huyện ủy cho các chi bộ bí mật, ban cán sự mật, tự vệ mật bám sát quần chúng, trực tiếp lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Chống phá áp chiến lược. Đợt hoạt động chống chiến dịch “Mặt trời mọc” từ tháng 3 đến tháng 6-1962, quân và dân Thủ Dầu Một đã tổ chức 38 cuộc mittinh, 1.072 cuộc biểu tình, trực diện đấu tranh chống địch bắn pháo vào làng, đòi giải tán áp chiến lược, lực lượng vũ trang đã đánh 253 trận, diệt 300 tên.

Ngày 10-10-1962, quân nguy huy động 6.000 quân gồm 10 tiểu đoàn thuộc các sư đoàn chủ lực số 5; 7; 21 mở chiến dịch Sao Mai đánh vào vùng căn cứ của ta thuộc hai tỉnh Long An và Tây Ninh. Tại Long An, địch tập trung quân càn quét phía bắc lộ 4 (khu vực sông Vàm Cỏ Đông), nơi có nhiều xã giải phóng và phong trào công tác du kích phát triển mạnh. Tại Tây Ninh, chúng tập trung càn quét khu vực Trảng Bàng nhằm chĩa mũi nhọn vào Chiến khu Dương Minh Châu, tiêu diệt bộ đội chủ lực và đầu não tỉnh Tây Ninh và Trung ương Cục miền Nam. Địch mở cuộc càn quét tập trung lực lượng quy mô về hỏa lực, phương tiện chiến tranh với các chiến thuật mới được mệnh danh là “bủa lưới phóng lao”, “phượng hoàng vồ mồi”, “trên đe dưới búa”.

Bộ đội địa phương các tỉnh Long An, Tây Ninh đã phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực và du kích chặn đánh các cuộc càn quét trong chiến dịch Sao Mai (10-1962), hỗ trợ cho phong trào quần chúng đấu tranh chính trị chống khủng bố, đàn áp. Năm 1962, quân và dân Long An đã tiêu diệt, bức hàng, bức rút 70 đồn bót địch, diệt hàng trăm tên, thu nhiều vũ khí. Mũi binh vận sử dụng nội tuyến phục vụ cho 40 trận đánh,

thu hàng trăm súng. Mũi đầu tranh chính trị đã tổ chức hàng trăm cuộc đấu tranh với hàng vạn lượt người tham gia, nhiều cuộc đấu tranh lớn, quy mô liên xã, liên huyện kéo vào quận lỵ, tỉnh lỵ trực diện đấu tranh với địch.

Chấp hành sự chỉ đạo của Khu ủy miền Đông, các Tỉnh ủy đã chủ trương phát động phong trào du kích chiến tranh, xây dựng xã ấp chiến đấu, xây dựng hệ thống giao thông hào, đại đạo, ô ụ chiến đấu, bám trụ đánh địch.

Tại Tây Ninh, phong trào đấu tranh chính trị phát triển mạnh mẽ ở các huyện Trảng Bàng, Gò Dầu, Châu Thành... các cuộc đấu tranh quy mô từng xã hay liên xã, liên huyện đều có Ban chỉ huy thống nhất, dự kiến các tình huống và cách xử trí theo mật hiệu thống nhất, có tổ chức lực lượng dự bị để hỗ trợ khi cần. Chiến tranh nhân dân phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Toàn tỉnh xây dựng được 25 xã chiến đấu với hệ thống địa đạo, ô ụ chiến đấu, hầm chông, bãi mìn. Nhiều xã ấp chiến đấu đã áp sát đồn bót, tạo thế vây hãm địch như An Tịnh, Bùng Binh, Đôn Thuận. Quân và dân Đôn Thuận đã xây dựng hệ thống địa đạo dài 15 km với nhiều nhánh ngách, ô ụ chiến đấu, có lương khô, nước ngọt dự trữ, đủ cho một trung đoàn bám trụ.

Hệ thống địa đạo chiến đấu ở Bà Rịa được phát triển rộng như ở nhiều xã như Long Phước, Hắc Dịch, Ngãi Giao, Long Tân, Bàu Lâm, Xuân Sơn... Lực lượng vũ trang và cán bộ chủ chốt của tỉnh đã về bám trụ tại địa đạo Long Phước để chỉ đạo và hỗ trợ phong trào chống phá ấp chiến lược trên địa bàn trọng điểm. Tại Biên Hòa, Huyện ủy Long Thành đã tổ chức đào hơn 400 mét địa đạo tại Tam An, cách Quốc lộ 15 hơn một cây số. Huyện ủy Nhơn Trạch chỉ đạo đào địa đạo tại khu Lòng chảo xã Phước An, đưa cán bộ Huyện ủy về bám trụ chỉ đạo phong trào. Du kích, bộ đội huyện bám trụ đánh địch, bẻ gãy nhiều cuộc càn quét vào căn cứ.

Huyện ủy Bến Cát tổ chức đào địa đạo và xây dựng xã chiến đấu tại ba xã nam Bến Cát: An Điền, An Tây, Phú An với hàng ngàn mét địa đạo, hàng chục ngàn mét giao thông hào, ô ụ chiến đấu. Nhờ hệ thống địa đạo và ô ụ chiến đấu, quân và dân các xã nam Bến Cát đã phát triển phong trào du kích chiến tranh, bám trụ đánh địch rất kiên cường, bẻ gãy nhiều cuộc càn quét quy mô của Mỹ - ngụy, bảo vệ quần chúng, giữ vững vùng giải phóng, vượt qua ác liệt để tồn tại và phát triển.

Tại Chiến khu Đ, trước tình hình địch đánh phá ác liệt, Khu ủy miền Đông chỉ đạo tổ chức đào địa đạo tại khu vực Suối Linh. Địa đạo dài 800 mét¹, với nhiều ngõ ngách, hầm làm việc, kho dự trữ vũ khí, lương thực, quân y. Phía ngoài địa đạo có hệ thống giao thông hào và ô ụ chiến đấu để đội bảo vệ cơ động đánh địch, bảo vệ cơ

¹ Nóc địa đạo cách mặt đất 3 mét, lòng địa đạo rộng 0,8 mét, cao 1,6 mét đến 1,8 mét

quan Khu ủy. Địa đạo Suối Linh gắn bó với hoạt động của cơ quan Khu ủy miền Đông trong suốt những năm 1962-1967.

Phong trào chiến tranh nhân dân ở các tỉnh miền Đông sau Đồng khởi đã giải phóng nhiều xã, nhiều vùng. Chấp hành sự chỉ đạo của Khu ủy miền Đông, các Tỉnh ủy chỉ đạo giải phóng tới đâu xây dựng xã chiến đấu tới đó, tạo thế cài răng lược, “bám thắt lưng địch mà đánh”. Hệ thống địa đạo kết hợp ô ụ chiến đấu là một sáng tạo mà quân và dân miền Đông Nam bộ trong thế trận chiến tranh nhân dân, mở ra khả năng bám trụ đánh địch không chỉ tại vùng căn cứ mà ngay ở những vùng tranh chấp ác liệt, tạo thế lấy ít đánh nhiều, đánh bại những cuộc càn quét quy mô lớn và dài ngày của địch.

Cuối năm 1962, địch mở chiến dịch “200 tấn bom” đánh phá căn cứ Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Quân giải phóng. Chúng cho máy bay rải chất độc hóa học hủy diệt vùng Rừng Sác, Chiến khu Đ, làm trụ lá hành lang rừng dọc lộ 13 từ Thủ Dầu Một lên Lộc Ninh. Chúng mở chiến dịch “Thu Đông” càn quét Chiến khu Đ từ ngày 20-11-1962 đến 30-12-1962 với lực lượng gồm 15 tiểu đoàn bộ binh, 56 máy bay lên thẳng, 1.000 cố vấn Mỹ. Bộ đội chủ lực Miền cùng bộ đội chủ lực Quân khu kết hợp với bộ đội địa phương và du kích vùng căn cứ đánh trả địch quyết liệt, bảo vệ Chiến khu Đ.

Để chuẩn bị hậu cần cho bước phát triển của cuộc chiến tranh, Khu ủy miền Đông đã tích cực mở rộng các cơ sở hậu cần như U50 ở Chiến khu Đ, U60 ở Chiến khu Dương Minh Châu. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Cục, Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 đã thành lập đoàn 555 (sau đổi thành Đoàn 1.500), mở bến Lộc An (Bà Rịa) xây dựng kho bãi, chọn người, mở đường trên biển ra Bắc đưa vũ khí về miền Đông Nam Bb. Đồng chí Lê Minh Thịnh, Phó bí thư Tỉnh ủy kiêm Trưởng ban quân sự tỉnh Bà Rịa được giao nhiệm vụ khảo sát địa hình vùng ven biển Long Đất – Xuyên Mộc mở bến bãi, tuyển chọn người mở đường biển ra Bắc tiếp nhận vũ khí.

Chuyến giao liên đầu tiên mở đường ra Bắc xuất phát vào hạ tuần tháng 5-1961, do anh Tư Gạch chủ ghe làm tổ trưởng¹, ra tới Quảng Nam thì bị địch bắt giữ. Sau một thời gian giam giữ, không tìm được chứng cứ, địch buộc phải trả tự do.

Tháng 6-1961, Trung ương Cục cử đồng chí Dương Quang Đông xuống Bà Rịa thay đồng chí Lê Minh Thịnh tiếp tục nhiệm vụ mở hành lang giao thông vận tải đường biển. Sông Ray (cửa Lộc An) được chọn làm điểm chuẩn bị bến bãi đón tàu vào. Sau khi đã mua được chiếc ghe đánh cá có trọng tải 2 tấn (máy 8 sức ngựa) và

¹ Cùng đi với anh còn có 2 thuyền viên ông già Bảy và ông Sáu Thọ

huấn luyện cho 6 thuyền viên được tuyển chọn trong ngư dân thuộc các xã Phước Hải, Phước Bửu, Bình Châu, ngày 27-2-1962, chiếc ghe máy rời bến Hồ Cốc mở đường ra Bắc² (hai vợ chồng đồng chí Mười Vinh đã tự nguyện gom hết vòng vàng, nữ trang của gia đình ra bán để mua sắm phương tiện và lo các thủ tục cho Đoàn hành trình kịp vào thời điểm thuận lợi nhất. Bà Mười Vinh đột nhập áp chiến lược tìm mua một ghe và chuẩn bị mọi mặt cần thiết cho một ghe đánh cá đi biển dài ngày, kể cả giấy tờ hợp pháp cho 6 anh em làm nhiệm vụ). Đoàn do Nguyễn Sơn (Chiến) làm Thuyền trưởng, Lê Hà (Thuận) làm Thuyền phó kiêm Chính trị viên và bốn thành viên là Thôi Văn Nam (Bảy Đen), Trần Minh Phủ (Hoàng), Võ An Ninh (Hai Liễu) và Nguyễn Văn Thanh (Nhưng).

Gặp bão ở Cam Ranh, ghe phải tấp vào bờ, đoàn thủy thủ bị địch bắt giữ gần hai tháng. Sau đó, do không đủ chứng cứ buộc tội, địch phải thả ra. Với quyết tâm cao hoàn thành nhiệm vụ, đoàn lại tiếp tục cuộc hành trình, từ Cam Ranh phải cắt ra hải phận quốc tế rồi thẳng hướng ra Bắc. Một lần nữa, chiếc ghe máy nhỏ bị gió lớn thổi tấp vào đảo Hải Nam (Trung Quốc), rồi được Tổng Lãnh sự quán của ta bảo lãnh đưa đến Hà Nội. Đoàn thủy thủ được học tập chính trị, huấn luyện nghiệp vụ và biên chế vào đoàn 125 hải quân, chuẩn bị cho các chuyến vượt biển đưa vũ khí về giải phóng quê hương. Chuyến mở đường trên biển ra Bắc thẳng lợi đã thể hiện ý chí quyết tâm đưa vũ khí về giải phóng quê hương của quân và dân Bà Rịa nói riêng, quân dân miền Đông nói chung.

Trên địa bàn miền Đông Nam bộ, cuộc đấu tranh phá áp chiến lược diễn ra hết sức quyết liệt. Các cuộc đấu tranh chính trị được tổ chức chặt chẽ, có nhiều lực lượng tham gia, trong đó “đội quân tóc dài” là chủ lực, có gia đình binh sĩ phối hợp, có lực lượng dự bị, có phương án bổ sung, vừa đấu lý lẽ vừa vũ trang bảo vệ nhà cửa, ruộng rẫy đất nhà mình nhưng kiên quyết không vào áp.

Bàu Mây (xã An Tịnh) là áp chiến lược thí điểm của địch ở huyện Trảng Bàng (Tây Ninh). Địch đưa 2 tiểu đoàn bảo an từ Trảng Bàng vào cùng bọn dân vệ cào nhà, gom dân vào áp chiến lược. Đồng bào Bàu Mây đã nêu cao khẩu hiệu “một tác không đi, một li không dòi”, liên tục đấu tranh làm thất bại âm mưu của địch. Biểu tình chặn địch, đấu lý lẽ với bọn lính, đồng bào Bàu Mây còn sử dụng giáo mác rượt đuổi bọn giặc cào nhà. Nhiều người tự tay châm lửa đốt nhà mình, nhưng kiên quyết không chịu vào áp chiến lược. Sau 60 ngày giằng co quyết liệt, năm lần địch đưa lực lượng chủ lực từ Trảng Bàng vào đàn áp không kết quả, buộc phải bỏ dở việc gom dân lập áp chiến lược Bàu Mây. Huyện ủy Trảng Bàng đã phát động phong trào “mỗi nhà là một tấm tranh, một cây tầm vông cho Bàu Mây”, nhân dân các xã lân cận đã hỗ trợ

đồng bào Bà Mây xây dựng lại nhà cửa. Khẩu hiệu “một tác không đi, một li không dờ” của đồng bào Bà Mây đã trở thành khẩu hiệu hành động.

Nhiều địa phương như Bến Cát (Thủ Dầu Một), Long Thành (Biên Hòa), Châu Thành, Long Đất (Bà Rịa)... bộ đội địa phương đã phối hợp với du kích và lực lượng an ninh diệt ác ôn, cảnh cáo răn đe nguy quân nguy quyền, phối hợp lực lượng bên trong và bên ngoài phá áp chiến lược. Các xã Bến Tượng, Thới Hòa, An Phú (Thủ Dầu Một), Tân Xuân, Phước Vĩnh An (Gia Định), Gia Lộc (Tây Ninh) và tỉnh Tây Ninh đã được chọn là những điển hình báo cáo tại Hội nghị tổng kết chiến tranh du kích toàn miền Nam (11-1962). Hội nghị đã nhấn mạnh tầm quan trọng của xã chiến đấu, thể trận của chiến tranh nhân dân, khẳng định lực lượng chính trị của quần chúng là lực lượng cơ bản trong việc phá áp chiến lược, lực lượng vũ trang kết hợp là đòn bẩy đặc biệt quan trọng.

Tại Bà Rịa, Tỉnh ủy đã chỉ đạo tập trung vào trọng tâm phá áp chiến lược. Với quyết tâm “phá áp chiến lược từ lúc địch bắt đầu làm”, điều đại đội 445 tăng cường cho các vùng trọng điểm Đất Đỏ và lộ 2 đánh địch, Tỉnh ủy Bà Rịa thành lập Ban chỉ đạo phá áp chiến lược của tỉnh do đồng chí Lê Thành Ba, Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng ban. Các huyện đều thành lập Ban chỉ đạo phá áp chiến lược. Bộ đội tỉnh và bộ đội các huyện được giao nhiệm vụ tác chiến hỗ trợ cho du kích và đồng bào phá áp.

Cuộc đấu tranh chống phá áp chiến lược của quân và dân miền Đông Nam bộ đã góp phần làm phá sản kế hoạch bình định miền Nam trong vòng 18 tháng của Mỹ ngụy. Tài liệu mật của Lầu năm góc cho biết, 9 tháng đầu năm 1962, chúng chỉ lập được 3.225 ấp và đang xúc tiến lập 2.217 ấp khác trên toàn miền Nam, trong khi kế hoạch đặt ra là 11.000 ấp. Trên địa bàn miền Đông Nam bộ, ta đã phá lỏng, phá rã hàng trăm ấp, giải phóng hàng chục xã.

Ngày 20-11-1962, Thường vụ Khu ủy miền Đông đã ra chỉ thị tiếp tục tăng cường chỉ đạo chống phá áp chiến lược. Chỉ thị nhấn mạnh sự kết hợp ba mũi giáp công: chính trị, quân sự và binh vận; kết hợp ba hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp, bất hợp pháp - công khai, nửa công khai, bí mật; nắm vững quan điểm vừa cấp bách vừa lâu dài, tính chất giằng co ác liệt. Chỉ thị xác định phương châm không nôn nóng, chủ quan, đánh địch từng bước, từng mặt, làm chủ từng phần, từng lúc, đi đến làm thất bại hoàn toàn âm mưu của địch. Chỉ thị phân ra ba loại ấp chiến lược: loại 1 gồm những ấp chiến lược ở địa bàn chiến lược quan trọng của địch; loại 2 gồm những ấp thuộc vùng nông thôn không phải địa bàn trọng điểm của địch; loại 3 gồm những ấp ở sâu trong nông thôn đã phá thế kìm kẹp. Trên cơ sở phân loại đó, mỗi địa phương có kế hoạch, biện pháp cụ thể và yêu cầu nhiệm vụ chống phá cho thích hợp.

Phong trào cách mạng miền Nam phát triển đẩy chính quyền Sài Gòn lâm vào nguy cơ sụp đổ. Mắc Namara (Robert Mc Namara), Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ thú nhận: “Tình hình rất rắc rối. Chiều hướng hiện nay trừ phi có thay đổi trong hai, ba tháng tới, nếu không may mắn lắm, sẽ đi đến việc trung lập hóa, có khả năng nhiều hơn là Việt Nam trở thành quốc gia dưới quyền kiểm soát của Cộng sản”¹.

Năm 1963, Mỹ tăng cường viện trợ, nguy quyền tăng quân, liên tiếp mở các cuộc càn quét. Cố vấn và nhân viên quân sự Mỹ đưa vào miền Nam Việt Nam 11.000 tên, tăng gấp ba lần năm 1962, cùng 165 máy bay, 257 xe thiết giáp. Ngân sách viện trợ cho nguy quyền Sài Gòn từ 378 triệu đôla năm 1962 tăng lên 450 triệu đôla năm 1963. Nguy quyền ráo riết bắt lính, tăng quân số chủ lực lên 200.000 tên, bảo an và dân vệ lên 210.000 tên. Riêng sáu tháng đầu năm 1963, chúng đã bắt 8.235 thanh niên ở miền Đông Nam bộ vào quân dịch, gần bằng cả năm 1962 (9.322 thanh niên). Dân vệ địch trang bị mạnh, đầy đủ hơn trước cùng với bọn tề xã ấp, công an ngầm trực tiếp đánh phá, kìm kẹp quần chúng trong các ấp chiến lược.

Địch thành lập tổ chức Thanh niên chiến đấu vùng nông thôn, đô thị và vùng đồng bào có đạo Công giáo, Cao Đài, Hòa Hảo và đồng bào dân tộc, ráo riết tổ chức, trang bị và huấn luyện chiến thuật biệt kích để đánh phá phong trào tại các xã². Chúng tiếp tục mở rộng hệ thống ấp chiến lược và củng cố bộ máy kìm kẹp trong các ấp, đồng thời tăng quy mô các cuộc càn quét đánh phá vùng giải phóng, vùng căn cứ.

Mở đầu năm 1963, chiến thắng vang dội ở Ấp Bắc (Cai Lậy - Mỹ Tho, ngày 2-1-1963) đã làm nức lòng quân và dân cả nước. Lực lượng vũ trang địa phương khoảng 300 tay súng cùng du kích đã đánh bại cuộc càn quét của 2.000 quân nguy do cố vấn Mỹ chỉ huy với chiến thuật thiết xa vận, trực thăng vận lần đầu tiên xuất hiện trên chiến trường miền Nam. Đây là trận thắng lớn, diệt nhiều địch (có cố vấn Mỹ, giặc lái Mỹ), bắn rơi nhiều máy bay, bắn cháy nhiều thiết giáp, đánh bại ngay từ đầu một cuộc hành quân quy mô với nhiều binh chủng hợp thành của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. Trận Ấp Bắc là lời giải đáp hùng hồn về chiến thuật và sức mạnh của chiến tranh nhân dân. Lực lượng vũ trang địa phương với phương thức tác chiến linh hoạt, cơ động và vũ khí hạn chế, để có thể đánh thắng chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận hiện đại của địch ngay từ khi chúng vừa đem ra thực thi. Chiến thắng Ấp Bắc đã cổ vũ một cao trào phá ấp chiến lược trên toàn miền Nam. Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền đã phát động phong trào “Thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công” trên toàn miền.

¹ Mc Namara: nhìn lại quá khứ. Tấn thâm kịch và những bài học về Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.113

² Theo báo cáo của Ban binh vận Miền, cuối năm 1962, lực lượng Thanh niên chiến đấu trên toàn Miền có 2 vạn, trang bị 1 vạn súng, thì đến tháng 6-1963 đã tăng lên 5 vạn và trang bị trên 3 vạn súng các loại.

Sau thất bại ở Ấp Bắc, Mỹ - ngụy đã triển khai hàng loạt cuộc hành quân cấp sư đoàn, đánh phá nhiều lần các căn cứ Chiến khu Đ, Chiến khu Dương Minh Châu, Bàu Trâm (Trảng Bàng), Gò Dầu Hạ (Tây Ninh), Hiếu Liêm (Biên Hòa), Long An ... Chúng triển khai kế hoạch “Kế hoạch AN 16” với mục tiêu lập 7.500 ấp chiến lược, kiểm soát 8.000.000 dân ở nông thôn trong năm 1963. Thủ đoạn chủ yếu của địch là sử dụng lực lượng hỗn hợp, đưa các đơn vị chủ lực có trực thăng, thiết giáp và pháo binh yểm trợ các cuộc càn quét từng khu vực dân cư (khoảng 5 - 7 xã), hỗ trợ cho bọn cán bộ bình định gom dân lập ấp. Gom được ấp nào, chúng thiết lập ngay bộ máy tề ngụy từ xã, ấp đến liên gia, bố trí lực lượng bản an dân vệ, tổ chức lực lượng “thanh niên chiến đấu” và hệ thống công an ngầm. Bình định xong từng khu vực, chúng đưa lực lượng hỗn hợp sang đánh phá vùng khác. Bằng thủ đoạn này, trong vòng 9 tháng, chúng đã lập được 45 ấp ở Kiến Tường, 94 ấp ở Tây Ninh, 100 ấp ở Thủ Dầu Một, 150 ấp ở Biên Hòa, 273 ấp ở Long An. Tại Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh, địch xây dựng hàng loạt Ấp chiến lược vùng đồng bào công giáo di cư bao quanh tỉnh lỵ, quanh các căn cứ quan trọng, án ngữ các trục lộ giao thông chiến lược như Quốc lộ 1, 15, liên tỉnh lộ số 2. Các gia đình công nhân cao su cũng bị gom vào ấp.

Hàng loạt ấp chiến lược được xây dựng ở miền Đông Nam bộ như các trại tập trung khổng lồ có đê cao, hào sâu cắm chông, có hàng ào dây thép gai gai mịn, lựu đạn, có tháp canh, đồn bót kiên cố, có cổng ra vào để kiểm soát giờ giấc, giấy tờ và mọi hoạt động của người dân. Kim kẹp trong mỗi ấp là một bộ máy hành chính và quân sự, kết hợp với một đoàn cán bộ bình định nông thôn, mỗi ấp khoảng 30 tên gồm công an ngầm, công dân vụ, tâm lý chiến, chiêu hồi. Đồng bào trong các ấp phải ở theo từng liên gia, có bảng phân loại gia đình treo trước cửa, các gia đình có con theo cách mạng bị kiểm soát ngặt nghèo. Tháng 5 năm 1963, Ngô Đình Nhu, Chủ tịch Ủy ban bình định Trung ương ngụy tuyên bố đã lập được 7.205 ấp chiến lược với bảy triệu dân, đẩy Việt cộng vào tình trạng như “cá đã tách khỏi nước”.

Chiến khu Đ là một trong những trọng điểm gom dân lập ấp chiến lược của địch. Chúng mở các cuộc hành quân Rạng Đông (1-1963), Phi Hòa (3-1963) càn quét nhiều lần nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não, phá hoại kho tàng dự trữ của ta trong chiến khu. Để đối phó với các hoạt động gom dân lập ấp ngày càng gia tăng của địch, Hội nghị quân sự toàn Quân khu tại Chiến khu Đ (đầu năm 1963) đã tổng kết kinh nghiệm chống phá ấp chiến lược để phổ biến rộng rãi trong toàn miền:

- Phải phá ấp chiến lược ngay từ khi chúng mới hình thành;
- Phá ấp chiến lược đi đôi với việc tiêu diệt lực lượng càn quét yểm trợ;

- Vận động quần chúng đấu tranh không vào áp chiến lược;
- Chống âm mưu lập tề và phòng vệ dân sự trong các ấp;

Khu ủy miền Đông chỉ đạo việc bảo vệ, xây dựng và mở rộng căn cứ phải gắn chặt với phong trào chống phá áp chiến lược. Trên cơ sở những kinh nghiệm và thắng lợi ban đầu, Khu ủy chỉ đạo triển khai rộng rãi việc phá áp chiến lược trên toàn quân khu, với nhiều hình thức, từ phá lỏng, phá rã đến phá banh toàn bộ hệ thống áp chiến lược của địch.

Hưởng ứng phong trào “thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công” do Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền phát động, Khu ủy đã chỉ đạo quân và dân các tỉnh miền Đông Nam bộ mở đợt hoạt động sôi nổi trên khắp các chiến trường, phối hợp ba mũi giáp công, phá áp chiến lược, giải phóng hàng loạt xã ấp. Hai đại đội C40 và C45 của tỉnh Bà Rịa đã cơ động đánh địch trên các địa bàn trọng điểm, phối hợp với bộ đội huyện Châu Đức, Long Đất đánh nhiều trận ở Long Phước, Ngãi Giao, Phước Lợi, đốc Cây Cám, tạo thế cho đồng bào nổi dậy phá áp chiến lược.

Đội vũ trang tuyên truyền tỉnh Long Khánh đột nhập ấp Hưng Nghĩa, bắt sống 13 tề ấp, thu 13 súng, phát động quần chúng nổi dậy phá áp. Trong đợt hoạt động này, Đội vũ trang tuyên truyền tỉnh đã phối hợp với du kích và đồng bào phá banh hàng chục ấp chiến lược. Bộ đội địa phương huyện Long Thành (Biên Hòa) phục kích trên lộ 15, diệt xe cơ giới, sử dụng lối đánh biệt động diệt đồn Đò La, đồn Long Tân. Tỉnh Biên Hòa vận động hàng trăm thanh niên tòng quân giết giặc. Xã Phước An, huyện Long Thành (Biên Hòa) chỉ trong một đợt vận động đã có 40 thanh niên nhập ngũ.

Bộ đội địa phương Thủ Dầu Một phối hợp với du kích liên tục chống các cuộc càn quét của Sư đoàn 5 nguy trong đợt dồn dân ba xã An Điền, An Tây, Phú An tháng 5-1963. Đại đội 304 của tỉnh và đại đội 81 huyện Bến Cát đã phối hợp đánh bót Nhà Thờ, Mương Thuộc nằm trong ấp Long Cầu, cùng nhân dân phá banh áp chiến lược này. Trên đà lớn mạnh, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một thành lập thêm đại đội bộ binh 308 (7-1963) và đại đội 4 trợ chiến (9-1963). Lực lượng vũ trang tỉnh vừa phối hợp với du kích chống càn, đồng thời chủ động công đồn, phát động đồng bào phá nhiều ấp chiến lược, trong đó có ấp chiến lược thí điểm của địch ở Bến Tượng.

Các lực lượng vũ trang ở Tây Ninh liên tục tiến công địch nhiều trận khắp các huyện Trảng Bàng, Gò Dầu, Bến Cầu, Châu Thành, Dương Minh Châu. Nhiều cuộc đấu tranh chính trị phối hợp chặt chẽ với hoạt động vũ trang. Đại đội 33 huyện Gò Dầu phối hợp với du kích Cẩm Giang diệt một trung đội dân vệ chiếm giữ ấp Bàu Nâu, Q761 diệt đồn Bàu Cỏ (Tân Hưng), bọn lính hoảng sợ rút chạy. Địch phải huy

động các đơn vị chủ lực có máy bay, pháo binh và thiết giáp đến yểm trợ chiếm lại đồn Bàu Cỏ. Tỉnh uỷ, Huyện uỷ chỉ đạo phát động và tổ chức đồng bào Tân Hưng bao vây đồn địch suốt bảy ngày đêm hỗ trợ cho bộ đội đánh địch. Đồng bào xã Thanh Phước (Gò Dầu) đã biểu tình chặn đầu xe thiết giáp, không cho chúng càn vào ruộng rẫy. Trong suốt 94 ấp chiến lược địch vừa lập được, quân và dân Tây Ninh đã phá rã và phá banh được 54 ấp.

Tại huyện Gò Dầu, địch phản ứng mạnh. Theo sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Gò Dầu phát động phong trào toàn Đảng, toàn quân: “Quyết tử giữ Gò Dầu”. Khẩu hiệu này thể hiện quyết tâm chống địch lấn chiếm của toàn Đảng bộ và quân dân Gò Dầu.

Tháng 6-1963, Thường vụ Trung ương Cục mở Hội nghị toàn miền rút kinh nghiệm chống phá ấp chiến lược. Kinh nghiệm trước hết là các cấp uỷ Đảng phải tập trung vào trọng tâm công tác tuyên truyền làm cho quần chúng hiểu được âm mưu xây dựng ấp chiến lược của địch, từ đó tự giác thực hiện chống phá ấp chiến lược, coi ấp chiến lược là chiến trường tiến công địch. Kinh nghiệm thứ hai là phải đẩy mạnh đấu tranh chính trị và binh vận có vũ trang hỗ trợ. Khâu quyết định là phải vận động cách mạng quần chúng trong ấp chiến lược, gia đình binh sĩ, tề, lính, nhất là tổ chức thanh niên chiến dịch và tổ chức dân vệ người dân tộc... Kinh nghiệm thứ ba là phải kết hợp đẩy mạnh cả hai mặt chống và phá ngay từ đầu. Kinh nghiệm thứ tư là phá hình thức kết hợp với phá nội dung. Phá nội dung kim kẹp là quyết định.

Phá ấp chiến lược Bến Tượng (Bến Cát, Thủ Dầu Một) là một trong những điển hình chống phá ấp chiến lược của quân và dân miền Đông Nam bộ. Đây là một trong những ấp chiến lược kiểu mẫu địch xây dựng thí điểm trên địa bàn miền Đông Nam bộ. Địch xây dựng ấp chiến lược Bến Tượng từ tháng 3-1962. Mỹ - ngụy đã mở chiến dịch Bình Minh càn quét, gom dân ba xã Chánh Phú Hòa, Mỹ Phước, Lai Hưng vào ấp chiến lược Bến Tượng, gồm 217 gia đình, 857 nhân khẩu. Chúng đưa trên một trăm tên công dân vụ về chỉ đạo, bắt dân đào hào đắp lũy, rào kẽm gai, xây lô cốt kiên cố. Bên trong ấp có sân bay trực thăng, kho vũ khí, kho lúa, trại gia binh, trại giam. Lực lượng địch có một đại đội thanh niên chiến đấu, một đại đội bảo an cùng với dân vệ, tề xã, ấp, liên gia trưởng, công an ngầm, ụ bố trí xen kẽ để kim kẹp nhân dân. Tiếp sức bộ máy kim kẹp còn có bọn cán bộ bình định. Đây là một tổ chức bán vũ trang được huấn luyện bài bản tại “Trung tâm huấn luyện cán bộ xây dựng nông thôn” Vũng Tàu. Mỗi ấp chiến lược có một đội, chia làm nhiều toán, hàng ngày chúng giả vờ cùng ăn, cùng ở, cùng làm với nhân dân để thực hiện những thủ đoạn tình báo, tâm lý chiến.

Cuộc đấu tranh phá áp chiến lược Bến Tượng diễn ra quyết liệt. Khu ủy miền Đông ngay từ đầu năm 1962 đã thành lập Đoàn chỉ đạo chống phá áp chiến lược Bến Tượng. Đoàn gồm cán bộ quân sự, chính trị, an ninh, nông hội, phụ nữ, binh vận do đồng chí Nguyễn Trọng Tâm làm Trưởng đoàn. Huyện ủy Bến Cát phân công đồng chí Nguyễn Văn Thêu (Sáu Dệt), Huyện ủy viên, làm Bí thư chi bộ Bến Tượng. Đoàn tổ chức bám trụ sát dân giáo dục, vận động đồng bào và tranh thủ nhiều gia đình binh sĩ nguy làm nòng cốt liên tục đấu tranh với địch. Lực lượng vũ trang bắt toàn bộ tề ấp và liên gia trưởng giáo dục, trấn áp trước quần chúng nhân dân, hạ uy thế địch, nâng cao uy tín cách mạng. Sau trận này hầu hết tề ấp và liên gia trưởng đều xin nghỉ việc. Các tổ chức địch lập ra trong áp chiến lược Bến Tượng đều bị phá rã, phá lỏng, quần chúng bung về đất cũ làm ăn. Năm tên cố vấn Mỹ chỉ huy một đoàn công dân vụ về bắt nhân dân họp lại, chỉ định bốn chủ khóm, 33 liên gia trưởng, 3 tên do thám trong ban tự vệ và cưỡng ép 80 thanh niên thành lập lại hai toán thanh niên chiến đấu song lo sợ trước áp lực quần chúng cách mạng, ba tên do thám phải ra ngoài ấp, tìm cán bộ ta báo cáo lại. Tề ấp lợi lỏng, Huyện ủy họp cả năm cánh, đưa cán bộ vào ấp giáo dục tề, bắt một số tên tạo cơ để phát động quần chúng đấu tranh. Cuối năm 1963 hầu hết các gia đình đều đã đưa người về đất cũ dựng nhà, làm ruộng rồi ở luôn. Có gia đình còn ở thế hai chân cả trong ấp và ngoài ấp để giữ thế hợp pháp. Có người về đất cũ làm ăn, hàng tháng về trình giấy, sau không ai trình nữa, áp chiến lược Bến Tượng hoàn toàn bị vô hiệu hóa.

Ngày 27-8-1963, Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị về đẩy mạnh chống phá áp chiến lược. Chỉ thị xác định nhiệm vụ cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân miền Nam trong giai đoạn trước mắt là phải đánh bại âm mưu lập áp chiến lược của địch. Để hoàn thành nhiệm vụ trên, cần phải đẩy mạnh đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, đặc biệt là đẩy mạnh phong trào chiến tranh nhân dân, chống càn quét, phá áp chiến lược, tiêu hao tiêu diệt, làm tan rã sinh lực địch đồng thời khẩn trương xây dựng, củng cố và phát triển cả thế và lực, cả chính trị và vũ trang, bên ngoài cũng như bên trong áp chiến lược, làm thất bại từng bước, tiến lên làm thất bại hoàn toàn âm mưu xây dựng khu, áp chiến lược, gom dân của địch.

Tháng 10-1963, Trung ương Đảng cử đồng chí Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Trung ương Cục miền Nam làm Bí thư Quân ủy Miền; Trung tướng Trần Văn Trà, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam vào chiến trường làm Tư lệnh Bộ chỉ huy Miền. Cùng vào chiến trường còn có Thiếu tướng Lê Trọng Tấn, Đại tá Hoàng Cầm và nhiều cán bộ trung cao cấp khác. Bộ máy lãnh đạo của Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 cũng

được củng cố. Tháng 4-1964, đồng chí Phạm Văn Xô chuyển công tác về Trung ương Cục, đồng chí Nguyễn Ngọc Tân (Hai Lực) được cử làm Bí thư Khu ủy; đồng chí Nguyễn Văn Chí làm Phó bí thư; đồng chí Nguyễn Văn Búra (Hồng Lâm) giữ chức quyền Tư lệnh Quân khu thay đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên; đồng chí Nguyễn Chí Sinh làm Tham mưu trưởng¹.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Cục, Khu ủy miền Đông Nam bộ đã chỉ đạo các tỉnh tích cực phát triển cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang. Mỗi tỉnh đều xây dựng được lực lượng tương đương từ 1 đến 2 tiểu đoàn ở tỉnh; mỗi huyện cũng xây dựng được từ 1 đến hai đại đội tập trung. Lực lượng du kích tập trung và du kích mật ở các xã đều phát triển cả số lượng, chất lượng và trang bị. Đánh địch, lấy súng tự trang bị; binh vận, binh biến, nội công, ngoại kích chiếm đồn địch, thu vũ khí làm những phương thức phổ biến để diệt địch mở rộng vùng giải phóng.

Trường Đảng Khu đã tổ chức nhiều lớp huấn luyện, tập huấn chính trị cho cán bộ sơ cấp, trung cấp từ các tỉnh, các huyện ở miền Đông. Các đồng chí được học tập các nghị quyết của Trung ương, Trung ương Cục miền Nam, tình hình nhiệm vụ mới; công tác tổ chức, vận động quần chúng, binh vận nâng cao nhận thức, phương thức công tác, củng cố tư tưởng lập trường kiên định khi trở về lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương.

Quân ủy và bộ tư lệnh Miền tổ chức các đoàn hậu cần (tương đương cấp trung đoàn). Hậu cần Khu A (Chiến Khu Đ) mang phiên hiệu đoàn 81; Hậu cần Khu B (Chiến khu Dương Minh Châu) mang phiên hiệu Đoàn 82; Hậu cần khu C (Vùng căn cứ Bến Cát, Thủ Dầu Một) mang phiên hiệu Đoàn 83; Hậu cần khu E (Bà Rịa) mang phiên hiệu Đoàn 84. Thường vụ Trung ương Cục giao nhiệm vụ cho Khu ủy và Quân khu 7 tổ chức tuyến vận tải chuyển tiếp vũ khí từ Bến Tre về chiến trường miền Đông, đồng thời khẩn trương tổ chức kho bãi để tiếp nhận vũ khí từ miền Bắc chuyển bằng đường biển.

Từ tháng 5- 1963, Thường vụ Khu ủy miền Đông phân công đồng chí Nguyễn Văn Chí (Phó bí thư Khu ủy) về Bà Rịa chỉ đạo công tác chuẩn bị tiếp nhận hàng của Trung ương chi viện trực tiếp cho miền Đông. Bộ Tư lệnh Quân khu điều đại đội 5 thuộc tiểu đoàn 800 chủ lực khu và Ban Thông tin T1 bố trí một Đài điện báo đi theo phục vụ cho đoàn liên lạc về khu. Bộ chỉ huy Miền điều hành đại hội đặc công 21 (C21) của trung đoàn chủ lực Q762 do đồng chí Nguyễn Thanh Tùng (Chín Tùng) chỉ huy diệt đồn Bình Châu; Đại hội 45 địa phương tỉnh Bà Rịa đánh phá tan áp chiến

¹ Đồng chí Mai Chí Thọ (Bí thư Khu ủy) và đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên (Tư lệnh Quân khu) được rút về R, đồng chí Nguyễn Văn Chí về làm Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa năm 1963

lược Bưng Riềng, phát động nhân dân nổi dậy phá banh áp chiến lược Bàu Lâm; mở rộng địa bàn đứng chân cho lực lượng tiếp nhận vũ khí.

Tháng 9- 1963, Đoàn nhận được lệnh chuẩn bị tiếp nhận vũ khí. Ngày 29 tháng 9 năm 1963, Tiểu đoàn chiến đấu của khu do đồng chí Kiên làm Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn vận tải của tỉnh do Tỉnh đội phó Nguyễn Hồng Phúc trực tiếp chỉ huy có mặt tại địa bàn. Lực lượng dân công vận tải được tuyển chọn trong cán bộ, nhân viên các cơ quan của Dân - Chính - Đảng của tỉnh và các huyện đã được giao liên đưa về tập kết ở các điểm quy định một cách bí mật, tất cả được phổ biến là “*Đi tải muối*”.

Đêm ngày 2- 10- 1963, con tàu gỗ mang bí số 41 chở 20 tấn vũ khí do Lê Văn Một làm thuyền trưởng cùng hai hoa tiêu người địa phương là Nguyễn Sơn (tức Chiến) và Thôi Văn Nam đã đến vùng biển Bà Rịa - Vũng Tàu, tàu vượt qua địa phận Hàm Tân về cửa biển Lộc An thì trời đã gần sáng, con nước đã ròng, tàu lại quay mũi ra hải phận quốc tế, đêm 3 tháng 10 năm 1963 tiếp tục trở vào. Khi hoa tiêu của bên bắt được liên lạc với thủy thủ tàu 41 thì rủi thay, con tàu đã trườn mình lên cồn cát và mắc cạn do nước đã ròng, trời sáng dần. Ban chỉ huy Đoàn hạ quyết tâm bằng mọi giá phải chuyển ngay 20 tấn vũ khí trên tàu vào bờ. Trong trường hợp địch phát hiện thì lập tức phá hủy tàu, không để lộ hành lang vận tải vũ khí trên biển.

Được một số ngư dân Phước Hải cho mượn thêm ghe, bằng mọi nỗ lực của cán bộ, chiến sĩ trong đoàn, 20 tấn vũ khí và chiếc tàu cũng đã được đưa vào bến Lộc An an toàn. 20 tấn hàng gồm 1.500 khẩu súng trường Mỹ, 50 khẩu tiểu liên, 24 trung đại liên, 2 ĐK 75 và đạn dược, thuốc nổ đã được dân công đưa ghe nhỏ ra tận nơi tàu mắc cạn chuyển hết vào rừng, đưa vào các kho bãi an toàn. Sau chuyến hàng này thủy thủ Đoàn 125 đã rút ra được những bài học quý báu. Ngoài việc thông thạo luồng lạch, thuộc từng khúc quanh co, từng doi cát còn phải nắm vững thủy triều, căn đúng ngày giờ con nước lớn nhất để đưa tàu cặp bến thuận lợi.

Được tăng cường vũ khí, trang bị, hình thái chiến tranh nhân dân theo phương châm “hai chân, ba mũi” đã phát triển khá mạnh trên chiến trường miền Đông Nam Bộ. Ngày 23- 11- 1963, tỉnh Long An đánh trận Hiệp Hòa, trại huấn luyện quân sự lớn của địch; bắt sống hơn 100 lính ngự, 4 cô vấn Mỹ, thu 500 súng và 5.000 tấn đạn, đã phá rã một phần lớn trong số 21.000 thanh niên chiến đấu, thu 2.000 súng; sử dụng cơ sở nội tuyến kết hợp với lực lượng vũ trang địa phương diệt 7 bót ở Cần Giuộc, 5 bót ở Cần Đức, 8 bót ở Châu Thành, 9 bót ở Thủ Thừa, 6 bót ở Bến Lức, phá banh và phá rã toàn bộ các áp chiến lược. Chị Trần Thị Bé (tức Nguyễn Thị Hạnh) là một điển hình về tổ chức nội tuyến lấy bót địch và lãnh đạo đồng bào ở xã Mỹ Hạnh (huyện Đức Hòa) được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

III- LÃNH ĐẠO LỰC LƯỢNG VŨ TRANG VÀ THAM GIA CHIẾN DỊCH BÌNH GIÃ

Năm 1964 đánh dấu sự khủng hoảng chính trị sâu sắc của Mỹ - ngụy, sau khi Ngô Đình Nhiệm và Ngô Đình Nhu bị giết trong một cuộc đảo chính quân sự do Mỹ bật đèn xanh (1-11-1963). Tại chính trường nước Mỹ, ngày 22- 11- 1963, Tổng thống Kenedy bị ám sát. Phó Tổng thống Giônxon (L.Johson) lên thay. Giônxon tuyên bố ủng hộ chế độ tay sai ở Sài Gòn, tiếp tục theo đuổi cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam¹.

Bộ Trưởng Quốc phòng Mỹ Mác Namara cầm đầu một phái đoàn sang nghiên cứu tình hình chiến trường và đưa ra kế hoạch “Giônxon –Mác Namara” (3-1964) bình định miền Nam trong vòng 3 năm. Tướng Oétmolen sang Sài Gòn làm phụ tá cho Hakin và cầm đầu Bộ chỉ huy lực lượng viễn chinh Mỹ ở miền Nam (1-1964). Taylo thay Cabót Lốt làm Đại sứ tại Sài Gòn, Cabót Lốt trở thành cố vấn đặc biệt của Tổng thống Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Mỹ tăng cường thêm cố vấn quân sự và đưa thêm thiết bị, phương tiện chiến tranh hiện đại vào Việt Nam².

Việc “thay ngựa giữa dòng” của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam không làm thay đổi bản chất chính quyền tay sai. Mục tiêu của đế quốc Mỹ là dựng lên chính quyền Sài Gòn, đưa thay sai khác lên thay Diệm, tạo điều kiện đẩy nhanh việc can thiệp bằng lực lượng quân sự Mỹ ở miền Nam, nhất là trong tình trạng khủng hoảng nặng nề của chế độ Sài Gòn cả về quân sự và chính trị. Các phe phái ngụy Sài Gòn tiếp tục tranh giành quyền lực. Năm 1964 đã có tới 9 cuộc âm mưu đảo chính trong đó 5 lần phải thay người cầm đầu ngụy quyền. Địch đã suy yếu nghiêm trọng về chính trị, nhưng còn mạnh về quân sự.

Ta mạnh về chính trị nhưng quân sự còn yếu. Giữa năm 1964, lực lượng vũ trang giải phóng ở miền Nam đã phát triển lên 120.000 quân, trong đó có 42.000 quân chủ lực. Quân chủ lực cách mạng là nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân chưa đủ sức đánh gục ngụy quân, vì thế chúng ta chưa khai thác được lợi thế trong khi nội tình

¹ Âm mưu của đế quốc Mỹ thể hiện rõ trong bản giác thư đề ngày 26-11-1963: “Mỹ giúp đỡ nhân dân và Chính phủ Việt Nam (tức ngụy quyền Sài Gòn) giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh của họ chống lại mưu đồ Cộng sản”. Tài liệu mật Lầu Năm Góc, Bộ Quốc phòng Mỹ, VNNTX phát hành, Hà Nội, 1971, tập I, tr. 247.

² Cố vấn quân sự Mỹ từ 22.400 tên năm 1963 tăng lên 26.200 tên trong năm 1964. Từ 627 máy bay các loại trong năm 1963 tăng lên 989 chiếc năm 1964, 248 khẩu pháo/ 1963 lên 415 khẩu/ 1964; từ 583 xe cơ giới các loại năm 1963 tăng lên 732 xe năm 1964. Quân ngụy Sài Gòn từ 417.000 tên các loại năm 1963 tăng lên 560.000 tên trong năm 1964.

ngụy quân, ngụy quyền đang rất rối ren, tương tá tranh giành quyền lực. Thực tiễn chiến trường lúc này đặt ra yêu cầu cấp thiết là cần phải có những bước chuyển biến nhảy vọt về xây dựng lực lượng vũ trang, nhất là tăng cường lực lượng, trang bị, nâng cao sức chiến đấu của bộ đội chủ lực Miền, chuyển từ tác chiến du kích sang đánh vận động một cách phổ biến, đánh gục chủ lực ngụy, chỗ dựa chủ yếu của Mỹ - ngụy trong chiến lược chiến tranh đặc biệt.

Thực hiện chủ trương “giữ vững, xây dựng và mở rộng các khu căn cứ rừng núi và đồng bằng theo kịp sự phát triển của cách mạng, nhất là trên các địa bàn chiến lược” của Hội nghị lần thứ II Trung ương Cục (tháng 2-1964), Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu đã quyết định mở chiến dịch hè thu. Mục tiêu của chiến dịch là phá thế bao vây căn cứ, mở rộng địa bàn đứng chân và hành lang chiến lược từ Chiến khu Đ về hướng Biên Hòa - Bà Rịa - Long Khánh xuống bờ biển Xuyên Mộc, tiến tới đánh bại toàn bộ âm mưu gom dân lập ấp chiến lược của địch.

Đợt hoạt động chia làm hai bước: Bước một từ tháng 5 đến tháng 6; Bước hai từ tháng 7 đến tháng 9-1964. Ban chỉ huy đợt hoạt động do đồng chí Nguyễn Văn Bứa (Nguyễn Hồng Lâm), Tư lệnh Quân khu làm Chỉ huy trưởng; đồng chí Nguyễn Ngọc Tân (Hai Lực), Bí thư Khu ủy làm Chính ủy.

Mở màn đợt hoạt động này là trận tiến công của tiểu đoàn 800 Quân khu vào các ấp chiến lược Sinh Bà Đã nằm trên vành đai án ngữ Chiến khu Đ trong đêm 13-5-1964. Ta hoàn toàn làm chủ trận địa, diệt đồn, thu vũ khí và rút về căn cứ an toàn. Ngày hôm sau 14-5, trong trận phục kích lực lượng ứng cứu từ Tiểu khu Phước Thành lên giải tỏa, trung đoàn Q762 đã giành thắng lợi giòn giã, tiêu diệt tiểu đoàn 37 biệt động quân, có 4 cố vấn Mỹ, bắt sống tù binh, thu nhiều súng.

Phát huy thắng lợi, bộ đội địa phương tỉnh Phước Thành cùng du kích bao vây bức rút hàng loạt đồn bót địch ven căn cứ: Đồn Sinh, Bàu Phụng, Váng Hương, Bà Đã, Suối Ngang phát động nhân dân nổi dậy phá rã các ấp chiến lược của địch án ngữ phía tây nam Chiến khu Đ.

Bước 2 của đợt hoạt động bắt đầu từ trung tuần tháng 7 với trận tiến công của tiểu đoàn 800 Quân khu diệt đồn Cây Gáo, giải phóng hơn 6.000 dân trong các ấp chiến lược Thanh Giang, Thanh Bình, Phù Cát 1, Phù Cát 2 mở rộng căn cứ Chiến khu Đ về phía nam lên hữu ngạn sông Đồng Nai, lên đến Túc Trưng, Trảng Bom, giáp quốc lộ 20 mở một cửa khẩu hậu cần quan trọng cho căn cứ của Khu và Miền về phía Biên Hòa - Long Khánh - Bà Rịa.

Tiếp tục bước 2, tiểu đoàn 800 Quân khu phối hợp với bộ đội địa phương tỉnh Phước Thành tấn công Chi khu quân sự Hiếu Liêm lần thứ 2 vào đêm 12-9-1964, tiêu diệt một đại đội bảo an, bắt 18 tù binh, thu hơn 100 súng. Cũng trong đêm, Tỉnh ủy, Tỉnh đội Biên Hòa chỉ đạo bộ đội địa phương tỉnh Biên Hòa kết hợp bộ đội huyện Vĩnh Cửu, du kích xã và phát động quần chúng tiến công đồn Trị An nằm trên một điểm cao hữu ngạn sông Đồng Nai. Trận bao vây tấn công đồn Trị An kéo dài trong 57 ngày đêm với hình thức bao vây, bắn tỉa, chặn viện kết hợp binh vận cho đến khi địch phải tháo chạy khỏi đồn. Xã Trị An được hoàn toàn giải phóng (9-11-1964).

Đợt hoạt động hè thu kết thúc thắng lợi, đánh dấu bước trưởng thành trong tác chiến và chỉ huy, trong sự kết hợp của 3 thứ quân, 3 mũi giáp công của quân và dân miền Đông Nam bộ, tiêu diệt hàng loạt cứ điểm quân sự của địch trên vành đai án ngữ phía nam và tây nam Chiến khu Đ, giải phóng hơn 1 vạn dân trong các ấp chiến lược từ Chiến khu Đ qua Trị An, Cây Gáo về Quốc lộ 20, nối liền với khu căn cứ của tỉnh Long Khánh, Bà Rịa, thông ra đến hành lang tiếp nhận vũ khí chi viện bằng đường biển, tạo thuận lợi cho các chiến dịch lớn của Quân khu và Miền trên chiến trường miền Đông.

Sự trưởng thành của lực lượng vũ trang và sự phát triển của đấu tranh vũ trang đặt ra những nhu cầu lớn về vũ khí, trang bị. Trong lúc chuyển hàng đầu tiên vào bến Lộc An gặp trắc trở thì điểm tiếp nhận vũ khí ở Thạnh Phú (Bến Tre) phát triển khá thuận lợi. Trung ương Cục đã chỉ thị cho Khu ủy miền Đông và Tỉnh ủy Bà Rịa vừa tiếp tục chuẩn bị tiếp nhận ở bến Lộc An, vừa triển khai kế hoạch tiếp nhận hàng từ Thạnh Phú vào cửa Cần Giờ, qua sông Đồng Tranh về Hắc Dịch. Đồng chí Phạm Văn Bính (Ba Sơn), nguyên là cán bộ huyện đội Nhà Bè trong kháng chiến chống Pháp, được Bộ Tư lệnh Miền điều từ Đoàn 1.500 về Rừng Sác xây dựng tiểu đoàn 445B để triển khai khu vực tiếp nhận mới.

Tháng 10-1963, Đoàn vận tải Rừng Sác đã phát triển một Tiểu đoàn, lấy phiên hiệu là đơn vị 340B có nhiệm vụ xây dựng lán trại, kho tàng để tiếp nhận và cất giấu vũ khí do đoàn 703 đưa từ Thạnh Phú lên, vừa tổ chức hành lang vận chuyển số hàng này từ Đồng Tranh vượt sông Lòng Tàu về Thị Vải giao cho đơn vị 445B bằng loại ghe có 4 tay chèo. Chặng đường này dài khoảng 40 km, nhưng rất nguy hiểm vì mỗi lần đi đều phải vượt qua sông Lòng Tàu, máy bay và tàu địch tuần tra rất chặt.

Đơn vị 445B do đồng chí Lê Minh Thịnh làm Chỉ huy trưởng, có nhiệm vụ chuyển hàng do 340B giao lại bên bờ sông Thị Vải, vận tải bộ về Hắc Dịch. Chặng đường này dài khoảng 15km nhưng nguy hiểm ở đoạn vượt lộ 15 khoảng giữa của 2 đồn địch để qua núi Thị Vải về Hắc Dịch.

Đầu mùa mưa 1964, để gấp rút chuẩn bị hậu cần cho hoạt động quân sự trên chiến trường miền Đông, đặc biệt là nhu cầu vũ khí đạn dược, Bộ Chỉ huy quân sự Miền tăng cường cán bộ, bổ sung quân số cho các Đoàn 340B và 445B, thành lập Trung đoàn tiếp vận mang phiên hiệu Đoàn K10 (10-3-1964), đặt căn cứ tại Hắc Dịch (Bà Rịa)¹. Đoàn K10 đã vận chuyển hàng chục tấn vũ khí từ tổng kho đặt tại Hắc Dịch cung cấp cho lực lượng vũ trang Quân khu và bộ đội chủ lực Miền.

Các hoạt động vũ trang được đẩy mạnh trên toàn miền, hỗ trợ đặc lực cho phong trào phá ấp chiến lược. Chỉ tính riêng ở Bà Rịa, trong tháng 10-1964, bộ đội địa phương và du kích đã đánh địch 58 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 233 tên địch. Cuối năm 1964, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Mack Namara đã phải thú nhận: Tình hình ở Việt Nam (miền Nam) hiện nay nghiêm trọng như tình hình cách đây một năm trước khi chế độ Diệm sụp đổ, Việt Cộng kiểm soát được 96% tỉnh Bình Dương, 75% tỉnh Hậu Nghĩa, 90% tỉnh Long An, 90% tỉnh Kiến Tường...

Nghị quyết 9 của Ban Chấp Hành Trung ương Đảng (Khóa III) đã xác định phương châm kiên trì đánh lâu dài, đồng thời tích cực tranh thủ thời cơ giành thắng lợi trong thời gian tương đối ngắn... Phải có một nỗ lực tốt bậc để nhanh chóng tăng cường lực lượng quân sự. Quán triệt Nghị quyết 9, Trung ương Cục miền Nam đã xác định nhiệm vụ năm 1964-1965 của quân và dân toàn miền là tranh thủ thời cơ, liên tục tấn công địch, “làm cho mưu đồ tập trung quân đánh phá có trọng điểm và gom dân lập ấp chiến lược của địch thất bại, diệt sinh lực chúng nhiều hơn nữa, đồng thời khẩn trương xây dựng thực lực ta, đặc biệt là xây dựng lực lượng vũ trang gồm 3 thứ quân, tạo ra những điều kiện cần thiết để năm sau có thể mở ra cục diện to lớn cho phong trào, tiến lên giành thắng lợi quyết định”.

Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền đã xác định quyết tâm nâng cao quy mô tác chiến của bộ đội chủ lực, nâng cao trình độ vận động chiến, làm cho vận động chiến giữ vai trò quyết định. Quân ủy và bộ chỉ huy Miền quyết định mở chiến dịch Đông - Xuân 1964-1965 trên chiến trường miền Đông Nam bộ nhằm mục đích:

- Tiêu diệt gọn từ một đến hai tiểu đoàn lực lượng trừ bị và lực lượng cơ giới, trực thăng chi viện, làm chuyển biến so sánh lực lượng có lợi cho ta.

¹ Ban chỉ huy Đoàn gồm có các đồng chí: Lâm Quốc Đăng (Tur Thuộc) Chỉ huy trưởng, Nguyễn Huỳnh Ngân (Ba Vinh) làm Chính ủy, Lê Minh Thịnh, Phạm Văn Bính và Trương Văn Ngọc làm Chỉ huy phó. Đồng chí Phạm Văn Bính phụ trách khu Rừng Sác và vận tải thủy, đồng chí Trương Văn Ngọc phụ trách đường dây vận tải bộ từ Hắc Dịch về chiến khu Đ. Mỗi trạm chỉ huy đều có bố trí Đài vô tuyến điện và máy dự phòng để đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt trong nội bộ Đoàn và liên lạc trực tiếp với cấp trên.

- Hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, nổi dậy phá thế kìm kẹp và phá áp chiến lược, đẩy mạnh chiến tranh du kích, tạo thuận lợi cho phong trào cách mạng phát triển, phá kế hoạch bình định có trọng điểm của địch.

- Mở rộng vùng làm chủ của ta, củng cố căn cứ đông và tây lộ 2, nối liền địa bàn miền Đông với vùng biển Khu 6, xây dựng các bến tiếp nhận vũ khí miền Bắc chi viện qua đường biển cho chiến trường miền Đông Nam bộ.

- Rèn luyện tác chiến tập chung của bộ đội chủ lực, đặc biệt chiến thuật đánh vận động, đánh tiêu diệt, nâng cao trình độ chỉ huy các cấp và rút kinh nghiệm cho việc tổ chức chỉ huy các chiến dịch sau này.

Trong lúc các cán bộ tham mưu (đồng chí Vũ Ba, cán bộ Tham mưu của Miền phụ trách) đi nghiên cứu chiến trường, chuẩn bị phương án tác chiến cho chiến dịch, Bộ chỉ huy Miền quyết định tổ chức trận tập kích bằng hỏa lực vào sân bay quân sự Biên Hòa, nơi xuất phát của các phi vụ oanh kích gây tội ác của Mỹ - ngụy trên chiến trường miền Đông Nam Bộ (ngoài mục đích diệt máy bay địch Bộ Chỉ huy Miền còn có yêu cầu đối với trận đánh này: Thí điểm pháo mang vác tác chiến độc lập). Sân bay Biên Hòa rộng khoảng 40 cây số vuông, với hai đường băng dài 3.600 mét và 1.000 mét với hệ thống chỉ huy bay hiện đại, là một trong những sân bay quân sự lớn nhất của Mỹ - ngụy tại miền Nam Việt Nam¹.

Bộ chỉ huy Miền giao cho Đoàn pháo binh Miền U80 là lực lượng chủ công, cử các đồng chí Lương Văn Nho (Hai Nhã) và Nguyễn Văn Bứa (Hai Hồng Lâm) chỉ huy trận đánh. Tham gia trận đánh có một đại đội cối 81 (7 khẩu), một đại đội ĐKZ.75 (2 khẩu) của U80, một đại đội cối 81 (C16 của trung đoàn Q762), một trung đội đặc công của Tiểu đoàn chủ lực D800 miền Đông Nam bộ. Đại đội bộ đội địa phương tỉnh Phước Thành, bộ đội vũ trang và du kích các xã thuộc huyện Vĩnh Cửu, bộ đội vũ trang thị xã Biên Hòa được huy động làm nhiệm vụ phối hợp, dẫn đường, chốt chặn.

Sau khi điều nghiên, lên phương án tác chiến, giao nhiệm vụ cho các đơn vị, chiều 31-10-1964. Pháo binh của ta đã nhanh chóng hành quân bí mật vượt sông Đồng Nai vào vị trí tập kết, bố trí trận địa tại Hóc Bà Thức (Tân Phong). 23 giờ đêm 31-10-1964, các trận pháo ta đồng loạt nổ súng cấp tập vào sân bay Biên Hòa. Chỉ trong

¹ Có 6 sân đậu cho gần 200 máy bay các loại, thường xuyên có 500 sĩ quan là phi công và nhân viên kỹ thuật, binh lính bảo vệ. Hệ thống phòng thủ được bố trí nhiều lớp rào kẽm gai, bệ dày gần một cây số, với bãi mìn, lựu đạn dày đặc và nhiều bót gác xung quanh, được chiếu sáng bằng hệ thống đèn pha cực mạnh. Lực lượng bảo vệ thường trực trong sân bay Biên Hòa gồm một đại đội pháo binh, một đại đội xe tăng, 100 con chó bécgiê, bên ngoài có một tiểu đoàn bảo an. Cảnh đó là Sở Chỉ huy quân đoàn 3.

vòng 15 phút, 130 trái đạn cối 81 đã rơi chính xác vào mục tiêu, phá hủy 59 máy bay, trong đó có máy bay B72, loại máy bay ném bom tối tân của Mỹ (vào thời đó) vừa được đưa từ Philippin qua chuẩn bị cho các phi vụ gây tội ác ở miền Bắc và 11 máy bay AD6, một máy bay do thám (U2), diệt và làm bị thương 293 tên giặc, phá hủy hoàn toàn hai kho đạn lớn, một kho xăng, một đài quan sát, 18 căn trại lính. Lực lượng ta rút về căn cứ an toàn.

Đây là một trận đánh táo bạo bất ngờ. Lần đầu tiên pháo binh quân giải phóng đã tận dụng yếu tố bí mật, kết hợp với lực lượng địa phương và phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân, luồn sâu vào trong lòng địch, dùng một lực lượng nhỏ đánh một mục tiêu lớn và quan trọng, đạt hiệu suất cao, mở đầu cho những trận pháo kích vào các vị trí mục tiêu chiến lược quan trọng của Mỹ - ngay sau này¹.

Đặc biệt về mặt chiến thuật, trận đánh trở thành một tiền đề mở ra khả năng lớn: Sử dụng đơn vị nhỏ pháo mang vác tác chiến độc lập, đánh mục tiêu lớn hiệu quả cao.

Chiến thắng sân bay Biên Hòa làm náo nức lòng dân cả nước và bè bạn khắp năm châu. Đoàn U80 pháo binh Miền được tặng thưởng Huân chương quân công hạng nhất, loại huân chương cao nhất lần đầu tiên được tặng thưởng ở miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Bác Hồ kính yêu đã viết lời ca ngợi chiến thắng sân bay Biên Hòa:

*“Uy danh lừng lẫy khắp năm châu
Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu,
Thành đồng trống thẳng lay Lầu trắng
Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu!”* (CS)²

Những tháng cuối năm 1964, phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp nhân dân liên tục nổ ra ở Sài Gòn và các đô thị ở miền Đông Nam Bộ, góp phần làm suy sụp tinh thần của ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn. Biểu thị quyết tâm chống Mỹ, cứu nước, từ ngày 11 đến ngày 18-11-1964 tại căn cứ Bắc Tây Ninh, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã tổ chức Đại hội lần thứ II, động viên nhân dân miền Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, đảng phái, giai cấp, thành phần xã hội

¹ Báo *Thế giới* (Tây Đức) đã nhận xét rằng: “Trận đòn của Việt Cộng đánh vào sân bay của Mỹ ở Biên Hòa làm cho các nhà quân sự Hoa Thịnh Đốn rất đau đầu. Người ta cho rằng không cần có gì thêm nữa “Việt Cộng” cũng có khả năng lập lại cuộc tấn công như vậy vào các vị trí chiến lược quan trọng khác trong khi không bị thương vong một người nào. Việt Cộng ở Biên Hòa đã thực hiện một điều lý tưởng về chiến thuật quân sự là dùng phương tiện tối thiểu để thu được kết quả tối đa và gây tác hại hàng chục triệu đô la cho không quân Mỹ”.

² CS (Chiến sĩ) bút danh của Bác Hồ. Bài viết đăng trên báo *Nhân dân số* 3878 ngày 12-11-1964 (Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 11, tr. 341

đoàn kết chặt chẽ dưới lá cờ cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh vì độc lập tự do của Tổ quốc” dốc toàn lực thực hiện đến cùng cuộc kháng chiến toàn diện và trường kì chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai bán nước, tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn trong thời gian trước mắt”.

Quân ủy, Bộ chỉ huy Miền quyết định mở Chiến dịch Bình Giã. Sau khi nghiên cứu chiến trường, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền quyết định chọn hướng chủ yếu của chiến dịch là Đức Thạnh – Xuyên Mộc (Bà Rịa), hướng thứ yếu là Hoài Đức - Tánh Linh (Bình Thuận) và hướng phối hợp là Nhơn Trạch - Long Thành (Biên Hòa). Phương thức tác chiến chủ yếu là đánh địch ngoài công sự, vận dụng linh hoạt các chiến thuật phục kích, tập kích, vận động tiến công, đánh bại các chiến thuật “trực thăng vận”, “thiết xa vận” trên quy mô Chiến dịch. Bộ chỉ huy Chiến dịch gồm: Đồng chí Trần Đình Xu, Chỉ huy trưởng; đồng chí Lê Văn Tường, Chính ủy; đồng chí Nguyễn Hòa, Phó chỉ huy, Tham mưu trưởng; đồng chí Nguyễn Văn Bứa, Phó chỉ huy trưởng. Đảng ủy Chiến dịch gồm các đồng chí trong Bộ chỉ huy Chiến dịch và hai đồng chí: Nguyễn Văn Chí, Phó bí thư khu ủy miền Đông; Lê Minh Hà, Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa. Lực lượng tham gia chiến dịch gồm:

- Trên hướng chủ yếu (Đức Thạnh - Xuyên Mộc) có hai trung đoàn bộ binh Q761 và Q762 chủ lực Miền, 4 tiểu đoàn trợ chiến (cối 81, ĐKZ 75, trọng liên 12, 7 ly) và bộ đội địa phương tỉnh Bà Rịa.

- Hướng thứ yếu (Hoài Đức - Tánh Linh) do lực lượng Quân khu 6 phụ trách.

- Hướng phối hợp Nhơn Trạch - Long Thành do lực lượng Quân khu 7 (miền Đông Nam bộ) và lực lượng bộ đội địa phương Biên Hòa đảm nhiệm.

Công tác chuẩn bị mọi mặt cho chiến dịch được xúc tiến khẩn trương. Hệ thống tiếp nhận vũ khí được mở rộng. Khu ủy miền Đông Nam bộ đã cử cán bộ binh vận về phối hợp với Tỉnh ủy Bà Rịa tranh thủ được thiếu tá Nguyễn Văn Phước, tạo điều kiện thuận lợi cho hành lang tiếp nhận vũ khí.

Để chuẩn bị cho chiến dịch, Tỉnh ủy Bà Rịa đã triển khai kế hoạch phối hợp, chuẩn bị các mặt công tác phục vụ chiến dịch cho cán bộ chủ chốt của tỉnh và các huyện. Nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ được xác định là:

- Đảm bảo phục vụ hậu cần cho chiến dịch, nhất là lương thực, thực phẩm.
- Đảm bảo phục vụ giao thông liên lạc thông suốt từ trên xuống dưới, dẫn đường, chuẩn bị địa bàn ém quân cho bộ đội chủ lực.
- Gấp rút thành lập các đơn vị dân công hỏa tuyến phục vụ chiến dịch.

- Bộ đội địa phương tỉnh, huyện và du kích các xã xây dựng phương án phối hợp chiến đấu với bộ đội chủ lực, kết hợp tiến công các cứ điểm quân sự trên địa bàn, phá vỡ các ấp chiến lược còn lại, mở rộng vùng giải phóng.

- Chuẩn bị các phương án huy động quần chúng đấu tranh chính trị, binh vận, chống địch càn quét, đánh phá hủy diệt.

Tỉnh ủy Bà Rịa, đã thành lập Hội đồng cung cấp để giải quyết hậu cần tại chỗ cho Chiến dịch, vận động nhân dân ủng hộ lương thực, thực phẩm. Trong vòng hai tháng, ta đã huy động thu mua được gần 500.000 lít gạo và một khối lượng lớn thực phẩm, thuốc men đủ cho bộ đội (trên 7.500 người) sử dụng trong suốt Chiến dịch. Các xã đã huy động hàng trăm dân công đi phục vụ chiến dịch làm nhiều đợt.

Riêng khu vực các đồn điền cao su (liên tỉnh lộ 2) và vùng Tam Long (Hòa Long, Long Phước, Long Tân) đã tổ chức được 2 đại đội dân công hỏa tuyến theo suốt chiến dịch.

Đoàn hậu cần khu E: K10 và các lực lượng Giao bưu vận, Dân công hỏa tuyến của tỉnh Bà Rịa đã mở rộng hành lang vận chuyển, chuyên tiếp được 800 tấn vũ khí từ Thạnh Phú (Bến Tre) về tổng kho Hắc Dịch. Trong số đó, 500 tấn đã được cấp phát cho các đơn vị tham gia Chiến dịch. Đêm 22-12-1964, chuyến tàu chở 44 tấn vũ khí đã cập bến Lộc An an toàn, kịp bổ sung trang bị cho các đơn vị khi đợt 2 của Chiến dịch sắp đến ngày nổ súng.

Chiến dịch Đông Xuân Bình Giã đã nổ ra từ đêm 2-12-1964 đến ngày 3-1-1965, giành thắng lợi to lớn. Mục tiêu cơ bản của chiến dịch đặt ra đều thực hiện được. Trong vòng một tháng chiến đấu tại khu vực quyết chiến, Chiến dịch Bình Giã - Đúc Thạnh, ta đã tiêu diệt gọn 2 tiểu đoàn sừng đỏ trong lực lượng tổng trừ bị của ngụy quân: tiểu đoàn biệt động quân số 33 và tiểu đoàn thủy quân lục chiến số 4; diệt gọn chi đoàn thiết giáp số 3 cùng hai đoàn cơ giới trong đó có cả xe bọc thép; đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn dù, các tiểu đoàn biệt động quân số 30 và 38, tiểu đoàn bộ binh thuộc trung đoàn 47 ngụy; loại khỏi vòng chiến đấu 7 đại đội bảo an cùng phần lớn dân vệ dọc lộ 2; tổng cộng diệt và làm bị thương 1.700 tên trong đó có 60 cố vấn Mỹ, 50 sĩ quan ngụy, bắt sống 293 tên, trong đó có 3 cố vấn Mỹ; phá hủy 45 xe quân sự, bắn rơi và bắn bị thương 56 máy bay, thu hơn 1.000 súng và 100 máy thông tin các loại.

Trước chiến dịch, để đánh lạc hướng và thu hút địch, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 đã mở một đợt hoạt động quân sự ở hướng Long Thành - Nhơn Trạch (Biên Hòa). Ngày 15-11-1964, tiểu đoàn 800 Quân khu đã phục kích đoàn xe quân sự của địch trên

Quốc lộ 15, đoạn xã Phước Hòa, diệt 12 xe quân sự, có 4 thiết giáp, thu 52 súng các loại. Đại đội công binh tỉnh Biên Hòa liên tục chặn đánh giao thông địch. Bộ đội địa phương, du kích các xã thuộc 2 huyện Long Thành - Nhơn Trạch liên tục đánh bọn lính bảo an, tổ chức diệt ác ôn; kết hợp 3 mũi tấn công bao bốt các đồn bốt Tam An, Tam Phước, Phước Nguyên (Long Thành), Phước An, Phú Hội, Phú Hữu (Nhơn Trạch), làm chủ xã ấp.

Phối hợp với chiến dịch, Tỉnh ủy Biên Hòa và Tỉnh ủy Bà Rịa đã phát động đợt tấn công bằng 3 mũi giáp công, bao vây bức rút nhiều đồn bốt địch. Tại Long Đất (Bà Rịa), ngày 7-12, đại đội 25 huyện và du kích xã Long Mỹ bao vây đồn Bờ Đập suốt 7 ngày đêm, diệt 42 lính bảo an. Du kích xã Phước Hải vây chặt đồn Lớn, nhân dân xuống đường lùng diệt ác ôn, làm chủ xã ấp. Ngày 27-12-1964, đại đội 440 tỉnh Bà Rịa kết hợp C52 huyện Long Đất phục kích trên lộ 44 đánh 2 đại đội hạ sĩ quan bắn cháy 4 xe bọc thép, diệt 120 tên, trong đó có 2 cố vấn Mỹ, bắt sống 18 tên, thu 48 súng, 2 máy truyền tin PRC25. Tại huyện Châu Đức, bộ đội huyện vây chặt chi khu Long Lễ; du kích Hòa Long, Long Phước, Bình Ba cùng quần chúng nổi dậy bao vây đồn bốt địch, buộc chúng rút chạy về khu tiểu Phước Tuy. Ta giải phóng xã Long Phước, phần lớn xã Hòa Long và Bình Ba.

Tại huyện Xuyên Lộc, tỉnh Long Khánh, bộ đội chủ lực Quân khu 7 kết hợp bộ đội huyện và du kích tiến công trên lộ 1, lộ 2 giải phóng xã Cẩm Đường, Thừa Đức, Bình Phú, bao vây bức rút đồn Bảo Chánh, thu hơn 200 súng các loại. Ở huyện Long Thành, lực lượng vũ trang Ban cán sự Cao su Biên Hòa và du kích Bình Sơn hóa trang tiến công lính biệt kích A6 đóng tại trung tâm đồn điền, bắt sống 19 tên, thu 10 súng các loại. Tiểu đoàn 800 Quân khu diệt đồn Tam An.

Thắng lợi của chiến dịch Bình Giã thể hiện rất rõ sự kết hợp 3 lực lượng: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích; sự kết hợp của lực lượng vũ trang và nhân dân 3 tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh, mang ý nghĩa chiến lược, làm thay đổi cục diện chiến tranh. Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã nhận định: “Với trận Ấp Bắc năm 1963 địch thấy khó thắng ta, sau chiến dịch Bình Giã địch thấy thua ta”. Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lê Duẩn đã nhận định: “Chiến thắng Bình Giã đã đánh dấu sự thất bại của chiến lược chiến tranh đặc biệt...”.

Chiến thắng Bình Giã đánh dấu sự thất bại cơ bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ngụy. Thắng lợi của chiến dịch Bình Giã trước hết là thắng lợi của đường lối và nghệ thuật chỉ đạo quân sự của Đảng ta, đồng thời là thắng lợi của Đảng bộ, quân và dân miền Đông Nam bộ. Những nỗ lực lớn của quân và dân miền Đông Nam bộ nhằm đánh thắng Chiến tranh đặc biệt của Mỹ ngụy trong thời kỳ 1961-1964

đã tạo thế, tạo lực cho chủ lực Miền có điều kiện mở chiến dịch quy mô lớn trên địa bàn.

Phát huy thắng lợi của chiến dịch Bình Giã, phong trào ba mũi giáp công đánh địch đã phát triển sôi nổi trên toàn chiến trường miền Đông Nam bộ, vùng giải phóng được mở rộng, lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị miền Đông phát triển cả chất và lượng.

Tại Bà Rịa, bộ đội chủ lực Miền hỗ trợ cho nhân dân địa phương phá rã, phá ban hàng chục ấp chiến lược trên tỉnh lộ số 2, các xã ven biển Xuyên Mộc, Hàm Tân, giải phóng cơ bản toàn vùng nông thôn các huyện Long Đất, Châu Đức, Xuyên Mộc và một phần huyện Xuân Lộc; mở rộng vùng căn cứ kháng chiến từ Châu Pha, Hắc Dịch, đông tây lộ 2 nối liền với Chiến khu Đ và các tỉnh thuộc Khu 6, mở tuyến hành lang vượt Rừng Sác, Quốc lộ 15 để tiếp nhận vũ khí Trung ương chi viện từ miền Tây Nam Bộ lên miền Đông Nam bộ.

Trên hướng phối hợp của chiến dịch, tiểu đoàn 800 (D800) Quân khu phối hợp chặt chẽ với bộ đội địa phương và du kích liên tục tấn công địch khu vực huyện Nhơn Trạch - Long Thành, diệt đồn, phát động quần chúng phá ban hàng loạt ấp chiến lược: Bình Sơn, An Viễn, Tam An, An Lợi, Phước Thiện, Phú Mỹ, Phú Hội, Mỹ Lai, Mỹ Hội... Uy hiếp Quốc lộ 15, phân tán lực lượng địch, tạo điều kiện cho chiến trường chính giành thắng lợi quyết định.

Tại tỉnh Phước Long, tháng 1 năm 1965, bộ đội địa phương tỉnh kết hợp với chủ lực Khu 10 đồng loạt tấn công địch ở khu vực Bù Na, Đức Bồn, Bù Đăng. Bọn địch phải co cụm vào yếu khu Bù Na để phòng thủ.

Tháng 2 - 1965, Quân ủy, Bộ Tư lệnh Miền quyết định mở chiến dịch Bình Long - Phước Long nhằm đánh gục quân nguy trước khi Mỹ đổ quân ồ ạt vào miền Nam. Bộ chỉ huy Chiến dịch gồm đồng chí Lê Trọng Tấn, Chỉ huy trưởng; Trần Độ, Chính ủy; Hoàng Cầm, Chỉ huy phó, Tham mưu trưởng. Lực lượng tham gia trên hướng chính của chiến dịch có sư đoàn 9 chủ lực, các đơn vị pháo binh, phòng không, công binh, đặc công của Miền, tiểu đoàn 840 của Quân khu miền Đông và bộ đội các tỉnh Bình Long, Phước Long.

Chuẩn bị về hậu cần, nhân dân các dân tộc ít người ở Phước Long - Bình Long còn rất khó khăn trong cuộc sống đã tích cực ủng hộ cho bộ đội, Đồng bào dân tộc S'Tiêng ở sóc Bom Bo từ già tới trẻ, lão ông, thanh niên, phụ nữ đều tham gia giã gạo. Ban ngày làm không kịp, đồng bào đốt đuốc lò ô giã gạo suốt đêm, gạo giã đến đâu chuyển ngay đến đó cho bộ đội. Chỉ trong 2 ngày đêm đồng bào đã giao đủ 5 tấn gạo

theo kế hoạch. Đồng bào dân tộc các ấp Bù Nho, Phú Riêng, Sơn Hàng cũng cung cấp hàng chục tấn gạo cho chiến dịch (1)

Âm thanh tiếng chày giã gạo, tiếng nói cười rộn ràng của thanh niên nam nữ, nhiệt tình của đồng bào chính là nguồn cảm hứng cho nhạc sĩ Xuân Hồng sáng tác ca khúc nổi tiếng: Tiếng chày trên sóc Bom Bo.

Sóc Bom Bo được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, đã trở thành một biểu tượng cao đẹp của đồng bào các tộc người ở Phước Long nói riêng, ở miền Đông Nam bộ nói chung.

Đêm 10-5-1965, một tiểu đoàn của quân đoàn quân chủ lực Miền, tiểu đoàn 840 Quân khu miền Đông cùng pháo binh đặc công đồng loạt nổ súng tấn công vào thị xã Phước Long, tiểu khu Phước Long. Cùng lúc, tiểu đoàn 1 và một đại đội của trung đoàn 1 tiến công chi khu Phước Bình. Sau 25 phút, ta hoàn toàn làm chủ khu Phước Bình.

Tại thị xã Phước Long trung đoàn 1 đánh diệt 1 đại đội thuộc tiểu đoàn 36 biệt động quân của địch vừa tăng viện, bắn rơi 36 máy bay. Toàn bộ khu hành chính và khu quân sự, sân bay và chi khu Phước Bình bị quân ta đánh chiếm. Ta diệt hơn 1.000 tên địch và bắt sống 90 tên, hệ thống áp chiến lược xung quanh Phước Long bị ta phá banh, hàng ngàn đồng bào được giải phóng. Trên hướng phối hợp của Chiến dịch, ngày 15-5-1965, trung đoàn 4 Quân khu miền Đông phục kích địch tên quốc lộ 20, diệt 2 đại đội bảo an, phá hủy 20 xe quân sự.

Sau chiến thắng Phước Long, Bộ chỉ huy chiến dịch hạ quyết tâm tiêu diệt chi khu Đồng Xoài vào đợt 2 chiến dịch. Đồng Xoài có vị trí chiến lược quan trọng, làm chủ Đồng Xoài có thể khống chế được cả khu vực Phước Long, Bình Long, Nhơn Thành, Đồng Phú. Do đó, địch bố trí thường xuyên tại chi khu Đồng Xoài nhiều đơn vị thiện chiến với quân số gần 200 tên, có cơ giới, pháo binh yểm trợ.

Lực lượng tham gia chiến dịch gồm 3 trung đoàn chủ lực Miền kết hợp bộ đội tỉnh, du kích tỉnh Phước Long. 22 giờ 45 phút đêm 9-6-1965, ta nổ súng tiến công chi khu Đồng Xoài. Đến 4 giờ sáng ngày 10-6 ta làm chủ khu biệt động quân và chi khu Đồng Xoài; đồng thời đánh sập cầu sông Bé. Địch phải dùng máy bay lên thẳng đổ một tiểu đoàn của sư 5 nguy xuống Thuận Lợi nhằm ứng cứu cho Đồng Xoài. Trung đoàn 1 với trận địa chuẩn bị trước đã bắn hạ 20 máy bay và diệt toàn bộ quân địch.

Chiều 10-6-1965, địch đổ tiếp tiểu đoàn 52 biệt động quân cách chi khu 2km và hành quân về chiếm lại Đồng Xoài. Ta bố trí Đại đội 3 trung đoàn 1 nổ súng diệt 1 đại đội địch đi đầu, số còn lại chạy toán loạn vào rừng. Sáng 11-6-1965, địch lại tăng

cường tiểu đoàn 7 nhảy dù và tiểu đoàn 47 biệt động quân cùng 1 đại đội pháo binh 105 ly xuống tiếp ứng Đồng Xoài. Trung đoàn 1 đã nổ súng tấn công địch tại Thuận Lợi và diệt toàn bộ địch chỉ sau 40 phút chiến đấu. Chiều ngày 11-6-1965, đợt 2 Chiến dịch kết thúc. Kết quả ta diệt và làm bị thương 1.500 tên địch, bắn hạ và bị thương 16 máy bay, phá hủy 1 pháo 105 ly, bốn xe bọc thép, đánh sập chi khu Đồng Xoài, thu nhiều vũ khí và quân trang quân dụng.

Từ ngày 15-7-1965, các lực lượng vũ trang lại mở đợt 3 chiến dịch. Trung đoàn 2 tập kích bọn địch đi mở đường đang đóng dã ngoại tại Bàu Bàng, diệt hơn 400 tên, phá hủy hoàn toàn 1 chi đội thiết giáp. Đêm 20-7, ta lại tập kích trại biệt kích và chi khu Bù Đốp, diệt và làm bị thương 2 đại đội địch, kết thúc chiến dịch.

Chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài kéo dài 64 ngày đêm đã kết thúc thắng lợi. Ta loại khỏi vùng chiến đấu 4 tiểu đoàn, 24 đại đội, 6 chi đội thiết giáp, 4 phân đội kỹ thuật; tổng cộng ta diệt 4.495 tên, trong đó 73 cố vấn Mỹ, thu 1.652 súng các loại, bắn hạ 34 máy bay, phá hủy 60 xe quân sự, 20 xe bọc thép, 5 xe tăng, 20 cầu, thu 390 súng các loại. Có thể nói chiến dịch Bình Giã diệt địch chủ yếu ngoài công sự, thì chiến dịch Đồng Xoài, trận then chốt là trận công kiên, diệt địch trong công sự, đồng thời tạo ra thời cơ diệt viện, diệt địch ngoài công sự.

Cùng với chiến dịch Bình Giã, chiến dịch Bình Long - Phước Long (thường được gọi là chiến dịch Đồng Xoài) đã mở rộng vùng giải phóng hướng đông bắc Sài Gòn, nối thông hành lang chiến lược từ Trung ương qua đường Trường Sơn và miền Đông Nam bộ. Thắng lợi của chiến dịch Bình Giã, chiến dịch Bình Long - Phước Long khẳng định sự đánh giá đúng của Bộ Tư lệnh miền Nam, Khu ủy và Tư lệnh Quân khu miền Đông: tập trung lực lượng và kết hợp chặt chẽ quân chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích và lực lượng quân khu tấn công tiêu diệt địch giải phóng làm chủ vùng rộng lớn. Chiến thắng Bình Giã, Bình Long - Phước Long là sự trưởng thành về kỹ chiến thuật của bộ đội ta và tư tưởng chỉ đạo kết hợp 3 mũi giáp công của Trung ương, Trung ương cục và miền Đông.

Thời kỳ 1961- 1965, miền Đông Nam bộ đã trở thành một chiến trường quan trọng, góp phần đặc lực cho cách mạng miền Nam trên nhiều phương diện: Xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng và mở rộng căn cứ địa cách mạng, kết hợp chặt chẽ ba thứ quân, ba mũi giáp công, đánh bại “quốc sách” áp chiến lược và làm phá sản chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ - ngụy.

Với ưu thế của 3 vùng chiến lược, bao quanh Sài Gòn tiếp giáp với cuối dãy Trường Sơn và cửa ngõ biển Đông, miền Đông Nam bộ đã được Trung ương Cục

chọn làm căn cứ, là địa bàn để xây dựng lực lượng chủ lực, là đầu cầu tiếp nhận cán bộ, bộ đội, vũ khí cả đường thủy lẫn đường bộ từ Trung ương chi viện, đồng thời miền Đông Nam bộ cũng là địa bàn bình định trọng điểm của địch, với quy mô và mức độ ác liệt khôn lường.

Phát huy truyền thống anh dũng trong kháng chiến chống Pháp, quân và dân miền Đông Nam bộ đã kiên cường vượt qua những thử thách hi sinh trong những năm đầu chống Mỹ, đứng mũi chịu sào, lập nên những chiến công hiển hách, trong đó có những trận thắng mở đầu và kết thúc chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ - ngụy; tiếp tục phát triển lực lượng, chuẩn bị mọi mặt để đối đầu với quân Mỹ và chư hầu trong chiến lược Chiến tranh cục bộ.

Chương VI

DẪNG BỘ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN CHIẾN TRANH NHÂN DÂN GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA MỸ- NGUYỄN VÀ CHUR HẦU (1965-1968)

I. ĐỐI ĐẦU VỚI CHIẾN TRANH CỤC BỘ CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

Chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ bị phá sản. Chính quyền tay sai ở Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ. Đế quốc Mỹ quyết định đưa quân Mỹ và chư hầu vào chiến trường miền Nam thực hiện chiến lược Chiến tranh cục bộ. Ngày 6-4-1965, Mỹ công bố bị vong lục “Hành động an ninh quốc gia” (NSAM) số 328 thông báo quyết định của Tổng thống và Hội đồng an ninh quốc gia. “Đây là văn kiện xoay bản lề, chấp nhận quan điểm Mỹ bước vào cuộc chiến tranh trên bộ” của Mỹ ở Việt Nam¹. Các đơn vị quân viễn chinh của Mỹ và quân chư hầu ồ ạt vào miền Nam và có mặt rất sớm trên địa bàn miền Đông Nam bộ²

Kế hoạch chủ yếu của chiến lược Chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ là tìm diệt cách mạng ở miền Nam dự định thực hiện trong vòng 25 đến 30 tháng (giữa năm 1965 đến 1967) với kế hoạch 3 giai đoạn:

- Giai đoạn thứ nhất (từ 1-7 đến tháng 12-1965), đưa nhanh quân Mỹ và quân chư hầu vào miền Nam Việt Nam tiến hành phản công chiến lược.

- Giai đoạn thứ 2 (từ tháng 1 đến tháng 6-1966), mở các cuộc “phản công chiến lược” tìm diệt chủ lực quân giải phóng, phá chiến tranh du kích giành quyền chủ động chiến trường hỗ trợ cho chương trình bình định.

- Giai đoạn thứ 3 (từ tháng 7 đến cuối năm 1967), mở các cuộc hành quân tiến công tiêu diệt những đơn vị còn lại của quân giải phóng, tiêu diệt cơ quan lãnh đạo cuộc kháng chiến ở miền Nam, hoàn thành bình định, rút quân Mỹ về nước cuối năm 1967.

¹ Trước đó, ngày 1 tháng 4 năm 1965, Tổng thống Giôn-xon chủ trì cuộc họp Hội đồng an ninh Quốc gia Mỹ và quyết định: Tăng cường lực lượng yểm trợ của quân Mỹ từ 18.000 lên 20.000 người; Triển khai ngay 4 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ vào miền Nam Việt Nam làm nhiệm vụ yểm trợ tiến công; Thăm dò cấp bách khả năng tham chiến của một số nước đồng minh: Úc, Nam Triều Tiên, Niu Dilân, Philippin; Tiếp tục dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc và Lào; Củng cố chính quyền Sài Gòn.

² Ngày 21-1-1965 một đại đội máy bay chiến đấu F- 105 của Mỹ vào Biên Hòa; ngày 5-5-1965 lữ đoàn dù 173 và 3 đại đội máy bay trực thăng vũ trang đến Vũng Tàu và Biên Hòa. Sư đoàn I “Anh cả đỏ” của Mỹ ở Bình Dương (Bộ Tư lệnh đóng ở Lai Khê), một đại đội pháo binh Tây Tân Lan, một đại đội Úc ở Bà Rịa – Vũng Tàu. Một Lữ đoàn 196 ở Trảng Lớn (Tây Ninh).

Biện pháp chủ yếu của chiến lược này của Mỹ ở miền Nam là “tìm diệt”, sau đó là “tìm diệt và bình định” được coi là chiến lược 2 gọng kìm; đưa quân Mỹ ồ ạt vào miền Nam, đồng thời dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc hòng ngăn cản sự chi viện từ miền Bắc vào miền Nam, làm suy yếu căn cứ địa cách mạng của cả nước, hậu phương lớn của cuộc kháng chiến; cô lập và đè bẹp cách mạng miền Nam.

Từ tháng 8-1965, Mỹ liên tục mở những cuộc hành quân cấp tiểu đoàn, lữ đoàn đánh phá ác liệt các vùng căn cứ địa cách mạng, như Chiến khu Đ, Chiến khu Dương Minh Châu; phối hợp quân ngụy mở những cuộc càn quét, tiến hành dồn dân nhằm xây dựng vành đai an toàn cho Sài Gòn và xung quanh các căn cứ quân sự Mỹ. Trước đó vào tháng 6 năm 1965, lần đầu tiên trên chiến trường Việt Nam, Bộ chỉ huy không quân chiến lược Mỹ sử dụng máy bay chiến lược B52 ném bom ồ ạt khu vực Bờ Càng xã Long Nguyên huyện Bến Cát (Thủ Dầu Một). Địch liên tục bắn pháo, trực thăng bán dọn bãi, quân Mỹ đổ quân đánh ta ở vùng Cam Đường, Suối Quít, Phước Thái, Chòi Đồng, Hắc Dịch, Xuân Sơn, Minh Đạm (Bà Rịa), Tam Bung, Định Quán, Xuân Lộc.

Ở miền Đông Nam bộ, quân ngụy lập khu chiến thuật 33 gồm Biên Hòa, Long Khánh, Phước Long, Bình Tuy, Tây Ninh; giải tán biệt khu Phước Bình Thành sát nhập vào khu chiến thuật 32; cấp tốc sửa chữa, mở rộng nâng cấp sân bay quân sự Biên Hòa, sân bay Tân Sơn Nhất, tăng cường các cơ sở hậu cần theo yêu cầu phục vụ cho quân viễn chinh, đặc biệt là Tổng kho liên hợp Long Bình, thiết lập thêm 6 quân cảng dọc theo sông Sài Gòn - Lòng Tàu. Ngày 20-6-1965, Bộ Tư lệnh lục quân Mỹ được thành lập, trụ sở đặt tại Long Bình. Đế quốc Mỹ xác định chiến trường miền Đông Nam bộ là chiến trường chính để thực hiện chiến lược “tìm và diệt”, nhằm tiêu diệt quân chủ lực giải phóng, triệt phá căn cứ của ta. Quân ngụy làm nhiệm vụ bình định ở phía sau. Từ đó, hình thành thế chiến lược 2 gọng kìm bao vây tiêu diệt lực lượng cách mạng.

Trước khả năng Mỹ đổ quân vào, Khu ủy miền Đông đã đánh giá phân tích tình hình đế quốc Mỹ và tay sai, dự kiến hai khả năng:

- Khả năng thứ nhất, ta tập trung sức tấn công, tiêu diệt sinh lực địch, đẩy mạnh 3 mũi giáp công, mở rộng vùng giải phóng, xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang quyết tâm đánh địch, đánh bại chiến lược Chiến tranh đặc biệt.

- Khả năng thứ 2, nếu đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai không chịu thua, tiếp tục leo thang gây Chiến tranh cục bộ, thì ta đủ sức đánh địch và thắng địch trong Chiến tranh cục bộ.

Qua năm 1965, tình hình diễn biến theo khả năng thứ 2, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh và quân chư hầu vào miền Nam Việt Nam thực hiện chiến lược Chiến tranh cục bộ. Khu ủy miền Đông ra nghị quyết phát động giáo dục toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nâng cao lòng căm thù đế quốc Mỹ và tập trung đánh Mỹ. Tuy nhiên, trước tình thế mới, nhiều vấn đề đặt ra đang cần lời giải đáp: trên chiến trường cách đánh Mỹ ra sao? Đấu tranh chính trị, binh vận trước đối tượng mới được nữa hay không? Câu trả lời là: Cứ đánh Mỹ sẽ tìm cách thắng Mỹ, như đồng chí Nguyễn Chí Thanh đã xác định tại Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua miền Nam lần thứ nhất (1965). Điều này đã thể hiện sự quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân quyết một lòng vượt qua gian khổ để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Khi quân viễn chinh Mỹ vừa đặt chân đến miền Đông Nam bộ, lực lượng vũ trang 3 thứ quân của miền Đông có bước phát triển mới. Thế trận chiến tranh nhân dân phát triển mạnh mẽ với tư tưởng quyết tâm đánh Mỹ xâm lược, giải phóng đất nước. Trên chiến trường miền Đông, các sư đoàn chủ lực quân giải phóng lần lượt được thành lập như sư đoàn 9 được thành lập ngày 2-9-1965 tại Suối Nhung (Chiến khu Đ). Sư đoàn 5 thành lập ngày 23-9-1965 tại Bà Rịa. Sư đoàn 7 thành lập tháng 6-1966. Đoàn pháo binh U80 phát triển lên cấp sư đoàn với mật danh “Đoàn 69”, tên truyền thống là Đoàn pháo binh Biên Hòa.

Bộ Tư lệnh miền Đông phát triển thêm trung đoàn 5 bộ binh, là trung đoàn từ đồng bằng sông Cửu Long đưa lên chiến trường miền Đông thuộc Miền (sau khi đã có trung đoàn 4 Đồng Nai thành lập tháng 3-1965) và nhiều đơn vị binh chủng. Các tỉnh ủy thuộc Khu ủy miền Đông đều có nghị quyết đánh Mỹ và quyết thắng Mỹ ngay những trận đầu. Bộ đội địa phương các tỉnh và du kích tại chỗ được củng cố, phát triển hoạt động đánh địch, hỗ trợ trực tiếp cho phong trào đấu tranh chính trị và chống phá bình định. Về hậu cần, các tỉnh tổ chức Hội đồng cung cấp bố trí ở các khu vực thuận lợi, cùng hậu cần quân đội kết hợp với hậu cần nhân dân để kịp thời tiếp nhận, thu mua vận chuyển thuốc men, lương thực, thực phẩm bảo đảm phục vụ chiến trường.

Ngày 20-7-1965, trước tình hình đế quốc Mỹ trực tiếp đưa quân xâm lược miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi toàn đảng, toàn quân, toàn dân ta nêu cao tinh thần cảnh giác, tăng cường đoàn kết, ra sức thi đua sản xuất và chiến đấu. Hướng ứng Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 3-8, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam xác định lập trường sắt đá của 14 triệu đồng bào miền Nam: Sẽ hy

sinh tất cả, thà chết chứ không chịu làm nô lệ, nhất định chiến đấu đến cùng để bảo vệ Tổ quốc, giành độc lập hoàn toàn¹.

Tháng 9-1965, Bộ Chính trị đã họp Hội nghị cụ thể hóa Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Trung ương Đảng. Bộ Chính trị chủ trương tiếp tục duy trì phương châm đấu tranh vũ trang song song với đấu tranh chính trị, binh vận. Bộ Chính trị đặc biệt quan tâm vấn đề phải nhanh chóng phát triển lực lượng vũ trang về mọi mặt, đặc biệt là xây dựng và phát triển khối chủ lực và bố trí vững chắc trên những địa bàn chiến lược trọng yếu. Khu ủy miền Đông Nam bộ được củng cố lại gồm: Đồng chí Nguyễn Ngọc Tân (Hai Lực) làm Bí thư, Chính ủy Quân khu; đồng chí Nguyễn Văn Chí, làm Phó bí thư phụ trách an ninh, binh vận; đồng chí Lê Quang Chũ là Ủy viên thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức; đồng chí Nguyễn Trọng Cát (Ba Đất) là Ủy viên thường vụ phụ trách khối Dân vận; đồng chí Lê Đình Nhơn là Ủy viên thường vụ phụ trách Tuyên huấn Khu; đồng chí Nguyễn Văn Tốt (Hai Bình) làm Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh, đồng chí Nguyễn Sơn Hà làm Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa (U1); đồng chí Nguyễn Văn Trung làm Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một.

Với thế trận được chuẩn bị về mọi mặt, Đảng bộ miền Đông lãnh đạo tăng cường sự đoàn kết trong toàn Đảng bộ, ra sức thi đua đẩy mạnh sản xuất và chiến đấu, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Quân khu ủy miền Đông tổ chức quán triệt Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nghị quyết Bộ Chính trị, Hiệu triệu của Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, nhằm nâng cao nhận thức tư tưởng, rèn luyện ý chí chiến đấu cho cán bộ chiến sĩ trong tình hình mới. Để cổ vũ khí thế đánh Mỹ trên toàn chiến trường, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền đặt danh hiệu “dũng sĩ diệt Mỹ”, sau đó, Cục Chính trị Miền đã cụ thể hóa tiêu chuẩn và phát triển thêm các danh hiệu “dũng sĩ diệt ngụy, diệt cơ giới, diệt máy bay”, “đơn vị diệt Mỹ”, nêu khẩu hiệu “oán nặng thù sâu thấy Mỹ đâu tiêu diệt đó”.

Ngày 23-8-1965, theo chỉ đạo của Trung ương Cục và Quân ủy Miền, Bộ Tư lệnh Miền chủ trương mở trận tập kích vào sân bay quân sự chiến lược Biên Hòa. Ban chỉ huy Đoàn pháo binh 75 của Miền (tức đoàn 69) đã bàn kế hoạch cụ thể với Tỉnh ủy, Tỉnh đội Biên Hòa về kế hoạch trận đánh. Tỉnh ủy, Tỉnh đội nhất trí và triển khai cho huyện ủy, chi bộ lãnh đạo quần chúng Cù Lao Rùa (Thạnh Hội), nhân dân các xã nam Chiến khu Đ giúp đỡ bố trí hai trận địa pháo ở Hóa An. Ngày 24-8-1965, với 8 khẩu pháo và 300 trái đạn, đoàn pháo binh Biên Hòa đã lập công xuất sắc tại sân bay

¹ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập II, tr. 299.

Biên Hòa, phá hủy nhiều máy bay và phương tiện chiến tranh, tiêu diệt và làm bị thương nhiều phi công và nhân viên kỹ thuật¹. Đoàn pháo binh Biên Hòa được Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam tặng thưởng Huân chương Quân công giải phóng hạng nhất.

Từ tháng 9-1965, quân Mỹ bắt đầu mở những cuộc càn ở vùng đông - bắc Sài Gòn, du kích các huyện Dĩ An, Bến Cát đã kiên cường đánh Mỹ gây cho chúng nhiều thiệt hại. Từ ngày 8 đến ngày 13-10-1965, quân Mỹ ngay tiếp tục mở cuộc càn lớn vào Bến Cát quy mô 6 trung đoàn². Trung tâm của cuộc càn là khu vực tam giác sắt với các đỉnh là Bến Súc (Thanh Tuyển), thị trấn Bến Cát và giao điểm của hai sông Sài Gòn và Thị Tính. Trong 6 ngày, nhân dân và du kích các xã nam Bến Cát như An Điền, An Tây, Phú An đã bám trụ địa bàn, dựa vào công sự, hầm, ụ chiến đấu, bằng nhiều hình thức tác chiến, bám đánh cả ban ngày và ban đêm, bằng mọi loại vũ khí đã làm thương vong hàng trăm tên địch (phần lớn là Mỹ)³.

Trong cuộc càn quét ác liệt này, địch tàn phá nặng nề 3 xã nam Bến Cát, triệt hạ cả 6 làng cao su. Đồn dân các làng 2, 3, 5, 7 ra các làng 4, 10, 13, 15. Nhân dân và công nhân các làng đã đấu tranh trực diện với quân Mỹ đòi chấm dứt bắn pháo, ném bom, rải chất độc hóa học vào làng, đòi bồi thường cho những gia đình bị giết hại. Đồng chí Ba Lệ lãnh đạo nhân dân làng 3 cao su khiêng người chết, bị thương lên thị trấn tố cáo tội ác dã man của lính Mỹ, đòi chúng bồi thường thiệt hại. Đặc biệt chiến thắng vang dội, thể hiện ý chí và sức mạnh của chiến tranh nhân dân là trận An Điền ngày 10 tháng 10 năm 1965. Lực lượng địch càn vào xã là một tiểu đoàn của lữ đoàn dù 173 Mỹ. Tại đây đội du kích xã do đồng chí Út Một xã đội trưởng chỉ huy với hệ thống địa đạo có ụ chiến đấu, xây dựng các bãi mìn hiểm hóc kết hợp hầm chông, hố chông, lựu đạn gài đã diệt 1 trung đội quân Mỹ.

Dám đánh và quyết thắng Mỹ, biết tạo thế trận và tìm ra cách đánh thích hợp, du kích xã An Điền đã lập công xuất sắc. Cách đánh dựa vào địa đạo với ụ chiến đấu kết hợp vũ khí tự tạo là lối đánh sáng tạo của dân quân du kích miền Đông. Chiến thắng của du kích nam Bến Cát, An Điền là một thực tế sinh động để Quân ủy, Bộ chỉ huy Miền, Khu ủy miền Đông rút ra kết luận du kích có khả năng đánh được Mỹ và phát động phong trào học tập du kích An Điền đánh Mỹ khắp miền Đông.

¹ Theo báo cáo bấy giờ của đoàn pháo binh Biên Hòa ta phá hủy 68 máy bay các loại, 22 bồn xăng dầu, 30 xe quân sự, 300 tên phi công và kỹ thuật Mỹ chết và bị thương.

² 12.000 quân, trong đó có 8.000 quân Mỹ, 200 xe quân sự, 113 máy bay các loại, 13 tàu chiến, 22 khẩu pháo lớn.

³ Báo cáo lúc bấy giờ; 516 tên, trong đó có 425 tên Mỹ, bắn rơi 3 máy bay trực thăng, bắn bị thương 9 chiếc khác, phá hủy 4 xe quân sự.

Ngày 20-10-1965, Mỹ - ngụy đưa 3 tiểu đoàn mở cuộc càn quét vào Chiến khu Thuận An Hòa. Chiến khu Thuận An Hòa gồm 3 xã Thuận Giao, An Phú, Bình Hòa, trung tâm là An Phú hình thành từ thời 9 năm, trong nhiều năm là căn cứ của các huyện ủy Lái Thiêu, Dĩ An, Thủ Đức và nhiều cơ quan, đoàn thể, lực lượng vũ trang, là vùng bàn đạp ven đô quan trọng của lực lượng vũ trang cách mạng khi ta tấn công vào các căn cứ địch ở Sóng Thần, căn cứ Huỳnh Văn Lương, Lái Thiêu, Thủ Dầu Một, Gia Định, Biên Hòa. Do đó địch tập trung đánh phá rất ác liệt, càn quét, chà đi xát lại nhiều lần nhằm mục đích đẩy lực lượng ta ra xa. Địch ủi phá địa hình, làm đường ngang dọc trong khu căn cứ này.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân, lực lượng của ta có đại đội C63, trung đội pháo binh nữ của huyện, các đội du kích xã và quân đội “tóc dài” ở các xã chung quanh (tổng cộng có 6 tiểu đội) đã phối hợp chặt chẽ 3 mũi giáp công kiên cường đánh địch 44 trận lớn nhỏ suốt hai tháng, hàng trăm tên địch¹.

Ngày 8-11-1965, lữ đoàn dù 173 Mỹ sau 2 ngày càn quét ở khu vực Hiếu Liêm, Sinh, Bà Đã, Giáng Hương, bị tiểu đoàn 3 trung đoàn 1 sư đoàn 9 tập kích, phục kích đánh nhiều trận, phải gọi pháo từ Tân Uyên và máy bay từ Biên Hòa đến yểm trợ để mở đường rút lui. Sau 5h chiến đấu, ta diệt và làm bị thương gần 300 tên Mỹ, bắn rơi 4 máy bay, thu nhiều súng đạn. Đây là lần đầu tiên trên chiến trường miền Đông một tiểu đoàn của ta đã tiêu diệt gần 1 tiểu đoàn lính Mỹ.

Lính Mỹ chưa hết hoang mang thì ngày 12-11-1965, sư đoàn 9 chủ lực Miền đã nhảy bèn, táo bạo tập kích cụm quân Mỹ đang đóng dã ngoại ở Bàu Bàng, cách căn cứ Lai Khê 3 km chuẩn bị cuộc hành quân đánh vào Dầu Tiếng, đã loại khỏi vùng chiến đấu 2 tiểu đoàn quân Mỹ, 2 chi đoàn thiết xa vận (lữ 3), 39 xe tăng, xe thiết giáp, 8 khẩu pháo bị phá hủy, loại khỏi vòng chiến đấu 2.000 tên, ta hy sinh 109 cán bộ chiến sĩ, 200 đồng chí bị thương.

Ngày 27-11-1965, tại Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một), trung đoàn 1 sư đoàn 9 được tăng cường 2 đại đội thuộc Đoàn 70 Miền tấn công chiến đoàn 7 ngụy đang đóng quân dã chiến tại làng 15, diệt và làm bị thương 1,200 tên có 25 tên Mỹ, đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn khác, bắt gần 100 tù binh. Đây là lần đầu tiên trên chiến trường miền Nam ta diệt một trung đoàn ngụy.

¹. Loại khỏi vòng chiến đấu 200 tên Mỹ, ngụy, bắn cháy 6 xe bọc thép, thu 24 súng..

Tại tỉnh Bà Rịa, ngoài tiểu đoàn 445¹ Tỉnh ủy thành lập ngày 19 tháng 5 ở căn cứ suối Lô Ô, còn có sư đoàn 5 và trung đoàn 33 thuộc Miền bố trí hoạt động trên địa bàn. Ngày 10-11-1965, tiểu đoàn 3 trung đoàn 5 được tăng cường hỏa lực của trung đoàn, phục kích tại đoạn đường áp Kim Hải xã Phước Hòa, Bà Rịa, đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 52 biệt động quân và 1 đại đội bảo an của tiểu khu Phước Tuy càn quét khu vực Long Thành, bắn rơi 2 máy bay trực thăng, 16 xe cơ giới, bắt sống 6 tên, thu 12 súng các loại, 2 máy vô tuyến. Tiểu đoàn 3 có 16 đồng chí hy sinh và 32 chiến sĩ bị thương.

Tại tỉnh Tây Ninh, ngay khi Mỹ đổ quân xây dựng căn cứ Trảng Lớn, Tỉnh ủy đã chỉ đạo xây dựng vành đai diệt Mỹ ở Trảng Lớn với 4 cụm lực lượng tổng hợp, có tổ chức chỉ huy thống nhất do Huyện ủy đảm trách. Tháng 11 năm 1965, trận đánh đầu tiên ở cụm 1 trên vành đai diệt Mỹ nổ ra ở các ấp Bàu Ràu, Bàu Bung (Thanh Điền), lực lượng ta chỉ có 30 du kích cùng với bộ đội địa phương tỉnh đã bao vây, chia cắt 1 tiểu đoàn quân Mỹ được máy bay trực thăng đổ xuống, dưới đất có xe bọc thép M113 yểm trợ. Kết quả ta diệt gần 1 đại đội quân Mỹ, bắn rơi 1 trực thăng ở Trảng Lớn. Tại cụm 4, du kích đánh địch tại Sa Nghe, suối Ông Đình diệt 37 quân Mỹ. Ở cụm 3 tại Bắc Rù và Gò Nổi (Ninh Điền), du kích và đội nữ pháo binh đánh diệt và bị thương nhiều tên Mỹ (báo cáo bảy giờ gần 300 quân Mỹ). Tại cụm 2, quân Mỹ càn vào Hảo Đức, Trí Bình căn cứ của huyện Châu Thành. Du kích bố trí trận địa mìn, trái, hầm chông diệt 50 tên Mỹ.

Tại tỉnh Biên Hòa, Mỹ xây dựng nhiều căn cứ quân sự lớn. Thị xã Biên Hòa trở thành một thành phố quân sự, chỉ cách Sài Gòn 30 km; là nơi sở chỉ huy của quân đoàn III, Nha Cảnh sát miền Đông, Bộ Tư lệnh dã chiến II của Mỹ ở Long Bình. Từ nhận định tính chất và vị trí quan trọng của Biên Hòa, tháng 9 -1965, Trung ương Cục quyết định thành lập một chiến trường mới: gồm thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu thành đơn vị ngang cấp tỉnh (bí danh là U1) trực thuộc Miền và Khu ủy miền Đông (từ tháng 10-1967 có thêm huyện Trảng Bom). Ban chấp hành tỉnh ủy U1 được Trung ương cục chỉ định đồng chí Nguyễn Văn Trị (Nguyễn Sơn Hà), Khu ủy viên, làm Bí thư; Trương Văn Lễ làm Phó bí thư, Trần Công An, Ủy viên thường vụ, làm Tỉnh đội trưởng.

¹ Tiểu đoàn có 4 đại đội quân số 350 người. Ban chỉ huy tiểu đoàn, đồng chí Bùi Quang Chánh làm tiểu đoàn trưởng, Lê Thành Ba làm chính trị viên.

Đại đội 1: Đồng chí Sáu Chiến làm đại đội trưởng; Tô Dũng làm chính trị viên.

Đại đội 2: Đồng chí Sáu Thu làm đại đội trưởng; Hai Thu làm chính trị viên.

Đại đội 3: Năm Thành làm đại đội trưởng; đồng chí Khôi làm chính trị viên.

Đại đội 4: Đồng chí Tư Như làm đại đội trưởng; đồng chí Thống làm chính trị viên.

Căn cứ Tỉnh ủy, Tỉnh đội U1 đặt tại đồi Gang Tói (Đại An- Vĩnh Cửu), lực lượng vũ trang của U1 được thành lập lấy tên là đại đội 238. Ngày 11-11-1965, một tiểu đoàn thuộc lữ đoàn dù 173 Mỹ có pháo Tân Tây Lan yểm trợ đã càn vào căn cứ Gang Tói. 3 giờ sáng, địch đổ khoảng 1 tiểu đoàn quân bằng trực thăng theo đường Cây Thị tiến vào. Với quyết tâm giành thắng lợi ngay từ trận đầu đánh Mỹ, đại đội 238 bám vào công sự, dựa vào địa hình liên tục đánh địch và đẩy lùi nhiều đợt tiến công của chúng. Sau 2 giờ tiến công, quân Mỹ không chiếm được căn cứ, buộc phải rút quân ra xa đồi và cho pháo, máy bay bắn dồn dập vào trận địa dọn đường cho trực thăng đến chở 78 tên chết và bị thương. Ban chỉ huy đại đội đã kịp thời cho bộ đội rút xuống đồi.

Qua các trận đánh của các lực lượng chủ lực và các lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ giành thắng lợi ngay từ trận đầu ra quân đánh Mỹ như trận Bàu Bàng, Đất Cuốc, Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một), Đồi C4, (Biên Hòa), vành đai diệt Mỹ ở Trảng Lớn (Tây Ninh)... đã chứng tỏ thể chủ động chiến trường của ta vẫn giữ vững, thể trận chiến tranh nhân dân được củng cố và phát huy. Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương tỉnh, huyện và du kích xã, áp đều đánh được Mỹ, chẳng những đánh tiêu hao mà còn có khả năng đánh tiêu diệt từng đơn vị Mỹ. Đảng bộ các cấp đều động viên quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ những trận đầu. Qua các trận đánh Mỹ, các đơn vị bộ đội, đặc biệt chủ lực hình thành sở trường đánh tập kích, vận động phục kích, “nắm thắt lưng Mỹ mà đánh, một phương thức thắng kẻ thù lớn hơn hẳn về hỏa lực. Phong trào “tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt” đã diễn ra sôi nổi trên khắp chiến trường miền Đông, từ chỗ dám đánh Mỹ và thắng Mỹ, đã củng cố vững chắc hơn niềm tin chiến thắng giặc Mỹ xâm lược.

Ngày 27-12-1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 12 (khóa III), Hội nghị xem xét, đánh giá toàn bộ tình hình và đề ra chủ trương, nhiệm vụ trong giai đoạn mới đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta tiến lên, đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, Hội nghị kết luận: “dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân đội viễn chinh, lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn. Tuy cuộc chiến tranh ngày càng trở nên gay go, ác liệt, nhưng nhân dân ta có cơ sở chắc chắn để giữ vững và tiếp tục giành thể chủ động trên chiến trường, có lực lượng và điều kiện để đánh bại âm mưu trước mắt và lâu dài của địch”¹.

¹ Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1985, Tr. 16, 17.

Chấp hành Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 12, và từ thực tế chiến trường, Quân ủy Trung ương nêu rõ phương thức tác chiến nhằm phát triển thế chủ động tiến công, giành thắng lợi quân sự ngày càng lớn, tiến lên giành thắng lợi trên chiến trường:

- Đẩy mạnh tác chiến tập trung, mở những chiến dịch vừa và lớn của bộ đội chủ lực trên những hướng quan trọng.

- Đẩy mạnh chiến tranh du kích đến trình độ cao, phối hợp tác chiến giữa quân du kích, bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực.

- Đánh phá cơ sở hậu phương, cơ quan đầu não của địch.

- Kết hợp hoạt động vũ trang với đấu tranh chính trị quần chúng ở đô thị và vùng ven.

- Phát triển cách đánh giao thông.

- Phối hợp chặt chẽ đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị và binh vận.

Về vị trí, nhiệm vụ từng chiến trường, Quân ủy Trung ương xác định: miền Đông Nam Bộ cùng với Tây Nguyên, Trị Thiên là các chiến trường trọng điểm để tiêu diệt sinh lực địch.

II. LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG CUỘC PHẢN CÔNG CHIẾN LƯỢC MÙA KHÔ LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965-1966)

Tháng 12-1965, tướng Oétmole (Westmoreland), Tổng Tư lệnh quân viễn chinh Mỹ tại miền Nam, đánh giá là đã hoàn thành giai đoạn 1 (triển khai quân Mỹ trên toàn chiến trường, ngăn chặn chiều hướng thua của quân ngụy) và chuyển sang giai đoạn 2 phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất. Cuộc phản công lần thứ nhất của Mỹ dự định mở vào tháng 12-1965, nhưng do ta đẩy mạnh tấn công nên phải dời vào tháng 1-1966, miền Đông Nam bộ và Khu 5 là hai hướng chủ yếu nhằm mục tiêu: Tiêu diệt một bộ phận quan trọng chủ lực quân giải phóng, giành chủ động trên chiến trường, thực hành chiến lược “tìm diệt” nhằm “bẻ gãy xương sống Việt cộng”; Bình định có trọng điểm, đánh phá hậu phương, dự trữ của đối phương, giành dân; Ổn định tình hình chính trị, củng cố ngụy quân, ngụy quyền; Khai thông các tuyến giao thông chiến lược; Đánh phá miền Bắc, cô lập miền Nam.

Trên chiến trường miền Đông Nam bộ, đợt 1, quân Mỹ tập trung lực lượng kết hợp máy bay B52, pháo bầy, trực thăng đánh dữ dội vào các vùng giải phóng bắc Củ Chi, căn cứ Dương Minh Châu, Bời Lời, Long Nguyên, Chiến khu Đ, Xuyên Mộc, Hắc Dịch nhằm tiêu diệt quân chủ lực của ta, tiêu diệt cơ quan đầu não Trung ương

Cục, Khu ủy, Bộ chỉ huy Miền, Tỉnh ủy và kho dự trữ của ta. Trong lúc đó, 3 sư đoàn chủ lực ngụy, cùng bảo an, dân vệ “bình định” ở bốn tỉnh chung quanh Sài Gòn. Đợt II, địch mở hai đợt hành quân với 13 cuộc càn quy mô cấp sư và lữ đoàn tăng cường. Ngày 5-2-1966, Quân Mỹ mở cuộc càn quét quy mô lớn mang tên Hòn đá lăn (Rolling stone) vào Chiến khu Đ.

Hai cánh quân địch gồm hai lữ Mỹ, 1 tiểu đoàn Úc, 2 tiểu đoàn ngụy tạo thành hai gọng kìm đánh thẳng vào căn cứ của Quân khu miền Đông nhằm tiêu diệt chủ lực của ta, phá kho tàng, đường giao liên vận chuyển.

Về phía ta, Bộ chỉ huy Miền, Bộ Tư lệnh Quân khu miền Đông nắm sát tình hình, chỉ đạo bố trí lực lượng đánh Mỹ ngay khi chúng càn vào căn cứ. Sư đoàn 9 chủ lực phối hợp với bộ đội địa phương tỉnh Phước Thành, du kích các xã Chiến khu Đ liên tục chặn đánh địch. Quân Mỹ càn đến đâu cũng gặp mìn, hố chông ta bố trí sẵn hoặc bị lực lượng ta chặn đánh đánh quyết liệt, bẻ gãy từng mũi tiến công của chúng, làm thất bại cuộc càn quét này. Đến ngày 23-2-1966, trước sự tiến công của quân ta, quân Mỹ bị nhiều thiệt hại, cả hai cánh quân co cụm đánh 2 chốt dã ngoại tại Bông Trang, Nhà Đổ (Thủ Dầu Một). Vào lúc 1 giờ 30 ngày 24-2-1966, một đơn vị của sư đoàn 9 chủ lực Miền tổ chức 3 mũi tiến công vào 2 vị trí đóng quân Mỹ, đến 5 giờ sáng trận đánh kết thúc, ta diệt gần 2 tiểu đoàn bộ binh Mỹ, đánh tiêu hao tiểu đoàn Úc, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.000 tên, bắn cháy và làm hư hỏng 48 xe tăng. Cuộc càn Rolling Stone bị thất bại. Sau cuộc càn, khi quân Mỹ rút lui, hàng trăm đồng bào từ các xóm ấp kéo đến trụ sở xã, quận đấu tranh đòi bồi thường thiệt hại về tài sản.

Ngày 5 tháng 3, trung đoàn 2 sư đoàn 9 và lực lượng vũ trang huyện Tân Uyên tập kích diệt 1 tiểu đoàn Mỹ tại dốc Bà Nghĩa. Tại Gò Mối và trũng Bông Bông, tiểu đoàn Phú Lợi (Thủ Dầu Một) đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn ngụy và 1 đại đội quân Mỹ.

Theo sự chỉ đạo của Trung ương Cục và Khu ủy, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chỉ đạo Ban binh vận sử dụng nội tuyến trong lòng địch và vũ trang bên ngoài thực hiện cuộc binh biến gây tiếng vang lớn ở trung đoàn 1 thiết giáp ngụy đóng tại Gò Đậu thị xã Thủ Dầu Một vào 19 giờ 15 phút ngày 23-3-1966. Lực lượng nội tuyến của ta trong đơn vị thiết giáp (20 đảng viên, nòng cốt) đã chiếm giữ các xe tăng M113 và M41, dùng pháo và đại liên trên xe bắn vào bọn địch đang xem truyền hình. Cùng lúc, đơn vị B16 và đặc công sư đoàn 9 tổ chức 4 mũi tấn công vào Gò Đậu, sau 30 phút, ta hoàn toàn làm chủ căn cứ trung đoàn 1 thiết giáp địch, phá hủy 22 xe tăng, thiết giáp, 20 xe quân sự, diệt hơn 100 tên. Đây là cuộc khởi nghĩa binh biến lớn ở miền Đông

trong 1 đơn vị kỳ cựu của binh chủng thiết giáp nguy giành thắng lợi, gây hoang mang trong hàng ngũ bọn sĩ quan, binh lính nguy Sài Gòn.

Ngày 7-3-1966, hai lữ đoàn quân Mỹ cùng với 1 tiểu đoàn quân Hoàng gia Úc mở cuộc hành quân Thành phố Bạc (Silver City) đánh vào Chiến khu Đ. Thực hiện sự chỉ đạo của bộ Tư lệnh quân khu 7, Tỉnh ủy, Tỉnh đội Thủ Dầu Một chỉ đạo tiểu đoàn Phú Lợi bám sát quân Mỹ khi chúng triển khai cuộc hành quân, tiểu đoàn Phú Lợi hai lần tập kích vào sở chỉ huy của địch đánh phủ đầu quân Mỹ và quân chư hầu trước khi chúng triển khai tràn vào Chiến khu Đ. Sáng 7-3, lữ đoàn 1 sư đoàn 1 Mỹ kết hợp máy bay B52, trực thăng, pháo binh, xe tăng yểm trợ tràn vào khu vực trọng điểm là suối Mã Đà, Rang Rang, Bàu Phụng, Bàu Buông,... nơi đóng cơ quan của Khu ủy và Quân khu miền Đông. Tiếp đó, ngày 10-3, trung đoàn 48 sư đoàn 10 bộ binh nguy mở cuộc hành quân “Dân tâm 38” ở khu bắc Tân Uyên. Xe tăng địch theo đường 322, 323 tràn vào rừng để tìm và phá hủy các kho tàng, dự trữ và bến bãi vượt sông của ta.

Bộ Tư lệnh Quân Khu 7 và Ban chỉ huy sư đoàn 9 thành lập bộ chỉ huy tiền phương gồm có các đồng chí Hoàng Cầm làm Chỉ huy trưởng, Lê Văn Tường làm Chính ủy, Hoàng Thế Thiện làm Phó chính ủy, Nguyễn Hồng Lâm làm Chỉ huy phó. Các cơ quan khu đều tổ chức thành từng đơn vị chiến đấu, bố trí mìn, lựu đạn gài bảo vệ căn cứ. Tại Cù Định, trung đoàn 1 hai lần tập kích vào nơi đóng quân của lữ dù 173, diệt và làm bị thương 300 tên Mỹ.

Tại căn cứ Bộ Tư lệnh Quân khu 7, đại đội bảo vệ dựa vào công sự chiến đấu đã đánh trả quyết liệt đẩy lùi nhiều cuộc xung phong của địch, diệt 1 đại đội của lữ đoàn 1 sư đoàn 1 Mỹ, chặn đứng mũi tràn của chúng, buộc chúng phải rút lui. Sau 1 tuần tràn quét không đạt được mục tiêu, lại bị tổn thất nặng, ngày 15-3, địch chấm dứt cuộc tràn. Trong lúc địch giải quyết hậu quả, chủ lực quân khu 7 cùng trung đoàn 1 sư 9 Miền thực hiện trận Bàu Sắn. Theo báo cáo lúc bấy giờ, ta loại khỏi vùng chiến đấu gần 1000 tên địch, bắn hạ 5 máy bay, thu nhiều đồ dùng quân sự. Bị thua nặng, chúng hung hăng bắn chết hàng trăm trâu bò, bắn cháy hơn 60 ngôi nhà, Về phía ta, 72 đồng chí hy sinh, 242 đồng chí bị thương.

Bẻ gãy hai cuộc hành quân: “Hòn đá lăn” và “Thành phố Bạc”, lực lượng vũ trang khu miền Đông với sự hỗ trợ của quân chủ lực Miền đã đánh bại mũi tiến công quan trọng của địch ở miền Đông Nam bộ trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất, bảo vệ an toàn Chiến khu Đ, mở ra khả năng bảo vệ căn cứ trước những cuộc tràn quét lớn của địch.

Trên chiến trường Tây Ninh, sau bước chuẩn bị tạo thế ở Củ Chi, An Tịnh, ngày 20-2-1966, Mỹ mở cuộc càn “Mas-tiff) với lữ đoàn 2 của sư đoàn I “Anh cả đỏ” đánh vào căn cứ Bời Lời, Bàu Đồn, Bà Nhã nhằm phá thế liên hoàn vùng căn cứ. Chúng đi đến đâu đều sa vào thế trận chiến tranh nhân dân với hầm chông, bãi trái dày đặc, các đơn vị công binh, đặc công, trinh sát, đội bảo vệ căn cứ, chiến sĩ ban giao bưu của ta dựa vào địa đạo Bời Lời và giao thông hào chiến đấu diệt hàng trăm tên Mỹ, giữ vững vùng căn cứ Tây Ninh. Đến ngày 27-2-1966, Quân Mỹ phải kết thúc cuộc càn, rút quân với thương vong nặng nề.

Ngày 1-3-1966, Mỹ lại mở cuộc càn “Hattisburg” sử dụng lữ đoàn 2 thuộc sư đoàn 25 Mỹ (Tia chớp nhiệt đới) và 3 tiểu đoàn của sư 25 nguy càn giải tỏa áp lực của ta ở khu vực Bến Cầu, bị bộ đội và du kích địa phương đánh thiệt hại, ngày 5-3 địch chấm dứt cuộc càn.

Tại Vũng Tàu (Bà Rịa), đêm 12-3-1966, A.65 Thị đội Vũng Tàu do đồng chí Tổng Viêt Dương (được Bộ chỉ huy Miền và Khu ủy miền Đông giao nhiệm vụ Phó bí thư kiêm Thị đội trưởng Vũng Tàu) chỉ huy đã tập kích trung tâm huấn luyện Đồi Xiêm, pháo kích sân bay Vũng Tàu và căn cứ tiểu đoàn 6 dù, phá hủy 32 máy bay các loại (C130, AD6, T28, L19), diệt và làm bị thương hơn 100 tên địch, trong đó có 1 sĩ quan cấp tá, cỗ vũ mạnh mẽ phong trào thi đua “đánh Mỹ, diệt nguy” trong toàn tỉnh. Đơn vị A65 được thưởng Huân chương Quân công giải phóng hạng III. Trận đánh thắng lợi lớn làm cho tinh thần binh lính và bộ máy kim kẹp của địch trong thị xã rất hoang mang, nhân dân phấn khởi.

Dưới sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Miền, Bộ Tư lệnh sư đoàn 5 đã bố trí Trung đoàn 4 cơ động từ nam Suối Kiết trở về Tầm Bó chống địch càn quét, đứng vào lúc quân Mỹ mở cuộc càn vào vùng căn cứ của tỉnh. Trung đoàn 4 với thế bố trí trước đã chủ động đánh địch suốt một ngày (10-4-1966), tiêu diệt 1 Tiểu đoàn quân Mỹ thuộc lữ đoàn 199, loại khỏi vòng chiến đấu trên 300 tên địch, thu 40 súng các loại (4 đại liên, 14 trung liên), và nhiều trang bị của địch.

Cũng trên địa bàn Bà Rịa, ngày 6-5-1966, Lữ đoàn 2 thuộc sư đoàn 1 Mỹ cùng 1 tiểu đoàn Úc, đại đội pháo Tân Tây Lan mở cuộc càn Hardi Hooh vào vùng giải phóng của ta ở lộ 2 và Long Phước. Trên hướng lộ 2, các đội du kích cao su và bộ đội địa phương huyện Châu Đức dùng mìn, lựu đạn gài đánh địch, đồng thời tổ chức nhiều mũi tập kích vào các cụm quân Mỹ gây cho chúng nhiều thiệt hại. Tại Long Phước, tiểu đoàn 445 và bộ đội địa phương huyện lợi dụng địa đạo, sử dụng mìn gài gây nhiều thương vong cho quân Mỹ, hạn chế và ngăn chặn cuộc càn của địch. Trong

cuộc chống càn, ta loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên Mỹ, bắn hạ 45 máy bay, bắn cháy 6 xe quân sự (có 4 M113).

Ngày 29-5-1966, Trung đoàn Hoàng gia Úc được Mỹ bố trí về xây dựng căn cứ ở Núi Đất, trực tiếp làm nhiệm vụ tìm diệt ở Bà Rịa. Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân khu và Tỉnh ủy Bà Rịa, sư đoàn 5 đã kết hợp tiểu đoàn 445 của tỉnh tổ chức trận đánh quân Úc vừa đặt chân đến.

Ngày 18-8-1966, một bộ phận sư đoàn 5 cùng tiểu đoàn 445 phục kích và đánh chặn viện quân Úc tại Long Tân. Trận đầu ra quân ta diệt 1 trung đội quân Úc. Đây là số lính Úc chết đầu tiên trong chiến tranh xâm lược ở miền Nam. Trận đánh gây tiếng vang lớn, cổ vũ tinh thần quân dân tỉnh Bà Rịa trong kháng chiến¹

Tại Biên Hòa, để phối hợp với chiến trường chung, Bộ Tư lệnh Quân khu miền Đông chỉ đạo cho đặc công U1 bằng mọi cách phải đánh vào tổng kho Long Bình, sân bay Biên Hòa để phối hợp với chiến trường chung. Đây là một nhiệm vụ quan trọng và khó khăn, vì lúc này địch đã bố trí lại cách phòng thủ trong sân bay. Ngoài tiểu đoàn 57 bảo an và lữ đoàn dù 173 Mỹ bảo vệ vòng ngoài, sân bay còn có 5 lớp rào đôi bằng kẽm gai, 2 hàng rào “carô”, ở giữa là các bãi mìn gài đủ loại. Các ụ chứa máy bay (mỗi ụ chứa 6 chiếc) có đèn pha sáng rực xung quanh. Từ ngoài nhìn vào không thể thấy các ụ.

Ngày 28-2-1966, 33 khẩu ĐKB trung đoàn 75 (Miền) và hai khẩu pháo 75 tinh đội U1, bắn hàng trăm quả đạn pháo vào sân bay. Thị xã Biên Hòa bị chấn động mạnh bởi những tiếng nổ liên tục từ trong sân bay. 125 máy bay các loại bị thiệt hại; hàng trăm tên sĩ quan và giặc lái Mỹ - ngụy bị đèn tội. Đường băng sân bay bị hỏng nặng, mãi đến 5 ngày sau máy bay mới cất cánh được.

Chiến thắng sân bay Biên Hòa lần thứ 3, một lần nữa khẳng định rằng mặc dù đế quốc Mỹ mở rộng vành đai bảo vệ sân bay và bố phòng chặt chẽ, lực lượng ta bám trụ bằng mọi cách vẫn đột nhập đánh được, gây thiệt hại nặng nề cho địch. Sau trận đánh, 1 tiểu đoàn pháo của trung đoàn 75 pháo binh Miền đưa về phối hợp với đặc công Biên Hòa chuyên trách đánh sân bay. Vành đai “diệt Mỹ” và đánh phá phương tiện chiến tranh của địch ở sân bay Biên Hòa được ta tăng cường thêm.

¹ Để kỷ niệm những người lính Úc chết ở Long Tân, ngày 18-8-1968, Úc đã dựng cây thập giá ở Long Tân và lấy ngày 18-8 làm ngày kỉ niệm của Cựu chiến binh Úc.

Về đấu tranh chính trị, tại nhà máy Cogido, Tỉnh ủy chỉ đạo đấu tranh với khẩu hiệu đình công chiếm xưởng. Ngày 1-5-1966, Tỉnh ủy trao trách nhiệm cho đồng chí Năm Trung, đảng viên làm trong nhà máy, trực tiếp chỉ đạo thành lập Ban chỉ đạo đấu tranh gồm 25 người.

Những yêu sách thiết thực của công nhân không được giải quyết, ngày 16-6-1966, ta chỉ đạo cho cơ sở trong nghiệp đoàn lãnh đạo toàn thể 700 công nhân của nhà máy Cogido đình công chiếm xưởng. Các tiểu ban phục vụ cho cuộc đấu tranh đã nhanh chóng triển khai hoạt động theo sự phân công ban đầu. Ban thông tin đối ngoại cho in hàng ngàn truyền đơn, khẩu hiệu kêu gọi công nhân các nhà máy trong khu kỹ nghệ Biên Hòa và Sài Gòn ủng hộ cuộc đấu tranh. 7 giờ sáng (16-6), chủ nhà máy cùng với tên tinh trưởng Biên Hòa đến nhà máy, có một đại đội cảnh sát và xe vòi rồng hộ tống. Cuộc điều đình giữa ban chỉ đạo đấu tranh với chủ hãng diễn ra tại sân nhà máy. Chủ nhà máy không chấp nhận yêu sách của công nhân mà còn đe dọa công nhân phải bồi thường nếu tài sản, nguyên vật liệu của nhà máy bị hư hao mất mát.

Tiểu ban thông tin thông báo tình hình diễn biến của cuộc đấu tranh rất kịp thời. Gia đình của công nhân đã mang cơm nước đến tiếp tế tận nhà máy. Không khí đấu tranh càng nhộn nhịp, khởi sắc hơn khi đại diện của 20 nhà máy trong khu kỹ nghệ đã trực tiếp đến động viên và ủng hộ lương thực, thuốc men cho công nhân Cogido. Công nhân nhiều nhà máy ở Dĩ An, Sài Gòn cũng cử đại diện đến động viên và giúp đỡ cụ thể cho cuộc đấu tranh. Trong những ngày đình công chiếm xưởng, hàng đêm, Tiểu ban thông tin tổ chức các cuộc văn nghệ tại sân nhà máy, cổ vũ khí thế của cuộc đấu tranh, động viên quyết tâm của toàn thể công nhân kiên trì đấu tranh cho đến khi giành được thắng lợi.

Ty cảnh sát Biên Hòa đưa 2 đại đội cảnh sát có xe vòi rồng đi theo để đàn áp cuộc đấu tranh. Bằng lý lẽ khôn ngoan và hợp lý, hợp tình, Ban đại diện công nhân đã ngăn chặn không cho bọn cảnh sát vào được cổng nhà máy. Sau đó, Ban chỉ đạo cử 3 đại diện công nhân là: Hồ Văn Tâm, Mai Thùy Giang, Lê Thành Đang lên Tòa hành chính tỉnh Biên Hòa để thương lượng với chủ nhà máy và ngụy quyền tỉnh.

Do thái độ ngạo mạn của chủ nhà máy, nên cuộc đình công của công nhân Cogido kéo dài nhiều ngày. Các tờ báo tiến bộ ở Sài Gòn liên tục đưa tin, bài lên tiếng ủng hộ, đã gây tiếng vang lớn làm xúc động tình cảm trong các tầng lớp nhân dân tại Biên Hòa và Sài Gòn.

Sáng 23-6, tên Nguyễn Ngọc Loan (tổng giám đốc cảnh sát ngụy) và Trần Văn Hai (đại tá tinh trưởng Biên Hòa) cùng thanh tra lao động tỉnh cũng đến nhà máy để

“dàn xếp” cuộc đấu tranh. Với tinh thần đoàn kết và bền bỉ đấu tranh, có sự lãnh đạo chặt chẽ của Khu ủy, đảng viên mật hoạt động công khai (công nhân) tại nhà máy bảm sát diễn biến cuộc đấu tranh, trực tiếp hướng dẫn cốt cán điều khiển cuộc đấu tranh đúng theo chỉ đạo; lý lẽ đấu tranh, yêu cầu đấu tranh, khẩu hiệu yêu sách đấu tranh rất đúng mức nên buộc chủ xí nghiệp phải giải quyết. Cuộc đấu tranh chiếm xưởng dài ngày, địch tuy đàn áp quyết liệt nhưng không giải tán được. Đây là cuộc đấu tranh đầu tiên có quy mô ở khu kỹ nghệ Biên Hòa được sự đồng tình và ủng hộ của lực lượng công nhân các hãng xưởng Thủ Đức, Sài Gòn. Trong cuộc đấu tranh, công nhân đã biết tranh thủ binh sĩ địch, hạn chế được sự đàn áp. Hầu hết các yêu sách của công nhân đều được bọn chủ hãng giải quyết. Qua đấu tranh tỉnh ủy U1 (Biên Hòa) rút được nhiều kinh nghiệm chỉ đạo chung. Học tập gương đấu tranh ở Cogido, hơn 10 nghiệp đoàn các nhà máy trong khu kỹ nghệ Biên Hòa đã tiến hành đấu tranh đòi cải thiện đời sống công nhân và đều giành được thắng lợi.

Để phối hợp và hỗ trợ phong trào đấu tranh của công nhân, Tỉnh đội U1 quyết định tấn công vào tổng kho Long Bình. Đêm 22-6-1966, sáu chiến sĩ đặc công Nguyễn Tấn Vàng (mũi trưởng), Nguyễn Văn Thái (mũi phó), Bùi Văn Hòa, Trịnh Văn Thoàng, Phạm Văn Hóa, Nguyễn Văn Rô, vượt qua 3 lớp rào bùm nhùng, chia làm ba tổ đặt mìn vào các kho, cách một kho đặt 1 quả. 21 giờ, khi đơn vị trên đường rút về căn cứ, thì mìn hẹn giờ phát nổ. Tiếng nổ liên tục gây chấn động cả thị xã Biên Hòa, Sài Gòn. Lửa và khói trong tổng kho Long Bình bốc cao thành hình những chiếc nấm khổng lồ trên bầu trời. 40.000 quả đạn pháo các loại bị nổ tung, nhiều sĩ quan, binh lính kỹ thuật, bảo vệ kho Long Bình bỏ mạng.

Đại đội 2 đặc công U1 được Bộ Tư lệnh Miền tặng thưởng Huân chương quân công hạng 3; 4 chiến sĩ được thưởng Huân chương chiến công. Trận đánh vào tổng kho Long Bình đã đạt được 2 mục tiêu: Diệt 1 khối lượng lớn phương tiện chiến tranh của Mỹ, hỗ trợ tích cực cho chiến trường toàn Miền; đồng thời cổ vũ tinh thần nhân dân thị xã Biên Hòa, đặc biệt là công nhân nhà máy giấy Cogido đang trực tiếp đấu tranh với chủ tư bản.

Từ khi Mỹ đổ quân vào trực tiếp xâm lược miền Nam, nhu cầu tăng cường phương tiện chiến tranh vào miền Nam rất lớn. Sông Lòng Tàu, Thị Vải trở thành đường giao thông thủy huyết mạch đối với địch, đồng thời là mục tiêu đánh phá rất quan trọng các phương tiện chiến tranh trên đường vận chuyển vào phục vụ cuộc chiến tranh xâm lược.

Ngày 16-4-1966, Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền quyết định thành lập Đặc khu Rừng Sác (T10, sau đổi thành Đoàn 10). Bộ Tư lệnh Miền quyết

định đồng chí Lương Văn Nho (Hai Nhã), Tư lệnh đoàn pháo binh Miền, làm Tư lệnh kiêm Chính ủy Đặc khu; đồng chí Trần Việt Hoa (Mười Thà) Tỉnh đội phó Bà Rịa, làm Phó Tư lệnh; Trần Mân làm Phó Tư lệnh. Đến tháng 6-1966, đồng chí Mười Thà thay đồng chí Hai Nhã làm Tư lệnh. Quân số đầu tiên của Đoàn 10 là 614 cán bộ, chiến sĩ (trong đó có 158 đảng viên), trên địa bàn gồm 10 xã và 2 vạn dân.

Nhiệm vụ chính của Đoàn 10 là đảm nhiệm đánh tàu quân sự của Mỹ vận chuyển từ cửa biển; tấn công các mục tiêu quân sự như bến cảng, tàu thuyền dịch di chuyển trên lòng sông Lòng Tàu, neo đậu trong các cảng quân sự; tấn công các kho tàng quân sự của địch như Thành Tuy Hạ, cảng Nhà Bè, Cát Lái...; phối hợp với lực lượng địa phương phát triển phong trào chiến tranh nhân dân, bảo vệ hành lang vận chuyển chiến lược của cách mạng. Việc thành lập Đặc khu Rừng Sác (Đoàn 10) thể hiện tính chất quan trọng của khu vực miền Đông.

Trên cửa ngõ phía tây Sài Gòn, quân Mỹ mở cuộc càn Marôdo của lữ đoàn dù 173 vào các xã của huyện Đức Huệ, Đức Hòa. Trong những ngày mở đầu cuộc càn, quân Mỹ đã được lực lượng vũ trang Long An phục kích chặn đánh làm bị thương trên 100 tên, 17 trực thăng, 5 xe M113. Tiếp đến, lữ đoàn 1, lữ đoàn 3, tiểu đoàn cơ giới sư đoàn 25 “Tia chớp nhiệt đới” Mỹ tập trung đánh khu vực bắc Long An, cùng lữ đoàn 173 chà xát từ trung tâm Bà Trai – Đức Lập sang Bến Lức, Vườn Thơm – Bà Vụ tiến đánh Đức Hòa, Đức Huệ. Từ đợt năm sáu ngày với số quân 12.000 tên quân Mỹ và chur hầu đã càn vào vùng đất trên 40.000 dân, cho đến kết thúc cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (30-5-1966), quân Mỹ đã bị lực lượng ta chặn đánh, loại khỏi vòng chiến đấu 1.900 tên, 8 trực thăng, 7 xe M113.

Trên đất miền Đông, ngoài những căn cứ hậu cần khổng lồ như Tổng kho Long Bình, quân Mỹ còn xây dựng các hậu cứ, căn cứ chỉ huy như Lai Khê, Phước Vĩnh,... để xuất phát các cuộc càn quét. Đối phó với những hoạt động chiếm đóng của quân Mỹ, quân dân miền Đông phát triển rộng khắp chiến tranh nhân dân, bao bó địch, hạn chế các cuộc càn quét. Tiêu biểu cho phong trào này là vành đai diệt Mỹ ở Trảng Lớn (Tây Ninh).

Trong đấu tranh quân sự, cùng thi đua với nam giới, các nữ du kích chiến đấu rất ngoan cường. Ở Tây Ninh có chị Tư Thanh là dũng sĩ diệt Mỹ đầu tiên, làm ngòi pháo cho phong trào giành danh hiệu “Dũng sĩ diệt Mỹ”. Sau chị Tư Thanh là hàng loạt nữ và nam dũng sĩ diệt Mỹ. Nổi bật là chị Út Còi (Phan Thị Còi), bắn phát nào trúng phát nấy, làm cho bọn lính ngụy khiếp sợ, đến mức chúng hay thề thốt với nhau: “Tao mà nói gian thì tao ăn đạn của bà Còi”. Chị Trần Thị Sanh diệt nhiều ác ôn ở

Thanh Đức (Gò Dầu), được đề bạt làm Huyện đội phó Gò Dầu và được tuyên dương Anh hùng.

Những năm tháng kiên cường bám trụ đánh Mỹ đã chứng tỏ tinh thần quyết tâm đánh Mỹ của quân dân huyện Châu Thành (Tây Ninh). Đế quốc Mỹ dùng mọi phương tiện chiến tranh hiện đại gây khó khăn cho các chiến sĩ ở “vành đai”, nhưng với lòng căm thù giặc sâu sắc du kích và bộ đội huyện đã khắc phục khó khăn, tìm phương cách đánh Mỹ đầy sáng tạo, dũng cảm, gây cho địch nhiều thất bại nặng nề, góp phần chia lửa cho chiến trường chung. Đồng chí Bùi Văn Thuyên đã lập thành tích xuất sắc trên vành đai diệt Mỹ, sau được Bộ Tư lệnh Miền tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang quân giải phóng (20-9-1971). Ngoài ra, lực lượng tại chỗ cũng tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực tấn công căn cứ Trảng Lớn, có trận đánh của du kích phối hợp đội pháo binh nữ làm chết và bị thương 200 tên Mỹ. Trong chiến công chung, đội nữ pháo binh Châu Thành đã lập được những thành tích xuất sắc, bắn hàng trăm quả pháo vào căn cứ Trảng Lớn, gây cho giặc Mỹ nhiều thiệt hại về người và phương tiện chiến tranh.

Từ tháng 4 đến tháng 6-1966, trên chiến trường Tây Ninh, Mỹ ngụy mở cuộc hành quân “Birmingham” đánh vào Chiến khu Dương Minh Châu với lực lượng 173 dù, 2 lữ đoàn thuộc sư đoàn 1 “Anh cả đỏ” càn quét Tà Păng, Lò Gò, Bàu Cỏ, Sóc Ky đến suối Ông Hùng, Bến Củi.

Ngày 26-4-1966, quân Mỹ dùng “Thiết xa vận” từ Bến Súc vượt sông Sài Gòn càn vào Lộc Thuận (Lộc Hưng – Trảng Bàn), lực lượng du kích phối hợp với tiểu đoàn 14 của tỉnh phục kích đánh thiệt hại đội hình “thiết xa vận”, làm cuộc càn chững lại.

Ngày 15-5-1966, Mỹ lại tiếp tục mở cuộc càn trên 2 hướng: hướng đông từ Trảng Bàn lên Bời Lời đến Dương Minh Châu; hướng tây cặp biên giới từ Bến Cầu lên Tà Păng, Lò Gò, Sóc Ky, Bàu Cỏ. Hai hướng này gặp nhau tại lộ 4 Bàu Cỏ, bị lực lượng ta bố trí sẵn, diệt hàng trăm tên Mỹ. Cuộc hành quân vào Chiến khu Dương Minh Châu bị thất bại. Cùng với những thất bại liên tiếp trên chiến trường miền Đông Nam Bộ đã buộc quân Mỹ phải kết thúc cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất sớm hơn 1 tháng.

Ở khu vực Rừng Sác nổi bật lên phong trào du kích chiến tranh diệt Mỹ của quân và dân xã Phước An. Quân dân trong xã đào được 3 km địa đạo, và thường xuyên bám các ụ chiến đấu của địa đạo đánh lùi nhiều trận càn của địch, nhân dân tiếp tế cơm nước bảo đảm cho lực lượng bám địa đạo đánh địch dài ngày. Du kích Phú

Hội, Phước An (Nhơn Trạch – Biên Hòa) bám trụ chiến đấu, ngoài chống càn còn bao vây bắn tỉa, cắt đứt lộ 17, 19 (khu lòng chảo Nhơn Trạch), bức rút bót Phú Hội, Phước An, giải phóng 3 xã Phú Hội, Phú Mỹ, Phước An năm 1966. Tại khu rừng lồm Tam An, Tam Phước sát lộ 15, huyện Long Thành và các lực lượng vũ trang địa phương tồn tại trong lòng dân và địa đạo. Ở đây sông nước chằng chịt nam nữ du kích kiên cường bám trụ chiến đấu, không một ai chùn bước.

Tại tỉnh Bà Rịa, phong trào du kích chiến tranh phát triển rất mạnh. Vùng Hòa Long, Long Phước chi bộ đảng lãnh đạo nhân dân và du kích đã đào địa đạo để bộ đội tỉnh (D445) bám trụ đánh địch càn quét. Phong trào du kích chiến tranh ở vùng chung quanh căn cứ núi Minh Đạm, mặc dù bị đánh bom B52 liên tục, nhưng Huyện ủy, Huyện đội Long Đất và các bộ các ngành vẫn liên tục bám trụ đánh địch.

Kết hợp với đấu tranh quân sự, phong trào đấu tranh chính trị, binh vận tuy chưa tương xứng với mũi đấu tranh quân sự nhưng cũng đạt nhiều thắng lợi, tạo ra khí thế mới trong đấu tranh trực tiếp với quân Mỹ. Khu ủy chỉ đạo Ban Binh vận phải giáo dục quần chúng vận động binh lính Mỹ và chư hầu; viết khẩu hiệu bằng tiếng Anh: “Người Việt Nam không sang nước Mỹ, không giết người Mỹ, tại sao người Mỹ sang Việt Nam, giết người Việt Nam”. Với lính ngụy thì viết khẩu hiệu: “Mỹ thua về nước, ngụy thua đi đâu?”, “Tại sao người Việt lại giết người Việt?”. Với binh lính Thái Lan, công nhân Bình Sơn đã tranh thủ bọn lính không khùng bỏ công nhân, nhân dân, không xét hỏi khi công nhân mua gạo, hàng hóa tiếp tế cho cách mạng. Nhiều binh lính Mỹ đã phản chiến, binh lính ngụy đã bỏ súng về nhà.

Về đấu tranh chính trị, đồng bào đã liên tục đấu tranh chống ném bom, bắn pháo, chống càn quét gom dân, đòi bồi thường những thiệt hại do địch gây ra. Ở Thủ Dầu Một, Long An, Biên Hòa, Tây Ninh, Bà Rịa – Long Khánh, đồng bào đã giang tay chặn đầu xe tăng không cho chúng càn vào ruộng rẫy phá hoại hoa màu, không sợ chết quyết tâm bảo vệ hàng rào chiến đấu. Khi Mỹ đổ quân xông vào nhà bắt thanh niên đi lính thì chị em giằng co với Mỹ giành lại từng người. Công nhân cao su ở Lai Khê, Dầu Tiếng, công nhân nhà máy giấy Cogido (Biên Hòa) đấu tranh chống sa thải công nhân, chống bắt lính, đòi tăng lương, tố cáo tội ác và vạch trần bộ mặt xâm lược của đế quốc Mỹ. Ở vùng Tòa Thánh (Tây Ninh), quần chúng tin đồ đạo Cao Đài đã đấu tranh bằng lời lẽ đã chặn được một tiểu đoàn ngụy không cho chúng càn quét đốt nhà đồng bào.

Trong cuộc đối đầu trực tiếp với quân viễn chinh Mỹ và chư hầu, thanh niên là lực lượng xung kích, có mặt trên các mặt trận. Theo sự chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam, từ tháng 6-1965, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn Thanh niên Nhân dân

cách mạng đã ra quyết định thành lập Tổng đội Thanh niên xung phong giải phóng miền Nam. Đồng thời rút các đội Thanh niên xung phong ở các tỉnh về biên chế vào Tổng đội, như: Đội Hoàng Lê Kha I (Tây Ninh), đội Bình Giã chiến thắng (Bà Rịa), đội Phú Lợi căm thù (Thủ Dầu Một), đội Hiệp Hòa anh hùng (Long An)... Đội Hoàng Lê Kha I được chính thức ra quân tại căn cứ Long Nguyên (Bến Cát, Thủ Dầu Một) ngày 23-11-1965 nhân kỷ niệm ngày Nam Kỳ Khởi Nghĩa nên đơn vị mang phiên hiệu 2311.

Trong chiến đấu, Thanh niên xung phong có 2 nhiệm vụ tải đạn, tải thương và chiến lợi phẩm. Trước khi trận đánh nổ ra, đội phải tải đủ cơ số đạn cho trận chiến đấu từ kho hậu cần về nơi đóng quân. Khi hành quân đi chiến đấu, Thanh niên xung phong là kho đạn lưu động cho pháo binh và cao xạ. Trong quá trình vận chuyển, năng suất mang tải của đơn vị không ngừng được nâng cao. Buổi đầu, mỗi đội viên chỉ tải được từ 15 đến 20 kg, vài tháng sau nâng lên 30 đến 40 kg, đột xuất có đội viên tải đến 45 đến 50kg đi liên tục trong nhiều ngày cùng với trang bị của cá nhân.

Đơn vị 2311 được Tổng đội giao cho hoạt động độc lập, trực tiếp nhận nhiệm vụ phục vụ cho Trung đoàn 3 (Đoàn Lộc Ninh của sư đoàn 9) qua 2 mùa khô 1965-1966, 1966-1967 trên các chiến trường Tây Ninh, Bình Long, Phước Long, Thủ Dầu Một và Chiến khu Đ. Quá trình phục vụ chiến đấu là quá trình giáo dục, rèn luyện, xây dựng, đơn vị 2311 đã có nhiều thành tích xuất sắc trở thành đơn vị vững mạnh, đơn vị lá cờ đầu của toàn lực lượng xứng đáng với truyền thống “Phục vụ quên mình, anh dũng xung phong, lập công vẻ vang” và khẩu hiệu hành động “Không tiền tuyến, không hậu phương, đâu Đảng cần đó là tiền tuyến”.

Vùng cao su miền Đông Nam bộ có vị trí hết sức quan trọng. Những đồn điền này hình thành thế bao bọc Sài Gòn, sát các thị xã Biên Hòa, Bà Rịa, Vũng Tàu, các chốt Mỹ ở Lai Khê, Dầu Tiếng, Suối Râm, Nước Trong, Phước Vĩnh, Quán Lợi; có các trục đường giao thông chiến lược số 1, 13, 15 và liên tỉnh lộ 2 Bà Rịa - Long Khánh, lộ 26 Bình Dương, Tây Ninh, đường 14 Bình Long, Phước Long dọc biên giới Việt Nam - Campuchia và vùng căn cứ rộng lớn của ta. Đây cũng là địa bàn căn cứ hậu cần, có nguồn nhân lực dồi dào, cung cấp sức của cho cách mạng; nơi đứng chân hoạt động của các đơn vị bộ đội chủ lực Miền như sư đoàn 5, sư đoàn 7, sư đoàn 9. Vì vậy, Mỹ ngụy chọn vùng đồn điền cao su là trọng điểm tìm diệt và bình định.

Tháng 7 năm 1965, Khu ủy miền Đông tổ chức Hội nghị chuyên đề về đồn điền cao su, có đoàn cán bộ Ban công vận Miền do đồng chí Trần Việt Trung (Tur Trung) phụ trách tham dự. Hội nghị xác định: Miền Đông có những vùng cao su giải phóng hoàn toàn và đang mở ra, vùng cao su địch tạm chiếm thì áp chiến lược và bộ máy

kìm kẹp đang lỏng rãi, ta có cơ sở cách mạng, chỉ còn một số đồn điền cao su ở Long Khánh, Biên Hòa là vùng trắng. Thực tế tình hình phong trào công nhân cao su các đồn điền phát triển tốt, phong trào công nhân đồn điền càng mạnh, vùng giải phóng càng rộng có tác dụng củng cố vùng căn cứ, góp nhân tài vật lực cho kháng chiến (70% chi phí của Khu ủy miền Đông là do các đồn điền cao su cung cấp)¹.

Kinh nghiệm ở Dầu Tiếng, Lai Khê (Bình Dương), Bình Ba, Xuân Sơn (Bà Rịa), Cây Gáo (Long Khánh), Brê Ling (Lộc Ninh), Bình Linh, Bến Củi, Cầu Khởi (Tây Ninh), cho thấy ở những đồn điền giải phóng, ta vẫn giữ được kinh doanh, khai thác bình thường, tranh thủ được quyền lợi công nhân, phục vụ lợi ích cách mạng. Hội nghị xác định nhiệm vụ công tác đồn điền là: Lợi dụng thời cơ, tranh thủ thời gian, phát động quần chúng nổi dậy với tinh thần đồng khởi phá thế kìm kẹp, phá áp chiến lược, giải phóng đồn điền, làm chủ về chính trị, đấu tranh nâng cao hơn nữa đời sống công nhân, ra sức xây dựng lực lượng chính trị và vũ trang, diệt ác phá kìm, đấu tranh 3 mũi vừa đấu tranh với địch, vừa có sách lược tranh thủ chủ tư bản để giữ dân, duy trì sản xuất, bảo vệ quyền lợi công nhân, góp phần giành 1 bước thắng lợi.

Trong chỉ đạo, Khu ủy, Ban Công vận miền Đông coi trọng hai tỉnh Bình Long và Long Khánh, vì nơi đây tập trung nhiều đồn điền, đông công nhân. Đồng thời Khu ủy miền Đông chọn đồn điền Dầu Tiếng làm điểm xây dựng đồn điền giải phóng để rút kinh nghiệm. Phương hướng hoạt động ở vùng cao su hai tỉnh này là tiến tới giải phóng các đồn điền, củng cố và mở rộng hơn nữa đối với 12 làng Dầu Tiếng, sở nghiên cứu Lai Khê, Bình Đa, Xuân Sơn, (Bà Rịa), một làng của Lộc Ninh, Quản Lợi, Xa Cát, Xa Cam, Xa Trạch.

Hệ thống tổ chức Công đoàn miền Đông được xây dựng tổ chức từ năm 1962, do đồng chí Lê Sắc Nghi làm Thư ký. Đến tháng 8 năm 1966, hệ thống tổ chức Công đoàn từ trên xuống dưới đã được củng cố và phát triển: Ban chấp hành Công đoàn khu miền Đông có 15 ủy viên, Ban chấp hành Công đoàn 3 tỉnh Bình Long, Long Khánh, Tây Ninh có 31 ủy viên. Về xây dựng Đảng, các đồn điền miền Đông có 38 chi bộ Đảng, 343 đảng viên (26 chi bộ lộ, 12 chi bộ mật). Về vũ trang, đến tháng 6 năm 1966, toàn vùng cao su miền Đông đã có 43 độ du kích làng, sở, mỗi đội từ 1 tổ đến 1 tiểu đội, 16 đội du kích đồn điền từ 1 tiểu đội đến 2 tiểu đội; 3 đội vũ trang tập trung đồn điền từ 1 đến 2 trung đội. Ngoài ra, 2 đồn điền Dầu Tiếng, Bình Sơn còn xây dựng được đội nữ pháo binh vừa tác chiến độc lập, vừa phối hợp với các lực lượng vũ

¹ Lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam (1906-1990), Nxb Trẻ, 1993, tr. 305.

trang khác hoạt động có hiệu quả. Đồn điền cao su Bình Sơn (Long Thành), Bền Củi (Tây Ninh) xây dựng được đội tự vệ thiếu niên từ 13 đến 16 tuổi làm nhiệm vụ trinh sát, giao liên, tiếp tế, bảo vệ cán bộ, diệt được quân Mỹ nguy, chur hầu. Đến cuối năm 1967, lực lượng vũ trang vùng đồn điền cao su đã phát triển lên 80 đội du kích làng, sở, đồn điền, mỗi đội từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội; 6 đội vũ trang tập trung từ 2 trung đội đến 1 đại đội, thêm đội biệt động ở Dầu Tiếng.

Phong trào đấu tranh vũ trang của công nhân cao su trong các năm 1965-1967 đã tiến lên 1 bước dài, chiến tranh du kích ở các đồn điền cao su phát triển ở mức cao. Công nhân cao su không những xây dựng được làng xã chiến đấu, mà còn thực hiện “tay dao tay súng”, cùng với lực lượng vũ trang địa phương, hình thành những vành đai diệt Mỹ quanh các căn cứ, các chốt, tích cực đánh địch hỗ trợ phong trào chung.

Tháng 6-1966, Khu ủy miền Đông mở Đại hội tổng kết phong trào đấu tranh chính trị toàn Miền gồm các tỉnh Tây Ninh, Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh, Bình Dương. Tại Hội nghị, các tỉnh báo cáo điển hình sự kiện đấu tranh chính trị. Nhiều mẹ, nhiều chị được tặng thưởng Huân chương giải phóng hạng 3, bằng khen, giấy khen như tỉnh Bà Rịa, Long Khánh có chị Hai Ký, má Bảy ở Long Phước; ở Xuân Lộc có má Năm Xuân; huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh có má Mười Giá, má Năm (xóm Bàu Mây, xã An Tịnh)...

Trên toàn chiến trường miền Đông, với thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, thực hiện chỉ thị của Trung ương Cục “Kéo địch ra khỏi hang ổ mà đánh, căng địch ra mà đánh, chen vào giữa địch mà đánh, luồn sâu vào hậu phương địch mà đánh”, quân dân miền Đông Nam bộ liên tục phản công và tiến công cả quân Mỹ, nguy và quân chur hầu, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, góp phần cùng với quân dân miền Nam đánh bại cuộc càn mùa khô lần thứ nhất (1965-1966).

Mùa khô 1965-1966 là cuộc thử sức có ý nghĩa chiến lược đối với ta cả địch. Ý tưởng đánh nhanh và giải quyết nhanh của Mỹ về cơ bản đã thất bại. Quân dân ta đã chủ động bố trí lực lượng đánh diệt nhiều quân Mỹ và giữ thế tiến công và quyền chủ động trên chiến trường.

III. LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG CUỘC PHẢN CÔNG CHIẾN LƯỢC MÙA KHÔ LẦN THỨ 2 CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1966-1967)

Sau thất bại trong cuộc phản công lần thứ nhất, đế quốc Mỹ lại tăng quân để tiếp tục “tìm diệt” chủ lực và cơ quan đầu não của ta ở miền Nam và leo thang đánh phá miền Bắc hòng ngăn chặn sự chi viện ở miền Bắc vào miền Nam. Đế quốc Mỹ mở tiếp tục cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ 2 (1966-1967) lần này, chúng tập trung toàn bộ ở miền Đông Nam bộ, trọng điểm là Tây Ninh. Từ biện pháp “tìm và diệt”, chúng chuyển sang “tìm diệt và bình định”, nhằm mục tiêu “tìm diệt” cơ quan lãnh đạo như Trung ương Cục miền Nam, Bộ chỉ huy Miền, Mặt trận Dân tộc giải phóng và các đơn vị chủ lực của ta, phá căn cứ kho tàng dự trữ của cuộc kháng chiến miền Nam. Nhiệm vụ “bình định” do quân nguy đảm nhiệm, quân Mỹ chỉ dùng một bộ phận yểm trợ.

Hướng chủ yếu của cuộc phản công mùa khô lần thứ 2 là miền Đông Nam bộ. Địch tập trung ở đây 40% quân trong tổng số quân Mỹ ở miền Nam (trong tổng số 395.000 tên), 4 sư đoàn nguy. Mục tiêu của chúng là giành thắng lợi quyết định vào giữa hoặc cuối năm 1967.

Đứng trước tình hình đó, ngày 17-7-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược. Hưởng ứng Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả 2 miền Nam Bắc quyết dồn sức đánh Mỹ và thắng Mỹ. Hậu phương lớn miền Bắc vừa chiến đấu, vừa sản xuất, ra sức tăng cường lực lượng mọi mặt cho miền Nam. Tháng 8-1966, Trung ương Cục và Quân ủy Miền triệu tập Hội nghị công tác chính trị các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam lần thứ 2. Hội nghị đã biểu dương 2 sư đoàn 9 và 5, bộ đội địa phương và dân quân du kích có nhiều tiến bộ trong xây dựng và chiến đấu như huyện Đức Hòa (Long An), Bến Cát (Thủ Dầu Một).

Sau chiến thắng mùa khô lần thứ nhất, quân dân miền Đông Nam bộ chuẩn bị khẩn trương về mọi mặt công tác để bước vào thế trận mới. Tuy nhiên, trong Quân khu miền Đông việc xây dựng thực lực vẫn chưa đủ mạnh so với yêu cầu. Bộ đội chủ lực có một nửa số đơn vị chiến đấu tốt, số khác có trang bị khá nhưng chiến đấu chưa tốt. Một số nơi du kích phát triển và chiến đấu giỏi, nhưng cũng có nơi còn lúng túng chiến đấu không được. Địch đang thực hiện âm mưu “bình định” nông thôn với những âm mưu thủ đoạn thâm độc, nhưng Quân khu miền Đông chưa có biện pháp thích ứng để chống địch, có phần coi nhẹ mặt phá ấp chiến lược và đánh bình định. Do đó, chưa có nội dung mới để chống chính sách bình định, lấn chiếm của địch một cách có hiệu quả.

Nắm ý đồ của địch, từ ngày 8-6 đến ngày 9-7-1966, Bộ Tư lệnh Miền quyết định mở Chiến dịch đường 13 Bình Long. Mở đầu Chiến dịch, quân dân Bình Long

tiến công cứ điểm quân sự ở đồi Đồng Long. Sau vài giờ chiến đấu, ta diệt gần 200 tên địch. Trên đà thắng lợi, những ngày kế tiếp ta mở nhiều đợt tiến công vào các đồn bót địch ở rải rác các nơi. Du kích đắp mô, lập chướng ngại vật phong tỏa đường 13 tạo điều kiện cho lực lượng ta tiến công tiêu diệt địch. Trong 10 ngày chiến đấu từ ngày 8 đến 18-6, trung đoàn 2 sư đoàn 9 diệt hơn 500 tên Mỹ, nguy trên đường hành quân giải tỏa đường 13, phá hủy hàng trăm xe cơ giới trong đó có 48 xe tăng, bắn hạ 8 máy bay. Trong những ngày kế tiếp của Chiến dịch, bộ đội địa phương, du kích phối hợp bộ đội chủ lực liên tục đánh địch trên đường 13, diệt hàng trăm tên Mỹ - nguy.

Cùng với hoạt động vũ trang, trong suốt chiến dịch, phong trào đấu tranh chính trị, binh vận, phá ấp chiến lược ở Bình Long phát triển đều khắp. Nhân dân nhiều lần nổi dậy phá banh ấp chiến lược để ra vùng giải phóng. Đồng bào dân tộc và công nhân cao su ở Xa Cô 2, Xa Cô 6, Xa Cô 28 đứng lên đấu tranh với địch đòi quyền dân sinh dân chủ. Kết thúc Chiến dịch đường 13 – Bình Long, ta loại khỏi vòng chiến đấu 2.500 tên Mỹ - nguy, phá hủy 130 xe tăng, xe bọc thép, bắn rơi 20 máy bay, phá banh, phá rã 11 ấp chiến lược, giải phóng gần 2 vạn dân.

Ở hướng đông nam Sài Gòn, Bộ Tư lệnh đặc khu Rừng Sác đã tập trung vào nhiệm vụ “chặn cổ sông Lòng Tàu” góp phần hạn chế hoạt động chuẩn bị phản công chiến lược mùa khô lần thứ 2 của địch. Trên sông Lòng Tàu hàng ngày có trên dưới 30 chiếc tàu vận chuyển hàng quân sự của địch từ 5 đến 10 nghìn tấn ra vào. Sau 1 tháng nghiên cứu và chuẩn bị trận địa, tháng 8-1966, đặc công Rừng Sác ra quân trận đầu với 2 trái thủy lôi, tại khúc quanh gần ngã 3 Vàm Cống. 8h sáng ngày 23-8-1966, chiếc tàu quân sự Baton Rugier Victory của Mỹ trúng thủy lôi sừng trạm bị nhấn chìm trên sông Lòng Tàu, mang theo 45 thủy thủ, 100 chiếc thiết giáp 113, 3 máy bay phản lực cùng một lượng lương thực lớn đủ cho một sư đoàn Mỹ ăn trong suốt một mùa khô. Đồng thời suốt 7 ngày sau đó, các Chiến sĩ đặc công Rừng Sác bám trụ đánh địch phản kích trên địa trận dài 30km, bắn cháy, chìm 8 tàu chiến nữa trong đó có 1 tàu 8.000 tấn. Sau chiến thắng, lực lượng đặc công Rừng Sác tiếp tục sáng tạo nhiều cách đánh mới như sử dụng thủy lôi thật và giả đan xen nghi binh, buộc tàu địch phải neo trên sông, làm mồi cho B40, cho pháo ĐK 75, dùng mìn tự tạo đánh chìm các tàu đổ bộ của địch...

Cùng với hoạt động trên khắp chiến trường, Bộ chỉ huy pháo binh Miền quyết định tổ chức một trận pháo kích mới vào sân bay Biên Hòa. Lực lượng huy động là pháo 75 tầm xa và súng cối được bố trí thành nhiều trận địa ở Tân Hòa, Tân Tịch, Hóc Bà Thúc, Bình Trị, Dĩ An, Suối Cạn, Tân Phong. Đúng giờ quy định, pháo ta bắn

chính xác vào khu vực máy bay trực chiến và khu vực chuyên viên Mỹ, phá hủy và làm hư hỏng nhiều máy bay, làm bị thương, bị chết nhiều nhân viên kỹ thuật Mỹ.

Sau hàng loạt các cuộc hành quân thăm dò, ngày 14-9-1966, quân Mỹ triển khai cuộc phản công chiến lược lần thứ 2, mở đầu bằng cuộc càn Áttenbô rô (Attelboro) với 30.000 quân Mỹ - ngụy đánh vào chiến khu Dương Minh Châu (Tây Ninh) nhằm tiêu diệt sư đoàn 9 chủ lực quân giải phóng và trung đoàn 16, đánh vào các khu vực Bà Nhã, Cầu Ngang, Bến Củi (khu vực Bời Lời), Bàu Đồn, Bàu Sen, Bàu Để, ven lộ 26, nam bắc lộ 13 đoạn Suối Đá, Chà Dơ, Cầu Lộc Ninh, Đồng Rùm, Tà Đạt, Bỏ Túc, Sóc Mới, Kà Ót, Kà Tum, Sóc Ky.

Bộ chỉ huy Miền quyết định sử dụng một bộ phận lực lượng chủ lực (sư đoàn 9, trung đoàn 16) cùng bộ đội địa phương và du kích Tây Ninh, Dầu Tiếng, du kích cơ quan, đơn vị bảo vệ căn cứ (ATK) mở chiến dịch phản công cuộc càn quét Áttenbô rô.

Trong 70 ngày (10-9 đến 23-11-1966) phản công cuộc hành quân này, quân dân miền Đông Nam Bộ diệt và làm bị thương 4.500 địch (có 1.700 Mỹ), bắn bị thương, phá hỏng 65 máy bay, bắn cháy nhiều tăng, thiết giáp. Đặc biệt trong 2 ngày (4, 5-11-1966) trung đoàn 16 và bộ đội địa phương Dương Minh Châu đã đánh thiệt hại nặng lữ 196 Mỹ. Tướng Mỹ Đờsốt xuya bị cách chức tại trận.

Chiến thắng cuộc càn Attenboro, quân dân ta khẳng định khả năng bảo vệ căn cứ rừng núi trước những cuộc tấn công lớn của Mỹ. Đối với đế quốc Mỹ, thất bại này đã làm tăng thêm sự ngờ vực trong nhân dân và Quốc hội Mỹ và đẩy lên phong trào trong nhân dân Mỹ yêu chuộng hòa bình chống chiến tranh Việt Nam.

Tháng 10-1966, Hội nghị tổng kết phong trào du kích chiến tranh toàn miền Nam lần thứ 3 được tổ chức, nhằm rút kinh nghiệm và phát huy mạnh mẽ hơn nữa sức tiến công của chiến tranh nhân dân địa phương, Hội nghị đánh giá tác dụng to lớn và chỉ rõ khả năng phát triển mạnh mẽ của phong trào du kích chiến tranh ở Miền Nam. Trên cơ sở đó, hội nghị chủ trương trong thời gian tới phải ra sức phát động quần chúng tham gia kháng chiến, chấn chỉnh tổ chức và tăng cường lực lượng du kích, tìm ra những hình thức tổ chức thích hợp để nhân dân tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu có hiệu quả cao. Hội nghị đã xác định nhiệm vụ của chiến tranh du kích trong giai đoạn hiện nay, phải tiếp tục phát triển tiến công mạnh mẽ, ra sức tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, đánh phá các đường giao thông để đưa địch vào thế bị bao vây, đánh sâu vào hậu phương địch, khoét sâu khó khăn về hậu cần, vận tải chúng, làm cho chúng không an toàn khắp nơi, buộc phải dàn mỏng lực lượng để đối phó, tạo điều kiện để cho bộ đội chủ lực tiến công tiêu diệt chúng mạnh mẽ hơn.

Kết hợp với chiến trường chung, khi quân Mỹ đánh vào căn cứ Dương Minh Châu, Khu ủy, Bộ Tư lệnh khu miền Đông đã chỉ đạo cho Tỉnh đội U1 (Biên Hòa) bố trí lực lượng đặc công bám sát, đánh liên tục vào Tổng kho Long Bình, hỗ trợ đặc lực cho chiến trường toàn Miền đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai. Ngày 14-10-1966, đồng chí Nguyễn Tấn Vàng chốt trường chốt 2 đặc công U1 nhận lệnh đánh cụm kho 50 trong tổng kho Long Bình để phối hợp với chiến trường chung, đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ 2 của Mỹ.

Đêm 26-10-1966, đại đội 2 đặc công đã bố trí 6 đồng chí: Nguyễn Tấn Vàng, Nguyễn Văn Thái, Bùi Văn Hòa, Trịnh Văn Toàn, Nguyễn Văn Hóa, Nguyễn Văn Rô, đột nhập vào kho Long Bình, đặt 8 quả mìn định giờ vào khu đồi kho 50¹, gồm 8 cụm chứa các loại đạn pháo, rôckét, bom... Kết quả: 8 kho bom đạn của Mỹ bị nổ tung; 125.000 quả đạn pháo, rôckét, bom bị phá hủy; 3 dãy nhà kho bị sập; nhiều tên lính Mỹ gác kho bị chết.

Bộ chỉ huy Miền điện biểu dương và tặng thưởng đơn vị Huân chương quân công hạng II. Từ thủ đô Hà Nội, luôn theo dõi quan tâm đến chiến trường miền Nam, Bác Hồ đã điện vào khen ngợi đại đội 2 đặc công đạt thành tích xuất sắc trong trận đánh kho Long Bình.

Để đối phó với ta, quân Mỹ cấp tốc xây dựng thêm hàng rào và các tua chốt phòng thủ xung quanh Tổng kho Long Bình, kể cả chó bécgiê và các phương tiện điện tử nhằm phát hiện người từ xa. Thế nhưng, địch vẫn không ngăn được hoạt động của những chiến sĩ đặc công Biên Hòa với quyết tâm thực hiện lệnh của Bộ chỉ huy Miền: “Phải đánh và đánh liên tục vào kho bom đạn Long Bình”.

Đêm 17-11-1966, đại đội 2 đặc công bố trí 6 chiến sĩ do đồng chí Nguyễn Văn Thái chỉ huy, đã vượt qua các hàng rào kiên cố và các chốt gác của Mỹ, lọt vào khu kho đồi 53. Khu này gồm nhiều dãy kho, mỗi dãy cách nhau 20 m. Các chiến sĩ ta cứ cách một kho đặt 1 quả mìn. 2 dãy kho lớn nhất được đặt 2 quả mìn hẹn giờ. Đúng giờ đã định (24 giờ), kho Long Bình phát nổ. Toàn bộ khu kho ở đồi 53 bị sụp đổ. 154.000 quả đạn pháo 105, 155, 175 ly bị nổ tung cùng một lúc, làm tan xác luôn cả trung đội lính Mỹ bảo vệ.

Đêm mừng 9 rạng mừng 10-12-1966, các chiến sĩ đặc công đại đội 2 gồm Nguyễn Tấn Vàng, Phan Văn Hóa, Bùi Văn Hòa, Nguyễn Văn Nở một lần nữa lại tiến

¹ Đại đội 2 đặc công U1 phải tìm bom lếp, cưa bom lấy thuốc nổ, mua đồng hồ chế thành kíp nổ hẹn giờ, chế tạo thành 8 khối nổ, mỗi khối 10 kg có kíp nổ hẹn giờ bằng đồng hồ nổ chậm.

công vào cao điểm 50 kho Long Bình (lần thứ 3 trong vòng 3 tháng). Hai dãy nhà kho với 74.600 quả đạn đại bác bị phá hủy.

Ba trận đánh liên tục vào Tổng kho Long Bình (Biên Hòa) đã thể hiện được tư tưởng quyết thắng, lòng yêu nước căm thù quân Mỹ, sự tài tình sáng tạo của đặc công Biên Hòa (U1), góp phần to lớn trong việc hạn chế sức mạnh hỏa lực của Mỹ, hỗ trợ đắc lực cho các chiến trường bạn ở miền Đông. Với ba trận tiến công liên tiếp vào Tổng kho Long Bình, đại đội 2 đặc công Biên Hòa được tặng thưởng 2 Huân chương quân công hạng nhì, một hạng 3, trở thành lá cờ đầu quân giải phóng miền Đông Nam Bộ trong nhiệm vụ đánh vào căn cứ, kho tàng của Mỹ.

Phối hợp nhịp nhàng với thắng lợi của đặc công bộ, trên hướng Rừng Sác, đặc công thủy, Đoàn 10 Rừng Sác đã tổ chức trận đánh vào nội đô Sài Gòn, đầu não của địch gây tiếng vang lớn. Được tin nguy quyền Sài Gòn tổ chức kỷ niệm ngày quốc khánh 1-11-1966, Đoàn 10 quyết tâm tổ chức trận địa pháo kích vào lễ đài của địch đặt phía sau nhà thờ Đức Bà ở trung tâm Sài Gòn. Kết hợp cùng biệt động Sài Gòn, Đoàn 10 đã đưa được khẩu đội pháo ĐK75 vào khu vực An Phú (Thủ Đức), cách lễ đài hơn 5.000 mét phối hợp cùng khẩu đội pháo ĐK75 của bộ đội địa phương Bình Tân đặt ở Nhà Bè.

6 giờ 30 phút sáng 1-11-1966, khi các quan chức cao cấp Mỹ nguy đến lễ đài, 24 phát đạn từ hai trận địa pháo bắn liên tục chính xác vào mục tiêu. Bọn địch hoảng loạn lo trốn chạy. Cuộc lễ nhằm phô trương sức mạnh của “quân lực Việt Nam Cộng Hòa” của Mỹ nguy bị phá tan. Hãng thông tấn AFP đưa tin: “Đây là một đòn lớn đánh vào các kế hoạch của chính phủ định phô trương ở thành phố” (chính quyền nguy); “cuộc pháo kích đã gây ra những cuộc hoảng sợ khủng khiếp, chứng tỏ rằng Việt cộng đã có thể mang vũ khí nặng vào thủ đô Nam Việt Nam”.

Cách đánh đặc công thủy của Đoàn 10 Rừng Sác sau này được phát huy, liên tục tấn công vào các bến cảng, kho xăng dầu của địch ở Nhà Bè giành thắng lợi vẻ vang, gây cho quân thù bao nỗi kinh hoàng.

Tháng 12-1966, theo sự chỉ đạo của Trung ương Cục, Khu ủy miền Đông quyết định ba tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa và Long Khánh sát nhập thành tỉnh Bà – Biên. Đồng chí Lê Đình Nhơn được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Đặng Hữu Thuần làm Tỉnh đội trưởng. Lực lượng vũ trang của tỉnh gồm 2 tiểu đoàn 445 và 240; bộ đội địa phương các huyện và du kích tiếp tục bám địa bàn đánh địch bình định. Đồng thời, tỉnh đội đã tổ chức “chốt” Suối Râm 40 chiến sĩ trinh sát đặc công, bám đánh căn cứ Suối Râm (lộ 2), căn cứ trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ. Trung đoàn 4 của Khu miền

Đông, trung đoàn 5 của Miền đứng chân hoạt động ở khu tam giác lộ 1, 2, 15, và lộ 20.

Trên chiến trường Long An, đế quốc Mỹ thường sử dụng gần 2 sư đoàn quân Mỹ, 1 sư đoàn quân ngụy đánh phá tuyến hành lang bao bọc phía tây và nam Sài Gòn kéo dài đến Vàm Cỏ Đông thuộc Đức Hòa, Đức Huệ xuống các xã Thạnh Lợi, Rau Răm của Bến Lức, Long Ngãi Thuận, Mỹ Lạc, Mỹ An Phú, Tân Đông thuộc Thủ Thừa kéo sang Long Cang, Long Định, Phước Vân, Long Hựu của Cần Đức và 8 xã giải phóng của hạ Cần Giuộc.

Cũng như các nơi, các căn cứ đóng quân của địch trên đất Long An đều nằm trong vòng vây của chiến tranh nhân dân. Quân Mỹ đóng ở Bình Tịnh và chợ Nhật Tảo bị du kích và nhân dân đánh bằng chông mìn, cạm bẫy ở Bến Lức; quân Mỹ đóng căn cứ tại Tân Long tung ra càn quét bị du kích đặt mìn ĐH 10 ở ven lộ Thanh Hà diệt 1 tiểu đội. Quân Mỹ đi càn ở Gò Xoài bị du kích bắn tỉa và lựu đạn gài, liên tục suốt 7 ngày có đến 70 tên chết và bị thương.

Sau thất bại của cuộc hành quân Áttenbôrô, Bộ chỉ huy quân viễn chinh Mỹ củng cố lực lượng, ổn định tinh thần quân đội và mở tiếp cuộc hành quân Xêđa Phôn (Cerdar Fall) đánh vào khu vực Bến Súc - Củ Chi - Bến Cát mà địch gọi là khu “Tam giác sắt” từ ngày 3 đến 26-1-1967 với lực lượng gồm 3 lữ đoàn Mỹ, 3 chiến đoàn ngụy, 400 xe quân sự, 100 khẩu pháo, 80 tàu xuồng chiến đấu và nhiều máy bay.

Trong cuộc càn quét này, quân Mỹ làm nhiệm vụ bao vây tiên diệt, đồng thời sử dụng các đơn vị kỹ thuật công binh hóa học triệt phá cây cối, nhà cửa, công sự, địa đạo. Quân ngụy làm nhiệm vụ gom dân và án ngữ những hướng phụ. Bộ binh, xe tăng cơ giới, máy bay lên thẳng và tàu thuyền đổ bộ thực hiện “dưới bao vây, trên bịt kín”. Lực lượng công binh hóa học huy động tới 900 tên, với nhiệm vụ chính là triệt phá hầm ngầm, đặc biệt là địa đạo Củ Chi.

So với các cuộc càn quét trước đây, cuộc hành quân Xêđa Phôn là một trận càn cực kỳ ác liệt và tàn bạo. Mỹ dùng máy bay B52 rải thảm bom và pháo bầy bắn liên tục, sử dụng 200 xe ủi san bằng 11 km² rừng, triệt hạ toàn bộ làng mạc, nhà cửa trong vùng càn quét (6.000 nhà bị san ủi, đốt cháy), một số cơ quan kháng chiến bị thiệt hại, 3.700 tấn lúa bị cướp, gần 1.000 người chết và bị thương, gần 15.000 người dân Bến Súc, Củ Chi bị gom.

Trước thử thách nặng nề, quân dân Bến Súc, Củ Chi, Bến Cát kiên cường bám trụ tích cực tấn công địch, diệt hàng trăm tên địch bằng mìn gài, hầm chông hố đinh và đạn bắn tỉa của bộ đội địa phương và du kích, buộc địch phải rút quân. Tại Thanh

An trung đoàn 2 sư đoàn 9 bí mật vượt sông Sài Gòn bất ngờ tập kích cụm dã chiến Mỹ gây thiệt hại 2 tiểu đoàn. Du kích Thanh An treo mìn trên cây đón đánh tàu giặc trên sông Sài Gòn. Đặc biệt các trận “địa đạo chiến” ở Củ Chi đã diễn ra vô cùng ác liệt. Qua nhiều ngày càn quét, địch báo cáo là đã phá hủy được 6 hệ thống đường ngầm, địa đạo khác nhau, tổng cộng chiều dài 9.445m, dù vậy con số này quá nhỏ so với gần 200 km địa đạo Củ Chi.

Sau hơn 20 ngày chiến đấu ác liệt, tuy ta có bị thương vong, mất mát nhiều nhưng địch vẫn không làm chủ được vùng đất kiên cường này, mà còn bị ta diệt và làm bị thương 3.000 tên, bắn rơi, phá hỏng 25 máy bay, 150 xe quân sự. Ngày 26-11-1967, Bộ chỉ huy quân sự Mỹ buộc phải chấm dứt cuộc hành quân.

Mặc dù bị thất bại nặng quân Mỹ tiếp tục mở những cuộc hành quân, càn quét, đánh sâu lên vùng Lò Gò, Cần Đăng bắc Tây Ninh sát biên giới Campuchia (2-2-1967), đánh vào vùng bắc Sài Gòn (4-2-1967), 30 máy bay trực thăng đổ xuống xã Phú An (Bến Cát) trúng ngay trận địa mìn gài của các du kích bố trí từ trước, hàng chục tên Mỹ chết và bị thương khi vừa chạm đất, 2 xe tăng trúng mìn. Được pháo và xe tăng yểm trợ, bộ binh Mỹ tiến quân càn quét xã Phú An. Du kích Phú An dựa vào ụ chiến đấu đánh Mỹ đến chiều, tiêu diệt nhiều tên.

Để chuẩn bị cho cuộc hành quân chủ yếu trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai đánh vào căn cứ bắc Tây Ninh mang tên Gianxon xiti (Junction City), đế quốc Mỹ đã triển khai lực lượng đóng chốt bao quanh căn cứ bắc Tây Ninh rải chất độc hóa học, liên tục oanh kích nhằm mở rộng khu vực sắp tấn công¹.

Từ ngày 22-2-1967 đến ngày 15-4-1967, quân Mỹ mở tiếp cuộc càn Gianxon xiti đánh vào khu căn cứ bắc Tây Ninh. Đây là trận càn chủ yếu trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai, cũng là cuộc càn lớn nhất nhiều tham vọng nhất của Mỹ từ khi đưa quân vào xâm lược nước ta. Mỹ tập trung 45.000 quân, 1.200 xe tăng

¹ Lữ đoàn 196 ở Trảng Lớn, lữ 3 sư đoàn 4 chốt ở Dầu Tiếng; lữ 2 sư đoàn 1 ở sân bay Quảng Lợi (Bình Long); tiểu đoàn 2 và 4 sư đoàn 5 ngự ở Chơn Thành, đổ quân đánh các vùng sâu trong vùng căn cứ như Sa Mát, Đồng Pan, Kà Tum, Bò Túc, Suối Bà Chiêm....Yếu khu biệt kích Minh Thạnh, trại biệt kích Suối Đa, Trảng Súp, Trại Bí, Mỏ Công được dùng làm bàn đạp xuất quân tấn công. Đồng thời tiến hành làm mới hoặc sửa chữa một số công trình như mở rộng các sân bay Trảng Lớn, Suối Đá, Dầu Tiếng, Minh Thạnh, Quảng Lợi, sửa chữa các lộ 19, 22, 26, xây dựng các kho dự trữ Trảng Lớn, Dầu Tiếng, Hớn Quán, Minh Thạnh.

và thiết giáp, 250 khẩu pháo, 600 máy bay chiến đấu và vận tải. Máy bay B52 ném bom hủy diệt từng vùng rộng để phục vụ cuộc càn quét¹.

Khu căn cứ Bắc Tây Ninh được gọi là căn cứ Khu B (địch gọi là Khu C) thuộc phần đất huyện Dương Minh Châu sau được tách ra thành huyện Tân Biên) nằm giữa hai sông Vàm Cỏ Đông (ở phía tây), và sông Sài Gòn (ở phía đông). Phía bắc và tây bắc giáp với Campuchia, phía nam giáp với liên tỉnh lộ 13. Diện tích toàn khu căn cứ khoảng 1.500 km². Trong những năm địch đánh phá gom dân ác liệt, dân số trong vùng căn cứ chỉ còn khoảng 800 người theo cách mạng ở rải rác dọc biên giới và sông Vàm Cỏ Đông trên khu vực xóm Giữa, Lò Gò, Tà Nốt một ít ở Kà Tum, Sóc Mới làm ruộng sinh sống và tham gia công tác dân công vận tải tiếp tế cho bộ đội. Còn vùng trung tâm căn cứ chỉ có nhân viên, cán bộ cơ quan, nhà trường, công xưởng, bệnh viện, kho tàng của Bộ Tư lệnh miền Nam và các ngành trực thuộc Trung ương Cục.

Nắm được ý đồ của địch, Trung ương Cục miền Nam và Bộ Tư lệnh Miền đã chỉ đạo xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân tại chỗ bằng cách tổ chức từng khu vực cơ quan đóng thành xã, huyện. Các cơ quan quân sự Miền hình thành 7 huyện đội, 6 cụm cơ quan dân, chính, Đảng thành 13 khu vực phòng thủ tương đương với 13 huyện trong căn cứ. Toàn bộ cán bộ nhân viên trong căn cứ tổ chức thành lực lượng vũ trang tại chỗ đánh càn theo khu vực được giao. Riêng lực lượng Tây Ninh, Trung ương Cục chỉ đạo bố trí trên vành đai phía sau, hình thành thế trận chiến tranh nhân dân khắp 3 vùng và 3 thứ quân².

Bộ chỉ huy Miền quyết định mở chiến dịch phản công bắc Tây Ninh, với lực lượng trên 10.000 quân chủ lực (chủ yếu là sư đoàn 9, trung đoàn 16, trong đó có 1 bộ

¹ Cuộc càn này, do tên trung tướng Gianna Thanximan (Tư lệnh dã chiến 2 của Mỹ) Trực tiếp chỉ huy. Mục tiêu của cuộc càn quét Gianxon xiti của Mỹ nhằm: Tiêu diệt cơ quan lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn Miền, tiêu diệt sư đoàn 9 chủ lực quân giải phóng và Đai phát thanh giải phóng; Bịt biên giới, triệt phá kho tàng, dự trữ hậu cần của ta; Chia cắt, lấn chiếm vùng căn cứ giáp biên giới Campuchia làm thành lá chắn bên ngoài bảo vệ cho quân nguy binh định khu vực vùng ven Sài Gòn – Gia Định và chung quanh các thị xã, thị trấn; Giành lấy 1 thắng lợi quân sự để tạo ra một bước ngoặt làm chuyển biến cục diện có lợi cho Mỹ.

² Về phương châm tác chiến, Bộ Tư lệnh Miền chỉ rõ:

- Du kích cơ quan, bộ đội địa phương và bộ đội bảo vệ căn cứ bám trụ đánh địch tại chỗ, giữ vững các xã ấp chiến đấu, nơi địch không đến thì bung ra tìm địch mà đánh, bám địch mà diệt, thực hiện tiêu hao, tiêu diệt rộng rãi, vừa chiến đấu vừa đảm bảo công tác phục vụ cho chiến đấu, bảo vệ an toàn cơ quan căn cứ, đánh lâu dài với địch.

- Bộ đội chủ lực thì tập trung, phân tán linh hoạt, sẵn sàng cơ động phối hợp hỗ trợ du kích cơ quan thực hiện đánh nhỏ, đánh vừa, tạo điều kiện và nắm thời cơ đánh những trận lớn, tiêu diệt được tiểu đoàn địch bằng phục kích và bẻ gãy những mũi nhọn hành quân của địch.

phận ở phía đông đường 13), 5.000 du kích cơ quan; hướng phối hợp trực tiếp gồm lực lượng địa phương các tỉnh Tây Ninh, Thủ Dầu Một.

Mục tiêu chiến dịch là đánh bại trận càn Gianxon xity, bẻ gãy gọng kìm tìm diệt, hỗ trợ đánh phá bình định tạo điều kiện giành thắng lợi có ý nghĩa quyết định trong năm 1967. Bộ chỉ huy Miền xác định phải chuẩn bị sẵn sàng, bám trụ vững chắc, thực hành tiến công kiên quyết, phản công mạnh mẽ liên tục, kết hợp ba thứ quân, đánh nhỏ, đánh vừa tạo điều kiện đánh lớn, đảm bảo đánh dài ngày, mạnh bạo nhưng chắc thắng, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, bảo vệ cơ quan và kho tàng trong căn cứ.

Nhiệm vụ tác chiến: Chủ lực làm nhiệm vụ cơ động, du kích, bộ đội địa phương và lực lượng bảo vệ căn cứ (ATK) bám đánh địch tại chỗ, nơi địch không đến thì bung ra tìm địch mà đánh, vừa chiến đấu vừa đảm bảo công tác phục vụ chiến đấu.

Cuộc hành quân Gianxon xity diễn ra từ ngày 22-2 đến ngày 15-4-1967 qua hai giai đoạn: Giai đoạn 1 (22-2 đến 17-3-1967) địch tiến công khu vực tỉnh lộ 4 đến quốc lộ 22. Giai đoạn 2 (từ 18-3 đến 15-4) lật cánh sang phía đông tỉnh lộ 4. Thủ đoạn của địch là bao vây kết hợp dùng lực lượng đột kích mạnh, xe tăng, biệt kích thọc sâu chia cắt, gọi là “bủa lưới phóng lao”.

Từ giai đoạn đầu, các lực lượng tại chỗ tỏ rõ khả năng bảo vệ căn cứ, thực hiện tốt các mũi bung ra, tổ chức các đội sẵn cơ giới, chủ lực có tiêu hao được địch, nhưng chưa tiêu diệt lớn, chưa thực hiện được trận then chốt, còn bỏ lỡ cơ hội tiêu diệt lớn.

Giai đoạn 2, ta phán đoán được địch sẽ lật cánh sang hướng đông, điều động lực lượng đúng. Địch bao vây khu vực căn cứ Khu B, kết hợp xe tăng, bộ binh đột kích và trực thăng đổ chụp đánh sâu. Lực lượng tại chỗ tiếp tục giữ quyền chủ động phản công diệt địch, bẻ gãy nhiều mũi đột kích của chúng. Bộ đội chủ lực tập trung thực hiện được trận quyết chiến Đồng Rùm, tập kích địch ở Bau Tư Viêt, tấn công cụm quân Mỹ ở Đồng Pan, hiệu suất tiêu diệt địch cao.

Sau hơn 50 ngày đêm, cuộc hành quân trên bộ lớn nhất của Mỹ trên chiến trường Việt Nam không đạt được mục tiêu nào đề ra, bị loạn gần một phần tư quân số, gần nửa máy bay lên thăng và pháo¹. Tướng chỉ huy Gionna Thanximan bị cách chức sau giai đoạn 1.

¹ Diệt gọn 2 tiểu đoàn, 11 đại đội bộ binh, 2 tiểu đoàn và 5 đại đội pháo binh, 9 chi đoàn xe tăng, thiết giáp gồm 992 xe bị phá hủy và hư hại; Đánh tiêu hao nặng 3 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn dù, 1 tiểu đoàn pháo binh; diệt và làm bị thương 14.233 tên Mỹ; 112 khẩu pháo; bắn rơi và phá hủy 160 máy bay (có 114 máy bay trực thăng). Riêng du kích, bộ đội địa phương diệt 6.619 tên địch, 434 xe (có 425 tăng, thiết giáp), 118 máy bay, 3 khẩu pháo.

Với quyết tâm đánh bại cuộc hành quân Gianxon xity (Junction City), vai trò địa phương được phát huy cao độ. Ta đã phát huy được sức mạnh của chiến tranh nhân dân với thế trận liên hoàn giữa lực lượng du kích xã và tự vệ cơ quan, giữa các ấp, xã và cụm chiến đấu trong vùng căn cứ. Từ đó, đã giành thế chủ động chiến trường không cho địch phát huy sức mạnh của binh khí kỹ thuật hiện đại và thất bại hoàn toàn.

Trong thế trận chung đó, huyện Tà Đạt là 1 trong 13 huyện căn cứ của khu căn cứ Bắc Tây Ninh¹ đã nổi lên như một pháo đài kiên cố, chiến đấu rất ngoan cường, làm thất bại các mũi tiến công của 6 lữ đoàn bộ binh, nhảy dù và đổ bộ trực thăng của Mỹ, bảo vệ được căn cứ kho tàng, đồng thời còn bảo đảm được công tác chuyên môn, thông tin liên lạc phục vụ cho chiến đấu.

Tại vành đai phía sau, lực lượng 3 thứ quân của Tây Ninh có phần đóng góp thích đáng vào chiến thắng chung. Ngoài việc tham gia diệt địch vận chuyển trên các trục lộ giao thông, bộ đội địa phương Tòa Thánh, du kích và nhân dân xã Trường Hòa đã diệt gọn đội bình định và đánh tan đại đội bảo an 276 trong ấp chiến lược này. Lực lượng huyện Dương Minh Châu được trên hỗ trợ diệt gọn đại đội bảo an ở Chà Là. Phong trào quần chúng trong và ngoài ấp chiến lược có cả gia đình binh sĩ ngụy tham gia, liên tục nổi dậy kết hợp với du kích diệt gọn từng tiểu đội trung đội dân vệ và đấu tranh chống phi pháo, chống càn quét diễn ra ác liệt ở các huyện Trảng Bàng, Gò Dầu, Châu Thành, Bến Cầu.

Chiến thắng của chiến dịch phản công đánh bại cuộc hành quân Gianxon xiti càng chứng tỏ sự đúng đắn của nghệ thuật lãnh đạo và chỉ huy của ta, của tư tưởng chỉ đạo và phương châm tác chiến kết hợp thế trận chiến tranh nhân dân với các binh đoàn chủ lực làm chủ căn cứ để tiêu diệt địch, làm thất bại chiến lược hai gọng kìm “tìm diệt và bình định”.

Đánh giá thắng lợi cuộc trận càn Gianxon xity, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Chính ủy Bộ Tư lệnh Miền nhận xét: “Cuộc hành quân Gianxon xiti là một cuộc hành quân lớn nhất của quân Mỹ vào vùng căn cứ Bắc Tây Ninh lại là cuộc hành quân thua đau nhất, là cái mốc đánh dấu đỉnh cao sự thất bại của chúng trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ 2 trong âm mưu tìm diệt của chúng”.

Đối với địch, thất bại của cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ 2 trên chiến trường trọng điểm Tây Ninh đã dẫn tới sự bẽ tắc về chiến lược của Mỹ. Từ

¹ Được thành lập tháng 6-1966 theo phương châm tác chiến phòng thủ bảo vệ căn cứ của Bộ chỉ huy Miền.

chiến lược tấn công chúng chuyển sang phòng ngự và ngày càng lún sâu vào thế bị động.

Chia lửa với hướng chính của chiến trường Bắc Tây Ninh, Khu ủy và Bộ Tư lệnh quân khu đã chỉ đạo các tỉnh miền Đông Nam Bộ tổ chức đánh hậu cứ, kho tàng địch, đánh phá bình định nông thôn, hỗ trợ có hiệu quả cho chiến trường Tây Ninh. Suốt mùa khô địch huy động tuyệt đại đội bộ phận các sư đoàn nguy kết hợp bảo an, dân vệ và các đoàn cán bộ bình định, liên tục mở các cuộc hàng quân dài ngày, mật độ cao (từ cấp tiểu đoàn trở lên, chiếm 40% tổng số các cuộc hành quân trên chiến trường) các cuộc hành quân lớn do nguy tiến hành có “Rạng Đông”, “An Dân”, “Chiến Thắng”, “Dân Tâm”.

Tại Long An, sau khi lữ đoàn 1 (sư đoàn 1) và sư đoàn 25 Mỹ đổ quân tăng cường cho chốt Rạch Kiến, hình thành tại đây một căn cứ quân sự lớn, để củng cố hệ thống phòng thủ tây nam Sài Gòn, cắt hành lang Rừng Sác với đồng bằng Sông Cửu Long. Huyện ủy Cần Đước lập vành đai diệt Mỹ ở Rạch Kiến với lực lượng tổng hợp bao gồm một bộ phận lực lượng vũ trang tập trung tỉnh, bộ đội địa phương huyện, dân quân du kích và lực lượng quần chúng hợp pháp có khả năng tiến công chính trị, binh vận. Tất cả 10 xã của huyện Cần Đước hình thành thế vành đai liên hoàn trên 3 tuyến: Tuyến 1 áp sát địch, gồm lực lượng du kích các xã Long Hòa, Tân Trạch, và hệ thống hầm chông, bẫy mìn, lựu đạn gài, trận địa bắn tia. Tuyến 2 ở giữa gồm các phân đội thuộc đơn vị tỉnh, huyện, có trận địa và có đường cơ động tránh hỏa lực tập trung của địch. Tuyến 3 ở vòng ngoài gồm lực lượng du kích xã, du kích mật kết hợp với nhân dân ngoài đồng trồng.

Trong 3 tháng đầu, vành đai diệt Mỹ loại khỏi vòng đai chiến đấu hàng trăm tên lính viễn chinh, diệt gọn 1 đại đội và 2 trung đội, bắn rơi 16 trực thăng, chiến thuật phân đội nhỏ thọc sâu của Mỹ bị quân dân vành đai đánh bại. Chúng chuyển sang dùng lực lượng lớn có cơ giới, quân dân vành đai Rạch Kiến đã chuyển hướng kịp thời: thêm mìn chống tăng, làm hầm, mương chống tăng. Các tổ, các cụm đánh xe tăng, đánh máy bay bố trí dày đặc ở các xã Tân Trạch, Long Hòa, Long Sơn, Phước Vân, Long Cang, Long Định. Một bà mẹ ở Rạch Kiến trinh sát, chọn trận địa cho du kích gài mìn. Cùng với mũi quân sự nhân dân kéo ra chốt Mỹ đấu tranh đòi địch chấm dứt ném bom, bắn pháo vào làng.

Tháng 5-1967, hai đại đội của lữ đoàn 1 (sư đoàn 1) và sư đoàn 25 Mỹ xây dựng căn cứ dã chiến ở vùng vàm sông Nhật Tảo (An Nhật Tân), Bình Tịnh (Tân Trụ) và một đại đội chốt tại Long Khê (Cần Đước), chặn hành lang từ lộ 4 xuống. Tiểu

đoàn 1 Long An tập kích diệt đại đội Mỹ tại chốt Long Khê, phối hợp với tiểu đoàn 2 tập kích tiêu diệt 2 đại đội Mỹ ở vàm Nhật Tảo, chúng phải bỏ luôn chốt.

Tại vùng hạ Cần Giuộc, địch sử dụng lữ đoàn 2 sư đoàn 9 Mỹ, có hải quân yểm trợ hành quân 45 ngày càn quét tám xã hạ Cần Giuộc. Bộ đội Nhà Bè phối hợp chủ lực liên tục đánh địch, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.400 tên Mỹ, bắn rơi 21 máy bay, bắn chìm 12 tàu, đánh bại chiến thuật hạm đội nhỏ thọc sâu của Mỹ, giữ vững vùng giải phóng. Địch phải rút lữ đoàn 2 sư 9 về căn cứ Bình Đức (Mỹ Tho) để củng cố.

Để trả thù cho những thất bại liên tiếp trong âm mưu bình định và cắt đứt mạch máu giao thông, tiếp tế của cách mạng từ Trung Nam Bộ về Miền Đông Nam Bộ, ngày 10-9-1967, quân Mỹ và quân chư hầu Nam Triều Tiên đổ quân xuống cánh đồng ấp Tây, xã Tân Hòa, Tân Ninh huyện Kiến Tường (nay thuộc huyện Tân Thạnh tỉnh Long An) gây ra cuộc thảm sát, giết chết 41 người dân. Để ghi mối thù này, đồng bào xã Tân Hòa đặt tên là “đồng 41”.

Ở vùng bắc Long An, quân Mỹ đánh phá rất ác liệt. Quân dân Long An kiên cường bám trụ tổ chức nhiều mũi diệt nhiều sinh lực địch. Các xã Mỹ Hạnh, Đức Lập, Đức Hòa Thượng, An Ninh, Lộc Giang dẫn đầu phong trào chiến tranh nhân dân là phong trào các mẹ, các chị tay không cầm đầu xe tăng địch. Trong mùa khô 1966-1967, phong trào chiến tranh nhân dân ở Long An phát triển mạnh, loại khỏi vòng chiến đấu trên 3.000 tên Mỹ, bắn rơi 28 trực thăng, giữ vững vùng giải phóng. Với những thành tích này, quân dân địa phương được phong tặng “Long An trung dũng, kiên cường, toàn dân đánh giặc”.

Tại Biên Hòa, đêm 11-5-1967 trung đoàn pháo BKĐ của Miền phối hợp với lực lượng vũ trang Tỉnh đội U1 pháo kích vào sân bay Biên Hòa. Hơn 100 máy bay các loại bị phá hủy, nhiều tên lính và sĩ quan kỹ thuật Mỹ nguy bị diệt. Tiếp đó, sư đoàn 5 chủ lực Miền, tiểu đoàn 445 tỉnh Bà Biên dùng pháo binh kết hợp với đặc công tập kích vào cụm quân địch ở dốc 30 (lộ 2 huyện Châu Đức). Ta đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn bộ binh Mỹ và diệt sở chỉ huy của trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ.

Trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, quân chư hầu Úc lấy vùng Đất Đỏ làm trọng điểm “bình định”. Chúng đã thực hiện được chiến thuật “hàng rào mìn M.16-E.3” Từ núi Da Quy đến núi Đất dài 17 km, biến cả một vùng dân cư thành “ấp chiến lược”. Bên ngoài là “hàng rào biệt kích” Úc, bên trong là các lớp dây kẽm gai với chiều rộng từ 30 đến 100m dày đặc mìn E3 và lựu đạn M16 nổ tức thì. Chiến khu Minh Đạm mất nguồn tiếp tế, không liên lạc được bằng đường bộ giữa tỉnh và huyện.

Tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh chỉ đạo, Huyện ủy Long Đất triển khai phát động cảm thù, hạ quyết tâm phá hàng rào mìn Úc. Một tổ công binh trinh sát gồm 3 đồng chí do Nguyễn Hùng Mạnh chỉ huy, xung phong cảm tử phá hàng rào mìn M.16-E3. Bằng kỹ thuật trinh sát đặc công điều luyện, đồng chí Nguyễn Hùng Mạnh đã phát hiện ra luật gài mìn của công binh Úc. Huyện đội Long Đất mở các lớp tập huấn gỡ mìn, lựu đạn E3, M16. Du kích thành thạo đến mức gỡ mìn và lựu đạn Úc về dùng làm vũ khí đánh lại địch. Từ đây, từng mảng hàng rào Úc bị vô hiệu hóa và trở thành điểm ém quân của du kích. Bộ phận công tác quần chúng đột nhập được vào bên trong, xây dựng cơ sở cách mạng, du kích mật và an ninh mật trong dân, xây dựng hầm bí mật ngay trong hàng rào mìn đưa lực lượng vào đánh địch. Thế chiến tranh nhân dân ở vùng Đất Đỏ được mở ra và từng bước đánh bại âm mưu bình định của Mỹ - nguy trên chiến trường trọng điểm.

Phước Vĩnh (Phú Giáo, tỉnh Thủ Dầu Một) là một căn cứ quân sự lớn của Mỹ nằm ở phía đông bắc Sài Gòn trên trục lộ 16, khu vực của chốt nằm trên địa bàn của xã Phước Thành cũ, là tiền đồn của hệ thống phòng thủ chiến lược và cũng là nơi xuất phát các cuộc hành quân lớn của địch đánh phá vào chiến khu Đ và vùng đông bắc Sài Gòn, địch thiết lập ở đây một sân bay dã chiến, căn cứ trung đoàn thét giáp số 11 và hàng trăm khẩu pháo 105 ly và 230 ly, một hệ thống radar, lữ dù số 1 của sư đoàn kỵ binh bay Mỹ. Mỹ - nguy khoanh dân, gom dân thiết lập một áp chiến lược lớn có đầy đủ hệ thống tề nguy, cảnh sát, gián điệp và một hệ thống đồn bót dày đặc. Trong đó có một trường đào tạo và thực tập biệt kích Mỹ.

Trước áp lực mạnh của địch, đội du kích Phước Vĩnh bám trụ địa bàn, đánh địch bằng nhiều hình thức phong phú, kết hợp chặt chẽ 3 mũi giáp công, vừa tác chiến vừa vận động quần chúng đấu tranh chính trị, binh vận, diệt ác phá kìm, tiêu hao, tiêu diệt địch, phá rối, bao vây gây cho địch một không khí hoang mang, căng thẳng, hạn chế những âm mưu thâm độc của địch, đưa phong trào cách mạng của quần chúng ngày một phát triển mạnh.

Tháng 6-1967, đế quốc Mỹ tiếp tục mở cuộc hành quân Manhattan đánh vào căn cứ bắc Tây Ninh. Các lực lượng vũ trang Tây Ninh thực hiện khẩu hiệu “lấy đánh cơ giới làm trung tâm” bằng mìn tự tạo đã diệt 20 xe tăng Mỹ. Sự kiện này đã giải quyết tư tưởng bần khoăn, ngán ngại nảy sinh trong các lực lượng vũ trang tinh thức trước sự xuất hiện xe tăng bày của Mỹ từ cuộc hành quân Áttenbô.

Phát huy thắng lợi mùa khô 1966-1967, Bộ chỉ huy Miền quyết định mở tiếp đợt hoạt động quân sự mùa khô. Từ 20-8 đến 10-9-1967, sư đoàn 7 chủ lực Miền diệt 2 cứ điểm cấp tiểu đoàn của nguy ở Tân Hưng và trại biệt kích 40 tức căn cứ Tổng Lê

Chân; sư đoàn 9 loại khỏi vòng chiến đấu 1 tiểu đoàn Mỹ, một tiểu đoàn ngụy trên vùng huyện Châu Thành (Tây Ninh). Các lực lượng vũ trang miền Đông đã đánh 60 trận, chủ yếu trên chiến trường miền núi và vùng trung tuyến (có 2 trận cấp sư đoàn, 2 trận cấp trung đoàn), loại khỏi vòng chiến đấu hai tiểu đoàn bộ binh Mỹ, một tiểu đoàn pháo Mỹ, một tiểu đoàn ngụy, 2 chi đoàn thiết giáp ngụy, làm mất sức chiến đấu 1 lữ đoàn thuộc sư đoàn 1 bộ binh Mỹ, tiêu hao lữ đoàn 2 sư đoàn 25 bộ binh Mỹ và 1 trung đoàn thuộc sư 5 ngụy.

Phối hợp lực lượng vũ trang đánh địch càn quét, Khu ủy miền Đông chỉ đạo các tỉnh ủy triển khai biện pháp cụ thể giáo dục, phát động quần chúng tổ chức lực lượng chính trị ở nông thôn đấu tranh chống bắn pháo, ném bom bừa bãi, chống càn quét khủng bố, gom dân bắt lính, đòi bồi thường nhân mạng. Ở đô thị, trước sự tiến công của lối sống Mỹ, các phong trào bảo vệ văn hóa dân tộc, bảo vệ quyền lợi và nhân phẩm phụ nữ... tập hợp được đông đảo quần chúng tham gia. Nhiều nhân sĩ, trí thức yêu nước, một số viên chức cao cấp tham gia “lực lượng quốc gia tiến bộ” chĩa mũi nhọn đấu tranh chống chiến tranh xâm lược của Mỹ, tay sai Thiệu – Kỳ, đòi hòa bình, đòi quyền tự quyết.

Tuy nhiên, mũi đấu tranh chính trị, binh vận vẫn chưa mạnh, chưa đều trước việc Mỹ tăng cường độ chiến tranh đánh phá ác liệt, lừa bịp bằng các hoạt động chiêu hồi, chiêu hàng, chiến tranh tâm lý, các thủ đoạn kinh tế, chính trị, đã có tác động nhất định trong một bộ phận quần chúng, như đánh giá của Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 5 tháng 6-1967: số người và quy mô đấu tranh chính trị có giảm, không đều so với trước, chưa tương xứng với mũi tiến công quân sự.

Tháng 10-1967, tại vùng căn cứ miền Đông, Đại hội liên hoan Anh hùng, chiến sĩ thi đua quyết thắng giặc Mỹ xâm lược toàn miền Nam được triệu tập. Đại hội đã tuyên dương 471 anh hùng, chiến sĩ thi đua trong đó có 20 anh hùng ở miền Đông Nam Bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư đến Đại hội, ngợi khen và động viên tinh thần dám đánh Mỹ và thắng Mỹ của quân và dân miền Nam anh hùng.

Trên chiến trường miền Đông, Khu ủy Bộ Tư lệnh Quân khu miền Đông xác định mục tiêu tấn công, mở chiến dịch Lộc Ninh bắt đầu từ ngày 27-10-1967 phạm vi chiến dịch bao gồm vùng Lộc Ninh, Bù Đốp, Phước Long và đường 13. Quy mô chiến dịch cấp sư đoàn, với mục đích: tiêu diệt một phần sinh lực quan trọng của Mỹ - ngụy, chủ yếu sư đoàn bộ binh số 1 của Mỹ và sư đoàn 25 ngụy là lực lượng án ngữ phía Bắc Sài Gòn, hỗ trợ địa phương trợ đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh.

Ngày 27-10-1967, chiến dịch bắt đầu với trận then chốt tại Bù Đốp, lực lượng vũ trang ta đánh thiệt hại nặng địch. Sư đoàn 9 cùng với các lực lượng tại chỗ hai lần đánh chi khu Lộc Ninh tiêu diệt địch, làm chủ Lộc Ninh 3 ngày. Ngày 7-11-1967, lực lượng vũ trang huyện Lộc Ninh và du kích sở cao su Brêlin diệt gọn một đại đội Mỹ, làm trọng thương tên tiểu đoàn trưởng Mỹ. Điên cuồng, Mỹ cho ném bom chợ Lộc Ninh và các làng ấp chung quanh, giết hại hàng trăm đồng bào, trẻ em.

Trong hai ngày 4 và 5-11-1967, trên đoạn đường chưa đầy 7 km dày đặc đồn bót địch từ chi khu Phước Bình đến Phước Quả, lực lượng vũ trang tỉnh Phước Long đánh thắng 4 trận liên tiếp, đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn biệt động, một đại đội thuộc tiểu đoàn 3 trung đoàn 5 nguy, diệt và làm bị thương 500 tên, bắt sống 40 tù binh, bắn rơi 5 máy bay, thu nhiều vũ khí và nhiều quân trang quân dụng. Du kích các xã đã đẩy mạnh bao vây đồn bót, cùng đồng bào ở các ấp chiến lược diệt ác ôn, phá thế kìm kẹp, giúp đồng bào sơ tán để tránh thiệt hại do địch gây ra.

Ngày 28-11-1967, Bộ Tư lệnh Miền chỉ thị kết thúc chiến dịch Lộc Ninh để chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn Miền. Tuy vậy, những hoạt động quân sự của ta vẫn tiếp diễn mạnh trên lộ 13 đến ngày 5-12-1967, tiêu hao một bộ phận lực lượng sư đoàn 25 bộ binh Mỹ và trung đoàn 9 sư đoàn 5 nguy.

Thắng lợi của chiến dịch Lộc Ninh trong mùa khô 1967 ở miền Đông Nam Bộ “chẳng những có ý nghĩa về quân sự, mà còn có ý nghĩa quan trọng về chính trị trong cả nước và nước ngoài. Làm cho thế chủ động tiến công của ta mạnh hơn, làm cho địch bị suy yếu và lúng túng hơn, bị cô lập và nội bộ lung củng. Nó đặt cơ sở vững chắc và tạo ra những khả năng mới cho ta tiến lên giành thắng lợi trong cả Đông Xuân và trong thời gian tới”¹.

Qua hai năm đánh bại hai cuộc phản công chiến lược của quân viễn chinh Mỹ và thắng lợi rất to lớn và toàn diện. Đế quốc Mỹ với chiến thuật hai gọng kìm đã bị thế trận chiến tranh nhân dân của ta đánh bại, mũi “tìm diệt” bị thất bại nặng trước sức phản công của các lực lượng vũ trang quân giải phóng, mũi “bình định” cũng không thực hiện được mục tiêu đề ra (đến cuối năm 1967), quân dân miền Đông Nam Bộ đã phá được 2.668 ấp chiến lược. Với thất bại này, đế quốc Mỹ phải rút lui dần về chiến lược phòng ngự để đối phó với các cuộc chiến công của ta.

¹ Thông báo của Thường vụ Trung ương Cục và Quân ủy Miền đợt đông 1967.

IV. BỔ TRÍ LẠI CHIẾN TRƯỜNG, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THAM GIA CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY XUÂN MẬU THÂN 1968

Sau mùa khô 1966-1967, âm mưu tìm diệt và bình định của đế quốc Mỹ hoàn toàn thất bại, cục diện chiến trường chuyển biến có lợi cho cách mạng miền Nam. Thế và lực của cách mạng tăng lên, niềm tin vào thắng lợi của nhân dân ta được củng cố, tạo nên sự đoàn kết, thống nhất quyết tâm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Tính đến cuối năm 1967, quân dân ta vẫn giữ vững và phát huy mạnh mẽ quyền chủ động trên chiến trường, các lực lượng vũ trang của ta đã tạo được thế đứng chân trên các vùng ven đô thị. Trên cơ sở thế trận đã hình thành, so sánh lực lượng giữa ta và địch, tháng 12-1967, Bộ Chính trị đã quyết định “chuyển cuộc đấu tranh cách mạng miền Nam của ta sang một thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định”¹. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 14 (1-1968) đã thông qua Nghị quyết Bộ Chính trị, đề ra “Nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của ta là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích - tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định”. Trung ương dự kiến 3 khả năng:

Khả năng 1: Ta thắng to ở các chiến trường quan trọng, công kích và khởi nghĩa thành công ở các đô thị lớn và đập tan mọi âm mưu phản kích của địch, làm cho địch thất bại đến mức không thể gượng dậy được nữa, đề bẹp ý chí xâm lược của chúng, bắt chúng phải chịu thua, phải thương lượng đi đến kết thúc chiến tranh theo mục đích, yêu cầu của ta.

Khả năng 2: Tuy ta dành được thắng lợi ở nhiều nơi, nhưng địch cố gắng tập trung và tăng thêm lực lượng từ ngoài vào, giành lại những vị trí quan trọng, các đô thị lớn, nhất là Sài Gòn và dựa vào các căn cứ lớn để tiếp tục chiến đấu với ta.

Khả năng 3: Mỹ động viên và tăng cường lực lượng mở rộng chiến tranh ra miền Bắc Việt Nam, sang Lào và Campuchia, hòng xoay chuyển cục diện chiến tranh và gỡ lại thế thua của chúng².

¹ Nghị quyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng tháng 12-1967. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975. Nxb Hà Nội, 1988, tr. 117.

² Trong tư tưởng chỉ đạo đã xác định: phải nỗ lực phi thường giành thắng lợi cao nhất theo khả năng thứ nhất; đồng thời phải sẵn sàng đối phó với khả năng thứ hai; khả năng thứ ba tuy có rất ít nhưng phải cảnh giác đề phòng để chủ động đối phó.

Nghị quyết Bộ Chính trị đề ra tháng 12-1967, tinh thần nghị quyết đã được Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền triển khai. Trên tinh thần đó, Trung ương cục đã ra nghị quyết về tổng công kích – tổng khởi nghĩa (gọi là nghị quyết Quang Trung), lấy miền Đông Nam bộ và Sài Gòn làm trọng điểm, hướng tiến công chủ yếu là Sài Gòn. Đồng chí Phạm Hùng được Trung ương cử làm Bí thư Trung ương Cục miền Nam thay Đại tướng Nguyễn Chí Thanh vừa từ trần.

Ngày 25-10-1967, Trung ương Cục quyết định giải thể khu miền Đông và quân khu Sài Gòn - Gia Định, thành lập “Khu trọng điểm” do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư; đồng chí Võ Văn Kiệt làm Phó Bí thư. Thành lập 6 phân khu, mỗi phân khu ủy và bộ Tư lệnh phân khu¹.

Để đảm bảo tiến công và nổi dậy, lực lượng hậu cần được tăng cường bảo đảm cho các hướng đánh vào Sài Gòn. Hàng vạn lượt đồng bào miền Đông lên đường phục vụ vận chuyển 200 tấn hàng từ Mỏ Vẹt đến tây nam Sài Gòn. Một hành lang vận chuyển khác có hàng trăm xe bò từ vùng Mỏ Vẹt về Hóc Môn, Gò Vấp. Ở Đức Hòa,

¹ - Phân khu 1 gồm các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Gò Vấp, Trảng Bàng, Bến Cát, Dầu Tiếng. Bí thư phân khu ủy đầu tiên là đồng chí Mai Chí Thọ.

- Phân khu 2 gồm các huyện Bến Lức, Thủ Thừa, Đức Hòa, Đức Huệ, Tân Bình, 1 phần phía Bắc của huyện Bình Chánh, quận 5, quận 6, quận 3 và 2 vùng Phú Thọ Hòa và Tân Sơn Hòa. Đồng chí Võ Trần Chí, Bí thư; Đồng chí Lê Văn Nhỏ (Hai Lân), Tư lệnh.

- Phân khu 3 gồm các huyện Châu Thành, Tân Trụ, Cần Đước, Cần Giuộc, một phần phía Nam của huyện Bình Chánh, Nhà Bè, quận 2, 4, 7, 8. Bí thư đầu tiên là đồng chí Nguyễn Văn Chín (Chín Càn).

- Phân khu 4 gồm các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, sở cao su Bình Sơn, Siph, quận 9, một số xã phía Nam quận Thủ Đức, Thạnh Mỹ Tây, Đặc khu Rừng Sác. Bí thư đầu tiên là đồng chí Đoàn Công Chánh (Sáu Bảo); Đồng chí Lương Văn Nho, Tư lệnh.

- Phân khu 5 gồm Lái Thiêu, Dĩ An, thị xã Thủ Dầu Một, Châu Thành, Phú Giáo, một phần huyện Bến Cát, một phần phía bắc quận Thủ Đức, Bình Hòa, Phú Nhuận. Bí thư đầu tiên là đồng chí Hoàng Minh Đạo (Năm Thu); Đồng chí Nguyễn Hồng Lâm, Tư lệnh.

- Các lực lượng nội thành tổ chức thành phân khu 6, có ban cán sự Đảng nội thành và Bộ chỉ huy quân sự phân khu. Ban cán sự có các đồng chí Nguyễn Thái Sơn, Bí thư; Trần Hải Phụng, chỉ huy trưởng; Võ Văn Thạnh, Chính ủy. 3 tỉnh không nằm trong phân khu là:

- Tỉnh Biên Hòa (U1) do đồng chí Phan Văn Trang, Bí thư; Đồng chí Trần Công An, Tỉnh đội trưởng; chịu trách nhiệm đánh địch ở Tổng kho Long Bình, sân bay Biên Hòa, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 nguy, nha Cảnh sát miền Đông, thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom (nay thuộc huyện Thống Nhất).

- Tỉnh Bà Rịa –Long Khánh do đồng chí Lê Đình Nhơn, Bí thư; Đồng chí Đặng Văn Thuấn, Tỉnh đội trưởng; phụ trách đánh địch ở căn cứ Suối Râm, đặc khu Vũng Tàu, thị xã Long Khánh, thị xã Bà Rịa.

- Tỉnh Tây Ninh do đồng chí Nguyễn Văn Hải, Bí thư; Đồng chí Nguyễn Thanh Dương, Tỉnh đội trưởng, phụ trách đánh địch ở thị xã Tây Ninh, căn cứ Mỹ ở Trảng Lớn.

mỗi gia đình để sẵn 5 lon gạo chuẩn bị đón quân chủ lực, phụ nữ tổ chức “hũ gạo nuôi quân”. Mỗi xã có đội cứu thương, tải thương và có thể nuôi một lúc hàng trăm thương binh. Ở xã An Tịnh (Trảng Bàng), đồng bào đào hầm chôn giấu 45 tấn vũ khí và hầm nuôi dưỡng thương binh chỉ cách đồn địch 1 km.

Để tạo thế bất ngờ đánh lạc hướng địch về ý định chiến lược, ta chủ trương mở chiến dịch lớn của mặt trận Đường 9 – Khe Sanh vào đêm 20-1-1968 nhằm thu hút quân cơ động Mỹ, tiêu diệt một bộ phận, vây hãm và tiêu hao sinh lực địch, tạo thế cho các chiến trường tổng tiến công và nổi dậy giành thắng lợi. Tướng Oetmolen vội vàng tăng cường lực lượng chống giữ và cho không quân ném bom Khe Sanh và khu vực giới tuyến. Giữa lúc địch đang dồn sức chống đỡ ở mặt trận Đường 9 – Khe Sanh, cuộc tổng công kích – tổng khởi nghĩa Xuân Mậu Thân 1968 đã nổ ra trên toàn Miền. Đợt 1 bắt đầu từ đêm 30 rạng 31-1-1968 đến 25-2-1968.

Tại Sài Gòn, ta tiến công mạnh vào các cơ quan đầu não Mỹ ngụy như: Tòa Đại sứ Mỹ, Bộ Tổng tham mưu ngụy, Đài phát thanh, Bộ Tư lệnh Biệt khu Thủ đô, Bộ Tư lệnh Hải quân ngụy, sân bay Tân Sơn Nhất, Tổng nha cảnh sát, khu kho Nhà Bè, trại thiết giáp Phù Đổng, xưởng quân cụ 80, trại pháo binh Cổ Loa, trung tâm huấn luyện Quang Trung, căn cứ truyền tin Phú Lâm.

Do địch bố trí dày đặc và phản ứng nhanh, các tiểu đoàn mũi nhọn của các phân khu chiến đấu dừng cầm ở vòng ngoài, không thực hiện được nhiệm vụ tiếp sức cho lực biệt động để chiếm giữ các mục tiêu chủ yếu. Trong chiến đấu ác liệt, các tiểu đoàn mũi nhọn bị tiêu hao nhiều, hầu hết các quân đội chỉ còn một nửa quân số, có tiểu đoàn chỉ còn một phần năm, một phần mười quân số.

Trên vùng ven và trung tuyến, các đơn vị chủ lực cùng các lực lượng địa phương làm nhiệm vụ tại chỗ và hỗ trợ cho phía trước. Du kích, bộ đội địa phương tiến công đồn bót, Trong các “ấp chiến lược”, vây ép một số căn cứ địch tại địa phương, tạo điều kiện cho nhân dân vùng lên diệt ác, phá kìm, mở rộng vùng giải phóng. Ở các trục lộ giao thông số 4, 9, 11, 14, 21, 23 ... du kích và bộ đội địa phương làm chủ từng đoạn, đồng thời tiếp sức hỗ trợ cho các mũi tiến công nội ô.

Ở các vùng ngoại thành, hàng trăm nam nữ thanh niên xuống đường phục vụ chiến đấu. Thanh niên Tân Thới Nhứt được bổ sung thay thế một số chiến sĩ vừa hy sinh trong chiến đấu tại xã. Huyện Đức Hòa đáp ứng ngay yêu cầu bổ sung cho bộ đội chủ lực đang hoạt động tại huyện. Ngoài ra, nhân dân ngoại thành đào hầm nuôi thương binh ngay trong nhà. Có nhà nuôi từ 3 đến 5 anh em. Đồng bào Củ Chi, Lái

Thiêu, Hóc Môn, Thủ Đức, Long Thành, Nhà Bè, Trảng Bàng... tổ chức từng nhóm nhỏ tiếp tế cho bộ đội.

Cùng với các mũi tiến quân tiến công vào Sài Gòn, lực lượng vũ trang các tỉnh miền Đông nổ súng tiến công vào các tỉnh lỵ, và hầu hết các thị trấn, làm chủ nhiều thôn ấp, mở rộng vùng giải phóng.

Tại Biên Hòa, đúng 0 giờ đêm 30 tết (31-1-1968), Trung đoàn ĐKB từ trận địa pháo Hiếu Liêm (bắc sông Đồng Nai) bắn liên tục vào sân bay Biên Hòa, trúng vào khu nhân viên kỹ thuật, sở chỉ huy sân bay, kho xăng, kho đạn. Tiếng pháo nổ từ trong sân bay cũng là lệnh tấn công của Bộ chỉ huy tiền phương cho các lực lượng nổ súng.

Cuộc chiến đấu tại sân bay Biên Hòa diễn ra cực kỳ ác liệt. Đại đội 1 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phát triển đánh vào khu cư xá của bọn giặc lái và chuyên viên kỹ thuật Mỹ, giết và làm bị thương hàng trăm tên, nhưng sau đó cả tập thể đại đội 1 đã anh dũng hy sinh (chỉ còn một đồng chí vượt ra khỏi sân bay và trở về với tiểu đoàn 1). Máy bay phản lực Mỹ từ sân bay Tân Sơn Nhất lên cũng bắn phá, bỏ bom suốt ngày ngay chỉ huy sở tiền phương.

Đại đội đặc công của sư đoàn 5 và lực lượng biệt động thị xã đã tiến công vào phía tây sở chỉ huy Quân đoàn 3. Địch phản kích rất ác liệt nhằm đẩy ta ra khỏi các vị trí đã chiếm được. Lực lượng ta đã chuyển sang chiếm khách sạn 57 và tiến công bọn cố vấn Mỹ.

Ở kho Long Bình, sáng ngày 1-2-1968, tiểu đoàn 2 đặc công U1, do đồng chí Nguyễn Văn Thái (tức Tư Già) chỉ huy, đột nhập vào kho Long Bình ở cao điểm 53, phá hủy 127 kho chứa bom đạn Mỹ. Tiếng nổ và lửa bốc cháy suốt mấy ngày liền làm chấn động cả thị xã Biên Hòa và các vùng lân cận.

Tiểu đoàn 2 trung đoàn 5 và đặc công sư đoàn đã tấn công vào bãi đậu trực thăng của Sở chỉ huy Bộ Tư lệnh dã chiến 2 của Mỹ. Đại đội 6 tiểu đoàn 2 đã vượt qua các lớp rào tấn công vào sân bay Bộ Tư lệnh dã chiến 2, phá hủy nhiều máy bay trực thăng. Quân Mỹ cho xe tăng bao vây tiểu đoàn, dùng máy bay bắn rốc-két vào đội hình. Tiểu đoàn 2 và lực lượng đặc công đã chiến đấu quyết liệt và bị nhiều tổn thất. 7 giờ sáng mùng 1 Tết, Bộ chỉ huy tiền phương ra lệnh đưa tiểu đoàn 3 sư 5 (thê đội 2) bước vào chiến đấu. Tiểu đoàn 3 đã đến hàng rào Bộ Tư lệnh dã chiến 2 nhưng không lọt vào được bên trong, phải bám trụ triển khai chiến đấu đến ngày mùng 2 Tết mới rút ra, sau khi bị thương vong khá nặng.

Ở ngoại vi khu kho Long Bình, đại đội pháo C92 đi cùng trung đoàn 5 đã chống trả quyết liệt với lữ 199 Mỹ, đẩy lùi 5 đợt phản kích, diệt nhiều địch, nhưng đại đội

chỉ còn lại 1 trung đội trưởng và 2 chiến sĩ với nhiều vết thương. Ba đồng chí đã tự băng bó vết thương, cố thủ vị trí chiến đấu đến cùng. Đêm đó, các anh dìu đưa thương binh nặng ra khỏi trận địa an toàn.

5 giờ chiều ngày mùng 1 Tết, lực lượng ta ở chiến trường Biên Hòa bị thương vong khá nặng với 250 thương binh. Đảng ủy, Bộ chỉ huy mặt trận chỉ đạo củng cố ngay đội hình, điều lực lượng dự bị thay cho đơn vị nào bị thương vong nặng để tiếp tục tiến công đánh địch theo thời gian quy định 4 ngày. Đồng chí Trần Minh Tâm, Tư lệnh sư 5 và đồng chí Dũng, Phó Chính ủy trực tiếp chỉ huy các mũi tấn công. Đồng chí Phan Văn Trang và Trần Công An điều 250 thương binh về phía sau (bệnh viện ở bắc sông Đồng Nai) dưới tầm pháo của địch. Cuộc chuyển thương binh về tuyến sau cũng là một mặt trận vô cùng gian khổ, nhiều đồng chí trong đội bảo vệ của Tỉnh ủy đã chiến đấu và hy sinh anh dũng. Hai ngày sau, các đồng chí trở lại họp Đảng ủy, Bộ chỉ huy tại Sông Mây để bàn kế hoạch tiếp tục tiến công, rút sư đoàn 5 ra khỏi các cứ điểm ở Biên Hòa, triển khai đánh địch dọc lộ 1, lộ 20, củng cố đội hình, chuẩn bị cho đợt 2.

Tại các xã ngoại ô và nội ô như: Lân Thành, Bình Đa, Hiệp Hòa, Tân Thành... các cơ sở mặt đã treo cờ mặt trận, rải truyền đơn kêu gọi nhân dân nhưng không phát động được quần chúng nổi dậy. Cảnh biệt động do đồng chí Bảo Khánh chỉ huy tấn công vào mục tiêu Ty cảnh sát Biên Hòa đưng địch tại Lò Than (quốc lộ 1). Đơn vị chiến đấu quyết liệt, lực lượng bị thương vong không vào được mục tiêu, do đó kế hoạch phối hợp tiến công và nổi dậy bên trong không thực hiện được theo nghị quyết của Tỉnh ủy. Sáng mùng 3 Tết (2-2-1968), Bộ chỉ huy mặt trận Biên Hòa cho lệnh rút các lực lượng ra ngoài địa bàn thị xã.

Tại Trảng Bom, bộ đội huyện tấn công vào chi khu Trảng Bom, diệt một số bót địch, nhưng địch phản kích rất mạnh, ta chỉ làm chủ thị trấn một ngày. Một bộ phận huyện đội và C25 công binh tỉnh nổ súng đánh các đồn bót, làm chủ ngã ba Dầu Giây và các ấp dọc quốc lộ 1, phát động được nhân dân xuống đường tiếp tế cho bộ đội và làm chủ khu vực 3 ngày.

Tại Vĩnh Cửu, bộ đội huyện tấn công vào chi khu Công Thanh bao vây và làm chủ thị trấn 3 ngày. Du kích các xã Tân Phú, Thiện Tân, Tân Định, Lợi Hòa, Bình Hòa... cùng nhân dân truy lùng bọn ác ôn, phá rã các bộ máy tề nguỵ.

Do các lực lượng ở thị xã Biên Hòa rút ra, ngày thứ 4, xe tăng địch từ Quân đoàn III, máy bay từ sân bay Biên Hòa lên phản kích quyết liệt xung quanh khu vực chi khu Công Thanh. Lực lượng huyện bám trụ bắn cháy 14 xe tăng, diệt tên quận

trường Công Thanh và 80 tên Mỹ. Địch ném bom hủy diệt ấp Cây Da (Tân Phú), lực lượng ta bị tiêu hao phải vượt sông Đồng Nai rút về Chiến khu Đ.

Trên mặt trận Phân khu 4, chiều ngày 29-1-1968, từ căn cứ bàn đạp ở Hung Lộc, các cán bộ lãnh đạo phân khu phụ trách trong nội đô (quận 9, Thủ Đức) đã theo đường giao liên công khai hợp pháp vào Sài Gòn, 4 giờ sáng 31-1-1968, lực lượng Phân khu 4 nổ súng tiến công vào các mục tiêu. Đoàn 10 Rừng Sác đánh chìm một tàu quân sự trọng tải 10.000 tấn trên sông Lòng Tàu, bắn rơi 3 máy bay, 8 xe cơ giới. Pháo binh đoàn 10 từ Bung Sáu Xã bắn vào Bộ Tư lệnh hải quân ngụy, chi khu Thủ Đức. Đặc công đánh đồn cầu Rạch Chiếc trên xa lộ, bám trụ bắn cháy 5 xe cơ giới và đánh địch phản kích từ nội đô ra.

Tiểu đoàn 4 Thủ Đức trên đường tiến vào Sài Gòn, đến Thị Nghè bị địch phát hiện dùng trực thăng phản kích bị thiệt hại nặng không phát triển thêm được. Các cơ sở mật ấp Cầu Sơn (Thị Nghè) đã che dấu hàng chục cán bộ, chiến sĩ, chăm sóc vết thương, sau đó nghi trang đưa ra ngoài an toàn.

Tại Long Thành, ta pháo kích vào chi khu phá sập 3 lô cốt, làm chết 24 lính; đánh sập cầu Đức, cầu Phước Tân, sông Buông. Hầu hết các xã, du kích nhân dân nổi dậy đánh trống mõ uy hiếp tinh thần địch. Bọn tề xã, ấp ác ôn đều bỏ chạy. Đại đội 270 Cao su Bình Sơn đã bao vây đồn trung tâm ở nhà máy chế biến mủ. Chi bộ Bình Sơn phát động “Đảng viên đứng thẳng người lãnh đạo quần chúng” xuống đường treo băng cờ, khẩu hiệu. Bọn tề xã, ấp đều chạy trốn ra Long Thành. Công nhân cao su, nhân dân làm chủ nhà máy làm chủ đồn điền, làng xã suốt 3 ngày liền.

Tại Nhơn Trạch, bộ đội huyện bao vây chi khu, làm chủ thị trấn (Vĩnh Thanh) 3 ngày, vận động nhân dân xuống đường truy lùng bọn ác ôn. Chi bộ xã Phước An lãnh đạo du kích, nhân dân dùng 3 mũi bao vây bức rút bót Vũng Gấm, làm chủ ấp được 10 ngày.

Cuộc Tổng công kích – tổng khởi nghĩa ở Bà Rịa – Long Khánh tiến hành chậm hơn 1 ngày so với mặt trận Biên Hòa, Phân khu 4. Rạng sáng ngày 1-2-1968, tại thị xã Bà Rịa tiểu đoàn 445 do các đồng chí Nguyễn Văn Kiềm (Tiểu đoàn trưởng), Nguyễn Nam Ninh (Chính trị viên) chỉ huy tiến công vào tỉnh đoàn bảo an, đánh chiếm ty cảnh sát, khu cư xá cố vấn Mỹ, Địch chống trả quyết liệt. 7 giờ sáng, chúng điều hàng chục xe tăng và 1 tiểu đoàn bộ binh Mỹ từ căn cứ Suối Râm theo lộ số 2 tiến về thị xã Bà Rịa để ứng cứu. Tiểu đoàn 445 nhanh chóng triển khai lực lượng, liên tục phản công, diệt 12 xe tăng, đánh thiệt hại tiểu đoàn quân Mỹ, buộc chúng phải rút lui. Đến 16 giờ cùng ngày, địch cho máy bay lên ném bom vào các khu tỉnh đoàn bảo an và tòa hành

chính tỉnh. Tiểu đoàn 445 tạm rút ra vùng ven và điều đại đội 1 và 2 về Long Đất hỗ trợ cuộc tiến công và nổi dậy ở Long Điền và Đất Đỏ.

Mũi tiến công vào thị xã Long Khánh gồm tiểu đoàn 440 của tỉnh, biệt động thị xã, K8 Xuân Lộc, du kích và cơ sở các xã. Tại thị xã Long Khánh, trước giờ G, địch pháo kích vào điểm tập kết ở Bảo Vinh A, điểm tập kết của ban chỉ huy mặt trận. Đồng chí Nguyễn Văn Cư (Năm Cư), Tỉnh ủy viên hi sinh. Rạng sáng ngày 1-2, tiểu đoàn 440 và biệt động thị xã tấn công vào 3 mục tiêu: khu 33 chiến thuật, trụ sở CIA Mỹ, Tòa hành chính tỉnh Long Khánh. Ở khu 33 chiến thuật, đại đội 1 và 2 của tiểu đoàn 440 do đồng chí Hai Tình (Tiểu đoàn trưởng) chỉ huy đánh sập 10 lô cốt, phá hủy 1 xe quân sự, 2 dãy trại lính, nhiều đồ dùng quân sự.

Kết hợp mũi tiến công vũ trang, Thị ủy Long Khánh chỉ đạo các cơ sở mật¹ phát động nhân dân nổi dậy truy lùng diệt bọn ác ôn, cảnh sát. Trong lúc đó đồng chí Tư Châu tiểu đoàn phó 440, chỉ huy đại đội 3 và K8 đánh địch rút chạy trên lộ 1 rồi thọc sâu vào khu vực chợ, đánh sập nhà thông tin của địch. Đại đội cối do đồng chí Tư Như và Ba Kim chỉ huy bắn vào sở chỉ huy tiểu đoàn pháo binh địch, khu thiết giáp trong thị xã, diệt hai đại đội, phá hủy 6 khẩu pháo. Vùng ven thị xã Long Khánh, đội dân vệ xã có nội tuyến (Hai Đoàn) đã nổi dậy bắt bọn ác ôn, cùng nhân dân bao vây làm tan rã 1 đại đội bảo an. Ở Suối Cát, du kích và nhân dân bao vây bắn tỉa, tiến công binh vận bức rút đồn bót địch, buộc đại đội bảo an rút chạy về Gia Ray.

Ngày 2-2, Mỹ điều 100 xe thiết giáp, xe tăng, xe quân sự của trung đoàn 11 kỵ binh thiết giáp Suối Râm theo lộ số 2 xuống phản kích giải tỏa thị xã Long Khánh. Bộ đội ta ít hơn nhưng đã đào công sự kiên cường bám trụ đánh trả chúng quyết liệt, bắn cháy 12 xe tăng, diệt 70 tên Mỹ. Đến 4 giờ sáng ngày 3-2, Ban chỉ huy cho lực lượng rút khỏi thị xã Long Khánh. Lực lượng ta hy sinh 28 đồng chí, 40 đồng chí bị thương, 9 người bị bắt và mất tích.

Mũi tiến công vào huyện Định Quán có lực lượng K9 của huyện, Đoàn hậu cần 814 và du kích các xã, các sở cao su. Bộ đội K9 cùng một bộ phận đoàn hậu cần Miền 814 tấn công bao vây chi khu Định Quán, làm chủ khu vực thị trấn liên tục trong 7 ngày. Tại Túc Trưng du kích kết hợp lực lượng chính trị, binh vận của quân chúng tấn công yếu khu Túc Trưng, làm chủ ấp Cây Xăng, cắt đứt làm gián đoạn quốc lộ số 20 trong 1 tuần lễ.

¹ Anh Hai Thư, chị Nguyễn Thị Thọ, Nguyễn Thị Ba.

Tại huyện Châu Đức (lộ 2), đại đội 86 huyện đã tấn công bao vây chi khu Long Lễ, pháo kích chi khu Đức Thạnh và căn cứ Núi Đất kìm chân địch, hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy diệt ác ôn, làm chủ xã, ấp.

Tại thị trấn Đất Đỏ huyện Long Đất, một trung đội bộ đội C25 huyện tiến công chi khu và chi cảnh sát Đất Đỏ; phối hợp du kích tiến đánh 2 đồn Phước Hòa Long và Bờ Đập (Hội Mỹ). Bọn địch hoang mang rút chạy, ta huy động quân chúng bao vây tua, bót, phá cầu cống trên lộ 44, 23, 52 và làm chủ thị trấn 3 ngày đêm.

Ở thị trấn Long Điền (huyện Long Đất) hai trung đội của C25 huyện và một trung đội bộ đội nữ tổ chức 3 mũi bao vây chi khu và chi cảnh sát Long Điền, cắt đứt liên lạc của địch, thiêu hủy khu nhà làm việc của chi khu cảnh sát. 2 giờ ngày 2-2, ta đánh chiếm chi thông tin, chi cảnh sát, làm chủ nhà máy phát điện, thu 50 súng và toàn bộ đồ dùng quân sự. Hơn 2.000 quần chúng Long Điền đã xuống đường biểu tình thị uy, mít tinh mừng thắng lợi. Cờ Mặt trận bay trên nóc chợ thị trấn.

Sáng ngày 3-2, tiểu đoàn 3 trung đoàn 43 sư 18 nguy từ Long Khánh xuống tăng viện. Bộ đội C25 huyện có 2 trung đội (một trung đội cối nữ) đại đội của tiểu đoàn 445¹ tăng cường đã chống trả quyết liệt, diệt 150 tên, bắt sống 9 tù binh, thu 80 súng các loại. Đến trưa ngày 6-2, một tiểu đoàn thuộc trung đoàn Hoàng gia Úc và tiểu đoàn 3 thuộc sư 18 nguy (sau khi củng cố) tiếp tục phản công giải vây thị trấn Long Điền. Bom của địch trút xuống phá hủy toàn bộ ấp An Bình, An Phước (xã An Ngãi), Xóm Trông (ấp Long Sơn thị trấn Long Điền). Lực lượng vũ trang ta chống trả kiên cường, trong đó có trận tập kích tiêu diệt sở chỉ huy tiểu đoàn 3 trung đoàn 52 sư 18 nguy. Ngày 8-2, sau 7 ngày đêm bám trụ chiến đấu, lực C25 huyện Long Đất được lệnh rút về căn cứ Ninh Đạm.

Tại Thủ Dầu Một, đúng giờ G đêm 31-1-1968, đại đội 2 và 3 tiểu đoàn Phú Lợi chia làm 2 mũi tiến công thành Công Bình. Quân địch có công sự vững chắc tổ chức phòng ngự và chống trả quyết liệt. Sáng 1-2, địch cho máy bay bắn phá dữ dội vào trận địa của ta. Do lực lượng bị thương vong nên đến chiều ta phải rút ra bên ngoài củng cố.

Cùng giờ G, một đại đội tiểu đoàn Phú Lợi tiến công tòa hành chính của địch. Tiểu đoàn 2 trung đoàn Đồng Nai và đại đội 12,7 ly của phân khu đánh vào các mục tiêu ở phía nam thị xã Thủ Dầu Một. Địch phản ứng rất quyết liệt. Sáng ngày 2, địch

¹ Đến ngày 5-2-1968, đại đội này rút về căn cứ Minh Đạm.

tăng cường một bộ phận trung đoàn thiết giáp từ Gò Đậu lên phản kích. Ta chống trả từ 8 giờ sáng đến chiều tối và rút ra ngoài thị xã.

Tại Bến Cát, đại đội 61 huyện phối hợp trung đội nữ, biệt động, du kích tấn công đánh chiếm chi khu quân sự sau 30 phút. Sau đó địch phản công với trung đoàn 8 sư 5 ngụy có 20 xe tăng yểm trợ phản công. Ta đánh diệt 4 xe tăng, 150 tên địch và rút ra vùng ven bóm trụ. Cùng đêm, bộ đội huyện và du kích đánh diệt tua Kiến Điền và Cầu Tây, pháo kích vào căn cứ Lai Khê. Các chi bộ mật đã huy động quần chúng đánh trống mõ, gõ thùng thiếc uy hiếp tinh thần địch.

Ở huyện Tân Uyên, đại đội 68 địa phương, đại đội nữ pháo binh huyện phối hợp du kích xã Uyên Hưng tiến công các vị trí địch ở Đồi Xiêm, đốc Bà Nghĩa, chiếm trụ sở ngụy quyền, làm chủ thị trấn, phá rã nhiều ấp chiến lược của địch.

Ở Dầu Tiếng, ngày 1-2, tiểu đoàn pháo binh Biên Hòa bắn vào căn cứ lữ đoàn 3 sư 25 Mỹ. Lực lượng vũ trang cùng du kích, 1.000 cơ sở nhân dân, công nhân cao su tiến công vào thị trấn Dầu Tiếng, bao vây chốt Mỹ, cơ quan ngụy quyền. Địch hoảng loạn, không dám xông ra, ta làm chủ thị trấn 5 giờ liền.

Tại Bình Long, bộ đội địa phương tập trung tấn công vào thị xã An Lộc, làm chủ phía bắc thị xã. Dinh tỉnh trưởng, nhà cổ vắn Tân Tây Lan, cứ điểm Téch Ních, tòa hành chính, trại giam, ty cảnh sát đều bị tấn công mãnh liệt. Kết hợp vũ trang, nhân dân các làng, sở cao su Xa Cam, Xa Trạch, Xa Cát, Sóc Trào đã kéo vào thị xã cùng nhân dân bên trong đấu tranh đòi cấp lương thực, chống bắn pháo, đòi bồi thường thiệt hại. Trong khi đó, trung đội 29 và du kích bao vây, pháo kích vào thị trấn Chơn Thành.

Cùng lúc, một bộ phận của sư đoàn 7 Miền kết hợp bộ đội huyện tấn công thị trấn Lộc Ninh và đồn bót địch trên đường 13. Ngày 4-2, ta giải phóng một vùng rộng từ Lộc Tấn đến Ninh Thuận, Lộc An, Lộc Hòa. Sáng ngày 5-2, hàng ngàn đồng bào các dân tộc đã kéo vào thị trấn với băng cờ, biểu ngữ biểu dương lực lượng hô vang các khẩu hiệu đả đảo Mỹ ngụy.

Ở vùng rừng núi Phước Long, tiểu đoàn 168 bộ đội tỉnh, tiến công thị trấn Phước Bình, phá sập 2 lô cốt, diệt và làm bị thương hàng trăm tên, làm chủ phố Kiến thiết trong 2 ngày, bắn cháy 2 xe thiết giáp M113, đánh thiệt hại 2 đại đội ngụy lên ứng cứu.

Trên hướng phân khu 1: Tiểu đoàn 1 trung đoàn 2 Quyết Thắng tiến công chiếm trại thiết giáp Phù Đổng (Gò Vấp), căn cứ pháo binh Cổ Loa, phá hủy nhiều pháo và xe tăng; đồng thời tiến công địch ở khu vực ngã 5 Bình Hòa, ngã 3 Cây Thị. 7

giờ sáng ngày 1-2-1968 Tiểu đoàn 2 trung đoàn Quyết Thắng tiến vào cổng số 4 Bộ Tổng tham mưu ngụy, làm chủ trường sinh ngữ quân đội và 1 khu vực dã chiến trong Bộ Tổng tham mưu; bám trụ bên trong 1 ngày đánh bật các mũi phản kích của các tiểu đoàn chủ lực ngụy (nhảy dù, thủy quân lục chiến). Tối cùng ngày, đơn vị bị nhiều thiệt hại phải rút quân, về đến căn cứ đơn vị chỉ còn 28 cán bộ, chiến sĩ.

Cũng trên hướng phân khu 1, một bộ phận đại đội 1, sư đoàn 9 và tiểu đoàn 56 trung đoàn 20 tiến công trại huấn luyện Quang Trung, phát triển chiến đấu ở khu vực Tân Phú Trung, Thới Trung Thôn, Trung Mỹ Tây, Xuân Thới Thượng...

Phân khu 2 gồm các huyện phía bắc lộ 4 của Long An: Đức Hòa, Đức Huệ, Bến Lức, Thủ Thừa nối liền với các quận, huyện nội, ngoại thành phía tây Sài Gòn là Tân Bình, Bình Chánh, quận 5, quận 6, quận 3, quận 2. Lực lượng vũ trang có 6 tiểu đoàn (267, 269, 16, 12 đặc công, 1 tiểu đoàn pháo mang vác). Nhiệm vụ phân khu 2 là phối hợp cùng 4 phân khu bạn, đánh chiếm các mục tiêu quan trọng trong thành phố như sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tổng tham mưu ngụy, Biệt khu thủ đô và phát triển vào Dinh Độc lập.

Phân khu 3 gồm các huyện phía nam lộ 4 của Long An là Châu Thành, Tân Trụ, Cần Đức, Cần Giuộc, nối các huyện nội, ngoại thành phía nam Sài Gòn như Bình Chánh, Nhà Bè, quận 4, quận 7, quận 8, quận 1. Lực lượng phân khu 3 gồm tiểu đoàn 1, 2 Long An, tiểu đoàn 5 Nhà Bè, tiểu đoàn Đồng Nai, tiểu đoàn Phú Lợi, tiểu đoàn đặc công và tiểu đoàn pháo binh. Nhiệm vụ phân khu 3 là đánh chiếm các quận lỵ chỉ khu phía nam Sài Gòn và các mục tiêu như Tổng nha cảnh sát, Bộ Tư lệnh Hải quân, Dinh Độc lập.

Công tác chuẩn bị ở phân khu 2 và 3 hết sức khẩn trương. Nhiều cán bộ chiến sĩ chưa hình dung được thế nào là đánh trong thành phố, nhất là mục tiêu mà mình phải đánh chưa ai nhìn thấy, kể cả những cán bộ chủ chốt của đơn vị. Chỉ riêng mục tiêu sân bay Tân Sơn Nhất, tiểu đoàn đặc công phân khu 2 đã điều nghiên kỹ, đào được hầm bí mật ở Bà Quẹo để ém quân. Hàng ngàn dân công Long An đã tham gia vận chuyển trên 200 tấn vũ khí các loại từ căn cứ Ba Thu vào các vùng ven Sài Gòn chuẩn bị cho đợt tiến công.

Do việc điều chỉnh lịch của Nha khí tượng thủy văn, Tết Âm lịch giữa Hà Nội và Sài Gòn lệch nhau một ngày, nên sáng 1-2 -1968 (mùng 2 Tết), 2 phân khu 2, 3 mới được lệnh tiến công. Lực lượng phải “Vừa chạy vừa xếp hàng”, lập tức hành quân về các mục tiêu.

Đúng 2 giờ sáng, pháo binh quân khu 2 bắn 36 quả đạn cối 82 ly vào sân bay Tân Sơn Nhất, làm hiệu lệnh xuất phát tiến công. Tiểu đoàn 16, 267 và tiểu đoàn 12 đặc công tiến về sân bay; tiểu đoàn 256 và tiểu đoàn 6 Bình Tân tiến về hướng Phú Lâm. Tiểu đoàn 12 đặc công đánh vào căn cứ Hoàng Hoa Thám mà không liên lạc được với bộ phận binh vận. Địch phản công quyết liệt, tiểu đoàn 12 phải trụ lại đánh cầm chân lực lượng thiết giáp địch không cho chúng bung ra đánh lại hai tiểu đoàn bộ binh của ta.

Tiểu đoàn 267 nhanh chóng vượt qua đường nhựa tiêu diệt lô cốt OF.49.51 đầu sân bay đánh chiếm được 5 vòm chứa máy bay. Địch tăng lực lượng quân dù. Trận đánh không cân sức diễn ra quyết liệt suốt ngày. Tiểu đoàn 16 đánh hướng bắc chiếm hăng dệt Vinatexco làm bàn đạp, diệt lô cốt OF.51.51 để vào sân bay. Bộ đội và đặc công ta phá được 17/25 lớp rào thì đưng mũi phản kích của lính dù nguy, nhiều đồng chí hy sinh, ta rút về hăng dệt Vinatexco.

Sáng mùng 2 Tết, Mỹ - ngụy có xe tăng yểm trợ từ Củ Chi xuống. Trận chiến diễn ra ác liệt từ ngã ba Bà Quẹo đến cầu Tham Lương. Máy bay Mỹ ném bom hủy diệt cả nhà máy Vinatexco.

Cánh quân thứ 2 của phân khu 2 ở hướng tây Sài Gòn, tiểu đoàn 269, tiểu đoàn 6 Bình Tân đánh chiếm trường đua Phú Thọ, chiếm một số đoạn đường Trần Quốc Toản. Địch đưa tiểu đoàn 38 biệt động ngăn chặn ngay trên đường Trần Quốc Toản, Nguyễn Tri Phương. Chiến sự diễn ra ác liệt ở khu vực này suốt cả ngày. Ta và địch giành giật từng góc phố, căn nhà.

Hướng phân khu 3, trong đêm mùng một Tết, bộ đội đến sông Cần Giuộc không có xuồng phải vượt sông bằng bọc ni lông. Tiểu đoàn 5 Nhà Bè tiến về hướng Tân Quy, quận 4, tiểu đoàn 2 và đặc công tiến về hướng quận 7, tiểu đoàn 1 và tiểu đoàn Đồng Nai tiến về hướng quận 8. Từ sáng đến chiều tiểu đoàn 1 có hỏa lực ĐKZ phân khu hỗ trợ mới hạ được bót Công Kiều và vào được đưược quận 8 hướng cầu Nhị Thiên Đường. Tiểu đoàn 5 chỉ vào được ấp Tân Quy nhưng không qua được sông vì địch đã dàn quân bên kia bờ. Tiểu đoàn 2 và đặc công vào quận 7 đánh hướng bến tàu Lê Quang Liêm. Do không liên lạc được với các cánh quân khác, phân khu phải cho đặc công vượt bến Lê Quang Liêm và phải sau hai ngày mới gặp được lực lượng phân khu 2 ở khu chợ Thiếc.

Các trận đánh của phân khu 2 và 3 trong nội thành đến ngày 12-2-1968 mới kết thúc đợt I.

Lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh có 2 tiểu đoàn 14 và 16 mới thành lập, đại đội 5, đại đội đặc công công binh, biệt động, mỗi huyện có từ 1 đến 2 trung đội. Rạng sáng 31-1-1968, tiểu đoàn 16 cùng đại đội biệt động từ hướng tây đánh vào khu vực USOM của cố vấn Mỹ. Tiểu đoàn 14 từ hướng bắc thẳng vào tiểu khu Tây Ninh, đại đội pháo (sư 5) cùng đại đội đặc công vào giải phóng trại giam. Đại đội 2 tiểu đoàn 45 thị xã đánh vào khu vực xóm Dốc, Quán Cơm và trung tâm thị xã. Tiểu đoàn 16 theo kế hoạch đánh từ hướng tây vào thị xã Tây Ninh thì nhận lệnh của Bộ Chỉ huy Miền chuyển nhiệm vụ đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất. Toàn tiểu đoàn hy sinh anh dũng, chỉ còn lại đồng chí tiểu đoàn trưởng (người địa phương) trở về được căn cứ. Đại đội biệt động vào Giếng Mạch đánh xuống Trường Lưu, Trường Hòa về rừng 16 mẫu. Tiểu đoàn 14 và đặc công do nắm địch không chắc chỉ đưa được một bộ phận của đại đội 3 đánh tiêu diệt tua Chùa Ông Cọp ở đầu sân bay và phải rút ra. Đại đội bắn pháo vào tiểu khu, hủy diệt kho xăng ở trong sân bay.

Ở khu vực Tòa Thánh, tiểu đoàn 14 mở nhiều đợt tiến công vào chi khu Phú Khương, nhưng bị pháo binh địch phản kích quyết liệt vào ngay đội hình, đến sáng phải rút ra trụ tại ấp Long Mỹ. Mỹ đã cho máy bay đến hủy diệt Long Mỹ, cho xe tăng và bộ binh phản kích quyết liệt. Tiểu đoàn 14 đã bám trụ kiên cường đánh bật nhiều đợt xung phong của địch, loại khỏi vòng chiến đấu gần 300 Mỹ, bắn cháy 6 máy bay, diệt 15 xe tăng M48.

Ở các huyện, lực lượng vũ trang huyện và nhân dân đồng loạt nổi dậy. Tại Châu Thành bộ đội huyện phối hợp với sư 9 chủ lực Miền tấn công vùng tam giác Thanh Điền, Thái Bình A, Trí Bình, tiêu diệt tiểu đoàn biệt động quân nguy ở ngã tư Thanh Phước, tiêu diệt bớt Econel. Hơn 5.000 đồng bào Thanh Phước đã nổi dậy bằng hình thức “tản cư ngược” lùa cả trâu bò vào thị xã, đòi bồi thường thiệt hại do bom pháo của địch.

Ở Trảng Bàng, lực lượng vũ trang đồng loạt tiến công bao vây thị trấn, cắt đứt giao thông lộ 1, đánh chiếm bớt Gia Huỳnh, Lộc Du. Du kích Lộc Hưng và bộ đội huyện tấn công bớt Cầu Ván, đánh thiệt hại một tiểu đoàn của sư 5 nguy lên tăng viện. Ở các xã phía tây huyện Trảng Bàng, dân quân du kích Phước Chỉ cùng bộ đội huyện tấn công đồn Trà Cao diệt 1 trung đội bảo an, bắt giáo dục bọn tề nguy.

Ở Gò Dầu, bộ đội huyện, tỉnh tiến công thị trấn, Bàu Đồn, suối Bà Tươi, Thạnh Phước, chặn đánh đoàn xe cơ giới địch từ thị xã xuống Bông Trang, bắn cháy 6 xe diệt 40 tên. Ở Bến Cầu, bộ đội huyện cùng du kích Lợi Thuận bám trụ từ An Thạnh đến Mộc Bài, phát động quần chúng nổi dậy đắp mô lập chướng ngại vật trên lộ 1.

Quần chúng khu vực Tòa Thánh, quần chúng tin đồ phối hợp vũ trang diệt ác, phá kìm bức rút đồn bót, xé tờ khai gia đình, cờ ba que. Huyện ủy Tòa Thánh phát động trên 10.000 quần chúng ấp Long Mỹ kéo đến quận lỵ đấu tranh với quận trưởng Phú Khương đòi bồi thường thiệt hại tài sản, vườn cây trái bị bom Mỹ hủy diệt. Địch buộc phải xuất 2 triệu đồng bồi thường. Phong trào gia đình binh sĩ nguy kêu gọi chồng, con, em chồng lệnh hành quân tiếp viện, trở về với gia đình, với cách mạng phát triển mạnh mẽ. Ở xóm Sóc (Trảng Bàng) vào tháng 2-1968, một trung đội địch đi càn, quần chúng đã tấn công binh vận làm tan rã gần hết. Đông đảo quần chúng xuống đường tham gia tiếp tế, tải thương như chị Võ Thị Dậu (Gò Dầu) lấy thân mình che đạn cho thương binh và đã hy sinh anh dũng. Chị Đặng Thị Hảo ở xã Lộc Hưng (Trảng Bàng) cống tử sĩ đi lạc trong rừng 3 ngày, vẫn đưa về căn cứ chôn cất chu đáo.

Trong đợt 1, quân dân Tây Ninh đánh 230 trận lớn nhỏ, tiêu diệt 3.325 tên (có 300 Mỹ), phá hủy 55 xe tăng, xe thiết giáp, bắn rơi 9 máy bay, làm rã ngũ 1.338 tên. Đến ngày 13-2-1968, các lực lượng chiến đấu trong nội thành có lệnh rút quân ra ngoại ô. Địch chốt chặn đường rút quân của ta và phản kích rất ác liệt, nhưng các chiến sĩ ta vẫn kiên cường đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn Mỹ trên nhánh lộ 13 Lái Thiêu – Gò Vấp; đánh thiệt hại tiểu đoàn 8 dù ở Tân Thới Hiệp. Tiểu đoàn Phú Lợi cùng lực lượng địa phương giữ vững trận địa ở một ấp thuộc xã Hưng Long (Bình Chánh) diệt nhiều tên Mỹ, bắn cháy 6 xe tăng, ở Vĩnh Lộc (Bình Chánh) ta diệt gần 200 tên Mỹ, bắn rơi 3 máy bay, bắn hỏng 5 xe tăng. Lực lượng ta bị thương nặng. Các chiến sĩ ta bị thương trong nội thành, đồng bào biết là quân giải phóng nên đưa vào nhà che dấu, băng bó vết thương và tìm mọi cách đưa ra vùng giải phóng.

Ngày 28-2-1968, đợt một Tổng tiến công và nổi dậy kết thúc. Lúc đầu tiên, quân giải phóng đã thọc sâu tận hang ổ sào huyệt, hậu cứ, kho tàng của kẻ thù trên quy mô diện rộng. Đây là một “đòn sét đánh”, đối với bọn xâm lược Mỹ và làm chấn động dư luận thế giới. Cuộc Tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 đã giáng đòn quyết định đánh vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, làm thất bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ. Tướng Oétmolen – Tổng chỉ huy Mỹ ở miền Nam – bị cách chức, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mack Namara từ chức. Ngày 31-3-1968, Tổng thống Mỹ Giônxon phải tuyên bố 3 điểm: Thứ nhất: Đơn phương ngừng đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra; thứ 2, nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Pari; thứ 3, không ra tranh cử Tổng thống nhiệm kỳ 2. Rõ ràng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân đã làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Đánh giá về thắng lợi đợt một Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, Hội nghị Trung ương Cục miền Nam (3-1968) khẳng định: Cuộc Tổng tiến công và nổi

dậy đã mở ra một cục diện mới trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta. Hội nghị cũng cho rằng đợt Tết Mậu Thân chưa đạt thắng lợi cao nhất theo khả năng thứ nhất mà Bộ Chính trị đề ra là do ta còn nhiều khuyết điểm, nhược điểm, trong đó, chủ yếu là do khuyết điểm, nhược điểm chủ quan. Lực lượng chính trị của quần chúng chưa kết hợp chặt chẽ tấn công vũ trang, chưa đáp ứng yêu cầu của một tổng khởi nghĩa. Nhiều vấn đề lớn, rất phức tạp ta nhận thức chưa đầy đủ, trong khi đó mọi ý nghĩ hành động đều dồn vào mục tiêu đầu não của địch và ngay khi ta chưa dứt điểm được mục tiêu, địch đã bung ra. Trong khi đó, ở nông thôn vùng giải phóng tuy có mở rộng, nhưng địch còn lực lượng đủ sức phản kích chiếm lại.

Sau đợt một cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, các phân khu, các tỉnh triển khai học tập nghị quyết của Trung ương Cục lần thứ 6, Nghị quyết này kịp thời giải quyết những băn khoăn thắc mắc của cán bộ, thống nhất tư tưởng từ trên xuống dưới mà trước đó các chỉ thị có giải quyết nhưng chưa tốt. Đây cũng là dịp để cán bộ kiểm điểm lại tình hình, thấy rõ thắng lợi của ta, thất bại của địch, củng cố lòng tin vào đường lối, chủ trương và sự lãnh đạo của Đảng.

Nghị quyết lần thứ 6 của Trung ương Cục, đặt rõ về công tác tổ chức, Ban Thường vụ Trung ương Cục chỉ đạo sắp xếp lại các cấp ủy phân khu¹. Thi hành chỉ thị của Thường vụ Trung ương Cục tiến hành một đợt phát triển Đảng viên, đoàn viên mang tên “lớp đảng viên, đoàn viên Hồ Chí Minh” từ cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968, các phân khu quan tâm đúng mức đến công tác phát triển².

Đợt 2 diễn ra từ ngày 5-5 đến ngày 18-6-1968, trong tình thế địch đã triển khai lực lượng đối phó, yếu tố bất ngờ không còn. Chuẩn bị cho đợt 2, các lực lượng vũ trang của ta phải chiến đấu quyết liệt để giữ bàn đạp. Nhiều đơn vị được phân công mục tiêu tấn công tận sào huyệt địch phải hàng quân từ xa, luồn lách mở đường, các mũi hành quân bị địch phát hiện đánh thiệt hại không vào được mục tiêu. Trong lúc đó, lực lượng tại chỗ trong thành phố chưa hồi phục, củng cố kịp. Tuy vậy, khí thế ra trận của quân dân ta rất mạnh. Cán bộ chiến sĩ đều có quyết tâm lớn với khẩu hiệu

¹ Ban cán sự mới nội thành có 7 đồng chí. Phân khu I trước có 27 đồng chí nay xếp lại còn 17 đồng chí. Phân khu II trước có 27 đồng chí nay xếp lại còn 16 đồng chí. Phân khu III, Phân khu IV trước có 20 đồng chí nay xếp lại còn 11 đồng chí. Phân khu V trước có 26 đồng chí nay xếp lại còn 17 đồng chí.

² 2. Đến cuối tháng 3-1968, Phân khu I phát triển 96 đảng viên, 442 đoàn viên, Phân khu II phát triển 367 đảng viên, 382 đoàn viên, Phân khu III phát triển 42 đảng viên, 682 đoàn viên, Phân khu IV phát triển 111 đảng viên, 25 đoàn viên, Phân khu V phát triển 114 đảng viên, 68 đoàn viên.

“đợt sau cao hơn đợt trước”, bằng mọi cách vượt qua chốt chặn của địch, thực hiện đúng mệnh lệnh.

0 giờ 30 ngày 5-5-1968 mở màn cho đợt 2, pháo binh ta bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất, Dinh Độc lập, Tòa Đại sứ Mỹ, Tân cảng Sài Gòn, Bộ Tư lệnh Hải quân ngụy, Tổng nha cảnh sát, Biệt khu Thủ đô. Các chiến sĩ đặc công biệt động thành đánh chiếm thành Phan Thanh Giản, Đài vô tuyến truyền hình. Các tiểu đoàn mũi nhọn của phân khu, lực lượng vũ trang tại chỗ và một bộ phận sư đoàn 9 chủ lực quân giải phóng đánh sâu vào trung tâm thành phố, chiếm giữ trong thời gian nhất định ngã tư Bảy Hiền, trường đua Phú Thọ, cầu Chữ Y, quận lỵ Gò Vấp, cầu Bình Lợi, đường phố các quận 5, 6, 7, 8... địch phải huy động lực lượng tổng dự bị ngụy và cả lực lượng Mỹ để phản kích. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng quyết liệt, nhiều đợt phản kích của địch bị các chiến sĩ quân giải phóng chặn đứng và đẩy lùi làm cho sinh lực địch bị thiệt hại nặng, nhưng lực lượng của ta cũng thương vong nhiều.

Phối hợp với nội thành, lực lượng vũ trang các tỉnh thuộc miền Đông không chế nhiều cửa ngõ vào Sài Gòn, Đoàn pháo binh Miền pháo kích sân bay Biên Hòa, kho Long Bình, tập kích quân Mỹ, quân Úc ở Sở Hội, Tân Uyên, Dầu Tiếng, Đồng Dù, Trảng Lớn, núi Bà Đen, Xuân Lộc, Lộc Ninh, Hớn Quản... Nổi bật có trận ngày 9-5-1968 tại Mỹ Hạnh, tiểu đoàn 6 trung đoàn 2 sư đoàn 9 tập kích cụm xe Mỹ diệt 96 xe tăng và thiết giáp, phá hủy 12 pháo, bắn rơi 7 máy bay; trận tập kích cụm quân Mỹ ở Bà Điểm của tiểu đoàn 5 trung đoàn 2, sư đoàn 9 loại 120 tên; tại Búng (Lái Thiêu) trung đoàn 12 sư đoàn 9 diệt 1 tiểu đoàn ngụy, đánh phản kích, bắn rơi 15 máy bay, diệt 14 xe tăng, trận Bình Cơ, trung đoàn bộ binh 14 sư đoàn 7 diệt 1 đại đội ngụy, 2 đại đội Mỹ, 5 pháo, 14 xe tăng; Trận La Ngà trên lộ 20 trung đoàn 4 sư đoàn 5 diệt 1 tiểu đoàn ngụy phá hủy yếu khu Túc Trưng (Định Quán)... Đoàn 10 Rừng Sác dùng ĐKB đánh vào Bộ Tư lệnh Hải quân ngụy, bắn cháy 10 tàu chiến trên sông Lòng Tàu.

Trên cửa ngõ phía tây Sài Gòn từng đợt 300 đến 700 dân công Long An lên đường làm nhiệm vụ. Ở Vĩnh Lộc (Bình Chánh) trong một trận có 33 dân công hy sinh. Đồng bào vùng ven đã nỗ lực để cứu nuôi thương binh vượt quá dự kiến nhiều lần. Ở An Tịnh (Trảng Bàng) dự tính nuôi thương binh khoảng 200, mà phải nuôi trên 700 thương binh, do đó nhiều gia đình nuôi từ 4 đến 5 thương binh. Khi tình hình căng thẳng phải đưa thương binh xuống hầm bí mật. Ở Gò Vấp, Ban chỉ huy trung đoàn Đồng Nai và 15 thương binh nặng của Phân khu I được đồng bào che chở, chăm sóc và đưa ra ngoài.

Bên cạnh thắng lợi đó, ta cũng có một số thiếu sót là chưa đưa được các lực lượng mũi nhọn vào các khu vực trọng yếu, nên tác chiến nhiều điểm không đạt yêu

cầu; chưa phát động được quần chúng nổi dậy với khí thế tổng khởi nghĩa trên quy mô rộng lớn.

Trong đợt 2, lực lượng ta đánh địch rất quyết liệt làm thiệt hại nặng về sinh lực, phương tiện chiến tranh, bồi tiếp một đòn vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ và tạo thêm mâu thuẫn trong nội bộ chúng. Ngày 13-5-1968, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn phải cử đại diện đến Pari đàm phán với ta trong thế yếu.

Tháng 8-1968, Bộ Chính trị Trung ương Đảng chủ trương tiến hành đợt 3 tổng công kích, tổng khởi nghĩa nhằm làm cho địch “Thất bại trên chiến trường, ở các thành thị lớn và thất bại ở ngay nước Mỹ”. Bộ Chính trị xác định tiến công và nổi dậy đợt 3 vẫn nhằm vào các thành phố lớn, chiến trường quan trọng vẫn là Sài Gòn – Gia Định và miền Đông Nam bộ là chiến trường trọng điểm. Các chiến trường phải phối hợp đồng loạt tiến công và nổi dậy mạnh mẽ.

Tháng 7-1968, Trung ương Cục tổ chức Ban Cán sự T7, chịu trách nhiệm chỉ đạo tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, Phân khu 4, Tỉnh Biên Hòa (U1). Ban Cán sự T7 do đồng chí Nguyễn Ngọc Tân (Hai Lực) làm Bí thư, Lương Văn Nho làm Tư lệnh.

Lực lượng vũ trang của ta ở miền Đông qua hai đợt tiến công bị tổn thất chưa bổ sung kịp. Mũi nổi dậy của quần chúng ở đô thị không có khả năng đáp ứng yêu cầu của đợt 3. Xuất phát từ tình hình cụ thể, Trung ương Cục, Quân ủy Miền đề nghị Bộ Chính trị và được chấp nhận là đợt này không tiến công lớn bằng bộ binh vào đô thị mà chuyển trọng tâm tiến công ra vòng ngoài, chủ yếu là hướng Tây Ninh, Bình Long.

Bộ chỉ huy Miền đề ra phương án tiến công đợt 3 là: Mở chiến dịch tiến công trên địa bàn Tây Ninh, Bình Long, hướng chủ yếu là Tây Ninh, hướng thứ yếu là Lộc Ninh, hướng phối hợp là các chiến trường khác trong đó có vùng ven và nội ô Sài Gòn. Mục tiêu của đợt là nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực cơ động Mỹ - nguy trực tiếp bảo vệ Sài Gòn, làm tê liệt một thành phần quan trọng hệ thống phòng thủ Sài Gòn, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị, binh vận, vũ trang diệt ác, phá kìm, thu hút lực lượng địch ra ngoài tạo điều kiện cho hoạt động quân sự, chính trị ở Sài Gòn và xung quanh.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền. Tỉnh ủy Tây Ninh chỉ đạo cho quần dân trong tỉnh kết hợp với lực lượng của trên vừa phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ của mình, vừa tạo mọi điều kiện cho lực lượng chủ lực Miền tiêu diệt được nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch.

Đợt III với hai giai đoạn (17 đến 31-8; 10 đến 29-9-1968). Giai đoạn 1 trên hướng chính, bộ đội chủ lực Miền phối hợp lực lượng vũ trang Tây Ninh tấn công

hiều chốt và cứ điểm địch trên vùng bắc Tây Ninh, đánh giao thông trên quốc lộ 22 đạt hiệu suất chiến đấu cao. Các trận đánh nổi bật như sư đoàn 9 ba lần tập kích chốt Mỹ (đánh bồi đánh nhồi) ở Trà Phú; trung đoàn 5 sư đoàn 5 tấn công cụm dã chiến bộ binh cơ giới Mỹ ở Trà Là; Đặc công Miền tấn công trung tâm thông tin núi Bà Đen; trung đoàn 33, trung đoàn 88 sư đoàn 5 đánh trận phục kích giao thông trên quốc lộ 22. Trên hướng thứ yếu, sư đoàn 7 chủ lực Miền uy hiếp đánh địch giải tỏa ở chi khu Lộc Ninh.

Giai đoạn 2 trên hướng chính ta chuyển khu vực tác chiến sang hướng đông và đông nam. Các trận đánh nổi bật: Trận Lâm Vồ diệt một tiểu đoàn bộ binh cơ giới Mỹ (trung đoàn 2 sư 9); hai trận giao thông trên quốc lộ 22 và 26 (trung đoàn 88 và trung đoàn 174 thực hiện); các trận Bến Củi, Tà Păng ro boong (do trung đoàn 5 và trung đoàn 1 sư 9 thực hiện). Trên hướng thứ yếu, sư đoàn 7 chủ lực Miền diệt và đánh tiêu hao 3 tiểu đoàn Mỹ; trung đoàn 320 bắn rơi máy bay chỉ huy, tướng Kétua Tư lệnh sư đoàn 1 (Anh cả đỏ) bị diệt.

Trên các chiến trường phối hợp bộ đội phân khu, bộ đội địa phương tỉnh và du kích đánh địch phản kích vô cùng ác liệt. Trung đoàn 16 hoạt động ở Bến Cát – Dầu Tiếng đã tổ chức nhiều trận đánh ở đồng Cỏ Đỏ, Rạch Bắp, Bung Còng, Đồng Ngỗng... Đoàn 10 đặc công Rừng Sác trong hai ngày 21, 22 tháng 8 vừa bắn hỏa tiễn ĐKB vào Dinh Độc lập, vừa tổ chức đánh địch trên sông Lòng Tàu bắn chìm và cháy 5 tàu hàng quân sự, xăng dầu từ 7 đến mười nghìn tấn (có 1 chiếc chìm trong cảng Cát Lái).

Trên chiến trường Long An, địch tăng thêm quân, B52 ném bom và bắn pháo triệt hạ các căn cứ bàn đạp và một số vùng dân cư ở hai bên sông Vàm Cỏ Đông. Trong khi đó, các tiểu đoàn sau đợt 2 chỉ còn nửa quân số. Trước những khó khăn đó, bộ chỉ huy 2 phân khu chỉ đạo các đơn vị tích cực chủ động tiến công, tập trung và phân tán linh hoạt để tránh thương vong nhiều. Phân khu 3 giải thể 2 tiểu đoàn, nhưng vẫn bám sát Sài Gòn, khi đó nông thôn phía sau lại đang sơ hở đã bị lấn chiếm. Lúc này quân số các tiểu đoàn xuống quá thấp, phải củng cố thành cấp đại đội, trung đội.

Trên các phân khu khác, trừ một số địa bàn giữ được thế giằng co như Củ Chi, tình thế chiến trường cũng tương tự như ở Phân khu 2 và Phân khu 3. Địch đã phản kích đẩy lực lượng ta ra xa các vùng dân cư.

Ở khu đồn điền cao su miền Đông, một số đồn điền thuộc chỉ đạo của phân khu ủy 1, 4, 5; một số thuộc chỉ đạo của các tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, Bình Long, Tây Ninh. Đảng ủy các đồn điền đều thành lập Ban chỉ huy với nhiệm vụ chỉ đạo lực

lượng vũ trang đồn điền phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương và cơ sở công nhân tại chỗ tấn công vào các thị trấn, đồn bót địch, diệt ác phá kìm, làm chủ đồn điền.

Trong các đợt, hầu hết bộ máy ngụy quyền ở các làng, sở đều bị tan rã, có nơi ta diệt gọn tề xã ác ôn như các đồn điền Ông Quế, Cẩm Mỹ (Long Khánh), Bình Sơn (Long Thành), Xa Cát, (Bình Long); có nơi giải phóng hoàn toàn đồn điền lớn như Xa Cát, Xa Trạch (Bình Long), phát triển được thể chính trị của công nhân trấn áp bọn phản cách mạng, tổ chức trên 20 Ủy ban nhân dân giải phóng.

Tính đến tháng 4-1968, đã có trên 30.000 dân trong các đồn điền cao su ở miền Đông được giải phóng, trong đó có 11.000 công nhân. Nhiều nơi, tuy chưa giải phóng hoàn toàn, nhưng phát triển được thể làm chủ chính trị sát các chốt Mỹ như Bình Sơn, Bình Ba, Hàng Gòn, Suối Tre, An Lộc, các ấp 4, 5 Dầu Giây...¹

Đợt Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 là một đòn tiến công bất ngờ đánh vào các trung tâm sào huyệt của Mỹ ngụy làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo trên địa bàn miền Đông Nam bộ, đã có những khuyết điểm chính là, sự đánh giá chủ quan về tương quan lực lượng, từ đó đề ra mục tiêu quá cao, dồn sức ở đô thị, xem nhẹ nông thôn. Nên khi địch tập trung lực lượng phản kích đã làm cho lực lượng cách mạng gặp rất nhiều khó khăn kéo dài sau đó. Những khuyết điểm trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy đã được Đảng ta nhận xét: “Chủ quan trong đánh giá tình hình nên đề ra yêu cầu chưa thật sát với tình hình thực tế; ta đã không kịp thời kiểm điểm rút kinh nghiệm ngay nhằm đánh giá lại tình hình và có chủ trương chuyển hướng kịp thời; ta chậm thấy những cố gắng mới của địch, những khó khăn lúc đó của ta, không đánh giá hết âm mưu của địch trong kế hoạch bình định nông thôn” và “Ta cứ đánh mãi trong khi chúng ta đã bị nhiều tiêu hao nặng, mất dân, mất đất nhiều”, sau Tết Mậu Thân “ta chuyển chậm, chủ trương tiếp tục các đợt tiến công vào đô thị khi không còn điều kiện là sai lầm về chỉ đạo chiến lược, để địch gây ra nhiều khó khăn, tổn thất”².

Tuy nhiên, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 vẫn giữ một giá trị to lớn và oanh liệt trong cuộc Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Quân và dân miền Đông Nam bộ đã góp công sức quan trọng cùng với quân dân toàn miền Nam

¹ . Lịch sử Phong trào công nhân cao su Việt Nam, Nxb Trẻ, 1993, tr. 326.

² Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập II, tr. 418.

làm phá sản chiến lược Chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ, bước leo thang cao nhất trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam của chúng.

Chương VII
ĐẢNG BỘ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ LÃNH ĐẠO VIỆC KHÔI PHỤC
LỰC LƯỢNG, ĐÁNH PHÁ BÌNH ĐỊNH, THAM GIA TIẾN CÔNG CHIẾN
LƯỢC, ĐÁNH THẮNG CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH”
CỦA MỸ NGỤY (1969-1972)

I. CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” CỦA MỸ VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA TA TRÊN CHIẾN TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

Cuộc tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, trong đó miền Đông Nam bộ là một trọng điểm, đã làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ. Cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt Nam sau 4 năm (1965-1968), tiêu tốn hàng năm khoảng 30 tỷ đôla, đã làm cho nền kinh tế Mỹ khủng hoảng nặng nề, nội bộ chính quyền Mỹ bị phân hóa, hơn 100.000 binh sĩ Mỹ chết, bị thương, mất tích càng làm cho nhân dân Mỹ nhận ra chiến tranh xâm lược ở Việt Nam là vô nghĩa, chỉ gây thêm tai họa cho cuộc sống người Mỹ. Phong trào chống chiến tranh ở nước Mỹ và trên thế giới đòi Mỹ rút quân ngày càng mạnh. Trong diễn văn nhận chức tổng thống ngày 20-1-1969, Nichxon đã phải thú nhận: cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã làm cho nước Mỹ đang khủng hoảng tinh thần, cấu xé, chia sẻ, xơ xác, toi bời...”. Tháng 1-1969 cũng là thời điểm tổng thống Mỹ đề ra học thuyết Nichxon¹.

Học thuyết Nichxon vận dụng vào cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam được gọi là “Việt Nam hóa chiến tranh”, từng bước chuyển giao nhiệm vụ tác chiến trên chiến trường cho quân ngụy, tiếp tục cuộc chiến tranh “dùng người Việt đánh người Việt” với công thức: ngụy quân + cố vấn Mỹ + viện trợ Mỹ + phương tiện chiến tranh của Mỹ + tòa đại sứ Mỹ. Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh được Mỹ triển khai bằng kế hoạch chiến lược gồm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: chuyển giao trách nhiệm chiến đấu trên bộ cho quân ngụy, rút quân viễn chinh Mỹ về nước, làm suy yếu đối phương thông qua chương trình “Bình định nông thôn”.

¹ I. Nichxon giải thích như sau: “Học thuyết Nichxon không phải là một công thức để đưa Mỹ ra khỏi châu Á, mà là một công thức đưa lại cơ sở duy nhất vững chắc để Mỹ ở lại và tiếp tục đóng vai trò có trách nhiệm trong việc giúp các nước không cộng sản và trung lập cũng như các đồng minh châu Á của chúng ta nhằm bảo vệ nền độc lập của họ”, Giô đép A. Amtơ: *Lời phán quyết về Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985, tr. 252.

- Giai đoạn 2: chuyển giao trách nhiệm trên không cho không quân ngụy, quân ngụy giữ được miền Nam, Lào, Campuchia.

- Giai đoạn 3: hoàn thành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, củng cố thành quả đạt được, đối phương suy yếu, chiến tranh lụi tàn dần.

Địch xác định giai đoạn 1 là quan trọng nhất, bao gồm 3 bước¹, dự kiến đến 30-6-1972, nội dung chủ yếu bao gồm:

- Mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia nhằm đánh phá căn cứ hậu phương, hành lang chiến lược của địch mà địch gọi là “chiến tranh bóp nghẹt”.

- Tăng cường viện trợ quân sự, hiện đại hóa quân ngụy thay quân Mỹ trên chiến trường.

- Thực hiện các kế hoạch bình định nông thôn, lấy bình định nông thôn làm biện pháp và mục tiêu chiến lược hàng đầu.

Miền Đông Nam bộ là trọng điểm của các kế hoạch bình định của Mỹ - ngụy. Ngay sau đợt II và III Mậu Thân, lợi dụng sơ hở của ta tập trung lực lượng vào các thành phố thị xã, thị trấn và bám trụ vùng ven quá lâu, Mỹ - ngụy dồn lực lượng đánh mạnh lấn chiếm và bình định nông thôn, không chỉ ở vùng ven Sài Gòn, mà còn đánh lấn vào cả các vùng tranh chấp và giải phóng. Lực lượng địch tập trung ở miền Đông Nam bộ chiếm 40% lực lượng quân Mỹ ở miền Nam, 30% quân ngụy toàn Nam bộ².

Với lực lượng lớn, địch bố trí thành 3 tuyến phòng thủ quanh Sài Gòn, sư đoàn I kỵ binh bay Mỹ tập trung đánh phá kho tàng, cách mạng ở hướng Tây Ninh, Bình Long, Phước Long. Sư 1 và sư 25 của Mỹ cùng các sư 5, 18, 25 ngụy tập trung đánh phá vùng trung tuyến. Trên địa bàn vùng Đông Nam bộ, hàng tháng địch mở 377 cuộc hành quân lớn nhỏ chiếm 38% cuộc hành quân ở Nam bộ. Các hoạt động quân sự của địch đều nhằm mục tiêu cao nhất là “bình định quân sự cho được, kiểm soát cho được

¹ *Bước 1:* Từ đầu 1969 đến tháng 6-1970: Bình định được nhiều vùng đông dân quan trọng, chủ lực và bộ đội địa phương (cách mạng) không còn hoạt động được đến cấp đại đội ở vùng tranh chấp, hạ tầng cơ sở cách mạng ở vùng kiểm soát bị tê liệt, quân ngụy đủ sức đối phó ở cấp tương đương, rút được một bộ phận quân Mỹ về nước.

Bước 2: Từ 30-6-1970 đến 30-6-1971: Bình định được tất cả các vùng đông dân quan trọng, chủ lực và bộ đội địa phương của ta không còn hoạt động được đến cấp đại đội ngay trên vùng căn cứ, hậu phương hậu cần của ta bị tê liệt; quân ngụy bành trướng, trình độ “tối tân hóa” cao, quân Mỹ rút phần lớn.

Bước 3: Từ 30-6-1971 đến 30-6-1972: Cơ bản bình định được toàn bộ miền Nam, ta không còn hoạt động đáng kể và cũng không lợi dụng được địa bàn Lào và Campuchia, quân ngụy đủ sức chặn “xâm lăng” từ miền Bắc, bảo đảm an ninh bên trong, quân Mỹ rút hết lực lượng chiến đấu.

² Cuối năm 1968, Nam Bộ có 520.000 quân ngụy, miền Đông Nam Bộ chiếm 152.000. Đến 1972 tăng lên 201.700 trên tổng số 639.000 quân ngụy ở Nam Bộ. Lực lượng thiết giáp từ 229 xe lên 356 xe, lực lượng không quân tăng gấp 10 lần năm 1968.

dân” trên cơ sở quan niệm tìm diệt và bình định thống nhất (trước đây trong chiến lược chiến tranh cục bộ, địch quan niệm tìm diệt và bình định tách rời nhau).

Quân chủ lực nguy có không quân, pháo binh yểm trợ, tích cực mở hàng loạt cuộc hành quân “yểm trợ bình định” tập trung các vùng trọng điểm ở Long An, Hậu Nghĩa, Tây Ninh, Bình Dương, Phước Tuy, Biên Hòa và vành đai Sài Gòn. Địch phân vùng để đánh phá như sau:

- Ở vùng giải phóng Tây Ninh, Bình Long - Phước Long, Minh Đạm, Bắc lộ 23 Bà Rịa, Rừng Sác địch liên tục dùng máy bay B52 ném bom và chất độc hủy diệt, địa hình căn cứ, vùng tranh chấp, địch hành quân gom dân vào các khu tập trung.

- Vùng ven và các căn cứ quân sự quan trọng của địch không kiểm soát được như: Lai Khê, Phước Vĩnh, Phú Lợi, Đồng Dù, Long Bình, Nước Trong, Bà Đen... địch gom dân vào các khu vực tập trung dùng xe cơ giới ủi san bằng nhà cửa của dân trên từng vùng rộng hàng chục cây số, tạo vùng trắng để lực lượng vũ trang của ta không còn nơi bám trụ.

- Vùng căn cứ của ta, địch liên tiếp mở những cuộc càn quét, dùng biệt kích lùng sục, đánh phá kho tàng, làm căn cứ mất ổn định. Sử dụng các biện pháp hành chính kinh tế, kiểm soát chặt đời sống nhân dân trong áp chiến lược, phong tỏa các trục lộ giao thông như quốc lộ 1, 14, 13, 22, 15, 20, các liên tỉnh lộ 2, 16, 14, 7... kiểm soát gắt gao các cửa khẩu thu mua của cách mạng, kiểm soát đến từng người dân đi trên đường, quyết không để lọt một hạt muối, một hạt gạo vào tay Việt Cộng.

- Trong lúc đó, quân Mỹ phối hợp chủ lực nguy mở các cuộc càn quét quy mô cấp sư đoàn nhằm diệt và đẩy lùi chủ lực ta ở chiến khu C, Tây Ninh, Bình Long, Phước Long... như: cuộc hành quân đại bàng của sư đoàn dù nguy và bộ phận kỵ binh không quân Mỹ (tháng 12-1969); cuộc hành quân Atlas wedge của Sư 1 bộ binh Mỹ ở Dầu Tiếng, Bình Dương; cuộc hành quân toàn thắng 399/116 của Sư 18 nguy ở vùng Long Khánh, Túc Trưng (Định Quán).

Đẩy mạnh công cuộc bình định, từ tháng 7-1968 địch thành lập Ủy ban phượng hoàng từ Trung ương xuống đến xã. Ủy ban này được bọn Mỹ mệnh danh là “Con chim của thần chết”. Ủy ban phượng hoàng có quyền điều động mọi lực lượng quân sự, bán quân sự của nguy tại tỉnh xuống cơ sở cho công tác bình định. Từ 1969, để quốc Mỹ xác định bình định có tính chất sống còn với chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Mỹ thành lập ủy ban bình định trên cơ sở hợp nhất các cơ quan chỉ đạo bình định của Bộ Tư lệnh quân sự MACV, của sứ quán và phân cục CIA ở Sài Gòn (cơ quan chỉ đạo ủy ban phượng hoàng trước đây). Nguy quyền thành lập trung tâm bình định do Nguyễn Văn Thiệu trực tiếp điều hành, trung tướng Cao Hảo Hớn thường trực; ở cấp tỉnh do tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng trực tiếp chỉ huy thực hiện

chương trình bình định, trực tiếp huy động mọi lực lượng quân sự, dân sự tiến hành bình định với quan niệm thống nhất “một cuộc chiến”. Ở các xã, “trung tâm điều hợp” cảnh sát cuộc và bộ máy hành chính thống nhất một bộ máy để thực hiện bình định, có lực lượng vũ trang và các đoàn bình định xuống yểm trợ. Mục tiêu của hoạt động bình định là diệt và vô hiệu hóa hạ tầng cơ sở cách mạng, bình định quần chúng nhân dân. Với các thủ đoạn chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng bằng nhiều hình thức như truyền đơn, phát loa, dùng cả thủ đoạn kinh tế mua chuộc, lừa mị bằng các chương trình tín dụng nông thôn, vay vốn trang bị máy móc nông nghiệp, ngụy quyền đưa ra chỉ tiêu hàng tháng phải diệt từ 400 đến 500 cơ sở cách mạng ở miền Đông Nam bộ.

Địch tăng cường bắt lính đôn quân. Tính riêng Tây Ninh, trong năm địch bắt 3.000 thanh niên đi lính, đôn phòng vệ dân sự lên dân vệ, bảo an làm lực lượng cơ động. Để bảo vệ thủ phủ Sài Gòn, Mỹ - ngụy bố trí lực lượng thành ba tuyến:

- Tuyến biên giới phòng thủ vòng ngoài nhằm ngăn chặn chủ lực (quân giải phóng) tiến công từ ngoài vào, đánh phá hành lang vận chuyển, căn cứ cách mạng như Tây Ninh, Bình Long, Phước Long.

- Tuyến giữa gồm Trảng Bàng (Tây Ninh), Bến Cát, Dầu Tiếng (Phân khu 1), Phú Giáo, Tân Uyên (Phân khu 5), Tân Bình, Đức Hòa, Cần Giuộc (Phân khu 2,3), Thủ Đức (Phân khu 4), thị xã Biên Hòa, Long Khánh, Bà Rịa... Đây là tuyến quan trọng, địch ưu tiên điều động các lực lượng yểm trợ, lực lượng có mặt thường xuyên 65 đến 66 tiểu đoàn quân Mỹ, ngụy.

- Tuyến ven đô Sài Gòn, khu vực tiếp giáp nội thành Sài Gòn bố trí các lực lượng biệt động, đơn vị trừ bị, cảnh sát dã chiến, lực lượng đặc biệt Mỹ...

Địch phân loại tính chất từng vùng để sử dụng lực lượng các hình thức đánh phá, kìm kẹp thích hợp, gồm: vùng an ninh, củng cố, tảo thanh và biên giới.

- *Vùng an ninh*: Là vùng địch kiểm soát chặt, thường là vùng dân cư đô thị, cơ sở cách mạng ít, yếu, hoặc không còn, địch chỉ sử dụng cảnh sát, dân vệ, phòng vệ dân sự làm lực lượng chủ yếu để bình định.

- *Vùng củng cố*: Tức vùng tranh chấp, địch lập được ngụy quyền nhưng hiệu lực còn kém, chính quyền và lực lượng vũ trang ta còn trụ được, có nơi công khai, có nơi bí mật, địch chỉ kiểm soát được ban ngày. Chúng sử dụng bảo an, dân vệ kết hợp cảnh sát, phòng vệ dân sự, từng nơi từng lúc tăng cường thêm một bộ phận quân chủ lực, thường là nơi giáp ranh giữa vùng đồng bằng - rừng núi.

- *Vùng tảo thanh*: Tức vùng giải phóng của ta (bao gồm căn cứ các cấp). Ở đây địch sử dụng quân chủ lực ngụy có bảo an phối hợp càn quét, đánh phá liên tục để xúc tát, gom dân.

- *Vùng biên phòng* (biên giới): Địch sử dụng lực lượng đặc biệt, biệt động và quân biên phòng có tăng cường quân chủ lực để bình định vùng rừng núi, ngăn chặn ta xâm nhập.

Lợi dụng việc ta chậm chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, có nhiều sơ hở, địch tập trung đánh phá bình định đã gây cho ta nhiều khó khăn, nhất là về giao thông liên lạc, về tiếp tế lương thực. Vùng giải phóng và làm chủ của ta ở miền Đông Nam bộ bị thu hẹp: Vùng giải phóng ta sau đợt I và II/1968 với 222.055 dân, đến tháng 9-1969 chỉ còn lại 82.300 dân. Phân khu II tháng 7-1969 có 12.164 dân bị dồn vào vùng địch, đến tháng 9-1969 tăng lên 22.365 dân.

Thiệt hại ở miền Đông Nam bộ cũng rất lớn, đặc biệt thời kỳ 1969-1970. Lực lượng huyện Bến Cát (Phân khu 1) năm 1968 có 413 đồng chí, đến 1969 còn 228 đồng chí và 6 tháng đầu 1970 chỉ còn 101 đồng chí. Riêng năm 1971, Phân khu 1 hy sinh đến 287 đồng chí; Tây Ninh hy sinh và bị thương 468 (hy sinh 183). Trong đợt hè (11-5 đến 10-6-1969), toàn khu thiệt hại 1.511 đồng chí (hy sinh 350). Thực lực giảm sút, lực lượng bổ sung không kịp thời, các Phân khu đều bám vùng ven chờ thời cơ tiếp tục tổng công kích - tổng khởi nghĩa, bị thiệt hại nhiều hơn. Trung đoàn 320 Phân khu 2 thiệt hại 1.027 đồng chí, 593 bị thương (1-1969-1-1970). Căn cứ của các tỉnh không ổn định do địch càn quét, bom pháo liên tục.

Trước tình hình đế quốc Mỹ triển khai chiến lược chiến tranh mới tàn bạo và thâm độc, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta bước vào một giai đoạn chiến đấu đầy thử thách, gay go và phức tạp. Tháng 11-1969, trong chỉ thị gửi Đảng bộ miền Nam, Bộ Chính trị Trung ương Đảng vạch rõ khuyết điểm của ta trong năm 1968 là chưa đánh giá hết âm mưu thâm độc và hành động phản kích ác liệt của địch vào vùng nông thôn. Vì vậy, ta đã không kịp chuyển hướng chiến lược khi tình hình đã thay đổi. Bộ Chính trị đã vạch phương hướng cho năm 1969 là phải chuẩn bị đợt “Công kích và khởi nghĩa mùa xuân”, đợt “Công kích và khởi nghĩa mùa hè và những đợt tiếp theo nhằm xoay chuyển cục diện chiến trường có lợi cho ta”¹.

Thực hiện nghị quyết Bộ Chính trị, Trung ương Cục miền Nam ra chỉ thị 71/TWC xác định nhiệm vụ của Đảng bộ và quân dân miền Nam là: “Đẩy mạnh tiến công và nổi dậy trên cả 3 vùng, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ, nguy, mở rộng vùng giải phóng nông thôn, giành quyền làm chủ một phần ở đô thị, chủ yếu là cơ sở... nhằm giành thắng lợi lớn, làm chuyển biến lực lượng so sánh có lợi cho ta, tạo thế và lực mới tiến lên giành thắng lợi quyết định”.

¹ *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập II, tr. 436.

Chỉ thị 71 của Thường vụ Trung ương Cục được các Tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh, Tỉnh ủy Biên Hòa (U1) Tây Ninh, Bình Long, Phước Long, Quảng Đức, các Phân khu ủy các phân khu 1, 2, 3, 4, 5 triển khai học tập. Các Đảng bộ cũng cử các cấp ủy viên về triển xuống các Huyện ủy, Thị ủy và các Đảng bộ tương đương. Với các chi bộ mật, các Huyện ủy viên trực tiếp vào triển khai.

Trong triển khai Chỉ thị 71 của Thường vụ Trung ương Cục nổi lên là vấn đề tư tưởng, xuất phát từ thực tế chiến trường. Sau Mậu Thân 1968, đế quốc Mỹ đã chuyển hướng chiến lược quay về bình định nông thôn, lấn chiếm vùng ta làm chủ; mặt khác, chúng tăng cường phòng thủ các đô thị rất chặt chẽ, đặt biệt là các vùng ven. Tình hình các lực lượng kháng chiến gặp rất nhiều khó khăn về lương thực, về bổ sung lực lượng, vũ khí trang bị, địa bàn đứng chân không ổn định... Nhiều cán bộ, có cả cán bộ lãnh đạo chiến trường đều cho rằng “Lên trên thì thấy mỏng như lá lúa, nhưng về dưới thì thấy dày như da trâu”, có nên và có đủ điều kiện để tiếp tục tiến công và nổi dậy như xuân Mậu Thân? Nhưng chấp hành chỉ thị cấp trên, các Đảng bộ vẫn chỉ đạo chuẩn bị cho các đợt hoạt động xuân 1969.

Tuy nhiên căn cứ vào tình hình và lực lượng, Trung ương Cục chỉ đạo chủ trương của đợt xuân 1969 vẫn là tấn công vào đô thị lớn, đồng thời là tiến công tuyến ngoài, đưa phong trào đấu tranh chính trị vũ trang ở đô thị lên một bước, tiến công địch từ bên trong, đẩy mạnh binh vận, nhanh chóng xây dựng lực lượng quân sự, chính trị, tạo thời cơ, sẵn sàng khi có chuyển biến ở đô thị thì kịp thời hành động.

Tư tưởng chỉ đạo là tích cực, kiên quyết, linh hoạt, táo bạo, vững chắc, đánh nhỏ và vừa là phổ biến, khi có điều kiện thì đánh lớn, đánh tiêu diệt kết hợp đánh tiêu hao của 3 thứ quân, đánh địch dã ngoại là chủ yếu, kết hợp dùng đặc công đánh địch trong công sự, nắm vững phương châm kết hợp với 3 mũi, 3 thứ quân, 3 vùng trong chỉ đạo tác chiến.

Lực lượng miền Đông Nam bộ ngoài lực lượng Đảng, đoàn, cơ sở và vũ trang các Phân khu, các tỉnh, được Trung ương Cục tăng cường từ Tây Nguyên và Khu 5 vào gồm: Sư đoàn 1 với ba trung đoàn 95C, 101C, 209, các trung đoàn bộ binh độc lập 33, 174, 10, 20.

Về tổ chức và bố trí chiến trường, từ tháng 7-1968, Trung ương Cục đã giải thể Phân khu 6, thành lập lại thành phố Sài Gòn do đồng chí Võ Văn Kiệt làm Bí thư Thành ủy bao gồm các quận nội thành¹. Do yêu cầu chiến trường và để chỉ đạo sát hơn phong trào chiến trường phía đông nam thành phố, Trung ương Cục thành lập

¹ Các quân đội thành trước đây thuộc các Phân khu nay tách về cho Thành ủy như quận 7, 9, 1, 6...

Ban cán sự Đảng T7 để chỉ đạo trực tiếp các đơn vị phân khu 4, U1 Biên Hòa và tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, đồng chí Nguyễn Ngọc Tân (Hai Lược) làm Bí thư kiêm Chính ủy; đồng chí Lương Văn Nho làm Tư lệnh, Đặng Quang Long làm Phó Chính ủy, Đặng Hữu Thuận làm Tham mưu trưởng.

Như vậy, trên địa bàn miền Đông Nam bộ từ tháng 7-1968, các chiến trường là thành phố Sài Gòn, các phân khu 1, 2, 3, 4, 5, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, tỉnh U1, tỉnh Tây Ninh và T10 (gồm các tỉnh Bình Long, Phước Long, Quảng Đức). Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đầu xuân Kỷ Dậu 1969, các Đảng bộ đã chỉ đạo sát sao công tác tư tưởng, chính trị, làm cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thấy hết ý nghĩa và thắng lợi có tính chiến lược của đợt tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân; động viên vượt khó khăn kiên quyết tiến công địch, đặc biệt với 2 nhiệm vụ trọng tâm là diệt sinh lực, phương tiện chiến tranh; đánh phá bình định, diệt ác phá kìm, phá thế chia cắt của địch. Các cấp ủy đã chỉ đạo nhanh chóng củng cố lực lượng vũ trang, củng cố chính trị bên trong để vào đợt.

Về công tác xây dựng Đảng, các Đảng bộ lấy khâu củng cố xây dựng chi bộ 4 tốt, 5 xây, 5 chống, chỉnh huấn chính trị, đẩy mạnh tự phê bình, phê bình, nâng cao lập trường giai cấp, quan điểm quần chúng của Đảng và nâng cao vai trò trách nhiệm của Đảng trước nhiệm vụ lịch sử của dân tộc, sửa đổi tác phong và lề lối làm việc và cải tiến biện pháp chỉ đạo, kế hoạch tổ chức thực hiện.

Trọng điểm đợt tiến công nổi dậy xuân Kỷ Dậu 1969 là hướng tây bắc, đông nam Sài Gòn, lực lượng gồm sư 1, 5, 7, 9, các lực lượng phân khu 1, 5, đặc công, du kích.

Ở hướng đông nam Sài Gòn, với tinh thần kiên quyết trong chỉ đạo của Tỉnh ủy U1 (Biên Hòa), trước tết năm 1969, công tác chuẩn bị đã được hoàn thành cơ bản. Đặc biệt ở thị xã Biên Hòa, dù địch tăng cường canh gác, phòng thủ chặt chẽ, kiểm tra gắt gao nhưng dựa vào cơ sở bí mật bên trong, Tỉnh ủy đã chỉ đạo thực hiện thành công việc xây dựng hầm bí mật ở Gò Me, Vĩnh Thị, Lân Thành (xã Bình Trước)... để ém quân gồm một đại đội chủ lực và đội biệt động vào bám trụ; vận chuyển được vũ khí từ ngoài căn cứ (Hưng Lộc, Hưng Nghĩa) vào nội thị Biên Hòa cất giấu. Đồng thời tỉnh ủy U1 quyết định tăng cường, bổ sung nhiều cán bộ vào nội thành bám trụ chỉ đạo phong trào ở Tam Hiệp, khu kỹ nghệ Biên Hòa, Hiệp Hòa; xây dựng đường dây giao liên công khai vào thị xã (đồng chí Hồ Quốc Nghị phụ trách) đảm bảo liên lạc trong và ngoài thị xã.

Kế hoạch tiến công và nổi dậy xuân Kỷ Dậu 1969 ở thị xã Biên Hòa được đồng chí Lê Trọng Tấn, Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy Miền trực tiếp chỉ đạo. Các mục tiêu tấn công là: sân bay quân sự Biên Hòa, tổng kho Long Bình, sở chỉ huy quân đoàn III, ty

cảnh sát Biên Hòa... phát động quần chúng nổi dậy diệt ác ôn trong nội ô. Lực lượng bố trí: sư đoàn 5, trung đoàn 4(T7), trung đoàn 33, 2 tiểu đoàn công binh, trung đoàn pháo 724 ĐKB và hai tiểu đoàn đặc công U1 (Biên Hòa), đội biệt động tập trung đánh các mục tiêu trên.

Trước 2 ngày vào đợt tiến công, tên Thế (phó ban tác chiến của sư đoàn 5) dao động ra đầu hàng địch. Địch phát hiện được kế hoạch của ta, chúng tăng cường tuần tra, phòng thủ ở những đầu mối, cửa ngõ vào thị xã. Biết lộ kế hoạch (vì tên Thế đầu hàng giặc), nhưng không thể dừng lại vì lực lượng đã sẵn sàng chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh Miền.

Đúng 2 giờ sáng ngày 23-2-1969, pháo ĐKB bắn vào sân bay Biên Hòa, quân đoàn III làm hiệu lệnh cho các lực lượng quân chủ lực, U1 phân khu 4, Long Khánh đồng loạt nổ súng tiến công vào các căn cứ quân sự, cơ quan đầu não của địch¹. Tiểu đoàn 1 đặc công U1, đánh vào sân bay Biên Hòa, đội biệt động thị xã Biên Hòa và đại đội chủ lực của sư 5 đánh địch đóng tại ga xe lửa Biên Hòa, chiếm nhà ga, đánh Ty cảnh sát Biên Hòa, tiêu hao và tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ - ngụy. Tiểu đoàn 12 đặc công U1 đánh vào tổng kho Long Bình, phá hủy 12 kho, 12 trực thăng. Đại đội 9 tiểu đoàn 2 đặc công Biên Hòa vào được kho Long Bình bám trụ đánh suốt 7 ngày đêm, lực lượng bị thương vong trên 80 chiến sĩ. Biệt động thị xã Biên Hòa tấn công Ty cảnh sát Biên Hòa². Một đại đội đặc công sư 5 đánh vào đại đội bảo vệ trại giam Tân Hiệp bị địch phục kích, lực lượng thiệt hại nặng³.

Sư đoàn 5 chủ lực Miền đánh diệt gọn tiểu đoàn biệt động quân ngụy tại Suối Máu (Biên Hòa), sau đó chuyển hướng hoạt động lên hướng quốc lộ 20 Định Quán thu hút đánh diệt Sư đoàn 18 chủ lực ngụy. Trung đoàn 33 và Trung đoàn 4 chủ lực Miền đánh địch vòng ngoài kho Long Bình diệt nhiều sinh lực địch, sau đó Trung đoàn 33 chuyển về lộ 2 và vùng cao su; Trung đoàn 4 chuyển về hướng Quốc lộ 15 cùng bộ đội địa phương hỗ trợ đánh phá bình định ở Thủ Đức, Long Thành, Nhơn Trạch...

Đợt tấn công xuân Kỷ Dậu 1969 ở Biên Hòa tuy không đạt yêu cầu như kế hoạch đề ra, nhưng lực lượng ta tấn công vào thị xã, thị trấn, các cơ quan đầu não, căn cứ quân sự của địch dù địch đã ra sức tăng cường phòng thủ và ra sức bình định nông

¹ Ta tấn công thị xã Biên Hòa, Long Khánh, các thị trấn Long Thành, Trảng Bom. Đánh các kho Long Bình, Tam Hiệp, sân bay Biên Hòa. Tấn công các ấp chiến lược Bàu Hàm, Bàu Định, Nhơn Trạch...

² Diệt hơn 100 tên địch. Đồng chí Sáu A chỉ huy đội biệt động hy sinh.

³ Trong đợt này, có 365 chiến sĩ hy sinh, 232 chiến sĩ bị thương, nhiều đơn vị mất sức chiến đấu.

thôn. Điều kiện bổ sung lực lượng của ta lúc bấy giờ hết sức khó khăn, nhưng Đảng bộ U1 đã vào đợt theo đúng kế hoạch, thể hiện tinh thần chấp hành Nghị quyết cấp trên và sự chỉ đạo kiên quyết của các Đảng bộ, quyết tâm và ý chí của quân dân ta.

Hướng tây bắc Sài Gòn, 3 trung đoàn của các Sư đoàn 1, 7, 9, E16, E268 Phân khu 1, pháo binh đặc công Đoàn 429 Miền và bộ đội địa phương tiến công vào các căn cứ quân sự, chỉ huy sở Sư đoàn 25 Mỹ ở Dầu Tiếng, Đồng Dù, Bến Tranh, cụm dã chiến Trà Cao. Đoàn pháo binh 69 nhiều lần tập kích căn cứ Sư 25 bộ binh Mỹ, Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ, Sư 1 kỵ binh bay ở Trảng Lớn, Dầu Tiếng. Đồng Dù, Lai Khê, Phước Vĩnh, Túc Ních. Ngày 26-2-1969, Đoàn 429 đặc công do đồng chí Nguyễn Cự chỉ huy đánh vào căn cứ Lữ 2 Sư 25 bộ binh Mỹ ở Đồng Dù (Củ Chi), phá hủy nhiều máy bay lên thẳng, tiêu diệt một số giặc lái, phá hủy 176 xe quân sự, các trận địa pháo 105, 203 ly.

Các Phân khu 2, 3 sử dụng pháo binh, biệt động thọc sâu đánh địch ở quận 6, quận 7, sân bay Tân Sơn Nhất. Lực lượng Phân khu hỗ trợ đánh địch ở Đức Hòa, Đức Huệ, Cần Giuộc (Long An). Đặc biệt đội nữ pháo binh Đức Huệ bám trụ pháo kích chính xác vào mục tiêu gây cho địch nhiều thiệt hại. Phân khu ủy 2, 3 căn cứ vào tình hình thực tiễn, chủ trương phân tán lực lượng vũ trang phân khu từng tiểu đội để bám vào địa bàn các xã vùng ven Cần Đước, Tân Trụ cùng du kích, bộ đội địa phương diệt ác, đánh bọn bình định, hỗ trợ mũi đấu tranh chính trị, binh vận, xây dựng lực lượng tại chỗ, phát triển du kích chiến tranh. Do địch phản kích ác liệt, lực lượng ta thiệt hại khá lớn (1-1969 đến 1-1970 hy sinh 1.027 đồng chí), nhiều xã chỉ còn vài anh chị em cán bộ phong trào và vài du kích. Trong số hy sinh có hai đồng chí tiểu đoàn trưởng bộ đội Phân khu: đồng chí Lê Minh Xuân của Phân khu 2 và đồng chí Mừng Xường của Phân khu 3.

Ở vùng rừng núi thuộc Khu 10 (T10) Bình Long, Phước Long, chủ lực quân khu đánh tiểu khu Phước Long gây cho địch nhiều thiệt hại, tạo điều kiện cho hơn 1.000 dân bị gom, khoanh trong đình điền trong các ấp chiến lược quanh thị xã Phước Long và quận lỵ Phước Bình nổi dậy bung về làng cũ. Đặt biệt đêm 22 rạng ngày 23-2-1969, cơ sở cách mạng bên trong phối hợp với các đội công tác đột nhập quận lỵ và các ấp quanh thị trấn Phước Bình rải trên 21.000 tờ truyền đơn, dán 3.000 khẩu hiệu bướm, treo 20 cờ Mặt trận. Địch phản kích ác liệt, chúng bắn pháo bừa bãi vào làng xóm gây thiệt hại người và tài sản của nhân dân. Ngày 24-2, Tỉnh ủy Phước Long chỉ đạo huy động trên 4.000 lượt đồng bào liên tục biểu tình đấu tranh trực diện với địch trong thị trấn. Địch phải chấp nhận bồi thường 7 triệu đồng cho 128 gia đình bị thiệt hại. Trong các cuộc đấu tranh chính trị chống địch, chi bộ lãnh đạo đảng viên cơ sở giáo dục 2.000 gia đình binh sĩ cùng tham gia với phong trào quần chúng đấu tranh và

vận động 265 gia đình có chồng, con em là binh lính nguy bỏ ngũ về nhà. Tháng 4-1969, máy bay Mỹ bỏ bom san bằng các làng mạc như Phú Lạc, Tân Hách, Phú Lố, Lộc Hòa, Trà Thanh (Bình Long), Phước Quả, Nhơn Hòa, Tứ Sơn (Phước Long), gom dân vào các khu tập trung.

Ở Thủ Dầu Một, đêm 22- 2- 1969, lực lượng vũ trang Dầu Tiếng phối hợp với Sư đoàn 7 Miền đánh hậu cứ Lữ đoàn 3 Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ ở Dầu Tiếng, tập kích vào cụm quân Mỹ ở ấp Bến Tranh, Núi Cậu. Tại Bến Tranh, Sư đoàn 7 chủ lực Miền đã trụ lại, đánh viện binh địch, tiêu diệt và làm bị thương 1.500 tên. Ở Bến Cát, phân đội pháo binh Miền pháo kích dữ dội vào căn cứ Lai Khê, phá hủy 30 máy bay và diệt nhiều sinh lực địch.

Tại Bà Rịa, đêm 22-2-1969, hiệp đồng với toàn Miền, Tiểu đoàn 445 bộ đội địa phương tỉnh tập kích vào Tỉnh đoàn bảo an tỉnh, dinh tỉnh trưởng, khu pháo binh, Trung tâm huấn luyện Vạn Kiếp. Ta làm chủ nhiều vị trí và bám trụ đánh địch, bẻ gãy nhiều đợt phản kích của địch với hỏa lực yểm trợ mạnh, diệt nhiều sinh lực của chúng. Sau đó ta giáo dục vận động trên 80 thanh niên thoát ly vào bộ đội chiến đấu.

Ở Tây Ninh, đêm 22- 2- 1969, lực lượng Sư đoàn 9 Miền tấn công chốt Mỹ ở Trà Cao, diệt và làm bị thương 900 tên Mỹ. Tiểu đoàn 14 bộ đội địa phương phối hợp với du kích đánh địch ở xã Hiệp Thạnh, Gò Chai (Ninh Điền) diệt gọn 2 chi đội xe tăng và nhiều sinh lực địch. Ở huyện Gò Dầu và Bến Cầu, bộ đội địa phương, du kích các xã phối hợp đánh bọn bảo an cảnh sát ác ôn, diệt và gây nhiều thương vong cho địch.

Nhìn chung trong đợt tấn công xuân Kỷ Dậu 1969, lực lượng ở miền Đông Nam Bộ đã chấp hành mệnh lệnh tổng công kích – tổng khởi nghĩa, gây nhiều thiệt hại cho địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, nhưng hoạt động không đều, các mũi tiến công thị xã, thị trấn không giành được quyền làm chủ, tấn công chưa gắn liền xây dựng cơ sở, công tác đánh bình định đạt hiệu quả thấp. Tháng 4-1969, Hội nghị Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng sau khi phân tích tình hình đã đề ra nhiệm vụ trước mắt là: “Động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trên cả hai miền, phát huy thắng lợi đã đạt được, tiếp tục đẩy mạnh “tổng công kích – tổng khởi nghĩa”, “phát triển chiến lược tiến công một cách toàn diện, liên tục và mạnh mẽ”, đánh bại âm mưu kết thúc chiến tranh trên thế mạnh và chủ trương “Việt Nam hóa chiến tranh” của chúng, đánh cho Mỹ phải rút hết quân, đánh cho nguy phải suy sụp, giành thắng lợi quyết định, tiến tới thống nhất nước nhà”¹.

¹ *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập II, tr. 438.

Các Nghị quyết 18 và 21 Trung ương đã vạch rõ sự chỉ đạo của ta lúc này “chưa đánh giá thật đầy đủ” ý đồ nham hiểm và khả năng mới của địch cũng như tình hình khó khăn của ta trên chiến trường, nên vẫn đề ra phương hướng “tổng công kích, tổng khởi nghĩa”, tập trung nỗ lực giành thắng lợi quyết định trong một thời gian tương đối ngắn trong điều kiện thế và lực ta giảm sút, thời cơ chiến lược không còn. Do ta chậm chuyển hướng tiến công chủ yếu về nông thôn để đập tan một cách có hiệu quả ý đồ của địch “đã chậm trễ và sơ hở đưa đến nhiều khó khăn trên chiến trường”. Thường vụ Trung ương Cục miền Nam nhận phần trách nhiệm của mình là “nghe báo cáo của dưới không hết, báo cáo lên trên không đầy đủ cũng góp phần làm cho trên không đủ cơ sở đánh giá lại tình hình cho thật khách quan đúng như nó có để đề ra chủ trương đúng đắn kịp thời”¹.

Để thực hiện nghị quyết Bộ Chính trị, Trung ương cục miền Nam ra chỉ thị 81/CT đề ra mục tiêu đợt hoạt động hè là tiếp tục đánh bại về cơ bản kế hoạch bình định cấp tốc của địch, mở rộng vùng giải phóng, đánh bại một bước biện pháp “quét và giữ” với yêu cầu đánh thiệt hại nặng một số đơn vị Mỹ - ngụy.

Các phân khu, các tỉnh triển khai đợt hoạt động hè trong lúc lực lượng địch còn tương đối mạnh. Ở biên giới Sư đoàn 1 kỵ binh không vận Mỹ đang ra sức khôi phục tuyến phòng thủ biên giới phía bắc liên tỉnh lộ số 13 từ phía Tây sông Sài Gòn đến lộ 24. Trung đoàn 1 thiết giáp Mỹ lên án ngữ đánh phá tuyến biên giới Bình Long.

Các huyện phía nam quốc lộ 4 thuộc Phân khu 3, lực lượng Mỹ gồm Lữ 3 Sư 9 Mỹ với 126 tàu, giang thuyền, 86 xe tăng, 73 pháo các loại; lực lượng ngụy gồm hai tiểu đoàn biệt động (30, 38), hai Trung đoàn 46, 50 của Sư 25 ngụy và 3 giang đoàn. Lực lượng bình định lên đến 1.267 tên. Tại Tây Ninh, tổng quân số ngụy lên đến 22.895 tên. Lữ 3 thuộc Sư đoàn 82 dù và Lữ 3 bộ binh Sư 25 Mỹ bung ra đánh phá án ngữ ven sông Vàm Cỏ Đông. Hướng đông bắc Sư 18 bộ binh ngụy liên tục đánh phá khu vực Bà Rịa – Long Khánh.

Với quyết tâm cao, sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương Cục, các Phân khu ủy, Tỉnh ủy có kế hoạch, biện pháp bố trí lực lượng, phân công cán bộ, xác định mục tiêu tiến công. Đợt hè 1969 chia làm hai bước: bước 1 từ 11-5 đến 24-5-1969; bước 2 từ 5-6 đến 15-6-1969.

Trên hướng chủ yếu gồm Tây Ninh và một phần Bình Long (lực lượng ta gồm các Sư đoàn bộ binh số 1, 7, 9) sau đợt mở đầu không thành, Bộ chỉ huy Miền quyết định đưa Sư 9 về hướng Tây Ninh, Sư 7 hướng Hớn Quản, Sư đoàn 1 hướng đường 26

¹ *Sđđ*, tr. 438, 439.

và 22 chiến khu Dương Minh Châu. Ngày 12-5, đặc công 211 cùng bộ đội T10 tập kích sân bay Phước Bình bằng hỏa tiễn H12, diệt 1 đại đội quân Mỹ và Ban chỉ huy, tiêu hao 1 đại đội khác, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh trong sân bay. Các lực lượng ta đánh vào Trung đoàn kỵ binh thiết giáp số 11 Mỹ, tiểu khu Hớn Quản và căn cứ Túc Ních, đánh phá địch ở quốc lộ 13, địch đối phó bằng cách huy động lực lượng từ vùng ven và vùng trung tuyến lên giải tỏa.

Trên hướng thứ yếu Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh liên tiếp 2 ngày 8 và 9-5-1969 (trước khi vào đợt) Sư đoàn 5 Miền đã thu hút địch ở Tầm Bung và quốc lộ 20. Ta đánh thiệt hại nặng Trung đoàn 43 và 52 Sư 18 ngụy, diệt và bị thương 770 tên. Ngày 4-6, Sư đoàn 5 chủ lực Miền đánh loại khỏi vòng chiến đấu Chiến đoàn 52 Sư 18.

Trên các chiến trường phân khu 1, 2, 3, 4 và 5, tuy không mở được các trận đánh lớn, nhưng lực lượng vũ trang ở khác phân khu tổ chức nhiều hình thức tác chiến nhỏ lẻ đánh giao thông, đánh áp chiến lược, diệt ác, phá kìm, pháo kích. Trong cả hai đợt, trên chiến trường miền Đông Nam bộ các lực lượng vũ trang đã tấn công vào 340 mục tiêu (có 133 mục tiêu đánh 2 lần). Thực hiện 1.468 các hình thức tác chiến, loại khỏi vòng chiến đấu 21.524 tên địch (gồm 7.237 Mỹ, 1.325 Thái, 603 Úc, làm tan rã 3.181 tên phòng vệ dân sự, diệt 2 tiểu đoàn Thái, 31 đại đội Mỹ - Thái, 50 trung đội Mỹ; diệt 1.056 tên điệp, bình định), bắn rơi phá hủy 97 máy bay, 666 xe (487 xe tăng); bắn cháy chìm 227 tàu, 86 pháo, triệt hạ 36 đồn, 36 lô cốt, 42 tua, 9 cầu, 9 cống, thu 390 súng và 18 máy vô tuyến.

Thiệt hại của các lực lượng ta trong đợt là: 1.151 chiến sĩ, cán bộ (trong đó hy sinh 350, bị thương 599, mất tích 96, bị bắt 37, đầu hàng 12, thất lạc 57), mất 108 súng các loại.

Trên chiến trường vùng ven đô, tình hình diễn ra hết sức ác liệt, Mỹ - ngụy tăng cường càn quét, bom pháo và chất độc hủy diệt địa hình, vũ khí, lương thực, thương binh bệnh đều gặp khó khăn. Lực lượng vũ trang phân khu phải phân tán mỏng, bám vào trong dân cùng du kích tồn tại và chiến đấu (như Trung đoàn 320 Phân khu 3 ở Cần Đức, Tân Trụ). Các phân khu ủy, Thành ủy Sài Gòn phải phân tán thành nhiều bộ phận để bảo đảm an toàn¹.

¹ Thành ủy Sài Gòn xuống Bến Tre, lên Ba Thu rồi chia làm 2, một bộ phận ở vùng Mỏ Vẹt (Ba Thu), một bộ phận xuống Cai Lậy; Phân khu 1 lên Dầu Tiếng, núi Cậu; Phân khu 2 lên Campuchia; Phân khu 3 lên Ba Thu; Phân khu 4 bám vùng Bung Sáu xã Thủ Đức, chỉ liên lạc được với Trung ương Cục bằng điện đài; Phân khu 5 lên Khu A (Chiến khu Đ).

Chiến trường Phân khu 2, Phân khu 3, địch đánh phá hết sức ác liệt, chiến trường bị chia cắt, chủ lực 2 phân khu hầu hết là bộ đội tăng cường từ miền Bắc vào, không thạo chiến trường sông nước và cách đánh độc lập phân đội nhỏ, liên tục chống càn nên thương vong cao, sức chiến đấu giảm sút. Hơn 1 năm rưỡi bám trụ vùng ven, riêng E320 đã có 1.027 người hy sinh, 593 bị thương. Và đến tháng 7-1969, địch đã cơ bản hoàn thành chương trình” Bình định cấp tốc” trên phân khu 2, 3 (Long An).

Trong khó khăn và ác liệt nổi lên tinh thần bám trụ của lực lượng cách mạng tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, Phân khu 4, Tỉnh ủy U1 Biên Hòa và Đoàn 10 đặc công Rừng Sác. Tại Bà Rịa – Long Khánh, địch dùng bom pháo đánh phá ác liệt các căn cứ Minh Đạm, Xuân Sơn, Hắc Dịch, Xuyên Mộc, dọc liên tỉnh lộ số 2, đông tây lộ 15. Mỹ, Úc và chủ lực ngụy thường xuyên càn quét bảo vệ tuyến rút quân của Mỹ ở hướng sông Thị Vải và Vũng Tàu. Tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh kiên quyết chỉ đạo các ban ngành, các lực lượng vũ trang, tiểu đoàn 445 linh hoạt di chuyển từ đông và tây lộ số 2 tìm cách bám trụ đánh địch, đưa cán bộ trung kiên bám vùng ven (thị xã Long Khánh). Giáo dục tổ chức quần chúng đấu tranh chống địch khủng bố. Huyện ủy Long Đất chỉ đạo phong trào “quyết tử giữ Minh Đạm”, đánh bại chiến thuật “hàng rào lá chắn” Úc, gỡ mìn, lựu đạn địch gài đánh lại địch đạt hiệu quả cao.

Phân khu 4 bám trụ khu lòng chảo Nhơn Trạch và Bung Sáu xã Thủ Đức chịu đựng bom pháo, chất độc hóa học, địch càn quét liên tục vẫn chỉ đạo đánh diệt được quân Thái (2 tiểu đoàn Thái ở Hêlêna tháng 6-1969).

Với tinh thần chỉ đạo của tỉnh ủy U1 (Biên Hòa) “dù ác liệt tới mức nào cũng phải bám trụ địa bàn, bởi xa dân là mất tất cả”. Khu vực nam bắc lộ 1, địch chà xát, đánh phá rất ác liệt, Trung đoàn 33, đặc công U1 thiếu lương thực thuốc men. Nhiều lần ban cán sự T7 điện đề nghị Tỉnh ủy nên rút về khu Đ. Nhưng tin vào dân, Tỉnh ủy, Tỉnh đội xác định phải bám trụ, bám đất, bám dân chiến đấu. Vùng bắc Trảng Bom, Bà Hàm, Hưng Lộc, Hưng Nghĩa, Bà Cá, Trảng Bom, Suối Quýt... là những địa bàn căn cứ bám trụ của Tỉnh ủy được cơ sở cách mạng đùm bọc, giúp đỡ. Từ những căn cứ này, Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng bàn đạp tiến vào xây dựng cơ sở trong nội ô thị xã Biên Hòa, khôi phục tổ chức Đảng và lực lượng mật tạo điều kiện để các lực lượng vũ trang bám trụ tiến công sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình.

Đoàn 10 Rừng Sác phải sống và chiến đấu trên chiến trường vùng rừng ngập mặn, thiếu nước ngọt và thiếu lương thực, đối phó thường xuyên với những cuộc càn và đổ bộ bằng giang thuyền của địch. Mọi nguồn tiếp tế từ trên xuống rừng Sác hầu như bị cắt đứt, có lúc hàng tháng đơn vị phải ăn cháo rau thay cơm. Đảng ủy, Ban chỉ

huy Đoàn 10¹ đã kiên quyết bám trụ với khẩu hiệu” *Rừng Sác là nhà, sông Lòng Tàu là trận địa, bến cảng, kho tàng là quyết chiến điểm*”. Đảng ủy phát động phong trào vừa chiến đấu vừa sản xuất trong toàn đoàn. Các chiến sĩ phải sưu tầm bom đạn lép của địch để tự chế tạo vũ khí đánh địch, phải mò cua bắt ốc, xây dựng trên 200 cơ sở hậu cần trong nhân dân ven rừng, cùng dân tổ chức vượt biển đường dài để mua gạo.

Bằng vũ khí tự tạo, ngày 19-5-1969, Đoàn 10 đánh chìm 2 tàu dầu 7.000 và 12.000 tấn trên sông Lòng Tàu. Ngày 24-6-1969, chỉ với 2 đại đội 1 và 2, nhưng bố trí đúng lực lượng, phán đoán đúng ý định của địch, Đoàn 10 đã đánh bại trận càn của Lữ đoàn 199 của Mỹ và 1 tiểu đoàn của ngụy ở vùng sông Ông Kèo, diệt và làm bị thương 200 tên và bắn cháy 10 tàu đổ bộ.

Đợt hoạt động hè năm 1969, tuy diệt được nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh địch. Nhưng tình hình chiến trường miền Đông Nam bộ rất khó khăn. Do ta vẫn thực hiện bám trụ vùng ven tổng công kích tổng khởi nghĩa, chưa chú trọng đúng mức công tác vùng nông thôn, địch tiến hành bình định có kết quả, gom được dân, bắt được lính (năm 1969 tăng gấp 25 lần 1968), mở rộng được vùng kiểm soát, vùng giải phóng của ta bị thu hẹp². Lực lượng bổ sung không đáp ứng được nhu cầu. Từ tháng 6 năm 1969 Mỹ rút 23.000 quân khỏi chiến trường miền Nam, nhưng nhìn chung tương quan về lực lượng chưa có chuyển biến có lợi cho ta³.

¹ Đồng chí Lê Bá Ước, Trung đoàn trưởng kiêm Chính ủy.

² T10 chỉ còn 17.000 dân so với 39.300 năm 1968, Tây Ninh 9.000 dân so với 24.000 năm 1968, Bà Rịa 300 dân so với 2.681 năm 1968, phân khu 1 vùng giải phóng không còn dân, năm 1968 là 36.800, Phân khu 2 còn 10.000 dân so với 72.000 người năm 1968, Phân khu 3 còn 45.000 dân so với 74.000 năm 1968, Phân khu 5 còn 1.000 dân so với 24.300 năm 1968.

³ Thực lực các Phân khu đến tháng 6-1969:

- Phân khu 1: Dầu Tiếng, Bến Cát, Trảng Bàng, bắc Củ Chi, nam Củ Chi, tây Hóc Môn, đông Hóc Môn, Gò Vấp. Nhân khẩu: 509.201, 68 xã, 103 ấp, 6 thị trấn.

- Phân khu 2: Đức Hòa, Đức Huệ, Bến Thủ, Tân Bình, Bình Chánh, vùng 3 nội ô, thị xã Hậu Nghĩa. Nhân khẩu: 934.992, 53 xã, 28 ấp, 5 thị trấn, 8 phường...Gồm 226 chi bộ với 2.707 đảng viên (12-1968), 197 chi bộ với 2.571 đảng viên (6-1969) (64 ở xã).

- Phân khu 3: Thị trấn Nhà Bè, Bắc Nhà Bè, Cần Giuộc, Cần Đước, Tân Trụ, Châu Thành, thị xã Tân An, quận 7 và 9, 8. Nhân khẩu 539.882, 80 xã, 407 ấp, 5 thị trấn, 10 phường; 216 chi bộ, 2.588 đảng viên (12-1968).

- Phân khu 4: Long Thành, Nhơn Trạch, Nam Thủ Đức, quận 9, cao su Bình Sơn. 160.812 nhân khẩu, 42 xã, 17 ấp, 2 thị trấn, 2 phường; 920 đảng viên (12-1968), 73 chi bộ, 959 đảng viên (6-1969).

- Phân khu 5: Tân Uyên, Châu Thành, Phú Giáo, Lái Thiêu, Dĩ An, bắc Thủ Đức, thị xã Thủ Dầu Một, Bù Cháp. 266.821 nhân khẩu, 60 xã, 25 ấp, 4 thị trấn. 107 chi bộ với 1.548 đảng viên (12-1968), 100 chi bộ với 1.492 đảng viên (6-1969).

A51: Liên quận Phú Nhuận – Thị Nghè, Liên quận 1 + 3, Liên quận 2 + 4, Liên quận 5 + 6. 1.312.695 nhân khẩu, một xã, 18 ấp, 37 phường; 77 chi bộ với 700 đảng viên (12-1968), 72 chi bộ với 738 đảng viên (6-1969).

Tháng 7-1969, Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 9, đã có chủ trương đẩy mạnh tiến công quân sự và xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân, tăng cường công tác dân vận làm cơ sở cho phong trào đấu tranh chính trị và binh vận, xây dựng và mở rộng căn cứ địa. nghị quyết vạch rõ nhiệm vụ quan trọng nhất của vùng nông thôn là phải “*giành được dân, giành đất, phát triển thế và lực của ta*”

Để tạo thế chuyển biến, Trung ương Cục miền Nam và quân ủy Miền chỉ đã đạo mở các cuộc tiến công mùa thu và mùa đông năm 1969, nhằm thu hút, căng kéo địch ra vùng ngoài, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, tạo sơ hở mới trong thế bố trí phòng ngự của địch trên chiến trường trọng điểm miền Đông Nam Bộ, chú ý tạo điều kiện đẩy phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng làm rối loạn hậu phương của địch, từng bước mở rộng vùng giải phóng, xây dựng căn cứ địa hoàn chỉnh từ phía bắc xuống sát ven biển, nối liền vùng Khu 6 và Tây Nguyên.

Đêm 11-8-1969, đợt hoạt động thu 1969 bắt đầu. Trên hướng chính Bình Long lực lượng Sư đoàn 9 chủ lực Miền tiến công một số chốt, cụm dã chiến Mỹ, đánh giao thông diệt nhiều đoàn xe cơ giới địch. Sư đoàn 7, đoàn đặc công 429 Miền đánh diệt trại biệt kích Lộc Ninh, căn cứ Təc Ních và Chơn Thành.

Ở Phước Long (hướng thứ yếu), sư đoàn 7 đánh trại biệt kích Bù Na, lực lượng Quân khu 10 đánh thiệt hại nặng chi khu Bù Đẳng, phát động quần chúng phá được một số ấp chiến lược. Hướng Tây Ninh, Trung đoàn 28 tiến công cụm Tiểu đoàn dù số 1 nguy, tiến công cụm Tiểu đoàn 2 kỵ binh không vận Mỹ.

Đêm 3-9-1969, trong lúc Đảng bộ, quân dân miền Đông Nam bộ đang nỗ lực vượt qua khó khăn thì ngày 2-9-1969 Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời. Trong bản *Di chúc* để lại cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn khẳng định chân lý “cuộc chống Mỹ cứu nước của dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn”¹.

Khắp miền Đông Nam bộ, Đảng bộ nhân dân và lực lượng vũ trang, các Tỉnh ủy, Phân khu ủy đã long trọng tổ chức lễ truy điệu Bác. Giờ phút thiêng liêng ấy, quân

- Khu 10: Quảng Đức, Phước Long, Bình Long, K28. 119 chi bộ với 2.216 đảng viên (283 nữ đảng viên, 560 đảng viên các dân tộc thiểu số). Cơ quan dân Đảng khu 10: 18 chi bộ, 318 đảng viên (32 nữ, 10 dân tộc thiểu số). Toàn T10 : 237 chi bộ, 2.534 đảng viên (315 nữ, 580 cá dân tộc thiểu số). Vùng giải phóng có 17.000 trên tổng số 39.300 dân toàn khu năm 1968.

- Tây Ninh: Gò Dầu, Châu Thành, Dương Minh Châu, Thị xã, Bến Cầu, Tòa Thánh. Toàn tỉnh có: 499.410 dân. Đảng viên toàn tỉnh có: 514 ở xã, 396 ở huyện, 501 ở tỉnh, 911 lực lượng vũ trang và 345 thuộc các cơ quan; cộng chung có 2.747 đảng viên.

¹ I. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 506.

dân và Đảng bộ miền Đông Nam bộ hứa quyết tâm vượt lên chông gai, quyết cùng cả nước thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Bác.

Lễ truy điệu Bác Hồ kính yêu được các Tỉnh ủy, Phân khu ủy, các đơn vị, cơ quan tổ chức trang nghiêm và xúc động. Cài băng tang trên tay, trên ngực, các Đảng viên, cán bộ, chiến sĩ không cầm được nước mắt. Đặc biệt ở xã Phú Hội huyện Nhơn Trạch (phân khu 4, nay thuộc huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai), để tỏ lòng tôn kính Bác Hồ, nhân dân đã chung nhau làm nên ba bức hoành phi sơn son thiếp vàng: “**Hồ thiên nhi thiên; Chí vọng thâm ân; Minh hoài hậu đức**” để ca tụng công ơn của vị lãnh tụ dân tộc. Ba chữ đầu của ba bức hoành phi ghép lại thành tên Hồ Chí Minh. Ba bức hoành phi được nhân dân đưa vào thờ trong đình Phú Mỹ và được bảo vệ an toàn cho đến ngày toàn thắng mùa xuân 1975.

Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Ủy ban liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ hòa bình Việt Nam họp hội nghị liên tịch tại căn cứ miền Đông Nam bộ, quyết định ngưng bắn 3 ngày để tang Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hội nghị liên tịch cũng đã ra lời hiệu triệu quân dân miền Nam biến đau thương thành sức mạnh” dốc hết tinh thần và sức mạnh đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược”.

Ngay sau ngày hết hạn ngưng bắn, toàn miền Đông Nam bộ lại bước vào cao điểm 2 đợt hoạt động mùa thu 1969. Với những nỗ lực cao nhất, các lực lượng vũ trang Miền, đặc công chủ lực các Phân khu đã mở các cuộc tiến công địch ở chi khu Lộc Ninh, Chơn Thành, Hớn Quản. Trung đoàn 16 Phân khu 1 đánh trận Bàu Nổ, diệt 81 xe quân sự làm chết và bị thương 400 Mỹ. Phân khu 2 và 3, do khó khăn, lực lượng phân tán, nhiều cán bộ trung đoàn bị hy sinh¹¹ nên hoạt động không đạt yêu cầu.

Hướng đông nam Sài Gòn, (phân khu 4, Bà Rịa - Long Khánh, Biên Hòa) địch đánh phá rất ác liệt. Hàng ngày Mỹ đổ quân càn quét vào vùng căn cứ, vùng ven, ủi phá địa hình gom tát dân vào ấp chiến lược, tiến hành bình định nông thôn. Ban cán sự T7 chỉ đạo Phân khu ủy phân khu 4, Tỉnh ủy Bà Rịa – Long Khánh, Tỉnh ủy Biên Hòa U1 có kế hoạch, bố trí lực lượng quân sự, các ngành đoàn thể quyết tâm bám trụ được địa bàn, chỉ đạo đánh phá địch cả nội ô thị xã, thị trấn và vùng ven. Ta pháo kích sân bay Biên Hòa, tiến công thị xã Xuân Lộc, Long Điền, Long Thành. Đặc biệt trong khi lực lượng bên ngoài gặp nhiều khó khăn về lương thực thì đội biệt động và trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh liên tục tiến công địch ở các nhà hàng, quán bar tập trung đông bọn sĩ quan Mỹ và tay sai trong thị xã, đánh các căn cứ địch gây cho chúng nhiều thiệt hại.

¹ 1. Trong quý II, Phân khu có 45 cán bộ trung cấp, 100 cán bộ sơ cấp hi sinh và bị bắt, có 25 chi bộ đảng bị đánh rã.

Trên mặt trận đánh phá bình định, ta chưa ngăn chặn hoặc hạn chế được việc địch giành dân, giành đất. Nhiều chi bộ Đảng bị địch đánh thiệt hại, số lượng đảng viên, cán bộ phát triển không bù lại được so với sự hy sinh. Riêng Tây Ninh, số lượng Đảng viên hy sinh trong năm 1969 là 183, bị thương 285 đồng chí¹.

Vùng đồn điền cao su miền Đông Nam Bộ, chính sách bình định của địch gây nhiều tổn thất cho công nhân. Trên 1.500 ha của công nhân bị tàn phá do địch ủi phá và bom đạn. 29.000 công nhân bị thất nghiệp, hơn 200 làng sở cao su không còn cơ sở, trên 2.000 công nhân bị thương vong và trên 300 cán bộ cao su bị sa vào tay giặc.

Tình hình ở tỉnh Bình Long, Phước Long hết sức gian khổ. Địch càn quét, mức độ bom pháo rất ác liệt. Khu ủy khu 10, phải chủ trương tạm thời đưa một số dân, nhất là người già và trẻ em ở vùng giải phóng Bù Đăng, Bù Gia Mập tạm lánh về hướng biên giới Campuchia. Chia tay với bộ đội giải phóng, bà con nuốt nước mắt hứa khi tạm yên sẽ trở về.

Trên mảnh đất miền Đông Nam Bộ trong gian khổ khó khăn càng tỏa sáng lòng dân kiên trung với cách mạng. Công nhân cao su Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Bà Rịa - Long Khánh, Biên Hòa trong vòng kìm kẹp của địch vẫn sáng tạo mọi cách để liên lạc, tiếp tế cho cách mạng. Công nhân các sở cao su hết lòng vì kháng chiến nghĩ ra nhiều cách qua mắt địch: Hòa muối vào nước đổ trong các bình để giúp cho cán bộ, bộ đội đang thiếu muối ăn; đưa cơm ăn trưa ra lô cao su cho du kích, bộ đội; thùng trút mủ hai ngăn, hoặc phong trào “sáu cạo, ba trút, một đi” để có nhân lực đi tiếp tế. Ở Bình Sơn (Long Thành), Cẩm Mỹ (Long Khánh), phong trào công nhân đấu tranh đòi được mua gạo, có lúc tổ chức cả đoàn xe đưa công nhân đi đấu tranh trực diện với địch tại quận lỵ, tiểu khu, vừa để có ăn vừa để giành được cho lực lượng bên ngoài. Đội du kích Thiếu nhi Cao su Bình Sơn vừa làm giao liên, trinh sát, bảo vệ cán bộ bám trụ, vừa sáng tạo đánh được Mỹ, lính chur hầu Thái, lấy vũ khí, đạn chuyển ra tiếp tế cho du kích.

Nhiều bà mẹ chiến sĩ trong gian lao hy sinh, mất mát vẫn một lòng kiên trung cùng cách mạng. Má Lê Thị Ánh ở xã Long Đức Đông, Cần Giuộc, có 3 người con và một người con rể hy sinh. Giặc khui hầm bắn chết người con trai của má ngay trước nhà. Kế bên căn hầm bị lộ là căn hầm chứa 6 cán bộ. Con bị giết, chồng bị địch tra tấn ngay trước mặt và phải chịu đòn roi của kẻ thù, nhưng má vẫn kiên quyết không khai một lời. Trong vòng vây kẻ thù, những người nông dân chân lấm tay bùn ở miền Đông

¹ Phân khu 2 + 4 + 5 + Sài Gòn + Trung ương mất 559 đảng viên.

Nam bộ bằng một ngọn đèn, một tấm chiếu cũng là phương tiện làm mật hiệu giúp anh em cán bộ ra vào ấp an toàn. Biết bao người mẹ, người chị bị địch bắt giam, tù đầy, đánh đập đến chết đi sống lại, tàn phế, vẫn vững vàng kiên trung không một lời khai. Đó là những tấm gương sáng để cán bộ chiến sĩ dù gian khổ vẫn chiến đấu và chiến thắng.

Chiến trường miền Đông Nam bộ cực kỳ gian khổ, Đảng bộ, quân dân miền Đông Nam bộ đứng trước những thử thách lớn lao. Hầu hết kho tàng dự trữ của đoàn hậu cần 81, 82, 84 ở các căn cứ đều bị địch đánh phá, mất mát, hư hỏng. Gạo, đạn không đủ cấp cho các đơn vị. Nhiều đoàn cán bộ đi tải đạn, tải gạo bị lọt vào ổ phục kích của Mỹ - nguy đày đặc trong rừng, trên các đường mòn. Tải đạn, tải gạo, lương thực lúc này thực sự là cuộc chiến đấu sống còn với kẻ thù. Hàng chục cán bộ ngã xuống trên đường vận chuyển. Bộ đội, du kích chiến đấu ở vùng ven chủ yếu nhờ vào nguồn lương thực của nhân dân trong các ấp chiến lược, các sở cao su. Có thể nói mỗi viên thuốc, lon gạo, lon muối cơ sở trong ấp chiến lược mang ra tiếp tế cho kháng chiến đều thấm đậm máu đồng bào, chiến sĩ, bởi nếu địch phát hiện thì lập tức bị bắt và tra tấn, tù đầy.

Những đơn vị bộ đội chủ lực của Miền, nhiều đơn vị địa phương Bà Rịa - Long Khánh, Biên Hòa, Bình Long, Phước Long, Thủ Dầu Một, Chiến Khu Đ... có khi hàng tháng trời chỉ được cấp một lon gạo. Cán bộ, chiến sĩ trong căn cứ vừa chiến đấu vừa thay nhau đào củ chụp, củ mài, hái rau rừng, bẻ măng rừng thay cơm, hoặc sống nhờ đậu nành, chuối xanh trong các trong các vườn trồng của nhân dân (khu vực Hưng Lộc, Hưng Nghĩa...). Có lúc muối cũng phải dè xẻn từng hạt một. Cuộc sống kham khổ càng làm bệnh tật hoành hành. Nhiều chị em sốt rét đến rụng tóc, xanh da, tiêu ra máu. Đền băng gạc để cứu thương, các chiến sĩ quân y cũng phải giặt lại để sử dụng nhiều lần.

Trên chiến trường Bà Rịa - Long Khánh, ác liệt nhất là huyện Long Đất vùng Đất Đỏ, trọng điểm bình định và đánh phá của địch. Đây là chiến trường liền với căn cứ Xuyên Lộc, Phước Bửu, có căn cứ Minh Đạm nằm sát biển và các đường giao thông liên tỉnh lộ 23, tỉnh lộ 52, 44, từ đây có thể vượt Cửa Lấp để qua Vũng Tàu, phát triển về quốc lộ 15 Sài Gòn - Vũng Tàu. Từ năm 1969, hầu như mỗi ngày đều có máy bay B52, phản lực trút bom xuống căn cứ núi Minh Đạm, dùng chất độc hóa học, dùng xe cơ giới phá rừng xung quanh căn cứ.

Xung quanh thị trấn Đất Đỏ, địch xây dựng 36 ụ ngầm kết hợp hàng rào biệt kích ngăn chặn lực lượng vũ trang từ căn cứ vào ấp, cô lập cắt đứt liên lạc giữa ấp chiến lược và bên ngoài. Chiến thuật đánh bằng biệt kích, gài mìn của quân Úc gây cho ta nhiều thiệt hại. Đảng bộ Bà Rịa - Long Khánh chỉ đạo thực hiện 3 bám, kiên quyết

đánh bại kế hoạch bình định, trước mắt tập trung phá cho được “Chiến thuật ụ ngầm”, biệt kích của quân Úc tại Đất Đỏ. Nhờ bí mật bám được vào ấp liên lạc lại cơ sở, Tiểu đoàn 445 đào hầm bí mật ém quân ngay trong hàng rào bảo vệ ụ ngầm của quân Úc. Sau trận ra quân ngày 21- 9- 1969 và ngày 28- 9, đặc công trinh sát tiểu đoàn 445 tinh bằng cách đánh đặc công, đánh mìn tận lỗ châu mai lô cốt ngầm, ta phá được nhiều ụ. Rút kinh nghiệm phát động lực lượng địa phương huyện liên tục phá diệt hàng loạt ụ. Đến cuối năm 1969, chiến thuật ô ụ của quân Úc đã bị phá sản, ta phát động được phong trào quần chúng phá ấp chiến lược, đấu tranh bung về ruộng, vườn, đất cũ để sản xuất. Phong trào du kích chiến tranh ở Long Đất phát triển rất mạnh, đặc biệt sử dụng mìn lấy được của địch đánh bộ binh, cả máy bay, cơ giới địch có hiệu quả ở khu vực xung quanh căn cứ và trên căn cứ Minh Đạm. Bằng lối đánh cảm tử phản phục kích, năm 1969, Tiểu đoàn 445 anh hùng đã làm thất bại chiến thuật ụ ngầm của quân Hoàng gia Úc.

Ở Tây Ninh, chiến trường trọng điểm đánh phá bình định là Gò Dầu. Theo chỉ đạo của Trung ương Cục và Tỉnh ủy, Huyện ủy đã phát động phong trào “Quyết tử giữ Gò Dầu lần II, đưa 200 cán bộ, chiến sĩ ưu tú của huyện từng bước bám vào được cả 3 vùng (vùng trắng, vùng ven, vùng sâu) lấy công tác dân vận làm nhiệm vụ hàng đầu, xây dựng hầm bí mật, dùng mìn trái lập bãi tử địa để phòng thủ, đánh địch có kết quả, phát triển lại chiến tranh nhân dân ở địa phương, giải quyết được khó khăn.

Quyết tâm bám đất, bám dân, bám địch cũng được Phân khu ủy Phân khu 2 và 3 chỉ đạo sát sao. Bộ đội chủ lực phân tán nhỏ bám các xã ấp ở Đức Hòa, Bến Thủ và các huyện đông nam lộ 4, đánh địch nhỏ, lẻ, đẩy mạnh công tác binh vận, dân vận, từng bước khôi phục thể trận chiến tranh nhân dân.

Cuối năm 1969, toàn Miền bước vào đợt hoạt động mùa khô nhằm thu hút địch ra vùng biên giới, tiêu diệt, tiêu hao chúng, phá thế phòng thủ của địch ở vùng ven Sài Gòn, khôi phục thể chiến tranh du kích, phá âm mưu bình định lấn chiếm, đẩy mạnh phong trào đấu tranh ở đô thị lên một bước, tấn công binh vận, tạo thế cho năm 1970.

Vào đợt, trên hướng Bình Long, sư đoàn 9 chủ lực Miền cùng bộ đội địa phương phối hợp đánh xe cơ giới trên đường giao thông, đánh đặc công, pháo binh vào các chốt dã ngoại Mỹ từ Hớn Quản đến Chơn Thành và xung quanh thị trấn Lộc Ninh, diệt và làm bị thương gần 1.000 tên địch và hàng trăm xe cơ giới các loại. Các lực lượng Phân khu 5 và du kích, đặc công tổ chức nhiều trận đánh nhỏ, lẻ ở phía nam các huyện Tân Uyên, Phú Giáo, Châu Thành, Lái Thiêu, Dĩ An... các cụm căn cứ Mỹ ở Bàng Lãng, Phước Vĩnh.

Trên hướng Tây Ninh, lực lượng vũ trang Phân khu 1 liên tục chống địch càn quét. Trung đoàn 16 cùng bộ đội đặc công tiến công căn cứ quân sự Mỹ ở cây Cày

Vàng, tập kích cụm thiết giáp Mỹ ở Cầu Xe, diệt 50 xe tăng, làm chết và bị thương hàng trăm Mỹ. Trảng Bàng, Châu Thành bộ đội Phân khu 1 phân tán, phối hợp du kích các xã diệt ác, phá kìm diệt địch, hỗ trợ phát động được quần chúng đấu tranh chống bắt lính, chống gom dân, (như ở Gò Dầu, Trảng Bàng).

Tình hình Phân khu 2 và 3 ngày càng khó khăn gay gắt, Trung đoàn 320 (Tiểu đoàn 4 và 5) phải rút khỏi Cần Đước, Tân Trụ, và Châu Thành về biên giới để củng cố; Tiểu đoàn 6 (Trung đoàn 320) phải dạt về hướng Chợ Gạo, Tiền Giang.

Hướng đông Sài Gòn (Bà Rịa - Biên Hòa - Long Khánh), tình hình chiến trường ngày một khó khăn hơn. Địch càn quét, ủi phá địa hình, kết hợp bình định ác liệt ở vùng nông thôn và vùng ven thị xã, thị trấn. Trong đợt hoạt động nổi lên tinh thần chiến đấu của biệt động, trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh bám trụ, nhiều lần đánh địch trong thị xã gây nhiều thiệt hại cho địch, góp phần khôi phục cơ sở ở vùng ven, tạo được thế đứng chân cho lực lượng ta.

Tiểu đoàn 4 đặc công Sài Gòn - Gia Định nhờ bám được vùng sâu đã nhiều lần tấn công địch, trong đó có trận do Mai Dĩnh chỉ huy tập kích vào kho bom Thành Tuy Hạ, phá hủy 35.000 tấn bom. Đoàn 10 đặc công Rừng Sác tuy bị tổn thất nặng (năm 1969-1970, hy sinh trên 300 cán bộ, chiến sĩ) vẫn kiên trì bám trụ trên sông Sài Gòn, đột nhập quân cảng Nhà Bè đánh chìm nhiều tàu chở dầu có trọng tải đến 10.000 tấn.

Trong năm 1969, tuy địch phản kích ác liệt, tăng cường đánh phá bình định nông thôn, các lực lượng Phân khu, các tỉnh thuộc miền Đông Nam bộ tuy bị nhiều thiệt hại, đã kiên cường bám trụ vùng ven, nắm thời cơ đánh thọc sâu vào các cơ quan quân sự, các cụm cứ điểm quân sự gây cho địch nhiều thiệt hại, nhưng các đơn vị mũi nhọn của ta bị tổn thất nặng, sức chiến đấu giảm sút nghiêm trọng, nguồn bổ sung không đáp ứng yêu cầu. Mặt khác do ta chuyển hướng chỉ đạo đánh phá bình định chậm, (phải đến tháng 7-1969, Trung ương Cục mới có chỉ thị chuyển hướng) nên công tác xây dựng cơ sở bị lơ lửng, địch bắt được lính, kìm kẹp được dân, nhiều cơ sở đảng bị đánh tan rã. Quân số các đại đội địa phương huyện và Phân khu chỉ còn 35-45 tay súng. Trước tình hình đó, Trung ương Cục chỉ đạo các lực lượng chủ lực và Phân khu rút về tuyến biên giới để củng cố bổ sung. Nhiều đơn vị ở Phân khu 1, 2, 3, 5 phải bám lại địa phương “du kích hóa” để tồn tại cùng dân.

Năm 1969, là năm thử thách ác liệt đối với các Đảng bộ, quân dân ở miền Đông Nam bộ. Thực tế đã chứng minh các Đảng bộ rút ra các bài học quan trọng: Chỉ có bám được chiến trường, bám được dân, xây dựng cơ sở trong dân mới có thể tồn tại và chiến đấu được. Đó là bài học rút ra từ thực tiễn và là kinh nghiệm cho sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng bộ miền Đông trong việc chuyển hướng chỉ đạo tiến công nổi dậy 1969.

II. LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN VƯỢT QUA GIAI ĐOẠN KHÓ KHĂN ÁC LIỆT SAU TẾT MẬU THÂN, TRỤ BẮM ĐỊA BÀN, CỨNG CỐ VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG

Tháng 1 năm 1970, Hội nghị lần thứ 18 Ban chấp hành Trung ương Đảng đã phân tích, đánh giá sự phát triển của cuộc kháng chiến từ Xuân Mậu Thân 1968 đến tháng 1 năm 1970, phân tích những nguyên nhân thắng lợi và những khó khăn của phong trào kháng chiến từ đầu năm 1969, đề ra phương hướng, giải pháp để đưa cuộc kháng chiến tiến lên. Hội nghị phân tích những thiếu sót, nhược điểm, khó khăn của phong trào và tìm ra nguyên nhân. Hội nghị nhấn mạnh việc vận dụng đúng đắn phương châm, tiến công địch trên cả 3 vùng chiến lược, trong đó nông thôn là hướng tiến công chính; ra sức xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang 3 thứ quân, đẩy mạnh tác chiến của bộ đội tập trung và thực hiện sự chuyển biến phong trào du kích chiến tranh địa phương.

Thực hiện Nghị quyết 18 Trung ương, Trung ương Cục, Quân ủy Miền quyết định mở cuộc tiến công đồng loạt xuân hè 1970 nhằm mở rộng vùng nông thôn bằng khôi phục vùng giải phóng như thời kỳ trước Mậu Thân, biến đổi cục diện chiến trường tạo thời cơ tiến lên giành thắng lợi cao nhất. Quán triệt sự chỉ đạo của Trung ương Cục và Quân ủy Miền, Ban cán sự T7 đề ra nhiệm vụ chủ yếu của Bà Rịa - Long Khánh, Phân khu 4, Biên Hòa như sau: “kết hợp chặt chẽ du kích và lực lượng giải phóng bên ngoài diệt đúng đối tượng, đánh bình định và yểm trợ chống bình định phá rã các bộ máy kìm kẹp”, “đi đôi đẩy mạnh phong trào quần chúng phá rã các hình thức kìm kẹp và xé rào bung ra sản xuất”¹. Chú trọng khu vực đông tây đường 15 Long Thành, đường 2, đường 1, đường 17, 19 Nhơn Trạch, Thủ Đức... Tập trung lực lượng T7 gồm: Trung đoàn 4, Tiểu đoàn 6, Tiểu đoàn 65 và một bộ phận Trung đoàn 274 pháo binh. Các Phân khu 1, 2, 3, 5 đều lên kế hoạch tiến công vũ trang kết hợp phong trào quần chúng đánh phá bình định, mở rộng vùng làm chủ của quần chúng.

Đợt tiến công xuân hè 1970 ở miền Đông Nam Bộ bắt đầu ngày 26- 3- 1970. Trên hướng biên giới Tây Ninh, Sư đoàn 9 Miền mở đợt tiến công từ 26- 3 đến 28- 4- 1970 nhằm phá thế chuẩn bị tiến công biên giới của địch, gây cho địch thiệt hại nghiêm trọng², hỗ trợ cho các địa phương phát triển đánh phá bình định bên trong.

¹ Báo cáo tháng 3-1970, Ban cán sự T7, lưu trữ phòng Nghiên cứu lịch sử Đảng Đồng Nai.

² Trận Cẩm Tre ngày 29-3, đánh thiệt hại nặng Lữ 1 kỵ binh không vận Mỹ: diệt và làm bị thương 300 tên Mỹ, 3 đại đội thiết giáp 12 khẩu pháo và 6 máy bay. Trận Tà Xùa ngày 1- 4, diệt và làm bị thương 300 tên Mỹ, 300 xe quân sự (có 25 xe M113), 15 khẩu pháo, 2 máy bay. Trận Bà Diếc ngày 15- 4, diệt và làm bị thương 200 tên Mỹ, 30 xe quân sự, 10 khẩu pháo.

Vào thời điểm này, tình hình chiến trường biến động lớn, với âm mưu mở rộng chiến tranh ra cả Đông Dương, ngày 18- 3- 1970, Mỹ giật dây cho tay sai Lonol làm cuộc đảo chính lật đổ chính phủ trung lập Sihanúc nhằm biến Campuchia thành 1 căn cứ quân sự, ngăn chặn phát triển phong trào cách mạng ở Đông Nam Á, mở rộng chiến tranh ra Đông Dương, đánh phá căn cứ bàn đạp và cắt đứt đường tiếp vận của nhân dân ta từ miền Bắc vào chiến trường miền Nam thông qua cảng Sihanúcvin, thực hiện ý đồ làm cho cuộc kháng chiến ở miền Nam “lụi tàn” để giành thắng lợi trong “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Để chuẩn bị cho cuộc chiến công vượt biên giới, địch mở nhiều cuộc hành quân phản kích trên nhiều hướng ở miền Đông Nam bộ. Lấy tuyến biên giới làm tuyến ngăn chặn, tiêu hao và đẩy chủ lực ta ra ngoài biên giới. Địch mở những cuộc càn quét vào căn cứ Dương Minh Châu (Tây Ninh), Chiến khu Đ, bắc Long Khánh, tuyến Lộc Ninh; đánh mạnh vành đai trung tuyến ở Bến Cát, Trảng Bàng, bắc Củ Chi, Châu Thành, Tân Uyên, đông và tây lộ 15. Ngày 30- 4- 1970, địch tung lực lượng lớn quân Mỹ, ngụy đánh sang Campuchia.

Sau khi cân nhắc phân tích tình hình, Trung ương Cục, Quân ủy Miền đã quyết định đưa ra một bộ phận chủ lực kết hợp với bạn tiến công giải phóng vùng Đông sông Mê Kông; chỉ đạo các địa phương kiên quyết chống địch càn quét ở biên giới, bảo vệ căn cứ, kho tàng hậu phương chiến lược của ta, nắm thời cơ địch mở rộng chiến tranh ở Đông Dương, củng cố xây dựng lực lượng, mở các đợt tiến công vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng, khôi phục lại các vùng làm chủ và giải phóng như trước năm 1968.

Lực lượng địch ở miền Đông Nam bộ do phải cơ động sang Campuchia nên giảm sút từ 50- 70%. Tại các địa phương, lực lượng hành quân càn quét chủ yếu là bảo an, dân vệ và 1 bộ phận quân chủ lực còn lại. Đây chính là cơ hội để quân và dân miền Đông Nam bộ có điều kiện khôi phục lực lượng (chủ yếu là nguồn chi viện từ miền Bắc vào, như Phân khu 1 trong năm tiếp nhận 4 đợt bổ sung từ miền Bắc và tới 784 cán bộ chiến sĩ).

Tại Tây Ninh, Tỉnh ủy, Tỉnh đội đã củng cố Tiểu đoàn 14, 16, đại đội đặc công và bộ đội địa phương đưa về hoạt động mạnh khu vực huyện Châu Thành, Gò Dầu, Bến Cầu... diệt nhiều bọn ác ôn, bình định, hỗ trợ phong trào quần chúng đấu tranh bùng nổ sản xuất. Đặc biệt ngày 1- 5- 1970, đặc công tỉnh đã đánh sập 3 nhịp cầu Gò Dầu trên Quốc lộ 1 gây nhiều khó khăn cho địch trong việc vận chuyển quân, thiết bị sang Campuchia. Tại Trảng Bàng du kích đã xây dựng bãi mìn An Khương, Bàu Mây

An Tĩnh), diệt nhiều địch. Chỉ riêng mùa hè 1970, lực lượng địa phương du kích đánh phá hỏng 62 xe tăng, thiết giáp M113.

Lữ 429 đặc công theo chỉ đạo của Bộ chỉ huy Miền đã liên tục tập kích vào các cứ điểm quân sự, cụm đóng quân của địch ở An Lộc (Bình Long), Bến Sỏi (Tây Ninh), Núi Gió, Phú Miêng (Bình Long)... tiêu diệt nhiều sinh lực quân Mỹ và phương tiện chiến tranh gồm máy bay, xe tăng, pháo, hỗ trợ tích cực cho chiến trường bạn và phong trào địa phương.

Trên chiến trường Phân khu 2 và 3, lực lượng ta tuy gặp nhiều khó khăn (lực lượng của Sài Gòn, hậu cần, phân khu bị thiệt hại trên 2.000 người), nhưng các lực lượng địa phương đã kịp thời chuyển hướng tổ chức và có phương thức hoạt động thích hợp, đã phát triển được phong trào du kích ở lại các xã thuộc huyện Đức Hòa (Phân khu 2).

Trên chiến trường T7, tháng 4-1970, Mỹ liên tục ném bom và pháo từ hạm đội 7 bắn phá liên tục vào căn cứ Minh Đạm (Bà Rịa - Long Khánh). Địch dùng bom bi chứa hơi ngạt thả xuống các hang động trên núi. Bộ đội địa phương huyện Long Đất trong điều kiện cực kỳ khó khăn về lương thực vẫn phát động phong trào “Quyết tử giữ Minh Đạm”, phát động phong trào bắn máy bay địch, đã trụ bám căn cứ, bám từng hang động, dùng mìn tự tạo, mìn E3 của Úc liên tục chống trả. Với cách đánh này, lực lượng ta đã bức rút 1 trung đội hoàng gia Úc xuống núi, làm thất bại cuộc càn quét của Liên quân Lữ 199 Mỹ và đơn vị Hoàng gia Úc - ngụy vào căn cứ ta suốt 25 ngày, giữ vững chiến khu Minh Đạm.

Các địa phương ở miền Đông Nam Bộ đã kịp thời nắm thời cơ, kết hợp vũ trang và phong trào quần chúng đánh phá bình định, khôi phục lại thế làm chủ của quần chúng. Tây Ninh đã phá lỏng kim kẹp của địch trên 30 ấp; Biên Hòa mở thêm 6 ấp ở huyện Vĩnh Cửu; Bà Rịa mở 30 ấp, giữ và nâng cao mức làm chủ ở Xuân Lộc (lộ 1), Định Quán (lộ 20), và nhiều đồn điền cao su dọc liên tỉnh lộ số 2. Phân khu 4 mở được 4 xã ở Thủ Đức, Phân khu 5 mở được 3 xã ở Dĩ An, khôi phục được thế bám trụ 5 xã ở Lái Thiêu, 6 xã ở Châu Thành, Tân Uyên. Phân khu 1 phá thế kim kẹp ở 12 ấp của huyện Bến Cát, bám trụ vững hơn ở 6 ấp trên đường số 13. Trảng Bàng (Tây Ninh) phá lỏng thế kim kẹp của địch trong 4 ấp. Ở Tây Ninh, Đất Đỏ (Bà Rịa), các chi bộ đảng lãnh đạo quần chúng liên tục đấu tranh chống địch bắn pháo phá hoại vườn tược của nhân dân, đấu tranh đòi về đất cũ sản xuất, thế quần chúng bung ra vùng căn cứ, giải phóng để sản xuất ngày một rộng hơn. Công tác phát triển du kích, khôi phục

thế chiến tranh nhân dân so với năm 1969 có tiến bộ hơn. Toàn miền Đông Nam bộ tổng số du kích lộ và mật là 3.217 đồng chí¹.

Trên chiến trường Campuchia thực hiện sự chỉ đạo chủ Trung ương “Đông Dương là 1 chiến trường” Bộ chỉ huy Miền đã tăng cường các Sư đoàn chủ lực 1, 7, 9, 5, Lữ biệt động đặc công 367, bộ đội Phước Long phối hợp chặt chẽ cùng bộ đội cách mạng Campuchia đánh địch, loại khỏi vòng chiến đấu 20.000 tên địch, phá hủy, phá hỏng nhiều phương tiện chiến tranh của Mỹ - ngụy, bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não, căn cứ kho tàng của Trung ương Cục miền Nam. Năm tỉnh đông bắc của Campuchia hoàn toàn giải phóng phần lớn, sáu tỉnh giải phóng phần lớn, tạo ra một bước nhảy vọt đối với phong trào cách mạng Campuchia.

Thất bại của Mỹ - ngụy trên chiến trường Campuchia càng khoét sâu hơn mâu thuẫn trong giới cầm quyền ở Mỹ, phong trào lên án cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Đông Dương ngày càng phát triển. Ngày 30-6-1970, Níchxon phải tuyên bố chấm dứt cuộc hành quân ở Campuchia trước thời hạn, tuy vẫn giữ ngụy Sài Gòn ở lại và bí mật viện trợ quân sự cho Campuchia.

Trên chiến trường miền Nam, đến giữa tháng 6-1970, quân Mỹ đã rút đi 160.000 quân, tuy vậy, quân ngụy còn đông, kết hợp được chủ lực, địa phương (bảo an, dân vệ), thực hiện các cuộc càn quét dài ngày, xây dựng thêm nhiều đồn bót, đi đôi đẩy mạnh chương trình “Phượng hoàng”, đưa bọn bình định, cán bộ tâm lý xuống tận xã ấp “ba cùng” với dân nhằm chia rẽ quần chúng. Chúng khủng bố, rún ép các gia đình cơ sở cách mạng, có lúc giả vờ cứu sáng sớm thì đến nhà cơ sở ta làm vệ sinh để quần chúng nghi kỵ lẫn nhau... gây cho ta nhiều khó khăn.

Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã quyết định mở đợt tiến công mùa khô 1970-1971 trên cả 3 chiến trường miền Nam, biên giới và trên đất bạn Campuchia; đồng thời đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng ở cả đô thị và nông thôn lên một bước, làm cơ sở để khôi phục và phát triển cơ sở quần chúng cách mạng.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương Cục, Ban cán sự Đảng miền Đông (T7) chủ trương mở đợt hoạt động mùa khô 1970-1971 gọi là “Chiến dịch CD” mục tiêu là để giữ vững và củng cố địa bàn, tiếp tục tiến công địch, hỗ trợ các địa phương Bà Rịa-Long Khánh, Phân khu 4, tiếp tục đánh phá bình định nông thôn.

Trên chiến trường đông nam Sài Gòn, các lực lượng T7 phải đối đầu trực tiếp với quân viễn chinh Mỹ gồm Lữ dù 173, Lữ 199 bộ binh, Trung đoàn 11 thiết giáp cơ

¹ Phân khu 1: 766 du kích (có 367 đảng viên); Phân khu 2 + 3: 903 du kích (có 549 đảng viên); Phân khu Thủ Biên: 470 du kích (có 244 là đảng viên); Tỉnh Bà Rịa: 724 du kích (có 409 là đảng viên); Tỉnh Tây Ninh: 354 du kích (có 192 là đảng viên); Tỉnh Phước Bình: 579 du kích (có 134 là đảng viên).

động (ở Long Giao), quân chủ hầu gồm Lữ đoàn hoàng gia Úc, Sư đoàn Báo đen Thái Lan và Sư đoàn 18 nguy. Trong lúc đó, các Trung đoàn 4, 33, Tiểu đoàn 6 đặc công T7 và các lực lượng địa phương phải chiến đấu trong điều kiện thiếu lương thực kéo dài, phải ăn củ rừng, rau rừng, chuối, đậu nành... Việc thu mua lương thực ở các cửa khẩu (quốc lộ 20, lộ 2, lộ 15, 1) bị địch đánh phá gây cho ta nhiều thiệt hại. Lực lượng vũ trang T7 đã tổ chức nhiều trận tiến công đạt hiệu suất cao. Ngày 23-7-1970, Tiểu đoàn 6 đặc công tiến công diệt căn cứ Núi Thị (Xuân Lộc), diệt 157 tên, phá hủy 6 xe cơ giới (5 xe tăng), bắn rơi 1 máy bay lên thẳng. Trung đoàn 4 diệt 1 Tiểu đoàn Sư 18 nguy ở Hưng Lộc (29-9-1970) sau đó tiến công diệt 2 đại đội lính Úc ở Đức Thạnh và cao su lộ 2 (Hòa Lạc – Việt Cường). Trung đoàn 33 bắn rơi máy bay lên thẳng, trong đó có tên tướng 2 sao Mỹ Uyliam Bon, liên tục những tháng cuối năm 1970, du kích xã Bình Lộc, trinh sát vũ trang biệt động thị xã tổ chức tiến công địch trong thị xã Long Khánh diệt nhiều tên binh định, sĩ quan, tình báo Việt, Mỹ, tạo điều kiện để xây dựng và khôi phục cơ sở trong nội thị và ngoại ô thị xã Long Khánh.

Tại thị xã Biên Hòa, sau những thiệt hại trong năm 1969, Tỉnh ủy đã tiến hành củng cố lại tổ chức Đảng, thực hiện phương châm hoạt động bí mật ngăn cách đã đưa một số đảng viên vào nội ô như khu Kỹ nghệ Biên Hòa, các ấp Gò Me, Hiệp Hòa Thống Nhất, từng bước khôi phục lại cơ sở trong nội ô. Tỉnh ủy lãnh đạo tổ chức các cuộc đấu tranh của công nhân khu Kỹ nghệ Biên Hòa; nhiều cuộc đấu tranh của nghiệp đoàn buôn gánh bán bưng của chị em chợ Biên Hòa; đấu tranh chống quân sự hóa học đường ở trường Ngô Quyền, Khiết Tâm; đấu tranh chống phạt vạ của nghiệp đoàn xe lam, xe lô; đồng bào Tam Hiệp, Bình Đa, An Hảo đấu tranh đòi chính quyền Thiệu cứu đói .

Vùng cao su, đặc biệt ở Bình Sơn (Long Thành), chi bộ mật đã tổ chức công nhân cao su liên tục đấu tranh chống bọn lính Thái Lan kiểm soát, kìm kẹp công nhân bằng hình thức công tác binh vận, đấu tranh chính trị, kết hợp tiến công vũ trang từ bên ngoài. Nhờ công tác vận động binh lính Thái Lan đồng tình đấu tranh của công nhân, ta xây dựng Bình Sơn thành cửa khẩu hậu cần quan trọng góp phần giải quyết lương thực cho các lực lượng.

Tại Long An (Phân khu 2, 3) từ tháng 8-1970, quân Mỹ bắt đầu rút khỏi chiến trường. Tháng 9-1970, Lữ đoàn 3 Sư đoàn 9 Mỹ rút khỏi Phân khu 3. Tháng 11-1970, Lữ 1, Lữ 3 Sư 25 “Tia chớp nhiệt đới” Mỹ rút khỏi Hậu Nghĩa. Đến cuối năm 1970, các đơn vị bộ binh của Mỹ hoàn toàn rút khỏi Long An. Để có điều kiện phát triển chiến tranh du kích ở Long An, tháng 10-1970, Trung ương Cục, Quân ủy Miền quyết định sát nhập hai Phân khu 2 và 3 thành Phân khu 23 (thực chất là hình thức tổ chức tỉnh Long An kéo dài đến Sài Gòn).

Phân khu 2 và 3 đã tiến hành việc xây dựng lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho đánh phá bình định, hỗ trợ phong trào quần chúng nổi dậy phá áp chiến lược, đấu tranh bung về ruộng vườn cũ làm ăn, khôi phục lại cơ sở Đảng, Đoàn, nòng cốt quần chúng để đủ sức lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị, binh vận kết hợp chỉ đạo lực lượng vũ trang đánh địch tạo thế cho việc bám trụ và xây dựng cơ sở tại chỗ. Nhờ vậy, từ chỗ địch công bố tỉnh Long An đã “bình định” xong từ cuối 1969, Phân khu 2 và 3 đã khôi phục lại phong trào du kích chiến tranh và đánh phá bình định¹ khá mạnh.

Ở Trảng Bàng (Tây Ninh), đồng bào ở quốc lộ 1 đã nổi dậy phá áp chiến lược trở về áp cũ sản xuất, làm ăn, nối lại thế liên hoàn giữa các xã giải phóng. Đội biệt động thị xã Tây Ninh nhiều lần đột nhập đánh địch ở nội ô, đánh vào căn cứ Trảng Lớn, các nhà hàng diệt nhiều tên ác ôn, tình báo, nhiều tên bị diệt ngay trong phòng làm việc. Phong trào du kích chiến tranh được khôi phục trở lại. Năm 1970, du kích gài mìn diệt 1.090 tên địch, phá hủy 210 xe các loại.

Trên chiến trường Phân khu 5 (Thủ Dầu Một), lực lượng vũ trang tổ chức nhiều trận đánh thọc sâu, tác động lớn như: Kỳ tập chốt Thầy Phòng (Tân Uyên) bằng đặc công, diệt 170 tên địch, phá 4 khẩu pháo 105 ly. Tháng 10-1970, trong khi địch làm lễ phô trương kết quả bình định, đội biệt động đã đột nhập đánh diệt bọn bình định và cố vấn Mỹ đang dự lễ. Khu vực Bình Long, Phước Long các lực lượng T10 liên tục tổ chức chống càn quét bảo vệ căn cứ, phát triển du kích chiến tranh ở các xã.

Cuối tháng 10-1970, quân viễn chinh Mỹ ở miền Đông Nam bộ tiếp tục rút khỏi chiến trường: Tháng 10-1970 rút khỏi chốt Chà Là (Tây Ninh); tháng 11-1970 rút khỏi Dầu Tiếng; tháng 3 -1971 rút khỏi các chốt Lai Khê, Phước Vĩnh, Mang Cái, Suối Nước Trong; Sư 25 “Tia chớp nhiệt đới” Mỹ rút khỏi căn cứ Đồng Dù (20- 12- 1972) chuyển giao lại cho sư đoàn bộ binh ngụy. Quân Mỹ ở miền Đông Nam bộ chỉ còn lại 140.000 tên (trong tổng số 335.000 tên trên toàn Miền). Tuy Mỹ rút đi, nhưng do địa bàn quan trọng, ở Củ Chi lực lượng địch còn rất lớn: Tổng số quân đồn trú ở Đồng Dù là 3.000 tên (2 trung đoàn 50 và 46). Tổng số quân chủ lực ở Củ Chi là 8.000, địa phương 5.000. Ngoài căn cứ Đồng Dù, địch còn 3 chốt lớn và 120 đồn tua, các cụm pháo Đồng Dù (30 khẩu) và 3 cụm khác (mỗi cụm 10 khẩu), 300 xe cơ giới (150 xe tăng), 100 tàu xuồng chiến đấu, 100 máy bay lên thẳng.

¹ Trong năm 1970, dân quân Phân khu 23 đã đánh 1.375 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 13.553 tên địch, thực hiện 101 lần cuộc diệt ác (30 tề xã, 40 tề ấp, 40 tên chiêu hồi, 154 nhân viên bình định, 59 cảnh sát, 54 thám báo và 22 chỉ điểm). Ngoài ra, còn diệt 1 ban chỉ huy tiểu đoàn, 1 ban chỉ huy cảnh sát, bắn rơi 10 máy bay, 38 tàu thuyền, 154 xe quân sự, thu 587 súng các loại, 23 máy thông tin.

Ở các tỉnh miền Đông Nam bộ, địch tiến hành bình định theo hướng chúng gọi là “bình định bổ túc có chiều sâu”¹. Các hình thức bình định là hành quân càn quét gom dân, phát quang phá địa hình, huy động cả cảnh sát, “phượng hoàng”, “tê điệp, thám báo” vào bình định. Địch cho làm lại tờ khai gia đình, kiểm soát đến từng hộ dân, vừa mua chuộc, vừa rún ép, khủng bố đối với những gia đình có thân nhân đi kháng chiến.

Đến cuối năm 1970, ở miền Đông Nam bộ, địch lập được bộ máy kìm kẹp ở 2.446 ấp trong tổng số 3.487 ấp, trong đó có 257 ấp loại C (tức ấp địch lập được bộ máy tề, phòng vệ dân sự, nhưng không kiểm soát được dân). Theo tài liệu thống kê của Bộ Tổng tham mưu ngụy, địch đã kiểm soát được 5.211.700 người dân trên tổng số 5.265.000 người, trong đó kiểm soát về hình thức chiếm 232.500 người.

Mùa khô 1970- 1971, một mặt tiến hành bình định ở miền Nam, địch mở các cuộc hành quân lớn đánh sang Campuchia và Lào nhằm diệt cơ quan đầu não Trung ương Cục. Ngày 4- 2- 1971, địch bắt đầu cuộc hành quân “toàn thắng 1- 71” vào đông bắc Campuchia, lực lượng tập trung 23.000 quân ngụy Sài Gòn, tổ chức thành 9 chiến đoàn hỗn hợp và 22 tiểu đoàn quân ngụy Lonol.

Chủ trương của Trung ương Cục, Quân ủy Miền là nắm thời cơ này, ta thực hiện những trận chiến công chiến lược tiêu diệt từng bộ phận quan trọng sinh lực địch và phương tiện chiến tranh của ngụy Sài Gòn, làm tan rã một bộ phận quân ngụy Lonol, mở rộng vùng giải phóng, phát triển lực lượng bạn, bảo vệ đầu não và hậu phương trực tiếp của chiến trường miền Nam, hỗ trợ chiến trường miền Nam đánh phá bình định.

Trong 4 tháng phản công trên chiến trường đông bắc Campuchia, quân tình nguyện Việt Nam cùng bạn đã đánh địch loại khỏi vùng chiến đấu trên 27.000 tên, diệt 1 chiến đoàn, 1 trung đoàn thiết giáp, đánh quy 5 chiến đoàn, bắn rơi 270 máy bay, phá hủy 1.000 xe quân sự. Đặc biệt Lữ đặc công biệt động 367 thực hiện nhiều trận tập kích xuất sắc vào cứ điểm, kho tàng địch, trong đó có trận đánh sân bay Pôchentông đánh quy quân chủng không quân của Lonol.

Trên mặt trận đường 9 Nam Lào, ngày 23- 3- 1971, quân ta kết thúc chiến dịch phản công, đánh bại hoàn toàn cuộc tiến công của địch² ở vùng ngã ba biên giới, quân ta phản công đánh bại hoàn toàn cuộc hành quân Quang Trung của địch.

¹ Còn gọi là kế hoạch “cộng đồng tự vệ phát triển” địa phương với nội dung “tự phòng”, “tự quản”, “tự túc và phát triển”.

² Kết quả: Diệt và bắt sống 21.102 địch, đánh thiệt hại 3 sư đoàn thiện chiến ngụy (sư 1 dù, thủy quân lục chiến), bắn rơi phá hủy 556 máy bay (505 máy bay lên thẳng), phá hủy 1.130 xe cơ giới (có

Thắng lợi của ta ở đường 9 Nam Lào, đông bắc Campuchia và biên giới cho thấy quân nguy tuy đông, phương tiện chiến tranh hiện đại, nhưng hoàn toàn không đủ khả năng để thay quân Mỹ làm nòng cốt trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Việc mở rộng chiến tranh sang Campuchia và thất bại của địch càng làm cho khối chủ lực quân nguy ở miền Đông Nam bộ (Su 5, Su 18, Su 25, Su dù, thủy quân lục chiến) càng suy yếu, tuyến phòng thủ biên giới của địch tan vỡ.

Ngày 9- 2- 1971, Bộ Chính trị điện cho Trung ương Cục, Quân ủy Miền phải nắm lấy thời cơ đẩy mạnh tiến công và nổi dậy, đập tan kế hoạch bình định của địch, hướng trọng điểm là đồng bằng Nam Bb, xung quanh Sài Gòn và vùng biên giới Campuchia. Ban cán sự Đảng và Bộ Tư lệnh T7, các tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh, Biên Hòa U1, Phân khu 4 miền Đông Nam Bb đều lên kế hoạch, phân vùng, bố trí lực lượng lợi dụng sơ hở của địch trên chiến trường do quân chủ lực nguy giảm đi, từng bước khôi phục thế và lực cách mạng tại chỗ.

Tuy nhiên, do tình hình từng chiến trường có đặc điểm khác nhau, nên việc khôi phục phong trào chống địch bình định từng nơi cũng có mức độ khác nhau.

Trên chiến trường Phân khu 2 và 3 (Long An), từ ngày 10- 2- 1971, quân nguy¹ đã mở cuộc càn quét trên quy mô toàn tỉnh, kết hợp ủi phá phát quang địa hình ở các huyện Châu Thành, Đức Hòa, Bến Lức, Thủ Thừa, Tân Trụ, Cần Đước... Địch tăng mức thuế với dân nhằm vơ vét bổ sung ngân sách thiếu hụt do Mỹ giảm viện trợ, bình quân mỗi người phải đóng thuế từ 5.000 đến 10.000 đồng/năm. Chính sách “cải cách điền địa”, “người cày có ruộng” (26- 3- 1971) với chủ trương “hữu sản hóa nông dân”, truất hữu ruộng của địa chủ bán và cấp cho nông dân, cho vay tiền để nông dân mua sắm máy cày, nông cụ. Đó là cách lừa mị và thu hút nông dân để tách dân với cách mạng.

Cuộc đấu tranh chống càn quét, đánh phá bình định ở Phân khu 23 hết sức ác liệt, ta bị thiệt hại khá nặng, hy sinh 176, mất 86 súng. Tuy nhiên, với nỗ lực lớn quân và dân Phân khu 23 đã đánh 662 trận, loại khỏi vòng chiến đấu trên 5.000 tên địch, bắt sống 57 tên, bắn rơi 5 máy bay, 29 tàu thuyền, 24 xe quân sự, phá 3 khẩu pháo... Lực lượng Phân khu 23 chiến đấu trên đất bạn Campuchia đã đánh 38 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 1.252 tên, phá hủy 12 xe quân sự, 3 khẩu pháo, gây được lòng tin với bạn và nhân dân Campuchia.

528 xe tăng, bọc thép), 112 pháo cối nặng, chìm 43 tàu, thuyền, xà lan; thu 3.000 khẩu súng (có 57 pháo), 6 xe tăng, xe bọc thép, 274 súng, máy vô tuyến, 100 tấn đạn và đồ dùng quân sự.

¹ 1. Tổng số quân nguy ở Long An đến 34.661 tên, 533 có vấn Mỹ.

Trên chiến trường Tây Ninh, lực lượng địch có 12.901 tên với 240 đồn, tua, bót. Tỉnh ủy Tây Ninh đã chỉ đạo bố trí lại lực lượng, bám trụ các địa bàn, vừa đánh địch lấn chiếm, ủi phá địa hình, kết hợp thọc sâu đánh địch làm đồn xeo hồ trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Từ 29- 3 đến 20- 4- 1971, lực lượng huyện Châu Thành đã liên tục tiến công địch trên lộ số 13, diệt và tiêu hao nhiều sinh lực địch, tiêu diệt nhiều tiểu đội biệt động quân. Ở Gò Dầu, bộ đội địa phương tiến công diệt nhiều đồn, bót như Thầy Cai, Rạch Sơn, suối Bà Tươi, Bót Mới (Bàu Đôn)... Trong năm, toàn tỉnh phát động được 257 cuộc đấu tranh chính trị nhiều mức độ, chống bắt lính, chống bắn pháo, bung về đất cũ sản xuất, trên 3.000 thanh niên đã thoát ly gia đình tham gia kháng chiến. Phong trào du kích chiến tranh ở các tỉnh được củng cố và phát triển lại. Đội biệt động thị xã Tây Ninh và các đội du kích mật, an ninh mật tuy số lượng ít, nhưng chất lượng cao đã tổ chức thọc sâu đánh đúng đối tượng gây thôi động lớn trong 120 ấp chiến lược, tổ chức lại được 278 cơ sở mật.

Trên chiến trường đông nam, đông bắc Sài Gòn, tháng 5- 1971, Trung ương Cục đã bố trí lại chiến trường; giải thể T7, T10: Tỉnh Bà Rịa - Long Khánh và một phần Phân khu 4 hợp thành Phân khu Bà Rịa, do đồng chí Lê Đình Nhơn làm Bí thư, đồng chí Phạm Văn Hy làm Phó bí thư, Trần Sơn Tiêu làm Tư lệnh Phân khu; Phân khu 5 và U1 Biên Hòa nhập thành Phân khu Thủ Biên, do đồng chí Nguyễn Văn Trung làm Bí thư, đồng chí Phan Văn Trang, Nguyễn Văn Luông làm Phó bí thư, Nguyễn Hồng Lâm (Nguyễn Văn Búra) làm Tư lệnh Phân khu. Phân khu 5 có chiến khu Đ (khu A) là hậu phương tại chỗ, là chỗ dựa vững chắc đảm bảo việc nối thông hành lang tiếp nhận viện trợ của Trung ương từ Tây Nguyên về miền Đông Nam bộ. Tỉnh Bình Long, Phước Long sáp nhập thành Phân khu Bình Phước.

Bộ chỉ huy Miền quyết định thành lập đoàn vận tải 500 (tương đương cấp trung đoàn) thuộc phân khu Bà Rịa làm nhiệm vụ tải hàng từ khu A về rừng Sác. Đồng thời Bộ chỉ huy Miền quyết định sáp nhập 2 đoàn hậu cần 81 và 84 thành đoàn hậu cần 814 do đồng chí Lê Thành Công (Sáu Thịnh) làm đoàn trưởng. Đoàn 814 đã bố trí hai tuyến kho quân giới: tuyến Bàu Cá Lóc (chiến khu Đ) và tuyến từ Sông Bé đến đóc Lam Sơn để phục vụ các lực lượng vũ trang ở miền Đông Nam bộ.

Phân khu Bà Rịa chỉ đạo phải kiên quyết bám trụ địa bàn, bám dân xây dựng cơ sở là nhiệm vụ hàng đầu; giáo dục phát động quần chúng đào địa đạo ở các xã Hòa Long, Long Phước để các lực lượng vũ trang bám trụ đánh địch. Công tác bám trụ vào dân hết sức vất vả, các cán bộ được cử vào trong ấp chiến lược phải là những đảng viên kiên trung, giỏi công tác dân vận. Sau đó tỉnh chỉ đạo mở nhiều đợt đánh địch có tính chất tổng hợp (có lực lượng vũ trang Ban cán sự T7 chuyển giao về phân khu) cùng lúc tấn công kết hợp 3 mặt quân sự, chính trị, binh vận, kết hợp hai lực lượng

bên trong và bên ngoài (áp chiến lược) để đánh phá bình định. Trong năm 1971, Phân khu Bà Rịa hy sinh trên 900 đồng chí, nhưng với phương thức xây dựng mới, lực lượng Phân khu đã từng bước khôi phục. Phong trào du kích chiến tranh phát triển trở lại ở quận Châu Thành và Long Đất. Đây là một trong những thắng lợi lớn buộc Quốc hội Úc phải lên tiếng, thúc đẩy chính phủ Úc thực hiện sớm lịch trình rút quân ở miền Nam nói chung và Bà Rịa nói riêng (vào cuối năm 1971). Toàn Phân khu Bà Rịa chỉ còn lại xã trắng là Bình Giã; còn xã Long Tân tuy dân bị tạt về thị trấn Long Điền nhưng tại chỗ vẫn còn chi bộ và một số cơ sở .

Toàn Phân khu Bà Rịa có 84 xã thì 78 xã có chi bộ Đảng. Chi bộ ở cơ sở có 133 (trong đó có 78 chi bộ lộ) với 819 đảng viên. Tính toàn Phân khu có 260 chi bộ đảng với 2.606 đảng viên. Hàng loạt cơ sở cao su đồn điền trên khu vực liên tỉnh lộ số 2 được giải phóng như Láng Lớn, Xà Bang, Quang Minh, Tân Việt Nam, Hòa Lạc, Việt Cường, giải phóng cơ sở C Bình Lộc (lộ 20); chuyển các sở Cẩm Mỹ, Bình Ba, Hàng Gòn, Ông Quế, An Lộc lên tranh chấp mạnh.

Khu rừng Sác, Đoàn 10 đặc công đã kiên trì bám trụ, sáng tạo nhiều loại vũ khí sẵn sàng đánh địch. Đến cuối năm 1971, Đoàn 10 bước đầu phá vỡ được thế bao vây của địch để nhận được tiếp tế từ đất liền. Tháng 11 Đại đội 13 đã bí mật, bất ngờ lọt qua tuyến phòng thủ của địch, bắn cháy tàu 10.000 tấn trên sông Lòng Tàu. Để có thể tồn tại được ở Rừng Sác, từ 1969- 1971, Đoàn 10 đặc công Rừng Sác đã có 324 cán bộ, chiến sĩ hy sinh ở các khu rừng ngập mặn .

Vùng ven Sài Gòn, phong trào du kích chiến tranh phát triển khá mạnh ở Củ Chi với các xã An Nhơn Tây, Phú Mỹ Hưng, Trung Lập Thượng... Du kích An Nhơn Tây diệt được đồn bót địch cấp trung đội, diệt được xe tăng địch. Du kích, bộ đội địa phương đã phá hủy 78 xe cơ giới/240 chiếc địch dùng để ủi phá địa hình ở đây, diệt 50 tên ác ôn, chỉ điểm, bình định.

Trong nội ô thị xã Biên Hòa, thị trấn như Long Khánh, Tây Ninh, Bà Rịa... phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân phát triển mạnh.

Có thể nói hai năm xuống thang của Mỹ - ngụy (1969- 1971) là thời kỳ thử thách ác liệt đối với phong trào kháng chiến miền Đông Nam Bộ. Từ chỗ bị địch lần chiếm, nhiều vùng giải phóng bị thu hẹp, các Đảng bộ ở miền Đông Nam bộ đã từng bước chuyển hướng đấu tranh tập trung cho nhiệm vụ chống bình định, mở mang mở vùng, khôi phục vùng giải phóng, làm chủ, khôi phục lại phong trào du kích chiến tranh, làm cơ sở cho những bước phát triển tiếp theo¹. Đặc biệt, khi đế quốc Mỹ mở

¹ 1. Phân vùng các Phân khu của miền Đông Nam Bộ (11- 1971):

rộng chiến tranh xâm lược ở Campuchia và Lào, thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam, các lực lượng cách mạng ở miền Đông Nam Bộ đã nắm thời cơ, vừa giúp bạn đánh bại quân Mỹ - ngụy ở biên giới, giải phóng nhiều vùng cho bạn, vừa đẩy mạnh tấn công trong toàn Miền, kết hợp hai chân ba mũi, từng bước củng cố và phát triển vùng giải phóng và lực lượng.

III. LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THAM GIA CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC NĂM 1972, GÓP PHẦN VÀO THẮNG LỢI CỦA HIỆP ĐỊNH PARI

Tháng 5-1971, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã có chủ trương “nắm lấy thời cơ” tiến công chiến lược giành thắng lợi quyết định trong năm 1972. Trên cơ sở này, tháng 8- 1971, Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã vạch kế hoạch tiến công chiến lược năm 1972 nhằm “Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, đánh bại chương trình bình định. Thu hẹp vùng kìm kẹp của địch, giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trên chiến trường, tạo thế cho ta giành thắng lợi tại hội nghị Pari”.

Bộ chỉ huy Miền quyết định mở chiến dịch Nguyễn Huệ trên chiến trường miền Đông Nam bộ. Đồng chí Trần Văn Trà, Phó Tư lệnh Miền làm Tư lệnh chiến dịch; đồng chí Trần Độ, Phó chính ủy Miền làm Chính ủy.

Hướng chủ yếu của chiến dịch được xác định là đường số 13, với quyết chiến điểm là Lộc Ninh (trong bước 1), Hớn Quản, Chơn Thành (trong bước 2), sau đó phát triển về hướng Lai Khê, Dầu Tiếng.

Hướng thứ yếu (nghi binh) là đường số 22, quyết chiến điểm là Xa Mát, Trảng Súp và vùng xung quanh; sau đó phát triển về hướng đồng bằng Khu 8 hoặc Tây Sài Gòn.

Hai hướng phối hợp:

Phối hợp chính là hướng Tây Ninh, các Phân khu 1, 5, 23, tỉnh Bình Phước.

Hướng phối hợp quan trọng là Long Khánh, Biên Hòa.

Lực lượng tham gia chiến dịch Nguyễn Huệ gồm các chủ lực Miền và các lực lượng vũ trang tỉnh, Phân khu trong phạm vi chiến dịch.

- Long An: 11 quận, có: 3 loại A: Đức Hòa, Đức Huệ, Châu Thành (Lực lượng: 4.548); 7 loại B: Thủ Thừa, Bến Lức, Bình Chánh, Tân Bình, Tân Trụ, Cần Giuộc, Cần Đước; 1 loại C: Nhà Bè.

- Tây Ninh: 11 quận, có: 8 loại A: Bắc Cù Chi, Nam Cù Chi, Trảng Bàng, Gò Dầu, Bến Cầu, Tòa Thánh, Châu Thành, thị xã Tây Ninh (Lực lượng: 5.960); 3 loại B: Đông Hóc Môn, Tây Hóc Môn, Dương Minh Châu.

- Thủ Biên: 12 quận, có: 6 loại A: Xuân Lộc, Định Quán, Châu Thành, Tân Uyên, Phú Giáo, thị xã Biên Hòa (Lực lượng: 2.416); 4 loại B: Lái Thiêu, thị xã Thủ, Vĩnh Cửu, Trảng Bom và 2 loại C: Thủ Đức, Dĩ An.

- Bà Rịa: 11 quận, có: 6 loại A: Long Thành, Cao Su, Nhơn Trạch, Long Đất, Châu Đức, thị xã Ô Cáp (lực lượng: 7.176); 5 loại B: Duyên Hải, Nam Thủ Đức – Bình Sơn, Xuyên Mộc, thị xã Bà Rịa.

Từ tháng 10- 1971 đến tháng 3- 1972, công tác chuẩn bị được tiến hành khẩn trương. Ta đã hoàn thành 943 km đường các loại đảm bảo giao thông, tiếp tế, tập kết các kho, 47.500 tấn vật chất (có 14.500 tấn gạo), riêng dự trữ cho chiến dịch được 18.000 tấn các loại, lương thực bảo đảm cho cả năm 1972. Trước khi vào chiến dịch, chiến trường miền Đông Nam Bộ đã tiếp nhận sự chi viện lực lượng của trên cho Nam bộ gồm: hai trung đoàn bộ binh (24 và 271), hai tiểu đoàn pháo 85, một tiểu đoàn pháo 122, hai tiểu đoàn cao xạ 37, tiểu đoàn 20 xe tăng (36 chiếc), một đại đội tên lửa chống tăng B72.

Tất cả các lực lượng vũ trang Miền, vũ trang địa phương, lực lượng chính trị các tỉnh, Phân khu đều được học tập, sinh hoạt để chuẩn bị bước vào chiến dịch, phát động nhân dân “đồng khởi”, đổi đời.

Trước khi chiến dịch nổ ra, địch ở miền Đông Nam bộ vẫn lạc quan cho rằng ta không còn khả năng mở các cuộc tiến công lớn và đồng loạt. Nhưng đến tháng 1- 1972, qua tin tình báo, địch biết ta có khả năng đánh lớn trong năm 1972, hướng là Bình Long - Phước Long. Do đó, chúng bố trí lực lượng mạnh ở Trị Thiên và Đông Nam bộ, đồng thời tăng cường lực lượng càn quét bịt kín hành lang biên giới, đánh phá các cơ sở hậu cần của ta ở miền Đông Nam Bộ, củng cố tuyến biên giới dọc Bình Long, Tây Ninh. Địch bố trí các sư đoàn chủ lực của địch (9, 21, 18) với 456 xe tăng, thiết giáp, 396 khẩu pháo, 76 liên đội, 145 đại đội bảo an cùng hàng vạn phòng vệ xung kích phòng giữ hai bên đường số 22 và 13, trong đó lấy đường số 22 làm hướng chính yếu. Tháng 1- 1972 địch mở đến 123 cuộc càn ở Phân khu 23, tập trung tuyến ven Vàm Cỏ Đông thuộc Đức Hòa, Đức Huệ, Bình Chánh, Bến Lức.

Trong lúc các lực lượng đang chuẩn bị bước vào chiến dịch Nguyễn Huệ, tháng 3- 1972 Ban Thường vụ Trung ương Cục miền Nam có chủ trương thành lập lại Khu ủy miền Đông Nam bộ để thống nhất lãnh đạo phong trào kháng chiến các tỉnh miền Đông Nam Bộ giành những những thắng lợi lớn, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Tháng 4- 1972, Thường vụ Trung ương Cục phân công các đồng chí Lê Quang Chử (nguyên Khu ủy viên, năm 1969 đi trị bệnh vừa về), Lê Quang Thành (nguyên Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng miền Nam), Nguyễn Hoàng Nam (cán bộ tổ chức Trung ương Cục miền Nam), đồng chí Nguyễn Thị Bạch Tuyết về miền Đông Nam bộ. Đồng chí Phan Văn Đáng (Hai Vãn), Phó bí thư Trung ương Cục lãnh đạo và chỉ đạo việc lập kế hoạch xây dựng Khu ủy và các ban ngành tham mưu của Khu ủy.

Đến tháng 6- 1972, Trung ương Cục miền Nam ra quyết định thành lập Khu ủy miền Đông Nam bộ, đứng chân ở Krachê (Campuchia), chỉ định đồng chí Trần Nam Trung làm Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu; đồng thời tăng cường, bổ sung

cán bộ, hình thành các bộ phận trực thuộc Khu ủy: cơ quan Văn phòng tổng hợp và quản trị do đồng chí Lê Văn Thâm làm chánh văn phòng; Ban Tuyên huấn, đồng chí Lê Quang Thành làm Trưởng ban kiêm Phó Giám đốc trường Đảng; ban Tổ chức đồng chí Lê Quang Chử làm Trưởng ban; Ban An ninh, đồng chí Hai An làm Trưởng ban (1974, đồng chí Huỳnh Việt Thắng lên thay); Khu ủy đã điều động một số cán bộ từ các tỉnh lên để hình thành các ban ngành, đoàn thể: Ban Binh vận, đồng chí Phan Văn Lâm (Út Lâm) Trưởng ban; Ban Kinh tài, đồng chí Ba Trọng Nhân làm Trưởng ban (tháng 1- 1974, Lê Thành Ba được bổ sung Khu ủy viên thay làm trưởng ban); Ban Dân y, đồng chí Nguyễn Thành Văn (Tám Văn) làm Trưởng ban; Nông hội, đồng chí Nguyễn Văn Siêu làm thư ký; đồng chí Nguyễn Thị Bạch Tuyết làm Trưởng ban Dân vận kiêm hội trưởng Hội Phụ nữ giải phóng; công đoàn, đồng chí Lê Sắc Nghi làm Thư ký; Đoàn Thanh niên do đồng chí Võ Văn Ân (Tám Sơn) làm Bí thư; Bạch Vân Thu làm Phó bí thư. Mặt trận dân tộc giải phóng Khu, đồng chí Tư Đức làm Chủ tịch. Văn phòng các ban, ngành của Khu đều đứng chân ở Krachê.

Song song việc thành lập lại Khu ủy, Quân ủy, Bộ Tư lệnh Miền quyết định thành lập Bộ Tư lệnh Quân khu miền Đông Nam bộ, xây dựng bộ máy chỉ huy đặt tại Đầm Râyphông (Campuchia). Bộ Tư lệnh miền Đông Nam bộ gồm các đồng chí: Nguyễn Hồng Lâm (Tư lệnh), Trần Nam Trung (Chính ủy), Vũ Ba (Phó Tư lệnh), Đặng Hữu Thuận (Tham mưu trưởng).

- Phòng Tham mưu bao gồm các ban: tác chiến, quân báo, thông tin, quân lực, công binh, cơ yếu, pháo binh, dân quân.

- Phòng Thông tin Quân khu do đồng chí Đặng Ngọc Viêt làm chủ nhiệm, Đỗ Bỏ làm phó chủ nhiệm. Lực lượng trực thuộc phòng Thông tin Quân khu có một tiểu đoàn (thiếu) gồm một đại đội vô tuyến sóng ngắn, một đại đội hữu tuyến và chuyên đạt, một trạm sửa chữa và một tổ tiếp liệu.

- Cục Hậu cần do đồng chí Nguyễn Văn Xuân (Bảy Xuân) làm Trưởng phòng, Trần Văn Ba, Sáu Kinh, Ba Thọ làm phó phòng. Trực thuộc phòng có một tiểu đoàn vận tải (có một trung đội vận tải ô tô), hai bệnh viện, hai đội điều trị, hai kho vũ khí và một xưởng quân giới. Đồng chí Nguyễn Văn Bá được cử làm Trưởng ban Quân giới Quân khu 7.

Từ 25 đến 28- 9- 1972, Hội nghị thành lập lại Khu miền Đông Nam bộ và Đảng bộ miền Đông Nam bộ được tiến hành tại địa điểm cơ quan Trung ương Đoàn Thanh niên Nhân dân cách mạng miền Nam (Krachê, Campuchia). Ban Thường vụ Khu ủy miền Đông Nam bộ được Trung ương Cục miền Nam chỉ định:

- Trần Nam Trung, Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu.

- Lê Đình Nhơn, Phó bí thư thường trực.

- Lê Quang Chử, Phó Bí thư kiêm Trưởng ban Tổ chức.
- Lê Quang Thành, Trưởng ban Tuyên huấn.
- Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Trưởng ban Dân vận.
- Nguyễn Trọng Cát, Ủy viên Thường vụ (Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa)
- Nguyễn Hồng Lâm, Ủy viên Thường vụ (Tư lệnh Quân khu).
- Nguyễn Văn Trung, Ủy viên Thường vụ (Phụ trách Hội đồng cung cấp).
- Hai An, Ủy viên Thường vụ (Trưởng ban An ninh)¹

Khu miền Đông Nam bộ gồm các tỉnh Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh, Bình Phước (Bình Long và Phước Long nhập lại), Long An. Các đồng chí Bí thư các Tỉnh ủy đều cơ cấu Khu ủy viên. Hội nghị Khu ủy miền Đông Nam bộ đã thảo luận tình hình và đề ra các nhiệm vụ: Tăng cường đoàn kết nhất trí, đề cao trách nhiệm, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ của Đảng. Kiên định lập trường cách mạng, tiến công không ngừng, vững vàng trong mọi tình huống, tuyệt đối tin tưởng Đảng, tin tưởng quần chúng. Phát huy truyền thống “Miền Đông gian lao mà anh dũng”, trên cơ sở những thắng lợi đã giành được, tiếp tục tiến công và nổi dậy, vừa tiến công vừa xây dựng lực lượng giành thắng lợi lớn nhất trong thời gian trước mắt tạo thế và lực mới, sẵn sàng “chồm lên”, trong khả năng phát triển của tình hình sắp đến.

Những nhiệm vụ cụ thể trước mắt là:

- Xây dựng căn cứ của Khu, chọn Chiến khu Đ làm căn cứ trung tâm.
- Các Đảng bộ và lực lượng vũ trang phải bám vào dân, tuyên truyền phát động quần chúng đấu tranh chống địch; đẩy mạnh hoạt động giành dân, mở rộng vùng giải phóng; tạo nguồn cung cấp người và của cho cách mạng khi có thời cơ.
- Đẩy mạnh công tác hậu cần, đảm bảo lương thực nuôi quân đánh giặc và lực lượng cán bộ về hoạt động tại chiến trường.
- Đào tạo cán bộ, đảm bảo đủ cán bộ đưa về các địa phương triển khai nhiệm vụ trước mắt và chuẩn bị đón thời cơ.

Để đảm bảo cho việc lãnh đạo, chỉ đạo của Khu ủy miền Đông Nam bộ, theo chỉ đạo của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam, Ban Giao bưu Miền cử một đoàn tiền trạm gồm 15 người do đồng chí Lê Văn Long (Tư Long) và Huỳnh Tấn Xã (Hai

¹. Khu ủy viên có các đồng chí Phạm Văn Hy (Bí thư tỉnh ủy Bà Rịa – Long Khánh), Nguyễn Văn Hải (Bí thư tỉnh ủy Tây Ninh), Đỗ Văn Nuông (tức Nguyễn, bí thư tỉnh ủy Bình Phước); Vũ Ba, Đặng Ngọc Sĩ, Đặng Quang Long, Huỳnh Việt Thắng (1- 1947 bổ sung Ủy viên thường vụ, Trưởng ban An ninh), Nguyễn Văn Siêu (Thư ký Hội Nông dân), Tư Đức, Lê Sắc Nghi (phụ trách Công vận). Tháng 1- 1974 bổ sung thêm các đồng chí Khu ủy viên Nguyễn Bình Minh, Nguyễn Văn Luông, Lê Nhị Thành, Lê Thành Ba, Lê Văn Ngọc, Nguyễn Văn Hòa.

Tân) phụ trách lên đường về Chiến khu Đ để bố trí đường dây giao liên nối với khu, tỉnh, huyện và ngược lại về Trung ương Cục, Quân ủy Miền. Trên đường đi vô cùng vất vả khó khăn, đoàn được lãnh đạo các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh, Đoàn hậu cần 814 giúp đỡ tận tình, nên giải quyết được vấn đề lương thực, xây dựng bố trí trạm giao liên thường trực ở Mã Đà và một số trạm giao liên nối với đường 14. Đến tháng 6- 1972, Giao bưu Khu đã xây dựng xong hành lang từ Lộc Ninh về đến Chiến khu Đ, nối thông liên lạc với các tỉnh Bình Phước Long, Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh và Thủ Dầu Một.

Ngày 19- 8- 1972, Bộ Tư lệnh Quân khu tổ chức hội nghị quân sự lần thứ nhất của Quân khu tại Đầm Râyphông. Hội nghị xác định nhiệm vụ quân sự của Quân khu là nhiệm vụ quân sự địa phương, tập trung từ trung tuyến trở vào vùng ven thành phố, phát động xây dựng một phong trào chiến tranh du kích rộng mạnh, tạo thế cài răng lược với địch, huy động được nhiều nhân tài, vật lực cho cách mạng.

Từ tháng 8 đến tháng 11 - 1972, Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu miền Đông Nam bộ cử bộ phận tiên trạm cắt đường về Chiến khu Đ để nghiên cứu và xây dựng căn cứ chuẩn bị cho Khu ủy và Quân ủy, Bộ Tư lệnh miền Đông Nam bộ chuyển về Chiến khu Đ.

Lực lượng vũ trang Quân khu lúc này gồm 4 trung đoàn, 11 tiểu đoàn, 33 đại đội, 12 trung đội và 2 tiểu đội bộ binh; 2 tiểu đoàn, 6 đại đội, 3 trung đội và 1 tiểu đội trợ chiến; 5 tiểu đoàn, 9 đại đội, 31 đội và 4 tiểu đội đặc công; 2 đại đội, 5 trung đội, 5 đội và 2 tiểu đội công binh. Tổng cộng 3 thứ quân của Quân khu có 16.367 người. Miền Đông bao gồm các tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Long An và Bình Phước (Bình Long, Phước Long), Long An¹.

Thực lực Đảng và các đoàn thể cách mạng toàn miền Đông Nam bộ khi lập lại bao gồm: 1.027 chi bộ Đảng (250 chi bộ mật), đảng viên 10.989 (9.242 đảng viên lộ, 1.178 đảng viên mật, 419 đảng viên nữ); đoàn viên 2.298, phụ nữ: 578 tổ, 3.646 hội viên; Nông hội 2.213 tổ, 2.575 hội viên; Công đoàn 16 tổ; du kích 1.218 (424 du kích mật), cơ sở khác 1.069 người.

Công tác tổ chức lại Khu miền Đông Nam bộ đến cuối tháng 10- 1972 mới ổn định. Tháng 12- 1972 Bộ Tư lệnh Quân khu miền Đông Nam bộ chuyển về đóng căn

¹ Tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, đồng chí Phạm Văn Hy, Bí thư, đồng chí Phạm Lạc, Tỉnh đội trưởng.

- Tỉnh Biên Hòa, đồng chí Nguyễn Trọng Cát, Bí thư, đồng chí Nguyễn Việt Hoa, Tỉnh đội trưởng.

- Tỉnh Thủ Dầu Một, đồng chí Ba Ân, Bí thư, đồng chí Một Hữu, Tỉnh đội trưởng.

- Tỉnh Tây Ninh, đồng chí Nguyễn Văn Hải, Bí thư, đồng chí Nguyễn Thanh Dương, Tỉnh đội trưởng.

- Tỉnh Bình Phước, đồng chí Đỗ Văn Nuông (tức Nguyễn), Bí thư, đồng chí Nguyễn Huệ (Ba Huệ), Tỉnh đội trưởng.

- Tỉnh Long An, đồng chí Võ Trần Chí, Bí thư.

cứ ở Đồng Trường (Chiến khu Đ). Tháng 1- 1973, Khu ủy cùng các ban Đảng: Công vận, Nông dân giải phóng Thanh niên, Phụ nữ, Binh vận, Kinh tài, Tuyên huấn, Tổ chức... tất cả về xây dựng căn cứ dọc theo suối Ràng và suối Sa Mách (Chiến khu Đ).

Ngày 31- 3- 1972, chiến dịch Nguyễn Huệ ở miền Đông Nam bộ bắt đầu. Bộ đội chủ lực Miền từ biên giới Campuchia về phía nam hướng phối hợp nghi binh, tiêu diệt cứ điểm Xa Mát (Tây Ninh), đập tan tuyến phòng thủ của địch trên lộ số 22.

Chi khu Lộc Ninh là tiền tiêu vững chắc trên lộ 13. Lực lượng địch phòng thủ có một chiến đoàn bộ binh, một thiết đoàn kỵ binh, một tiểu đoàn biệt động quân biên phòng, một tiểu đoàn pháo binh hỗn hợp, sáu đại đội bảo an, một đại đội cảnh sát, 13 trung đội dân vệ... với hệ thống phòng ngự vững chắc.

Hướng chủ yếu của chiến dịch, Sư đoàn 5 Miền (Bùi Thanh Vân làm Sư đoàn trưởng) được tăng cường Trung đoàn 3 Sư 9, Trung đoàn pháo 208 (Đoàn 75), một đại đội xe tăng và đặc công Miền, đã tiến công chi khu Lộc Ninh. Trung đoàn 1 Sư đoàn 9 dự bị cho hướng chủ yếu. 6 giờ 30 phút sáng 5- 4- 1972 trận tiến công mở đầu bằng những loạt pháo trùm bão lửa lên các căn cứ cụm đóng quân của địch ở chi khu Lộc Ninh.

Địch cố gắng phòng thủ, chống trả nhưng đã tan rã trước sức tiến công của ta. Chiều ngày 6- 4, Trung đoàn 1 thiết giáp nguy, Tiểu đoàn 2 Chiến đoàn 9 và Tiểu đoàn biên phòng 74 nguy Hoa Lư mở đường máu rút chạy về hướng Lộc Ninh bị các lực lượng ta chặn đánh thiệt hại nặng. Lần đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, xe tăng của ta xuất hiện cùng bộ binh xung kích. Bọn địch hoàn toàn bất ngờ. Sáng ngày 7- 4, bộ đội chủ lực ta đánh thẳng vào Sở chỉ huy chiến đoàn quân nguy, trại biệt kích, sân bay và các vị trí còn lại của địch trong chi khu Lộc Ninh. Sau hai giờ chống đỡ trong tuyệt vọng, tên đại tá Nguyễn Công Vĩnh (Chiến đoàn trưởng chiến đoàn 9), Nguyễn Đức Dương (Trung đoàn trưởng thiết giáp), đại úy Phan Văn Chức (Tiểu đoàn phó biệt động quân biên phòng), cùng toàn bộ sĩ quan, binh lính các đơn vị đều bị bắt và ra hàng. Ta làm chủ hoàn toàn chi khu Lộc Ninh¹.

Cùng lúc với Lộc Ninh liên tiếp 5 và 6- 4- 1972 quân ta tấn công khu vực Lộc Tấn chặn đánh chiến đoàn thiết giáp và tiểu đoàn biệt động quân biên phòng, giành

¹ Ta tiêu diệt hoàn toàn chi khu Lộc Ninh, diệt 1 phần lớn chiến đoàn 9, một phần trung đoàn 1 thiết giáp, tiêu diệt và bắt sống 3.000 tên địch (bắt sống 1.876 tên có đại tá chiến đoàn trưởng chiến đoàn 9 Nguyễn Công Vĩnh và nhiều sĩ quan khác), thu 1.789 súng các loại, 72 thông tin, 30 tấn đạn, phá hủy 20 xe quân sự, 16 khẩu pháo 105, 155 ly, bắn rơi 24 máy bay.

thắng lợi hoàn toàn¹. Huyện Lộc Ninh hoàn toàn được giải phóng. Bộ đội địa phương, du kích và nhân dân Lộc Ninh tổ chức truy lùng bọn ác ôn, kêu gọi quân địch lần trốn ra đầu hàng. Đến ngày 15- 4- 1972 tại Lộc Ninh có 500 tàn quân địch ra đầu hàng. Huyện Lộc Ninh được giải phóng đầu tiên trên chiến trường miền Đông Nam bộ. Tại chi khu Bù Đốp, trọng điểm của Bình Phước, hai tiểu đoàn 168 và 368 cùng lực lượng tại chỗ hình thành thế bao vây tiến công địch ở đồi Không tên, sân bay, đồn bót địch xung quanh chi khu Bù Đốp, đồng thời cắt đứt giao thông không cho địch ứng cứu. Nghe tin thất thủ ở Lộc Ninh tinh thần bọn sĩ quan binh lính ở Bù Đốp vô cùng hoang mang. Trưa ngày 8- 4, bọn địch trong khi khu phá hủy các vũ khí nặng, đốt hủy tài liệu và dùng trực thăng hốt toàn bộ lực lượng về Phước Long; đồng thời gom, xúc tát bắt ép trên 5.000 đồng bào Bù Đốp về Phước Bình tổ chức chi khu “lưu vong Bù Đốp”.

Mất Lộc Ninh, Bù Đốp, bọn địch tại An Lộc bị bao vây, Mỹ ngụy tập trung lực lượng chủ lực ở vùng 3 chiến thuật để đối phó với ta ở vòng cung bắc Sài Gòn, cố giữ lấy An Lộc, một vị trí chiến lược ở phía bắc cách Sài Gòn 100 km. Địch điều lên đây một lực lượng tương đương 4 sư đoàn với nhiều máy bay, xe tăng, pháo binh để khai thông đường 13 và giải tỏa tiểu khu Bình Long.

Phối hợp với quyết chiến điểm Lộc Ninh, Sư đoàn 9 Miền (do đồng chí Nguyễn Thới Bung làm Sư đoàn trưởng) **thiếu** Trung đoàn 3 bộ binh (tăng cường cho Sư 5) và Trung đoàn 1 bộ binh (dự bị hướng chính Lộc Ninh), được tăng cường Trung đoàn 209 của Sư đoàn 7, tiểu đoàn 14 Lữ đặc công 429 Miền, đặc công và bộ đội địa phương Bình Long, có nhiệm vụ kiểm chế và ngăn chặn viện binh từ An Lộc lên chi khu Lộc Ninh và chặn đánh địch tháo chạy từ Lộc Ninh về An Lộc. Từ ngày 5 đến ngày 9- 4, Sư đoàn 9 tiêu diệt bọn lính bảo an, dân vệ phía tây bắc và tây nam An Lộc, phá hủy trận địa pháo thị xã An Lộc, tiêu hao sinh lực phòng thủ tiểu khu, Trung đoàn 8 của Sư 5, sở chỉ huy Sư 5; đặc biệt là Trung đoàn BB209 và Trung đoàn BB2 đánh thiệt hại nặng Chiến đoàn biệt động quân (3 tiểu đoàn) được trực thăng đổ xuống Quảng Lợi tăng cường cho tiểu khu ra phản kích phía bắc sân bay An Lộc; diệt đồn Cần Lê (chốt cao điểm đồi 122), đánh thiệt hại nặng Trung đoàn 52/F18 từ An Lộc chi viện Lộc Ninh diệt 500 tên, bắt sống 334 tên địch, bắn cháy và phá hủy trên 300 xe quân sự và thiết giáp, thu nhiều súng đạn. Trung đoàn 2 bộ binh và Tiểu đoàn 14 đặc

¹ Ta diệt trung đoàn 1 thiết giáp, tiểu đoàn 2 chiến đoàn 9, tiểu đoàn 74 biệt động quân biên phòng, 1 đại đội bảo an, diệt bắt sống 950 tên (bắt sống 490). Trung đoàn 3 Sư 9, bộ đội địa phương và du kích chủ động tấn công diệt 104 xe (có 64 xe tăng và thiết giáp), bắt sống 36 xe, thu 399 súng (4 pháo), 75 máy thông tin.

công 429 Miền, Tiểu đoàn 28 đặc công Sư 7 đánh chiếm căn cứ Téch Ních, sở chỉ huy tiền phương Sư 5 nguy.

Như vậy, Sư đoàn 9 Miền cùng với lực lượng địa phương trong 5, 6 ngày chiến đấu ác liệt, chịu đựng bom B52 và hỏa lực không kích dữ dội của Mỹ - nguy, với tinh thần chiến đấu rất cao, quyết tâm lớn bám trụ chiến đấu và hoàn thành nhiệm vụ kìm chế, ngăn chặn địch, bảo đảm cho hướng quyết chiến điểm An Lộc thắng lợi, giải phóng và làm chủ huyện Lộc Ninh. Tuy nhiên do nhiều hạn chế: Về chủ quan, thời cơ thì có, nhưng binh lực hạn chế, hiệp đồng không tốt; về khách quan, thị xã An Lộc tiểu khu Bình Long, vị trí then chốt phòng thủ tuyến ngoài, địch đã điều động lực lượng “tử thủ”, bước 2 Sư đoàn 9 tiến công không dứt điểm được; sau đó trong giai đoạn bao vây cô lập tiểu khu, Sư đoàn 9 được tăng cường Trung đoàn 245 của Sư 5 và Trung đoàn 5 bộ binh thuộc Miền đánh tiêu hao chiến đoàn dù dự bị chiến lược nguy, tiêu diệt Trung đoàn 9 thiết giáp từ vùng 4 chiến thuật tăng viện. Một bộ phận Sư đoàn 7 chốt chặn “Tào Ô” đường 13 trên căn bản đã chặn viện binh đường bộ rất ác liệt, diệt nhiều sinh lực bộ binh và thiết giáp địch, diễn hình của chiến lược chốt chặn kết hợp vận động.

Bị tiến công bất ngờ và thiệt hại nặng, địch hoang mang bỏ hàng loạt vị trí phòng thủ phía bắc - tây bắc Sài Gòn: Bù Đốp (Phước Long), Kà Tum, Bỏ Túc, Thiện Ngôn, Cần Đăng, Trại Bí, Bà Chiêm ... Tuyến phòng thủ biên giới phía bắc của địch từ lộ 22 Tây Ninh về phía đông đến Bù Đốp, Bình Long đã bị đập tan.

Trên các hướng phối hợp của chiến dịch, các tỉnh đã liên tục kết hợp tiến công với nổi dậy tiêu nhiều đồn bót, làm chủ nhiều xã ấp. Tại Tây Ninh, đặc công tập kích bót Chà Rày (từ Trảng Bàng đi Dầu Tiếng), diệt chốt Cẩm Giang (Gò Dầu), cắt đứt đường 26 từng thời gian, biệt động tiến công địch ở phía nam Tòa Thánh, kìm chân một bộ phận Sư 25 nguy, phá trên 30 ấp chiến lược, mở một số khu vực đông nam Tây Ninh, khôi phục vùng ven thị xã. Đại đội 94 (tỉnh Tây Ninh) và bộ đội địa phương huyện Bến Cầu đánh tiêu diệt bọn bảo an, dân vệ chiếm yếu khu Chợ Cầu, các đồn Long Giang, Long Khánh, Giồng Nằng, giải phóng hoàn toàn 5 xã và 1 ấp chiến lược của huyện Châu Thành (Tà Păng ro boong), phá rã 400 phòng vệ dân sự¹.

Chiến trường Thủ Dầu Một: Các lực lượng địa phương đã pháo kích căn cứ Phú Lợi, cắt đứt lộ 16 (Tân Uyên), tấn công, bao vây bức rút hàng loạt đồn bót địch ở Châu Thành, Bến Cát, thọc sâu diệt bót Chánh Lộc nằm sâu trong thị xã Thủ Dầu

¹ Trong 2 tháng của chiến dịch, quân dân Tây Ninh đã đánh 82 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 1.205 tên địch, bắt sống 76 tên, làm tan rã 1.148 tên, thu 239 súng, 15 tấn đạn và nhiều đồ dùng quân sự, bức rút 10 cụm chốt, 25 đồn, bót, tua, giải phóng 6 xã với 15.200 dân, đưa về vùng giải phóng 800 dân, giành quyền làm chủ trên thế mạnh 12 ấp gồm 40.500 dân.

Một. Quân chúng đã nổi dậy phá rã 21 đội phòng vệ dân sự ở Tân Uyên, Châu Thành, Bến Cát. Tỉnh ủy Thủ Dầu Một đã vận động, tổ chức đưa một số đồng bào lên vùng mới giải phóng Bù Đốp. Chính quyền cách mạng huyện Lộc Ninh, Bù Đốp và các xã giải phóng ở Chơn Thành, Hớn Quản, Bến Cát được thành lập. Vùng giải phóng rộng lớn bao gồm Lộc Ninh - Bù Đốp nối dài xuống Hớn Quản, Chơn Thành, Bến Cát được xây dựng củng cố, hình thành một hậu phương chiến lược trực tiếp quan trọng của miền Đông Nam bộ.

Ở Bà Rịa - Long Khánh, Trung đoàn 33 phối hợp Tiểu đoàn 445, bộ đội huyện, du kích xã đánh chi khu Đức Thạnh ngày 24- 3- 1972, diệt 180 tên, phá 2 xe tăng, 7 pháo cốt, 12 hầm ngầm, 9 lô cốt..., tiến công các chi khu Xuyên Mộc, Đất Đỏ, bức rút đồn Núi Nhọn, cắt đứt liên tỉnh lộ 23, 52, 44, mở rộng vùng giải phóng trên liên tỉnh lộ 2, vùng ven thị xã Long Khánh, bắc lộ 23 và bắc lộ 52.

Trên hướng Biên Hòa, trong hai đêm 10 và 24-4-1972, Đại đội 2 đặc công Biên Hòa hai lần đánh vào khu kho đồi 50, 53 Tổng kho Long Bình, phá hủy 3 kho, làm nổ tung 5.000 tấn đạn các loại, đốt cháy hơn 1 triệu lít xăng dầu. Trong thị xã Biên Hòa, ta khôi phục lại các chi bộ đảng khu vực vùng ven, gây dựng được cơ sở quần chúng tạo bàn đạp nơi đứng chân cho cán bộ phong trào, mở lại thể làm chủ ở các xã Bình Sơn, Phước Thái (Long Thành), Phước An (Nhơn Trạch).

Đoàn 10 đặc công Rừng Sác vừa trải qua thời kỳ khó khăn, đã củng cố, bổ sung quân số, trang bị nhanh chóng tổ chức vận chuyển vũ khí đánh địch ngay từ đầu chiến dịch, đánh chìm 5 tàu quân sự trên sông Lòng Tàu từ 8 đến 12 ngàn tấn.

Ở Long An, Trung đoàn 271 phối hợp các lực lượng địa phương đánh địch phá áp chiến lược, phá thế kìm kẹp, mở ra nhiều vùng ven sông Vàm Cỏ Đông từ An Ninh - Lộc Giang xuống Tân Phú - Hòa Khánh. Tuy nhiên do địch phát hiện tập trung lực lượng ngăn chặn, phản kích, Trung đoàn 271 phải rút lên bắc lộ số 4. Lực lượng huyện Đức Hòa, Đức Huệ đã tiến công các đồn bót và bọn bình định, nội tuyến trong lòng địch diệt tên trung tá Phó tỉnh trưởng Hậu Nghĩa tại Bàu Trai (20- 4- 1972).

Trung đoàn 16 đã tiến công tiêu diệt địch san bằng 12 đồn bót trên liên tỉnh lộ 14 đoạn Rạch Bắp - Dầu Tiếng, giải phóng 2 ấp Bến Chùa, Thanh An. Đại đội công binh thủy bắn cháy, chìm 52 tàu, xuống địch, làm chủ hơn 40 km đường sông từ Thanh An đi Dầu Tiếng.

Tháng 5- 1972, giai đoạn 2 của đợt tiến công chiến dịch Nguyễn Huệ lại bắt đầu ở miền Đông Nam Bộ. Sư đoàn 7 Miền cùng một bộ phận sư đoàn 9 chuyển sang làm nhiệm vụ ngăn chặn diệt viện đánh bọn địch lên giải tỏa An Lộc và lộ 13, phát triển lực lượng về hướng trung tuyến.

Cuộc chiến đấu trên lộ 13 và xung quanh An Lộc đã diễn ra hết sức quyết liệt. Địch đã tung vào đây toàn bộ lực lượng Quân đoàn III và 1 phần của Quân đoàn IV (sư 21, Trung đoàn 9 thiết giáp). Suốt 90 ngày, các lực lượng vũ trang của ta đã kiên cường chiến đấu, đẩy lùi tất cả các cuộc phản kích của địch. Trung đoàn 209 Sư đoàn 7 Miền cùng Sư đoàn 9 đã đánh hàng trăm trận, loại khỏi vòng chiến đấu 4.910 tên địch, bắt 117 tù binh, bắn cháy 84 xe tăng, bắn rơi 62 máy bay, bắt 2 xe tăng, thiết giáp (có một M114), tịch thu 421 súng các loại¹.

Kết hợp lực lượng ta đánh địch trên quốc lộ 13, Bộ chỉ huy Miền chỉ đạo các lực lượng binh chủng thọc sâu tiến công vào các cứ điểm, kho tàng, sân bay của địch để diệt sinh lực cao cấp và phương tiện chiến tranh của chúng.

Đêm 30- 6- 1972, hai đội đặc công U13 và U15 khắc phục điều kiện địa hình phức tạp trên núi Bà Rá, với lối đánh sở trường, bí mật, bất ngờ tấn công địch vào trung tâm truyền tin của vùng 3 chiến thuật địch đóng trên núi. Chỉ sau 25 phút chiến đấu, ta làm chủ trận địa, diệt 103 tên địch, bắt sống 5 tên, thu 29 súng, phá hủy toàn bộ trung tâm truyền tin Bà Rá. Đơn vị đã được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng I.

Lai Khê là hậu cứ của Lữ đoàn 3 kỵ binh Mỹ được chuyển giao cho ngụy làm cho hậu cứ Sư đoàn 5 ngụy. Hậu cứ nằm trong khu đồn điền Lai Khê cách đông bắc Bến Cát 4 km. Đêm 11- 8- 1972, Tiểu đoàn 5, Tiểu đoàn 3 Lữ đặc công 429 cùng tiểu đoàn 28 đặc công Sư 7, tổ chức 7 mũi đánh cứ điểm Lai Khê. Sau 1 giờ 25 phút chiến đấu, lực lượng ta tiêu diệt 450 tên địch, phá 8 khẩu pháo 105 và 155 ly, đánh thiệt hại chỉ huy sở Sư 5 ngụy.

Ngay sau khi giải phóng Lộc Ninh, Bù Đốp, ta đưa một số đồng bào ở vùng mới giải phóng lên Bù Đốp để ổn định nơi ăn chốn ở. Chính quyền cách mạng đã được thành lập ở Lộc Ninh, Bù Đốp. Một vùng giải phóng rộng lớn gồm Lộc Ninh - Bù Đốp nối liền xuống Hớn Quảng, Chơn Thành, Bến Cát được xây dựng, củng cố, hình thành vùng hậu phương chiến lược trực tiếp quan trọng trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược ở miền Đông Nam Bộ.

Trên hướng đông bắc Sài Gòn, khi bước vào đợt II chiến dịch, ngày 2- 6- 1972, Đoàn đặc công 113 được thành lập tại Mã Đà do đồng chí Nguyễn Thanh Tùng làm đoàn trưởng. Sau đó các đoàn đặc công 115, 116, 117, 119 được thành lập. Nhiệm vụ của các đoàn đặc công là đứng chân ở vùng ven thị xã, thị trấn, áp sát và tiến công vào

¹ Đến tháng 10-1972, qua 5 tháng phản công chiến lược trên lộ 13, ta đã diệt và làm thiệt hại nặng 2 chiến đoàn, 5 tiểu đoàn, 3 chi đoàn thiết giáp diệt 5 pháo đội, diệt và bắt sống 8.100 địch (bắt 211), phá hủy 202 xe các loại (có 128 xe tăng), 120 pháo 105, 155 ly.

các mục tiêu chiến lược, diệt phương tiện chiến tranh của địch, hỗ trợ phong trào cách mạng các địa phương, hỗ trợ chiến trường chung.

Ngày 1- 8- 1972, Thị ủy Biên Hòa chỉ đạo sử dụng nội tuyến là sĩ quan quân khí trong sân bay (Nguyễn Văn Thôn) gài kíp nổ vào quả bom cài trên máy bay địch, làm nổ tung kho chứa máy bay của địch. Để nghi binh cho nội tuyến, Tiểu đoàn 174 pháo đặc công Đoàn 113 có nội tuyến phục vụ đã tổ chức tập kích bằng ĐKB và hỏa tiễn H12 vào sân bay quân sự Biên Hòa. Kết quả nội tuyến ta đã phá hủy 50 máy bay, diệt và bị thương 300 tên sĩ quan giặc lái, nhân viên kỹ thuật, bảo vệ sân bay.

Hơn 10 ngày sau, đại đội 2 Tiểu đoàn 12, Tiểu đoàn 9 Đoàn 113 (57 đồng chí) tổ chức 3 mũi đánh vào tổng kho hậu cần Long Bình bằng trái nổ hẹn giờ. Khu kho 53 của địch bị nổ tung gồm 130 gian kho, phá hủy 5.430 tấn bom, 200 tấn thuốc nổ, 17 gian nhà lính, diệt 300 tên¹.

Từ tháng 6 đến tháng 10- 1972, Ban Thường vụ Trung ương Cục miền Nam đã diễn ra liên tiếp các Chỉ thị 06 đến 10/CT-72 để chỉ đạo việc xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị và bố trí địa bàn nhằm tạo thế và lực nắm thời cơ giành thắng lợi khi có giải pháp chính trị và đấu tranh sau đó.

Chỉ thị 08, 07 nhấn mạnh việc xây dựng phát triển lực lượng 3 thứ quân trên 3 vùng; tăng cường sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang, tăng cường xây dựng phát triển đội ngũ đảng và cơ sở, “làm đảng vững mạnh về tổ chức, tư tưởng, ý chí và gắn bó với quần chúng”. Chỉ thị nhấn mạnh “ta phải đảm bảo vừa giành được thắng lợi lớn trước mắt, vừa có kế hoạch tiếp tục chồm lên khi có giải pháp chính trị để tạo thế và lực cho bước sau... Để khi có giải pháp chính trị, ta có đủ lực lượng và bố trí được một thế vững chắc có lợi cho ta trong mọi tình huống”².

Chỉ thị 08/CT-72, nhấn mạnh việc xây dựng bố trí lực lượng chính trị, trong đó “xây dựng bố trí lực lượng ở cơ sở là nền tảng”².

Chỉ thị 09/CT-72, Thường vụ Trung ương Cục chỉ đạo việc tập hợp mọi tầng lớp, giai cấp, tôn giáo, dân tộc đẩy mạnh tiến công binh vận, chính trị với khẩu hiệu phương châm vừa có tính chiến lược vừa mang tính sách lược “hòa bình, độc lập, dân chủ, cơm áo, hòa hợp dân tộc, kiên quyết đưa phong trào cách mạng tiến lên giành thắng lợi mới trong mọi tình huống”³.

¹ Bộ chỉ huy Miền đã tặng Huân chương Quân công giải phóng hạng II cho trận đánh, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng III cho đại đội 2, 16 Huân chương Chiến công giải phóng cho cá nhân.

² Chỉ thị 08/CT- 72 Ban Thường vụ KBN - lưu trữ Phòng Nghiên cứu lịch sử Đảng Đồng Nai.

³ Chỉ thị 09/CT-72 Ban Thường vụ KBN – lưu trữ Phòng Nghiên cứu lịch sử Đảng Đồng Nai.

Đền chỉ thị 10/CT-72, Trung ương Cục nhấn mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là gốc của vấn đề lực lượng và đấu tranh, đặc biệt đề cao vai trò xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở để lãnh đạo phong trào.

Trên chiến trường miền Đông Nam bộ, vào cuối chiến dịch Nguyễn Huệ, Đoàn 10 đặc công Rừng Sác đã lập nên chiến công vang dội đánh vào kho bom Thành Tuy Hạ (Nhơn Trạch - Biên Hòa). Kho Thành Tuy Hạ nằm sâu trong hậu phương địch về phía đông nam Sài Gòn 18 km giữa hai đường 25 và 19. Kho được phòng thủ vững chắc, xung quanh có từ 14- 17 lớp rào các loại, gài các loại mìn, đèn pha chiếu sáng vào ban đêm.

Đêm 11- 1- 1972, đặc công Đoàn 10 đã vượt qua các lớp rào, đặt mìn hẹn giờ vào các khu kho. 10.000 tấn bom đạn 33 nhà kho bị phá hủy.

Chỉ hơn 1 tháng sau, tuy địch đã thay đổi quy luật bảo vệ, xây dựng các hàng rào tôn chôn sâu xuống đất quanh kho, Đại đội 5 Đoàn 10 đặc công Rừng Sác đánh kho lần II vào đêm 12 rạng sáng 13-12-1972. Đặc công đã phá hủy 8 dãy nhà (80 gian) gồm 47 gian đạn pháo 105 ly (109.557 mét khối), 14 gian kho bom CBU (chiếm 33.937 mét khối) 19 gian kho khác (60.192 mét khối). Tổng cộng ta đã phá hủy 18.000 tấn bom đạn bằng 80% của kho Thành Tuy Hạ.

Với chiến dịch Nguyễn Huệ năm 1972, trên chiến trường miền Đông Nam bộ, ta góp phần làm xoay chuyển cục diện chiến trường có lợi cho cách mạng cả về thế và lực. Ta đã đập tan tuyến phòng thủ của địch ở biên giới Việt Nam - Campuchia, mở mang, mở vùng giải phóng, khôi phục được nhiều vùng giải phóng đã mất từ sau năm 1969, xây dựng lại cơ sở quần chúng, phát triển cơ sở Đảng, từng bước giành lại ưu thế chiến tranh nhân dân trên nhiều địa bàn. Thắng lợi của ta trên các chiến trường Trị Thiên, Tây Nguyên, miền Đông Nam bộ đã đẩy chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, đứng trước nguy cơ phá sản, góp phần tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh với Mỹ - ngụy trên mặt trận đấu tranh ngoại giao ở thủ đô Pari nước Pháp.

Trước tình hình bất lợi ở miền Nam, ngày 18-12-1972, đế quốc Mỹ đã lật lọng, thực hiện cuộc tập kích bằng không quân vào thủ đô Hà Nội nhằm giành thế mạnh về quân sự trên bàn hội đàm Pari. Quân dân thủ đô đã anh dũng chiến đấu đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng không quân của Mỹ làm nên một trận “Điện Biên Phủ trên không” lừng lẫy.

Trên chiến trường miền Đông Nam bộ, đầu năm 1973, địch mở cuộc hành quân “Toàn thắng 731” thực hiện ý đồ đẩy lùi lực lượng ta lên tuyến biên giới, cắt đứt đường vận chuyển của ta từ biên giới xuống vùng trung tuyến và vùng sâu, giành dân, lấn đất nhằm thế có lợi cho chúng khi Hiệp định Pari được ký kết.

Nắm ý đồ của địch, theo chỉ đạo của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam, Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu miền Đông Nam bộ đã chỉ đạo lực lượng toàn khu thực hiện đợt “chồm lên” trong cuối tháng giêng đánh bại kế hoạch của địch giành dân, lấn đất, mở vùng giải phóng và làm cơ sở đấu tranh chính trị với địch sau khi có giải pháp chính trị.

Từ ngày 27- 1- 1973, lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ kết hợp chặt chẽ với phong trào quần chúng vừa tiến công vừa nổi dậy đánh chiếm 320 ấp trong 150 xã toàn miền Đông Nam bộ, với dân số trong vùng là 147.000 người¹, đưa được 29.000 dân bung về đất cũ. Nhiều đường giao thông chiến lược bị ta cắt đứt và làm chủ nhiều ngày gây cho địch khó khăn về giao thông, vận chuyển lương thực.

Trước tình hình lực lượng ta đánh mạnh, lực lượng quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược giành thắng lợi lớn, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công bố chủ trương về hòa bình, hòa hợp và đoàn kết dân tộc, đã tạo nên một khí thế tiến công mới về chính trị của các tầng lớp, giai cấp, dân tộc và tôn giáo. Trên khắp các đô thị miền Nam, đặc biệt ở Sài Gòn, các tầng lớp quần chúng bàn tán sôi nổi về cuộc hội đàm ở Pari chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở miền Nam Việt Nam. Bản công bố của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được đăng tải trên báo chí công khai ở Sài Gòn, tạo thêm điều kiện để các tầng lớp quần chúng, lao động bàn tán sôi nổi.

Trận “Điện Biên Phủ” trên không và thắng lợi trên chiến trường miền Nam, buộc đế quốc Mỹ phải chấp nhận những nội dung cơ bản của dự thảo Hiệp định ngày 20- 10- 1972. Ngày 27- 1- 1973, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Mỹ phải tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, rút quân về nước.

Hiệp định Pari là một thắng lợi có ý nghĩa lịch sử của dân tộc ta. Đó là kết quả của sự nghiệp đấu tranh kiên trì và anh dũng của nhân dân ta sau 18 năm (sau tháng 7- 1954). Thành lập lại Khu miền Đông Nam bộ, Đảng bộ miền Đông Nam bộ, Trung ương Cục miền Nam một lần nữa khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của chiến trường miền Đông Nam bộ, đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất phong trào kháng chiến trong toàn miền. Với Hiệp định Pari, Đảng bộ và quân dân miền Đông Nam bộ bước vào một thời kỳ đấu tranh mới, thời kỳ đánh bại hoàn toàn chế độ tay sai Sài Gòn, giành độc lập, thống nhất đất nước.

¹ Đợt chồm lên 28-1-1973 – miền Đông.

CHƯƠNG VIII
ĐẢNG BỘ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN
NẮM VỮNG THỜI CƠ, XÂY DỰNG THỂ VÀ LỰC CÁCH MẠNG
THỰC HIỆN TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỘI DẠY GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG
(27-1-1973 - 30-4-1975)

I. LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN GIỮ VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN THỂ
TIẾN CÔNG ĐỊCH SAU KHI CÓ HIỆP ĐỊNH PARI

Hiệp định Pari được ký kết ngày 27- 1- 1973, đế quốc Mỹ phải cam kết chấm dứt mọi dính líu quân sự ở miền Nam Việt Nam, tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam. Nhưng với bản chất ngoan cố, đế quốc Mỹ vẫn không từ bỏ dã tâm xâm lược miền Nam. Mỹ tiếp tục chi viện về kinh tế và quân sự cho ngụy quyền Sài Gòn để thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Ba tháng trước khi Hiệp định được ký kết, Mỹ gấp rút tăng cường trang bị cho ngụy 300 máy bay các loại, 500 khẩu pháo, 400 xe tăng, xe bọc thép, nhiều tàu chiến và trên 2 triệu tấn thiết bị chiến tranh các loại.

Thực hiện ý đồ trên, từ cuối năm 1972, Mỹ ngụy đã chuẩn bị sẵn kế hoạch “tràn ngập lãnh thổ” (kế hoạch Hùng Vương) để phá hoại Hiệp định Pari ngay trước khi Hiệp định được ký kết. Ngày 28- 1- 1973 địch tung lực lượng ào ạt thực hiện chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”. Đài phát thanh Sài Gòn phát liên tục ra rả giọng hằn học của Nguyễn Văn Thiệu: “Hiệp định Pari không có nghĩa là chúng ta cùng sống chung với cộng sản, cùng ngồi uống cà phê, ăn hủ tít với cộng sản. Chúng ta phải chống cộng đến cùng và tiêu diệt đến tên cộng sản cuối cùng”.

Ở Thủ Dầu Một, giữa tháng 2-1973, địch tập trung lực lượng phá khu rừng Cò Mi (Lái Thiêu) và rừng Vĩnh Lợi (Châu Thành)¹. Bố trí hàng chục cụm chốt trên đường 14 (từ Tân Bình đến Phước Vĩnh), mỗi đội có 1 đại đội lính Sư đoàn 5 đóng giữ, 2 tiểu đoàn của Sư đoàn 18, trên lộ 8 có 4 tiểu đoàn bảo an (346, 347, 348, 349) cùng 2 tiểu đoàn biệt động quân nằm án ngữ dọc sông Đồng Nai để bảo vệ sân bay Biên Hòa, đồng thời làm bàn đạp để càn quét đánh phá lấn chiếm khu vực xung quanh.

Trên địa bàn tỉnh Biên Hòa, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, địch tập trung các lực lượng chủ lực kết hợp với bảo an, dân vệ mở các đợt càn quét với lực lượng lớn, lấn

¹ Trong khi đó, Trung đoàn Đồng Nai đang đứng chân tại Lái Thiêu nhưng không được lệnh chiến đấu.

chiếm đồng loạt vào các vùng thuộc quyền làm chủ của ta. Địch đưa toàn bộ Sư đoàn 18: Chiến đoàn 43 ở lộ 1, Chiến đoàn 48 ở Long Thành - Nhơn Trạch, Trung đoàn 22 thiết giáp ở lộ 20 và một bộ phận của thiết đoàn 5 kết hợp phi pháo cùng lực lượng bảo an, dân vệ ở các tiểu khu tập trung phản kích lấn chiếm các vùng xung quanh yếu do ta làm chủ, giữ các trục lộ giao thông quan trọng như lộ 1, lộ 20, lộ 2, lộ 15, lộ 23, 44 hỗ trợ cho bọn ngụy quyền cơ sở đẩy mạnh việc bình định.

Chúng lấn chiếm sâu vào các vùng giải phóng của ta ở ven Chiến khu Đ, ủi phá rừng ở Đại An, Tân Định, Thiện Tân (Vĩnh Cửu), Hưng Lộc, Hưng Nghĩa, Bàu Hàm (Trảng Bom), khu Lòng Chảo (Nhơn Trạch), tây lộ 15 (Long Thành), đông tây lộ 2 các xã Đất Đỏ, Phước Hải, Hòa Long (Bà Rịa - Long Khánh)... Phi pháo của địch đã hủy diệt trên 10 xã, 17 ấp, làm chết 79 người, bị thương 192 người, cháy 237 nhà; đóng thêm nhiều chốt bàn đạp ở dọc lộ 1, 15, tiến hành lấn đất cắm cờ trên các trục lộ giao thông, từng lúc nóng ra, mở rộng phạm vi kiểm soát, yểm trợ khôi phục lại thế kìm kẹp và duy trì một số chốt lấn chiếm mới.

Trên lộ 2 huyện Xuân Lộc, Chiến đoàn 48 và Tiểu đoàn 3 (Chiến đoàn 43) cùng 3 chi đoàn xe bọc thép và các lực lượng bảo an, dân vệ lấn chiếm các ấp, xã dọc lộ 2 của huyện Cao Su, huyện Châu Đức. Đối phó với âm mưu của địch, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 đã điều 2 Tiểu đoàn của Trung đoàn 4, Trung đoàn 33 về tăng cường cho bộ đội hai huyện để giữ vùng giải phóng. Tinh đội Bà Rịa - Long Khánh cũng đưa 2 Tiểu đoàn 445 và 440 về tiếp ứng ở phía nam huyện Đức Thạnh. Du kích các xã dọc lộ 2 đã đắp mô, gài trái trên đường chặn giao thông địch. Các trận đánh đã diễn ra hết sức ác liệt. Lực lượng vũ trang của ta đã đánh 227 trận đánh lớn nhỏ loại khỏi vòng chiến đấu 952 tên, đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn 3 Chiến đoàn 48 và nhiều đại đội, trung đội bảo an địch; phá hủy 25 xe bọc thép, xe tăng, bắn rơi 8 máy bay. Tuy nhiên địch với lực lượng đông, trang bị mạnh đã lấn chiếm hầu hết các vùng do ta làm chủ trước khi có Hiệp định, xóa dần thế “da beo”.

Tại huyện Long Đất, ngày 15- 2, Tiểu đoàn 445 tỉnh Bà Rịa - Long Khánh bố trí trận địa đánh địch lấn chiếm ở khu Bàu Sắn (Long Mỹ), diệt một đại đội của Tiểu đoàn bảo an 356, bắt sống 24 tên thu 24 súng, bảo vệ vùng làm chủ. Từ giữa tháng 3-1973, tại huyện Long Đất, địch tiếp tục đẩy mạnh càn quét, lấn chiếm nhiều vùng nông thôn do ta làm chủ trước đây và ra sức củng cố, kiện toàn bộ máy kìm kẹp ở xã, ấp. Chúng dùng chiêu bài “người cày có ruộng”, lợi dụng cả tôn giáo, tư sản có tiền, công chức ngụy bung ra phá rừng, phá căn cứ cách mạng, mở nhiều cuộc càn lấn sâu vào vùng giải phóng Bà Rịa - Long Khánh như ở Cẩm Đường, Suối Cả, Sông Buông, Gia Kiệm, Bảo Vinh, Bình Lộc...

Ở cả 3 vùng, địch tiến hành quân sự hóa bộ máy kìm kẹp, tăng cường lùng sục bắt bớ, hăm dọa, khống chế, gài mìn, phục kích làm cho quần chúng sợ sệt; gây tâm lý hoài nghi, không tin tưởng lẫn nhau; mị dân bằng cách bồi thường thiệt do chúng gây ra rồi tố cáo do ta vi phạm Hiệp định (Bầu Hàm...). Đồng thời, chuẩn bị đối phó với ta giải pháp chính trị như lấy danh sách cử chỉ, ép quần chúng vào “đảng Dân chủ” và “Mặt trận Nhân dân hòa bình” làm hậu thuẫn cho Thiệu, tăng cường mạng lưới gián điệp, do thám, chỉ điểm. Địch chú trọng huấn luyện về trang bị vũ khí cho phòng vệ dân sự xung kích, đặc biệt ở những vùng có đông dân theo đạo Thiên Chúa, vùng di dân như lộ 3, lộ 2, nội ô thị xã Biên Hòa, thị xã Long Khánh. Địch đã tăng cường lực lượng hành quân lấn chiếm nhằm xóa thế da beo và đẩy lực lượng ta ra xa các đường giao thông và các địa bàn quan trọng.

Các Tỉnh ủy Biên Hòa, Tân Phú, Bà Rịa - Long Khánh, Thủ Dầu Một, Tây Ninh đã chỉ đạo các lực lượng vũ trang chống địch vi phạm Hiệp định, nhưng vẫn bị động đối phó trước sự lấn chiếm ồ ạt của địch ở nhiều nơi. Tại huyện Nhơn Trạch, du kích xã Phước An trụ bám ụ chiến đấu, đánh địch suốt 3 ngày giữ được vùng giải phóng. Tại huyện Xuân Lộc, du kích xã Gia Ray cùng bộ đội huyện K8 đã bám trụ đẩy lùi nhiều đợt lấn chiếm của 2 tiểu đoàn bảo an. Du kích xã Bảo Vinh cùng với đội biệt động và trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh bám trụ kiên cường đánh trả với 2 đại đội bảo an và 1 tiểu đoàn biệt động của địch.

Trong các thị xã, thị trấn địch tăng cường các cuộc hàng quân cảnh sát sâu vào các khu phố, khóm ấp, tăng cường bắt lính, đôn quân, phân loại quần chúng để khủng bố. Địch bắt ép nhân dân phải sơn cờ nguy trước cửa trên nóc nhà để tuyên truyền “nơi nào có cờ vàng ba sọc đỏ là vùng do chúng kiểm soát”. Đồng thời địch đẩy mạnh chiến tranh tâm lý tuyên truyền xuyên tạc vu khống cách mạng vi phạm Hiệp định ngừng bắn, mua chuộc dụ dỗ, gây tâm lý hoài nghi vào pháp lý của Hiệp định, cảnh sát hóa bộ máy kìm kẹp, sử dụng thúc ép bọn ác ôn, bung ra hoạt động vùng ven, đàn áp phong trào đòi hòa bình, đòi các quyền tự do dân chủ dân sinh của nhân dân, ngăn cấm nhân dân trở về đất cũ để sản xuất. Nhiều nơi nhân dân đấu tranh trực diện với chính quyền nguy đòi địch nghiêm chỉnh thực hiện ngừng bắn, chống càn quét, chống bắt lính, bắt xuâu. Nhân dân còn kêu gọi binh lính bỏ ngũ trở về với gia đình, không cầm súng chết thay cho Mỹ.

Ở Long An, Hậu Nghĩa, từ đầu tháng 2 năm 1973, Sư đoàn 25 nguy đã mở cuộc hành quân lớn gồm 1 tiểu đoàn, một chi đoàn xe bọc thép được pháo binh và không quân hỗ trợ từ Củ Chi đánh xuống An Ninh, Lộc Giang, Hòa Khánh thuộc huyện Đức Hòa. Lực lượng vũ trang Long An ở khu vực này có bộ đội huyện Đức Hòa về Trung đoàn 271 đã chặn đánh từng cánh quân địch. Nhiều trận, ta và địch giằng co quyết liệt

để giành giật nhau từng vùng đất, từng xóm ấp. Chúng còn đưa Trung đoàn 10 thuộc Sư đoàn 7 nguy về hoạt động từ Đức Hòa đến Thủ Thừa để triệt phá hành lang biên giới và đóng đồn bót dọc tuyến biên giới Campuchia. Ngoài ra địch còn tập trung các Tiểu đoàn 319 (Đức Hòa), 338 (Đức Huệ), 329 (Trảng Bàng) càn quét và đóng đồn bót ở Giồng Nổi, ngã tư An Sơn.

Ở huyện Cần Đước Tiểu đoàn 341 bảo an càn quét vào Long Cang, Long Định suốt 3 ngày liền. Chúng bắn 1.000 quả pháo vào ấp 4 Long Cang, phá hủy 100 ngôi nhà của dân. Ta vận động nhân dân kéo đến huyện đấu tranh đòi bồi thường thiệt hại, yêu cầu không bắn pháo bừa bãi vào xóm ấp.

Tại Thủ Dầu Một, địch tập trung lực lượng mở những cuộc càn quét lấn chiếm các vùng giải phóng và vùng do ta làm chủ trước ngày ký Hiệp định. Kết hợp, địch cho xe cơ giới ủi phá địa hình, chặt phá vườn cây ven đường, nhiều nhất là ở nam thị trấn Lái Thiêu, tây đường 13 thuộc hai huyện Lái Thiêu, Châu Thành, ven đường số 7 từ Kiến Điền đến Ri Nét. Âm mưu cơ bản của địch là đẩy lùi các lực lượng cách mạng, xóa thế da beo, tiến tới xóa bỏ vùng giải phóng của ta. Địch thiết lập một tuyến phòng ngự vòng cung từ Trảng Bàng (Tây Ninh) qua nam Bến Cát, bắc Châu Thành tới bắc Tân Uyên; đóng thêm các đồn bót ở ngã tư Phú Thứ (xã Phú An), ngã 3 Chú Lương (xã An Điền), Xóm Ruộng (xã Chánh Phú Hòa), Giếng Máy, sớ 49 (Tân Uyên) và một số chốt dã ngoại ở trên đường 13, 14.

Từ ngày 28- 1- 1973 đến ngày 7- 3- 1973 ở miền Đông Nam Bộ, địch bung ra mở rộng và giải tỏa một số khu vực, nhất là vùng vành đai ven thị xã, thị trấn, ven các trục lộ giao thông quan trọng và chiếm lại được 143 ấp ta đã giải phóng trước ngày ký Hiệp định.

Thời kỳ này phong trào đấu tranh của nhân dân ở các thị xã, thị trấn phát triển mạnh. Các tầng lớp nhân dân từ học sinh, công nhân, thợ thuyền, tiểu thương, tiểu chủ dồn dập xuống đường đấu tranh đòi hòa bình, đòi tự do đi lại, chống bắt lính, chống bắt người vô cớ, chống tăng thuế phạt vạ...; phong trào vận động gia đình binh sĩ kêu gọi chồng, con, em bỏ súng về nhà, không khùng bố quân chúng. Cán bộ các cấp tìm cách bám dân, móc nối cơ sở để tổ chức học tập những nội dung của bản Hiệp định; vận động nhân dân đấu tranh đòi quyền sống, quyền tự do dân chủ, tự do đi lại.

Tuy nhiên, từ khi có Hiệp định, một bộ phận cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, cơ sở trải qua những năm tháng ác liệt, nay có Hiệp định đã nảy sinh tư tưởng nghỉ ngơi, xả hơi, mất cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù. Sau ngày 28- 1, khi địch ngoan cố càn quét lấn chiếm lại xuất hiện tư tưởng hoài nghi Hiệp định, dẫn đến nghi ngờ vào thắng lợi của Hiệp định. Một số đơn vị vũ trang tỏ ra ngập ngừng, lúng túng, chưa kiên quyết trong việc chống địch lấn chiếm, chưa nắm vững phương châm, phương

thức kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, binh vận (ba mũi giáp công) khi có Hiệp định.

Sau hơn 1 tháng Hiệp định có hiệu lực, khắp nơi trên địa bàn miền Đông Nam bộ, ta với địch giằng co quyết liệt. Nhiều nơi tình hình còn diễn ra ác liệt hơn trong thời kỳ trước khi Hiệp định được ký kết. Tình hình này khiến cho quần chúng nhân dân, cán bộ, đảng viên xuất hiện nhiều dạng tư tưởng phức tạp: Cầu an, co thủ, ngại khó khăn, gian khổ, ngại hy sinh chết chóc, nghi ngờ vào hiệu lực của Hiệp định... tư tưởng “Hòa bình chủ nghĩa” .

Trước tình hình đó, cuối tháng 2- 1973 Trung ương Cục miền Nam phát hành tài liệu “Huyện xã phải làm gì khi có ngừng bắn” và các tài liệu về văn bản pháp lý của Hiệp định Pari để các Đảng bộ tổ chức học tập trong cán bộ, đảng viên và phổ biến rộng rãi cho nhân dân. Các Tỉnh ủy tổ chức nhiều đoàn cán bộ kết hợp với bộ đội địa phương bám cơ sở để tuyên truyền rộng rãi ra dân, vận động nhân dân dựa vào văn bản pháp lý của Hiệp định để đấu tranh với địch, đồng thời sẵn sàng đánh bọn lẩn chiếm phá hoại Hiệp định.

Để bảo đảm thực thi Hiệp định Pari, Ủy ban liên hợp quân sự bốn bên được thành lập, triển khai các trụ sở và các tổ chức kiểm soát quốc tế (gồm đại diện các nước Ba Lan, Hunggari, Indônêxia và Canada). Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam cử trung tướng Trần Văn Trà, Phó Tư lệnh Bộ chỉ huy Miền dẫn đầu phái đoàn quân sự của chính phủ trong Ủy ban liên hợp quân sự bốn bên. Lộc Ninh, Xa Mát, Lò Gò được chọn làm trụ sở liên lạc và triển khai các tổ chức quốc tế. Lộc Ninh được Trung ương Cục chọn làm trụ sở Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, cũng là nơi đặt trụ sở liên lạc trung tâm ở Nam bộ và là điểm trao trả tù binh 2 bên.

Cuộc đấu tranh thực hiện trao trả tù binh tù chính trị diễn ra rất quyết liệt và dai dẳng. Cuộc trao trả tù binh đầu tiên ở miền Nam đã diễn ra vào chiều ngày 12- 2- 1973 tại sân bay Lộc Ninh với đại diện ba bên: Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, dưới sự kiểm soát của các sĩ quan trong tổ chức quốc tế kiểm soát và giám sát đình chiến và các sĩ quan trong Ban liên hợp quân sự bốn bên. Ta trao trả đợt đầu tiên cho Hoa Kỳ 27 nhân viên quân sự và dân sự.

Trong lúc ta nghiêm chỉnh chấp hành Hiệp định, thì Mỹ - ngụy vẫn cố che dấu sự thật về vấn đề trao trả tù binh, tù chính trị. Theo số liệu ta nắm được thì Mỹ - ngụy còn giam giữ đến 200.000 tù chính trị trong các nhà tù ở miền Nam, tập trung đông nhất ở Côn Đảo, Tân Hiệp, Chí Hòa, Thủ Đức. Trước khi ký Hiệp định Pari, Mỹ - ngụy đã chuẩn bị tráo trở việc trao trả tù chính trị. Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu

tuyên bố: trao trả 200.000 tù chính trị chẳng khác nào trao vào tay Việt Cộng 200 trung đoàn quân tinh nhuệ. Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố: Ở miền Nam Việt Nam, không có vấn đề tù chính trị, chỉ có tù binh và nhân viên dân sự.

Thực hiện âm mưu này từ tháng 10-1972 ngụy quyền Sài Gòn đã chỉ thị cho tất cả các Trung tâm cải huấn lập danh sách tù chính trị, ngoài các mục thông thường trong hồ sơ, chúng chỉ đạo rất thận trọng lập thêm hai mục: sức khỏe và hạnh kiểm.

Sau khi lập hồ sơ, sàng lọc kỹ, chúng chốt lại danh sách 5.081 nhân viên dân sự tuyên bố trao trả cho Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong số hơn 200.000 tù chính trị đang bị giam giữ tại các Trung tâm cải huấn. Gần 4.000 tù chính trị Côn Đảo có tên trong danh sách này. Những người tù chính trị không có tên trong danh sách trao trả, chúng mở hàng loạt “Tòa án quân sự lưu động”, đưa ra Côn Đảo xét xử, chuyển án chính trị thành thường phạm với các tội danh: “phá rối trị an”, “gian nhân hiệp đảng”, ai một tội chúng xử 1 án, ai 2 tội chúng xử 2 án, có người bị xử đến 10 án, tổng cộng 34 năm tù. Thực chất, không có một phiên tòa nào. Chúng lập sẵn bản án, cưỡng bức người tù ký tên vào. Lực lượng cảnh sát dã chiến được điều động ra Côn Đảo tham gia vào các phiên tòa bằng lựu đạn cay và phi tiễn, đàn áp tù chính trị cho đến khi ngất xỉu, chúng dựng dậy bôi mực, lăn tay, điểm chỉ vào các bản án phi pháp. Sau khi xong án, chúng xé phòng, dồn trại, ép dấu những người tù chính trị không có tên trong danh sách trao trả.

Tù chính trị Côn Đảo đã đấu tranh rất quyết liệt chống các thủ đoạn tráo án chính trị thành thường phạm. Do bí mật đưa được radio vào cất giấu trong trại giam, tù chính trị Trại 6 Khu B, bộ phận đường dây Côn Đảo và một số trại khác đã có được toàn văn bản Hiệp định Pari và Nghị định thư qua bản tin đọc chậm của Đài Tiếng nói Việt Nam ngay trong đêm 27- 1- 1973. Trong khi địch vẫn bung bít tin tức thì tù chính trị đã chuyển nhau toàn văn bản Hiệp định Pari và Nghị định thư, ban lãnh đạo các trại thống nhất phát động đợt đấu tranh toàn đảo đòi thi hành Hiệp định Pari với các yêu cầu cụ thể như: phải thông báo Nghị định thư về việc trao trả; cải thiện chế độ đối xử, giam giữ và cấp dưỡng; trao trả ngay, trả nhanh, trả hết tù chính trị với sự chứng kiến của phái đoàn quốc tế Ủy ban liên hiệp và Hồng thập tự quốc tế; chống chiêu hồi, chiêu hàng, phóng thích đơn phương, tráo án, ém dấu.

Địch trả thù bằng cách sử dụng bọn lính cảnh sát dã chiến đàn áp tù nhân bằng lựu đạn cay, phi tiễn tiến công quy mô vào tất cả các trại, thực hiện bằng được âm mưu tráo án, lăn tay chụp hình, xé phòng dồn trại, ém dấu tù chính trị. Cuộc chiến tranh diễn ra quyết liệt ở Trại 6 Khu B và Trại 7 (Côn Đảo). Hàng ngàn người ngấm hơi cay ngất xỉu, hàng trăm người bị thương tích nặng, nhiều người chết bị chúng chôn xác phi tang rồi mới moi xác lên, lăn tay, chụp hình hoàn tất thủ đoạn.

Trung ương Cục chỉ đạo cho bộ phận đường dây Côn Đảo đã khẩn trương tổ chức thành công bản danh sách 8.000 tù chính trị Côn Đảo gửi về (cuối năm 1972), phục vụ phái đoàn ta đấu tranh tại Hội nghị Pari và sau này đấu tranh trong Ủy ban Liên hiệp quân sự hai bên về vấn đề trao trả tù binh tù chính trị.¹

Trên chiến trường miền Đông Nam bộ, trong chỉ đạo cụ thể nhiều cấp ủy chưa chuẩn bị tinh thần và lực lượng đối phó với địch theo dự kiến hai khả năng (mà có nhiên khả năng địch phá hoại Hiệp định) như tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị tháng 1- 1973, mà chỉ nhấn mạnh đến tư tưởng hòa bình, hòa hợp. Hơn nữa trải qua trên 18 năm chiến đấu căng thẳng, không ít cán bộ, chiến sĩ nảy sinh tư tưởng chủ quan, xả hơi, chưa nắm chắc bản chất thâm độc, âm mưu và ý đồ phá hoại Hiệp định, nên mất cảnh giác. Tư tưởng tiến công và quan điểm bạo lực cách mạng vì thế không được quán triệt đầy đủ. Một số ít cán bộ, đảng viên thiếu vững vàng, đã bị ảnh hưởng chiến tranh tâm lý của địch ra chiêu hồi, chiêu hàng.

Đầu năm 1973, Ban Binh vận Miền (R) triệu tập hội nghị cán bộ binh vận từ cấp huyện trở lên để phổ biến chủ trương cụ thể “gấp rút ổn định tình hình bằng cách bỏ vùng tranh chấp, chủ động chuyển thành hai vùng, vùng ta và vùng địch để có phương châm đấu tranh phù hợp”. Hội nghị này còn phổ biến “5 điều cấm chỉ” là: cấm tiến công, cấm pháo kích, cấm đánh càn, cấm xây dựng xã ấp chiến đấu, cấm đánh đồn bót...

Những “cấm chỉ” do Ban binh vận Miền triển khai đã gặp nhiều phản ứng của các cấp ủy, cán bộ, đảng viên và chiến sĩ ở các tỉnh, huyện và cơ sở. Chỉ thị đã ảnh hưởng không ít đến tư tưởng cán bộ chiến sĩ. Trong chỉ thị có những lập luận kỳ lạ: nếu địch vi phạm mà ta cứ dùng vũ khí đánh lại thì đến bao giờ mới có ngưng bắn, bao giờ mới ổn định tình hình cho nhân dân ta để khẩn trương tạo thế và lực mới². Rõ ràng chủ trương này có tính chất kìm chế đến mức hữu khuynh, tạo điều kiện cho kẻ địch lợi dụng sơ hở lấn tới, lấn chiếm vùng ta làm chủ.

¹ Ở nhà tù Côn Đảo, chính sách đầy ải man rợ của Mỹ - ngụy, hàng trăm người tù đã bị mắc các chứng bệnh nan y, bại絮, không thể lết được trên đôi chân của mình. Để tránh búa rìu dư luận, chúng cho đưa về Biên Hòa rồi phân tán về các địa phương phóng thích. Sau nhiều lần trì hoãn, trao trả nhỏ giọt đến ngày 7- 3- 1974, ngụy quyền Sài Gòn mới trao trả cho ta 5.081 nhân viên dân sự tại sân bay Lộc Ninh, trong đó có 4.075 tù chính trị Côn Đảo. Bằng các thủ đoạn cài số thường phạm, quân phạm, tù chính trị cầu an, đầu hàng phản bội vào số nhân viên dân sự trao trả, ngụy quyền Sài Gòn đã “vận động” được 211 tên “chiêu hồi”, xin “tìm tự do” về với chế độ Việt Nam cộng hòa trong 3 đợt trao trả.

² Trích dẫn theo Long An lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, tr. 316.

Tháng 3- 1973, Quân ủy Miền mở Hội nghị quân sự tại Bù Đốp để đánh giá tình hình sau một tháng thực hiện Hiệp định. Qua thực tiễn trên chiến trường, Hội nghị kết luận: “*Nơi nào cấp ủy hữu khuynh, lực lượng vũ trang yếu, không kiên quyết đánh địch thì địch lấn chiếm mạnh, ta bị mất đất mất dân...*”, sau đó Trung ương Cục ra Chỉ thị số 02/CT-73 nêu rõ: “*Địch dùng hành động quân sự đánh ta thì ta phải đánh tiêu hao cho được chúng, không chỉ diệt bọn địch càn vùng ta mà còn phải đánh cho thật đau vào cơ quan chỉ huy, kho tàng, cụm pháo buộc chúng phải thi hành Hiệp định*”. Giữa tháng 3, Khu ủy miền Đông sao gửi điện bổ sung số 775/TV.TWC của Trung ương Cục cho các tỉnh, vạch rõ âm mưu của địch và chỉ đạo cho các tỉnh kiên quyết đánh bại các cuộc càn quét lấn chiếm vùng giải phóng, chủ động đánh vào những nơi xuất phát các cuộc càn của địch, diệt ác, phá kìm, đấu tranh 3 mũi giáp công chống bình định, xây dựng phát triển lực lượng cách mạng; đồng thời phải kịp thời uốn nắn những biểu hiện lệch lạc “*ngủ xả hơi*” trong các cấp bộ Đảng và trong lực lượng vũ trang.

Thực hiện chỉ thị 02 và điện số 775 của Trung ương Cục miền Nam, Khu ủy chỉ đạo, trong tháng 3- 1973 các Tỉnh ủy tiến hành các cuộc hội nghị quân sự địa phương để kiểm điểm tình hình và đề ra các chủ trương mới về đánh địch.

Từ ngày 6- 4- 1973 đến 12- 4- 1973, Thường vụ Khu ủy miền Đông Nam bộ đã triệu tập Hội nghị Khu ủy mở rộng tại Chiến khu Đ để nghiên cứu triển khai Chỉ thị 03, của Trung ương Cục¹ và bàn nhiệm vụ công tác trong 3- 4, 5, 6- 1973. Sau khi quán triệt Chỉ thị 03, Hội nghị Khu ủy đã đề ra chủ trương và những biện pháp thực hiện nhiệm vụ của Trung ương Cục giao: “*Kiên quyết củng cố và phát huy thế chiến lược mới, tích cực chuyển hướng phương châm, phương thức chỉ đạo, tập trung mọi cố gắng của các cấp, các ngành, các lực lượng đưa cho được phong trào công tác bình vận kết hợp với pháp lý Hiệp định và dựa vào lực lượng vũ trang làm hậu thuẫn, liên tục tiến công, bẻ gãy các cuộc hành quân lấn chiếm của địch; tăng cường công tác thâm nhập vào dân và nắm các khối dân, giữ vững, mở rộng và không ngừng nâng cao quyền làm chủ ở vùng tranh chấp; phát triển thực lực và các phong trào đấu tranh của giai cấp từ thấp đến cao ở các vùng sâu, vùng yếu; giữ vững và xây dựng từng bước khẩn trương nhưng vững chắc vùng căn cứ giải phóng; nhanh chóng xây dựng, phát triển thực lực để làm thay đổi tương quan tại chỗ có lợi cho ta, đẩy lùi từng bước âm mưu phá hoại Hiệp định của địch, giữ vững hòa bình, không ngừng đưa phong trào 3*

¹ Chỉ thị 03/CT-73 ngày 27- 3- 1973, Trung ương Cục tiếp tục ra nêu lên một số nhận định, chủ trương nhiệm vụ công tác cụ thể sau 60 ngày thi hành Hiệp định, đồng viên, cán bộ nhân dân miền Nam tiếp tục vươn lên giành nhiều thắng lợi.

vùng tiến lên, sẵn sàng đánh bại những hành động liều lĩnh của địch gây chiến tranh trở lại”¹.

Trên tinh thần Chỉ thị 02 và điện 775, các Đảng bộ đã đẩy mạnh tuyên truyền thắng lợi to lớn của Hiệp định Pari; kết hợp ba mũi đấu tranh vũ trang, chính trị, binh vận chống âm mưu phá hoại Hiệp định của địch. Vận dụng pháp lý Hiệp định, kêu gọi toàn dân đoàn kết đẩy mạnh đấu tranh chính trị đòi dân sinh dân chủ, đòi bung về đất cũ; chống đôn quân, bắt lính, xây dựng phát triển lực lượng ở cơ sở, nhất là cơ sở chính trị và binh vận; khôi phục, củng cố các vùng giải phóng, vùng ta làm chủ, khôi phục các cửa khẩu hậu cần tạo điều kiện đứng chân cho các lực lượng vũ trang đẩy mạnh tiến công địch.

Trên chiến trường Biên Hòa và Bà Rịa - Long Khánh, các đơn vị vũ trang đã bố trí lực lượng cùng với lực lượng tại chỗ luồn sâu từng bước bám các địa bàn xã, áp như Long Phước, Tam An, Tam Phước, ấp Phước Nguyên (Long Thành), ấp Bình Phú, ấp 1, ấp 3 Phước Thọ, ấp 3 Phước Long (Nhơn Trạch), khu Nhà Bò Bình Sơn (Long Thành), Tân Phú, Bình Long (Vĩnh Cửu), Bàu Hàm, Hưng Nghĩa..., bám các trục lộ giao thông quan trọng như lộ 1, 15, 24, 17, 19, phát động quần chúng, xây dựng cơ sở, diệt ác ôn, đánh bọn địch nóng ra khôi phục đường sắt Hưng Nghĩa - Long Khánh kết hợp tố cáo địch vi phạm Hiệp định, tấn công binh vận tranh thủ sự đồng tình của binh sĩ, phân hóa cô lập bọn ác ôn, từng bước vô hiệu hóa bọn tề ngụy ở cơ sở.

Diễn hình ở các xã Hưng Lộc, Trảng Bom, Bàu Hàm (Biên Hòa), các cuộc đấu tranh chống lấn chiếm, chống bình định diễn ra rất ác liệt, nhất là tại Bàu Hàm. Bàu Hàm là một xã, mà phần lớn là người Hoa Nùng được ta giáo dục, tạo công ăn việc làm, họ hiểu rõ chỉ có cách mạng mới đem lại quyền lợi thiết thực cho họ. Đêm 4- 5- 1973, thực hiện yêu cầu nguyện vọng của dân, chi bộ Bàu Hàm chỉ đạo du kích cùng với lực lượng quân khu và huyện tiến công diệt đồn bảo an Bàu Hàm. Sáng 5- 5, chi bộ đã vận động bà con tiếp tục tiến công chính trị, binh vận, tập hợp lực lượng đến trụ sở xã và vây bót Lò Than, đòi bồi thường tài sản do đại đội 113 bảo an cướp phá, kêu gọi không cho binh lính trong đồn đi tiếp viện. Ngay sau đó, nhân dân lại kéo lên buộc cảnh sát làm áp lực buộc tên trưởng cuộc phải đi gặp tên chỉ huy đại đội 113 đòi lại đồng hồ, vàng, tiền chúng cướp của dân và yêu cầu đổi đơn vị này đi nơi khác. Ngày 7- 5- 1973, đơn vị bảo an 113 rút khỏi Bàu Hàm. Cuộc đấu tranh kết hợp ba mũi chính

¹ Nghị quyết Hội nghị Khu ủy miền Đông Nam Bộ mở rộng ngày 27- 3- 1973. Lưu trữ Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng Đồng Nai.

trị, binh vận, vũ trang tại Bà Hàm là một điển hình sinh động cho phong trào đấu tranh của nhân dân.

Ở khu dân Thiên Chúa giáo di cư Hồ Nai, sau Hiệp định với nỗ lực của chi bộ và đội công tác đồng bào có đạo, tuyên truyền, giáo dục, quần chúng đã có những chuyển động rõ rệt. Chi bộ đã bắt đầu liên hệ tiếp xúc được với quần chúng, tuyên truyền Hiệp định, chính sách 10 điểm của Mặt trận. Quần chúng đã thấy được thắng lợi của ta và thấy rõ thất bại của địch. Một số đồng bào Thiên Chúa giáo di cư được cách mạng cấp đất, hướng dẫn làm ăn tập thể (vườn đổi công) bung ra sản xuất càng hiểu và tin tưởng cách mạng hơn. Phong trào chống bắt lính, bảo vệ thanh niên diễn ra khá quyết liệt. Bà con được cơ sở mật hướng dẫn, biết tổ chức những tổ thông báo tin kịp thời khi cảnh sát nguy đi càn để thanh niên lần tránh không bị bắt.

Tỉnh ủy Biên Hòa còn chú ý đến công tác phát triển thực lực Đảng, Đoàn và tiến hành củng cố các chi bộ Đảng, nâng cao sự lãnh đạo của Đảng từ tỉnh đến cơ sở đảm bảo cho việc thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng¹. Phần lớn các chi bộ điều biết vận dụng pháp lý của Hiệp định phát động quần chúng đấu tranh chống bắt lính, chống bắn pháo vào làng, nắm gia đình binh sĩ để vận động binh lính đào, rã ngũ. Các chi bộ gắn với quần chúng và giải quyết quyền lợi ruộng đất cho quần chúng.

Từ tháng 4- 1973, Mỹ - ngụy lại tiến hành thêm một bước mới trong âm mưu phá hoại Hiệp định Pari. Chúng triển khai kế hoạch bình định “cộng đồng tái thiết, cộng đồng phát triển” đẩy mạnh quy mô, mật độ càn quét lần chiếm, tăng cường công tác chiêu hồi, xây dựng tình báo, phong tỏa kinh tế, làm thêm một số ấp và đóng thêm một số đồn bót. Nhiều nơi, vừa càn quét đánh phá bằng quân sự, địch vừa dùng xe ủi đất, ủi phá địa hình, gom dân lập lại các ấp chiến lược, bình định lại những vùng chúng tái chiếm, lần chiếm vùng căn cứ, giải phóng của ta để xóa thế “da beo”.

Tại tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, quân ngụy tiếp tục đẩy mạnh lần chiếm khu vực Cầu Tum, Nước Ngọt (Phước Hải), Long Tân, Long Phước (Long Đất), khu vực lộ 2 (Châu Đức). Địch đã đóng 22 đồn bót, tua, chốt, trạm kiểm soát, khôi phục được lực lượng phòng vệ dân sự với trên 760 tên, xây dựng 1 tiểu đoàn và một đại đội bảo an mới, lập thêm nhiều tề xã ở các khu vực Long Điền, Đất Đỏ, Châu Đức, thị xã Bà Rịa,

¹ Sau 2 tháng thi hành Hiệp định, toàn Đảng bộ đã phát triển được 11 đảng viên, 9 đoàn viên và xây dựng được 115 cơ sở các loại. Thị ủy Biên Hòa đã tổ chức đưa một số cấp ủy viên vào bám trụ và hoạt động công khai, bán công khai ở Tân Vạn, Bửu Long, Tam Hiệp, khu kỹ nghệ Biên Hòa, tập hợp xây dựng được cơ sở cốt cán bên trong; đưa nòng cốt vào nắm 15 đội phòng vệ dân sự ở các xã, ấp; xây dựng được nhiều lôm chính trị ở Hiệp Hòa, Bình Đa, An Hảo, các ven ấp nội ô thị xã như Gò Me, Lân Thành, Vĩnh Thị... Trong 2 tháng, ở vùng di cư Thiên Chúa giáo Hồ Nai, ta đã phát động được 147 quần chúng, có 1 cuộc họp 461 quần chúng, xây dựng được 13 cảm tình, có 6 triển vọng thành nòng cốt.

thị xã Vũng Tàu. Tỉnh ủy Bà Rịa – Long Khánh đã tổ chức đoàn chính trị về nghiên cứu tình hình 3 xã vùng Đất Đỏ để rút kinh nghiệm chỉ đạo chống địch lấn chiếm, bình định.

Tại Bình Dương, đầu tháng 4- 1973 Tỉnh ủy Thủ Dầu Một mở hội nghị để đánh giá tình hình địch ta trong tỉnh, lập Ban chỉ huy tiền phương để lãnh đạo các Đảng bộ địa phương và lực lượng vũ trang của tỉnh chủ động sẵn sàng, bố trí lực lượng đánh địch nóng ra càn quét. Trong hai tháng 4 và 5- 1973 địch liên tục mở nhiều cuộc càn quét lấn chiếm đường số 7 và khu vực tỉnh lộ 14 từ Bến Cát đi Dầu Tiếng. Quyết tâm trừng trị bọn hiếu chiến, Huyện ủy và Huyện đội Bến Cát phân công cán bộ, chiến sĩ bám địch và tổ chức chống càn. Ngày 1- 6, địch đưa hai tiểu đoàn lính chủ lực thuộc Trung đoàn 7, Sư đoàn 5 cùng xe tăng, pháo binh yểm trợ, mở cuộc càn từ Bàu Hang lên Chơn Thành. Đội trinh sát huyện Bến Cát liên tục bám đánh địch, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Bộ đội địa phương cùng dân quân du kích các xã tổ chức nhiều lần đột nhập vào các ấp chiến lược để móc nối cơ sở, phát triển Đảng viên, đoàn viên, xây dựng chi bộ, chi đoàn, đội tự vệ mật, giải tán phòng vệ dân sự, phát loa gọi binh lính địch không càn quét lấn chiếm, bỏ súng về sum họp gia đình, diệt ác, diệt tề trừ gian, mở thế kìm kẹp cho dân. Ở Tân Uyên, ngày 12- 5- 1973, chi bộ mật lãnh đạo, tổ chức hơn 200 công nhân cao su Phước Hòa bãi công đấu tranh đòi chủ sở tăng lương. Nông dân các xã đấu tranh đòi tự do đi lại, đòi về xóm cũ làm ăn, đòi đi sớm về tối..., địch buộc phải chấp nhận yêu sách.

Ngày 26- 3- 1973, Tiểu đoàn Phú Lợi chặn đánh 3 tiểu đoàn ngụy (2 tiểu đoàn bảo an 321, 360 và 1 Tiểu đoàn của Trung đoàn 9 Sư 5) đi càn lấn chiếm hai xã Bình Mỹ và Tân Bình. Bám chắc công sự, lực lượng ta chủ động tiến công đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn, phá hủy nhiều xe quân sự. Bọn còn sống hốt hoảng mở đường rút lui về Công Xanh, gọi pháo bắn trả đũa làm hư hại một số nhà cửa của nhân dân. Mấy hôm sau nhân dân kéo lên quận đấu tranh đòi bồi thường thiệt hại tài sản, đòi nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định, không được càn quét và bắn pháo bừa bãi vào xóm ấp. Phát huy thắng lợi, những ngày cuối tháng 5 và đầu tháng 6- 1973, bộ đội địa phương cùng với dân quân du kích các xã Phước Hòa, Chánh Phú Hòa, Bình Mỹ, Tân Bình, Thường Lang, Mỹ Lộc, Tân Tịch, Lạc An liên tục chặn đánh bọn bảo an, dân vệ lấn chiếm trên đường 8, 16, 14.

Tại Tây Ninh, Sư 25 ngụy cùng 11 tiểu đoàn bảo an, 25 trung đội dân vệ và 6 đại đội cảnh sát phối hợp mở các cuộc càn quét vào các vùng căn cứ của ta ở Trảng Bàng, Gò Dầu, nam Tòa Thánh; rải quân án ngữ trên trục lộ 26 để cắt đứt giao thông đường bộ giữa hai huyện Dương Minh Châu và Gò Dầu. Đi đôi với càn quét, địch cho

máy bay ném bom, pháo binh bắn phá quyết liệt để gom tát dân ở các khu vực rừng Cây, Bàu Rùa, Cầu Xe, Trảng Cỏ (Trảng Bàng), Bông Dung (Châu Thành).

Tháng 5-1973 Khu ủy miền Đông Nam Bộ mở Hội Nghị kiểm điểm tình hình, uốn nắn tư tưởng hữu khuynh do dự trong tiến công đánh địch vi phạm Hiệp định và ra Nghị quyết nêu rõ: “Trên cơ sở tiếp tục bám, tấn, lấn và xây, chuyển mạnh phương thức hoạt động, ra sức giữ vững và mở rộng vùng tranh chấp, xóa đại bộ phận ấp trắng, tích cực mở rộng vào vùng sâu, vùng yếu, kết chặt với phá kìm, giành dân, giành quyền làm chủ... xây dựng cả lực lượng bên ngoài và bên trong vững mạnh”.

Công tác đô thị được chú trọng. Khu ủy miền Đông Nam bộ cử 40 cán bộ làm công tác trong các đô thị miền Đông Nam bộ về Trung ương Cục dự lớp tập huấn công tác đô thị do đồng chí Nguyễn Văn Linh (Bí thư Trung ương Cục) trực tiếp giảng dạy. Thường vụ Khu ủy thành lập Ban công tác đô thị do đồng chí Lê Sắc Nghi làm Trưởng ban; chọn thành phố Biên Hòa làm điểm chỉ đạo của miền Đông Nam bộ. Thường vụ khu ủy có nghị quyết chuyên đề về đô thị, nhấn mạnh nhiệm vụ các thị xã là phải bám quần chúng, tuyên truyền giáo dục, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi những quyền lợi thiết thân, qua đó phát hiện người tốt xây dựng cơ sở.

Thi hành chỉ thị 03 của Trung ương Cục và Nghị quyết Hội nghị Khu ủy miền Đông Nam bộ mở rộng, tháng 5- 1973, Tỉnh ủy Biên Hòa đã ra nghị quyết về nhiệm vụ công tác cụ thể của Đảng bộ trong tháng 5, 6, 7- 1973 với quyết tâm: Bám địa phương, bám phong trào, kiên quyết củng cố và phát huy thế chiến lược mới kịp thời chuyển hướng phương châm, phương thức chỉ đạo tập trung cho được phong trào chính trị, binh vận, vũ trang kết hợp với pháp lý. Hiệp định liên tục tiến công địch, bẻ gãy các cuộc hành quân của địch lấn chiếm, bình định; mở rộng diện tuyên truyền xây dựng cơ sở, đoàn kết toàn dân; giữ vững, mở rộng vùng tranh chấp và vùng giải phóng.

Tháng 6- 1973, Thường vụ Trung ương Cục quyết định tách tỉnh Biên Hòa ra làm 2 bộ phận: Biên Hòa nông thôn và Biên Hòa đô thị, Biên Hòa nông thôn gồm các huyện: Vĩnh Cửu, Trảng Bom (đến tháng 10- 1973 đổi thành huyện Thống Nhất), Long Thành, Nhơn Trạch, Tân Uyên, Duyên Hải, huyện Cao Su. Tỉnh ủy gồm 19 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Văn Thông (Hai Thông) được cử quyền Bí thư; đồng chí Nguyễn Hải (Tám Hải) làm Phó bí thư kiêm Bí thư huyện ủy Trảng Bom; đồng chí Nguyễn Việt Hoa (Mười Thà) làm Phó bí thư kiêm Tỉnh đội trưởng¹. Biên Hòa đô thị

¹ Tỉnh ủy còn các đồng chí Võ Văn Lượng, Nguyễn Công Hạnh, Trần On, Phạm Hòa, Huỳnh Thị Phương, Lương Văn Tấn, Thái Văn Thái, Út Đoàn, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Văn Bè, Lê Bình, Huỳnh Văn Đạm; 3 dự khuyết là Lê Quân,

gọi là thành phố Biên Hòa (địa bàn như thành phố Biên Hòa ngày nay). Thành ủy gồm 11 đồng chí. Đồng chí Phan Văn Trang làm Bí thư Thành ủy; Nguyễn Hồng Kỳ (Tu Kỳ) làm Phó bí thư thường trực, Lê Văn Triết (Năm Triết) làm Phó bí thư phụ trách công vận; đồng chí Huỳnh Văn Sang (Bảy Sang) làm Ủy viên Thường vụ, Thành đội trưởng.

Thường vụ Thành ủy Biên Hòa đã tổ chức các lớp tập huấn cho đảng viên, cán bộ về phương châm, phương thức tổ chức, xây dựng cơ sở mật trong nội thành; đồng thời chỉ đạo đẩy mạnh tăng cường cán bộ lãnh đạo vào bên trong nội ô, tổ chức phân ban thành ủy cho đồng chí Tu Kỳ, Phó bí thư Thành ủy phụ trách, có nhiệm vụ tổ chức xây dựng và chỉ đạo các chi bộ mật bên trong, lãnh đạo phong trào đấu tranh của nhân dân đô thị, xây dựng được nhiều lõm chính trị, lõm căn cứ ở những xung yếu ở nội và ngoại ô như: Khu phố 1, 5, ấp Núi Đất, ấp Tân Thành (xã Bình Phước), ấp Tân Bản (xã Bửu Hòa), các xã Tân Vạn, Hiệp Hòa, Bình Đa, (Tam Hiệp). Các chi bộ đã xây dựng được cơ sở nắm được 9 đội phòng vệ dân sự của địch làm hậu thuẫn cho phong trào đấu tranh của quần chúng. Các cơ sở nội tuyến của thành ủy Biên Hòa ở sân bay, Quân đoàn 3 ngụy, kho Long Bình, tỉnh đoàn bảo an, Tòa hành chánh cũng được củng cố, cung cấp kịp thời tình hình của địch trong thành phố.

Nhờ bám trụ sâu sát cơ sở chỉ đạo kịp thời, Thành ủy Biên Hòa đã phát triển được thực lực nhanh và mạnh, giữ vững được phong trào sôi nổi trong tình hình địch ra sức bình định, lấn chiếm các vùng xung quanh thành phố. Ở khu công nghiệp, Thành ủy đã xây dựng được 40 cơ sở trong 17 xí nghiệp, nhà máy. Chi bộ Khu công nghiệp được củng cố với 4 đồng chí. Phong trào đấu tranh của các nhà máy liên tục nổ ra như ở Vikyno, Cogido, Vicasa, Dofitex, Eternit... đòi tăng lương, đòi cải thiện đời sống, chống sa thải công nhân. Tại chợ Biên Hòa, chi bộ chợ do nữ đồng chí Võ Thị Huệ làm Bí thư đã lãnh đạo chị em ở chợ đấu tranh chống tăng thuế, chống đuổi chỗ bán, chống tăng thuế môn bài được nhân dân lao động đồng tình và ủng hộ.

Khu vực Biên Hòa nông thôn, trong 3 tháng toàn tỉnh đã có 4.716 cuộc đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định, đòi quyền lợi, bảo vệ được 170 thanh niên không bị địch bắt lính, đòi bồi thường thiệt hại cho 10 gia đình ở các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom. Riêng ở vùng di cư và vùng dân tộc, các chi bộ đảng, cán bộ cốt cán đã dựa vào pháp lý của Hiệp định, lãnh đạo quần chúng đấu tranh có hiệu quả. Ngày 7- 9- 1973, hơn 300 đồng bào Hố Nai đã xuống đường đấu tranh

Nguyễn Quang Đạo, Lưu Thị Huân. Thành ủy còn các đồng chí Nguyễn Thị Nãi, Hồ Văn Thiệp, Trần Văn Thọ, Huỳnh Tấn Minh, Châu Văn Hoàng, Võ Thị Huệ, Nguyễn Hồng Thanh.

chống địch cướp đất, đồng bào đã làm vật chướng ngại trên đường lộ 1, đốt hết chòi rẫy của bọn thương phế binh nguy cấp lên dưới sự tài trợ của nguy quyền địa phương. Huyện Trảng Bom đã chỉ đạo cơ sở vận động nhân dân ở Trảng Bom, Cây Gáo, Hưng Nghĩa kéo đến trụ sở xã, cuộc cảnh sát đòi giải quyết vấn đề đất đai, làm kiến nghị lên quận, tỉnh đòi ngăn chặn hành động của bọn thương phế binh nguy chiếm đất, nguy quyền Đức Tu phải nhận đơn và ra lệnh ngừng chiếm đất.

Tại Long Thành, 11 nông dân xã Long Phước đã mang dao, gậy gộc kéo đến chống bọn địch cướp đất. Du kích cùng bộ đội huyện Long Thành đã chặn đánh bọn bảo an C161, hỗ trợ cuộc đấu tranh của nhân dân Long Thành chống xét ghe, xuống gây khó dễ cho đồng bào; tổ chức diệt tề ác ôn ở Phước Thái, đấu tranh đòi thả 20 quần chúng bị địch bắt giam. Quần chúng di cư Hồ Nai đã tranh thủ phòng vệ dân sự đồng tình đấu tranh chống bắt thanh niên đi lính. Tranh thủ bọn nguy Biên Hòa không được bắn pháo vào ruộng rẫy, đi lại làm ăn tự do.

Các Huyện ủy còn lãnh đạo dân bung ra sản xuất tạo thế 2 chân tại nhiều nơi như cánh đồng Tam An, Phước Thái, An Hòa (Long Thành); Phước Khánh (Nhơn Trạch), Bàu Hàm, Tân Định (Vĩnh Cửu); bung vào vùng căn cứ khai hoang phục hóa mở rộng vùng dân tộc như Hồ Nai, Sông Mây, Cây Gáo. C22 công binh và lực lượng vũ trang liên tục đánh địch vi phạm Hiệp định, lấn chiếm vùng căn cứ. D240 đánh địch lấn chiếm vùng giải phóng và đánh địch ủi phá địa hình.

Ở Long Khánh, địch củng cố các ấp chiến lược, gài lựu đạn quanh hàng rào, tăng cường kiểm tra, lục xét hàng rào của dân khi ra vào ấp để ngăn chặn không cho quần chúng tiếp tế ra vùng kháng chiến. Huyện ủy Xuân Lộc, Thị ủy Long Khánh chỉ đạo các chi bộ mật bên trong lãnh đạo quần chúng đấu tranh quyết liệt chống địch kìm kẹp, đòi tự do đi lại làm ăn. Tại các xã, các sở Hàng Gòn, Ông Quế, Dầu Giây, Bảo Vinh, Bình Lộc, Bảo Bình, Suối Cát, quần chúng đã tự gỡ trái, xé rào bung ra và dựa vào pháp lý Hiệp định đấu tranh với địch, đồng bào còn tranh thủ binh sĩ đồng tình không xét hỏi và gỡ trái mở một số đường để quần chúng đi lại làm ăn. Đồng bào di dân từ miền Trung vào ở Long Khánh, Định Quán trên các trục lộ 20 (Phú Cường, Túc Trung), lộ 1 (Quảng Đà, Quảng Biên), lộ 3 (Trà Tân 1, 2, 3, Đồng Tâm), từng nhóm 50, 100 người đấu tranh đòi tinh, quận trưởng giải quyết đời sống, cấp lương thực, đất đai, nhà ở, đòi hồi cư về đất cũ làm ăn.

Đảng bộ các huyện Xuân Lộc, Định Quán, các chi bộ Đảng, cán bộ, cơ sở cốt cán và quần chúng ở các xã trên lộ 2, các xã ven thị xã Long Khánh như Bảo Vinh, Bình Lộc... vận động gia đình binh sĩ đưa truyền đơn tuyên truyền về chính sách 10 điểm của mặt trận vào trong đồn, bót địch. Đội biệt động và trinh sát vũ trang thị xã

Long Khánh nhiều lần đột nhập đánh địch trong thị xã, phối hợp cùng bộ đội K8 của huyện Xuân Lộc đánh địch bẻ gãy các cuộc càn lấn chiếm của chúng ở cầu Sắt, các ấp ven thị xã như Bình Lộc, Bảo Vinh.

Ở Tây Ninh, cùng với các hoạt động quân sự, các cấp ủy giáo dục, tổ chức lãnh đạo quần chúng đấu tranh chính trị, vận động binh lính địch đào rã ngũ. Ở huyện Tòa Thánh (Tây Ninh), hàng ngàn đồng bào trong đó có nhiều gia đình binh sĩ tham gia công khai tố cáo, phản đối địch và đấu tranh đòi giảm thuế. Ở Lợi Hòa Đông, Cầu Khởi, Bung Rò, cơ sở cách mạng bằng truyền đơn, thư tay tranh thủ một số đơn vị địch chống đi càn quét, “hòa bình rồi đi càn chi cho chết uổng mạng”. Đồng bào xóm Mồ Côi (Trảng Bàng) đấu tranh binh vận, tranh thủ binh lính làm một đoàn xe thiết giáp địch quay trở lại không đi càn quét. Đồng bào Gia Tân, An Tịnh dựa vào pháp lý Hiệp định đấu tranh, địch phải rút bỏ bớt Lợi Hòa Đông. Nhân dân các huyện Gò Dầu, Tòa Thánh, Dương Minh Châu, Trảng Bàng đấu tranh trực diện, tố cáo địch đốt nhà, giết người, cướp của. Hội Phật giáo yêu nước Trảng Bàng vận động trên 1.000 Phật tử xuống đường với khẩu hiệu “yêu cầu thực hiện hòa bình, chấp hành Hiệp định Pari”.

Lực lượng vũ trang Thủ Dầu Một, lực lượng của Sư đoàn 7 chủ lực Miền cùng bộ đội địa phương của huyện Phú Giáo và du kích các xã liên tục đánh địch lấn chiếm phá hoại hiệp định, bức rút một số đồn bót địch mới lấn chiếm trên đường 14, làm chủ đoạn từ Bó Lá tới Đồng Xoài, cắt đứt giao thông trong nhiều ngày. Bộ đội địa phương, du kích các huyện Bến Cát, Châu Thành đã đánh địch ở đường số 7, đường 15, nam Châu Thành, diệt ác ôn, hỗ trợ quần chúng đấu tranh. Trong 6 tháng đầu năm 1973, lực lượng vũ trang Bình Phước đã đánh 144 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 700 tên, ngăn chặn các cuộc càn quét của địch.

Trong khi lực lượng vũ trang ta đánh tiêu hao, tiêu diệt địch trên hướng bắc thị xã Thủ Dầu Một, các huyện Lái Thiêu, Châu Thành, thị xã Dĩ An, ta phát động nhân dân dựa vào pháp lý Hiệp định đấu tranh đòi bỏ lệnh giới nghiêm, tố cáo địch vi phạm Hiệp định, vận động binh lính địch không đi càn quét, bỏ ngũ về nhà làm ăn. Hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Thủ Dầu Một, chỉ trong ba tháng (tháng 4 đến tháng 7- 1973) trên toàn tỉnh có gần 1.000 binh sĩ ngụy đào ngũ và hàng ngàn phòng vệ dân sự tan rã. Riêng tỉnh Bình Long, Bình Phước có 383 binh sĩ bỏ súng về với gia đình.

Ở Lái Thiêu, Dĩ An, địch đẩy mạnh càn quét lấn chiếm, các lực lượng cách mạng phải rút về căn cứ lùm nam Châu Thành rồi tổ chức lực lượng bám trở lại địa bàn đánh địch.

Ban đêm, cán bộ huyện xã phối hợp du kích đột nhập vào các ấp chiến lược diệt ác, phá kìm, vũ trang tuyên truyền, vận động nhân dân chống địch bắt lính, vận động binh lính địch bỏ ngũ. Kết hợp với mũi đấu tranh chính trị, và binh vận, lực lượng vũ trang tổ chức đánh tiêu diệt các đồn bót địch lấn chiếm trái phép từ sau hiệp định Pari. Tại các huyện giải phóng như Lộc Ninh, Bù Đốp, Tỉnh ủy cho dựng trường lớp dạy văn hóa. Các lớp xóa mù chữ, bình dân học vụ cũng được mở ra ở các vùng giải phóng.

Trong khi ở chiến trường miền Nam đang chuyển hướng hoạt động đấu tranh chống địch, thì tháng 7- 1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng mở Hội nghị lần thứ 21 xác định phương hướng nhiệm vụ trong tình hình mới. Nghị quyết phân tích sâu sắc việc ta để mất đất, mất dân, nguyên nhân chính là do ta có khuyết điểm chứ không phải địch mạnh. Nghị quyết xác định “con đường bạo lực cách mạng, chiến lược miền Nam vẫn là chiến lược tiến công. Luôn luôn dương cao ngọn cờ hòa bình, chính nghĩa, đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao, buộc địch phải thi hành Hiệp định để thắng địch”¹. Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng có ý nghĩa lịch sử quan trọng, kịp thời uốn nắn những nhận thức lệch lạc và chỉ đạo khắc phục những thiếu sót, đưa cuộc cách mạng dân tộc dân chủ miền Nam tiến sang giai đoạn kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Tháng 8- 1973 Trung ương Cục miền Nam mở Hội nghị lần thứ 12, quán triệt Nghị quyết 21/TW nhằm “tạo thế mới, lực mới, tạo và nắm thời cơ giành thắng lợi lớn”. Ngày 15- 10- 1973, Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam ra mệnh lệnh: kiên quyết đánh trả những hành động chiến tranh của chính quyền Sài Gòn; kiên quyết đánh trả bất cứ ở đâu, bằng các hình thức và lực lượng thích đáng.

Ngày 15- 10- 1973, Trung ương Cục quyết định thành lập tỉnh căn cứ Tân Phú, bao gồm huyện Tân Uyên, Phú Giáo và huyện Độc Lập (Lý Lịch, Bù Cháp, thường gọi là quận 5). Ban chấp hành được Trung ương Cục chỉ định gồm đồng chí Nguyễn Văn Luông (Sáu Phát) làm Bí thư, đồng chí Ba Huệ làm Tỉnh đội trưởng. Tỉnh Tân Phú có dân số khoảng 5.968 người trong đó có 1.089 đồng bào dân tộc S’tiêng, Ch’ro, Ch’ma..., hầu hết là dân chí cốt với cách mạng. Tỉnh ủy chủ trương xây dựng tỉnh Tân Phú vững mạnh, bảo đảm chỗ đứng chân vững chắc cho cơ quan lãnh đạo và chỉ huy của khu miền Đông Nam bộ; giữ vững đường dây liên lạc nối liền Trung bộ, khu căn cứ Dương Minh Châu và các tỉnh miền Đông Nam bộ; tạo địa bàn cho cơ quan cấp

¹ Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 615.

trên và lực lượng chủ lực tiến công địch trong mọi tình huống. Các đoàn thể cách mạng, cơ sở đảng, lực lượng vũ trang từ tỉnh đến huyện, du kích xã được củng cố, bảo đảm đánh địch giữ căn cứ.

Cuối tháng 10- 1973, Khu ủy miền Đông Nam bộ chuyển về đóng ở khu vực suối Xa Mách, mở hội nghị về chuyên đề chống phá bình định, xây dựng vùng giải phóng và căn cứ Chiến khu Đ (Khu A), ở phía bắc giáp lộ 14 từ Đồng Xoài lên Bù Đăng giáp giới tỉnh Đắc Lắc; phía nam từ Tân Uyên chạy dọc bờ phía bắc sông Đồng Nai lên thượng nguồn; phía tây giáp tỉnh lộ 16 và liên tỉnh lộ 14 lên Đồng Xoài; phía đông và đông bắc giáp tỉnh Đắc Lắc; chiều dài nam - bắc 60 km, chiều dài đông – tây 85 km, diện tích căn cứ khoảng 5.100km².

Kế hoạch bố trí dân cư, xây dựng xã chiến đấu và hướng phát triển sản xuất trong căn cứ được hội nghị thông qua quy hoạch. Khu ủy chỉ đạo cho Ban Kinh tài Khu cử người sang Campuchia mua trâu bò cấp cho nhân dân vùng căn cứ và vùng giải phóng sản xuất; xây dựng các nông trường trồng lúa, mì, bắp ở Đồng Trường, Vĩnh An, Tà Lài, Bù Cháp, Lý Lịch, Hiếu Liêm, Cây Gáo, Mã Đà. Khu vực sản xuất ở suối Ôi, Ông Linh, Nước Vàng, Vàm Giá, Sinh, Bà Đã và dọc sông Bé được giao cho tỉnh Thủ Dầu Một và các huyện Tân Uyên, Phú Giáo đảm nhận. Đồng thời ta còn vận động đồng bào dân tộc Ch'ro, S'tiêng ở Bù Cháp. Lý Lịch, Tà Lài và bắc Phước Long định canh, định cư, giáo dục và tổ chức đồng bào và các đội an ninh bảo vệ căn cứ. Cuối năm 1973, các đơn vị hậu cần khu vực miền Đông Nam bộ đã gieo trồng được 6.000 ha cây lương thực và huy động được gần 8.000 tấn lương thực. Đoàn hậu cần Miền 814, hậu cần quân khu cùng với Đảng bộ các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh, Tân Phú mở được nhiều cửa khẩu, đưa hàng từ vùng tạm chiếm vào vùng căn cứ ở bên Nôm, Vĩnh An, Bàu Hàm, Lạc An, Đại An, Định Quán (đường 20), Bình Mỹ, Phước Hòa, Phước Tiến, lộ 322 từ Đồng Xoài vào dốc Lam Sơn (gần Bù Na, lộ 14) đảm bảo cung ứng cho cơ quan và lực lượng vũ trang quân khu.

Các tuyến đường giao liên, vận chuyển hàng hóa trong căn cứ cũng được hoàn chỉnh, nhiều đoạn có thể đi bằng xe gắn máy, xe ô tô vận tải. Từ căn cứ trung tâm Mã Đà (nơi đứng chân của Khu ủy và Quân khu ủy) có thể đi ô tô về Phước Hòa, Phước Tiến, Bình Mỹ, Bình Cơ, Cây Gáo, Vĩnh An. Nhiều cầu ngầm được công binh xây dựng để vượt sông Đồng Nai (đoạn Tà Lài, Vĩnh An). Thông tin liên lạc giữa khu vực miền Đông Nam bộ với Trung ương Cục có thể theo đường vận chuyển của đoàn 814 từ Đồng Xoài - Bù Na về Phú Riêng qua Lộc Ninh. Các đường giao liên từ Mã Đà về Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh đều được mở thông.

Vừa ổn định các cơ quan lãnh đạo và các lực lượng vũ trang tại căn cứ. Khu ủy chủ trương xây dựng ngay trường Đảng của khu bên bờ bắc sông Đồng Nai (gần thác Hàng Trao). Bộ máy lãnh đạo và phục vụ của trường khá hoàn chỉnh. Đồng chí Lê Quang Thành, Thường vụ Khu ủy, Trưởng Ban Tuyên huấn được phân công làm Giám đốc, đồng chí Lê Minh Hà làm Phó giám đốc. Từ giữa năm 1973 đến quý 3 năm 1974, trường đã mở nhiều lớp bồi dưỡng đào tạo hàng trăm cán bộ sơ, trung cấp, đào tạo cán bộ cho các tỉnh Long An, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh, bổ sung các cấp ủy tỉnh, huyện đủ sức lãnh đạo, chỉ đạo phong trào địa phương.

Mùa khô 1973- 1974, quân và dân miền Đông Nam bộ bước vào đợt hoạt động với mục tiêu đánh địch mở rộng, thu hồi vùng giải phóng (sau Hiệp định địch lần chiếm) tạo thế và lực mới áp chặt Sài Gòn, bắt chúng phải bị động phòng ngự để ta trưng trị có hiệu quả những hành động vi phạm Hiệp định của địch, mở rộng vùng căn cứ và các vùng đông dân, mở rộng hành lang, dự trữ vật chất kỹ thuật.

Hai sư đoàn chủ lực Miền (Sư đoàn 9 và sư đoàn 7) cùng các đoàn đặc công, biệt động được bố trí quanh và áp sát Sài Gòn. Ở hướng bắc Sài Gòn có đoàn đặc công 115, 118, 429; đông Sài Gòn có Đoàn 116 (Long Thành), Đoàn 10 (Rừng Sác); tây Sài Gòn có Đoàn 117; hướng Biên Hòa có Đoàn 113; Biệt động nội thành có Đoàn 316. Lực lượng quân khu 7 có nhiệm vụ tìm chân các sư Đoàn 5, 18, 25 nguy, hỗ trợ cho bộ đội địa phương, du kích và nhân dân đánh phá bình định ở xã, ấp.

Năm 1974, nguy mở hàng loạt cuộc hành quân cảnh sát, bình định gom dân, bắt lính đôn quân, bắt dân đi sâu đào hào chống tăng để phòng thủ các trung tâm thị xã, thị trấn và các căn cứ quân sự đề phòng ta tiến công. Địch tiến hành kế hoạch phong tỏa kinh tế đối với vùng giải phóng, mở chiến dịch cướp lúa gạo, không cho lương thực ra vùng giải phóng. Bọn bình định, tề nguy xã ấp thực hiện việc kiểm kê nhân, hộ khẩu, điều tra mức ăn, diện tích sản xuất từng gia đình, buộc dân phải xin phép mỗi khi đi xay lúa. Ở xã ấp, chúng thường mở những cuộc hành quân cảnh sát, khám xét từng nhà; lập nhiều chốt trên các ngã đường để kiểm soát việc đi lại của nhân dân. Đến vụ thu hoạch, chúng kiểm soát từng cánh đồng, buộc dân phải tập trung lúa vào kho trong ấp chiến lược, khi lấy lúa đi xay phải xin phép. Ngoài ra, chúng còn tung tiền ra mua lúa với giá cao để giành giật với ta.

Trước thủ đoạn mới của địch, các Tỉnh ủy chỉ đạo cho các Đảng bộ địa phương cùng với lực lượng vũ trang và nhân dân phải tập trung vào nhiệm vụ số một là đánh phá bình định, lần chiếm của địch; phát động phong trào du kích chiến tranh mạnh mẽ,

kết hợp với vận động quần chúng đấu tranh chống đào hào, ủi phá rừng, đồng thời tích cực chống địch bao vây kinh tế, thu mua và dự trữ lương thực cho cách mạng.

Để đáp ứng nhiệm vụ mới, Trung ương Cục miền Nam sắp xếp lại lực lượng và điều chỉnh tổ chức chiến trường. Tháng 8- 1973, tỉnh Long An được bố trí về Khu 8. Trở về địa hình Khu 8, Long An có những điều kiện thuận lợi, có sự hỗ trợ và hiệp đồng với các tỉnh giáp ranh như Kiên Tường, Mỹ Tho.

Bước vào mùa khô 1973- 1974, lực lượng vũ trang hoạt động tương đối đều trên cả 2 vùng nam bắc lộ 4. Tiểu đoàn 45 hoạt động ở khu vực Đức Huệ, tổ chức nhiều trận đánh quanh khu vực Giồng Voi. Tiểu đoàn 7 và bộ đội địa phương huyện Đức Hòa đánh địch ở An Ninh, Lộc Giang. Tiểu đoàn 1 đánh địch ở Thủ Thừa, Bến Lức. Ở nam lộ 4, du kích và bộ đội huyện Châu Thành, Tân Trụ hoạt động mạnh.

Sau một thời gian tập trung hoạt động ở phía bắc lộ 4, Long An quyết định thành lập một bộ phận có cơ quan chỉ huy chuyên trách ở nam lộ 4. Tiểu đoàn 4 và Đại đội 25 đặc công được đưa xuống thực hiện nhiệm vụ đánh phá bình định của địch. Thế bố trí chiến trường thống nhất toàn tỉnh đã tạo điều kiện cho chiến tranh nhân Long An từng bước khôi phục và phát triển trở lại. Ở phía bắc lộ 4, ta làm chủ các vùng nông thôn từ 16 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau.

Khu ủy, Bộ Tư lệnh quân khu quyết định mở chiến dịch Bù Bông - Kiến Đức (Phước Long), Đức Lập (Quảng Đức) để xây dựng các địa bàn đứng chân, mở hành lang chiến lược nối thông với Trung ương từ Tây Nguyên xuống Đông Nam bộ. Bộ chỉ huy chiến dịch gồm các đồng chí Hoàng Cầm, Trần Độ, Nguyễn Đức Trúng, Đoàn phó Đoàn 27 đặc công Miền.

Bù Bông (Phước Long) là một cứ điểm lớn cấp chiến đoàn của địch được phòng thủ vững chắc với nhiều hầm ngầm cố thủ. Đêm 3-11-1973, Đoàn 429 đặc công do Nguyễn Xuân Tình chỉ huy chiếm lĩnh các mục tiêu. 1 giờ 40 phút ngày 4-11, đặc công đánh tiêu diệt hết các mục tiêu trên mặt đất, sau đó chuyển giao địa bàn cho trung đoàn 205 đánh diệt, phá hủy hệ thống hầm ngầm trong cứ điểm Bù Bông, diệt 700 tên địch, bắt sống 224 tên khác. Cùng ngày, chủ lực Miền tiến công giải phóng Kiến Đức; ngày 5-11 tiến công giải phóng Đắc Sơn cắt đứt giao thông của địch từ Gia Nghĩa đi Đức Lập và Quân khu 2 của địch. Ngày 4-12, Tiểu đoàn 13, 14 Trung đoàn 429 tập kích tiêu diệt toàn bộ Ban chỉ huy chiến đoàn 52 và Sở chỉ huy chi khu Kiến Đức. Vùng giải phóng Bù Bông, Kiến Đức được mở rộng, nối thông hành lang chiến lược từ hậu phương lớn về Tây Nguyên xuống miền Đông Nam Bộ.

Ở hướng nam Sài Gòn, để kết hợp với chiến dịch Bù Bông, Kiên Đức, đêm 2 rạng ngày 3-12-1973, Đội 5 Trung đoàn 10 đặc công Rừng Sác do đồng chí Hà Quang Vóc, Nguyễn Hồng Thế chỉ huy tiến công kho xăng Shell Nhà Bè, phá hủy 70 bồn chứa 140 triệu lít xăng, 12 bồn butagaz, một tàu dầu 12.000 tấn, 1 cơ sở trộn nhớt, 1 cơ sở lọc dầu, 1 kho lương thực, 1 khu nhà lính. Đội 5 đặc công thủy và hai đồng chí Hà Quang Vóc, Nguyễn Hồng Thế đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang Quân giải phóng.

Hội nghị mở rộng Tỉnh ủy Biên Hòa -1974 đã chủ trương tập trung vào nhiệm vụ chống phá bình định, mở mang mở vùng, nắm dân, nâng cao quyền làm chủ của dân, chú ý phát động nông dân, công nhân đấu tranh vì nhiệm vụ bức bách trước mắt. Tỉnh ủy lấy hai huyện Long Thành, Nhơn Trạch làm huyện điểm và hai vùng điểm là vùng dân Thiên Chúa giáo di cư Hồ Nai - An Hòa, Long Hưng (Long Thành), vùng diện là các xã Hưng Lộc, Trảng Bom, Bàu Hàm 1. Tỉnh ủy và các Huyện ủy tổ chức tập huấn hơn 100 cán bộ gồm quân sự và dân chính, tăng cường 50 cán bộ, cấp ủy viên cho các xã điểm trực tiếp chỉ đạo 2 lực lượng lộ và mật, chỉ đạo đấu tranh ba mũi chống phá bình định lấn chiếm đưa dân ra xây dựng vùng căn cứ, giải phóng cả về kinh tế, văn hóa, y tế.

Tại vùng điểm Long Thành - Nhơn Trạch, địch đưa tên thiếu tá Hồ Ngọc Sang về thay Nguyễn Kim Phương làm quận trưởng Long Thành, đưa Huỳnh Văn Phú thiếu tá Cao đài Tây Ninh về thay Trần Đức Ly làm quận trưởng Nhơn Trạch. Chúng tăng cường 4 tiểu đoàn về Long Thành, Nhơn Trạch, đóng đồn bót liên hoàn dọc theo lộ 15 và liên tỉnh lộ 25. Đưa tiểu đoàn 153 pháo binh, 2 đại đội biệt động quân, chiến đoàn 22 thiết giáp, liên đội 76 thủy quân lục chiến về căn cứ Nước Trong. Tháng 1-1974, địch đưa 80 gia đình Thiên Chúa Giáo di cư từ Hồ Nai về Vũng Gấm (Phước An) làm nhà để lấn chiếm đất đai. Tháng 2-1974, địch cho ủi khu Lòng chảo, tăng cường đồn quân bắt lính để lập vành đai Nhơn Trạch - Quảng Xuyên; lập đồn bót xung quanh quận lỵ (Vĩnh Thanh). Tỉnh ủy Biên Hòa chỉ đạo củng cố xây dựng khu lòng chảo Nhơn Trạch, xây dựng lổm căn cứ ở Tam An vùng ven lộ 15, xây dựng xã mới Cẩm Đường. Lập đường vận chuyển từ đường 10 (thị trấn Long Thành vào Bình Sơn) cắt qua Long Phước về Phước Thái. Ngày 10-1-1974, Đại đội 207 huyện (Cao Su) cùng với tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn 4 bao vây tiến công đồn Bình Sơn, phá sập 2 dãy nhà lính, nhà kho, diệt gần 1 trung đội địch, tạo điều kiện khôi phục lại cửa khẩu hậu cần tại Bình Sơn.

Đêm 27-3, Đại đội 2 Tiểu đoàn 240 tỉnh Biên Hòa, Đại đội 27 Tiểu đoàn 6 quân khu cùng với du kích địa phương tiến công đồn Trại Cùi, diệt một trung đội địch, phá

võ âm mưu phong tỏa cửa khẩu Phước Thái. Đêm 6-4, Tiểu đoàn 240 tỉnh cùng với du kích xã Phước Thái bao vây tiến công phá tan trạm thông tin của địch tại chốt Cây Diệp, diệt 35 tên bảo an. Đêm 10-4 đến 31-4, Trung đoàn 4 cùng lực lượng huyện tiến công phá hủy hoàn toàn Trung tâm phát triển cộng đồng Phước Hòa. Trong tháng 3, tháng 4-1974, quân giải phóng 2 lần tiến công chiến khu Nhơn Trạch gây thiệt hại nặng cho địch. Ở xã Phước Long, lính trong đồn đi mở đường đặng mìn và du kích chặn đánh diệt gần 2 trung đội. Ở xã Phước Thọ bọn dân vệ bỏ trốn. 80 gia đình từ Hồ Nai địch đưa về Vũng Gấm qua 6 tháng hết thời kỳ cấp phát, gặp nhiều khó khăn; cơ sở ta giáo dục cho bà con thấy rõ âm mưu của địch, vận động 64 gia đình bỏ về nơi cũ. Mũi chính trị phát động phong trào đấu tranh của quần chúng chống địch bắn pháo, gài mìn giết người vô tội.

Đêm 7 rạng sáng ngày 8-5-1974, bọn biệt kích phục kích tại lộ 1 cao su Tân Tỉnh, đã gài trái nổ, làm chết 6 người dân vô tội, bị thương nặng 3 người. Trước hành động dã man này, ngày 10-5, chi bộ đảng xã Long Tân đã vận động tổ chức gần 500 quần chúng kéo về quận lỵ Nhơn Trạch đấu tranh đòi bồi thường nhân mạng, trừng trị bọn giết người. Quận trưởng Nhơn Trạch phải đến tận nơi xin lỗi nhân dân và cho mang tiền đến từng nhà dân bị chết, bị thương bồi thường.

Ngày 20-6, tiểu đoàn 240 của tỉnh cùng du kích An Lợi, Tam An bao vây tiến công đồn bảo an đóng ở sở cao su Trần Quang An, diệt 13 tên, bắt sống 26 tên. Sau đó, lực lượng vũ trang phục kích ở đường 25 diệt gần một trung đội bảo an từ đồn Bình Sơn đi mở đường, chặn đánh bọn thám báo đi mở đường từ Hàng Dương càn vào ấp Bà Ký diệt 3 tên.

Phong trào ở hai vùng điểm: vùng di cư Hồ Nai, An Hòa và vùng yếu: Hưng Lộc, Trảng Bom, Bàu Hàm 1, cũng có nhiều chuyển biến. Tại Hồ Nai, theo chỉ đạo của Huyện ủy huyện Thống Nhất (từ tháng 10-1973, huyện Trảng Bom đổi thành huyện Thống Nhất), những tháng cuối năm 1973, các chi bộ và các đội công tác di cư cùng cơ sở cốt cán đã vận động được đồng bào có đạo đấu tranh chống địch bắt lính, chống cướp của giết người vô tội, đòi ruộng đất. Mở đầu cuộc đấu tranh là ấp Tân Bắc. Tên trưởng ấp đã giết người cướp xe, cơ sở ta vận động nhân dân khiêng người bị nạn lên trụ sở xã đấu tranh đòi bồi thường. Hàng ngàn giáo dân ở giáo xứ Bùi Chu, Bắc Hòa đã tập hợp đấu tranh ủng hộ đồng bào ấp Tân Bắc, tên trưởng ấp phải bỏ trốn.

Tiếp đó, ngày 7-1-1974, nhân dân các ấp Trà Cỏ, An Bình, khu gia binh đã tổ chức đấu tranh chống bọn sĩ quan nguy cướp 70 mẫu ruộng của dân. Sau nhiều lần làm kiến nghị không được giải quyết, hàng ngàn nhân dân đã xuống đường kéo từ Trà

Cổ đến Trảng Bom vừa đi vừa hô khẩu hiệu đả đảo bọn cướp đất. Bà con giáo dân đã tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của linh mục Thông, Linh mục Nhân, đòi địch phải trả 70 hecta đất và yêu cầu chính quyền ngưng kế hoạch đưa 7.000 dân nơi khác về.

Lợi dụng việc các chốt Mỹ không còn, nhiều người từng làm dịch vụ cho quân đội Mỹ mất việc, đầu năm 1974, bọn địch đã thuê dân thất nghiệp vào phá rừng ở khu vực Đồng Lách, Sông Mây, Đại An. Huyện ủy Vĩnh Cửu chỉ đạo cho chi bộ các xã giáo dục cho dân thấy rõ âm mưu của địch phá rừng, đồng thời bố trí lực lượng vũ trang huyện chặn bắt các xe ủi, tịch thu dụng cụ phá rừng (cưa tay, cưa máy); ngoài ra được sự đồng ý của Tỉnh ủy, Huyện ủy đã từng bước cấp đất cho hơn 100 gia đình đồng bào nghèo để sản xuất ở khu vực Sông Mây, vận động được 9 gia đình bung ra khu Bàu Cạn (Long Thành), 17 gia đình ra khu vực đường 10 (Bình Sơn), 47 gia đình về khu vực Ông Trụ, Ông Tạ (Vĩnh Cửu).

Tại vùng Trảng Bom, Bàu Hàm, Hưng Lộc, lực lượng du kích các xã được bộ đội huyện hỗ trợ liên tục bám đánh địch, bám địa bàn chống địch lấn chiếm. Ngày 17-4, du kích Hưng Lộc cùng du kích mật đã hóa trang tiến công bất ngờ vào một bán đội bảo an ở ấp Hưng Nghĩa, diệt 3 tên. Du kích Bàu Hàm chia từng tổ từ 2 đến 3 đồng chí cùng thanh niên trốn lính ấp Sông Thao liên tục chặn bắn tĩa bọn lính bung ra lấn chiếm. Ngày 11-5, tại xã Bàu Hàm, tên Phó cuộc cảnh sát Phạm Văn Minh đã làm tiền và bắn chết một thanh niên. Chi bộ mật đã vận động đồng bào ấp Bàu Hàm kéo đến bao vây bọn cảnh sát đấu tranh, đánh tên Minh và yêu cầu tên xã trưởng giải tên này về giam ở Long Khánh. 8 giờ sáng ngày 12-5, hơn 500 đồng bào Bàu Hàm đã kéo đi biểu tình bao vây cuộc cảnh sát và trụ sở xã, hô vang khẩu hiệu đả đảo tên giết người. Ngày hôm sau, đại diện chính quyền quận Kiệm Tân phải xuống xã bắt tên trưởng cuộc cảnh sát làm tờ cam kết thú tội trước bà con và đưa tiền bồi thường. Cuộc đấu tranh đã tăng thêm sức mạnh, niềm tin cho quần chúng nhân dân, cán bộ và đảng viên cơ sở.

Tháng 7-1974, qua phong trào đấu tranh ba mũi chống phá bình định, ta đã chuyển lên mức tranh chấp mạnh ở 6 ấp: Ấp Mới (Long Phước), ấp 3 (Phước Long), ấp 3 (Phước Thọ, vùng điếm của tỉnh), Bình Sơn (Long Thành), Bàu Hàm, Sông Thao (Thống Nhất), nâng 30 ấp yếu (trong hơn 100 ấp yếu) lên thành ấp tranh chấp vừa. Ở các ấp có chi bộ B (chi đoàn mật), tổ cốt cán được học tập nâng chất, mỗi đoàn viên đều nắm ít nhất 7 gia đình quần chúng.

Ở vùng di cư, quần chúng sau khi được ta giáo dục đã tỏ ra hiểu cách mạng. Qua 6 tháng mở rộng tuyên truyền, thâm nhập chính sách, chăm lo đời sống quần

chúng, giải quyết ruộng đất, ở khu Hồ Nai (huyện Thống Nhất) ta phát triển 38 cơ sở, có một đoàn viên thanh niên có đạo, mở rộng diện làm chủ 2 ấp trong 60 ấp.

Về hoạt động vũ trang, bộ đội tỉnh, huyện đã đánh 213 trận diệt 601 tên địch, du kích các xã đánh 76 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 114 tên, du kích mật đánh 6 trận, diệt 13 tên. Về đấu tranh chính trị, trong 6 tháng có 72 cuộc đấu tranh với khẩu hiệu đòi tự do đi lại, làm ăn, bung về vùng đất cũ, chống khủng bố, giết người, cướp đoạt tài sản của dân, chống bắt lính... Về binh vận, tuyên truyền chính sách của Mặt trận cho 1.283 gia đình binh sĩ và 474 binh sĩ, 325 phòng vệ dân sự. Qua 6 tháng thực hiện Nghị quyết 21 Trung ương, phong trào chống phá bình định, chống lấn chếm ở Biên Hòa có bước chuyển biến tốt, đặc biệt là vùng đồng bào Thiên Chúa giáo di cư ở Hồ Nai và Nhơn Trạch. Tỉnh ủy chỉ đạo các chi bộ, chi đoàn, các ban ngành và lực lượng vũ trang trong chống phá bình định phải luôn chú trọng quyền lợi của dân, cụ thể phải bàn bạc, vận động và tổ chức quần chúng đấu tranh đòi quyền lợi thiết thực và chống bắt thanh niên đi lính.

Tại Thủ Dầu Một: Bước vào mùa khô 1973-1974, Sư đoàn 7 và Sư đoàn 9 chủ lực Miền được điều về hoạt động trên địa bàn để tìm chân các Sư đoàn 5, 18, 25 ngụy, hỗ trợ cho bộ đội địa phương và nhân dân đấu tranh chống phá bình định ở xã ấp. Tháng 10-1973, địch đưa hai tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 8 Sư đoàn 5 từ Bến Cát dọc theo tỉnh lộ 14 với ý đồ tái chiếm lại hai xã Thanh An, Thanh Tuyên và mở rộng lấn chiếm làng 10 Dầu Tiếng. Khi chúng kéo đến Thanh Tuyên, bị bộ đội địa phương huyện Bến Cát và du kích xã chặn đánh đòn phủ đầu diệt hàng trăm tên. Số còn sống hốt hoảng cắt rừng chạy về Thanh An, bị du kích xã dùng mìn phục kích diệt thêm một số nữa. Địch tháo chạy về hướng Dầu Tiếng và Bến Cát, bị lực lượng ta chặn đánh tiếp. Qua ba trận chiến đấu, cả hai tiểu đoàn địch bị tiêu hao nặng. Ý đồ chiếm lại vùng giải phóng Thanh An, Thanh Tuyên bị đập tan. Điên cuồng vì thất bại, ngày 9-10-1973, địch cho máy bay ném bom và pháo bắn vào các xã Thanh An, Thanh Tuyên, dọc đường tỉnh lộ 14... và các lổm căn cứ ở Thới Hòa, Mỹ Phước làm chết và bị thương 20 dân thường, làm sập 23 ngôi nhà, phá hủy nhiều hoa màu và tài sản của nhân dân.

Ở Lái Thiêu, Dĩ An, Châu Thành, thị xã Thủ Dầu Một, những tháng cuối năm 1973 địch mở các cuộc càn quét để bắt lính đôn quân, bắt nhân dân làm trâu, đào hào cắm chông, rào kẽm gai để bảo vệ những nơi quan trọng, bắt thanh niên tham gia phòng vệ dân sự, phòng vệ xung kích, canh gác ban đêm. Được cơ sở cung cấp tin, cán bộ địa phương cùng với du kích xã ấp thường xuyên tổ chức đột nhập vào các ấp chiến lược diệt tề, trừ gian, giáo dục các đội phòng vệ dân sự, phòng vệ xung kích,

canh gác ban đêm; tuyên truyền và giải thích cho dân hiểu rõ những nội dung pháp lý của Hiệp định Pari, những chính sách của Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Từ đó vận động nhân dân đấu tranh trực diện với địch đòi quyền dân sinh dân chủ, đòi địch phải nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định, chống bắt thanh niên đi lính, đòi phá bỏ áp chiến lược, chống bắt xâu đào hào cắm chông... và gửi thư của Mặt trận Dân tộc Giải phóng kêu gọi binh sĩ đào rã ngũ hoặc ra hàng quân giải phóng.

Đến cuối năm 1973, vùng giải phóng của ta mở rộng từ Tây Ninh nối liền với Dầu Tiếng, Long Nguyễn, Thanh An, Thanh Tuyên và nam Bến Cát tạo thành tuyến hành lang chiến lược thông suốt. Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền quyết định mở chiến dịch mùa khô 1973-1974, phản công và tiến công địch nhằm đánh bại kế hoạch bình định, mở tuyến hành lang chiến lược thông suốt giữa các chiến trường, xây dựng củng cố vùng căn cứ, mở rộng vùng giải phóng, chuyển thế vùng tranh chấp, vùng yếu. Phối hợp với bộ đội chủ lực, lực lượng vũ trang của tỉnh Thủ Dầu Một cùng với bộ đội địa phương của huyện và du kích xã áp mở đợt bao vây bức hàng, bức rút một số đồn bót địch lẩn sâu trong vùng giải phóng và pháo kích các chi khu quân sự, sân bay, các vị trí đóng quân trên đường. Ở vùng nông thôn các huyện Lái Thiêu, Châu Thành, Tân Uyên, Bến Cát vào cuối năm 1973, đầu năm 1974, địch mở chiến dịch càn quét để cướp lúa gạo của dân trong vụ mùa thu hoạch.

Cuối năm 1973, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một mở hội nghị chuyên đề và lập Ban chỉ đạo bảo vệ mùa màng giúp nhân dân thu hoạch lúa. Được bộ đội và du kích bảo vệ, nhiều nơi dân tranh thủ thu hoạch nhanh. Lúa gặt, đập được bao nhiêu, dân chở về nhà không kê khai, không nhập kho tập trung. Tích cực bảo vệ dân thu hoạch vụ mùa, Tiểu đoàn Phú Lợi liên tục triển khai lực lượng hoạt động tiến công địch trên một địa bàn rộng không để địch rảnh tay đi vơ vét lúa. Trong khi đó, các Đảng bộ địa phương bố trí bộ đội và du kích giúp dân thu hoạch nhanh gọn trên từng cánh đồng. Lúa thu hoạch xong vận chuyển vào rừng đào hầm cất dấu. Có nơi như Phú Chánh, Tân Bình, Vĩnh Tân, Chánh Phú Hòa, Phước Vĩnh, Phước Hòa, sau khi gặt đập xong, lúa được dân vô bao để rải rác trên đồng, đập rơm che mắt địch, tìm cách báo cho các tổ thu mua ban đêm tổ chức đến vận chuyển. Vụ mùa 1973-1974, nhân dân trong tỉnh đã đóng góp và bán cho cách mạng 1.000 tấn lúa. Trong khi đó ở các vùng căn cứ và vùng giải phóng, nhân dân các cơ quan, đơn vị cũng tổ chức sản xuất lương thực và rau màu các loại. Ở các vùng giải phóng, Đảng bộ và nhân dân vừa tích cực chăm lo sản xuất, vừa tổ chức phòng thủ bảo vệ sẵn sàng chiến đấu.

Sang năm 1974, các đơn vị vũ trang từ tỉnh, huyện và du kích xã tiếp tục đẩy mạnh cuộc phản công tiêu diệt địch. Đầu tháng 1-1974, Tiểu đoàn Phú Lợi và du kích

xã chặn đánh Trung đoàn 43 Sư 18 ngụy và 2 Tiểu đoàn biệt động quân ngụy tràn vào vùng Vĩnh Tân, Tân Lợi, Tân Phước, diệt 134 tên, bắn cháy 6 xe quân sự giữ vững vùng giải phóng. Ở Châu Thành và Lái Thiêu, ngày 6-1, bộ đội địa phương C62, C63 chống cuộc tràn của một tiểu đoàn bảo an tại khu vực Hồ Đá, cầu Trại Cua. Sau 3 ngày chiến đấu, ta diệt 54 tên, bắn cháy 5 xe quân sự, thu vũ khí. Địch phải rút lui và kết thúc cuộc tràn.

Cùng với hoạt động quân sự, trong tháng 1-1974, Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức huy động 2.000 lượt quần chúng ở huyện Tân Uyên, Châu Thành, Lái Thiêu đấu tranh với bọn tay sai thuộc chính quyền quận, xã đòi phá bỏ áp chiến lược để tự do đi lại làm ăn, chống bắt xâu, bắt lính, bắt thanh niên đi phòng vệ dân sự, đòi địch thi hành Hiệp định không được tràn quét, lấn chiếm, bắn phá bừa bãi vào xóm ấp, phá hoại sản xuất ngoài đồng, chống vơ vét lúa gạo.

Qua đợt hoạt động đầu năm 1974 của ta ở hướng Chiến khu Đ, địch lo sợ bị ta tiến công vào dịp tết, nên cuối tháng 1-1974 chúng đưa Liên đoàn biệt động quân số 322 cùng 3 Trung đoàn thiết giáp số 15, 18, 22, trung đoàn của Sư đoàn 18 mở cuộc tràn vào khu vực Khánh Vân, Hồ Đá, Nhà Thờ, đường số 8 và các xã ven sông Đồng Nai. Trung đoàn Đồng Nai cùng với các đơn vị vũ trang của tỉnh, của huyện chống tràn quyết liệt. Sau 2 ngày chiến đấu, hàng trăm tên giặc bị diệt, xe quân sự bị phá hủy. Bị thất bại nặng, chúng gọi máy bay và phi pháo yểm trợ để mở đường rút lui.

Tháng 1-1974, Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị 01/CT-74 chỉ đạo cho các địa phương chuẩn bị mọi mặt cho nhiệm vụ chiến lược năm 1974. Bằng những tin tức tình báo và máy bay do thám, địch phát hiện lực lượng của ta trong vùng căn cứ. Ngày 20-2-1974, chúng đưa 2 tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 52 Sư 18 tràn quét khu vực Ông Đông, Ba Tri, Vĩnh Tân, Trao Trảo. Ngày 22-2, hai Tiểu đoàn bảo an số 309, 311 tràn vùng Suối Sâu, Mỹ Lộc, Thường Lang..., lũ đoàn biệt kích dù được máy bay đổ xuống Hiếu Liêm, tràn vùng Hồ Chuối lên dọc bờ nam Bình Dương. Tháng 3-1974, địch tăng cường một số tiểu đoàn thuộc 2 Trung đoàn 48, 52 của Sư 18 tràn khu vực Bà Chủ, Vĩnh Tân, Ông Lốc. Qua các đợt tràn quét sâu, dài ngày không gặp lực lượng ta, chúng rút quân về đóng lại 7 tua để chốt chặn vùng tiếp giáp bên ngoài.

Lợi dụng lúc địch đang dồn lực lượng lớn tràn quét vùng căn cứ của ta, ở vùng ven và vùng tạm chiếm: Lái Thiêu, Châu Thành, Dĩ An, thị xã..., các Huyện ủy chỉ đạo cho lực lượng vũ trang huyện và du kích xã đột nhập áp chiến lược, diệt ác, phá kìm, phát động phong trào quần chúng đấu tranh chính trị, vận động binh lính địch bỏ ngũ, giải tán phòng vệ dân sự, phá áp chiến lược, vận động thanh niên thoát ly tham gia cách mạng. Nhiều nơi nhân dân nổi dậy đấu tranh công khai với địch. Ở Châu

Thành, gần 2.300 lượt đồng bào đã tham gia hàng chục cuộc đấu tranh trực diện với địch đòi thực hiện hòa bình và chống vợ vét lúa gạo. Ở Thị xã Thủ Dầu Một, công nhân hăng nước đá lãn công đòi phụ cấp, thưởng tết, tăng lương, nghỉ ngày 1-5. Công nhân lò chén đấu tranh đòi tăng lương, lập nghiệp đoàn. Công nhân xe lam chống tăng giá xăng dầu, chống đuổi bến. Chị em buôn gánh bán bưng chống thuế, chống phạt vạ, chống đuổi chợ, tranh thủ cảnh sát đòi tự do đi sớm về tối. Giáo viên, học sinh các trường trung, tiểu học đấu tranh quân sự hóa học đường, chống bắt thanh niên học sinh vào tổ chức “thanh niên bảo vệ quốc gia”. Phong trào đấu tranh chống bắt lính, chôn quân địch diễn ra mạnh mẽ. Ở các xã Chánh Nghĩa, Phú Thọ, Định Hòa, Tân An, tháng nào cũng có phòng vệ quân sự và binh sĩ bỏ súng về nhà.

Ở Bà Rịa, đầu tháng 2-1974, nguy tập trung hai Chiến đoàn 43 và 48 Sư đoàn 18 cùng 7 tiểu đoàn bảo an về Long Điền, Đất Đỏ chuẩn bị lãn chiếm Long Tân, Long Phước, vùng giải phóng của cách mạng. Bộ Tư lệnh Quân khu 7 đã chỉ đạo tỉnh Bà Rịa – Long Khánh phải giữ vững địa bàn, kìm chân quân chủ lực nguy ở Long Tân, Long Phước để tạo điều kiện cho quân khu chuẩn bị mở chiến dịch lộ 2. Quân khu tăng cường cho các mặt trận Long Đất Đại đội 7, Tiểu đoàn 9, trung đoàn 33 và 2 Đại đội pháo của Tiểu đoàn pháo 24.

Lực lượng bố trí ở Long Tân, Long Phước gồm có: Tiểu đoàn 445, Đại đội 24 huyện Long Đất, Đại đội 43 huyện Châu Đức. Dựa vào địa hình có nhiều vườn cây ăn trái và sở cao su, các đơn vị đã đào công sự, giao thông hào, bố trí các cụm chiến đấu trên các hướng mà địch có khả năng nhảy dù xuống. Du kích và nhân dân 2 xã Long Tân, Long Phước xây dựng xã chiến đấu với hầm chông, hố đinh, khôi phục địa đạo sẵn sàng đánh địch.

Ngày 14-2-1974, địch cho 2 Tiểu đoàn 302 và 355 từ Long Điền, Đất Đỏ tiến công vào Long Tân, Long Phước bị ta chặn đánh. Sau 3 ngày, địch không vào được hai xã. Ngày 17-2, Sư 18 nguy bắt đầu càn vào. Nhờ thế trận bố trí sẵn, các lực lượng bảo vệ hai xã đã chặn đánh nhiều trận tiêu diệt, tiêu hao địch, đẩy lùi nhiều đợt xung phong. Địch liên tục cho máy bay oanh tạc vào trận địa và tổ chức nhiều mũi tiến vào xã, nhưng đều bị lực lượng ta chặn đánh, đẩy lùi, ta diệt trên 200 tên. Bộ đội địa phương kìm chân Sư đoàn 18 nguy ở Long Tân, Long Phước hơn 15 ngày đã tạo điều kiện để chủ lực quân khu bước vào chiến dịch lộ 2.

Ngày 26-3-1974, Bộ Tư lệnh quân khu và Tỉnh ủy Bà Rịa – Long Khánh chỉ đạo mở chiến dịch lộ 2, thực hiện mở mảng, mở vùng, khôi phục vùng giải phóng, tạo điều kiện cho nhân dân nổi dậy diệt ác ôn. Bộ Chỉ huy chiến dịch gồm Đại tá Lê Văn Ngọc (Tư lệnh quân khu 7) làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Phạm Văn Hy (Bí thư Tỉnh ủy Bà

Rịa – Long Khánh) làm Chính ủy; đồng chí Phạm Lạc (Tinh Đội trưởng Bà Rịa – Long Khánh) làm Chỉ huy phó. Sở chỉ huy chiến dịch đặt ở rừng cao su hướng đông xã Cẩm Mỹ (Xuân Lộc). Hướng chính của chiến dịch lộ 2 từ bắc chi khu Đức Thạnh đến nam Cẩm Mỹ. Hướng phối hợp là huyện Long Đất, có nhiệm vụ mở mảng, giành dân. Các huyện, thị xã có nhiệm vụ căng kéo, kìm chân địch.

Mục tiêu của chiến dịch là mở rộng vùng giải phóng, khôi phục trạng thái làm chủ trước ngày có Hiệp định Pari; thu hút, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch; đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sâu, vùng tranh chấp, mở rộng quyền làm chủ của nhân dân. Chiến dịch dự kiến chia làm 3 bước: Bước 1: ngày cao điểm là ngày 27-3; bước 2: ngày cao điểm 20-5; bước 3: ngày cao điểm 10-6. Ở vùng trọng điểm bước 1 sẽ giải phóng lộ 2; bước 2 và 3 giải phóng xã Long Phước và phá khu đồn dân An Lộc ở căn cứ vùng 3, 4 Rừng Lá (Quốc lộ 1). Đêm 25 rạng sáng ngày 26-3-1974, Tiểu đoàn 18 đặc công Quân khu 7 đánh đồn Kim Long mở đầu chiến dịch, nhưng do địch phát hiện, đặc công phải chuyển sang đánh cường tập, nhiều đồng chí bị thương vong, đồng chí Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Văn Đông hy sinh.

Sáng ngày 26-3, Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 33 thay thế Tiểu đoàn 18 làm xung kích. Chiến sự đã diễn ra quyết liệt suốt cả ngày. Tiểu đoàn 9 bị thiệt hại nặng, nhưng không dứt điểm được đồn Kim Long. Trước tình hình đó, Bộ chỉ huy quyết định chuyển sang hướng vây ép, bức hàng, bức rút địch. Sau 3 ngày vây ép, ta vẫn không dứt điểm được. Bộ chỉ huy chủ trương điều chỉnh cách đánh: cắt đứt hai đầu, cô lập 2 Tiểu đoàn bảo an 372 và 324 ở giữa. Thực hiện kế hoạch tác chiến, một tiểu đoàn của Trung đoàn 4 cùng với du kích xã Cẩm Mỹ đánh chiếm các đồn, bót bảo an, dân vệ và chốt chặn hướng bắc Kim Long. Hai tiểu đoàn của Trung đoàn 33 cùng bộ đội huyện Châu Đức chốt chặn hướng nam Kim Long. Một tiểu đoàn của Trung đoàn 33 và một tiểu đoàn của Trung đoàn 4 đánh đồn Kim Long và Tầm Bó bị tiêu hao nặng. Lực lượng tăng viện của địch từ tiểu khu Bà Rịa và chi khu Đức Thạnh bị diệt gọn một đại đội.

Ngày 5-4 địch điều chiến đoàn 43 và 48 Sư 18 ngụy từ mặt trận Long Tân, Long Phước di chuyển theo hướng lộ 15 về Long Khánh, hành quân giải tỏa lộ 2 từ hướng bắc xuống. Cuộc chiến đấu ác liệt kéo dài đến 17 giờ ngày 16-4, Tiểu đoàn bảo an 372 tháo chạy khỏi Kim Long và bị các lực lượng ta truy kích, tiêu diệt. Ngày 17-4, Tiểu đoàn bảo an 342 cũng rút chạy và bị Tiểu đoàn 1 trung đoàn 4 và du kích Cẩm Mỹ chặn đánh thiệt hại nặng ở khu vực Lò Mủ, cầu Dinh Định. Bộ Chỉ huy đã tăng cường lực lượng lên hướng bắc, tiếp tục chiến đấu với 3 chiến đoàn của Sư 18, đánh bại nhiều cuộc càn quét của chúng. Hàng trăm đồng bào và du kích lộ 2 thu chiến lợi

phẩm, súng đạn, gỡ mìn trái, phá hủy các đồn bót của địch; đồng thời triển khai ngay xây dựng các xã chiến đấu ở hai đầu lộ 2 để đánh địch phản kích.

Từ ngày 26-3 đến 31-4-1974, phối hợp chặt chẽ 3 thứ quân, ta đã thu hồi vùng giải phóng từ Kim Long đến sở bà Cùi, tiêu diệt, bức rút 12 đồn bót, chặn đứng các lực lượng địch lên giải tỏa, diệt và làm thương 890 tên địch, bắt sống 37 tù binh, có một trung tá, 6 sĩ quan cấp úy, thu trên 200 súng và 20 máy thông tin, bắn cháy 17 máy bay.

Phối hợp với chiến dịch lộ 2, trong tháng 2-1974, du kích các xã Gia Ray, Tân Lập, Hàng Gòn, Suối Cát (Xuân Lộc), Bình Lộc (thị xã Long Khánh) liên tục tập kích trụ sở tề ngụy, đồn bót địch và chặn đánh các cuộc lấn chiếm vùng giải phóng. Bộ đội huyện Định Quán (K9) cùng du kích xã 125 tiến công vào các đơn vị bảo an đóng dã ngoại ở ấp (đêm 27, rạng ngày 28-3-1974) bắn 7 tên thu 3 súng. Trong khi đó, du kích Bến Nôm, ấp 110, nội ô thị trấn Túc Trưng đều đồng loạt nổ súng đánh địch. Kết quả, ta nâng được thế làm chủ ở ấp 110, 114, 116, 125 từ tranh chấp lên hoàn toàn làm chủ về đêm. Ở hai ấp 110, 114, nội ô thị trấn Định Quán ta xây dựng được 20 lổm chính trị, đưa dân bung ra sản xuất ở vùng giải phóng Đồng Hiệp, Gia Canh, Thuận Tùng ngày càng đông. Huyện ủy Xuân Lộc đã chỉ đạo lực lượng vũ trang huyện và du kích các xã nam lộ 1 phối hợp đánh địch. Ở xã Bảo Bình lực lượng huyện K8 cùng du kích đã vây đánh cao điểm “đồi Mặt trăng” của địch. Đến cuối tháng 5-1974, ấp 2 và ấp 3 Bảo Bình được giải phóng.

Ở Phú Giáo (tỉnh căn cứ Tân Phú), lực lượng bộ đội huyện cùng du kích các xã đẩy mạnh hoạt động chống càn, diệt ác, trừ gian và giải tán phòng vệ dân sự. ở Phước Vĩnh, An Bình, Phước Hòa tạo điều kiện cho nhân dân nổi dậy phá banh các ấp chiến lược Vàm Đa, Nước Vàng, An Bình và giải tán các dinh điền, đưa dân ra vùng căn cứ An Linh, Phước Sang làm ăn sinh sống. Trong 6 tháng cuối năm, tỉnh ủy Tân Phú chỉ đạo phát động quần chúng, nắm dân, giành dân, củng cố xây dựng phát triển thực lực, đẩy mạnh phát triển hoạt động đợt 1 mùa mưa, chuẩn bị bước sang mùa khô để hoàn thành nhiệm vụ cả năm 1974.

Tháng 5 – 1974, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền chủ trương mở đợt tiến công mới nhằm phá thế bao vây chia cắt của địch, tạo thời cơ tốt để các lực lượng chủ lực mở những trận đánh lớn. Hướng tiến công nhằm vào khu vực đường 7 (Bến Cát)

Thực hiện kế hoạch tác chiến, đêm 15-5-1974, Sư đoàn 7, Sư đoàn 9 và bộ đội địa phương tỉnh Thủ Dầu Một, huyện Bến Cát đồng loạt tiến công vào các vị trí địch trên đường số 7 Bến Cát đến Rạch Bắp. Đây là khu vực tiếp giáp vùng giải phóng

Long Nguyên rộng lớn của ta, sát nách Sài Gòn. Các đơn vị vũ trang Thủ Dầu Một đã tích cực tham gia chiến dịch, đồng bào đã đóng góp sức người, sức của phục vụ chiến đấu, quét sạch hệ thống đồn bót địch trong khu vực này, giải phóng Kiến Điền, Rạch Bắp nối liền với vùng giải phóng Long Nguyên, Thanh An, Thanh Tuyền. Bị thất thủ trên đường số 7, địch rút về xây dựng tuyến phòng thủ ở hướng tây nam Bến Cát (từ ngã ba Phú Thứ).

Trong hai tháng 5 và 6-1974, Sư đoàn 9 đã liên tục tổ chức đánh địch phản kích, loại khỏi vòng chiến đấu 11 trên 26 tiểu đoàn chủ lực cơ động, 4 trên 14 tiểu đoàn biệt động, 4 trên 18 chi đoàn thiết giáp, 84 trên 325 xe tăng và thiết giáp được tung vào mặt trận này. Chiến dịch đường 7 đã mở ra lợi thế chiến lược mới trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, nhất là hướng bắc Sài Gòn, tạo điều kiện thuận lợi cho chiến dịch mùa khô 1974 – 1975.

Hướng Tân Uyên, Sư đoàn 7 đánh vào căn cứ Phước Hòa trên đường 16, gây cho địch nhiều thiệt hại, bức rút đồn bót địch mới lần chiếm. Một đơn vị của Sư đoàn 7 tiến công chiếm đồn Nha Bích, giải phóng đường 14 (đoạn Chơn Thành-Đồng Xoài), tiến ra bờ sông Đồng Nai đánh Lạc An, Bà Sầm, buộc địch phải đưa Sư 18, Lữ 33 thiết giáp, Liên đoàn 7 biệt động quân và một lực lượng lớn không quân, pháo binh lên ứng cứu và phản kích.

Phối hợp với bộ đội chủ lực, lực lượng vũ trang tỉnh Thủ Dầu Một gồm tiểu đoàn 1 và 2 Phú Lợi (đứng chân ở Phú Giáo, Tân Uyên, bắc Châu Thành) cùng với các đại đội đặc công, biệt động, du kích đẩy mạnh tiến công địch, mở rộng vùng giải phóng, tạo thế đứng cho đơn vị chủ lực. Trong đợt, ta đã diệt một số đồn, bót, tập kích một số phân chi quân sự, phá tan nhiều đội phòng vệ dân sự và hỗ trợ nhân dân nổi dậy. Đội du kích xã Mỹ Phước (nam Bến Cát) trong 16 ngày bám trụ đã diệt 16 xe ủi, 1 xe M113, ngăn chặn địch ủi phá địa hình. Các xã liên hoàn với xã Mỹ Phước phối hợp đánh 70 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 128 tên, vận động đào rã ngũ 30 tên khác.

Sau đợt hoạt động này, địch co lại phòng thủ không dám bung ra hoạt động mạnh như trước. Lợi dụng tình hình thuận lợi, cán bộ và du kích các xã bám dân xây dựng căn cứ lóm để tiếp tục xây dựng lực lượng, khôi phục phong trào. Từ giữa năm 1974, các Huyện ủy Lái Thiêu, Châu Thành, Dĩ An móc nối lại cơ sở, phát triển Đảng viên, đoàn viên ở các xã, ấp, rút thanh niên bổ sung vào bộ đội và du kích. Ở các vùng trắng trong các ấp chiến lược trước đây, nay xây dựng được chi bộ, chi đoàn, đội tự vệ mật, du kích mật hoạt động phối hợp với lực lượng bên ngoài đánh địch.

Sáu tháng đầu năm 1974, địch bắt lao công và đồng bào đào hào đắp lũy, xây tua ở nam suối Máng từ lộ 13 qua lộ 2, nối từ lộ 2 qua lộ 15 (bắc Phú Chánh), dọc theo lộ 7 Kiến Điền, từ thị trấn Dầu Tiếng ra bên sông Sài Gòn, tổ chức nhiều cuộc càn quét cướp lúa của dân nhằm phong tỏa kinh tế vùng ta kiểm soát. Nhân dân trong vùng tổ chức nhiều hàng chục cuộc đấu tranh với địch chống cướp lúa, chống càn quét, bắn pháo bừa bãi ra đồng. Ban đêm dân kéo ra phá các đường hào, trình sát gỡ lấy trái của địch, gài lại quanh hàng rào để đánh lại địch. Để bảo vệ kinh tế của dân, Tiểu đoàn Phú Lợi triển khai đội hình về vùng trọng điểm lúa huyện Châu Thành (Vĩnh Tân, Phú Chánh, Tân Hóa, Tân Phước Khánh, Khánh Vân, Bình Chánh, Suối Sỏi, cây Dương), chống lấn chiếm, chống cướp lúa, hỗ trợ nhân dân thu hoạch và bảo vệ lúa. Ở vùng giải phóng, phong trào sản xuất phát triển mạnh. Vụ mùa năm 1974 tăng gấp đôi năm 1973. Nhân dân cùng bộ đội, du kích tham gia đào vét 16 km rạch Thị Tính, suối Đường Long, Thằng Nù, Trảng Lớn... đưa nước về đồng ruộng. Nhân dân Bến Cát tin tưởng đóng góp cho cách mạng trên 1.000 gạ lúa.

Bộ đội Tây Ninh với sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực đã đẩy mạnh hoạt động tiên công địch kết hợp với đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng, bức rút nhiều đồn, bót, tua của địch ở Trảng Bàng, Gò Dầu, Tòa Thánh. Từ tháng 5 đến tháng 10 năm 1974, thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Cục và Khu ủy miền Đông Nam Bộ, Tỉnh ủy, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh mở đợt tiến công đồng loạt trên 4 mặt trận lớn ở Trảng Bàng, Tòa Thánh, Châu Thành và Dương Minh Châu. Bộ đội địa phương huyện Trảng Bàng phối hợp với trung đoàn 16 đánh diệt 2 đại đội bảo an của Tiểu đoàn 305 ngụ đóng ở Lộc Hưng, đánh thiệt hại nặng hai Đại đội 319, 337 đến giải vây đồn bàu Hai Năm. Bộ đội huyện Châu Thành và Sư 5 chủ lực Miền đánh diệt các đại đội của Tiểu đoàn 312 ở đồn Cây Da và Phước Tân đóng trên đường 13. Bộ đội huyện Châu Thành đánh diệt đồn Hăng Đường và đồn Trảng Lớn. Ở huyện Dương Minh Châu, các lực lượng ta liên tục tác chiến cắt đứt đường 13, đánh diệt 1 trung đội thám sát Tiểu đoàn 339 đóng tại Suối Đá, Trung đoàn 16 đánh diệt gọn trung đội bảo an ở Trường Phú (Tòa Thánh). Bộ đội huyện Gò Dầu và dân quân du kích xã Phước Thạnh tổ chức chống càn, bẻ gãy cuộc càn của địch đánh vào căn cứ huyện, diệt 1 đại đội chủ lực của Sư 25 ngụ tại ấp Phước Bình. Lộ 22 liên tục bị du kích phá hoại, cắt đứt từng đoạn lộ 19. Trong đợt hoạt động, các lực lượng vũ trang Tây Ninh đã giải phóng một vùng rộng lớn từ Trảng Bàng đến Dương Minh Châu.

Sáu tháng cuối năm 1974, tại các cùmg địch kìm kẹp chặt, nhất là vùng ven đô (Sài Gòn – Gia Định) lực lượng cách mạng đã khôi phục được thế và lực như những năm trước năm 1968. Hoạt động diệt ác, phong trào đấu tranh chính trị của quần

chúng diễn ra ngay trong thành phố, thị xã, thị trấn các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Đến tháng 9-1974, 270 trong số 360 ấp vùng ven đã xây dựng được cơ sở vũ trang và chính trị, 71 trong số 85 xã có đội du kích xã. Tính chung trong toàn miền Đông Nam Bộ lực lượng vũ trang giải phóng được 302 ấp, 81 xã và 91.267 dân.

Từ đầu mùa khô năm 1974, thế của địch trên các chiến trường bị sa sút nghiêm trọng. Ở miền Đông Nam Bộ, các tuyến phòng thủ của địch ở hướng bắc Sài Gòn đã bị chọc thủng nhiều nơi, vùng giải phóng liên hoàn của ta được hình thành dọc theo tuyến biên giới từ Quảng Đức, Phước Long, Bình Long, Tây Ninh, căn cứ Lộc Ninh nối liền. đến vùng giải phóng Long Nguyên, Bến Cát. Địch đã thú nhận “Quân đội Việt Nam Cộng hòa đang ở thế bị động, bị cầm chân, khả năng kém, tinh thần sa sút”.

II. TẠO THẾ, TẠO LỰC TRONG ĐỢT MÙA KHÔ (1974 – 1975)

Ngay từ tháng 6-1974, nguy quyền Sài Gòn đã rơi vào thế bị động trên nhiều phương diện. Nguyễn Văn Thiệu đã phải kêu gọi quân nguy “đánh giặc theo kiểu con nhà nghèo” với 4 biện pháp: 1) Giảm quân số xuống 60 vạn. 2) Hạn chế phương tiện cơ động. 3) Tiết kiệm vật tư nguyên liệu. 4) Quân đội tham gia sản xuất. Tuy nhiên thực tế cho thấy chính sách của địch không thể thực hiện được đối với một đội quân tay sai bán nước, một đội quân chỉ quen sống bằng viện trợ Mỹ, hoàn toàn không có lý lương, không chịu nổi khổ cực “theo kiểu con nhà nghèo”.

Tuy nhiên, những nhân tố địch bám víu để tiếp tục chiến tranh vẫn tồn tại: quân số địch tuy giảm sút nhưng vẫn còn đông. Ở miền Đông Nam bộ, chúng có 3 sư đoàn lính chủ lực, 4 liên đoàn biệt động và 6 thiết đoàn; chúng vẫn còn kiểm soát được những vùng đông dân trù phú và dọc theo các trục đường giao thông chiến lược. Địch chủ trương năm 1975 tiếp tục tập trung nỗ lực vào chương trình bình định và an ninh lãnh thổ, cố gắng kiểm soát được 11.000/13.000 ấp (trong toàn Miền), 2.230 ấp miền Đông Nam bộ.

Trong khi chiến trường miền Nam lực lượng ta đang liên tục tiến công địch và giành chiến thắng lợi lớn nhiều nơi, từ ngày 30-9 đến ngày 8-10-1974, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp bàn về chủ trương giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976.

Tháng 11-1974, Quân ủy Miền đã thông qua kế hoạch mùa khô 1974-1975 của từng quân khu, quân đoàn, sư đoàn. Trong báo cáo quyết tâm với Chính ủy Trung ương, Quân ủy Miền đã nêu rõ ý định tập trung lực lượng đánh lớn, giành thắng lợi lớn tạo tiền đề cho năm 1975, địa bàn trọng điểm của miền Đông Nam bộ, mục tiêu chính là đường 14 - Phước Long.

Trên chiến trường miền Đông Nam bộ, Khu ủy, Bộ tư lệnh quân khu đề ra kế hoạch mùa khô 1974-1975 với nội dung chính là: hoàn chỉnh khu giải phóng, nối liền hành lang chiến lược từ biên giới tới bờ biển phía đông nam, xây dựng thành căn cứ địa vững chắc liên hoàn, tạo thế bao vây Sài Gòn, giải phóng đường số 14 (dự kiến giải phóng Phước Long khi có điều kiện), mở tiếp về hướng lộ 20 Võ Đắc, Tánh Linh, chia cắt chiến trường vùng 2 và vùng 3 của địch, nếu thuận lợi giải phóng luôn Xuân Lộc tạo thế bàn đạp bao vây cô lập Sài Gòn từ hướng đông; khu vực từ Dầu Tiếng, lộ 26 đến Suối Đá, Chơn Thành giải phóng nhiều lổm, giành quyền làm chủ mọi mặt bầu Đồn, Truong Mít, uy hiếp lộ 22 tạo bàn đạp bao vây hướng tây bắc Sài Gòn, giải phóng khu vực Bến Cầu, Quáo Ba, phân tuyến Vàng Cỏ Đông - Vàng Cỏ Tây, mở hành lang xuống đồng bằng, tạo bàn đạp bao vây tỉnh lộ 23, từng lúc cắt đứt lộ 15 từ Sài Gòn đi Vũng Tàu. Đối với lực lượng đóng chân trên địa bàn, Quân khu yêu cầu đánh những trận thối động, diệt gọn từng đơn vị chủ lực của địch.

Trung ương Cục miền Nam quyết định nhập hai huyện Tân Uyên, Phú Giáo thuộc tỉnh Tân Phú về Thủ Dầu Một, điều đồng chí Nguyễn Văn Luông (Bí thư Tỉnh ủy Tân Phú) về làm Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một thay đồng chí Nguyễn Văn Trung (Sáu Trung, được rút về Khu ủy miền Đông Nam bộ). Tỉnh ủy Thủ Dầu Một có nhiệm vụ đẩy mạnh hoạt động phối hợp với chiến trường chính để phân tán lực lượng địch và tiêu hao, tiêu hao sinh lực địch, chuyển thế đấu tranh ở các huyện vùng yếu phát triển mạnh hơn.

Tỉnh ủy Bình Phước vừa chuẩn bị chiến trường, vừa phối hợp với bộ đội chủ lực đánh dứt điểm các mục tiêu then chốt của chiến dịch. Các đơn vị bộ đội tập trung ở tỉnh như tiểu đoàn 168, 368, 568 có nhiệm vụ phối hợp với các sư đoàn chủ lực tiến công những mục tiêu chính. Bộ đội các huyện cùng du kích các xã đánh bọn bảo an, dân vệ ở các đồn, bót lẻ. Hàng ngàn dân công (đa phần là đồng bào dân tộc ít người) được huy động dùng vài chục con voi từ các buôn sóc để vận chuyển vũ khí, đạn dược, lương thực phục vụ chiến đấu. Chỉ trong hai tháng mùa khô 1974, lực lượng dân công đã chuyển được hàng ngàn tấn súng đạn và hàng ngàn tấn gạo từ các kho hậu cần về cất giấu trong rừng Phước Long để kịp thời chuyển giao cho các đơn vị bộ đội.

Tỉnh ủy Thủ Dầu Một trực tiếp chỉ đạo các khu vực trọng điểm Mỹ Phước, Thới Hòa, Tân Định, Chánh Phú Hòa (Bến Cát), Vĩnh Tân, Phú Chánh, Tân Hóa (Châu Thành), Bình Mỹ, Tân Bình, Phước Vĩnh (Phú Giáo), Bình Chánh, Khánh Vân, Tân Vĩnh Hiệp (Tân Uyên). Ở mỗi khu vực, Tỉnh ủy phân công từng cấp ủy viên và tăng cường thêm cán bộ tỉnh phụ trách. Đặc biệt ở vùng Lái Thiêu, Dĩ An, Tỉnh ủy bố trí nhiều cán bộ xuống phối hợp với các Huyện ủy để lãnh đạo phong trào. Ở mỗi huyện,

Huyện ủy chọn điểm để tập trung lực lượng để hoạt động. Tỉnh ủy đề ra yêu cầu và nhiệm vụ trong đợt này, kết hợp chặt chẽ giữa các huyện động quân sự và nổi dậy của quần chúng liên tục nhằm đánh bại kế hoạch “bình định” của địch, làm thay đổi thế tương quan lực lượng giữa ta và địch ở cơ sở.

Từ đầu mùa khô 1974-1975, ta đẩy mạnh hoạt động vùng đồng bằng sông Cửu Long và Tây Ninh. Trong khi đó, ở những “điểm nóng” đường 7, đường 14 (Bến Cát), đường 8, đường 16 (Tân Uyên), lực lượng ta nằm im để nghi binh đánh lạc hướng địch¹. Qua hai tháng mùa khô 1974-1975, địch không phát hiện một dấu hiệu nào chứng tỏ ta sẽ mở chiến dịch đánh lớn. Tháng 12-1974, chúng đưa phần lớn lực lượng của Sư đoàn 5 và Sư đoàn 25 hoạt động khu vực đường 7 hàng hòng chiến lại Rạch Bắp và lấn sâu vào vùng giải phóng Thanh An, Thanh Tuyên... Ở hướng đường 16, chúng đưa sư đoàn 18 để đối phó với Sư đoàn 7 của ta đang hoạt động ở đây.

Đợt 1 mùa khô 1974-1975 từ tháng 12-1974 đến tháng 2-1975, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền chọn đường 14 Phước Long làm một trong hai hướng chủ yếu của chiến dịch. Phước Long cách Sài Gòn 150 km về phía đông bắc, là chiến cầu nối liền vùng rừng núi nam Tây Nguyên với miền Đông Nam bộ. Nhân dân các dân tộc ở đây vốn có truyền thống đấu tranh cách mạng, chắt chiu từng hạt gạo, hạt muối để nuôi bộ đội trong những lúc khó khăn. Tại đây lực lượng địch gồm có 4 tiểu đoàn bảo an, 60 trung đội dân vệ, tổ chức thành 3 tuyến phòng thủ. Tuyến ngoài cùng là trục lộ 14 từ Đồng Xoài qua Bù Na đến Bù Đăng. Trên hướng này địch bố trí hai đại đội bảo an, hai chi khu, 1 yếu khu. Tuyến trung gian là “Bù Đốp lưu vong”, Phước Tín, Phước Lộc có một đại đội bảo an và 1 chi khu. Tuyến trong cùng là tam giác Phước Long-Phước Bình-Bà Rá, lực lượng địch gồm 1 tiểu đoàn bảo an. Trên đường 14, địch tập trung lực lượng ở Đồng Xoài, ngã tư quan trọng của 4 con đường: lộ 14, đường số 2, liên tỉnh lộ 13 và liên tỉnh lộ 1. Địch rải quân phòng thủ trên 100 km, tuy cố gắng tập trung lực lượng, nhưng khó kiểm soát được toàn tuyến.

Hướng chính chiến dịch đường 14-Phước Long, lực lượng ta sử dụng gồm Sư đoàn 3 (mới thành lập), phối hợp với Trung đoàn 1 (Sư đoàn 7) để tiến công giải phóng lộ 14. Sư đoàn 7 chặn địch từ Phước Hòa lên, bao vây Đồng Xoài, sẵn sàng diệt viên trên đường 14. Nếu điều kiện phát triển thuận lợi sẽ giải phóng thị xã Phước Long, hoàn chỉnh vùng giải phóng ở miền Đông Nam bộ.

¹ Bộ tổng tham mưu ngụy nhận định ta sẽ mở chiến dịch ở đồng bằng sông Cửu Long. Còn Quân đoàn 3 ngụy cho rằng ta sẽ đánh lớn ở Tây Ninh.

Hướng Tánh Linh, Võ Đắc (Khu 6), Quân khu 7 phối hợp với Trung đoàn 812 thuộc Sư đoàn 6 (thành lập tháng 11-1974) Quân khu 6 mở chiến dịch tiến công tổng hợp diệt một bộ phận và kìm chế, thu hút Sư 18 nguy, giải phóng hai huyện Tánh Linh, Võ Đắc, xây dựng thành căn cứ.

Hướng Tây Ninh, ta sử dụng Trung đoàn 16, Trung đoàn 25, Tiểu đoàn trinh sát Miền và bộ đội địa phương tỉnh Tây Ninh diệt căn cứ suối Đá, suối Phan và trung tâm truyền tin của địch trên núi Bà Đen, diệt và thu hút Sư 25 nguy, uy hiếp trực tiếp tỉnh Tây Ninh.

Hướng bắc Thủ Dầu Một, sư 9 chủ lực Miền có nhiệm vụ củng cố căn cứ ở Long Nguyên, thực hiện kế hoạch nghi binh, thọc sâu xuống hướng Tân Uyên, Phú Giáo, uy hiếp vùng trung tuyến, kìm chân lính chủ lực Quân đoàn 3 nguy, cắt đứt lộ 13 Bàu Bàng, Đồng Sở, sẵn sàng diệt viện trên lộ 13, lộ 14.

Hướng Sài Gòn – Biên Hòa, Quân ủy Miền chỉ đạo Trung đoàn 113 đặc công tiến công sân bay Biên Hòa, kìm chế địch chi viện đường không cho Phước Long; Đoàn 10 đặc công rừng Sác đẩy mạnh hoạt động hướng đông nam Sài Gòn, diệt phương tiện chiến tranh, kho tàng của địch.

Hướng tây, Sư đoàn 5 chủ lực Miền giao nhiệm vụ mở rộng và giải phóng biên giới đồng bằng khu 8, mở hành lang xuống vùng sâu, xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang, xây dựng căn cứ địa vững chắc tiến tới giải phóng đại bộ phận Đồng Tháp Mười.

Hướng đông, lực lượng của Sư đoàn 7 Quân đoàn 4, Sư đoàn 6 của Quân đoàn 7, Trung đoàn 812 của Quân khu 6 và lực lượng vũ trang địa phương tiến công giải phóng Định Quán, Lâm Đồng, lộ 20, cắt đứt lộ 1. Khu vực ven và nội đô Sài Gòn. Bộ tư lệnh sử dụng Đoàn đặc công 27 (sau chuyển thành Sư đoàn 2 đặc công)¹.

¹ Bộ tư lệnh Sư đoàn 2 đặc công: Nguyễn Văn Mây làm Sư đoàn trưởng; Sư đoàn phó gồm: Tống Viết Dương, Nguyễn Thanh Tùng; Chính ủy: Lê Bá Ước. Lực lượng đặc công được bố trí như sau:

- Trung đoàn 10 đặc công rừng Sác hoạt động từ Vũng Tàu, Thành Tuy Hạ, khu kho Tân Cảng, bám đánh các mục tiêu: Kho xăng Nhà Bè, kho bom Thành Tuy Hạ, đánh tàu ở cảng và trên sông Lòng Tàu, Nhà Bè. Hai mục tiêu chủ yếu là kho xăng Nhà Bè và kho bom Thành Tuy Hạ.

- Trung đoàn đặc công 113, đứng chân khu vực căn cứ Bùng Binh (Vĩnh Cửu, Biên Hòa). Mục tiêu đảm trách: Sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình (mục tiêu chủ yếu), Bộ tư lệnh Quân đoàn 3 nguy, căn cứ Nước Trong, cầu xa lộ Đồng Nai, bến cảng Long Bình.

- Trung đoàn đặc công 115, đứng chân khu vực bắc Bến Than (tây Thủ Dầu Một) đánh các mục tiêu sân bay Tân Sơn Nhất, căn cứ huấn luyện Quang Trung (Hóc Môn), cầu Cát Lái, cầu Bình Dương.

Đêm 12 rạng sáng ngày 13-12-1974, chiến dịch đường 14 - Phước Long bắt đầu. ta tiến công cứ điểm Bù Đăng (quận Đức Phong) và toàn tuyến án ngữ của địch trên lộ 14 gồm 25 đồn, bót, 2 chi khu và một số quận lỵ do 1 tiểu đoàn bảo an, cảnh sát và 1.200 phòng vệ dân sự đóng giữ. Đến 8 giờ 45 phút ngày 14-12, hai trung đoàn của Sư đoàn 3 và một trung đoàn của Sư đoàn 7 (quân đoàn 4) cùng đoàn đặc công 429 đã tiêu diệt toàn bộ địch, làm chủ khu vực Bù Đăng, sau đó tiếp tục phát triển lực lượng lên hướng Liễu Đức. Trong lúc đó, 5 tiểu đoàn đặc công và bộ binh tiến công vào căn cứ Bù Na trên đường 14 gồm có 7 đồn, bót và 1 yếu khu do 1 tiểu đoàn bảo an và 500 dân vệ đóng giữ. Ngày 15-12, ta đánh dứt điểm căn cứ Bù Na, phát triển lên Liễu Đức bắt liên lạc với cánh quân phía bắc từ hướng Bù Đăng xuống.

Cùng thời gian trên, Tiểu đoàn 208 (thiếu) và 2 đại đội địa phương Bình Phước tiến công tiêu diệt chi khu “Bù Đốp lưu vong”. Một đại đội của Tiểu đoàn 208 và bộ đội địa phương Bù Đốp có tăng cường đại đội cối 82 ly được giao nhiệm vụ giữ căn cứ, lập trận địa ở khu vực đông nam Thác Mơ để đánh địch phản kích. Ngày 16 và 17, ta tiêu diệt chốt Thác Mơ và phát triển giữ trục đường Phước Quả - Phước Lộc. Chỉ trong 6 ngày tiến công, trên hướng chính của chiến dịch, ta đã tiêu diệt toàn bộ các đơn vị và đồn bót địch trên đường 14 ở Phước Long, làm chủ đoạn lộ 14 từ km 11 đến nam Liễu Đức (dài gần 100 km). Địch ở Đồng Xoài bị bao vây cô lập.

Trên các hướng nghi binh và thu hút địch, tại mặt trận Hoài Đức – Tánh Linh, địch phát hiện ta mở đợt tiến công nên tăng cường một số lực lượng lên hướng này. Từ tháng 10-1974, địch đưa Tiểu đoàn 335 bảo an từ Long An lên chi viện cho Tánh Linh. Đến 24-11, lại điều tiếp Tiểu đoàn 7 biệt động lên Gia Huỳnh và lộ 1. Ngày 8-12-1974, địch điều tiếp Chiến đoàn 48 Sư 18 cùng một bộ phận chủ lực Quân đoàn 3 từ Thủ Dầu Một lên căn cứ Suối Râm (Bà Rịa - Long Khánh). Đêm ngày 9 rạng sáng 10-12-1974, Trung đoàn 812 và Tiểu đoàn 200 đặc công Quân khu 6 tiến công diệt cao điểm Lò Ô - Núi Giang bao vây chi khu Tánh Linh, giải phóng hoàn toàn huyện

- Trung đoàn 116, bám sát tổng kho Long Bình, Trường sĩ quan Thiết giáp ngụy, Trường sĩ quan Lục quân Nước Trống, căn cứ biệt kích Lôi Hồ (Long Thành), phát triển qua bung Sáu xã Thủ Đức.

- Trung đoàn 117 đặc công đứng chân ở khu vực Vườn Thơm, Bà Vực (tây Sài Gòn). Mục tiêu tiến công là sân bay Tân Sơn Nhất, Trường võ bị Thủ Đức, kho xăng Vũng Béo, cầu Bình Phước, cầu Bình Lợi.

- Trung đoàn 429 cơ động của Bộ tư lệnh Miền có nhiệm vụ phụ trách các mục tiêu sâu trong hậu phương chiến dịch, các quận lỵ, chi khu, các mục tiêu quan trọng như trạm ra đa Phú Lâm, trung tâm thông tin núi Bà Đen, các căn cứ Đồng Dù, Lai Khê...

- Lực lượng biệt động có 3 tiểu đoàn, 11 đại đội (gồm 60 tổ) triển khai thành hai hướng hoạt động chính là vùng đông và tây, rồi phát triển vào nội đô Sài Gòn, một bộ phận đảm trách các mục tiêu ở Sài Gòn.

Tánh Linh. Cùng thời gian, Tiểu đoàn 18 và 20 và đặc công Quân khu 7 tiến công chi khu Hoài Đức, diệt một số cứ điểm xung quanh nhưng không dứt điểm được phải chuyển sang thế bao vây chi khu.

Trung đoàn 4 và Trung đoàn 33 Quân khu 7 liên tục chặn đánh các lực lượng như Chiến đoàn 48, Liên đoàn 7 biệt động quân, Trung đoàn 5 thiết giáp, mở thêm một số khu vực trên lộ 3 từ Trà Tân đến cầu Gia Huỳnh. Để cứu nguy cho Võ Đắc, địch điều Chiến đoàn 43 của Sư 18 lên lộ 20 để phản kích, chi viện cho Võ Đắc. Lực lượng ta gặp nhiều khó khăn về tiếp tế nên phải chuyển sang thế bao vây và từng bước chuyển hướng tiến công về phía lộ 1.

Trên mặt trận Tánh Linh – Hoài Đức, ta loại khỏi vòng chiến đấu 2.300 tên địch, diệt 1 tiểu đoàn bảo an và 3 đại đội, hạ 48 đồn bót, có 1 chi khu, giải phóng huyện Tánh Linh và 4 xã huyện Hoài Đức với trên 40.000 dân, kìm chân được Sư 18 nguy ở phía đông, hỗ trợ mặt trận đường 14.

Ở Biên Hòa phối hợp với tiếng súng mở màn cho chiến dịch mùa khô của Miền. Đại đội 26 của huyện Vĩnh Cửu và lực lượng du kích các xã phối hợp với Tiểu đoàn 9 đặc công (Đoàn 113) đánh địch ở 3 xã trọng điểm Đại An, Thiện Tân, Tân Định (lộ 24) và đã chuyển 8 xã lên thế tranh chấp với địch. Bộ đội các huyện Long Thành, Nhơn Trạch cùng du kích các xã phối hợp với Đoàn 10 diệt trên 100 lính bảo an, dân vệ, đánh rã bộ máy kìm kẹp của địch ở Vũng Gấm, Phước Thọ, Phước Long, Phú Hội. Du kích Tam An diệt đồn Vườn Thơm, du kích cao su Bình Sơn cùng hàng trăm quần chúng bao vây các đồn bót địch trên đường 10 và trung tâm sở, kêu gọi binh lính địch bỏ súng đầu hàng.

Tại Xuân Lộc, Huyện ủy đã quyết định động viên sự nỗ lực của Đảng bộ và quân nhân trong huyện, tập trung lực lượng giải phóng vùng ven phía bắc và đông nam thị xã, tạo thế giúp lực lượng chủ lực của trên đứng chân, chuẩn bị tốt cơ sở vật chất theo yêu cầu của Trung ương Cục, Khu ủy miền Đông Nam bộ. Lực lượng K8 liên tục đánh tiêu hao sinh lực địch ở khu vực Suối Cát, Bảo Chánh, Bình Phú... Đội biệt động thị xã Long Khánh liên tục đánh địch trong nội ô thị xã và vùng ven Bình Lộc, Bảo Vinh. Đêm 10 rạng ngày 11-12-1974, du kích và nhân dân, gia đình binh sĩ Bảo Chánh cùng lực lượng huyện K8 bằng ba mũi tiến công đồn Bảo Chánh. Đội nữ súng cối pháo kích uy hiếp. Ban binh vận huyện cùng chi bộ Đảng huy động quần chúng, trong đó có nhiều gia đình binh sĩ đến phát loa kêu gọi con em buông súng đầu hàng. Bọn địch trong đồn Bảo Chánh hoang mang lo sợ, đề nghị cho thương thuyết. Ta dùng kế dụ tên đồn trưởng ra khỏi đồn, phục kích, bắt sống, tiếp tục tấn công binh vận,

trung đội bảo an Bảo Chánh đã ra hàng. Bảo Chánh là xã đầu tiên của tỉnh bà Rịa – Long Khánh bị bức hàng, mở đầu cho phong trào địa phương tự lực giải phóng xã ấp.

Tại tỉnh Tân Phú, chuẩn bị cho chiến dịch mùa khô của Miền, Tỉnh ủy chọn vùng điểm chỉ đạo của tỉnh là La Ngà đến Phương Lâm, trung tâm điểm là xã 125, diện của điểm là Định Quán và 116. Vùng diện của tỉnh là từ Bến Nôm đến Túc Trung, điểm của diện là ấp Cây Xăng, ấp Đồn Điền (xã Túc Trung). Đêm 6-12, theo kế hoạch các lực lượng đều đồng loạt nổ súng tiến công địch và phát động quần chúng nổi dậy. Trong 2 đợt tiến công mùa khô, quân và dân Tân Phú phối hợp với bộ đội chủ lực quân khu giành được nhiều thắng lợi trên lộ 20, giải phóng xã Cao Cang, bung dân về vùng giải phóng sản xuất và xây hàng rào chiến đấu chống địch.

Trong lúc đó, tại hai huyện Long Thành, Nhơn Trạch, ngày 6-12-1974, Đại đội 27, Tiểu đoàn 6 cùng với du kích đánh phân chi khu Phước Thái, Tiểu đoàn 3 cùng với du kích liên xã vùng 2 đánh đồn Tam An, Tiểu đoàn 240 cùng bộ đội huyện bao vây đồn Phước Long, Phước Thọ. Địch chống cự quyết liệt nhưng trong vòng một đêm quân ta tiêu diệt bọn địch trong đồn, phá hủy 3 vị trí này, 9 ấp của 3 xã với 6.000 đồng bào được giải phóng. Đến cuối tháng 12, quân và dân Long Thành, Nhơn Trạch đã giải phóng 12 ấp dọc lộ 17, 8 ấp dọc lộ 19, 12 ấp ven lộ 15, liên tỉnh lộ 25 được giải phóng hình thành một khu giải phóng rộng lớn liên hoàn Bình Sơn, Phước Thái, Tam An, Tam Phước, Phước An, Phước Thọ. Bộ đội huyện Vĩnh Cửu và du kích xã đã đánh đồn Đại An, sau đó đánh địch ở Tân Định, Thiện Tân, Tân Phú... tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

Đội biệt động thị xã Long Khánh liên tục tấn công địch trong thị xã. Nổi bật là chiến công và sự hy sinh của người nữ chiến sĩ trinh sát vũ trang Hồ Thị Hương. Ngày 18-1, Hồ Thị Hương cùng Nguyễn Thị Thận nhận được nhiệm vụ đánh bọn địch đang tập trung ở quán Viễn Đông, nơi bọn cánh sát thường lui tới ăn nhậu. Chủ quán là một tên an ninh quân đội ngụy. Khi tiếp cận được mục tiêu, trái mìn hẹn giờ sắp đến lúc nổ, nhưng bên trong quán còn có nhiều dân thường. Không để thiệt hại cho người dân vô tội, Hương đề nghị đồng đội đứng bên ngoài, cô nhanh chóng trở lại định gỡ bỏ trái mìn, nhưng khi đến cửa mìn nổ tung. Hồ Thị Hương, người nữ chiến sĩ trinh sát vũ trang của thị xã Long Khánh đã hi sinh anh dũng trên mảnh đất quê hương¹.

¹ Với những thành tích công tác chiến đấu trong kháng chiến chống Mỹ, Hồ Thị Hương đã được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Tại thị xã Biên Hòa, ngày 17-12-1974, một phân đội đặc công đoàn 113 đánh phân chi khu và phân cuộc cảnh sát Hóa An, diệt 30 tên. Tháng 1-1975, đội biệt động thành phố tiến công vào Trung tâm chiêu hồi của địch, diệt và làm bị thương 80 tên ác ôn. Đội biệt động còn tiến công các chốt bảo vệ của địch ở phía bắc sân bay Biên Hòa, trụ sở cảnh sát xã Bửu Long ...diệt nhiều địch.

Hướng Tây Ninh, đêm 5-1-1974, Trung đoàn 205 tiến công đồn Suối Đá. Bộ đội trinh sát Miền có hỏa lực yểm trợ tiến công phá hủy một phần trung tâm truyền tin lớn nhất của địch trên núi Bà Đen. Trung đoàn 16 tiến công cứ điểm Suối Phan, diệt Chiến đoàn 49 nguy đánh thiệt hại 3 tiểu đoàn khác đến tăng viện. Hướng tây nam Tòa Thánh, bộ đội tinh và du kích liên tục đánh chặn đánh địch trên lộ 22.

Trong khi ở hướng chính ta đang vây ép địch thì ở hướng phối hợp, đêm 7-12, đại đội đặc công Quân khu tập kích bót Thọ Úc (Châu Thành) do một đại đội bảo an đóng giữ. Cùng đêm, du kích Phú Chánh, Tân Hóa phục kích diệt một tiểu đội dân vệ đang đi tuần tra trên đường. Ngày 8-12, Tiểu đoàn Phú Lợi cùng Đại đội 62 của huyện Châu Thành và du kích xã Vĩnh Tân chặn đánh một tiểu đoàn của Trung đoàn 52 Sư 18 nguy đi càn quét ở Vĩnh Tân, diệt gọn 1 đại đội, thu nhiều vũ khí. Ở các xã quanh Chiến khu Đ, bộ đội địa phương huyện Tân Uyên cùng với 1 đơn vị bộ đội chủ lực đánh tiêu diệt 190 tên địch thuộc Trung đoàn 52 Sư 18 đi càn vào các xã dọc đường 16.

Các huyện Lái Thiêu, Bến Cát, bộ đội địa phương và du kích xã cùng đẩy mạnh hoạt động tiến công vào các đồn bót địch và đột nhập vào các ấp chiến lược, giải tán bọn tề, phòng vệ dân sự, tạo thế cho quần chúng nổi dậy đấu tranh chính trị, binh vận, phá ấp chiến lược, chống địch bắt lính, bắt xâu đào hào chống tăng ở các khu vực quanh thị xã, thị trấn.

Sau đợt 1, đêm 20-12, ta tiếp tục mở đợt tiến công bọn địch đóng tại Bù Na. Hòa cùng khí thế tiến công, hàng ngàn dân trong ấp chiếm lược Bù Na nổi dậy phá banh ấp chiến lược, đốt trụ sở tề, đập phá đồn bót, dẫn đường cho bộ đội truy lùng bọn ác ôn. Số binh lính nguy còn sống sót rút chạy về hướng Đồng Xoài. Thừa thắng xông lên, ta bố trí lực lượng để tiến công, diệt địch ở các đồn bót dọc đường 14 từ Bù Na đi Đồng Xoài. Đoạn đường 14 từ Phú Giáo lên Đồng Xoài bị cắt đứt. Đồng Xoài bị cô lập.

5 giờ sáng ngày 26-12-1974, Sư đoàn 7 (Quân đoàn 4) được tăng cường thêm 1 trung đoàn, nổ súng tiến công cứ điểm Đồng Xoài. Đến 8 giờ 35 phút lực lượng ta làm chủ được chi khu và thực hành truy quét địch. 15 giờ cùng ngày ta hoàn toàn làm chủ khu vực Đồng Xoài. Mất đường 14 từ Liễu Đức đến Đồng Xoài và chi khu Đồng

Xoài, bọn địch rút hết về thị xã Phước Long, phòng thủ trên 3 cụm: Thị xã Phước Long, núi Bà Rá và chi khu Phước Bình.

Được Bộ Chính trị chấp thuận, Trung ương Cục và Quân ủy Miền cho mở đợt tiến công giải phóng Phước Long, Bộ Tư lệnh Miền giao nhiệm vụ cho Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 tiến công giải phóng toàn bộ tỉnh Phước Long, đồng thời chỉ đạo các chiến trường đẩy mạnh hoạt động phối hợp, căng kéo địch để hoàn thành nhiệm vụ trên hướng chính. Bộ chỉ huy tiền phương chiến dịch giải phóng tỉnh Phước Long được thành lập do đồng chí Hoàng Cầm (Tư lệnh Quân khu 4) làm Tư lệnh và đồng chí Bùi Cát Vũ (Phó Tư lệnh Quân đoàn 4) làm Phó Tư lệnh.

Thị xã Phước Long là trung tâm đầu não của tỉnh Phước Long cách Sài Gòn 150 km về hướng đông bắc, sát vùng căn cứ chiến khu Đ (Khu A). Địa hình hầu hết là rừng núi và có nhiều điểm cao án ngữ từ thị xã đến chi khu Phước Bình ở phía tây thị xã. Lực lượng địch ở đây có khoảng 2.300 tên các loại. 5 giờ 30 phút sáng ngày 31-12-1974, lực lượng ta tiến công 2 mục tiêu chi khu Phước Bình và điểm cao Bà Rá. 15 giờ 30 phút cùng ngày ta làm chủ chi khu Phước Bình, áp sát Suối Dung ở phía tây và tây bắc thị xã. Suốt đêm 31-12, ta liên tục pháo kích vào Bà Rá. Địch từ trong núi phản kích ra ngoài. Trung đoàn đặc công 429 làm chủ hoàn toàn cao điểm Bà Rá lúc 6 giờ sáng ngày 1-1-1975, tên trung tá Mã Viết Bằng cùng bọn ngoan cố điều bị diệt. Các Trung đoàn 201, 271 của Sư 3 và bộ đội Bình Phước đánh bứt rút các cụm quân địch chung quanh Thác Mơ, Hiếu Phong, Long Điền, áp sát ngã ba Tư Hiền, cửa ngõ phía nam thị xã.

Trước nguy cơ mất Phước Long, địch quyết định đổ 200 lính biệt kích của Lữ biệt kích 81 xuống giữ các khu vực còn lại của Phước Long, đồng thời trấn an tinh thần bọn lính giữ Phước Long. Máy bay địch oanh kích rất ác liệt để thực hiện những cuộc đổ quân lớn. Ta tổ chức nhiều mũi đột kích ngay vào trung tâm thị xã, không chể các bãi đáp trực thăng. 7 giờ sáng ngày 4-1-1975, quân ta tiến công mạnh, mở toang cửa ngõ phía nam thị xã. Xe tăng Quân giải phóng thọc sâu chiếm ngân khố, ty cảnh sát. Trung đoàn 16 vây chặt địch ở hướng đông không cho địch rút chạy. 16 giờ ngày 6-1, Trung đoàn 14 đánh chiếm dinh tỉnh trưởng Phước Long. Tỉnh Phước Long hoàn toàn được giải phóng lúc 19 giờ.

Khi ta chuẩn bị đánh vào Phước Long, đồng bào các ấp chiến lược xung quanh đã nổi dậy phá banh ấp bung ra vùng giải phóng. Dân ở các xã Sơn Giang, Phước Quả, Phước Tín... nổi dậy chống địch bắn pháo vào xóm ấp. Gia đình binh lính kéo vào dinh tỉnh trưởng đấu tranh đòi chồng con trở về, đòi bồi thường cho những người thiệt mạng. Các cơ sở nội tuyến cùng cơ sở cách mạng rải truyền đơn, phát loa kêu gọi binh

sĩ ra hàng quân giải phóng. Nhiều binh sĩ bỏ súng cải dạng dân thường đào ngũ bỏ trốn về với gia đình. Nhờ vậy mà ở một vài đồn bót như Sơn Giang, Phú Bồn khi ta bao vây, địch không nổ súng chống trả, buông súng đầu hàng.

Trên các chiến trường phối hợp, các lực lượng đều hoàn thành nhiệm vụ tiến công giải phóng, mở rộng vùng làm chủ, tiêu diệt địch và kìm chân các đơn vị chủ lực địch. Tại Tây Ninh, ngày 7-1-1975, ta chiếm trung tâm truyền tin ở núi Bà Đen, uy hiếp tiểu khu của địch. Ở các hướng bắc, tây bắc, đông nam Sài Gòn, các trung đoàn đặc công triển khai lực lượng đánh vào các căn cứ lớn của địch như sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình, Trung tâm huấn luyện Quang Trung, Đồng Dù, Nước Trong, Quán Tre (Phú Lâm); đánh cháy 10 tàu địch trên sông Lòng Tàu, nhấn chìm 13 tàu địch trong cảng Nhà Bè. Trên hướng tây, Sư đoàn 5 tiến về Đồng Tháp Mười, diệt nhiều đơn vị lớn của địch mở rộng vùng giải phóng.

Chiến dịch mùa khô 1974 – 1975, mà then chốt là chiến thắng đường 14 – Phước Long. Giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long mở rộng vùng giải phóng ra các hướng thông hành lang chiến lược từ Lộc Ninh với chiến khu Đ, Chiến khu Dương Minh Châu, Đồng Tháp Mười, góp phần cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân và dân cả nước. Chiến thắng Phước Long cho thấy thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam có thể đến nhanh hơn.

Tỉnh Phước Long được giải phóng khiến nguy quyền Sài Gòn và bọn cầm quyền hiếu chiến ở Hoa Kỳ choáng váng, nhưng điều quan trọng hơn là “đòn trinh sát” chiến lược ở Phước Long cho thấy đế quốc Mỹ hoàn toàn không có khả năng cứu ứng trực tiếp cho bọn nguy Sài Gòn¹.

III. LÃNH ĐẠO QUÂN VÀ DÂN MIỀN ĐÔNG NAM BỘ THAM GIA CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM

Trong lúc chiến dịch mùa khô 1974 – 1975 đang dành thắng lợi thì từ ngày 31-12-1974 đến ngày 7-1-1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp bàn về vấn đề giải phóng miền Nam. Bộ Chính trị nhận định: Chúng ta đang đứng trước thời cơ lớn, cần phải mở nhiều chiến dịch tổng hợp liên tiếp, đánh những trận quyết định, tiến tới tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ. Bộ Chính trị đã xác định

¹ Chính tổng thống Mỹ G.Pho ngày 22-1-1975 đã phải tuyên bố “Không có hành động nào khác ngoài việc bổ sung viện trợ cho Sài Gòn, sẽ không can thiệp vào Việt Nam nếu xét ra không phù hợp với biện pháp và pháp luật.

kế hoạch chiến lược hai năm 1975-1976, và dự kiến nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức tập trung lực lượng để giải phóng miền Nam trong năm 1975. Bộ Chính trị và Thường vụ Quân ủy Trung ương quyết định chọn hướng tiến công chính nam Tây Nguyên là mục tiêu chủ yếu, trận mở đầu là đánh chiếm Buôn Ma Thuột¹.

Ngày 27-1-1975, Thường vụ Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ tư lệnh Miền mở hội nghị quán triệt quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị. Kế hoạch đợt 2 ở miền Đông Nam bộ được vạch ra là khối chủ lực ở miền Đông Nam Bộ (khu 7) mở hành lang xuống phía đông Sài Gòn, tạo bàn đạp áp sát lộ 26, Đồng Dù, Củ Chi. Quân đoàn 4 cùng với các lực lượng vũ trang địa phương tổ chức cùng lúc hai hướng tiến công ở Dầu Tiếng và quốc lộ 20. Quân khu 6 và 7 tiếp tục hoàn thành việc mở Võ Đắc, phát triển về hướng lộ 1 xuống Long Thành, Sau đó Quân khu 6 phát triển lên hướng Di Linh.

Trên hướng tây nam Sài Gòn, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Đoàn 232, tương đương cấp quân đoàn để phụ trách hướng này. Lực lượng Đoàn 232 gồm Sư đoàn 3, Trung đoàn 16, Trung đoàn 88, Trung đoàn 44, một số đơn vị binh chủng, hai tiểu đoàn bộ đội địa phương Long An. Đồng chí Lê Đức Anh, Phó Tư lệnh Miền được cử làm Tư lệnh Đoàn 232; đồng chí Lê Văn Tường (Lê Chân), Phó Chính ủy Bộ Tư lệnh Miền làm Chính ủy Đoàn 232.

Chi ủy chỉ đạo Trường Đảng khu nhanh chóng đưa học viện và phân công cán bộ về các tỉnh góp phần chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975.

Thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị, chỉ đạo trung ương Cục và Quân ủy miền, từ ngày 31-1-1975 đến 8-2-1975 Khu ủy miền Đông Nam bộ mở hội nghị để nhận định, đánh giá tình hình trong toàn khu và vạch kế hoạch hoạt động trong thời gian tới. Hội nghị khẳng định tính chất, vị trí quan trọng của miền Đông Nam bộ, đặc biệt địch thất bại từ các nơi, chúng sẽ co cụm phòng thủ Xuân Lộc: “Thị xã Long Khánh là một trong những nơi ta dứt điểm cuối cùng, nơi Đảng bộ miền Đông Nam bộ hoàn

¹ Trong lúc đó, Nguyễn Văn Thiệu trong cuộc họp với tư lệnh các quân đoàn nguy, vẫn phán đoán trong năm 1975 ta có thể đánh với quy mô lớn hơn năm 1974, nhưng không thể đánh với quy mô lớn như năm 1968 hoặc như 1972. Chúng vẫn nhận định hướng tiến công chính của ta là Tây Ninh để chiếm lấy làm thủ đô của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền nam Việt Nam. Về thời gian, địch nhận định ta có thể đánh trước hoặc sau tết 1975. Về bố trí lực lượng. Thiệu duy trì theo thể bố trí mạnh ở hai đầu (vùng 1 và vùng 3 chiến thuật). Ở miền Đông Nam Bộ, địch bố trí 4 sư đoàn chủ lực, 7 liên đoàn biệt động quân, 14 tiểu đoàn bảo an, một số đại đội pháo gồm 375 khẩu, 7 thiết đoàn và 15 chi đoàn xe tăng, thiết giáp gồm 655 xe, hai sư đoàn không quân với trên 250 máy bay chiến đấu. Lực lượng này được triển khai theo hình vòng cung từ tây bắc sang đông bắc bảo vệ thủ phủ Sài Gòn từ xa trên 50 km.

thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của mình”. Khu ủy chỉ rõ: “Ta có khả năng phát động quần chúng nhân dân khởi nghĩa với tinh thần áp giải phóng ấp, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, chi khu, tỉnh giải phóng thị xã, tiểu khu dành giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân”¹. Khu ủy chỉ đạo cho các tỉnh chủ động phối hợp với chiến trường chính để tiến công tiêu diệt địch trên từng địa bàn tỉnh. Đồng thời phát động quần chúng nhân dân nổi dậy đấu tranh chính trị, binh vận, phá vỡ toàn bộ ấp chiến lược còn lại, đưa dân ra vùng giải phóng, ổn định đời sống cho dân.

Sau một thời gian chuẩn bị chiến trường, 1 giờ 35 phút ngày 10-3-1975, trận đột phá vào thị xã Buôn Ma Thuột mở đầu cho chiến dịch Tây Nguyên giành thắng lợi. Phối hợp với chiến trường Tây Nguyên, ngày 17-3-1975, lực lượng Khu 7 cùng bộ đội địa phương Biên Hòa - Bà Rịa – Long Khánh mở chiến dịch lộ 3. Sư đoàn 6 Quân khu cùng với bộ đội huyện Xuân Lộc K8 đánh chiếm ngã ba Ông Đồn, núi Chúa Chan, đồi 52. Ngày 20-3, quân ta giải phóng lộ 3, từ Ông Đồn đến Trà Tân, căn cứ 4, căn cứ 5 (ranh giới Long Khánh) với Bình Tuy). Tại Long Thành và Nhơn Trạch, lực lượng vũ trang huyện, xã cùng lực lượng chính trị tiến công ở Vườn Điều (lộ 19), Phước Thọ, Phước Long, Bình Sơn, phát động phong trào quần chúng tấn công binh vận, làm rệu rã tinh thần binh lính địch.

Quốc lộ 20 là tuyến đường quan trọng nối liền với Tây Nguyên vào Sài Gòn. Bộ Tư lệnh Miền thành lập Bộ chỉ huy tiền phương mặt trận đường 20 do đồng chí Bùi Cát Vũ, Phó tư lệnh Quân đoàn 4 làm Tư lệnh, đồng chí Ba Chắc, Tỉnh đội trưởng Tây Phú làm Phó Tư lệnh, đồng chí Võ Tấn Vịnh, Bí thư tỉnh ủy Tân Phú làm Chính ủy. Khu ủy miền Đông Nam Bộ chỉ đạo gồm đồng chí Lê Đình Nhơn (Phó bí thư), Lê Thành Ba (Khu ủy viên), Nguyễn Việt Hoa (Phó tư lệnh Quân khu). Căn cứ Bộ chỉ huy tiền phương đặt tại Suối Sơn. Ngày 17-3-1975, chiến dịch đường 20 bắt đầu. Bộ đội Tân Phú kết hợp với Sư đoàn 7 (Quân đoàn 4) tiến công tiêu diệt địch làm chủ phân chi khu Phương Lâm, Núi Tràn, cao điểm 112. Cùng ngày 17-3, quân ta tiêu diệt chi khu Định Quán. Tiếp theo lực lượng vũ trang đánh địch kết hợp binh vận phát động quần chúng nhân dân nổi dậy giải phóng xã 116, 125, La Ngà, Túc Trưng, làm ta rã trên 3.600 tên địch. Đến ngày 20-3-1975 tỉnh Tân Phú hoàn toàn giải phóng. Việc ta làm chủ Quốc lộ 20, tạo điều kiện cho Sư đoàn 6 tiến công diệt Chiến đoàn 52 Sư 18 ngự ở ngã ba Dầy Giấy, góp phần quan trọng để chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng.

¹ Trích Nghị quyết Hội nghị Khu ủy miền Đông Nam Bộ từ 30-1 đến 8-2-1975. tài liệu lưu trữ Phòng Nghiên cứu lịch sử Đảng Đồng Nai.

Sau khi giải phóng lộ 20, Khu ủy dự kiến sử dụng Sư 6 và Sư 7 kết hợp mở chiến dịch giải phóng thị xã Long Khánh, nhưng Bộ tư lệnh Miền không đồng ý, nên chỉ đạo cho Sư 7 chuyển lên kết hợp với Quân khu 6 giải phóng Lâm Đồng.

Tại Long Khánh, quán triệt Nghị quyết của Khu ủy và theo chỉ đạo của Tỉnh ủy “mở địa bàn phía bắc thị xã”, Thị ủy Long Khánh đã huy động hàng trăm quần chúng trong đó có nhiều gia đình binh sĩ nguy tán công binh vận phối hợp với bộ đội huyện Xuân Lộc, đội biệt động, trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh và du kích các xã tiến hành bao vây, tiến công địch ở vùng ven thị xã. Cuối tháng 3-1975, bằng lực lượng tại chỗ, ta hoàn toàn giải phóng 4 ấp Bình Lộc, Bảo Vinh A, bảo Vinh B và Suối Chồn, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ lực về đứng chân; đồng thời chuẩn bị tích cực cho việc xây dựng hậu cần và bàn đạp cho chủ lực mở chiến dịch Xuân Lộc.

Giữa tháng 4-1975, Sư đoàn 320 (Quân đoàn 2) theo đường 10 về Long Thành. Khu ủy miền Đông Nam bộ cử một số đồng chí Khu ủy viên về Biên Hòa cùng tỉnh ủy Biên Hòa (nông thôn) phát động nhân dân tiến công chính trị, binh vận, nổi dậy giành quyền làm chủ ở địa phương. Đêm 26-4-1975, khi pháo binh ta bắn vào thị trấn Long Thành, Huyện ủy Long Thành chỉ đạo các chi bộ, đảng viên mật bên trong nắm thời cơ phát động nhân dân nổi dậy. Ngày 27-4, Sư đoàn 325 (Quân đoàn 2) cùng lực lượng vũ trang địa phương đánh chiếm căn cứ Nước Trong, chi khu Long Thành. Tiểu đoàn 240 tỉnh Biên Hòa chiếm cầu Phước Thiên, bảo đảm cho đội hình Sư đoàn 325 phát triển về hướng Nhơn Trạch. Du kích các xã cùng nhân dân, công nhân bao bố, bức rút hoàn toàn đồn bót địch, giải phóng các xã Tam An, Phước Nguyên, Bình Sơn, Tam Phước, An Lợi, thị trấn Long Thành, Phước Thái, Long Phước ngày 27-4-1975.

Trên hướng điểm Nhơn Trạch, Sư đoàn 325 gặp sự chống trả của địch. Tỉnh ủy Biên Hòa, Huyện ủy Nhơn Trạch triển khai lực lượng chính trị, binh vận, phát động quần chúng, tranh thủ linh mục giáo xứ Vĩnh Thanh kêu gọi binh lính địch bỏ súng đầu hàng. Phần lớn bọn địch trong chi khu, đồn bót hoang mang đều bỏ chạy. Ta chiếm chi khu Nhơn Trạch, phát động quần chúng nổi dậy giải phóng hoàn toàn địa phương.

Ngày 9-4-1975, đồng chí Phan Văn Trang (Bí thư Thành ủy Biên Hòa) theo đường giao liên công khai vào triển khai nghị quyết giải phóng miền Nam cho phân ban Thành ủy, các chi bộ đảng, đảng viên trong nội ô, ngoại ô thành phố, thành lập Ủy ban khởi nghĩa các xã, khu phố, khu Kỹ nghệ Biên Hòa (tổng cộng xây dựng được 15 Ủy ban khởi nghĩa) chuẩn bị phát động cho nhân dân nổi dậy giành chính quyền, trọng điểm là toàn bộ khu Kỹ nghệ các xã An Hảo, Bình Đa, Hiệp Hòa, Bửu Hòa, Tân Vạn, điểm là khu Kỹ nghệ. Đồng thời, Khu ủy tăng cường các đồng chí Lê Đình

Nhon, Phó bí thư Khu ủy, Nguyễn Việt Hoa, Phó tư lệnh Quân khu 7; Nguyễn Quý Nam, Phó ban An ninh khu cùng 500 cán bộ về chỉ đạo phong trào tiến công nổi dậy và tiếp quản thành phố Biên Hòa. Sáng ngày 14-4-1975, pháo binh từ trận địa Hiếu Liêm bắn vào sân bay Biên Hòa, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch, địch phải di tản máy bay về sân bay Tân Sơn Nhất và Cần Thơ.

Tại Tây Ninh, đêm 11-3-1975, theo chỉ đạo của tỉnh, ta tiến công địch trên toàn tuyến huyện Bến Cầu và 3 xã cánh tây Trảng Bàng. Đến 15 giờ ngày 15-3, ta hoàn toàn làm chủ huyện Bến Cầu và 3 xã nói trên. Địch tăng cường lực lượng mạnh để chiếm lại Bến Cầu. Tiểu đoàn 16 của tỉnh vượt sông Vàm Cỏ để hỗ trợ cho mặt trận Bến Cầu, bẻ gãy các mũi phản kích của địch. Bến Cầu trở thành huyện được giải phóng sớm nhất của tỉnh Tây Ninh.

Ở hướng đông bắc của tỉnh, bộ đội địa phương và du kích Dương Minh Châu cùng Trung đoàn 16 tiến công tiêu diệt các chốt địch ở Trảng Bàng, Bến Củi, đất Sét, Truong Mít, Cầu Khởi. Ngày 13-7, hai Tiểu đoàn 14, 16 tập kích tiêu diệt đồn Trà Võ. Toàn bộ vùng nông thôn huyện Dương Minh Châu được giải phóng từ Suối Đá đến núi Bà (lộ 16 đến lộ 2). Ở huyện Tân Biên, ta tiến công giải phóng Mỏ Công, suối Ông Đình. Ở huyện Gò Dầu, ngày 23-3, dân về ấp Thành Miên đã tự động mạng vũ khí trở về với cách mạng. Cuối tháng 3-1975, thực hiện nhiệm vụ của Trung ương Cục, Quân ủy Miền giao cho là tự giải phóng địa phương mình, Tỉnh ủy Tây Ninh chủ trương nhanh chóng phát triển lực lượng tại chỗ, phát huy tinh thần tự lực tự cường giải phóng địa phương mình với phương châm huyện giải phóng huyện, xã giải phóng xã.

Tại tỉnh Thủ Dầu Một, ngày 10-3-1975, Sư đoàn 9 (Quân đoàn 4) cùng lực lượng bộ đội địa phương tiến công tiêu diệt chi khu Trị Tâm (thị trấn Dầu Tiếng). Tiểu đoàn Phú Lợi phục kích diệt một trung đội của Tiểu đoàn 360 bảo an từ Bình Mỹ lên ứng cứu Dầu Tiếng, bao vây tua Suối Máng. Sau khi Dầu Tiếng thất thủ, bọn địch trong các đồn bót trong huyện hoang mang. Nắm tình hình thuận lợi, các đơn vị bộ đội và du kích các xã đồng loạt tiến công bức hàng loạt đồn, bót địch. Nhân dân trong các ấp chiến lược nổi dậy phá banh ấp, diệt ác, xóa bỏ bộ máy kìm kẹp của địch. Ngày 13-3-1975, toàn bộ quận Dầu Tiếng được giải phóng. Bộ đội địa phương huyện Châu Thành đánh diệt 1 Trung đội dân vệ ở đông Phú Chánh. Bộ đội huyện Tân Uyên bao bó và tiêu diệt địch ở ấp a xã Lạc An, bức rút chốt 49. Ở Lái Thiêu, bộ đội địa phương cùng đặc công Đoàn 113 đánh diệt chi khu quân sự Thuận Giao. Bộ đội địa phương huyện Bến Cát diệt tua Công Hồ và tua Nhà việc...

Ngày 23-3-1975, bộ đội địa phương tỉnh Bình Long phối hợp với chủ lực từ thể bao vây chuyên sang thể tiến công giải phóng thị xã An Lộc, phát triển thể tiến công truy quét địch. Ngày 2-4, ta giải phóng huyện Chơn Thành. Đây là tỉnh thứ hai sau tỉnh Phước Long được giải phóng ở miền Đông Nam bộ. Giải phóng hai tỉnh Phước Long, Bình Long và huyện Dầu Tiếng trong điều kiện thuận lợi, mở rộng vùng căn cứ bàn đạp để tiến công Sài Gòn, mở thông tuyến vận tải chiến lược từ hậu phương miền Bắc vào Chiến khu Đ. Thị xã Thủ Dầu Một bị bao vây và uy hiếp.

Cuối tháng 3-1975, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một thành lập Ban Chỉ đạo do đồng chí Nguyễn Văn Luông (Bí thư Tỉnh ủy) làm trưởng ban để huy động toàn lực lượng và trận tiến công nổi dậy cuối cùng, giải phóng địa phương. Lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh có 2 tiểu đoàn bộ binh, 4 đại đội binh chủng. Mỗi huyện, thị xã có 1 đại đội bộ đội địa phương, 69 xã đều có đội du kích, dân quân từ 1 đến 2 tiểu đội, 59 xã có cơ sở nòng cốt bên trong phối hợp hành động.

Sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, tinh thần quân ngũ suy sụp nhanh chóng. Ngày 31-3-1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp và bổ sung quyết tâm tập trung toàn lực lượng để “giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975”.

Ở Tây Ninh trong 20 ngày từ 4 đến 24-4-1975, khắp tỉnh ta đã vận động 4.000 thanh niên tham gia các lực lượng vũ trang, xây dựng thành 9 tiểu đoàn và 13 đại đội độc lập mới. Bốn tiểu đoàn 20, 29, 16, 26 bổ sung cho chủ lực tỉnh, 5 tiểu đoàn còn lại tăng cường cho các huyện Châu Thành, Trảng Bàng. Vùng đồng bào theo đạo Cao Đài như huyện Tòa Thánh, ta bố trí cán bộ các chức sắc, chức việc, lôi kéo để họ cô lập bọn ác ôn. Các đoàn công tác thường xuyên bám sát để tuyên truyền, vận động đồng bào có đạo tham gia vào tổ chức cách mạng. Nhờ vậy mà khi lực lượng ta tiến công vào trung tâm tỉnh lỵ, đồng bào có đạo đã cùng nhân dân nổi dậy uy hiếp địch, hướng dẫn bộ đội ta truy lùng, diệt bọn ác ôn.

Đêm 24-4-1975, các lực lượng ta đánh chiếm Bàu Nâu và trụ lại để đánh Trung đoàn 49 Sư 25 ngụy tháo chạy về Sài Gòn; tổ chức cắt đứt đường 22, kiểm soát đường bộ từ Tây Ninh về Sài Gòn. Đêm 26-4, Tiểu đoàn 20 đánh diệt Tiểu đoàn 351 và tổ chức bao vây đồn Trường Đức. Tiểu đoàn 26 tiến công khu vực Ninh Thuận (huyện Tòa Thánh) bắt gọn bọn phòng vệ dân sự tước súng giáo dục thả tại chỗ và đứng chân ở suối Bà Phụng chuẩn bị tiến công thị xã.

Đêm 27-4, ta tiến công địch trên tất cả các mục tiêu. Trên 3.000 quân chúng đã đắp đường, bắc cầu cho xe tăng và chủ lực Quân đoàn 232 vượt sông đánh chiếm Đức

Huệ, cắt đứt đường 4 nối Sài Gòn. Ở Gò Dầu đêm 26-4, bộ đội huyện, du kích và nhân dân tiến công giải phóng đồn suối Bà Tươi, Cây Trường, Hiệp Thạnh, Bông Trang, Trà Võ, Thạnh Đức, Cây Xoài, xóm Mới, Trâm Vàng, xóm Bó. Đến 29-4, huyện Gò Dầu cơ bản được giải phóng.

Ở Trảng Bàng, nắm thời cơ lực lượng xe tăng, bộ binh chủ lực của ta phát triển về Củ Chi, Hậu Nghĩa tinh thần binh lính nguy hoang mang, Huyện ủy chỉ đạo các chi bộ phát động quần chúng nổi dậy phá bộ máy kìm kẹp tại chỗ và đẩy mạnh công tác binh vận làm tan rã hàng ngũ địch. Ngày 27-4, ta đánh chiếm Gia Huynh. Ngày 28-4, Tiểu đoàn 1 đánh chi khu Trảng Bàng cùng quần chúng và du kích bao vây bức hàng đồn Rừng Cây, Láng Liêu, Chùa Đá, Hóc Nai, Gia Tân, bàu Hai Năm, Cầu Ván, Đồng Ót, chùa Mọi. Đúng 16 giờ ngày 29-4-1975, ta cắm cờ trên nóc dinh Trảng Bàng, giải phóng toàn huyện.

Tại huyện Châu Thành, 2 tiểu đoàn địa phương tiến công khu tam giác Thanh Điền, Cao Xá, Thái Bình, tạo thế bao vây thị xã. Trước tình thế không thể đảo ngược được, sáng ngày 30-4-1975, đại tá tỉnh trưởng Bùi Đức Tài phải cử người đến thương thuyết với cách mạng ở Bến Kép, đồng ý hạ vũ khí đầu hàng. 11 giờ ngày 30-4-1975, lực lượng cách mạng vào tiếp quản thị xã. Toàn bộ ngục quyền ở tỉnh lỵ và bộ chỉ huy tiểu khu Tây Ninh đều bị bắt sống. Tỉnh Tây Ninh hoàn toàn được giải phóng.

Tại Long An, đầu tháng 3-1975, lực lượng vũ trang Long An phối hợp Sư đoàn 3 thuộc binh đoàn 232 tiến công địch ở bắc lộ 4, giải phóng một phần rộng lớn ven sông Vàm Cỏ Đông từ An Ninh, Lộc Giang xuống đến Tân Phú, Hòa Khánh. Trên hướng biên giới, ngày 25-3-1975, Sư đoàn 5 thuộc binh đoàn 232 được lệnh tiến công bắc Thủ Thừa.

Đầu tháng 4-1975, lực lượng vũ trang tỉnh Long An tiến công mở bàn đạp ở Cần Đước, Cần Giuộc, nam lộ 4. Từ ngày 3 đến ngày 10-4, Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 45 và 2 đại đội đặc công tỉnh đã tiến công giải phóng các xã An Lục Long, Thanh Phú Long, Thanh Vĩnh Đông và Thạnh Mỹ, sau đó cùng với Trung đoàn 88 của Quân khu từ Châu Thành đánh sang Tân Trụ, thượng Cần Đước, hạ Cần Giuộc. Cùng thời gian này, Sư đoàn 5 tiến công bao vây thị xã Tân An, quận lỵ và cầu Bến Lức, uy hiếp lộ 4 và đánh thiệt hại nặng Trung đoàn 11 Sư đoàn 7 nguy.

Để đáp ứng nhu cầu về lương thực cho một lực lượng lớn chủ lực Miền và Quân khu, Tỉnh ủy Long An huy động nhân dân dự trữ lương thực với khối lượng lớn trong nhà, để bộ đội dùng bất cứ lúc nào, giúp bộ đội khắc phục được nhiều khó khăn và cơ động nhanh.

Ngày 26-4-1975, cuộc Tổng tiến công vào Sài Gòn chính thức mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh. Tất cả các binh đoàn đã áp sát cả 5 hướng vào Sài Gòn.

Ngày 29-4, binh đoàn 232 đánh chiếm tiểu khu Hậu Nghĩa, diệt và làm tan rã toàn bộ địch, phát triển tiến công các trục đường 7, 8, 9, 10, chiếm thị xã Hiệp Hòa, Đức Hòa. Sư đoàn 5 được biệt động thị xã dẫn đường đánh chiếm thị xã Tân An. Hai tiểu đoàn của Long An và 2 Trung đoàn của quân khu 8 đánh thẳng vào quận 8 chiếm tổng nha cảnh sát, Bộ Tư lệnh Hải quân ngụy, chiếm khu xăng Nhà Bè vào ngày 30-4-1975. du kích và nhân dân đã đồng loạt nổi dậy chiếm tất cả thị trấn, đồn bót và căn cứ quân sự của địch, giải phóng hoàn toàn tỉnh Long An.

(Đầu trang 532).....phương tiến công địch ở khu Trảng Bom, Bàu Cá, Hưng Nghĩa, Trà Cổ, Hố Nai. Các đội du kích và bộ đội huyện được quân chủ lực hỗ trợ, đã nổi dậy tiến công chiếm các chốt Lò Than, Sông Thao, Bàu Xéo. Bộ đội huyện ngăn chặn, tiến công, bắt và làm tan rã hàng trăm tên địch từ hướng lộ 20, Gia Kiệm về. Ngày 29-4-1975, toàn bộ huyện Thống Nhất được giải phóng, tuyến đường huyết mạch về Biên Hòa, Sài Gòn đã được mở. Sáng ngày 30-4-1975, huyện Vĩnh Cửu hoàn toàn được giải phóng.

Thị xã Biên Hòa là tuyến phòng thủ chủ yếu sau cùng ở hướng đông. Đêm 26-4-1975, một đơn vị Trung đoàn đặc công 113 chiếm cầu Hang, cầu Gành, cầu Rạch Cát. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt. Đến 28-4, các tuyến đường vào nội ô thành phố bị cắt đứt. Trên đường tiến vào thành phố Biên Hòa theo hướng lộ 1, Quân đoàn 4 gặp sự chống trả quyết liệt của địch. Chúng lợi dụng các nhà thờ tổ chức những ổ kháng cự. Ngày 29-4-1975, Sư đoàn 6 đã đến được Hố Nai, đặt chỉ huy ở nhà thờ Bắc Hòa. Chiều 29-4, hàng ngàn cán bộ, đảng viên bị Mỹ - ngụy bắt giam ở nhà tù Tân Hiệp, nắm thời cơ địch đang ta rã đã nổi dậy phá khám, kéo đến lộ 1, được Bộ chỉ huy tiền phương đón đưa về phía sau an toàn, tổ chức đưa các đồng chí về tỉnh.

Thị đội Biên Hòa cùng đội biệt động và Đoàn đặc công 116 đã tiến công giải phóng các xã Phước Tân, An Hòa, Long Hưng, Long Bình Tân và phát triển vào khu Kỹ nghệ Biên Hòa trong ngày 29-4. Chiều cùng ngày, Ban công vận Thành ủy cùng với Ủy ban khởi nghĩa Khu Kỹ nghệ Biên Hòa phát động cơ sở công nhân nổi dậy khởi nghĩa làm chủ 17 nhà máy, cấm cờ Mặt trận. Đêm 29-4, lực lượng công nhân cùng lực lượng thị đội đánh chiếm trung tâm khuếch trương kỹ nghệ (Sonadezi). Các sở nội tuyến thu về hai xe tăng M113, và ta sử dụng 2 xe này để hỗ trợ cho lực lượng (..đầu trang 533) Khu Kỹ nghệ Biên Hòa hoàn toàn giải phóng, lực lượng tại chỗ tiếp quản toàn bộ nhà máy. Cơ sở cách mạng ấp Bình Đa hướng dẫn bộ đội thành phố tiếp

quản trại lính Trần Quốc Toàn, Ban An ninh thành phố chiếm quận ly Đức Tu và giải phóng xã Tam Hiệp.

Chiều 29-4-1975, Ủy ban khởi nghĩa các xã ngoại thành Biên Hòa đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy giải phóng các xã Hiệp Hòa, Tân Vạn, Bửu Long, Hóa An. Tối ngày 29-4-1975, Ủy ban khởi nghĩa trong nội thành phố Biên Hòa hỗ trợ cho hàng trăm tù chính trị bị địch giam giữ ở khám đường Biên Hòa phá trại giam đưa tù nhân ra chợ Biên Hòa và tổ chức cho anh em về quê hương. 6 giờ sáng ngày 30-4-1975, nữ đảng viên Trương Thị Sáu (chi bộ đảng ở chợ Biên Hòa) sử dụng cơ sở nội tuyến trong biệt động quân nguy bảo vệ, hạ cờ nguy và treo cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng trước tòa hành chánh Biên Hòa. 10 giờ ngày 30-4-1975, thành phố Biên Hòa hoàn toàn được giải phóng. Hàng ngàn đồng bào thành phố đã đổ ra đường chào đón quân giải phóng.

Tại Thủ Dầu Một, từ ngày 8-4-1975, Sư đoàn 320b và 312 hành quân đến vị trí tập kết ở Đồng Xoài. Sau đó các đơn vị của Quân đoàn 3 vào đến Dầu Tiếng. Nhân dân vùng giải phóng đã chuẩn bị lực lượng và giúp đỡ cho bộ đội tiến công địch. Tỉnh ủy cử toàn bộ cán bộ, đảng viên về huyện cùng với địa phương tổ chức các đội công tác phát động quần chúng, sẵn sàng nổi dậy khi lực lượng ta tiến vào thị xã. Các huyện đều tập trung củng cố cơ sở đảng, các tổ chức chính trị, binh vận, phát triển bộ đội địa phương, du kích, tích cực chuẩn bị thành lập các Ủy ban khởi nghĩa, huy động nhân dân tích cực phục vụ chiến dịch. Chỉ trong một thời gian ngắn, nhân dân Thủ Dầu Một đã vận chuyển 40 tấn đạn, 80 tấn lương thực phục vụ chiến dịch. Du kích và nhân dân các xã đều chuẩn bị được lương thực dùng trong 2 tháng. (**..đầu trang 534**) công Sài Gòn. Ở hướng bắc, Tiểu đoàn 1 và 2 Phú Lợi, các đại đội địa phương huyện, 11 đội công tác cùng với 2 Sư đoàn chủ lực Quân đoàn 1 áp sát các mục tiêu trọng yếu trong và ngoài thị xã Thủ Dầu Một. 0 giờ ngày 26-4, Tiểu đoàn 2 Phú Lợi nổ súng tiến công Bình Mỹ, nổi dậy phá tan các ấp chiến lược, chiếm trụ sở nguy quyền, lập chính quyền cách mạng. Tuyến phòng thủ phía bắc thị xã Thủ Dầu Một bị đập tan, mở đường cho Quân đoàn 1 tiến vào Sài Gòn.

Ngày 27-4, bộ đội địa phương huyện Bến Cát, du kích các xã An Điền, An Tây, Phú An bao vây các bót, các chốt địch ở ngã ba Chú Lương, ngã tư Thùng Thơ. Đến 6 giờ ngày 28-4, ta diệt Tiểu đoàn 301 bảo an và 4 đại đội khác, giải phóng hoàn toàn 3 xã này. Nhân dân và du kích các xã Thới Hòa, Tân An, Tân Định, Tương Bình Hiệp, Lai Hưng nổi dậy, tiến công giải phóng địa bàn. Tại xã Mỹ Phước, du kích và quần chúng tấn công binh vận, bức hàng 1 trung đội dân vệ, giải phóng xã. Du kích các xã Bình Chánh, Khánh Vân, Phước Thành (Tân Uyên) diệt đồn Ông Thượng, bót 18

(Bình Chánh), chốt cầu Suối Cái (Khánh Vân) đập tan bộ máy kim kẹp của địch, giải phóng xã, xây dựng chính quyền cách mạng.

Tối 28-4, Sư đoàn 302b có xe tăng dẫn đầu tiến vào thị xã Tân Uyên, đánh thẳng vào chi khu địch. Sau một thời gian chống trả, đại bộ phận binh lính địch bỏ chạy về Thạnh Phước, Tân Ba. Lực lượng còn lại chống cự một cách yếu ớt, sau đó tan rã toàn bộ. Sáng ngày 29-4-1975, huyện Tân Uyên hoàn toàn được giải phóng.

Phối hợp nhịp nhàng với Tân Uyên, ngày 29-4, các huyện Bến Cát, Châu Thành, Phú Giáo cùng đồng loạt tiến công và nổi dậy làm chủ nhiều xã, bao vây nhiều đồn bót địch. Ở huyện Lái Thiêu, Dĩ An, thị xã Thủ Dầu Một, lực lượng (**..đầu trang 534**) địch phòng thủ với tâm trạng hoang mang cực độ. Lúc này tình thế cách mạng đã thực hiện chín muồi, tình hình trên toàn mặt trận đang diễn ra quyết liệt như báo trước sự sụp đổ hoàn toàn của chính quyền phản động bán nước. Nguyễn Văn Cúa, tỉnh trưởng cho người ra ngoài tìm cách liên lạc với ta để xin hòa hoãn.

Đúng 5 giờ ngày 30-4-1975, pháo của Quân đoàn 1 bắn cấp tập vào tiểu khu Phú Lợi (cách dinh tỉnh trưởng 3km) suốt nửa tiếng đồng hồ, mở màn cho trận quyết chiến cuối cùng. Tiếng pháo vừa dứt, lực lượng bộ binh của Quân đoàn 1 phối hợp bộ đội địa phương đã anh dũng xung phong tiến công vào căn cứ địch. Sau hơn 3 giờ chiến đấu, ta diệt gọn các ổ đề kháng của địch. Căn cứ Phú Lợi 18 năm trước là nhà tù lớn của Mỹ - ngụy, nơi diễn ra cuộc đầu độc giết hại hàng ngàn chiến sĩ yêu nước, là căn cứ quan trọng của quân ngụy trên tuyến phòng thủ Sài Gòn đã bị quân ta tiêu diệt.

Căn cứ Phú Lợi bị đập tan, trung tâm thị xã Thủ Dầu Một của địch bị uy hiếp mạnh. Mặc dù tại đây lực lượng địch còn khá đông gồm 1 trung đoàn thiết giáp, 1 tiểu đoàn lính thường trực bảo an, 1 tiểu đoàn biệt động quân ở Châu Thành và vài đại đội chủ lực ở Phú Văn, nhưng chúng hoàn toàn bất lực vì hầu hết lực lượng này đang bị hàng ngàn quân chúng ở các địa phương, các đơn vị bộ đội của tỉnh, quân dân du kích vây chặt. Mặt khác nhiều sĩ quan, binh lính, tinh thần đã rệu rã chỉ muốn trở về sống với gia đình.

Trong nội ô thị xã Thủ Dầu Một, các tổ chức quần chúng, nông, trí thức, thanh niên, phụ nữ... khắp 10 xã phường và các công sở, xí nghiệp từ hoạt động bí mật chuyển lên hoạt động công khai với nhiều hình thức phong phú, phối hợp với các đoàn cán bộ và đơn vị bộ đội địa phương từ các hướng ồ ạt tiến vào nội ô thị xã. Các vùng ngoại ô, phong trào quần chúng phát triển mạnh mẽ. Ở các hướng tây, nhân dân xã Chính Mỹ tấn công binh vận làm tan rã và gọi hàng 1 trung đội dân vệ, 1 trung đội phòng vệ xung kích. Ở hướng bắc, các bót Tân An, Tương Bình Hiệp, Bung Cầu,

Hiệp Thành và các chốt trên trục đường 13 đã bị bức hàng, bức rút. Đến 10 giờ sáng ngày 30-4-1975, các xã này hoàn toàn được giải phóng. Ở hướng nam, chi bộ đảng các xã phối hợp với đoàn công tác vận động nhân dân may cờ, tấn công binh vận và có kế hoạch bảo vệ nhà máy đường Bình Dương. Ở hướng đông, khu vực bệnh viện 4 đã chiến và ngã tư Phú Lợi, một tổ nữ vệ chốt chặn cùng lực lượng vũ trang thị xã đánh chiếm các trụ sở, bao vây, phát loa kêu gọi địch đầu hàng. Tên tỉnh trưởng Nguyễn Văn Cửa, tên sư đoàn phó và một số sỹ quan thuộc sở chỉ huy, chạy trên một chiếc xe Jeep bị ba nữ chiến sỹ tự vệ bắt sống giao cho bộ phận tiếp đón của mặt trận.

Phối hợp nhịp nhàng với đòn tiến công quân sự của Phú Lợi và các nơi khác, sáng ngày 30-4-1975, 7 đoàn cán bộ của tỉnh cùng các cánh của thị xã và hàng ngàn quần chúng nhân dân nội ô nhanh chóng chiếm lĩnh 7 mục tiêu quan trọng: Tòa hành chính, Ty cảnh sát, Thành công binh, Ty giáo dục, Ty thanh niên, Ty điện lực, khám đường và các cơ sở xí nghiệp. 10 giờ sáng ngày 30-4-1975, lực lượng ta làm chủ hoàn toàn trong thị xã, cắm cờ Mặt trận trên nóc dinh tỉnh trưởng. Ủy ban quân quản thành lập do đồng chí Nguyễn Văn Hữu làm chủ tịch bắt đầu tiếp quản các trụ sở của địch và phân công người chiếm giữ. Tại huyện Phú Giáo, phối hợp với bộ đội chủ lực, nhân dân và lực lượng vũ trang tại chỗ đánh chiếm chi khu Phước Vĩnh, tiếp đó diệt các bót Phước Hòa, Tân Bình... nhân dân nổi dậy phá áp chiến lược, trụ sở ngục quyền, gọi hàng và truy quét tàn quân địch và bọn ác ôn lẫn trốn. Trưa 30-4-1975, huyện Phú Giáo hoàn toàn được giải phóng.

Tại nam huyện Bến Cát, sáng 30-4, nhân dân các xã đồng loạt nổi dậy giải phóng 7 xã còn lại trên đường 13. 14 giờ 30 ngày 30-4-1975, hàng ngàn tên lính thuộc Sư đoàn 5 ngục và 20 xe quân sự trên đường từ Lai Khê rút chạy về Sài Gòn bị ta chặn đánh, phần lớn địch bị bắt và đầu hàng. Tên quận trưởng và quận phó chi khu quân sự Bến Cát còn ngoan cố chống cự, nhưng đến 16 giờ cùng ngày cũng phải ra đầu hàng. Tại quận Châu Thành, trước sức tiến công mãnh liệt của ta, bọn địch rất hoang mang lo sợ. Ngục quyền bỏ trốn, ngục quân phần lớn rã ngũ buông súng đầu hàng. Trưa ngày 30-4-1975, nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương nhất tề nổi dậy diệt ác ôn, truy quét tàn binh, thu gom vũ khí. Ở xã Tân Khánh, chỉ có 1 tổ du kích với nhân dân địa phương xã, đã gọi hàng 3 chi đoàn lính thiết giáp và bọn chỉ huy.

Tại huyện Lái Thiêu, trước đó mấy ngày, 40 cán bộ huyện được phân thành nhiều tổ công tác để lãnh đạo phong trào quần chúng ở các xã ấp. Tỉnh chi viện cho địa phương 1 trung đội chủ lực để phối hợp với lực lượng vũ trang huyện tiến công địch. 4 giờ sáng ngày 30-4, Sư đoàn 320b cùng bộ đội huyện đồng loạt tiến công đánh chi khu quân sự và 28 đồn bót địch còn lại trên đường. Địch chống trả quyết liệt. Đến 9

giờ sáng ngày 30-4-1975, tất cả các mục tiêu quân sự trong thị trấn đều bị ta đánh chiếm. Huyện Lái Thiêu hoàn toàn được giải phóng.

Tại huyện Dĩ An, trước ngày 30-4, Đoàn đặc công 113 của Miền đánh chiếm toàn bộ trung tâm huấn luyện, ngục quân, ngục quyền bỏ chạy, quần chúng nhân dân nổi dậy làm chủ nhiều xã xung quanh. Đến 10 giờ ngày 30-4-1975, Đoàn 113 phối hợp với Đại đội 73 đặc công tỉnh mở đợt tiến công đánh chiếm chi khu quân sự Dĩ An, đột nhập vào căn cứ Sóng Thần và bắt sống hơn 4.000 tên. Đến 19 giờ ngày 30-4-1975, Dĩ An hoàn toàn được giải phóng.

Cuộc tiến công và nổi dậy quân dân Thủ Dầu Một từ khi ta nổ súng tiến công Dầu Tiếng (10-3-1975) đến ngày toàn thắng (30-4-1975) diễn ra đúng 52 ngày đêm. Đến 19 giờ ngày 30-4-1975, tỉnh Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Phước hoàn toàn giải phóng.

Bà Rịa – Long Khánh là một mặt trận quan trọng của miền Đông Nam Bộ trong Chiến dịch Hồ Chí Minh trong đó Long Khánh, Xuân Lộc, Bà Rịa và Vũng Tàu là ba trọng điểm chỉ đạo của Khu ủy. Để chỉ đạo sâu sát chiến trường, ngày 8-4-1975, Ban Thường vụ Khu ủy miền Đông quyết định bố trí lại chiến trường: Tỉnh Bà Rịa - Long Khánh tách làm 3 đơn vị trực thuộc Khu ủy; Tỉnh Bà Rịa do đồng chí Lê Nhị Thành làm Bí thư, tỉnh Long Khánh do đồng chí Phạm Lạc làm Bí thư, thành phố Vũng Tàu do đồng chí Phạm Văn Hy làm Bí thư. Sau những thắng lợi dồn dập của quân dân ta trên khắp các chiến trường, ngục quân, ngục quyền hoang mang. Để cứu vãn tình hình, tướng Uayen đã quyết định tuyến phòng thủ phía đông, lấy Xuân Lộc làm trung tâm. Ngoài Sư đoàn 18 cùng với quân ngục từ miền Trung chạy vào, địch tung toàn bộ lực lượng ngục của vùng 3 chiến thuật, quân chủ lực tổng trừ bị của địch như dù (lữ 1), thủy quân lục chiến, liên đoàn 7 biệt động quân, lữ 3 thiết giáp và 3 thiết đoàn 315, 318, 320 vào mặt trận Xuân Lộc để giữ tuyến phòng thủ cuối cùng ở phía đông Sài Gòn.

Thường vụ Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền chủ trương mở chiến dịch giải phóng Xuân Lộc, đập tan tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở phía đông, mở đường cho đại quân ta tiến vào Sài Gòn. Lực lượng tham gia chiến dịch gồm: Sư đoàn 1, Sư đoàn 6, Sư đoàn 7, Trung đoàn độc lập 95 b (Quân đoàn), Trung đoàn 5 Quân khu 7 và các lực lượng vũ trang địa phương tỉnh Bà Rịa, Long Khánh có sự phối hợp của lực lượng thành phố Biên Hòa. Đồng chí Hoàng Cầm làm Tư lệnh chiến dịch.

5 giờ 30 sáng ngày 9-4-1975, quân ta đồng loạt nổ súng tiến công vào các mục tiêu trong thị xã Long Khánh. Pháo binh ta bắn dữ dội trong hơn một tiếng đồng hồ

sau đó bộ binh và xe tăng ta nổ súng đánh chiếm các mục tiêu: Tòa hành chánh, dinh tỉnh trưởng, tiểu khu. Địch phản ứng ác liệt, nhiều chiến sĩ ta hy sinh, nhưng địch không ngăn cản được sức tiến công của ta. Gần 8 giờ ngày 9-4, ta cắm cờ Mặt trận trên dinh tỉnh trưởng. Trong khi đó, ở các hướng xung quanh lực lượng ta và địch giành nhau từng góc phố, từng con đường. Địch tăng quân tiếp viện để cố thủ Xuân Lộc. Hàng đoàn máy bay AD6, A37, F5A liên tục ném bom, bắn rốc két xuống thị xã Long Khánh, mỗi ngày có từ 20 đến 50 phi vụ oanh kích dữ dội xuống trận địa.

Trước khi chiến sự xảy ra, thị xã Long Khánh đã chủ động đưa dân ra khỏi thị xã. Nhiều gia đình trước khi sơ tán đã chuẩn bị sẵn gạo, nước để cho bộ đội sử dụng. Ngày 16-4-1975, ta giải phóng sở cao su Bình Lộc. Ngày 17-4, phi pháo địch bắn dữ dội dọc đường sắt từ Hưng Lộc để yểm trợ cho Chiến đoàn 8 Sư đoàn 5 ngụy và Thiết đoàn 315 phản kích. Địch sử dụng cả bom CBU (bom hơi ngạt), nhưng không thể giữ được phòng tuyến.

Ngày 19-4-1975, ta giải phóng Suối Tre. Suốt ngày 18 và 19-4, pháo địch bắn ác liệt ở phía tây thị xã Long Khánh. Nhận định có thể địch rút lui theo hướng lộ 2 về Bà Rịa, theo đường 10 về Long Thành hoặc Trảng Bom, ta tập trung lực lượng đón lờng địch trên hai hướng này. Đêm 20-4-1975, toàn bộ quân địch ở thị xã Long Khánh rút chạy theo hướng lộ 2. Tiểu đoàn 445 và bộ đội địa phương Châu Đức C41 chặn đánh, diệt hơn 10 xe tăng, bắt 100 tên, trong đó có Đại tá Phạm Văn Phúc, Tỉnh trưởng tỉnh Long Khánh tại khu vực sở cao su Quang Minh.

Sau 12 ngày đêm chiến đấu gian khổ và ác liệt, sáng ngày 21-4-1975, ta đập tan “cánh cửa thép” Xuân Lộc. Tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở phía đông Sài Gòn bị đập tan, thúc đẩy quá trình tan rã của địch ở Biên Hòa, Sài Gòn, mở ra một địa bàn rộng lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho các binh đoàn chủ lực bước vào Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Ngày 23-4-1975, những đơn vị đầu tiên của đơn vị Sư đoàn Sao Vàng (F3) Quân khu V¹ đã hành quân đến rừng cao su Cẩm Mỹ, nhận nhiệm vụ giải phóng Bà Rịa và Vũng Tàu tạo thế bao vây cô lập Sài Gòn, chặn con đường rút chạy ra biển của địch. Tỉnh ủy và Tỉnh đội Bà Rịa – Long Khánh hợp với Ban chỉ huy Sư đoàn Sao Vàng tại Cẩm Mỹ, bàn về phương án giải phóng Bà Rịa – Vũng Tàu.

¹ Sau khi hoàn thành nhiệm vụ giải phóng khu vực miền Trung, Sư đoàn 3 Sao Vàng (F3) của Quân đoàn V nhập vào đội hình Quân đoàn II, tham gia “Cánh quân Duyên Hải” đánh vào phía đông Sài Gòn.

Trước đó, ngày 8-4-1975, trước khi nổ súng tiến công Xuân Lộc một ngày, Khu ủy miền Đông Nam bộ đã chỉ đạo Đảng bộ Bà Rịa – Long Khánh chia thành 3 lực lượng, một lực lượng do đồng chí Phạm Lạc, Tỉnh đội phó chỉ huy về tham gia giải phóng Xuân Lộc; một lực lượng tách ra thành lập Thành ủy thành phố Vũng Tàu trực thuộc Khu ủy miền Đông Nam Bộ do đồng chí Phạm Văn Hy làm Bí thư Thành ủy, lực lượng còn lại là Tỉnh ủy Bà Rịa – Long Khánh do đồng chí Lê Minh Hà làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng thời triển khai nhiệm vụ giải phóng ba địa bàn trọng điểm ở cửa ngõ phía đông Sài Gòn – Gia Định theo tinh thần “tỉnh giải phóng tỉnh lỵ, tiểu khu, huyện giải phóng huyện lỵ, chi khu; xã giải phóng xã, ấp giải phóng ấp”.

Thành ủy thành phố Vũng Tàu khẩn trương tập kết lực lượng tại căn cứ Châu Pha, móc nối cán bộ nội thành ra nắm tình hình và giao nhiệm vụ trở về chuẩn bị lực lượng, phát động quần chúng nổi dậy khi bộ đội chủ lực tiến công. Thành ủy tăng cường 10 cán bộ vào bám trụ trong nội ô với nhiệm vụ phát động quần chúng đào hầm trú ẩn, chuẩn bị lương thực, thực phẩm, thuốc men, may cờ, khẩu hiệu, tổ chức Ủy ban khởi nghĩa để phối hợp với bộ đội tiến công và nổi dậy giải phóng thành phố Vũng Tàu.

Ngày 26-4-1975, cuộc tổng tiến công vào Sài Gòn mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu cũng là lúc Bộ chỉ huy Sư đoàn 3 Sao Vàng cùng Tỉnh đội Bà Rịa và cán bộ tham mưu Quân khu 7 triển khai phương án giải phóng Bà Rịa – Vũng Tàu được tiến hành làm 2 giai đoạn: Giai đoạn I: giải phóng thị xã Bà Rịa và toàn tỉnh Phước Tuy; Giai đoạn II: Giải phóng Vũng Tàu.

Sau ba lần hoãn lại giờ G để các đơn vị hành quân tiếp cận kịp mục tiêu, 17 giờ ngày 26-4-1975, 19 khẩu trọng pháo Sư đoàn Sao Vàng đã đồng loạt nổ súng vào các mục tiêu thuộc tiểu khu Phước Tuy. Trung tâm huấn luyện Vạn Kiếp và Chi khu Đức Thạnh. Rạng sáng 27-4-1975, chi khu Đức Thạnh và các xã đông và tây lộ 2 được giải phóng.

Tại thị xã Bà Rịa, sau loạt pháo mở màn chiến dịch lúc 17 giờ ngày 26-4-1975, xe tăng ta xuất kích từ Hắc Dịch qua Núi Dinh, tiến dọc đường Lê Lợi vào thị xã Bà Rịa. Trưa 27-5-1975, quân giải phóng làm chủ tỉnh lỵ và tiểu khu Bà Rịa, phát triển lực lượng đánh chiếm Trung tâm Vạn Kiếp lúc 14 giờ và chiếm lĩnh hoàn toàn các cơ quan, đồn bót của địch trong nội ô lúc 15 giờ cùng ngày. Thị xã Bà Rịa được hoàn toàn giải phóng.

Trong lúc Sư đoàn Sao Vàng tập trung lực lượng tiến công chi khu Đức Thạnh và Tiểu khu Phước Tuy thì lực lượng vũ trang địa phương được giao nhiệm vụ trên địa

bản Xuyên Mộc và Long Đất. Sáng ngày 27-4-1975, quân địch từ chi khu Xuyên Mộc tháo chạy hỗn loạn về Bà Rịa và Vũng Tàu, bị tiểu đoàn 445 của tỉnh và Đại đội 25, 26 của Long Đất đánh tan rã 2 tiểu đoàn bảo an (D302,347), hỗ trợ du kích và nhân dân các xã nổi dậy chiếm lĩnh các chi khu và trụ sở xã. Trưa 27-4-1975 Xuyên Mộc được giải phóng, huyện Long Đất được giải phóng hoàn toàn trong ngày 27-4-1975. Cùng ngày 27-4-1975, đoàn 10 đặc công Rừng Sác và Z24 Lữ đoàn 316 Miền tiền công giải phóng xã đảo Long Sơn.

Sau khi giải phóng hoàn toàn địa bàn Bà Rịa, trưa 28-4-1975, bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định sử dụng lực lượng Sư đoàn Sao Vàng và Tiểu đoàn 445 thực hiện giai đoạn II của chiến dịch và phương án giải phóng thành phố Vũng Tàu bằng cả hai hướng đường bộ và đường biển. Địch đã đánh sập cầu Cỏ May, tử thủ Vũng Tàu. Bộ tư lệnh sư đoàn quyết định vượt sông bằng cả 2 phương pháp: bí mật và dùng hỏa lực mạnh chi viện. Chiều ngày 28-4-1975, ngư dân các xã Long Hương, Phước Lễ, Phước Tỉnh được lệnh huy động toàn bộ số ghe hiện có, chuẩn bị đưa bộ đội qua sông, giải phóng Vũng Tàu.

Trong đêm, đơn vị A.32 đặc công thủy Vũng Tàu đánh chìm một tàu chở đầy hàng quân sự 10.000 tấn tại cảng Rạch Dừa và diệt gọn tốp lính thủy đánh bộ gác cầu Rạch Bà, gỡ khối thuốc nổ của địch đặt ở mố cầu rồi bố trí lực lượng chốt chặn, đánh địch bảo vệ cầu cho đội quân tiến vào.

Rạng sáng 29-4-1975, Tiểu đoàn 3 (E2, E3) tổ chức vượt sông, đánh chiếm bàn đạp cho trung đoàn. Địch phản kích quyết liệt. Tiểu đoàn 3 thương vong gần hết, trong khi đó, mũi vu hồi hướng đông nam được ghe của ngư dân chuyển quân vượt Cửa Lấp hết sức thuận lợi. Sư đoàn quyết định chuyển hướng, giao cho Trung đoàn 12 đảm nhiệm hướng tiến công chủ yếu, đánh vào cụm phòng ngự của địch tại ấp Phước Thành, sau lưng tuyến phòng thủ Cỏ May - Cây Khế khiến toàn bộ đám tàn quân trên tuyến phòng thủ hoang mang, nhốn nháo, tan vỡ từng mảng, rút súng chạy thoát thân.

Các cánh quân ta tiến vào trung tâm thành phố Vũng Tàu, làm chủ về cơ bản thành phố trong đêm và chiếm tòa thị chính Vũng Tàu lúc 9 giờ sáng ngày 30-4-1975. Hang ổ cuối cùng của bọn tàn quân ngoan cố tại khách sạn Palace bị tiêu diệt hoàn toàn lúc 13 giờ 30 phút ngày 30-4-1975.

Ngày 1-5-1975, Trung tướng Lê Trọng Tấn, đại diện Tổng tham mưu, Tư lệnh cánh quân Duyên Hải đã họp với đại diện Khu ủy miền Đông Nam bộ, Tư lệnh Sư đoàn Sao Vàng và Ủy ban quân quản Vũng Tàu bàn phương án giải phóng Côn Đảo. Tiểu đoàn 445 bộ đội tỉnh cùng Tiểu đoàn 6 anh hùng của Sư đoàn Sao Vàng nhận

nhiệm vụ giải phóng Côn Đảo. Nhưng vào thời điểm đó, lực lượng chính trị đã nổi dậy tự giải phóng mình khỏi xiềng xích, lao tù và giải phóng hoàn toàn Côn Đảo.

Nhà tù Côn Đảo khi đó có 7.448 tù nhân trong đó có 4.234 tù chính trị cầm cố trong 8 trại giam. Chúa đảo Lâm Hữu Phương cùng cố vấn Mỹ rút chạy từ chiều hôm trước. Đại úy Phạm Huỳnh Trung nắm quyền chỉ huy đã ra lệnh khóa chặt cửa các trại giam, tổ chức di tản và chuẩn bị thủ tiêu tù chính trị bằng lựu đạn bằng giờ chót. Tình thế đảo ngược khi Tổng thống ngụy Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng. Bọn ác ôn kinh hoàng tháo chạy, tranh cướp ghe ra tàu Mỹ di tản.

Nhận rõ tình thế đã đổi thay, một số công chức, gác ngục đã tìm đến những người tù chính trị mà họ từng có thiện cảm đang bị giam ở trại VII. Họ báo tin Sài Gòn đã được giải phóng và trao chìa khóa, vũ khí và yêu cầu tù chính trị ra quản lý chính quyền, bảo đảm an toàn tài sản, tính mạng cho những người ở lại. Lúc đó là nửa đêm 30-4-1975.

Những người có trách nhiệm ở trại VII đã quyết định chớp thời cơ tự giải phóng. Đảo ủy lâm thời được thành lập lúc 3 giờ sáng ngày 1-5-1975. Theo sự chỉ đạo của Đảo ủy, tù chính trị đã tổ chức lực lượng vũ trang, chia thành nhiều mũi chiếm các vị trí xung yếu của đảo và mở cửa giải phóng cho các trại. 9 giờ sáng ngày 1-5-1975, Đài phát thanh Côn Đảo phát sóng, báo tin tù chính trị chính hoàn toàn làm chủ Côn Đảo và công bố danh sách các thành viên trong chính quyền cách mạng.

Rạng sáng ngày 4-5-1975, chuyên tàu chở lực lượng vũ trang ra giải phóng Côn Đảo cập bến cũng là lúc tình hình trên đảo đã đi vào ổn định. Ngày 5-5-1975, chuyên tàu đầu tiên đưa các chiến sĩ tù nhân Côn Đảo đã về đến Vũng Tàu tổ chức trọng thể cuộc mittinh tại cảng Rạch Dừa chào đón những người con ưu tú của Tổ quốc vừa chiến thắng trở về.

Cùng với cả miền Nam, Đảng bộ và nhân dân miền Đông Nam bộ đã hoàn thành nhiệm vụ cao cả theo đúng chỉ đạo của Trung ương. Trung ương Cục miền Nam: Thực hành cuộc tổng tiến công và nổi dậy đập tan hoàn toàn bộ máy ngụy quân, ngụy quyền của địch ở miền Đông Nam bộ, mở thông tuyến đường vào Sài Gòn, thủ phủ ngụy quyền miền Nam, kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, cùng cả nước hoàn thành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. *(bản đồ: diễn biến cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 – 4-3-1975)*

KẾT LUẬN

Miền Đông Nam bộ, vùng đất chiếm lược được cư dân người Việt vào khai phá từ những năm cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, chính thức trở thành vùng đất của nước Đại Việt khi Nguyễn Hữu Cảnh vào xây dựng thiết chế hành chính (1698) lập phủ Gia Định gồm hai huyện Phước Long và dinh Trấn Biên và Tân Bình với dinh Phiên Trấn luôn là vùng đất mở và năng động.

Mang theo hành trang truyền thống dân tộc Việt Nam vào vùng đất mới, người dân miền Đông Nam bộ đồng cam cộng khổ, đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt, mở đất xây dựng làng xóm, phát triển cuộc sống. Những kinh nghiệm truyền thống cộng với thực tiễn phong phú ở vùng đất mới đã giúp người dân miền Đông Nam bộ nhận thức rằng đoàn kết chính là yếu tố sống còn, là nguyên nhân để có thể vượt qua mọi trở lực của thiên nhiên, của cuộc đấu tranh sinh tồn.

Thiên nhiên phong phú, nhiều sản vật, sự giao lưu văn hóa trong và ngoài nước, tiếp xúc thương mại được mở rộng qua cảng Cù Lao Phố, Bến Nghé góp phần hình thành nên tính cách người dân miền Đông Nam Bộ cần cù trong lao động, dung dị, phóng khoáng, bộc trực trong ứng xử, nhưng hết sức kiên quyết trong đấu tranh.

Tình yêu vùng đất mới nảy sinh trong quá trình khai phá và truyền thống yêu nước của dân tộc quyện chặt vào nhau trong huyết quản người miền Đông Nam bộ đã xây dựng nên truyền thống xả thân, sẵn sàng hi sinh đấu tranh giữ gìn những giá trị văn hóa, vật chất mà các lớp người đi trước đã khởi dựng. Cửa biển Phước Thắng (Vũng Tàu), sông Lòng Tàu đã từng chứng kiến những chiến công của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ, đánh bại những chiến thuyền thực dân Pháp, Tây Ban Nha, cuộc tiến quân thần tốc của ông để diệt hoàn toàn 5 vạn quân Xiêm xâm lấn bờ cõi.

Năm 1858 khi thực dân Pháp nổ súng tấn công nước ta lần thứ nhất, nhân dân các dân tộc ở miền Đông Nam bộ đã không ngừng đứng lên kháng chiến, xây dựng căn cứ, tổ chức tiến công địch gây cho thực dân Pháp nhiều thiệt hại. Phong trào kháng chiến dưới cờ Cần Vương, sỹ phu yêu nước, phong trào Hội kín yêu nước, phong trào Duy Tân, Đông Du phát triển liên tục, nhưng không thành công. Công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã góp phần cho sự ra đời và phát triển của giai cấp công nhân nói chung và của miền Đông Nam bộ nói riêng.

Từ vùng đất miền Đông Nam bộ, năm 1911 người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành, tức Nguyễn Ái Quốc đã ra đi tìm đường cứu nước. Người đã đến với chủ nghĩa Mác-Lênin và bằng thiên tài của mình, Người đã tiến hành việc chuẩn bị về lý

luyện, tư tưởng, tổ chức huấn luyện, đào tạo cán bộ, đưa chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam và tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930).

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một bước ngoặt của cách mạng Việt Nam nói chung, của miền Đông Nam bộ nói riêng.

Miền Đông Nam bộ với điều kiện kinh tế phong phú, các thành phần giai cấp trong xã hội, tôn giáo phát triển đa dạng, vừa có đô thị, vừa có rừng núi, nông thôn, do vậy cuộc đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng cũng diễn ra hết sức phong phú, đa dạng với nhiều hình thức phù hợp, có ý nghĩa tác động chung đến phong trào cách mạng của cả Nam bộ.

Cuộc đấu tranh của 5.000 công nhân cao su Phú Riềng ngày 3-2-1930, cùng với các cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy Trảng Thi... phong trào nông dân ở Nghệ Tĩnh tạo nên cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh 1930 -1931. Phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương 1936-1939 xuất phát từ miền Đông Nam bộ, trung tâm là Sài Gòn, nhanh chóng phát triển thành cao trào cả nước, bằng nhiều hình thức đấu tranh công khai hợp pháp, bán công khai đã tập hợp lực lượng quần chúng đông đảo, là bước tập dượt quan trọng để tiến tới khởi nghĩa năm 1945.

Khi Chiến tranh thế giới lần thứ II nổ ra (3-9-1939), đặc biệt sau khi cuộc Khởi nghĩa Nam kỳ thất bại, thực dân Pháp đã tiến hành khủng bố trắng, gây cho Đảng bộ và phong trào cách mạng ở miền Đông Nam bộ những tổn thất nặng nề, nhưng những đội du kích Nam kỳ vẫn tồn tại trong rừng thẳm với sự đùm bọc nuôi dưỡng của quần chúng nhân dân. Ngày 27-3-1941. Đồng bào các dân tộc ít người ở Tà Lài đã giúp đỡ các đảng viên cộng sản vượt ngục, tạo điều kiện xây dựng lại các cơ sở Đảng ở Nam kỳ, tiến tới gây dựng phong trào cách mạng của quần chúng để đi đến cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Miền Đông cũng là địa bàn của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 tại Nam bộ diễn ra sớm nhất (tại Long An ngày 20-8-1945). Đảng bộ các tỉnh miền Đông Nam bộ đã huy động nhân dân toàn miền cùng nhân dân Sài Gòn – Gia Định thực hiện cuộc khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật.

Cách mạng Tháng Tám 1945 thắng lợi mở ra cho đất nước ta nói chung, Đảng bộ và nhân dân miền Đông nói riêng một kỷ nguyên độc lập dân tộc.

*

* *

Cách mạng thành công, độc lập giành được chưa đầy một tháng, thực dân Pháp đã nổ súng xâm lược ở Nam bộ. Ngày 23-9-1945, nhân dân miền Đông Nam bộ, tiêu biểu là nhân dân Sài Gòn – Gia Định đã nổ phát súng đầu tiên mở đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong biết bao bộn bề của kháng chiến, Đảng bộ miền Đông Nam bộ đã từng bước giải quyết được những vấn đề bức xúc của thực tế đặt ra: Xây dựng và phát triển Đảng bộ, đảm bảo sự thống nhất của Đảng với các lực lượng kháng chiến; xây dựng và phát triển, thống nhất lực lượng vũ trang về tổ chức, tư tưởng Mặt trận, các đoàn thể cứu quốc tập hợp quần chúng không phân biệt tầng lớp, giai cấp, gái trai, già trẻ, dân tộc, tôn giáo, đảm bảo sự thống nhất tinh thần và tư tưởng trong nhân dân toàn Miền với lý tưởng “Thà hy sinh tất cả chứ không chịu làm nô lệ”; xây dựng hệ thống căn cứ địa kháng chiến liên hoàn... để kháng chiến lâu dài toàn dân, toàn diện, dựa vào sức mình là chính.

Miền Đông Nam bộ với Sài Gòn – Gia Định là thủ phủ, với Biên Hòa là trung tâm, nơi đặt các cơ quan chỉ huy đầu não, nhiều căn cứ quân sự lớn của kẻ thù, tập trung đến ba phần tư lực lượng quân viễn chinh Pháp ở Nam bộ trở thành chiến trường ác liệt, mà ở đó thắng lợi của ta có ý nghĩa lớn đến toàn bộ cuộc kháng chiến của Nam bộ.

Được Trung ương Đảng, Xứ ủy Nam bộ lãnh đạo, Đảng bộ miền Đông Nam bộ đã chỉ đạo phát triển phong trào du kích chiến tranh, kết hợp những đòn tiến công của chủ lực làm nên những thắng lợi có ý nghĩa lớn: những cuộc đánh diệt bọn chỉ huy quân Pháp, bọn ác ôn trong thành phố, thị xã, trị trấn; những địa danh Đồng Xoài, La Ngà, Trảng Bom, Bà Kiên; Phú Thọ, cầu Bến Lức, Chiên khi Đ, sông Lòng Tàu, An Phú Đông, Vườn Thơm... đều ghi đậm những chiến công vang dội của quân và dân miền Đông Nam bộ. Trận bão lụt năm Nhâm Thìn (1952) cũng gây ra những khó khăn nhưng không làm giảm sút ý chí quyết tâm kháng chiến của Đảng bộ và nhân dân miền Đông Nam bộ.

Miền Đông Nam bộ ghi đậm chiến công của trận đánh tháp canh Bà Kiên, mở đầu cho cách đánh mới – cách đánh đặc công – để sau này phát triển thành kỹ thuật đánh đặc công (đánh bộ, đánh thủy và đánh trong thành phố, tức biệt động), được nâng lên thành binh chủng đặc biệt tinh nhuệ sau này: Binh chủng Đặc công (thành lập 19-3-1967).

*

* *

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ và quân dân miền Đông Nam bộ lại đứng trước những thử thách lớn của chiến tranh ác liệt do Mỹ - ngụy và tay sai ở miền Nam gây ra, mà quy mô và mức độ tàn phá là vô cùng tàn khốc. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Đông Nam bộ chính là sự đối đầu trực tiếp giữa quân xâm lược có tiềm lực quốc phòng, bộ máy tay sai, đàn áp lớn, có trang bị và phương tiện chiến tranh tối tân với Đảng bộ và quân dân miền Đông Nam bộ với lòng yêu nước nồng nàn, căm thù giặc sâu sắc, với ý chí quyết tâm chiến đấu vì độc lập dân tộc và thống nhất đất nước.

Trong cuộc chiến tranh một mất một còn đó, Đảng bộ miền Đông Nam bộ một lần nữa cho thấy tính sáng tạo trong vận dụng đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện cuộc kháng chiến trên địa bàn.

Ở mỗi giai đoạn chiến tranh, chiến trường miền Đông Nam bộ đều diễn ra ác liệt với nhiều tổn thất hy sinh, nhưng ở đó, cũng thể hiện rõ nét tư tưởng tiến công, quan điểm bạo lực cách mạng và tính linh hoạt sáng tạo của Đảng bộ và quân dân miền Đông Nam bộ.

Ở giai đoạn đầu cuộc kháng chiến (1954 – 1960), tình hình phong trào cách mạng miền Đông Nam bộ hết sức gian khổ, khó khăn. Bằng mọi thủ đoạn thâm độc nhất, địch tiến hành khủng bố nhằm tiêu diệt cách mạng, mà đỉnh cao là luật 10/59 đặt Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật; lê máy chém khắp miền Nam, nhiều cơ sở Đảng bị tan rã, cán bộ bị bắt bớ, tù đày, giết hại. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Trung ương, Xứ ủy, Đảng bộ miền Đông vẫn kiên trì mục tiêu lý tưởng cách mạng, bám địa bàn, bám quần chúng để khôi phục cơ sở cách mạng và phong trào. Lợi dụng cuộc xung đột của hai thế lực thân Mỹ và Pháp ở miền Nam, Đảng bộ miền Đông Nam bộ đã nắm lấy cơ hội quét sâu mâu thuẫn kẻ thù, tiến hành xây dựng căn cứ địa, xây dựng sớm nhất lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam, đưa hoạt động vũ trang hỗ trợ tích cực cho cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng; Tiếng súng tiến công vào đoàn cố vấn quân sự Mỹ MAAG ở Biên Hòa như phát pháo lệnh trong giai đoạn tiền Đồng khởi năm 1960. Xoi đường nối thông tuyến hành lang chiến lược, đường Hồ Chí Minh như một kỳ tích để đón nhận sự chi viện về người và của từ Trung ương cho đến chiến trường miền Nam. Chiến thắng Tua Hai (tháng 1-1960) mở đầu cho cao trào Đồng khởi toàn miền Đông Nam bộ đánh bại chiến lược “tổ cộng, diệt cộng” của Mỹ - ngụy.

Trong giai đoạn chiến lược “chiến trang đặc biệt”, miền Đông Nam bộ là nơi hình thành Trung ương Cục miền Nam, tiêu biểu với phong trào đánh bình định; phá áp chiến lược. Chiến thắng Phước Thành (19-8-1961), lần đầu tiên quân giải phóng đánh chiếm một tỉnh lỵ của địch đánh bại kế hoạch bao vây chia cắt Chiến khu Đ, mở

rộng căn cứ địa. Bến cảnh Lộc An (Bà Rịa) được mở để tiếp nhận những “con tàu không số” đưa vũ khí từ hậu phương lớn vào chi viện cho chiến trường miền Nam. Những trận đánh của đặc công biệt động sâu vào các cơ quan căn cứ đầu não Mỹ - ngụy ở Sài Gòn từng gây cho địch nhiều hoang mang và thiệt hại. Chiến dịch Bình Giã (2-12-1964 đến 3-1-1965) – chiến dịch lớn đầu tiên của quân giải phóng miền Nam, chiến dịch Đồng Xoài – Phước Long (5-1965) đánh bại hoàn toàn chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Miền Đông Nam bộ là chiến trường quân viễn chinh Mỹ và các loại chư hầu đổ vào sớm nhất để tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ”, nhưng là nơi đặt cơ quan chỉ huy của địch ở miền Đông Nam bộ (Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3, Nha cảnh sát miền Đông Nam bộ, Bộ Tư lệnh dã chiến 2 Mỹ...). Địch đầu tư lớn mở rộng các căn cứ quân sự như Tân Sơn Nhất, sân bay Biên Hòa, các tổng kho Long Bình, Thành Tuy Hạ, mở rộng cảnh Nhà Bè, Sài Gòn và hàng loạt các căn cứ lớn khác như Lai Khê, Đồng Dù, Bù Na, Bà Rá, Vạn Kiếp, Nước Trong. Miền Đông Nam bộ trở thành chiến trường “tìm diệt” của Mỹ - ngụy, lần đầu tiên đế quốc mỹ dùng đến máy bay ném bom chiến lược B52 (Bờ Càng, Long Nguyên, Bến Cát).

Miền Đông Nam bộ cũng là nơi mở màn cho việc đánh quân viễn chinh Mỹ. Đất Cuộc, Củ Chi, Đại An, nơi diễn ra những trận đánh Mỹ đầu tiên để qua đó, Trung ương, Trung ương Cục, Quân ủy Miền khẳng định ta hoàn toàn có khả năng đánh Mỹ và thắng Mỹ. Miền Đông, nơi ra đời phương châm “bám thắt lưng Mỹ mà đánh” và là chiến trường thực tiễn để Trung ương tổng kết ra 6 phương thức đánh Mỹ trên chiến trường miền Nam. Miền Đông Nam bộ là chiến trường đánh bại các cuộc hành quân quy mô lớn của quân Mỹ trong hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965-1966; 1966-1967); đồng thời miền Đông Nam bộ là trọng điểm của cuộc tiến công nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, đánh sâu vào đầu não, cơ quan chỉ huy, căn cứ kho tàng của Mỹ - ngụy, góp phần to lớn làm lên thất bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ.

Trong giai đoạn chiến tranh “Việt Nam hóa”, miền Đông Nam bộ là chiến trường vô cùng ác liệt, gian khổ và nhiều hy sinh. Đảng bộ các tỉnh, các phân khu đã kiên cường trụ bám đánh phá bình định, đồng thời phối hợp cùng đánh phá các cuộc hành quân càn quét lấn chiếm biên giới; thực hiện các chiến dịch phản công và với chiến dịch Nguyễn Huệ đã mở rộng quyền làm chủ, góp phần to lớn cho thắng lợi của Hiệp định Pari. Miền Đông trở thành thủ đô của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, căn cứ của Quận ủy và Bộ Tư lệnh miền Nam (Tà Thiết, Lộc Ninh).

Trong chiến dịch mùa khô 1974 -1975, miền Đông Nam bộ là nơi diễn ra đòn trinh sát chiến lược đường 14 – Đồng Xoài, lần đầu tiên giải phóng một tỉnh (Phước Long) của địch ở miền Nam, góp phần to lớn để Trung ương hạ quyết tâm nhanh chóng giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975. Miền Đông cũng là nơi diễn ra trận quyết chiến chiến lược cuối cùng với địch bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh thần tốc, táo bạo, dũng mãnh để làm nên chiến thắng lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Những chiến công chói lọi của Đảng bộ quân dân miền Đông Nam bộ trong suốt 30 năm chiến tranh giải phóng đã ghi đậm truyền thống “Miền Đông gian lao mà anh dũng” đồng thời để lại những bài học kinh nghiệm thực tiễn vô cùng quý báu.

Một là, Đảng bộ miền Đông Nam bộ đã vận dụng sáng tạo, linh hoạt đường lối cách mạng của Trung ương, Trung ương Cục vào thực tế chiến trường để vượt qua những khó khăn, thử thách thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị được giao.

Ngay thời kỳ đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng bộ miền Đông Nam bộ xác định được tính chất đặc điểm của chiến trường của chiến trường đã nhanh chóng tập hợp lực lượng, xây dựng căn cứ địa để kháng chiến lâu dài. Trong điều kiện Đảng Cộng sản tuyên bố “tự giải tán”, các Đảng bộ ở miền Đông Nam Bộ bằng các hình thức khác nhau vẫn bảo đảm vai trò Đảng lãnh đạo kháng chiến, không bỏ trận địa lãnh đạo của mình, vẫn giữ vững ngọn cờ độc lập dân tộc, phát triển các lực lượng cách mạng.

Là vùng đất phức tạp nhiều tôn giáo, dân tộc, Đảng bộ miền Đông Nam bộ đã vận dụng linh hoạt đường lối vận động đoàn kết tập hợp giáo dân, cộng đồng các dân tộc nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc. Trong quá trình chỉ đạo, Đảng bộ đã từng bước khắc phục khuyết điểm “ấu trĩ, tả khuynh”, biết vận dụng sách lược một cách linh hoạt, đánh bại âm mưu dùng chiêu bài dân tộc, tôn giáo để chia rẽ dân tộc, chia rẽ kháng chiến của thực dân, đoàn kết được mọi tầng lớp, giai cấp, dân tộc, tôn giáo để kháng chiến.

Trong kháng chiến chống Mỹ, lợi dụng mâu thuẫn giữa bọn tay sai thân Mỹ và thân Pháp, Đảng bộ miền Đông Nam bộ từng bước hình thành lực lượng vũ trang, hỗ trợ tích cực cho đấu tranh chính trị, biết sử dụng những hình thức công khai, bán công khai, đặc biệt là dùng báo chí để tố cáo hành động xâm lược của Mỹ, bảo vệ quyền hợp pháp của quần chúng nhân dân. Đặc biệt, Đảng bộ đã vận dụng “Đề cương đường lối cách mạng miền Nam”, thực hiện những đòn tiến công vũ trang (danh nghĩa giáo phái) kết hợp tuyên truyền gây được tiếng vang trong dư luận, củng cố bổ sung được

lực lượng. Những trận Minh Thạnh, Dầu Tiếng, Nhà Xanh thể hiện tinh thần linh hoạt của Đảng bộ miền Đông Nam bộ trong giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Đảng bộ miền Đông Nam bộ đã vận dụng thuần nhuyễn việc kết hợp hai lực lượng vũ trang chủ lực với bộ đội địa phương, dân quân du kích, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, binh vận, tạo thành thế trận chiến tranh nhân dân đánh bại các kế hoạch bình định, lập ấp chiến lược của địch. Đồng thời xác định tính chất vị trí chiến lược của địa bàn, Đảng bộ đề ra được các hình thức đấu tranh thích hợp với từng vùng đô thị, rừng núi đồng bằng và đô thị. Đặc biệt khi đối đầu với lực lượng quân viễn chinh Mỹ và chư hầu, qua thực tế chiến trường, Đảng bộ miền Đông Nam bộ góp phần quan trọng hình thành cách đánh “bám thắt lưng Mỹ”, đóng góp nhất định giúp Trung ương Cục, Quân ủy Miền đề ra 6 phương thức đánh Mỹ trên chiến trường.

Khi địch mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương, Đảng bộ miền Đông Nam bộ một mặt chỉ đạo lực lượng bám trụ chiến đấu khắc phục để vươn lên; mặt khác đưa lực lượng hỗ trợ bạn làm thất bại mọi âm mưu mở rộng chiến tranh, thực hành chiến dịch Nguyễn Huệ, tạo điều kiện cho các lực lượng nội địa nhanh chóng khôi phục và phát triển, góp phần buộc đế quốc Mỹ xuống thang chiến tranh, ngồi vào bàn đàm phán tại Pari.

Trong cuộc tiến công nổi dậy Mậu Thân 1968 và giai đoạn cuối cuộc chiến tranh, Đảng bộ miền Đông Nam bộ đã nhanh chóng thoát khỏi tình trạng lúng túng trong phương châm phương thức tác chiến, thực hiện đòn tiến công trinh sát đường 14 – Phước Long, tạo thêm thực tiễn để Bộ Chính trị bổ sung quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975. Và với thế bố trí chiến lược hợp lý, tạo thành 5 mũi bao vây tiến công địch trong các đô thị và cuối cùng giành thắng lợi chọn vẹn.

Hai là, Đảng bộ miền Đông Nam bộ đã thực hiện tốt truyền thống đoàn kết toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, chịu đựng mọi gian khổ hy sinh, một lòng chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn.

Miền Đông Nam bộ là nơi có thủ phủ Sài Gòn của ngụy quyền, là nơi có 3 vùng chiến lược (đô thị, nông thôn đồng bằng và rừng núi). Ngay từ đầu cuộc kháng chiến, Đảng bộ miền Đông Nam bộ đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền tập hợp toàn dân. Với những tổ chức mặt trận Việt Minh, Mặt trận Dân tộc giải phóng, các tổ chức quần chúng kháng chiến và cách mạng, Đảng bộ miền Đông Nam bộ đã tập hợp mọi tầng lớp giai cấp từ công nhân, nông dân trí thức, học sinh, tu sĩ...không phân biệt người tại chỗ hay người nơi khác đến, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, gái trai, tất

cả tạo thành mặt trận chung hăng hái kháng chiến. Trong thế trận nhân dân đó, đội ngũ công nhân đồn điền cao su miền Đông Nam Bộ, trí thức học sinh trong các đô thị, dân tộc ít người cùng với lực lượng đông đảo là nông dân các tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa, Tây Ninh, Bình Long, Phước Long... chiếm một vị trí quan trọng trong cuộc kháng chiến.

Xác định được mục tiêu kháng chiến, lý tưởng giải phóng dân tộc, toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân miền Đông Nam bộ đã kiên cường bám trụ, vượt qua biết bao khó khăn thử thách và gian lao, từ những cơn sốt rét rừng ác nghiệt, đến những lúc thiếu muối ăn, chịu đựng và vượt qua trận bão lụt Nhâm Thìn 1952... Trong chống Mỹ, dù kẻ thù thực hiện khủng bố trắng, thực hiện tố cộng, không ít cán bộ, đảng viên, người yêu nước đã ngã xuống, nhưng những chiến sĩ cộng sản và đồng đảo đồng bào yêu nước dù trải qua biết bao nhà lao, những cực hình tra tấn tàn bạo của kẻ thù, vẫn kiên gan vì cách mạng.

Niềm tin vào Đảng, vào Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, vào mục tiêu giải phóng dân tộc chính là sức mạnh để làm nên “miền Đông gian lao mà anh dũng”, “đất thép Củ Chi”, “Tam giác sắt”, “chiến khi trên nước mặn”, những vành đai diệt Mỹ ở Rạch Kiến, Biên Hòa, “Long An trung dũng kiên cường ...”. Tất cả đã đi vào sử xanh như một biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.

Ba là, Đảng bộ miền Đông Nam bộ đã thành công trong việc tổ chức xây dựng căn cứ địa cách mạng, hậu phương tại chỗ làm chỗ dựa vững chắc cho các lực lượng kháng chiến, tạo điều kiện tốt cho việc triển khai các binh đoàn chủ lực của Trung ương, của Miền giành thắng lợi quyết định.

Xây dựng hậu phương căn cứ địa là một trong những phương thức tiến hành chiến tranh cách mạng và giải phóng. Ngay trước khi kháng chiến chống Pháp nổ ra, Đảng bộ miền Đông Nam bộ đã đặt vấn đề xây dựng căn cứ địa.

Chiến khu Đ của miền Đông Nam bộ hình thành từ đầu năm 1946 với hệ thống bố trí quy hoạch các cơ quan đơn vị chiến đấu, sản xuất, thế bố phòng, bảo vệ chu đáo đã trở thành hậu phương tại chỗ của miền Đông Nam bộ. Trong quá trình kháng chiến, Chiến khu Đ ngày càng được hoàn thiện và mở rộng, vượt qua sông Bé, sông Đồng Nai phát triển về phía đông và bắc, mở rộng lên giáp đường 14 và biên giới Campuchia. Trong kháng chiến chống Mỹ, Chiến khu Đ được mở rộng thành khu A với những tuyến đường giao liên lối liền với Chiến khu Dương Minh Châu (Tây Ninh), căn cứ Trung ương Cục miền Nam (Bắc Tây Ninh).

Ngoài Chiến khu Đ, Đảng bộ miền Đông Nam bộ còn chỉ đạo xây dựng căn cứ trên rừng ngập mặn, tức Rừng Sác ở phía Nam Sài Gòn, nơi đứng chân các của các chiến sĩ đặc công Đoàn 10 anh hùng. Cùng hai căn cứ địa lớn này, những căn cứ như Trà Vông, Long Nguyên, Minh Đạm, Xuyên Phước Cơ, Vườn Thơm, Bà Vù... cùng liên kết tạo thành một hệ thống căn cứ địa rộng lớn hiểm trở, nối liền với cực Nam Trung bộ, Nam Tây Nguyên và nối thông với tuyến đường Trường Sơn – Hồ Chí Minh huyền thoại, bảo đảm tiếp nhận hành chi viện chiến lược từ hậu phương lớn miền Bắc.

Những căn cứ địa, chiến khu cách mạng này không chỉ là nơi đứng chân của cơ quan lãnh đạo Khu ủy, Bộ tư lệnh quân khu, các cơ quan kháng chiến của khu, và các tỉnh miền Đông Nam bộ, mà còn là nơi luyện quân, huấn luyện cán bộ, bảo đảm đội ngũ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ kiên định lý tưởng, phẩm chất chính trị, hoàn thành cách nhiệm vụ, mà còn là nơi sản xuất vũ khí, lương thực, đáp ứng một phần quan trọng cho nhu cầu kháng chiến.

Tuy nhiên, quan trọng hơn, xuất phát từ quan điểm “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, trong các giai đoạn kháng chiến, Đảng bộ miền Đông Nam bộ đều xác định chính “căn cứ lòng dân” mới là hậu phương cơ bản nhất. Trên cơ sở xây dựng các chi bộ bí mật trong vùng địch tạm chiếm, với những đoàn thể cách mạng kháng chiến như Mặt trận, Thanh niên, Phụ nữ... đội ngũ đảng viên, cán bộ, cơ sở cách mạng đã hình thành được những lổm căn cứ, căn cứ bí mật bên trong có đủ bản lĩnh và tin cậy giúp cán bộ, chiến sĩ ta bám trụ, hoạt động công khai trong lòng địch. Từ những cửa khẩu, căn cứ lòng dân này, hành hóa, lương thực, những thiết bị cần thiết cho kháng chiến đều được chuyển ra an toàn bí mật, hoặc công khai hợp pháp, huy động được sức mạnh toàn dân để đáp ứng yêu cầu kháng chiến lâu dài.

Bốn là, Đảng bộ miền Đông Nam bộ biết sử dụng nhữn hình thức, phương pháp tiến hành chiến tranh thích hợp, nghệ thuật quân sự đúng đắn trên cơ sở phát huy trí tuệ tập thể của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân.

Trong từng giai đoạn, căn cứ vào thực tế đấu tranh, Đảng bộ miền Đông Nam bộ đã tập hợp quần chúng nhân dân thành hai lực lượng vũ trang và chính trị, lấy cơ sở chính trị làm nòng cốt để xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang. Tùy từng vùng chiến lược và tùy vào giai đoạn kháng chiến, Đảng bộ miền Đông Nam bộ xác định hình thức đấu tranh nào là chính. Tuy nhiên, trong đấu tranh luôn biết kết hợp giữa hai lực lượng và hai hình thức đấu tranh này.

Chính quá trình kết hợp hai hình thức và hai lực lượng đấu tranh, Đảng bộ miền Đông Nam bộ đã sáng tạo nên cách đánh độc đáo “kết hợp ba mũi giáp công”, tức kết hợp 3 lực lượng vũ trang – chính trị - binh vận tạo thành sức mạnh tổng hợp đánh bại địch. Hình thức của ba mũi giáp công cũng vận dụng rất linh hoạt, có khi chỉ biểu hiện trong một người. Người nông dân (đặc biệt là phụ nữ) có khi vừa tham gia đấu tranh chính trị trực diện với kẻ địch, cũng có thể trở thành du kích tấn công địch, khi cần thiết là người tấn công binh vận có hiệu quả.

Tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công là quá trình thực hành chiến đấu thường xuyên kết hợp giữa lực lượng vũ trang và phong trào cách mạng quần chúng ở miền Đông Nam bộ. Tiến công vũ trang làm cơ sở hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, ngược lại phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân với hình thức bao vây vận động, cô lập địch lại tạo điều kiện cho vũ trang bức hàng, bức rút đồn bốt địch. Sự kết hợp hai chân, ba mũi trên chiến trường miền Đông Nam bộ là sự thể hiện của chiến tranh nhân dân, phát huy được sức mạnh tổng hợp của quần chúng nhân dân.

Miền Đông còn tiêu biểu với hình thức chiến tranh du kích kết hợp chặt chẽ với chiến tranh chính quy, tạo điều kiện phát triển lực lượng vũ trang chính quy. Những trận đánh vũ trang mang tính chất du kích trong những năm đầu chống Mỹ chính là điều kiện để phát triển phong trào Đồng khởi năm 1960. Chiến tranh du kích với thế bố trí phù hợp bằng hình thức địa đạo, ô ụ chiến đấu, hình thức bố trí xã ấp chiến đấu với giao thông hào, mìn gài, hầm chông, hố đinh... góp phần đánh bại nhiều cuộc can quét của địch với lực lượng lớn, bảo vệ căn cứ và vùng giải phóng.

Nhiều hình thức tác chiến đã được vận dụng linh hoạt trên chiến trường miền Đông Nam bộ: Tác chiến du kích độc lập, tập kích bằng pháo binh, pháo đặc công, kết hợp bộ binh với đặc công tạo cửa mở, đánh bằng nội tuyến, mở những chiến dịch nhỏ liên tục kết hợp với những chiến dịch tổng hợp quy mô lớn, đánh dài ngày diệt nhiều sinh lực địch. Miền Đông nổi lên với cách đánh đặc công bí mật, bất ngờ, táo bạo là nỗi kinh hoàng của kẻ thù. Những chiến thắng sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất, căn cứ lớn như tổng kho Long Bình, Thành Tuy Hạ, Nước Trong, Đồng Dù, Lai Khê, Bà Rá, núi Bà Đen, Vũng Tàu, Nhà Bè, Long Tàu... góp phần diệt một khối lượng lớn thiết bị phương tiện chiến tranh hiện đại của kẻ thù, chi viện và chia lửa rất đặc lực cho các chiến trường khác.

*

* *

Từ đại thắng mùa Xuân lịch sử 1975, cả nước thống nhất và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI với đường lối đổi mới toàn diện đã từng bước đưa đất nước ta thoát khỏi đói nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho toàn dân.

Ngày nay, trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, miền Đông Nam bộ được Trung ương xác định là khu vực trọng điểm kinh tế phía Nam. Với tính năng động trong kinh tế; với truyền thống “miền Đông gian lao mà anh dũng” trong chiến đấu, ngày nay miền Đông Nam bộ đang trở thành một trong những lá cờ đầu của công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Truyền thống kháng chiến, đấu tranh cách mạng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc mãi mãi là nguồn động viên, là sức mạnh để các Đảng bộ miền Đông Nam Bộ và nhân dân phấn đấu vươn lên hoàn thành nhiệm vụ, cùng cả nước xây dựng một Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, văn minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. SÁCH

1. Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, 2001, 2002, tập 7, 8, 12, 22.
2. Văn kiện Đảng về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tập 1,2, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1998.
3. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 200, tập 4, 10, 12.
4. Văn kiện quân sự Đảng, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997, tập III.
5. Võ Nguyên Giáp, Mấy vấn đề về đường lối quân sự của Đảng, Viện Khoa học Quân sự, xuất bản, 1974.
6. Biên niên Xứ ủy và Trung ương Cục, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
7. Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc bộ Chính trị: Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi và bài học, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
8. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc bộ Chính trị: Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước – thắng lợi và bài học, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
9. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tập II.
10. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993.
11. Viện lịch sử quân sự Việt Nam: Lịch sử chống thực dân Pháp (1945-1954), tập 1, tập 2, Nxb, Hà Nội Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994.
12. Viện lịch sử quân sự Việt Nam: Lịch sử chống Mỹ cứu nước (1945-1975), tập 1, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
13. Trần Văn Giàu (chủ biên): Mùa thu rồi ngày hăm ba, tập 1, 2, 3, 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
14. Trần Bạch Đằng (chủ biên): Chung một bóng cờ, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993.
15. Viện Lịch sử Đảng Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh: Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.

16. Bộ phận thường trực Ban nghiên cứu tổng kết lịch sử Công an nhân dân phía Nam: Công an Nam Bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 1993.
17. Phong trào công nhân, lao động và hoạt động công đoàn giải phóng miền Nam Việt Nam (1954-1975), Nxb Lao động, Hà Nội, 1993.
18. Cao Văn Lượng: Công nhân miền Nam Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), Nxb Khoa học xã hội chủ nghĩa, Hà Nội, 1977.
19. Công đoàn cao su Việt Nam: Lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam (1960-1990), Nxb Trẻ, 1993.
20. Tổ sử Phụ nữ Nam Bộ: Truyền thống cách mạng của phụ nữ Nam Bộ thành đồng, Nhà truyền thống Nam Bộ, xuất bản 1989.
21. Đảng ủy – Bộ Tư lệnh Quân khu 7: Công tác Đảng công tác chính trị lực lượng vũ trang Quân khu 7 (biên niên), Nxb Quân đội nhân dân, tập 1 (1990), tập 2 (1993).
22. Hồ Sơn Đài: Chiến khu ở miền Đông Nam Bộ (1945-1954), Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1996.
23. Trần Thị Nhung: Căn cứ địa kháng chiến chống Mỹ ở miền Đông Nam Bộ (1954-1975), Luận án tiến sĩ sử học, Viện Khoa học xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hồ Chí Minh, 2002.
24. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh: Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tập 1 (1995), tập 2 (2000).
25. Ban tổng kết chiến tranh Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh: Lịch sử Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định kháng chiến (1945-1975), Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1994.
26. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tập 1, 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
27. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Lịch Sử Bà Rịa – Vũng Tàu kháng chiến (1945-1954) tập 1, 2, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995.
28. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước: Lịch Sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước (1930 -1975), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước, 2000.
29. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước: Lịch Sử Bình Phước kháng chiến (1945 -1975), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

30. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai (1930-1995), Nxb Đồng Nai, tập 1 (1997), tập 2 (1999).
 31. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai: Đồng Nai 30 chiến tranh giải phóng (1945-1975), Nxb Đồng Nai, 1986.
 32. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Long An: Sơ thảo lịch sử Đảng bộ tỉnh Long An, tập 1, Nxb Long An, 1991.
 33. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Long An: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Long An (1930-2000), tái bản đánh máy, lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Long An, 2002.
 34. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương (1930-1975), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
 35. Cao Hùng: Sông Bé, lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945-1975, Nxb Sông Bé, 1990.
 36. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Tây Ninh : Sơ thảo lịch sử Đảng bộ Tây Ninh, tập 1, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh, 1981.
 37. Ban Tổng kết chiến tranh tỉnh Tây Ninh: Tây Ninh 30 năm trung dũng kiên cường (1945-1975), Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tây Ninh, 1990.
 38. Bfuyeenx Đình Đầu: Tổng kết nghiên cứu địa bạ Nam Kỳ lục tỉnh, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1994.
 39. Yves Grass: Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương, Nxb Plon, Paris, 1979, bản dịch Viện lịch sử quân sự Việt Nam.
 40. Philippe, Devillers: Páí – Sài Gòn – Hà Nội, tài liệu lưu trữ của cuộc chiến tranh 1944-1977, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.
- Andre Teuliers: Cuộc chiến tranh Việt Nam (1954-1975), Bản dịch thư viện quân đội, T/84- 10.690.
41. Tài liệu mật Lầu Năm Góc – Bộ Quốc phòng Mỹ, VNTTX phát hành, 1971.
 42. Giô Delp A. Amto: Lời phán quyết về Việt Nam, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985.
 43. Robert McNamara: Nhìn lại quá khứ - tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam, Nxb chtr quốc gia, hn, 1995.
 44. Westmoreland: Tường trình của một quân nhân, Nxb Trẻ, 1988.

II. TÀI LIỆU

1. Văn bản nghị quyết, chỉ thị, biên bản Hà Nội, báo cáo lưu tại:

- + Lưu trữ Văn phòng tiểu đoàn
- + Lưu trữ Viện Lịch sử Đảng Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- + Lưu trữ Bộ Quốc phòng
- + Lưu trữ Bộ Công an
- + Lưu trữ Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam
- + Lưu trữ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
- + Trung tâm Lưu trữ quốc gia II
- + Trung tâm Lưu trữ quốc gia III

1. Tư liệu khảo sát điền dã, biên bản hội thảo tọa đàm lịch sử, lời kể nhân chứng, hồi ký chưa xuất bản lưu tại

- + Phòng Khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7
- + Phòng Lịch sử Đảng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy các tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Long An, Tây Ninh.

2. Ý kiến đóng góp sửa chữa, bổ sung của các đồng chí lão thành cách mạng:

Trần Xuân Độ, Mai Chí Thọ, Trần Văn Trà, Cao Đăng Chiếm, Bùi Thiện Ngộ, Phạm Văn Xô, Tô Ký, Lê Đình Nhơn, Tiêu Như Thủy, Phan Văn Lâm, Nguyễn Văn Hải, Phạm Văn, Ngô Quang Nghĩa, Lê Quang Thành, Nguyễn Kế Hoa, Lê Văn Thâm, Vũ Ba, Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Nguyễn Văn Thông, Võ Văn Lượng, Lê Văn Triết, Nguyễn Trọng Tâm, Nguyễn Hải, Võ Văn Khánh, Lê Thành Công, Nguyễn Văn Chiểu, Phan Văn Nhẫn, Nguyễn Văn Chính...